

ĐẶC SAN LUẬT KHOA 2022

Đại Gia Đình Luật Khoa Việt Nam Thăng Trầm Theo Vận Nước



GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALIFORNIA

Nhạc Cảnh Nhà Việt Nam - Hội Ngộ Mùa Thu Bắc California Kỳ IX-2018



Ban Giám Khảo



Chánh Án Trần Văn Linh & Thẩm Phán



Hội Ngộ Mùa Thu Bắc CA. Kỳ X -2019



Lễ Tốt Nghiệp Cử Nhân
LK Cần Thơ 1970-1974



Hội Ngộ Mùa Xuân
Câu Lạc Bộ VN-Houston Texas



Di Tàn
tại Tòa
Đại Sứ
Hoa Kỳ

www.luatkhoasanjose.com * hoingoluatkhoa@yahoo.com

MỤC LỤC

- 3- Lời Phi Lộ..... Ban Báo Chí
5- Quốc Ca VNCH.....Luu Hữu Phước
6- Hội Ngộ Mùa Thu..... Mai Tinh Tuấn
7- Luật Khoa VN hành khúcLs Võ Văn Dinh
8- Gia đình LK thăng trầm. Nguyễn Vạn Bình
14 - 41: Một thời Kỷ NiệmNguyễn Vạn Bình
42- Tưởng nhớ các GS, TP, LS ..Nguyễn Vạn Bình
44- Thơ: Nhớ Mẹ yêuNguyễn Vạn Thắng
45- Thánh lễ cho Gs Thúc Ý Dân
49- Thơ: Ngày giỗ Mẹ.....Nguyễn Vạn Thắng
50- Bài về Gs Thúc.....LM Lê Trung Tường
53- Thơ: Thăm mộ ChaNguyễn Vạn Thắng
54- Đại học Luật Sài Gòn
Nguyễn Văn Cung và Nguyễn Văn Thắng
62 - Đại Học Luật Huế Ls Trần Minh Lợi
66- Thơ: Nhìn bên trong.....Thiền Nhân
67- Viện Đại Học Cần ThơSuru Tầm
74- TCPV của VNCHBách Khoa Toàn Thư
76- Danh sách các Thẩm Phán.....TP Lê Thế Hiển
80- Nhìn lại nền Tư Pháp VN.....TP Ngô Bút
85- Về Gs Thúc...Gs Nguyễn Văn Canh
92- Cảm nghĩ về Gs Thúc.....Nguyễn Đức Cường
93- Những ý thức hệ tại VNCH.....Gs Bửu Lịch
97- Vai trò của Luật SưLs Hồ Tri Châu
99-Thơ: Quà cho Mẹ ChaNguyễn Vạn Thắng
100- TP Bùi Đình TuyênLs Lê Duy San
104- Tuổi thơ trong thời chiến.....Lê Trung Hiếu
111 Pháp đình Sài Gòn.....TP Lê Thế Hiển
114- Nhạc: Người tình LKLs Võ Văn Dinh
116 - Nhạc:Ngày trở về.....Ls Võ Văn Dinh
118 - Di cư vào Nam Ls Đoàn Thanh Liêm
121- 20/7 Ngày Quốc Hận hồng..... TP Trần An Bài
125- Giải tòa h. t HCM.....Ls Nguyễn Hữu Thống
131-Viện ĐH HuếGs Nguyễn Văn Trường
141- Lá Thơ “Lý Bá Sơ”.....Ls Ngô Văn Tiệp
146- Tam quyền ,,.....Nguyễn Vạn Bình
149- Không có quốc tịchNguyễn Vạn Bình
151- Nhạc: Con đường tình.....Mai Tinh Tuấn
152- Hồi ức về nơi phố thị.....Lê Đình Cai
155- Tình yêu và hôn nhân..... Ls Ngô Tăng Giao
159- Nguyễn.N.Bích...Ls Nguyễn Ngọc Anh Trang
164- Thơ: Hững Hờ.....Nguyễn Vạn An
165- Thế sự Ukraine.....Ls Nguyễn Văn Định
168- Thơ:Bạn và TôiTế Nhị & Nguyễn Vạn An
169- Trường Học, Tr. Đồi...Gs Nguyễn Văn Tương
172 - Gs Nguyễn Xuân Vinh ...Nguyễn Tường Tâm
177- Thơ: Để có Em..... Nguyễn Vạn An
178- Kitô hữuGs Nguyễn Chính Kết
182- Thơ: Xa rêu mùa Hạ.....Nguyễn Vạn Thắng
183- Du thuyền trên sông.....Nguyễn Vạn Bình
187- Phá Thai.....Nguyễn Vạn Bình
190- Thơ: Em Hà Nội.....Nguyễn Vạn Thắng
191- Kỷ niệm về các khoa trường..... Lê Đình Cai
197- Thực chất chiến dịch..... Ls Thiện Ý
199- Thơ: Tạm Chia Tay.....Nguyễn Vạn An
200- Mất biếc và trường Luật.....Ls Lê Công Tâm
203- Ảnh hưởng phép bí tịch... Nguyễn Vạn Bình

LỜI PHI LỘ



Kính thưa quý giáo sư
cùng các anh chị đồng môn Luật Khoa Sài Gòn - Huế - Cần Thơ thân mến,

Như mọi năm, chúng tôi cố gắng phát hành Đặc San Luật Khoa năm 2022, dù dưới hình thức on line thay vì in thành sách.

Chủ đề của đặc san năm 2022 là: “**Đại Gia Đình Luật Khoa VN Thăng Trầm Theo Vận Nước**”

Vì thế, ước vọng của chúng tôi là qua quyển Đặc San Luật Khoa này với nội dung gồm những tài liệu quý báu, những hình ảnh lưu niệm về ngôi trường, của các giáo sư đáng kính, các bạn đồng môn thân yêu, các vị thẩm phán, các luật sư với những hồi tưởng về sự thăng trầm của Đại Gia Đình Luật Khoa Việt Nam theo vận nước.

Thêm vào đó, những bài viết dưới dạng hồi ký, tùy bút, tham luận, sưu tầm, truyện ngắn, thơ, nhạc của các vị giáo sư, các thẩm phán, các luật sư, các cựu sinh viên Luật và các thân hữu sẽ giúp cho đặc san Luật Khoa thêm phong phú.

Chúng tôi hy vọng Đặc San Luật Khoa năm 2022 sẽ được các vị giáo sư, các anh chị đồng môn và thân hữu đón tiếp nồng hậu.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ quý giáo sư, quý đồng môn, các thân hữu đã đóng góp bài vở, hình ảnh, tài liệu để chúng tôi có dịp ra mắt đặc san này.

Trân trọng

San Jose, ngày 3-10 -2022

Ban Báo Chí và Ban Mỹ Thuật
NGUYỄN VĂN BÌNH - MÃ PHƯƠNG LIỄU
CAO ÁNH NGUYỆT - QUÁCH HUỆ ANH



Các giáo sư và các sinh viên Luật Khoa Sài Gòn



Các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali.



Quốc ca Việt Nam Cộng Hòa

Độc Lập từ năm 1956

Đệ Nhất và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa

Nhịp Quân Hành

Này công dân ơi! Quốc
gia đến ngày giải phóng. Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân
sống! Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên, Làm
sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dầu cho thây phơi trên gươm
giáo, Thù nước lấy máu đào đem báo. Nòi giống lúc
biến phải cần giải nguy, Người công dân luôn vững bền tâm trí, Hùng
tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi Vang tiếng người nước
Nam cho đến muôn đời! Công dân ơi! Mau hiến thân dưới
cờ! Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ Thoát cơn tàn phá, về
vang đời sống, Xưng danh ngàn năm dòng giống Lạc Hồng.

HỘI NGỘ MÙA THU

Mai Tinh Tuấn



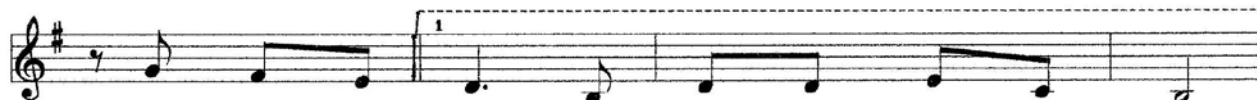
Hội Ngộ Mùa Thu về đây chúng ta kết đoàn.
(Hội Ngộ Mùa) Thu là nơi chúng ta sum vầy.



Hợp mặt tình thân Luật Khoa ba trường thân mến
Hợp mặt Luật Khoa tựa như gia đình thân ái.



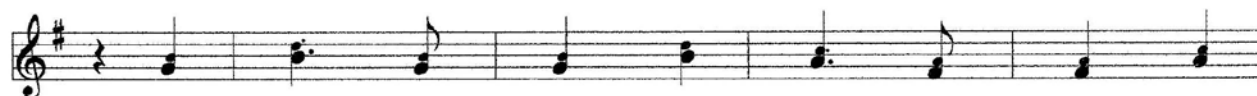
Sài Gòn cùng Huế mộng mơ, đồng hành cùng với Cần Thơ.
Tình thầy trò cũ hàn huyên, tình bạn đồng lớp, đồng môn.



Nắm tay kết đoàn mừng vui giây phút tương phùng.
Biết bao kỷ



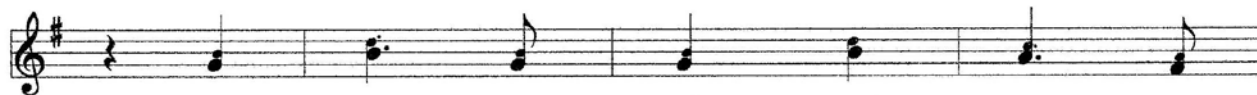
Hội ngộ mùa... niệm, đẹp thay ôi thời gấm hoa.



Luật khoa đào tạo chúng ta, nhiệt thành thiết



tha: Yêu quê hương, yêu tự do, công bằng nhân ái.



Dựng xây rạng ngời Nước Nam, ngàn



đời về vang. Danh tiếng Rừng Tiên.

Luật Khoa Việt Nam

Hành Khúc

Nhạc và lời: Võ Văn Đình

The musical score is written in 2/4 time and consists of 24 measures. It features a melody line and a bass line. The lyrics are in Vietnamese and describe the spirit of the Vietnam Science Law. The score includes various musical notations such as notes, rests, and dynamic markings like 'Fine'.

Luật Khoa Việt Nam quyết chí chúng ta đứng lên. Cùng nhau làm cho vẻ
Nào Luật Khoa tiến Tiến lên tiến lên Nào cùng làm
vang giống nòi Tiên Rồng Ngày mai mọi nơi yêu thương Công Bằng Nhân Ái.
cho vẻ vang giống nòi. Mọi nơi yêu thương nhân loại là
Ánh Vinh Quang Luật Khoa Việt Nam Luật Khoa tiến
Ánh Vinh Quang. Ánh Vinh Quang Luật Khoa Việt Nam Luật Khoa tiến
Tiến lên cho đời rạng ngời Công Lý. sáng danh Nhân Quyền
Tiến cho đời rạng Công Lý sáng Nhân Quyền.
Luật Khoa Thắng quyết tâm chiến thắng bạo tàn Ánh Vinh Quang
Luật Khoa thắng. quyết tâm chiến thắng Ánh Vinh Quang muôn đời
Muôn đời sáng soi Ánh Vinh Quang Muôn đời sáng soi
Muôn đời Vinh Quang sáng soi/-

ĐẠI GIA ĐÌNH LUẬT KHOA VIỆT NAM THĂNG TRẦM THEO VẬN NƯỚC



NGUYỄN VĂN BÌNH

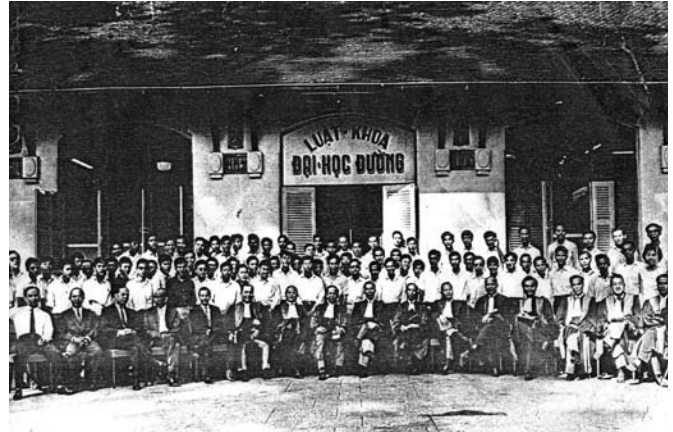
Đại gia đình Luật Khoa Việt Nam gồm các giáo sư, các luật gia, các thẩm phán, các luật sư cùng nhiều sinh viên luật và các trường luật Saigon, Huế, Cần Thơ, các tòa án đã có những giai đoạn thăng trầm theo vận mệnh của Miền Nam Việt Nam.

Bài viết này, chúng tôi chỉ sơ lược sự thăng trầm của Đại Gia Đình Luật Khoa qua các biến cố chính trị đã xảy ra cho Miền Nam Việt Nam. Những chi tiết về sự thăng trầm này đã được trình bày qua những bài viết sâu sắc, giá trị của nhiều tác giả.

Hiệp Định Genève 20-7-1954 chia đôi đất nước lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh theo chế độ độc tài Cộng Sản. Miền Nam theo chế độ dân chủ, tự do dưới sự lãnh đạo của quốc trưởng Bảo Đại và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Nhưng sau đó, qua cuộc trưng cầu dân ý vào tháng 10-1955 quốc trưởng Bảo Đại bị truất phế và ông Ngô Đình Diệm được bầu làm Tổng Thống kể từ 26-10-1955. Một năm sau 26-10-1956, bản Hiến Pháp của Đệ Nhất Cộng Hòa được ra đời.

Qua sự chia đôi đất nước, vì không thể sống dưới chế độ cộng sản, một số các giáo sư, thẩm phán, luật sư, luật gia, sinh viên Luật đã di cư vào miền Nam tỵ nạn năm 1954. Trong số đó có các giáo sư Vũ Văn Mẫu, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Huy Chiêu, Vũ Quốc Thông, các luật sư Vũ Văn Hiến, Phan Anh, Trần Chánh Thành v.v...

Thời gian này, trường Luật ở Hà Nội cũng được di chuyển vào Sài Gòn. Trường đại học Luật Khoa Sài Gòn được chính phủ Ngô Đình Diệm cho



Trường Luật Sài Gòn



Trường Luật Sài Gòn

thành lập vào ngày 30-4-1955, có trụ sở tại 17 đường Duy Tân, Saigon. Các khoa trưởng đại học Luật Khoa Sài Gòn lần lượt là các Gs Vũ Văn Mẫu, Vũ Quốc Thúc, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Độ, Bùi Tường Chiêu và Vũ Quốc Thông. Trường Luật Sài Gòn đào tạo các sinh viên cho Ban Cử Nhân, Cao Học và Tiến Sĩ. Ban Cử Nhân khởi đầu học trình là 3 năm đến năm 1966 thì tăng lên 4 năm. Trường Luật Khoa Sài Gòn có 3 ban: Công Pháp, Tư Pháp và Kinh Tế. Số sinh viên được tăng dần theo thời gian. Vào năm 1970, số sinh viên ghi danh đã được 13 ngàn người cho Ban Cử Nhân. Chỉ trong vòng 20 năm từ ngày 30-4-1955 đến ngày 30-4-1975, tổng cộng số sinh viên ghi danh học Luật gần đến 60 ngàn người. Ban giảng huấn gồm nhiều giáo sư tên tuổi với văn bằng Thạc Sĩ, Tiến Sĩ cả ba ngành



Các giáo sư trường Luật Sài Gòn



Các sinh viên Luật Sài Gòn tốt nghiệp năm 1974



Từ trái: Các Gs Phan Tấn Chức, Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Cao Hách, Nguyễn Huy Chiêu, Vũ Quốc Thông

Công Pháp, Kinh Tế và Tư Pháp.

Đến năm 1957, trường đại học Luật Khoa Huế được thành lập trên đường Lê Lợi, Huế. Các vị Khoa Trưởng lần lượt gồm có các giáo sư Tăng Thị Thành Trai, Phan Văn Thiết, Bùi Tường Huân, Mai Văn Lễ và Nguyễn Sĩ Hải. Số sinh viên theo học ít hơn so với trường luật Sài Gòn. Trường Luật Huế đào tạo các sinh viên cho Ban Cử Nhân, muốn lấy bằng Cao Học hay Tiến Sĩ thì sinh viên phải vào Sài Gòn.

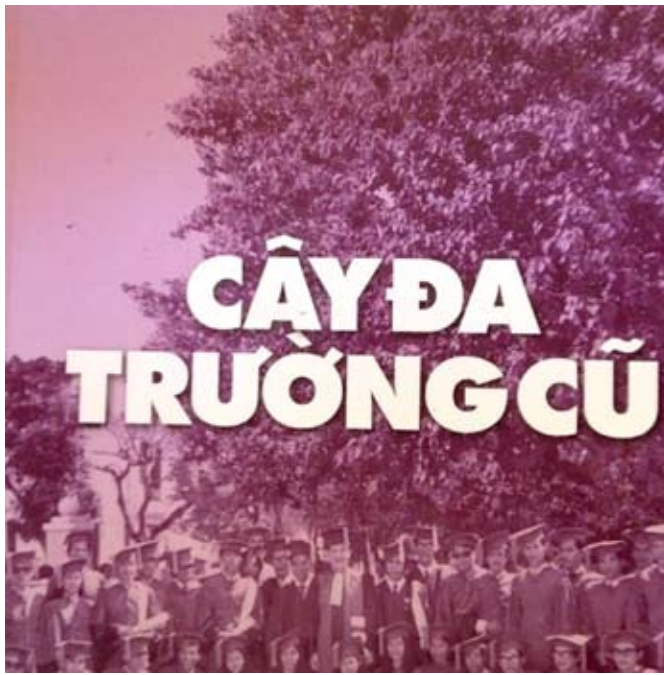
Sau cuộc đảo chính ngày 1-11-1963, Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ và giết hại. Sau những biến loạn do các tướng lãnh tranh quyền, đến thời của thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ, với tư cách Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương cho thành lập Viện Đại Học Cần Thơ, trong đó có đại học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội vào ngày 31-3-1966. Trường chỉ cấp văn bằng cử nhân Luật Khoa



Các sinh viên Luật Cần Thơ tốt nghiệp năm 1974 và Khoa Học Xã Hội (Kinh Tế). Trường áp dụng chế độ học Tín Chỉ. Mỗi tín chỉ gồm trên 30 giờ học lý thuyết. Sinh viên muốn theo học Cao Học và Tiến Sĩ phải lên Sài Gòn. Các vị khoa trưởng của đại học Luật Cần Thơ gồm có Gs Nguyễn Ngọc Huy, Gs Nguyễn Hữu Lành. Số sinh viên theo học trường Luật Cần Thơ khoảng vài ngàn người trong vòng 9 năm.

Thời gian từ năm 1954 đến ngày 30-4-1975, có thể nói đại gia đình Luật Khoa đã phát triển không ngừng trong Miền Nam Việt Nam, một quốc gia tự do, dân chủ và pháp trị.

Cả hai bản Hiến Pháp Đệ I Cộng Hòa ngày 26-10-1956 và Đệ II Cộng Hòa ngày 1-4-1967 được xem là tiến bộ, vì đã qui định một thể chế dân chủ,



Trường Luật Huế



Trường Luật Cần Thơ

tam quyền phân lập không thua kém gì so với các quốc gia tự do khác trên thế giới, đặc biệt là vượt trội giá trị so với bản Hiến Pháp có nhiều điều mâu thuẫn và thiếu dân chủ của Cộng Sản Việt Nam. Công trình soạn thảo hai bản Hiến Pháp này đã có sự đóng góp quý báu của các luật sư Trần Chánh Thành, Nguyễn Hữu Thống, Đinh Thành Châu v.v. tài giỏi, thông thạo luật hiến pháp và kinh nghiệm soạn thảo.

Nền Tư Pháp của VNCH qua hai nền Cộng Hòa đã được tổ chức một cách khá hoàn hảo. Hệ thống tư pháp của miền Nam đã qui định một cách hợp lý, hợp tình hầu đem lại công lý cho mọi người dân.



Tối Cao Pháp Viện

Tòa án đã qui định, quyền truy tố nghi can dành cho Biện Lý, Điều Tra sự việc dành cho Dự Thẩm, Biện Hộ dành cho Luật Sư và cuối cùng quyền Phán Quyết dành cho Thảm Phán Xử Án. Nhờ thế mà tránh được nhiều bản án sai lầm.

Hệ thống Tòa án dưới thời TT Ngô Đình Diệm tại các tỉnh chỉ có Tòa án Hòa Giải Rộng Quyền khi mà vị chánh án phải kiêm nhiệm luôn việc làm của Biện Lý và Dự Thẩm. Nhưng đến thời đệ II Cộng Hòa, các Tòa Hòa Giải Rộng Quyền đều được cải tiến thành Tòa Sơ Thảm với đầy đủ các vị Biện Lý, Dự Thẩm và Chánh Án.

Để bảo đảm tránh những phán quyết sai lầm của các tòa cấp dưới, hệ thống Tư Pháp của VNCH có thành lập các tòa án cấp cao hơn để đôi bên liên can có quyền kháng cáo lên Tòa Thượng Thảm Huế hay Sài Gòn và sau cùng là Tối Cao Pháp Viện. Tổng số các thảm phán tòa dân sự và quân sự có gần 200 thảm phán thuộc ngành xử án và công tố trải dài khắp các tỉnh của miền Nam Việt Nam.

Về Luật Sư Đoàn có Luật Sư Đoàn Tòa Thượng Thảm Sài Gòn gồm có vài trăm luật sư thiết thọ và cả ngàn luật sư tập sự. Riêng Luật Sư Đoàn Tòa Thượng Thảm Huế có vài trăm luật sư thiết thọ và tập sự.

Các thành viên của đại gia đình Luật Khoa cũng tham gia vào ngành Hành Pháp của VNCH. Chúng ta nhận thấy có Gs Vũ Văn Mậu làm Bộ Trưởng Ngoại Giao, Gs Vũ Quốc Thúc làm Quốc Vụ Khanh đặc trách Kinh Tế và Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia, Ls Trần Chánh Thành làm Bộ Trưởng Thông Tin, Ls Lâm Lễ Trinh làm Bộ Trưởng Nội Vụ, Ls Nguyễn Văn Lộc làm thủ tướng.



Tòa Sơ Thẩm và Thượng Thẩm Sài Gòn



Members of the new Supreme Court (from left: Justices Nguyen Van Binh, Tran Van Lich, Nguyen Meng Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Lien).

Các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện



Các thẩm phán Tòa Sơ Thẩm Sài Gòn



Các luật sư

Ls Trần Văn Tuyên làm Phó Thủ Tướng, thẩm phán Trang Sĩ Tấn làm Giám Đốc Nha Cảnh Sát Đô Thành, Gs Nguyễn Văn Canh và TP Trần An Bài dạy tại Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia, ông Trần Minh Công làm Viện Trưởng Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia v.v. cùng nhiều sinh viên Luật phục vụ trong mọi bộ, mọi ngành và ngay trong quân đội của VNCH.

Trong ngành Lập Pháp cả Hạ Viện và Thượng Viện đều có nhiều Luật sư làm Dân Biểu và Nghị Sĩ. Chúng tôi nhận thấy có các Ls Nguyễn Văn Huyền, Vũ Văn Mẫu, Trương Tiến Đạt, Nguyễn Văn Chức, Phạm Nam Sách, Đinh Thành Châu, Trần Minh Nhựt v.v..

Biến cố đau thương 30-4-1975 xảy ra khi Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm được Miền Nam VN, đại gia đình luật khoa VN đã gặp đại nạn. Các trường luật ở Huế, Sài Gòn và Cần Thơ đều bị đóng cửa. Một số các giáo sư như Vũ Quốc Thông, Bùi Tường Huân, Nguyễn Duy Xuân, Mai Văn Lễ, Nghiêm Xuân Việt v.v.. bị bắt đi tù. Nhiều thẩm phán thuộc Tối Cao Pháp Viện, Bộ Tư Pháp, thuộc hai tòa thượng thẩm Huế, Sài Gòn cùng các tòa sơ thẩm, cụ chương khế Nguyễn Bích Lưu và một số các luật sư như Trần Văn Tuyên, Nguyễn Lâm Sanh, Đoàn Thanh Liêm, Ngô Khắc Tĩnh, Lý Quốc Sinh, Ngô Văn Tiếp v.v. cũng không thoát cảnh tù tội.

Một số người ghi nhận đã chết trong lao tù của Cộng Sản gồm có các thẩm phán: Dương Đức Thụy, chánh nhất tòa thượng thẩm Sài Gòn, Phạm Văn Hiền, chánh nhất tòa thượng thẩm Huế, Vũ Tiến Tuân, chương lý của Tối Cao Pháp Viện, Lưu Đình Việp, chương lý tòa thượng thẩm Sài Gòn, Nguyễn Mạnh Nhụ, phó chương lý tòa thượng thẩm Sài Gòn, Nguyễn Ngọc Lôi, hội thẩm, các chánh án Trương Văn Trước, Vũ Trung Vịnh, Ngô Văn Vũ



Phiên xử án với phó chương lý Nguyễn Mạnh Nhụ



Phát bằng tiến sĩ cho TP Trần An Bài



Hội ngộ Luật Khoa toàn cầu năm 2010 tại Texas

Nguyễn Văn Doanh, Ngô Quý Thuyết v.v.. cùng các luật sư Trần Văn Tuyên, Lê Sĩ Giao v.v

Một số người đã chết trên đường đi vượt biên tìm tự do là Gs Nguyễn Hữu Lành, các TP Huỳnh Văn Ngãi, Tô Lai Chánh, Vương Quốc Cường, Nguyễn Thành Nhẫn, Cao Quang Chơn, Ls Đặng Như Kỳ, Ls Đàm Quang Đôn v.v..

Vì không chấp nhận chế độ Cộng Sản, một số đồng thành viên của đại gia đình Luật Khoa VN



Hội ngộ Luật Khoa tại Nam Cali.



Các thành viên của Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali.



Nhạc cảnh "Còn Gặp Nhau" do GĐLKBC tổ chức đã ra đi tỵ nạn tại nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Pháp, Úc, Canada, Đức v.v..

Một số các luật sư đã cố gắng học lại và đã hành nghề luật sư tại hải ngoại. Số đông các thành



Nhạc cảnh "Ghé Bến Sài Gòn"



Các giáo sư và các cựu sinh viên Luật họp mặt năm 2019 do GDLKBC tổ chức

viên khác vì sinh kế đã chuyển sang các nghề khác như kỹ sư, giáo sư, chuyên viên địa ốc, chuyên viên bảo hiểm, chuyên viên thuế vụ, cán sự điện tử, y tá, thương gia, lo dịch vụ pháp lý v.v.. Để tạo dịp gặp gỡ cho các giáo sư, các cựu sinh viên Luật VN, bốn hội đoàn luật khoa tại Hoa Kỳ đã được thành lập gồm có Hội Luật Gia tại Bắc Cali., Hội Ái Hữu Luật Khoa tại Nam Cali, Câu Lạc Bộ Luật Khoa tại Houston, Texas và Gia Đình Luật Khoa tại Bắc Cali. Những buổi tiệc hội ngộ luôn quy tụ được hàng trăm các giáo sư, thẩm phán, luật sư cùng cựu sinh viên của ba trường Luật Sài Gòn, Huế, Cần Thơ và diễn ra trong sự đầm ấm tình thầy trò và đồng môn.

Sau khi ra hải ngoại, vì các thành viên của đại gia đình Luật Khoa VN sống rải rác khắp nơi, nên việc hội ngộ cũng gặp nhiều khó khăn. Ngay tại tiểu bang California, nơi có nhiều người Việt cư ngụ và có đến 3 hội đoàn Luật Khoa, nhưng vẫn chưa lần nào quy tụ được 500 cựu sinh viên tham dự tiệc.

Tuổi tác và sức khỏe của các giáo sư, các thẩm phán, các luật sư và nhiều cựu sinh viên Luật cũng là một trở ngại khá lớn. Lần lượt đã có nhiều giáo sư như Gs Nguyễn Cao Hách, Gs Trần Như Tráng, Gs Bùi Tường Chiêu, Gs Mai Văn Lễ, Gs Nguyễn Huy Đầu, Gs Phạm Văn Thuyết, Gs Nguyễn Độ, Gs Trần Văn Liêm, Gs Nguyễn Quang Quýnh, Gs Vũ Quốc Thúc v.v và nhiều thẩm phán, luật sư và cựu sinh viên Luật đã vĩnh viễn ra đi. Số người còn lại thì tuổi đã cao, sức khỏe suy kém nên việc đi lại cũng quá khó khăn.

Nhưng cũng may, các hội đoàn luật khoa cũng đã thiết lập được các trang website, phát hành đặc san Luật Khoa hàng năm, các slide show về hình ảnh của các giáo sư, các thẩm phán, các luật sư



Đặc san Luật Khoa do GDLKBC phát hành là những tài liệu quý báu về đại gia đình Luật Khoa Việt Nam. Nó đã giúp cho nhiều người trong đại gia đình Luật Khoa nhớ lại những kỷ niệm xưa, đồng thời cũng hãnh diện đã có một thời chính mình đã góp phần vào việc xây dựng Miền Nam Việt Nam.



Thánh lễ cầu nguyện cho Gs Vũ Quốc Thúc

Thực trạng của đất nước dưới chế độ độc tài Cộng Sản hiện nay, quyền tự do của người dân bị bóp nghẹt, quyền lợi của đảng Cộng Sản được đặt trên quyền lợi của quốc gia, dân tộc nên luật pháp và nền công lý không thể thực thi và phát triển.

Đại tướng Mc Arthur đã nói: “*Người lính già không báo giờ chết, mà chỉ phai dần theo thời gian.*”.

Vì thế, so với những thành quả mà các thành viên của đại gia đình Luật Khoa VN đã đóng góp cho quê hương miền Nam VN đã là những việc làm quý báu, đáng ghi nhớ. Vì thế, đại gia đình Luật Khoa VN không bao giờ chết trong lòng của hàng triệu người dân Việt yêu nước, yêu tự do mà chỉ phai dần theo thời gian ./

NGUYỄN VĂN BÌNH

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư Luật



Gs Vũ Văn Mẫu



Gs Vũ Quốc Thúc



Gs Nguyễn Cao Hách



Gs Nguyễn Độ



Gs Bùi Tường Chiêu



Gs Vũ Quốc Thông



Gs Nguyễn Văn Bông



Gs Nguyễn Ngọc Huy



Gs Bùi Tường Huân



Gs Tăng Thị Thành Trai



Gs Mai Văn Lễ



Gs Trần Văn Tuyên



Gs Trần Văn Liêm



Gs Nguyễn Quang Quỳnh



Gs Châu Tiến Khương



Gs Nguyễn Huy Chiêu



Gs Nghiêm Xuân Việt



Gs Tăng Kim Đông



Gs Vũ Văn Hiền



Gs Trần Chánh Thành

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư Luật



Gs Phan Tấn Chức



Gs Phạm Văn Thuyết



Gs Nguyễn Văn Canh



Gs Trần Như Tráng



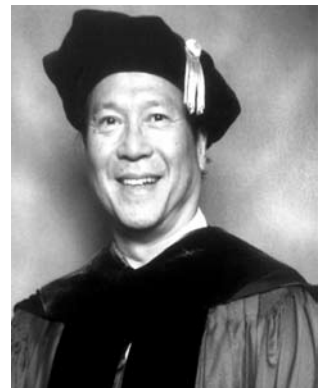
Gs Nguyễn Mạnh Hùng



Gs Tạ Văn Tài



Gs Quách Thị Nho



Gs Vũ Quốc Thụy



Gs Nguyễn Quốc Trị



Gs Vũ Thị Việt Hương



Gs Đặng Xuân Hà



Gs Đặng Thị Tâm

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Tòa Án và Các Thẩm Phán



Tối Cao Pháp Viện



Trần An Bài



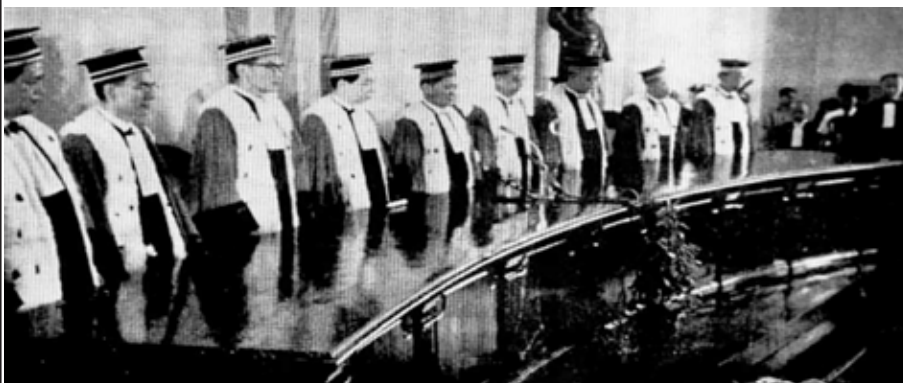
Trần Thanh Giang



Trang Sĩ Tấn



Trịnh Ngọc Dung



Members of the new Supreme Court (from left): Justices Nguyen Van Bien, Tran Van Linh, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Lien.

Các Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện



Trương Tiến Đạt



Vũ Mạnh



Pháp đình Sài Gòn



Tối Cao Pháp Viện

Các Thẩm Phán Tòa Sài Gòn

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Thành Hương



Nguyễn Mạnh Quỳnh



Nguyễn Văn Thành



Lê Duy Sơn



Đặng Xuân Thanh



Đỗ Đức Du



Nguyễn Độ



Hà Ngọc Phúc Lưu



Hoàng Mạnh Hải



Hoàng Tuấn Lộc



Nguyễn Đình Kỳ



Huỳnh Trung Chánh



Khuất Duy Trác



Lâm Lễ Trinh



Lê Thế Hiển



Lê Văn Tiến



Lê Đắc Trọng



Lê Tài Bôn



Lương Đức Hợp



Lương Tấn Bảo



Mai Văn An



Nguyễn Đức Huy



Nguyễn Hữu Cảnh



Nguyễn Thị Vệ



Nguyễn Cảnh

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Cao Quyền



Nguyễn Hồng Nhuận Tâm



Nguyễn Hữu Thành



Nguyễn Hữu Thụy



Nguyễn Quốc Sứ



Nguyễn Thành Lôi



Nguyễn Văn Biên



Nguyễn Văn Quý



Nguyễn Văn Thông



Nguyễn Y Nhac



Nguyễn Duy Linh



Phạm Văn Huệ



Hà Dương Vỹ



Đặng Vũ Mai



Trần Chấp Trinh



Bùi Trọng Tường



Bùi Văn Thanh



Cao Văn Thân



Đặng Đình Long



Đình Văn Huân



Đỗ Đức Du



Đỗ Hữu Phúc



Dương Khang



Dương Kiên



Dương Lân

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Hà Xuân Tế



Hà Xuân Thao



Hồ Đắc Cần



KHỔNG Trọng Hình



Lê Quang Phục



Lê Thanh Sơn



Lê Thị Ngọc Trân



Lê Văn Thu



Ngô Bút



Nguyễn Huân Trinh



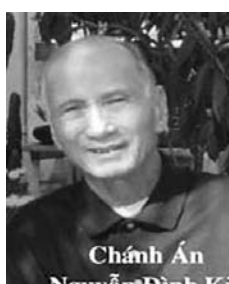
Nguyễn Anh Hoàng



Nguyễn Công Đán



Nguyễn Đình Hùng



Chánh Án
Nguyễn Đình Kỳ



Nguyễn Đức Quý



Nguyễn Hải



Nguyễn Mộng Bích



Nguyễn Ngọc Điện



Nguyễn Nhu Tuấn



Nguyễn Quốc Chân



Nguyễn Sĩ Huyền



Nguyễn Thanh Lộc



Nguyễn Thế Cường



Nguyễn Ứng Chung



Nguyễn Văn Hào

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Thẩm Phán



Nguyễn Văn Sửu



Nguyễn Văn Thành



Phạm Gia Hệ



Phạm Kim Quy



Phạm Ngọc Tông



Phạm Văn Hàm



Phan Quang Khải



Phan Tam Tuấn



Phù Tuyết Hồng



Tô Sơn Lâm



Tôn Thất Hiệp



Tống Đức Hoàn



Trần Cẩm Tựu



Trần Khương Trinh



Trần Kim Thủy



Trần Nguyên Tá



Trần Văn Thuận



Trịnh Viết Tân



Trương Kim Thạch



Việp Văn Tỷ



Võ Nhật Minh



Vũ Tiến Xuân



Nguyễn Thế Sinh



Nguyễn Trọng Liệu



Trần Cẩm Tựu

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Ls Trần Văn Tốt

Ls Võ Văn Quan



Ls Trần Văn Tốt, cựu thủ lĩnh LS Đoàn và Ls Võ Văn Quan

Ls Trần Văn Tuyên, cựu thủ lĩnh LSD



Ls Thân Thị Hoài Phương

Thân thị Hoài Phương



Ls Trần Thị Ánh Tuyết

Trần thị Ánh Tuyết



Bà Ls Nguyễn Hữu Thông

Nam Thị Hồng Vân



Ls Huyền Ngọc Anh

Huyền Ngọc Anh



Quách Thị Nho



Ls Trương Hồng Thị Trinh

Trương Hồng Thị Trinh



Ls Nguyễn Thúy Loan

Nguyễn Thúy Loan



Nguyễn Thị Chính



LS
Bùi Lệ Khanh

Bùi Lệ Khanh



Ls Nguyễn Sĩ Huy

Nguyễn Sĩ Huy



Đoàn Tường Mỹ



Nguyễn Thị Phượng Huy



Trần thị Thanh Thủy



Trần Hoàng Vân



Nguyễn Tuyết Mai

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Nguyễn Văn Lộc



Trần Văn Chương



Hồ Tri Châu



Trần Văn Tốt



Nguyễn Văn Huyền



Nguyễn Mạnh Tường



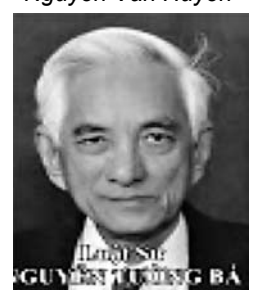
Trần Chánh Thành



Trương Đình Dzu



Phan Tấn Chức



Nguyễn Tường Bá



Đinh Thạch Bích



Ngô Khắc Tĩnh



Nguyễn Thúc Phương



Đàm Quang Lâm



Lý Quốc Sinh



Bùi Bích Hợp



Nguyễn Thành



Đỗ Đức Hậu



Khuất Duy Trác



Lê Tất Hào



Đoàn Văn Tiên



Trần Thị Lan



Trương Ánh Nguyệt



Hoàng Thị Thân



Nghiêm Thục Nhân

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Đỗ Xuân Hòa



Đặng Xuân Thanh



Đào Hữu Phan



Đỗ Ngọc Phú



Hồng Thị Hảo Thanh



Đỗ Xuân Hiệp



Phan Ngọc Cẩn



Huỳnh Thị Xuân Hoàng



Lại Đình Cẩn



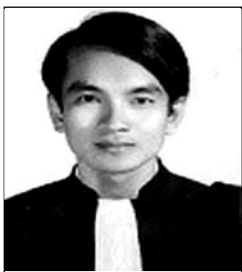
Trác Quan Trường



Bùi Trần Phú



Nguyễn Ngọc Anh Trang



Bùi Thế Bằng



Lê Như Thọ



Tôn Tịnh Phần



Lê Thanh Phương



Vũ Thị Sâm



Trần Tử Huyền



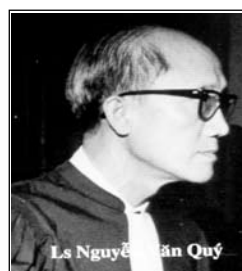
Lý Vĩnh Thông



Vũ Ngọc Oanh



Nguyễn Thị Hồng



Nguyễn Văn Quý



Lưu Đức Quỳnh



Trần Sơn Hà



Nguyễn Thúy Liên

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Lê Duy San



Đoàn Thanh Liêm



Nguyễn Thúy Phương



Trương Tiến Đạt



Nguyễn Tiến Đạt



Đinh Thành Châu



Ngô Hữu Liên



Võ Duy Thường



Lê Công Tâm



Nguyễn Thành



Nguyễn Hồng Nhuận



Nguyễn Hữu Thụy



Lê Chí Hiếu



Trần Đức Thông



Huỳnh Quang Khải



Vũ Ngọc Anh



Nguyễn Văn Định



Đỗ Đức Hậu



Hoàng Đức Trí



Phạm Minh Anh



Nguyễn Đình Sơn



Nguyễn Minh Hiển



Trần Bích Tệp



Huỳnh Văn Trai



Vũ Hữu Kỳ

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Phạm Nam Sách



Lê Tùng Lâm



Nguyễn Hữu Thống



Vũ Ngọc Tuyên



Đỗ Doãn Quế



Hoàng Cơ Long



Ngô Tăng Giao



Trần Minh Nhựt



Nguyễn Công Bình



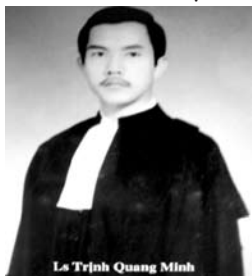
Phùng Văn Tuệ



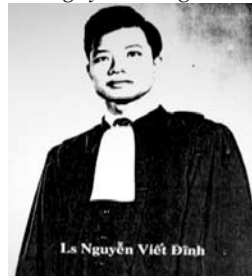
Ngô Văn Tiệp



Nguyễn Mai



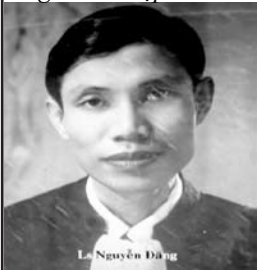
Trịnh Quang Minh



Nguyễn Viết Đình



Võ Văn Đình



Nguyễn Đăng



Nguyễn Văn Lộc



Huỳnh Quan Trung



Phan Trọng Hàm



Huỳnh Bửu Khương



Nguyễn Đình Phương



Phạm Ngọc Anh



Trần Minh Lợi



Nguyễn Vạn Bình



Nguyễn Văn Thắng

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Càc Luật Sö



Tăng Thị Thành Trai



Trần Tân Thái



Ls Vũ Phương Liên



Trần Thanh Hiệp



Ngô Văn Quang



Đặng Tiến Đạt



Đào Trọng Vinh



Nguyễn Kim Dung



Nguyễn Thị Vui



Đoàn Văn Thịnh



Đoàn Văn Tiên



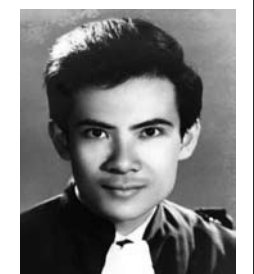
Nguyễn Ngọc Ánh



Dương Mỹ Linh



Đỗ Cẩm Phương



Trần Văn Vương



Nguyễn Phước Đại



Mai Văn Đại



Lê Kim Thoa



Lại Đình Cẩn



Lê Minh Việt



Nguyễn Hữu Thi



Trần Văn Du



Đặng Tấn Lợi



Lưu Nguyên Đạt



Lưu Vĩnh Khương

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Luật Sư



Trần Thị Cẩm



Trương Hồng Thị Trinh



Hoàng Châu Qui



Đào Thị Tuyền



Đào Ngọc Thụy



Lê Thị Hồng Diễm



Nguyễn Thị Chính



Nguyễn Thị Quý



Nguyễn Mộng Châu



Nguyễn Thị Hoàn



Phạm Phú An



Trần Loan Phượng



Phạm Thu Hồng



Bùi Thắng Lợi



Phan Thu Hương



Vũ Thị Tiến



Lê Kim Ngọc



Nguyễn Thị Chúc



Nguyễn Ngọc Dung



Đỗ Cẩm Phương



Trần Thanh Hải



Phạm Ngọc Dung



Phan Ngọc Cẩn



Lê Thị Kim Thanh



Trần Thu Phương

CÁC CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA



ĐT Mã Sanh Nhơn



ĐT Trần Thanh Điền



HT Nguyễn Thanh Liêm



LM Vũ Minh



Ngô Văn Kim



Trần Hữu An



Ls Nguyễn Duy Tiếp



Ls Nguyễn Ngọc Diệp



Nguyễn Phú



Bs Trần Công Luyện



Nguyễn Toàn



Đỗ Trọng Dũng



Huỳnh Lương Thiện



Nguyễn Trung Tính



Phạm Huy Khuê



Bùi Tuyết Sơn



Đỗ Huy Huệ



Nguyễn Bạch Túc



Phạm Hữu Diên



Nguyễn Công Sum



Nguyễn Tường Tâm



Trần Tất Đạt



Nguyễn Hiền



Nguyễn Hoàn



Nguyễn Văn An

MỘT THỜI KỶ NIỆM CÁC SINH VIÊN LUẬT SÀI GÒN



Cao Ánh Nguyệt



Trương Gia Vy



Phan Xuân Hương



Nguyễn Bạch Yến



Nguyễn Thanh Hươu



Võ Kim Tuấn



Thái Hà



Vũ thị Gấm



Nguyễn thị Ngọc Mai



Nguyễn Ngọc Dung



Võ Thị Ngọc Hòa



Catherine Tố Ngọc



Nguyễn Thị Hồng



Nguyễn Thị Nhung



Phạm Liên Hương



Nguyễn Mỹ Ngọc



Nguyễn Song Hà



Phan Thị Hòa



Ngô Vũ Thu



Trần Mai Hương



Phạm Minh Tâm



Kathy Trần



TP Trần Thanh Giang



Trần Nguyệt Ánh



Vũ Trần Thanh Tú

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Cựu SV Luật Khoa



Trần Nguyên Cường



Như Hảo



Nguyễn Trung Hòa



Lê Trung Hiếu



Nguyễn Trần Quý



Huỳnh Văn Yên



Lê Tích Sơn



Lê Trung Tâm



Trì Ngọc Bình



Vũ Văn Chiến



Phạm Hữu Điện



Nguyễn Văn Hùng



Lâm Quốc Bảo



Ls Nguyễn Đăng Khoa



Nguyễn Văn Lê



Hà Đình Huy



Lưu Hữu Phúc



Nguyễn Huy Thuyết



Lưu Anh Hùng



Lê Mộng Nam



Lê Thị Lộc



Hà Như Việt Anh



Nguyễn Xuân Sơn



Lưu Kim Yến



Lưu Kim Oanh

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Cựu SV Luật Khoa



Ls Nguyễn Tường Bá



Nguyễn Hữu Trương



Nguyễn Thu Lê



Nguyễn Thị Minh Châu



Nguyễn Sang



Phạm Mạnh Tuấn



Dương Thị Tiến



Nguyễn Gia Dân



Võ Đạp



Trần Tân



Đoàn Phúc Hữu



Nguyễn Thu Hà



Nguyễn Hồng Xuyên



Phạm Quang



Nguyễn Vạn Thắng



Vũ Hữu Trường



Nguyễn Thị Phương



Nguyễn Quý Long



Phạm Kim Điền



Ls Nguyễn Cao Thăng



Lê Quang Truật



Đỗ Hữu Phương



Đỗ Trung Triêm



Phạm Như Thành



Võ Duy Thành

HÌNH ẢNH GIÁO SƯ & CỤ SV LUẬT KHOA CẦN THƠ



Giáo Sư
QUÁCH THỊ NHO
giảng dạy
môn
Quốc Tế
Tư Pháp



HÀ KIM TINH 1968-1972 **CHÂU MINH HOÀNG** 1968-1973 **MÃ PHƯƠNG LIỄU** 1970-1974 **QUÁCH HUỆ ANH** 1970-1974



TRẦN CHIÊU HIỀN 1970-1974 **ĐẶNG T. MỸ HOA** 1970-1974 **TRẦN LINH PHƯỢNG** 1970-1974 **LÂM HỮU LỘC** 1970-1974



Gs. NGUYỄN
DUY XUÂN

Gs. NGUYỄN
NGỌC HUY

Gs. NGUYỄN
QUANG QUÝNH

Gs. TẠ VĂN TÀI



Gs. BŨU LICH

LÊ MINH BÈN

HUỖNH VĂN XÒI

HUỖNH TẤN VEN



NGÔ TRUNG DŨNG

NGUYỄN HỮU LỤC

TRẦN TRUNG DŨNG

ĐỖ VĂN ĐIỂN



QUÁCH HUỆ LAN

NGUYỄN T. TRƯƠNG
1970-1974

HUYỀN T. XUÂN
1973-1975

CHÂU T. MINH HOÀNG
1973-1975



VĂN THỊ CÔNG
1970-1975

LÝ KỶ MỸ
1970-1975

PHAN THANH VÂN
1970-1975

NGUYỄN T. HOÀNG
OANH 1969-1973

Đại Học Luật Khoa Cần Thơ nằm trong Viện Đại Học Cần Thơ,
Viện Đại Học Cần Thơ được thành lập vào ngày 31 tháng 03, năm 1966.
Khi khai giảng vào tháng 10, có 5 phân khoa:

1. Đại Học Khoa Học
2. Đại Học Văn Khoa
- 3. Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội**
4. Đại Học Nông Nghiệp
5. Đại Học Sư Phạm

Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ lúc bấy giờ là Gs. Nguyễn Duy Xuân,
và Khoa Trưởng Đại Học Học Luật Khoa là Gs. Nguyễn Hữu Lành.

CÁC CỰU SINH VIÊN LUẬT KHOA HUẾ – SÀI GÒN



Lê Đình Cai



Võ Thị Hạ



Dương Diên Nghị



Nguyễn Thu Hương



Phan Hiệp Thành



Nguyễn Phú



Phan Văn Hưng



Tôn Nữ Thúy Diễm



Nguyễn Đình Dũng



Trần Thị Huệ



Phan Tịnh Dung



Ls Đặng Thanh Phương



Lê Thị Ngọc Diệp



Nguyễn Thị An Nhiên



Phan Thúy Phương



Tạ Ngọc Quý



Ls Bùi Thúy Phương



Phan Ánh Nguyệt



Phan Kiều Nga



Ls Phan Ánh Nguyệt



Ls Nghiêm Thục Nhân



Nguyễn Thanh Tâm



Ls Trần Ngọc Tuyết



Trần Thị Thanh Tâm



Huỳnh Ngọc Hương

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Các Giáo Sư và Các Sinh Viên Luật



Gs Vũ Quốc Thông, Gs Nguyễn Văn Canh và các sinh viên



Các chị Vũ Tuyết Trinh và Vũ Thị Gấm



Mã Gia Trí



Trần Kim Thuần



TP Hoàng Tuấn Lộc



Ls Trương Minh Nguyệt



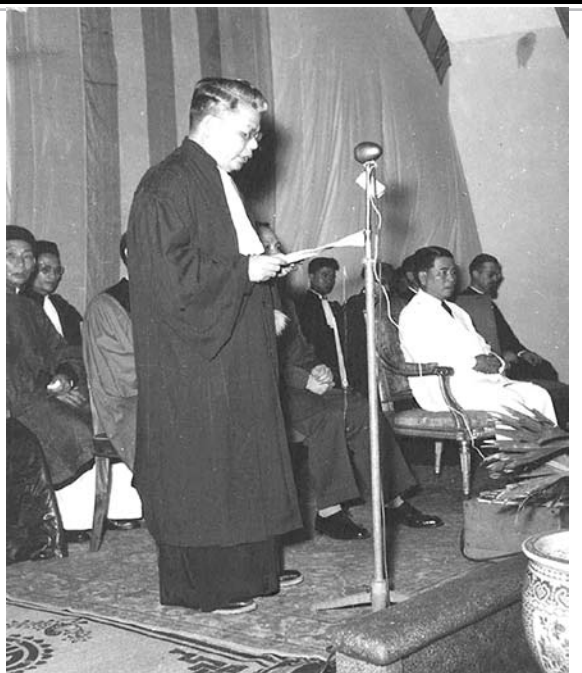
Morgan Phạm



Phạm Văn Ái

MỘT THỜI KỶ NIỆM

Viện Đại Học và Trường Luật Huế



LM Cao Văn Luận, Viện Trưởng Đại Học Huế

Gs Bùi Tường Huân, Khoa trưởng Đại Học Luật Huế



phía sau bức tường này tạm gọi là "phòng trung tâm" vì không biết là giảng đường gì

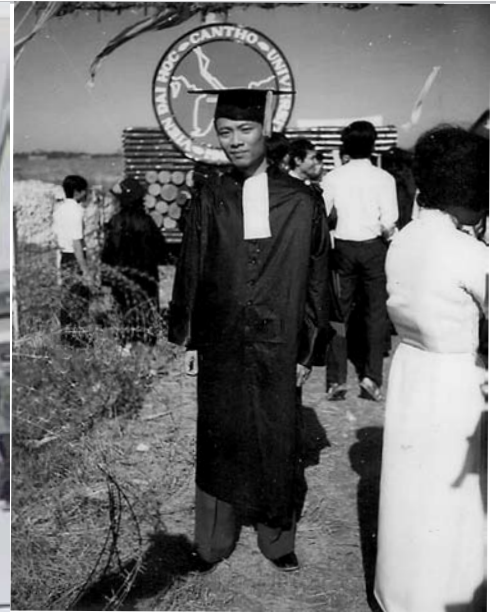


MỘT THỜI KỶ NIỆM

Trường Luật Cần Thơ



Anh Hà Kim Tinh



Anh Châu Minh Hoàng




Gs Công và các sinh viên Luật Cần Thơ tốt nghiệp niên khóa 1970-1974

MỘT THỜI KỶ NIỆM

CÁC THẺ LUẬT SƯ

Số: 180/TS




LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Nguyễn Văn Lập
sinh ngày 2-3-1919
tại Hà Đông
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 1 tháng 12 năm 1965
Số: 180/TS
Trần Văn Tuyên
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 9 tháng 12 năm 1965
CHƯƠNG-LÝ
HỮU-TRƯ-CHẤU

Số: 324




LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Nguyễn Việt Linh
sinh ngày 20-2-1919
tại Nam Định
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 15 tháng 11 năm 1972
Số: 324
Trần Văn Tuyên
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 22 tháng 4 năm 1972
CHƯƠNG-LÝ
HỮU-TRƯ-CHẤU

Số: 460/TS



LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Lê Công Tâm
sinh ngày 26-11-1946
tại Cholon
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 30 tháng 12 năm 1970
Số: 460/TS
Trần Văn Tuyên
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 12 tháng 1 năm 1971
CHƯƠNG-LÝ
HỮU-TRƯ-CHẤU

Số: 415



LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Võ Văn Sinh
sinh ngày 26-11-1946
tại Kiên Hòa
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 5 tháng 12 năm 1973
Số: 415
Trần Văn Tuyên
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 12 tháng 1 năm 1973
CHƯƠNG-LÝ
HỮU-TRƯ-CHẤU

Số: 190




LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Phạm Ngọc Anh
sinh ngày 31-8-1949
tại Hà Nam
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 18 tháng 4 năm 1975
Số: 190
Trần Văn Tuyên
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 18 tháng 4 năm 1975
CHƯƠNG-LÝ
HỮU-TRƯ-CHẤU

Số: 576/TS



LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chúng nhận rằng :
Ông Nguyễn Văn Bình
sinh ngày 9-12-1947
tại Giáp Bình
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thực thụ
Saigon, ngày 3 tháng 01 năm 1972
Số: 576/TS
Trần Văn Tuyên
HỮU-TRƯ-CHẤU

Kiểm thị và chứng thật :
CHƯƠNG-LÝ
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON
Saigon, ngày 6 tháng 1 năm 1972
CHƯƠNG-LÝ
HỮU-TRƯ-CHẤU

MỘT THỜI KỶ NIỆM

CÁC THẺ LUẬT SƯ



MỘT THỜI KỶ NIỆM

CHỨNG CHỈ, BẰNG CẤP, THẺ LUẬT SƯ

VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON
 Institut de Saigon
 101 KHOA ĐƯỜNG BƯỞNG
 Faculté de Droit

58 56 - LOBBECC
 58

CHỨNG-CHỈ TẠM-THỜI

(Attestation provisoire)

KHOA-TRƯỞNG LUẬT-KHOA ĐẠI-HỌC BƯỞNG SAIGON
 Le Docteur de la Faculté de Droit de Saigon

CHỨNG NHẬN
 Attestation

O. NGUYỄN-NGỌC-ÁNH

Sinh ngày 1 tháng 6-1941 tại An-Xuyên, Ch-Điền, Bạc-Liêu
 đã từng hoàn bị thi HẸN THỬ SA CỬ-NHÂN LUẬT-KHOA
 et est en mesure de la passer Assésés de la Licence en Droit.

Khóa ngày 22.5.1963 tại SAIGON

Cho cấp chỉ này cho tên trên với điều kiện tên này đã được
 Các thẩm phán và thẩm phán tương đương của nước ta là chấp thuận, admission
 Ông Bộ-trưởng Quốc-Use Giáp-Đức phê-chuẩn.
 Le ministre des affaires int. Le Directeur d'Etat à l'Administration Nationale.

Saigon, ngày 15 tháng 4 năm 1963.
 KHOA-TRƯỞNG
 Le Docteur

TS-QUỐC-ĐỨC

CHỮ THÊM: Chứng chỉ này chỉ có giá trị tạm thời.
 Observation: Cette attestation est définitive sans avoir subi l'épreuve.

Số: 119/75

LUẬT-SƯ ĐOÀN
 TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LÃNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
 Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chứng nhận rằng:
 Ông Nguyễn-ngọc-Ánh
 sinh ngày 1-6-1941
 tại Anxuyên
 đã được ghi tên trên Bản danh biểu
 của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-
 sư tập-sự

Saigon, ngày 18 tháng 10 năm 1963

NGUYỄN-VĂN-HUYỀN

PHẠ IN NGUYỄN VĂN HUYỀN SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON

VĂN-BẰNG CỬ-NHÂN LUẬT-KHOA

VIỆN-TRƯỞNG VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON

— Chiều Quy-Chế Đại-Học Quốc-Gia,
 — Chiều Biên-Bản kỳ thi Cử-Nhân Luật-Khoa khóa thứ * I Niên-học 1962-1963
 ngày 12 tháng 03 năm 1963 tổ-chức tại Luật-Khoa Đại-Học Đường Saigon,
 đã được Viện Đại-Học Saigon duyệt-y ngày 28/06/1963

Cấp cho: NGUYỄN NGỌC ÁNH
 Sinh ngày 01 tháng 06 năm 1941 tại AN XUYÊN BẠC LIÊU

XẾP HẠNG
 Văn-bằng Cử-nhân Luật-khoa }
 — Văn-đáp 1 BỔNH THỬ
 — Văn-đáp 2 BỔNH THỬ

đề hưởng mọi quyền-lợi về văn-bằng này do các luật-lệ hiện-hành quy-định.

Lập tại Saigon, ngày 15 tháng 04 năm 1975

KHOA-TRƯỞNG
 TRƯỞNG ĐẠI-HỌC LUẬT-KHOA

VIỆN-TRƯỞNG
 VIỆN ĐẠI-HỌC SAIGON

Người được bằng
 Ký tên

Đăng-ký tại Trường Đại-Học Luật-Khoa Saigon
 Ngày 15 tháng 04 năm 1975 số 711

Đăng-ký tại Viện Đại-Học Saigon
 Ngày 24 tháng 4 năm 1975 số 711

TƯỜNG NIỆM

CÁC GIÁO SƯ, THẨM PHÁN, LUẬT SƯ ĐÃ QUA ĐỜI



NGUYỄN VĂN BÌNH

Qua sự tâm cùng sự giúp đỡ của các giáo sư Nguyễn Văn Canh và Tạ Văn Tài, chúng tôi ghi nhận trong đại gia đình Luật Khoa VN đã mất nhiều giáo sư, thẩm phán và luật sư. Đây là một sự mất mát to lớn, chúng tôi ghi lại hầu tưởng nhớ đến họ.

Đây chỉ là một sự sưu tầm hạn hẹp, vì thế có nhiều thiếu sót. Xin quý giáo sư và các đồng môn Luật Khoa niệm tình thông cảm.

I-CÁC GIÁO SƯ:

Các vị khoa trưởng: Vũ Văn Mẫu, Nguyễn Cao Hách, Vũ Quốc Thông, Bùi Tường Chiêu, Nguyễn Độ, Mai Văn Lễ, Nguyễn Hữu Lành, Nguyễn Ngọc Huy, Bùi Tường Huân, Nguyễn Sĩ Hải.

Các giáo sư: Nguyễn Văn Bông, Nghiêm Xuân Việt, Nguyễn Quang Quynh, Hồ Thới Sang, Phan Tấn Chúc, Tăng Kim Đông, Trần Văn Tuyên, Trần Chánh Thành, Vũ Văn Hiền, Trần Như Tráng, Nguyễn Huy Đầu, Nguyễn Huy Chiêu, Phạm Văn Thuyết, Trịnh Xuân Ngạn, Nguyễn Văn Thành, Trịnh Đình Khải, Lê Đình Chân, Lưu Văn Bình, Trần Thiên Vọng, Tôn Thất Trung Nghĩa, Phạm Thị Tám, Nguyễn Xuân Lại, Nguyễn Tấn Thành, Vũ Tam Tư, Nguyễn Duy Xuân, Trần Thị Hoài Trân, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Mạnh Bách, Lê Công Truyền, Nguyễn Văn Ngôn, Nguyễn Trường, Trần Văn Liêm, Bùi Sơn Huy.



Vũ Văn Mẫu - Nguyễn Cao Hách - Vũ Quốc Thông



Bùi Tường Chiêu - Nguyễn Độ - Bùi Tường Huân



N. Huy Chiêu - N. Quang. Quynh - Nguyễn V. Bông



Nguyễn Ngọc Huy Phan Tấn Chúc Nghiêm Xuân Việt

II- CÁC THẨM PHÁN:

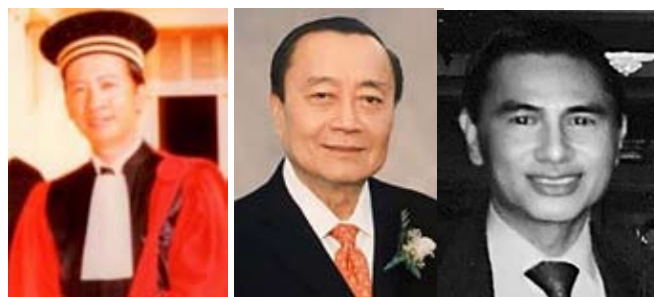
Trần Minh Tiết, Trần Văn Linh, Mai Văn An, Trần Khương Trinh, Trương Kim Thạch, Trần Văn Liêm, Trịnh Xuân Ngan, Lương Đức Hợp, Dương Đức Thụy, Hồ Minh, Tống Đức Hoàn, Trương Tiến Đạt, Vũ Mạnh, Đinh Văn Huân, Tôn Thất Hiệp, Nguyễn Thành Lôi, Nguyễn Hồng Nhuận Tâm, Lê Tài Triển, Lưu Đình Việp, Vũ Tiến Tuấn, Trang Sĩ Tấn, Phạm Văn Hiền, Huỳnh Trung Chánh, Nguyễn Cần, Lê Đắc Trọng, Trần Minh Ban, Phạm Kim Quy, Vương Xuân Chung, Nguyễn Trọng Liêu, Phan Ngọc Toàn, Nguyễn Đình Kỳ, Đỗ Đức Du, Nguyễn Hữu Dật, Phạm Quốc Toàn, Nguyễn Thế Cường, Nguyễn An Thông, Vũ Nhất Minh, Phạm Văn Phú, Vũ Văn Hồng, Lưu Tấn Hồng, Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Hải, Nguyễn Mạnh Nhụ, Nguyễn Ngọc Lôi, Nguyễn Văn Doanh, Ngô Quý Thuyết, Ngô Văn Vũ, Phạm Văn Hiền, Trương Văn Trước, Vũ Tiến Tuấn, Vũ Trung Vịnh, Huỳnh Văn Ngãi, Tô Lai Chánh, Vương Quốc Cường, Nguyễn Thành Nhân, Cao Quang Chơn, Bửu Thạnh, Nguyễn Khoa Hoàng.



Trần Văn Liêm, Trần Văn Linh, Trương Kim Thạch



Mai Văn An - Nguyễn Văn Biên - Trần Khương Trinh



Tôn thất Hiệp - Trang Sĩ Tấn – Lương Đức Hợp

Luật Khoa VN tại Bắc Cali. 2022



Nguyễn Đình Kỳ - Nguyễn Hải - Nguyễn Thành Lôi

III- CÁC LUẬT SƯ:

Nguyễn Văn Huyền, Vương Quang Như, Trần Văn Chương, Vũ Văn Huyền, Vũ Ngọc Tuyền, Nguyễn Hữu Thống, Nguyễn Tường Bá, Lâm Lễ Trinh, Trần Văn Tuyên, Lương Quang Huy, Trương Tiến Đạt, Vương Văn Bắc, Nguyễn Thị Hồng, Vũ Ngọc Truy, Nguyễn Thế Linh, Nguyễn Bích Ngọc, Phạm Văn Hương, Nguyễn Tiến Đạt, Lê Như Thọ, Nguyễn Minh Hiền, Huỳnh Quan Trung, Lê Tùng Lâm, Hoàng Cơ Thụy, Trần Văn Chương, Phạm Nam Sách, Trần

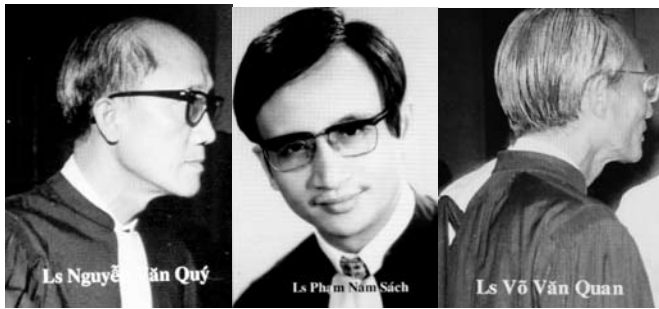


Trần V. Tuyên Nguyễn Hữu Thống Vũ Ngọc Tuyền



Wương Văn Bắc Đoàn Thanh Liêm Phùng Văn Tuệ

Chánh Thành, Hồ Tri Châu, Nguyễn Lâm Sanh, Lê Ngọc Chấn, Trần Văn Liêm, Dương Kiên, Phùng Văn Tuệ, Đinh Thành Châu, Trần Loan Phượng, Trần Đình Tấn, Lê Tất Hào, Nguyễn Trọng Quỳnh, Nguyễn Hữu Hiệu, Nguyễn Văn Chức, Lê Quang Cường, Đoàn Thanh Liêm, Nguyễn Gia Thụy, Hồ Công Lộ, Trần Tấn Việt



Nguyễn Văn Quý Phạm Nam Sách Võ Văn Quan



Nguyễn Minh Hiền Nguyễn Hữu Thi Nguyễn Tường Bá



Nguyễn Văn Huyền - Nguyễn V Lỗ - Trần Đình Tấn



Vũ Đăng Dung Lê Tất Hào Trương Tiến Đạt

Nguyễn Duy Nguyên, Trần Thiên Hải, Nguyễn Khắc Chính, Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Hữu Thi, Nguyễn Xuân Phước, Đào Văn, Nguyễn Kim Loan, Lưu Đức Quỳnh, Phạm Quý, Nguyễn Trọng Quỳnh, Trần Phương Loan, Nguyễn Hữu Phú, Phạm Minh Khôi, Trần Ngọc Liêng../.

NGUYỄN VĂN BÌNH

NHỚ MẸ YÊU



Mẹ ra đi ...con như thuyền lạc bến
Không bên bờ lạc lõng giữa phong ba
Thuyền con trôi lơ lững kẻ không nhà
Theo giòng nước cuốn trôi vào vô định

Mẹ ra đi ...trong căn phòng yên tĩnh
Nhớ Mẹ hiền nước mắt lại tuôn rơi
Lời Mẹ ru trong đêm vắng à ơi!
Con nhớ Mẹ, nhớ từng lời khuyên bảo

Mẹ ra đi ... cuộc đời con chao đảo
Tiếng cười vui xa vắng tự hôm nào
Buổi cơm chiều thiếu Mẹ quặn lòng đau
Đàn con Mẹ giờ đây người mỗi ngã

Mẹ ra đi ... đất khách buồn xa lạ
Căn phòng xưa nơi Mẹ ngủ không còn
Những năm dài chung sống nơi tha hương
Còn đâu nữa nụ cười trên môi Mẹ

Mẹ ra đi ... không còn nghe Mẹ kể
Chuyện ngày xưa lúc Mẹ phải làm dâu
Nuôi đàn con bao vất vả dãi dầu
Nhưng Mẹ vẫn chu toàn vai dâu trưởng

Mẹ ra đi ... lòng con hoài luôn tưởng
Người Mẹ già bên song cửa chờ con
Mà giờ đây xa vắng đã không còn
Con nhớ Mẹ gọi thêm buồn da diết

NGUYỄN VĂN THẮNG

THÁNH LỄ CẦU NGUYỆN CHO CỐ GS GIOAN PHAOLÔ VŨ QUỐC THỨC



San Jose (Ý Dân - Nguyễn Vạn Bình): Thánh lễ cầu nguyện cho Gs Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc do Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali tổ chức đã được diễn ra một cách trang trọng tại nhà thờ Our Lady Of Refuge, 2165 Lucretia Ave, San Jose, Ca 95122 vào 10 giờ sáng thứ bảy 8-1-2022.

Dù thời tiết khá lạnh và giữa cơn dịch bệnh Omicron đang đe dọa vẫn có khoảng 100 người tham dự. Chúng tôi nhận thấy có:

- Các Cha Lê Trung Tường, chánh xứ St Maria Goretti, Cha cố Nguyễn Đình Đệ và cha Nguyễn Duy Tân, phó xứ Our Lady Of Refuge.

- Về thăm phán có TP Nguyễn Thi Vinh, TP Trần An Bài cùng phu nhân.

- Về Luật sư có các Ls Ngô Văn Quang, Nguyễn Đình Phương cùng phu nhân, Võ Duy Thường cùng phu nhân, Vũ Hữu Kỳ cùng phu nhân, Trần Hoàng Vân, Hoàng Đức Trí, Nguyễn Ngọc Diệp, Nguyễn Duy Tiếp và Nguyễn Vạn Bình.

- Về các cựu sinh viên Luật Khoa có Hà Kim Tinh, Nguyễn Ngọc Mai, Mã Phương Liễu, Lê Đình Bi, Lê Trung Hiếu, Phan Thúy Phương, Nguyễn Bạch Yến cùng phu quân Phạm Thanh Đồng, Nguyễn Thị Nhung, Võ Ngọc Hòa cùng phu quân Huỳnh Minh Quang, Nguyễn Hoàng Dũng, Hoàng Bách Tùng, chị Tùng, Trần Tất Đạt, Phan Thị Hòa, Phạm Minh Tâm, Kim Dung, Nguyễn Hạnh, Trương Thanh



Nghiêm, Nguyễn Xuân Sơn v.v.

- Về các thân hữu có: cựu Tổng Trưởng Kinh Tế Nguyễn Đức Cường, Bs Trần Văn Nam, Chủ tịch Khu Hội Cựu TNCT Mai Khuyên, Tổng Hội Phó CSQG Thái Văn Hòa cùng phu nhân, Nguyễn Phú Chính, Mã Phương Mai, Thái Đào, Lê Trang, Bùi Can v.v.

- Ca đoàn Thánh Gia

- Về phía truyền thông có Lê Đình Bi (Viettoday TV), Bùi Hải (độc lập), Phương Thúy (SBTN).

- Ngoài ra, bà Ls Nguyễn Hữu Thống, cựu sinh viên LK Nguyễn Lương và gần 20 cựu sinh viên vì không đọc được thông báo dời địa điểm hành lễ nên đã đến dự thánh lễ ở Đền Thánh Tử Đạo VN ở trên đường Singleton, San Jose.



Ls Võ Duy Thường

Trước khi thánh lễ bắt đầu, Ls Võ Duy Thường đã nói sơ qua về tiểu sử của Gs Vũ Quốc Thúc. Được biết, Gs Thúc sinh ngày 5 tháng 8 năm 1920 tại Nam Định. Ông đậu cử nhân Luật tại Hà

Nội năm 1942. Sau đó, ông du học tại Pháp lần lượt lấy bằng Tiến Sĩ Luật vào năm 1950 và Thạc Sĩ Kinh Tế vào năm 1952 lúc ông được 32 tuổi.

Trong lãnh vực chính trị, giáo sư từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các chính phủ quốc gia từ thập niên 1950 đến 1975, như Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Thanh Niên thời chính phủ Bửu Lộc (1953-1954), Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam, Cố vấn Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Quốc Vụ Khanh đặc trách tái thiết hậu chiến thời Đệ Nhị Cộng Hòa khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chấp chính đến cuối năm 1971.

Về giáo dục: Từ năm 1953 -1954, ông là Phó Khoa Trưởng và dạy tại trường Luật Hà Nội. Từ năm 1954-1975, ông dạy tại trường Luật Sài Gòn và đảm nhận chức vụ khoa trưởng từ năm 1957-1963. Ông cũng là giáo sư giảng dạy tại các trường Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt và Quốc Gia Hành Chánh. Ông được xem là người góp phần quan trọng trong việc đào tạo các chuyên viên kinh tế cho VNCH, những sinh viên xuất thân từ các trường Đại Học Luật Khoa, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và Chánh Trị Kinh Doanh. Ông là đồng tác giả của “Phúc Trình Lilienthal & Vũ Quốc Thúc” được hoàn tất năm 1969. Đây là kế hoạch phát triển kinh tế miền Nam Việt Nam thời hậu chiến do chính phủ Hoa Kỳ và VNCH đề ra. Kế hoạch này dự trù thực hiện cho 10 năm sau khi chiến tranh của Việt Nam chấm dứt.

Sau khi Cộng sản Bắc Việt cưỡng chiếm miền Nam, giáo sư Vũ Quốc Thúc sang định cư tại Pháp năm 1978 và được bổ nhiệm làm giáo sư dạy môn kinh tế tại Đại Học Créteil kể từ năm 1978 cho đến ngày nghỉ hưu vào năm 1988.

Trong hai năm 2009 và 2010, Giáo Sư Vũ Quốc Thúc cho xuất bản bộ hồi ký “Thời Đại Của Tôi” gồm hai cuốn: “Nhìn lại 100 năm lịch sử” dài 400 trang, và “Đời Tôi Trải Qua Các Thời Biến,” dài 700 trang.

Ngày 12 tháng 4 năm 2012, giáo sư Vũ Quốc Thúc làm Lễ Rửa Tội theo nghi thức Công Giáo Roma với tên thánh Gioan Phaolô.

Ngày 22-11-2021, Gs Vũ Quốc Thúc qua đời tại Paris, Pháp Quốc trong niềm tiếc thương của mọi người.

Trong phần thánh lễ, chị Dương Thị Tiên đã lên bài đọc cho rằng đời người có những thời vận khác nhau và tất cả đều do sự sắp đặt của Thiên



Chị Dương Thị Tiên



LM Nguyễn Duy Tân

Chúa.

Kể đến, LM Nguyễn Duy Tân đã đọc bài Phúc Âm: Khi ấy, Chúa Giêsu phán cùng các môn đệ rằng: “Lòng các con đừng xao xuyến. Hãy tin vào Thiên Chúa và tin vào Thầy. Trong nhà Cha Thầy có nhiều chỗ ở, nếu không, Thầy đã nói với các con rồi; Thầy đi để dọn chỗ cho các con. Và khi Thầy đã ra đi và dọn chỗ các con rồi, Thầy sẽ trở lại đem các con đi với Thầy, để Thầy ở đâu thì các con cũng ở đó. Thầy đi đâu, các con đã biết đường rồi”. Ông Tôma thưa Người rằng: “Lạy Thầy, chúng con không biết Thầy đi đâu, làm sao chúng con biết đường đi?” Chúa Giêsu đáp: “Thầy là đường, là sự thật và là sự sống. Không ai đến được với Chúa Cha mà không qua Thầy”.

Sau đó, LM Lê Trung Tường trong phần bài giảng đã nói về phúc âm và về Gs Vũ Quốc Thúc rất hùng hồn và giá trị.



Các cha cử hành thánh lễ

Lm Lê Trung Tường

Nội dung tóm tắt có những điểm chính sau:

1- Cha Tường thấy có nhiều vị thẩm phán, luật sư, bác sĩ, tổng trưởng, sĩ quan, nhà báo, giới trí thức và nhiều bậc cao niên, trường thượng hôm nay gặp nhau trong ngôi giáo đường với đầy tình thân quen.

2. Cha Tường cho rằng dù Gs Thúc đã qua đời nhưng vẫn còn hơi lửa để qui tụ các môn sinh vì một lý tưởng chung.

3- Thiên Chúa viết thẳng bằng những đường cong. Theo cha Tường thì dưới chế độ CSVN, mọi người đi lại khó khăn, nguy hiểm, nhất là những nơi thờ tự. Vậy tại sao giáo sư Vũ Quốc Thúc sau năm 1975 biết đường đến nhà thờ Fatima Bình Triệu? Báo chí do nhà nước kiểm soát sau năm 1975 có đăng quảng cáo địa chỉ đó hay sao? Không!. Vậy thì giáo sư Thúc biết nơi đó là vì qua sự dẫn dắt của Thiên Chúa..

4- Quyền lợi của Người Công Giáo đầy đủ như nhau. Theo LM Tường trong kinh thánh đã ghi câu chuyện: có người vào làm vườn nho giờ thứ nhất và có người làm vườn nho giờ thứ 11 nhưng đều được lãnh lương bằng nhau. Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc là người thợ vào làm vườn nho giờ thứ 11. Vậy mà ông lãnh lương như những cụ ông cụ bà đã gia nhập Giáo Hội Công Giáo 80, 90 năm trước ông. Vì sao có chuyện có vẻ thiếu “công bằng” đó? Vì trong mắt Thiên Chúa, “công bằng” là thương yêu đồng đều. Trước mặt Thiên Chúa, không có ai hơn, không có ai kém. Vì Thiên Chúa là tình yêu.

5- Tôi dành thời gian cho Chúa hay Chúa dành thời gian cho tôi? Tại sao Chúa muốn ngự

xuống giữa nhân loại? Tại sao Chúa gọi hết người này đến người nọ vào làm vườn nho cho Chúa? Trẻ cũng được. Tại sao Chúa gọi Giáo sư Thúc vào làm vườn nho ở tuổi 90? Tuổi mà người ta cho là mất sức lao động? Chính là vì YÊU. Cho nên Chúa mới xuống thế làm người. Mới bỏ ngai vàng sinh trong máng cỏ. Mới đi tìm chiên lạc. Tất cả vì Chúa yêu thương loài người, trong đó có người Kitô hữu Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc.

6. Sinh rồi mới sống hay sống rồi mới sinh? Sự thường người ta sinh ra rồi mới sống: chuyện thường tình. Còn sống rồi mới sinh: đó là chuyện của Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc. Tại sao có thể nói vậy? Cố Giáo sư Vũ Quốc Thúc tuy lãnh nhận Bí Tích Thánh Tẩy ở tuổi cửu tuần, nhưng ông đã sống con người mới của Tin Mừng từ 90 năm trước đó rồi. Ông yêu quê hương. Ông trải qua những thăng trầm với quê hương. Ông hãnh diện với quê hương. Ông dốc tâm phục vụ cho quê hương. Ông buồn vui với dân tộc. Cho nên mới nói ông “sống rồi mới sinh.”

7. Được hai ơn đặc biệt của Đức Mẹ. Năm 1976, Giáo sư Vũ Quốc Thúc chạy đến khẩn xin Đức Mẹ Fatima tại Bình Triệu. Ông xin Đức Mẹ giúp gia đình ông tìm được đường đến bến bờ tự do. Ông nguyện sẽ đem tất cả những năm còn lại trong đời để tranh đấu cho dân tộc và tranh đấu cho tôn giáo. Người ta được ơn thì nguyện sẽ bắt đầu làm điều này điều này. Nhưng đối với Giáo sư Vũ Quốc Thúc, con đường mà ông hứa với Đức Mẹ đâu có gì là mới mẻ. Nó đã là một con đường dài mà ông đã theo đuổi. Thành thử khi Đức Mẹ ban một ơn cho gia đình ông thoát ra khỏi nước, Đức Mẹ lại ban thêm cho ông một ơn khác. Ơn đó chính là tâm tình

binh an đi theo lý tưởng mà ông đã theo. Như thể Đức Mẹ muốn nhắn nhủ ông: “Tốt lắm, con làm tiếp đi.”

8. Chuyện tình trăm năm. Đó là chúng ta đang tụ họp nơi đây để tưởng nhớ một cây đại thụ của giới luật gia và kinh tế gia. Người được Chúa ban sống thượng thọ trăm tuổi. Chúng ta đang kể về một câu chuyện trăm năm đầy. Đoạn kết của câu chuyện cuộc đời ông là gì? Cô Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc đã đấu trong trận đấu cao đẹp, ông đã chạy hết chặn đường dài trăm năm, nhưng điều mà chúng ta thấy đẹp nhất chính là câu chuyện của một tình yêu. Một chuyện tình trăm năm giữa Thiên Chúa đi tìm con người và giữa con người đi tìm Thiên Chúa. Nay, cố Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc không những đã gặp gỡ Chúa, ông còn được Chúa dẫn về đến bên bờ bình an.

Sau đó, TP Trần An Bài đã đọc Lời Nguyễn



Giáo Dân. Nội dung cầu nguyện cho Đức Giáo Hoàng, Gs Vũ Quốc Thúc, Gs Đặng Thị Tám và cheo các Giáo Sư, các đồng môn Luật Khoa đã qua đời. Sau cùng cũng cầu xin cho mỗi người trong đại gia đình Luật Khoa và trong

xã hội chúng ta luôn ý thức sống theo gương bác ái của Chúa, vượt qua mọi kỳ thị, thành kiến, để góp phần xây dựng một xã hội và cộng đoàn hiệp nhất, yêu thương.

Trước khi nhận lãnh phép lành cuối lễ, Ls Nguyễn Bick đã đọc bài phát biểu của Gs Nguyễn Văn Canh. Nội dung bài phát biểu đã vinh danh Gs Vũ Quốc Thúc, một đời cho dân tộc. Công lao của ông đã hiển dâng trọn đời cho dân tộc. Công lao của ông rất to lớn qua các việc: Đào tạo một đội ngũ chuyên viên để đáp ứng với tình thế nước Việt chuyển mình từ chế độ cai trị của Thực Dân Pháp sang nền Dân Chủ pháp trị. Thiết lập kế hoạch kinh tế hậu chiến cho Miền Nam VN và ông là một kẻ trí thức có dung khí đặt quyền lợi quốc gia, dân tộc trên hết.



Ls Nguyễn Bick



Ls Nguyễn Văn Bình



Từ trái: Ls Nguyễn Bick, TP Trần An Bài, Ls Ngô Văn Quang, Chị Lại Hà, Ls Nguyễn Đình Phương, Ls Nguyễn Văn Bình, Ls Trần Hoàng Vân, Chị Dương Thị Tiến

Sau hết, Ls Nguyễn Văn Bình, trưởng BTC đã ngỏ lời cảm tạ các linh mục Lê Trung Tường,

Nguyễn Đình Đệ, Nguyễn Duy Tân đã dâng thánh lễ. Ca đoàn Thánh Gia d9s4 ca những bài ca làm thánh lễ thêm phần trang trọng. Các vị thẩm phán, luật sư, các đồng môn Luật Khoa và thân hữu đã nặng tình với Gs Vũ Quốc Thúc đến tham dự thánh lễ trong thời dịch bệnh hiện nay. Các anh chị truyền thông đã đến quay phim, chụp hình. Ông Bình cho rằng tình thầy trò giữa hàng chục ngàn môn sinh với Gs Vũ Quốc Thúc thật là nồng nàn và gắn bó.



Các chị trong Gia Đình LK Bắc Cali.



Mọi người chụp hình lưu niệm

Sau khi thánh lễ kết thúc tốt đẹp vào 11 giờ trưa cùng ngày, mọi người đã ở lại chụp hình lưu niệm và dùng tiệc trà trong vòng thân mật./.



NGÀY GIỖ MẸ

(Ngày Mẹ ra đi May 11-2004)

Thấm thoát qua mau đã đến rồi
Thời gian sao mãi chẳng ngừng trôi?
Bao giờ Mẹ nhĩ thôi nhưng nhớ ?
Mắt lệ thôi buồn, suối lệ rơi

Ngày này, năm trước khóc chia ly
Đau xót lòng con biết nói gì ?
Con nắm bàn tay lay Mẹ dậy
Mẹ nằm như ngủ lúc ra đi

Hè sang, Thu đến lại Xuân về
Vắng Mẹ lòng buồn, lạc bến mê
Nỗi nhớ những chiều mưa rớt lạnh
Đường về quanh vắng, lệ trào mi

Những lần đến mộ, với đàn con
Nhìn năm mò yêu thật nảo lòng
Con đặt cành hồng xinh đỏ thắm
Lời kinh thâm lặng giữa thình không

Mẹ ơi! Nhớ Mẹ nỗi lòng đau
Giọt nắng tan đi tự lúc nào
Hôm tiễn Mẹ đi, trời âm đạm
Vần thơ khóc Mẹ chiều mưa ngâu

Mấy ai thấu hiểu trái tim con ?
Ngày tháng buồn đau, dạ héo mòn
Cứ ngỡ thời gian mòn mỗi cạm
Nỗi buồn tan biến vào hư không

Bao vần thơ khóc vẫn chưa nguôi
Nhớ Mẹ lòng con tủi ngậm ngùi
Hồn Mẹ linh thiêng nơi chín suối
Thương đàn con Mẹ cảnh chơi vui

Con khẩn nguyện xin nơi Chúa Trời
Cho hồn của Mẹ được an vui
Thiên đàng hưởng phúc, xa trần thế
Hẹn gặp ngày sau nơi Nước Trời

NGUYỄN VĂN THẮNG

BÀI PHÁT BIỂU VỀ GS VŨ QUỐC THỨC

Trong Lễ Cầu Hồn Gioan Phaolô Vũ Quốc Thức (1920-2021)
*Our Lady of Refuge Catholic Church * Thứ Bảy, ngày 8 tháng 1 năm 2022*



LM LÊ TRUNG TƯỜNG
Chánh xứ ST Maria Goretti



1. Chúng ta đang trong những ngày đầu Năm Dương Lịch. Dù có tín ngưỡng nào đi nữa thì người ta cũng có vài điều kiêng cử tự nhiên. Chẳng hạn như có những người không nên gặp trong năm mới: bác sĩ (vì không khoẻ mới đi gặp bác sĩ) và luật sư (ít khi ai đi gặp luật sư để hỏi thăm sức khoẻ). Nói vậy chứ phải coi gặp ở đâu kìa. Gặp bác sĩ ở bàn tiệc thì khoẻ. Gặp bác sĩ ở phòng mổ mới mệt. Gặp luật sư ở sân tennis thì khoẻ. Gặp luật sư ở toà án mới mệt. Cũng như người Công Giáo mà gặp ông cha ở nhà thờ là ỏn. Chứ gặp ông cha vào thăm ở nhà thương là bất ỏn.

Sáng hôm nay trong danh sách khách mời, tôi coi thấy nhiều thẩm phán, luật sư, bác sĩ, tổng trưởng, sĩ quan, nhà báo, giới trí thức, và nhiều bậc cao niên, trưởng thượng. Nhưng gặp nhau ở một ngôi giáo đường nên ỏn. Tuy không được tay bắt mặt mừng nhưng toàn ở chỗ thân quen.

Trước tiên tôi xin cảm ơn Ban Tổ Chức Thánh Lễ cầu cho linh hồn cố Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thức đã mời tôi chủ tế trong Thánh Lễ này. Quý vị đã “đưa đẩy” một người

hậu thế, không biết người quá cố, thành một phần trong đại gia đình học trò của ông, đang qui tụ nơi giáo đường này để cầu nguyện, để tưởng niệm và để vinh danh ông. Xin trân trọng cảm ơn BTC.

Tiếp theo tôi xin chào đón những quý vị không phải là tín hữu Công Giáo, nhưng đã vì lòng kính trọng và thương tiếc một bậc thầy đáng kính, nên đã vượt qua những lo ngại về lây nhiễm dịch bệnh, để đến ngôi thánh đường Công Giáo tham dự thánh lễ cầu cho ông.

2. Hôm nay tại sao quý vị qui tụ nơi đây? Sự thường một sinh viên học xong thi tốt nghiệp và ra trường. Thầy ở lại tiếp tục dạy các lớp tiếp nối. Còn trò thì dần thân vào đời. Thế nhưng văn hoá Việt Nam dạy khác. Một ngày làm thầy cả đời làm cha. Cho nên không có chuyện của quá khứ, mà những ký ức đang trở thành hiện tại. Đó là ân tình thầy trò. Hơn nữa các học trò của giáo sư Vũ Quốc Thức thật ra cũng là những con người sống vì dân tộc. Họ là những người hơn 50 năm trước từng là tương lai của một miền Nam Việt Nam đầy hứa hẹn dù trong bối cảnh chiến tranh. Nên hôm nay, quý vị đến đây tưởng

nhớ người thầy đã sống vì dân tộc, thì rõ ràng vị thầy này, tuy đã khuất, nhưng vẫn còn hơi lửa để qui tụ các học trò vì một lý tưởng chung.

3. Thiên Chúa viết thẳng bằng những đường cong. Sài Gòn tuy không lớn về diện tích so với các thành phố khác như New York, San Francisco, Paris, Tokyo, nhưng không phải dễ đi tìm những địa điểm ở bối cảnh sau khi Sài Gòn thất thủ. Trong chế độ mới, mọi người đi lại khó khăn, nguy hiểm, nhất là tới những nơi thờ tự. Vậy tại sao Giáo sư Vũ Quốc Thúc sau năm 1975 biết đường đến nhà thờ Fatima Bình Triệu? Báo chí do nhà nước kiểm soát sau năm 1975 có đăng quảng cáo địa chỉ đó hay sao? Không. Vậy thì ông phải biết nơi đó và có thể là từng đến nơi đó. Hơn nữa, tôi tin rằng ông còn biết nhiều địa chỉ Công Giáo là vì ông đã “dùng chân” gặp gỡ những người Công Giáo rồi. Trong đó có cố Tổng thống Gioan Baotixita Ngô Đình Diệm. Sau đến thời đệ nhị cộng hoà là cố Tổng thống Martinô Nguyễn Văn Thiệu. Còn trong môi trường đại học với vai trò là một giáo sư thì ông gần gũi cha viện trưởng Đại Học Đà Lạt Giuse Trần Văn Thiện, sau này làm Giám mục Mỹ Tho, cha Simon Nguyễn Văn Lập, cha F.X. Lê Văn Lý. Và không những chỉ những bậc vị vọng trong Giáo Hội Công Giáo mà còn cả những bạn học hay học trò cũng có vai trò dẫn ông đến với Chúa. Trong đó có cố Thủ tướng Pháp Raymond Barre (làm thủ tướng 1976-1981), vốn là một tín hữu Công Giáo và là bạn thời sinh viên với Giáo sư Vũ Quốc Thúc. Thủ tướng Barre là người mà Đức Mẹ dùng để can thiệp với nhà cầm quyền Việt Nam cho gia đình Giáo sư Thúc sang Pháp tị nạn. Rồi còn có người học trò của ông là giáo sư Lê Đình Thông, sau này làm “Bồ đỡ đầu” cho ông khi ông chịu phép thánh tẩy tại Giáo xứ Việt Nam Paris vào năm 2012. Chính cố giáo sư tân tông Gioan Phaolô đã từng chia sẻ: “Trong việc đi tìm Chúa, người mà tôi phải cảm tạ vô cùng, cảm tạ rất đặc biệt là GS Lê Đình Thông. Anh Lê Đình Thông quả thực đã giúp đỡ tôi rất nhiều, có lẽ đến cả chục năm nay, tôi đã tâm sự với anh về bao nhiêu những vấn đề đã khiến cho

tôi phải trần trối. Và khi tôi nói đến chuyện trần trối của tôi về cõi thiêng liêng thì chính anh đã có những lời tâm tình làm tôi cảm động.”

Cho nên đừng coi thường những mối quan hệ xã hội. Giới kinh doanh trên thế giới thường nói rằng người Do Thái họ thành công không phải chỉ nhờ tiền bạc và tư duy, mà còn nhờ những mối quan hệ. Cho nên những con người chúng ta gặp gỡ hôm nay có thể dẫn chúng ta bước đi con đường nào đó ngày mai trên đường đời và họ cũng có thể dẫn chúng ta trên con đường đến với Thượng Đế. Ở tuổi 92, giáo sư Vũ Quốc Thúc mới gia nhập Giáo Hội Công Giáo. Nhưng có lẽ ông đã gặp Chúa lâu rồi, qua những người biết và tin Chúa. Chúa dùng họ làm những điểm hẹn để Chúa gặp ông.

4. Quyền lợi của Người Công Giáo đầy đủ. Ở Mỹ này lương hưu trí quan trọng. Nhưng có làm mới có lương hưu. Các linh mục Công Giáo cũng vậy. Phải làm mục vụ trọn 32 năm thì mới lãnh trọn lương hưu. Còn không thì làm ít năm thì ít lương hưu. Nhưng với những người kitô hữu, thì người vào làm vườn nho giờ thứ nhất và người làm vườn nho giờ thứ 11 lãnh lương giống y chang. Quyền lợi giống nhau. Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc là người thợ vào làm vườn nho giờ thứ 11. Vậy mà ông lãnh lương như những cụ ông cụ bà đã gia nhập Giáo Hội Công Giáo 80, 90 năm trước ông. Vì sao có chuyện có vẻ thiếu “công bằng” đó? Vì trong mắt Thiên Chúa, “công bằng” là thương yêu



Mọi người chụp hình lưu niệm
đồng đều. Trước mặt Thiên Chúa, không có ai hơn, không có ai kém. Vì Thiên Chúa là tình yêu.

Và quyền lợi của những người đi theo Chúa là như Bài Tin Mừng chúng ta vừa nghe công bố: “Trong nhà Cha Thầy có nhiều chỗ ở.... Thầy đi để dọn chỗ cho các con. Và khi Thầy đã ra đi và dọn chỗ các con rồi, Thầy sẽ trở lại đem các con đi với Thầy, để Thầy ở đâu thì các con cũng ở đó. Thầy đi đâu, các con đã biết đường rồi”. (Ga 14:1-6) Housing trên Thiên Quốc có sẵn. Thầy sẽ dẫn dắt, khỏi lo. Và hãy yên tâm, Thầy đâu trò đó. Quá ngon lành. Nhưng chúng ta hãy lưu ý câu “Thầy đi đâu, các con đã biết đường rồi.” Chúa nói như thế các môn đệ đã biết đường rồi. Thì ra không phải là con đường, mà là chính Chúa. Chúa Giêsu không chỉ biết đường mà chính Chúa là con đường. Vì “Thầy là đường, là sự thật và là sự sống”.

5. Tôi dành thời gian cho Chúa hay Chúa dành thời gian cho tôi? Nhiều người Công Giáo khuyên nhau hãy đến nhà thờ và dành thời gian cho Chúa. Nhưng ít ai nghĩ ra là Chúa đang dành thời gian cho họ. Lý do tại sao Chúa làm vậy? Lễ Giáng Sinh cũng là ngày nhân trần mừng Thiên Chúa xuống thế làm người. Tại sao Chúa muốn ngụ giữa nhân loại? Tại sao Chúa gọi hết người này đến người nọ vào làm vườn nho cho Chúa? Trẻ cũng được. Tại sao Chúa gọi Giáo sư Thúc vào làm vườn nho ở tuổi 90? Tuổi mà người ta cho là mất sức lao động? Con người dành thời gian cho nhau khi hợp tác làm ăn hay để tìm kiếm cơ hội. Nếu không phải vậy thì là vì cái gì? Là vì YÊU. Cho nên Chúa mới xuống thế làm người. Mới bỏ ngai vàng sinh trong máng cỏ. Mới đi tìm chiên lạc. Tất cả vì Chúa yêu thương loài người, trong đó có người kitô hữu Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc.

6. Sinh rồi mới sống hay sống rồi mới sinh? Sự thường người ta sinh ra rồi mới sống: chuyện thường tình. Còn sống rồi mới sinh: đó là chuyện của Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc. Tại sao có thể nói vậy?

Có một Đấng Bậc trong Giáo Hội Công Giáo mà không ai không biết, ngài đang trong tiến trình sắp được phong thánh, đó là Đức cố Hồng y F.X. Nguyễn Văn Thuận. Ngài có một bài thơ trong sách

Đường Hy Vọng, viết trong cảnh bị quản thúc, tù ngục ở Cây Vong, Nha Trang vào cuối năm 1975:

“Con Có Một Tổ Quốc”

Tiếng chuông ngân trầm,
Việt Nam nguyện cầu.
Tiếng chuông náo nùng,
Việt Nam buồn thảm.
Tiếng chuông vang lừng,
Việt Nam khởi hoàn.
Tiếng chuông thanh thoát,
Việt Nam hy vọng.

Con có một tổ quốc Việt Nam,
Quê hương yêu quý ngàn đời.
Con hãnh diện, con vui sướng.
Con yêu non sông gấm vóc,
Con yêu lịch sử vẻ vang.
Con yêu đồng bào cần mẫn,
Con yêu chiến sĩ hào hùng.

Con phục vụ hết tâm hồn,
Con trung thành hết nhiệt huyết.
Con bảo vệ bằng xương máu,
Con xây dựng bằng tim óc.
Vui niềm vui của đồng bào,
Buồn nỗi buồn của Dân Tộc.

Là người Công Giáo Việt Nam,
Con phải yêu Tổ Quốc gấp bội.
Chúa dạy con, Hội Thánh bảo con.
Cha mong giòng máu ái quốc,
Sôi trào trong huyết quản con.

Nhiều người đã từng đọc qua bài thơ này. Có ai lưu ý rằng nguyên cả bài thơ này là chứng từ của một người sống Tin Mừng không? Cố Giáo sư Vũ Quốc Thúc tuy lãnh nhận Bí Tích Thánh Tẩy ở tuổi cửu tuần, nhưng ông đã sống con người mới của Tin Mừng từ 90 năm trước đó rồi. Ông yêu quê hương. Ông trải qua những thăng trầm với quê hương. Ông hãnh diện với quê hương. Ông dốc tâm phục vụ quê hương. Ông buồn vui với dân tộc. Cho nên mới nói ông “sống rồi mới sinh.”

7. Được hai ơn đặc biệt của Đức Mẹ. Có rất nhiều người ngoài Công Giáo khi gặp khốn khó thì chạy

đến cầu xin Đức Mẹ và được Đức Mẹ nhậm lời. Người ta nói vui rằng dường như muốn được Đức Mẹ nhậm lời là phải nên làm người ngoại đạo hay sao đó?! Năm 1976, Giáo sư Vũ Quốc Thúc chạy đến khẩn xin Đức Mẹ Fatima tại Bình Triệu. Ông xin Đức Mẹ giúp gia đình ông tìm được đường đến bến bờ tự do. Ông nguyện sẽ đem tất cả những năm còn lại trong đời để tranh đấu cho dân tộc và tranh đấu cho tôn giáo. Người ta được ơn thì nguyện sẽ bắt đầu làm điều này điều này. Nhưng đối với Giáo sư Vũ Quốc Thúc, con đường mà ông hứa với Đức Mẹ đâu có gì là mới mẻ. Nó đã là một con đường dài ông theo đuổi. Thành thử khi Đức Mẹ ban một ơn là cho gia đình ông thoát ra khỏi nước, thì Đức Mẹ lại ban thêm cho ông một ơn khác. Ơn đó chính là tâm tình bình an đi theo lý tưởng mà ông đã theo. Như thể Đức Mẹ muốn nhắn nhủ ông: “Tốt lắm, con làm tiếp đi.” Chứ nếu việc gì mà không làm đẹp lòng Chúa Mẹ thì ắc sẽ gặp nhiều trắc trở. Nếu gia đình ông không đi được thì làm gì ông có cơ hội để tranh với đấu. Cho nên Đức Mẹ chỉ đường chỉ lối, thì cũng là bảo chứng để Đức Mẹ nói với ông rằng ông yên tâm vì đã đi đúng đường.

8. Chuyện tình trăm năm. Điểm sau cùng xin chia sẻ với cộng đoàn phụng vụ. Đó là chúng ta đang tụ họp nơi đây để tưởng nhớ một cây đại thụ của giới luật gia và kinh tế gia. Người được Chúa ban sống thượng thọ trăm tuổi. Chúng ta đang kể về một câu chuyện trăm năm đây. Đoạn kết của câu chuyện cuộc đời ông là gì? Thánh Phaolô ở cuối đời đã viết được câu này: “Tôi đã chiến đấu trong trận đấu cao đẹp, đã chạy hết chặn đường, đã giữ vững niềm tin” (Tm 4,7). Cố Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc đã đấu trong trận đấu cao đẹp, ông đã chạy hết chặn đường dài trăm năm, nhưng điều mà chúng ta thấy đẹp nhất chính là câu chuyện của một tình yêu. Một chuyện tình trăm năm giữa một Thiên Chúa đi tìm con người và giữa con người đi tìm Thiên Chúa. Nay, cố Giáo sư Gioan Phaolô Vũ Quốc Thúc không những đã gặp gỡ Chúa, ông còn được Chúa dẫn về đến bến bờ bình an. RIP./.

LM LÊ TRUNG TƯỜNG

THĂM MỘ CHA



Tôi đến mộ thăm người Cha đã khuất
Giữa trưa hè nắng gắt đọc vài kinh
Chỉ mình con yên lặng đứng một mình
Rồi khẽ nói: “*Ba nằm yên ngủ nhé*”

Con gió thoảng thổi qua nghe nhè nhẹ
Nhu điệu buồn giữa cảnh vắng, âm u
Đời người sao số kiếp quá phù du
Tôi đứng đó im lìm nghe thổn thức

Từng nấc nghẹn trong tim như đang khóc
Khẽ nguyện thầm, réo gọi giữa hư không
Ba có nghe thấu hiểu được nỗi lòng
Con nắng Hạ, sao lòng con băng giá ?

Con đến mộ lòng chợt buồn xa lạ
Nhìn mộ Ba trong hoang lạnh tiêu điều
Quang cảnh buồn đau xót nỗi quạnh hiu
Nhìn cảnh vật gợi lòng thêm đau xót

Lệ tiễn Ba mới hôm nào con khóc
Giọt lệ buồn khô héo trái tim đau
Thời gian đâu hàn gắn nỗi u sầu
Giờ cách biệt chia ly tình phụ tử

Gặp Ba đây lời thương yêu nhắn nhủ
Con cúi đầu trước mộ hẹn ngày sau
Đời người như một thoáng giấc chiêm bao
Thôi Ba nghỉ ... mai sau mình gặp lại

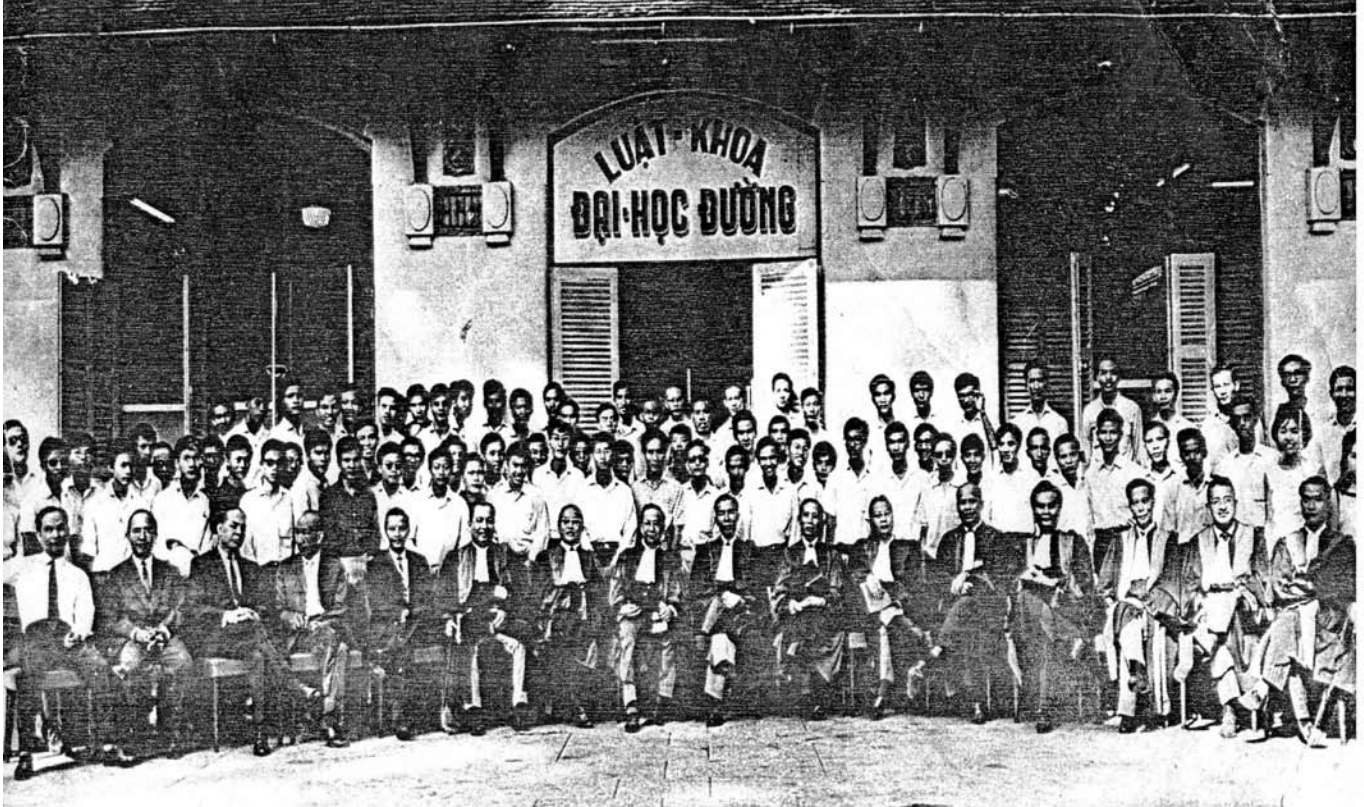
Giòng thời gian tháng ngày trôi đi mãi
Hết Đông về, đến Hạ lại Thu sang
Nỗi chia ly xa vắng vẫn ngỡ ngang
Vẫn để lại nỗi niềm đau khôn cạn

NGUYỄN VĂN THẮNG

LUẬT KHOA ĐẠI HỌC ĐƯỜNG SÀI GÒN

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN VĂN CUNG - NGUYỄN VĂN THẮNG (THIÊN Ý)



Ngành Luật Khoa Việt Nam được chính phủ bảo hộ Pháp hình thành vào cuối thập niên 1920 - khoảng năm 1918, vì nhu cầu cai trị một thuộc địa. Nhưng Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn đã chính thức được thành lập vào năm 1955, sau khi giành được độc lập, nhằm đào tạo các nhà trí thức có kiến thức luật học, cung ứng cho mọi ngành nghề của một quốc gia độc lập, có chủ quyền được thiết lập ở Miền Nam Việt Nam, sau Hiệp Định Geneve 1954 chia đôi đất nước. Vì vậy, viết về lịch sử Trường Luật Sài Gòn, chúng ta cần phân chia làm hai thời kỳ, trước và sau khi Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn ra đời.

I/- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH LUẬT KHOA ĐẠI HỌC ĐƯỜNG SÀI GÒN:

Thật vậy, trước năm 1933, chính quyền bảo hộ Pháp đã cho thành lập một trường luật lấy tên là Trường Cao Đẳng Pháp Chính Đông Dương (Ecole

Supérieure d'Administration Indochinoise) đặt trụ sở tại Hà Nội, nhằm đào tạo một tầng lớp quan lại người bản xứ, cung ứng cho guồng máy cai trị ba nước thuộc địa Đông Dương là Việt, Miên, Lào. Người Việt thường gọi trường này là Trường Hậu Bổ. Từ năm 1933 trường được đổi tên thành Trường Cao Đẳng Luật Học (Ecole Supérieure de Droit). Những vị học sĩ tốt nghiệp những niên khoa đầu tiên có thể kể: LS Vũ Văn Hiến, LS Hoàng Cơ Thụy, LS Trần Văn Trí (1936); GS Vũ Văn Mẫu tốt nghiệp năm 1938, GS Vũ Quốc Thúc, GS Nguyễn Cao Hách tốt nghiệp năm 1942. . .

Ngoài ra có thể kể thêm một số vị tốt nghiệp trong các khóa đầu tiên này có tham chánh qua các chế độ chính trị tại Việt Nam như: LS Vũ Văn Hiến, Bộ Trưởng Tài Chánh trong nội các Trần Trọng Kim thành lập năm 1945. LS Phan Anh, Bộ Trưởng Thanh Niên chính phủ Trần Trọng Kim và năm 1946 là Bộ Trưởng Quốc Phòng, cùng Dương Đức Hiền

là Bộ Trưởng Thanh Niên trong chính phủ Hồ Chí Minh; Ông Trương Tử Anh sáng lập viên và Đảng Trưởng đầu tiên của Đại Việt Quốc Dân Đảng; Phan Mỹ là em LS Phan Anh làm ‘Gouverneur militaire de Hà Nội’ năm 1946; GS Vũ Văn Mẫu là Bộ Trưởng Ngoại Giao chính phủ Ngô Đình Diệm, từ chức năm 1963 và được Tổng Thống không dân cử Dương Văn Minh bổ nhiệm làm Thủ Tướng Chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà chỉ 24 giờ trước khi Miền Nam sụp đổ; Võ Nguyên Giáp giữ nhiều chức vụ quân sự cũng như chính trị quan trọng trong chính phủ Hồ Chí Minh và sau này trong chế độ đương quyền Việt Nam, trước cũng như sau 1975. . . . Đến năm 1938, Trường Cao Đẳng Luật Học được nâng lên thành một Phân Khoa Luật (Faculté de Droit) tại Hà Nội trực thuộc Đại Học Luật Khoa Ba Lê. Bắt đầu từ năm học này, Đại Học Ba Lê mới cử một số Thạc Sĩ tân tuyển như GS Camelynck, Grégoire Khérian sang Hà Nội giảng dạy. . . Sau đó vì chiến tranh, khởi đi từ vụ Mỹ ném bom Hà Nội ngày 10-12-1944, tiếp đến Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, rồi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, Trường Luật cũng đã đi theo số phận nổi trôi của Đất Nước và dân tộc, phải tạm ngưng hoạt động khoảng ba năm. Đến năm 1947, khi Pháp trở lại Hà Nội, Trường Luật được mở cửa lại cho các sinh viên đang học dở dang được ghi danh tiếp tục học lại. Năm 1948, trường đã tổ chức một kỳ thi tốt nghiệp khoá đặc biệt dành cho các sinh viên đang học năm thứ ba bị gián đoạn vì chiến tranh, trong số sinh viên tốt nghiệp khoá này có LS Vũ Ngọc Tuyên. Trước khi Trường Luật mở cửa lại vào năm 1947, cùng thời gian này, một chi nhánh của Phân Khoa Luật Hà Nội được mở ở Sài Gòn vào năm 1946, trụ sở đặt ở số 17 Duy Tân Sài Gòn.

Trước năm 1954, GS Grégoire Khérian là Khoa Trưởng Luật Khoa Hà Nội kiêm nhiệm Giám Đốc Trung Tâm luật Sài Gòn. Vào tháng 5-1951, GS Vũ Quốc Thúc được cử làm Xứ Lý Thường Vụ Giám Đốc Trung Tâm Hà Nội thay thế một giáo sư người Pháp. Đến Tháng 6-1952, GS Thúc qua Pháp thi lấy bằng Thạc Sĩ, trở về nước được bầu làm Khoa Trưởng kiêm Giám Đốc Trung Tâm Hà Nội. Năm 1954, GS Thúc tham gia nội các chính phủ Bửu Lộc, GS Vũ Văn Mẫu, Phó Khoa Trưởng được

bầu thay thế GS Thúc.

Sau Hiệp Định Genève năm 1954 chia đôi lãnh thổ, Trung Tâm Hà Nội di chuyển vào Miền Nam, sát nhập với Trung Tâm Sài Gòn, lấy tên là Phân Khoa Luật (Faculté de Droit) trực thuộc Viện Đại Học Sài Gòn. Ngày 30-4-1955, cùng lúc thu hồi chủ quyền đất nước Trường Luật của Chúng ta được khai sinh dưới tên Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, hay thường gọi là Đại Học Luật Khoa Sài Gòn. Khoa Trưởng cuối cùng người Pháp là Khérian đã chuyển giao quyền quản trị trường luật cho các giáo sư Việt Nam. Các vị Khoa Trưởng sau đây đã lần lượt coi sóc Trường Luật của chúng ta: GS Vũ Văn Mẫu (1955-1957), GS Vũ Quốc Thúc (1957-1963), GS Nguyễn Cao Hách (1963-1967), GS Nguyễn Đố (1967-1971), GS Bùi Tường Chiêu (1971-1973), GS Vũ Quốc Thông (1973-1975).

Như vậy là GS Vũ Quốc Thông đã là vị Khoa Trưởng cuối cùng của Trường Luật, sau đúng 20 năm hoạt động (30-4-1955 đến 30-4-1975). Trong khoảng thời gian này tiếng Việt được dùng để giảng dạy thay tiếng Pháp, nhưng chương trình giảng dạy căn bản vẫn theo chương trình giảng huấn và tài liệu giáo khoa tham khảo của các giáo sư Việt Nam vẫn là theo Đại Học Ba Lê Pháp Quốc. Mãi sau này, khi trường luật có một số Giáo Sư tốt nghiệp từ Hoa Kỳ về giảng dạy, giáo trình, tài liệu giáo khoa mới được mở rộng thêm qua các trường luật của Hoa Kỳ. Sự chuyển hoá nội dung chương trình giảng dạy cùng lúc với sự chuyển hoá trường ốc đã làm mất đi hình ảnh ngôi Trường Luật cổ kính, với biết bao kỷ niệm buồn vui của nhiều thế hệ cựu sinh viên luật khoa chúng ta; Thay vào đó, một cơ sở trường ốc kiến trúc tân kỳ ngay trên nền xưa đường cũ, chưa kịp hoàn thành, thì chế độ Dân Chủ còn non trẻ ở Miền Nam đã sụp đổ, kéo theo bao hoài bão, ước mơ của các thế hệ sinh viên sau ngày độc lập, mong muốn có cơ hội đem kiến thức luật học hấp thụ được từ Trường Mẹ, góp phần kiến tạo một chế độ Tự Do Dân Chủ đích thực cho Đất Nước và Dân Tộc Việt Nam yêu quý của chúng ta.

III- CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH:

Sau ngày giành được độc, lãnh thổ qua phân, Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, lúc đầu vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức và điều hành như đại học Luật khoa Ba Lê. Sau này có đôi chút thay đổi

trong chương trình đào tạo khi một số Giáo Sư tốt nghiệp từ Hoa Kỳ về giảng dạy.

1/- Về trường sở và sĩ số sinh viên:

Sau khi Trung Tâm Hà Nội di chuyển vào Miền Nam đã sát nhập với Trung Tâm Sài Gòn thành Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, có trường sở đặt tại số 17 đường Duy Tân Sài Gòn. Trường sở này nguyên là một trường Mẫu Giáo thời Pháp thuộc, được Bộ Quốc Gia Giáo Dục chính phủ Nam Triều thu hồi, cấp cho Phân Khoa Luật Hà Nội để mở một chi nhánh tại Sài Gòn vào năm 1946. Nay chính thức được dùng làm trường sở Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn từ 1955.

Ngoài văn phòng Khoa Trường và phòng hành chánh, thư viện, lúc đầu trường chỉ vón vện có 4 giảng đường. Giảng đường lớn nhất chứa được khoảng 100 sinh viên. Mãi về sau này Trường mới được xây lại theo một kiến trúc tân kỳ có hai tầng lầu. Phòng hành chánh được đặt ở tầng trệt ngay phía công vào để tiện cho sinh viên ghi danh học. Một cầu thang lớn dẫn lên một phòng lớn lầu trên, dùng làm nơi sinh hoạt hay tổ chức các buổi lễ qui tụ đông đảo sinh viên. Kế liền phòng này vào phía trong là một toà nhà có hai lầu, sắp theo hình vuông vây quanh một sân nhỏ ở giữa. Một hành lang rộng, sinh viên có thể đi lại bốn xung quanh. Các phòng dưới đất dành làm giảng đường. Trên lầu kế cận với phòng sinh hoạt lớn vừa kể là phòng Khoa Trường và phòng Phụ Tá Khoa Trường ở phía trái. Phòng ọc còn lại dùng làm lớp học. Thư viện được đưa lên lầu 2 và một số phòng ở tầng này được dùng làm lớp học. Một đại giảng đường đã được xây cất vào năm 1975 có sức chứa khoảng 300 sinh viên.

Về sĩ số sinh viên, vào khoảng cuối thập niên 1960 trở đi, sĩ số sinh viên ghi danh tăng nhanh. Năm 1970 đã có trên 13.000 ghi danh học bốn năm cử nhân luật. Hệ quả là con số sinh viên quá lớn so với khả năng trường ọc, với số phòng ít lại nhỏ hẹp, số giáo sư ít ỏi. Vì thế đã có thời gian phải mượn cả rạp Thống Nhất để giảng dạy cho sinh viên năm thứ 1&2. Sau khi quân đội Mỹ rút khỏi Việt Nam năm 1973, cơ sở bán hàng PX của Mỹ có sức chứa khoảng 1000, đã có lúc được dùng làm giảng đường cho sinh viên năm thứ 1&2 ban cử nhân.

2/- Cơ cấu Tổ chức và nhân sự điều hành:



Ô. Nguyễn Thượng Kiên, TTK trường Luật và phu nhân

Trường là một định chế đơn lập, nhưng lại là một phân khoa của Viện Đại Học Sài Gòn. Vì vậy điều quan trọng là ‘Faculté’ được hưởng quy chế tự trị.

Trường Đại Học Luật khoa Sài Gòn được tổ chức và điều hành bởi một Hội Đồng Khoa (HĐK), với các Giáo Sư là thành viên, bầu ra Khoa Trường, Phụ Tá để điều hành công việc. Hội Đồng Khoa quyết định chính sách, chương trình giảng dạy, tự tuyển Giáo Sư mà không có sự can thiệp của Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Bên cạnh Hội Đồng Khoa là một Ban Hành Chánh do một Tổng Thư Ký điều hành dưới quyền Khoa Trường.

3,- Học trình.

Trường Đại Học Luật khoa Sài Gòn mặc dầu tổ chức theo mô thức của Đại Học Ba Lê, song có khác. Luật Khoa Sài Gòn có ba ban: Ban Công Pháp, Ban Tư Pháp và Ban Kinh Tế, còn Luật khoa Ba lê thêm Ban Pháp Chế Sử với hai môn chính Droit Romain và Ansien Droit (Luật Pháp Quốc trước cuộc cách mạng 1789).

-**Ban công pháp** (Droit public) gồm các môn luật Hiến pháp (Droit constitutional), luật Hành chánh (Droit administratif) và luật Công pháp quốc tế (Droit international public).

-**Ban tư pháp** (Droit privé) gồm các môn Dân luật (Droit civil), Hình luật (Droit penal) luật Thương mại (Droit commercial) và luật Quốc tế tư pháp (Droit international privé)

-**Ban kinh tế** (Économie Politique) gồm các môn Phân Tích Kinh Tế (Analyse économique), Lịch Sử Các Học Thuyết

(Histoire des Doctrines) và Địa lý Kinh tế Phát triển (Geographie Économique Development).

Như vậy là Đại Học Luật khoa Sài Gòn chỉ có ba ban, còn Luật khoa Ba Lê của Pháp có bốn ban. Vì ĐHLKSG thấy không cần thiết phải có Ban Pháp Chế Sừ với các môn Luật La Mã và Cổ Luật Pháp. Tuy nhiên, có thêm môn Pháp Chế Sừ Việt Nam dạy ở năm thứ nhất, và đến giữa thập niên 1960, sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai phải học thêm môn Cổ Luật Việt Nam.

4.- Ban giảng huấn.

Về ban giảng huấn của ĐHLKSG từ ngày thành lập (1955) sau khi dành được độc lập từ tay thực dân Pháp, gồm các Giáo Sư thực thụ giảng dạy trong 3 ban sau đây:

-Ban Công Pháp: GS Vũ Quốc Thông, Trưởng Ban và các Giáo Sư: Nguyễn Độ, Nguyễn Văn Bông, Lưu Văn Bình, Lê Đình Chân (người đầu tiên trình luận án Tiến sĩ tại Việt nam sau ngày độc lập), Tăng Kim Đông, Trần Thị Hoài Trân, Nguyễn Xuân Lai, Nguyễn Văn Canh, Lê Quý Chi và Trần Như Tráng.



Gs Vũ Q.Thông, Nguyễn V.Bông, Nguyễn Độ

-Ban Tư Pháp: Giáo Sư Vũ Văn Mẫu, Trưởng Ban và các Giáo Sư: Bùi Tường Chiêu, Lê Tài Triển, Nguyễn Tấn Thành, Nguyễn Huy Chiêu, Trần Văn Liêm, Nguyễn Quang Quýnh, Nguyễn Văn Thành, Vũ Tâm Tư, Nghiêm Xuân Việt, Vũ Thị Việt Hương, Đặng Thị Tám và Hà Như Vinh.



Gs Vũ V.Mẫu, Bùi T. Chiêu, Nguyễn Q. Quýnh

-Ban Kinh Tế: Giáo Sư Vũ Quốc Thúc, Thạc Sĩ Kinh Tế là Trưởng Ban và các Giáo Sư: Nguyễn Cao Hách, Mai Văn Lễ, Phan Tấn Chức, Châu Tiên Khương, Trần Thiên Vọng, Hồ Thới Sang, Nguyễn Hải Bình, Vũ Quốc Thùy, Phạm Văn Thuyết, Nguyễn Văn Ngôn, Tôn Thất Trung Nghĩa, Bùi Tường Huân và Trịnh Đình Khải.



Gs Vũ Q. Thúc, Nguyễn C. Hách, Mai V. Lễ

Ngoài ra nhà trường còn mời thêm một số Giáo sư thỉnh giảng là các vị Thẩm Phán, Chánh Án hay Luật Sư đến giảng dạy một số môn chuyên biệt, như cựu Bộ Trưởng Tư Pháp Nguyễn Văn Lương dạy môn Phạm Tội Học, cựu Bộ Trưởng Thông Tin Trần Chánh Thành dạy môn Thông Tin Báo Chí, cựu Thẩm Phán Mai Văn An dạy môn Luật Hàng Hải, cựu Chánh Nhất Toà Thượng Thẩm Sài Gòn Nguyễn Huy Đầu dạy môn Dân Sự Tố Tụng, cựu Chánh Án Phòng Toà Thượng Thẩm Sài Gòn Nguyễn Văn Hảo dạy môn Hình Sự Tố Tụng, Luật Sư Bùi Huy Sơn dạy môn Dân Sự Tố Tụng. Trường cũng mời một số Giáo Sư thuộc học viện Quốc Gia Hành Chánh đến giảng dạy, như GS Nguyễn Mạnh Hùng dạy môn Chính Sách Ngoại Giao các Quốc Gia Đông Nam Á, GS Tạ Văn Tài dạy môn Phương Pháp Khoa Học Xã Hội, GS Nguyễn Quốc Trị dạy môn Hành Chánh Công Quyền. Một số Giáo Sư Pháp, Mỹ cũng được mời đến giảng dạy tại các Ban Cao học Công pháp và Tư pháp.

III- NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHẾ ĐỘ THI CỬ:

1/-Trường và phân khoa: (École & Faculté)

Thông thường nếu là một trường thì đó là một cơ sở giáo dục mang tính chuyên nghiệp, mục đích huấn luyện sinh viên về một ngành nghề với một quy chế gò bó hơn và có tính thực



Hà nội chỉ cấp đến văn bằng cao nhất là Cao Học Luật (Diplôme d'études Supérieures de Droit hay DES), còn bằng Tiến Sĩ thì do Đại Học Ba Lê cấp là Tiến Sĩ Quốc Gia và ở Pháp còn có một loại văn bằng Tiến Sĩ giá trị thấp hơn gọi là Tiến Sĩ Đại học hay Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp. Các văn bằng Tiến Sĩ này có được thiết lập tại một số phân khoa khác của Đại Học Việt Nam trước năm 1975, như Văn Khoa, Khoa Học. . . Sau khi giành được độc lập, Đại Học Luật khoa Sài Gòn đã chỉ cấp phát văn

hành, như Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Trường Kiến Trúc, Trường Sư Phạm, Trường Kỹ Thuật Quốc Gia Phú Thọ. . . Những sinh viên các trường này, sau khi tốt nghiệp sẽ hành nghề theo mục đích đào tạo chuyên nghiệp của mỗi trường.

Trong khi đó, sinh viên thuộc một phân khoa đại học (faculté) thì được hưởng quy chế tự do và hành nghề tự do. Chương trình giảng dạy của các phân khoa thường thiên nhiều về lý thuyết, cung cấp kiến thức tổng quát rộng rãi hơn và sinh viên phải học nhiều môn hơn. Do đó, phân khoa luật cũng vậy, tốt nghiệp Cử Nhân hay Tiến Sĩ Luật, sinh viên có thể dùng kiến thức phục vụ trong nhiều ngành nghề khác nhau, như Thẩm phán, Luật sư, công chức hành chánh, ngoại giao, kinh tế, xã hội, quân sự, an ninh cảnh sát. . . Mặt khác, sinh viên phân khoa luật còn được chuẩn bị kiến thức căn bản cho việc nghiên cứu, tìm tòi để khám phá hay phát minh mới về bộ môn của mình. Do đó càng học lên cao, các phân khoa nói chung, phân khoa luật nói riêng, thường đặt nặng về phương pháp học, để giúp các sinh viên có thể tiếp tục học lên Ban Cao học, với các công trình nghiên cứu chuẩn bị luận án Tiến sĩ hay Thạc sĩ như ngành luật của Pháp Quốc.

2/- Phân khoa và bằng cấp (Faculté & Diplôme)

Dưới thời Pháp thuộc, phân khoa luật

bằng cao nhất là Tiến Sĩ Quốc Gia theo tiêu chuẩn của Đại Học Ba Lê.

3/- Nội dung học trình ban cử nhân.

Trước năm 1965, học trình Ban Cử Nhân Luật là 3 năm, chưa phân ban, các sinh viên đều học như nhau, khi tốt nghiệp đều được cấp phát văn bằng Cử Nhân Luật. Nếu tiếp tục lên Cao Học, sinh viên mới chọn ban ngành: Công Pháp, Tư Pháp hay Kinh Tế.

Từ sau năm học 1965-1966, học trình Ban Cử Nhân Luật là 4 năm. Hai năm đầu chưa phân ban, sinh viên học chung cùng một chương trình, với các môn học như sau:

-Cử Nhân Năm Thứ Nhất, sinh viên phải học 7 môn: Dân luật (Civil Law), Luật Hiến Pháp (Constitutional Law), Kinh Tế Học (Economics), Công Pháp Quốc Tế (International Public Law), Pháp Chế Sử (History of Law), Danh từ kinh tế Anh Ngữ (Economical Terminology In English) cả Danh Từ Pháp Lý (Justificatory Terminology)

-Cử Nhân Năm Thứ Hai, sinh viên học 8 môn: Hình Luật (Penal Law), Dân Luật (Civil Law), Bang Giao Quốc Tế (International Relations), Kinh Tế Học (Economics) Tài Chánh Công (Finances), Luật Hành Chánh (Administrational Law), Danh Từ Kinh Tế (Economical Terminology In English) và Luật Đối Chiếu (Comparative Law In French).

Bắt đầu từ năm thứ ba trở đi, sinh viên sẽ ghi danh học theo ngành mình chọn, với các môn học chung và chuyên biệt, như Ban Kinh Tế sẽ học thêm các môn Thống Kê (Stagistic), Kinh Toán Học (Econometric). Sau 4 năm tốt nghiệp, sinh viên được cấp văn bằng Cử Nhân Luật ban công pháp, tư pháp hay kinh tế. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân, sinh viên có thể ghi danh tiếp tục học Ban Cao Học Luật hai năm theo ngành của mình, để đủ điều kiện trình luận án thi lấy bằng Tiến Sĩ Luật.

Nội dung tổng quát chương trình học của Ban Cử Nhân Luật có hai phần: Phần kiến thức ngoài luật học, như kinh tế học (Sinh viên phải học ít nhất 3 năm kinh tế), bang giao quốc tế, tổ chức quốc tế, học thuyết chính trị, đoàn thể áp lực, thông tin báo chí, tội phạm học, xã hội học và luật đối chiếu. Phần thuần túy luật học, như dân luật (*Gồm ba phần chia làm ba năm: luật gia đình, kế ước & nghĩa vụ, tài sản*), luật dân sự tố tụng, hình luật, hình sự tố tụng, luật thương mại, luật hiến pháp, công pháp quốc tế, quốc tế tư pháp, luật hành chính, tố tụng hành chính, các luật bảo hiểm, lao động, hàng hải, hàng không và luật an sinh xã hội. . .

4/- Nội dung học trình ban cao học:

Nội dung chương trình Ban Cao Học Luật được chia làm hai cấp: Cấp I và Cấp II. (DESI & DES II). Sinh viên sẽ phải học một số môn chính đã học ở ban cử nhân, với tính cách như ôn lại những gì đã học rồi thâm cứu. Mỗi ban (*công pháp, tư pháp, kinh tế*) gồm 5 môn. Chẳng hạn ban cao học công pháp, cao học I: Sinh viên phải học luật hành chính, luật hiến pháp, quốc tế công pháp, dân luật và luật đối chiếu (*Hệ thống của Pháp*). Qua cao học I, bước lên cao học II, sinh viên phải học các môn: Học thuyết chính trị, hành chính công quyền, các tổ chức quốc tế, các vấn đề chính trị quốc tế đương thời, và luật đối chiếu (*Hệ thống của Anh*).

Tựu chung chương trình đào tạo của Đại Học Luật Khoa Sài Gòn chú trọng vào mục tiêu huấn luyện cho sinh viên về phương pháp giải thích luật pháp. Giáo sư thường đưa ra nguyên tắc, giải thích nguyên tắc ấy bằng sự biện luận lý thuyết và dựa vào các án lệ ứng dụng. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có được một kiến thức tổng quát vững vàng, nhờ đó có thể ứng phó với mọi hoàn cảnh hay trong phạm vi nghề nghiệp của mình.

5/- Chế độ thi cử:

a)-Ban cử nhân.

Thi cử ở Đại Học Luật Khoa Sài Gòn trước năm 1975 rất khắt khe. Thời kỳ đầu, mỗi cuối niên học, sinh viên phải trải qua các kỳ thi trắc nghiệm sự hiểu biết về tất cả các môn học trong một kỳ thi duy nhất và phải đạt điểm trung bình 10/20 mới được chấm đậu. Thời kỳ đầu mỗi năm chỉ có một kỳ thi. Sau này có sự cải tổ nên đã có hai kỳ thi mỗi năm học và chế độ thi cử bớt khắt khe hơn, song vẫn bảo đảm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp có được một vốn kiến thức luật học căn bản vận dụng vào các lãnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời thúc đẩy cho sinh viên muốn giỏi và cầu tiến phải nỗ lực học tập thực sự. Thông thường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn mỗi năm có hai kỳ thi tháng 6 và tháng 9 cho các sinh viên ban cử nhân. Thí sinh phải thi viết 2 môn trong 7 môn chính, 5 môn còn lại thi vấn đáp. Trước ngày thi, thí sinh đến trường dự cuộc rút thăm hai môn thi viết. Trong những năm cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960, sinh viên chỉ rút thăm một môn, còn môn dân luật thì bắt buộc cho cả ba năm nên không rút thăm. Giáo sư phụ trách môn giảng dạy ra đề thi bỏ trong một phong bì kín. Vào ngày thi, giáo sư đem đề thi đến phòng Khoa Trường đánh máy và quay ronéo. Giáo sư Khoa Trường phân phát đề thi cho các giáo sư phụ trách đem đến phòng thi để đọc cho các thí sinh cùng một lượt. Thời gian thi viết là 3 giờ cho mỗi môn.

Để bảo mật và sự công bằng, các bài thi của các thí sinh sau khi nộp đều được giám thị phòng thi ghi số mật mã trên phần lý lịch thí sinh và phần bài viết trước khi rọc phách, bỏ vào một phong bì ghi rõ số phòng, trung tâm và niêm lại. Bài sau khi giám khảo chấm xong sẽ được rập phách lại để biết kết quả thí sinh có qua được các môn thi viết để vào vấn đáp hay không. Những thí sinh đạt 10/20 điểm trở lên hai bài thi viết sẽ được vào thi vấn đáp. Kết quả này thường được niêm yết sau ngày thi viết 1 tháng. Thí sinh được vào vấn đáp sẽ phải thi vấn đáp tất cả các môn còn lại.

Bắt đầu từ năm học 1965-1966, ban cử nhân luật năm thứ nhất học 7 môn, năm thứ hai học 8 môn, năm thứ ba tùy theo ngành, cũng khoảng 10 môn, năm thứ tư 13 môn. Thí sinh phải đạt điểm trung bình mỗi môn là 10/20 mới được coi là trúng tuyển. Nếu có một môn bị điểm loại (4/20) thí sinh

coi như rớt dù điểm trung bình có vượt quá điểm đậu là 10/20. Về sau có ân giảm về điểm loại cho các môn vấn đáp ban cử nhân. Sinh viên có thể được bù điểm giữa các môn. Trong niên học, sinh viên bị rớt thi vấn đáp kỳ I sẽ được thi lại vấn đáp kỳ II mà không phải thi viết lại. Nếu rớt vấn đáp cả hai kỳ, năm sau thí sinh phải thi lại từ đầu. Riêng năm thứ tư là năm cuối ban cử nhân, sinh viên phải học 13 môn, chia làm 2 vấn đáp 1 và 2. Thí sinh chỉ được bù điểm giữa các môn trong cùng một vấn đáp. Ngoài ra, nếu trong kỳ thi thứ hai của năm học, thí sinh chỉ đậu một trong hai vấn đáp, năm sau được ân huệ chỉ thi lại những môn thuộc vấn đáp đã rớt, nhưng chỉ được thi lại một kỳ, nếu rớt sẽ phải thi lại từ đầu, dù các môn thi còn lại có cao điểm đến đâu.

b)- Ban cao học.

Đối với thi cử của ban cao học, thí sinh phải thi viết môn học chính của ngành đã chọn (*Công pháp, tư pháp hay kinh tế*). Thời gian thi viết là 5 giờ. Vào vấn đáp thí sinh phải trả lời những câu hỏi liên quan đến phần tổng quát cũng như thâm cứu. Ngoài ra thí sinh còn phải nộp hai bài luận văn (*Tiểu luận*) trong mỗi cấp (*Cao học I và cao học II*). Đồng thời thí sinh còn phải đưa ra những luận cứ trước giáo sư chủ khảo để bảo vệ các luận điểm trong bài luận văn ấy.

c)- Trình luận án Tiến sĩ.

Sau khi đã đậu hai cấp bằng Cao Học Luật, thí sinh có thể thỉnh xin một giáo sư bảo trợ cho một luận án lấy bằng tiến sĩ. Thường thì phải mất 4 năm hay lâu hơn mới hoàn tất một luận án tiến sĩ, dưới sự hướng dẫn và giám sát của một vị giáo sư bảo trợ, mà sau này cũng là chánh chủ khảo. Giáo sư bảo trợ thường là một người biết rõ ứng viên về năng lực, kiến thức cũng như vài yếu tố khác như nghiên cứu, sự tâm có sáng tạo, có phương pháp khoa học. Một khi được chấp thuận đề tài, ứng viên phải đệ trình giáo sư bảo trợ, đề án với đầy đủ dàn bài, viết từng chương với đầy đủ chứng liệu tham khảo, phương pháp sự tâm nghiên cứu. Giáo sư bảo trợ sau khi xem xét sẽ gửi luận án trở lại, kèm theo những lời phê yêu cầu ứng viên sửa chữa hay biện luận thêm để bảo vệ quan điểm của mình. Sau khi thấy ứng viên hoàn tất công việc và nếu xứng đáng giáo sư bảo trợ sẽ ấn định ngày Lễ Đề Xuất và yêu cầu Khoa Trường cử hai giáo sư phụ khảo để xem trước luận án rồi mới quyết định tham dự

việc chấm thi. Chánh chủ khảo và hai vị phụ khảo họp thành Hội Đồng Giám Khảo Cuối cùng trong một buổi lễ đề xuất long trọng, thí sinh phải bảo vệ các luận điểm trong luận án trước ba vị giáo sư: một chánh chủ khảo và hai phụ khảo sát hạch. Sau đó, Hội Đồng Giám Khảo họp kín, thảo luận và bỏ phiếu quyết định về luận án theo đa số. Như vậy, được trình luận án không hẳn là sinh viên ứng viên đương nhiên trở thành Tiến Sĩ Luật.

d)- Bằng thạc sĩ.

Về thi lấy văn bằng Thạc Sĩ, Luật Khoa Sài Gòn chưa cấp phát văn bằng nào cho sinh viên. Nhưng một số giáo sư của trường đã tốt nghiệp văn bằng Thạc Sĩ từ Đại Học Ba Lê Pháp Quốc. Đó là quý Giáo Sư: Nguyễn Quốc Định, Thạc Sĩ Công Pháp năm 1948, đã ở lại Pháp dạy học. GS Vũ Quốc Thúc, Thạc Sĩ Kinh Tế năm 1952. GS Vũ Văn Mẫu, Thạc Sĩ Tư Pháp năm 1953. GS Nguyễn Cao Hách, Thạc Sĩ Kinh Tế năm 1956. GS Nguyễn Văn Bông (Nguyên Viện Trưởng Quốc Gia Hành Chánh) Thạc Sĩ Công Pháp năm 1962; GS Vũ Quốc Thông, Dự tuyển Thạc Sĩ (Agregatif – danh từ Dự tuyển do chính giáo sư Thông xử dụng khi còn sinh tiền)

Thạc sĩ là cấp bằng để dạy học. Người Pháp định nghĩa AGREGATION là kỳ thi tuyển chọn các giáo sư dạy đại học (Concours de reerutement de professeur d'enseignement superieur). Khi nói đến kỳ thi tuyển chọn, người ta hiểu rằng số chỗ dành cho các kỳ thi đó đã được ấn định trước. Do đó số người thi đậu trong các kỳ thi tuyển này phải có số điểm cao nhất trong danh sách tương ứng với số chỗ đã ấn định để được tuyển chọn. Thành ra, những thí sinh kể đó dù khả năng có thực sự giỏi đến đâu, vẫn bị loại.

Đây là những điều kiện để được thi tuyển lấy bằng Thạc Sĩ: Một là phải có văn bằng Tiến Sĩ; hai là phải đệ trình nhiều công trình khảo cứu có giá trị đã xuất bản; ba là phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học ít nhất 2 năm; bốn là phải trải qua một kỳ thi viết kéo dài 7 giờ đồng hồ; năm là sau khi đậu kỳ thi viết, ứng viên phải dự kỳ thi vấn đáp dưới hình thức thuyết trình trước Ban Giám Khảo bốn kỳ liên tiếp. Mỗi kỳ phải đến trường thi gặp chủ khảo nhận đề tài và sau 24 giờ trở lại trình bày đề tài trong 1 giờ đồng hồ, không được nhìn xuống giấy quá 3 lần trong suốt thời gian thuyết trình. Sáu là ứng viên nào đậu kỳ thi viết mà bị loại sau bài thuyết trình

đầu tiên thì được gọi là Admissible à l' Agrégation hay Agrégatif (như GS Vũ Quốc Thông, Dự tuyển Thạc Sĩ là vậy). Người nào bị loại sau hai hay ba bài thuyết trình kế tiếp, cũng được đậu dự khuyết, được xếp cuối danh sách, cũng khó được tuyển dụng. Sau cùng, ứng viên vượt qua tất cả bốn bài thuyết trình vấn đáp, được gọi là Agrége de Droit (Thạc Sĩ).

III-KẾT QUẢ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO SAU 20 NĂM (1955-1975)

Chúng ta không thể ghi nhận được những con số cụ thể, chính xác kết quả giáo dục và đào tạo của Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn mỗi năm học, sau 20 năm hoạt động. Là vì, sau biến cố 30-4-1975 mọi tài liệu lưu trữ của nhà trường đã bị tiêu hủy hoàn toàn. Vì vậy chúng ta chỉ có thể ước lượng sau 20 năm hoạt động Trường Luật Sài Gòn đã đào tạo hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp cử nhân và hàng chục sinh viên tốt nghiệp Tiến sĩ các ban công pháp, tư pháp và kinh tế.

Theo tài liệu viết về Trường Đại Học Luật Khoa Sài Gòn của Gs Nguyễn Văn Canh, vị Phụ Tá Khoa Trưởng duy nhất và cuối cùng trước khi Trường Luật ngưng hoạt động vào năm 1975, thì vào năm 1974 đã có 715 sinh viên tốt nghiệp cử nhân, trong số 13.000 sinh viên ghi danh học năm thứ nhất ban cử nhân bốn năm trước đó (1970). Tính ra tỷ lệ đậu cử nhân chưa đến 6%. Nếu tính ngược lại từ năm 1955 thì số sinh viên tốt nghiệp cử nhân dù lũy tiến theo thời gian cũng chỉ ở con số hàng trăm và tổng kết con số tốt nghiệp cử nhân luật các ban sau 20 năm cũng chỉ đạt con số hàng ngàn (ước đoán khoảng trên dưới 5000 cử nhân). Theo trí nhớ của một số cựu sinh viên học trong các năm học đầu tiên, có năm số sinh viên tốt nghiệp cử nhân chỉ khoảng vài ba chục người.



Về số Tiến sĩ tốt nghiệp từ Trường Luật Sài Gòn, vẫn theo tài liệu của Gs Nguyễn Văn Canh phù hợp với ước đoán của một số cựu sinh viên thì số sinh viên Ban Cao Học I đã ít, lên đến Cao Học II thì chỉ đếm trên đầu ngón tay. Vì thế suốt thời gian 20 năm giáo dục

(1955-1975), Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn, chỉ đào tạo được một số ít ỏi Tiến Sĩ được ước đoán khoảng trên dưới 30 vị, nhiều năm học không có một văn bằng Tiến Sĩ nào được cấp phát. Có thể kể một số Giáo Sư đậu bằng Tiến Sĩ Luật Quốc Gia từ Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn như GS Nguyễn Văn Canh, Tiến Sĩ Công pháp, GS Vũ Thị Việt Hương, Tiến Sĩ Tư pháp, GS Nguyễn Văn Thành, Tiến Sĩ Tư pháp, GS Vũ Quốc Thùy, Tiến Sĩ kinh tế, Gs Lê Đình Chi, Tiến sĩ Công pháp, Gs Tôn Thất Trung Nghĩa, Tiến sĩ kinh tế, Gs Nguyễn Mạnh Bách, Tiến sĩ tư pháp.

Mặc dầu không ghi nhận được con số chính xác về số Cử nhân và Tiến sĩ tốt nghiệp sau 20 hoạt động, nhưng điều quan trọng là thực tế Trường Luật Sài Gòn đã đào tạo ra được nhiều vị có kiến thức luật học, thành danh trên mọi lãnh vực sinh hoạt đời sống, xã hội, nhất là đã cung ứng cho các ngành công quyền quốc gia, góp phần rất quan trọng vào cộng cuộc củng cố, xây dựng chế độ dân chủ pháp trị Việt Nam Cộng Hòa ngày một vững mạnh trong vòng 20 năm sau ngày giành độc lập từ tay thực dân Pháp.

Bài này viết theo tài liệu của Giáo Sư Nguyễn Văn Canh, Tiến Sĩ Công Pháp, nguyên Phụ Tá Khoa Trưởng (1973-1975) và có tham khảo thêm Gs Vũ Quốc Thúc, nguyên Khoa Trưởng Đại học Luật Khoa Sài Gòn và một số tư liệu khác.

Ban Biên Tập Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Sài Gòn chân thành cảm ơn nhị vị Gs Vũ Quốc Thúc và Gs. Nguyễn Văn Canh, các cựu sinh viên Luật Khoa Sài Gòn và thân hữu đã cung cấp nhiều tư liệu quý giá cho bài viết này nói riêng và cho toàn Kỷ Yếu Đại Học Luật Khoa Sài Gòn (1955-1975) nói chung. Đặc biệt cảm ơn Gs Nguyễn Văn Canh đã bỏ nhiều công sức tâm để có một tài liệu khá đầy đủ và trung thực về lịch sử Luật Khoa Đại Học Đường Sài Gòn. Chúng tôi ước mong toàn bộ tài liệu này sẽ được Giáo sư Nguyễn Văn Canh cho ấn hành trong tương lai, để lưu lại cho các thế hệ luật khoa mai sau./.

Houston, tháng 11 năm 2014

**NGUYỄN VĂN CUNG
NGUYỄN VĂN THẮNG**

(Hiệu đính theo tài liệu lưu trữ năm 2002 của Câu Lạc Bộ Luật Khoa Việt Nam)

ĐẠI HỌC LUẬT KHOA HUẾ NGÀY XƯA



LS TRẦN MINH LỢI

Tính đến nay tôi đã rời xa xứ Huế và trường Luật thân yêu đã trên bốn chục năm trời, nhưng hình ảnh của ngôi Trường ở trên đường Lê Lợi cũng như tình nghĩa thầy trò và bạn bè cùng mái trường thân yêu luôn luôn ở trong ký ức của tôi.

Khi tôi ghi danh học Luật vào năm 1967, thì trường Luật Huế đã bước sang năm thứ 10 tính từ ngày bắt đầu thành lập Viện Đại học Huế vào năm 1957. Đại học Luật khoa cũng được khai sinh với giảng khóa đầu tiên vào mùa hè năm đó với các chứng chỉ Cử nhân Luật Khoa năm Thứ nhất và Chứng chỉ Năng lực Luật học.

Từ năm 1957 đến năm 1975 Trường đã có 5 Giáo sư làm Khoa Trưởng: Giáo sư Tăng Thị Thành Trai, Giáo sư Phan Văn Thiết, Giáo sư Bùi Tường Huân, Giáo sư Mai Văn Lễ, và Giáo sư Nguyễn Sĩ Hải.

1. Giáo sư Tăng Thị Thành Trai:

Bà là vị Khoa trưởng đầu tiên của Trường Luật Huế và cũng là vị nữ lưu đầu tiên làm Khoa trưởng trong Hệ thống Trường Đại học Luật khoa Việt Nam. Ngoài việc điều hành và giảng dạy tại Trường Luật Huế Bà còn phụ trách môn Chính Trị Học tại Trường Đại Học Sư Phạm. Sau này khi về Sài Gòn, bà tiếp tục dạy tại Trường Luật và Trường Quốc Gia Hành Chánh cũng như Đại học Vạn



Hạnh.
Bà mở văn phòng Luật sư ở số 9 Công trường Lam Sơn tại Sài Gòn và sau 1975 Bà cùng gia đình định cư ở Mỹ cho đến nay (2011).

2. Giáo sư Phan Văn Thiết:

Thầy du học ở Pháp và đã thi đỗ 3 bằng Tiến sĩ Luật khoa (Công Pháp, Kinh Tế và Tư Pháp). Ở Trường Luật, Giáo sư Thiết là một trong những thầy giáo thích chơi đá banh (bóng tròn hay túc cầu) nhất. Chính khi đang làm Khoa trưởng, thầy đã thành lập một đội banh tài tử gồm toàn các sinh viên Trường Luật và ngay cả thầy cũng là một cầu thủ trong đội banh này. Một anh bạn đàn anh kể cho nghe chuyện nhờ thuở nhỏ mê đá banh nên anh được tiếp tục học Luật và sau đó là học trò cưng của thầy. (Anh không nói nhưng tôi chắc anh chơi giỏi mà học cũng không thua ai, bằng chứng anh qua Cử nhân Luật dễ dàng và vào Sài Gòn đậu luôn hai Cao học Luật ban Kinh tế).

Số là, vì hoàn cảnh gia đình anh phải bỏ dở nửa chừng khi đang học năm thứ nhất trường Luật Sài Gòn. Khi về Huế, anh đến trường Luật xin ghi danh học tiếp tục. Anh nói chỉ cầu may thôi vì trường đã khai giảng đã gần nửa khóa! Không ngờ khi xem qua lý lịch, thầy Khoa trưởng hỏi anh về các môn thể thao. Anh thành thật nói về sở thích của mình về đá banh, thế là thầy nhận cho anh vào học nhưng với điều kiện phải được các Giáo sư khác đồng ý (Anh nghĩ, thầy không dùng quyền Khoa trưởng ở trường hợp này). Và rất may, các Giáo sư anh gặp kể tiếp rất hiền và dễ chịu mà anh còn nhớ như bà Tăng Thị Thành Trai, thầy Chánh án Nguyễn Toại và nhất là Linh mục Oxarango, vốn dạy anh ở Trường Pellerin Huế... đều chấp thuận cho anh vào học. Từ đó sau giờ học, anh cùng các bạn theo thầy đi đá banh và thầy trò thân thiết nhau như tình anh em tại trường Luật

Rất tiếc, thầy mất sớm khi tuổi còn quá trẻ. Trường Luật Huế mất đi một vị Khoa trưởng tài đức, sinh viên mất đi một vị thầy thân thiện khả kính. Để tưởng nhớ đến thầy, nhà trường đã đặt tên Giảng đường Phan Văn Thiết, nguyên là một giảng đường biệt lập rộng lớn nằm bên tay phải ngay từ cổng trường Luật đi vào. Mặt trước cửa vào giảng đường có gắn tấm bảng đồng kê tiểu sử của thầy.

Một người bạn học Luật ở Huế vừa qua đoàn tụ gia đình cho biết, Trường Luật xưa vẫn còn, nhưng đã bị bỏ phế hoang tàn! và Giảng đường Phan Văn Thiết chắc cũng chịu chung số phận như ngôi trường vậy!

3. Giáo sư Mai Văn Lễ:



Thầy tốt nghiệp Tiến sĩ Luật ban Kinh Tế tại Pháp và trở về dạy tại Trường Luật Sài Gòn trước khi ra Huế làm Khoa trưởng. Tại Huế, thầy dạy môn Kinh Tế và như phần đông Giáo sư Trường Luật, thầy mở văn phòng Luật sư tại Sài Gòn ở đường

Pasteur. Tôi chỉ nhớ mang máng, nhà riêng của thầy nằm trên đường Trần Hưng Đạo trong một biệt thự thoáng mát. Thầy rất thương học trò nhất là những sinh viên vốn học Luật ở Huế sau vào Sài Gòn học Cao học, đều được thầy tận tình giúp đỡ. Vào năm 1972, một sinh viên Cao học đã được thầy nhận bảo trợ làm luận án Tiến sĩ ban Kinh tế, nhưng rất tiếc anh chưa kịp trình Luận án thì cộng sản tiến chiếm miền Nam và cả hai thầy trò đều bị tù (đi cải tạo!)

Năm 1975, thầy bị tù qua nhiều trại giam mà trại sau cùng ở vùng cao nguyên Pleiku. Sau thời gian dài trong ngục tù cộng sản, thầy đã được sang Mỹ đoàn tụ với gia đình. Thầy sống với người con trai tại thành phố Houston thuộc Tiểu bang Texas Hoa Kỳ. Mùa hè năm 2010, tôi được gặp lại thầy sau bao năm xa cách. Thầy đã mất tại Houston vào ngày 6 tháng 2 năm 2013.

4. Giáo sư Bùi Tường Huân:

Thầy tính tình hiền hậu, dễ thương nên được sinh viên cảm mến. Đặc biệt thầy là con rể xứ Huế (Vợ thầy là cô Trần Thị Phương Thảo người đẹp đất thần kinh, em gái của ca sĩ Hà Thanh) ..



Ngoài chức vụ Khoa trưởng Trường Luật Huế, thầy là một trong những Giáo Sư phụ trách môn Kinh Tế tại Trường Luật Sài Gòn. Trước 1975, thầy từng giữ chức vụ Bộ trưởng Giáo Dục và Phó Thủ tướng. Sau 1975, thầy bị tù tận ngoài miền Bắc và nổi tiếng là người tù gương mẫu không chịu khuất

phục trước bạo quyền cộng sản. Sau khi ra tù vào năm 1979, thầy vẫn ở lại trong nước và đã mất vào tháng 5 năm 1988.

5. Giáo sư Nguyễn Sĩ Hải:

Thầy được sinh viên quý mến nhờ đặc tính “không muốn thấy ai bị hỏng thi” cả. Thầy đã từng dạy Sử Địa ở Trường Khải Định (Quốc Học sau này) và là Giáo sư Khoa trưởng duy nhất xuất thân từ xứ Huế. Thầy phụ trách dạy môn Hành Chánh Công, Hình Luật Riêng Biệt và môn Hình Sự Tố Tụng.

Trước 1975, thầy mở văn phòng Luật sư ở đường Phan Bội Châu, Huế. Sau 1975, thầy vào sinh sống ở Sài Gòn và mất vào năm 2009.

Những giáo sư cơ hữu của trường như: Thầy Nguyễn Toại (Chánh án) dạy môn: Dân Luật, Thầy Cao Huy Thuận: Pháp Chế Sử, Thầy Lê Tài Triển (Chánh án): Dân Luật, Thầy Bùi Tường Huân: Kinh tế, Thầy Nguyễn Sĩ Hải: Hình Luật, Hình Sự Tố Tụng và Luật Hành Chánh, Thầy Võ Xuân Hân: Thống kê, Thầy Nguyễn Hữu Lành: Quốc Tế Công Pháp (sau thầy được bổ nhiệm làm Khoa trưởng Đại học Luật khoa ở Cần Thơ và sau năm 1975, thầy đã mất trên đường vượt biển!) Thầy Nguyễn Khoa Hoàng (Chánh án): Hình Luật (Thầy Hoàng cùng con trai Nguyễn Khoa Kiên bị cộng sản giết năm Mậu Thân -1968 tại Huế), Bà Tăng Thị Thành Trai: Chính trị học, Thầy Mai Văn Lễ: Kinh tế học, Thầy Minh (Trung tá Chánh thẩm Tòa Quân sự thường trực Vùng I Chiến thuật) dạy về Luật Hiến Pháp v.v...

Những Giáo sư thỉnh giảng từ Sài Gòn ra dạy như: Lê Quế Chi: Tài Chánh Công, Nguyễn Mạnh Bách: Dân Luật và Danh Từ Pháp Lý (Thầy mang kính đen khi khảo hạch vẫn đáp nên sinh viên rất sợ), Thầy Nguyễn Trường: Kinh Nông Học (Kinh tế và Nông nghiệp, môn này chỉ thấy dạy ở Luật Huế), Thầy Nguyễn Mạnh Hùng: Chính Trị Học, thầy Tạ

Văn Tài: Chính Trị Học, Thầy Trần Như Tráng: Trật Tự Công Cộng, Thầy Nguyễn Huy Đầu: Hình Sự Tố Tụng v.v...

Chương trình của Cử nhân Luật Khoa lúc đầu là 3 năm chứ chưa chia ba ban riêng biệt Tư pháp, Công pháp và Kinh tế như sau này. Kể từ năm 1966, chế độ 3 năm được thay thế bằng 4 năm và sinh viên năm thứ 3, bắt đầu chọn ban cho mình cho đến năm chót chương trình Cử nhân, nên khi tốt nghiệp trên văn bằng sẽ được ghi Cử nhân Luật Khoa ban Tư pháp, Kinh tế hay Công pháp.

Cũng nên nói thêm ở đây, khi tốt nghiệp Cử nhân, dù sinh viên của chế độ 3 năm hay 4 năm theo ban học nào cũng đều được ghi danh tập sự Luật sư hay thi vào các ngành Thẩm phán Xử án hay Công tố, Ngoại giao, Hành chính, Ngân hàng, Thuế vụ v.v...

Số sinh viên học năm thứ nhất thì nhiều, nhưng đi học thì ít, vì hầu hết sinh viên ghi danh học là các công tư chức hay quân nhân không có thì giờ có mặt tại lớp học hay là chính sinh viên ở các phân khoa khác ghi học thêm, còn sinh viên chọn ngành chính học về Luật thì không nhiều. Vì thế sinh viên có mặt thường xuyên tại lớp học chỉ khoảng 30, 40 chục người và số sinh viên đậu lên lớp bị gạn lọc dần ngay từ năm thứ nhất nên có năm, số sinh viên đến năm chót ra trường chỉ còn độ 15 hay 20 sinh viên tốt nghiệp.

Duy nhất chỉ có sinh viên năm chót của chế độ 3 năm (1965-1968) cả hai khóa 1 và 2 đều đậu cả và số sinh viên ra trường lần này chiếm kỷ lục gần 30 sinh viên. Có lẽ, năm này Hội đồng khoa đã nhẹ tay khi chấm bài và cho đậu hết hay nhờ sinh viên gắng học, vì nếu không đậu sẽ phải bị chuyển tiếp qua chương trình 4 năm và phải tốn thêm 2 năm thay vì một năm như lúc còn chương trình học 3 năm trước đây (học lại năm thứ 3 và thêm năm thứ 4).

Lớp học ít người, nên các Giáo sư dễ quen mặt, biết tên hầu hết các sinh viên và tình thầy trò rất thân thiết và nhất là thầy dễ thông cảm hoàn cảnh khó khăn của trò hơn.

Đã có những trường hợp xảy ra, nhờ chuyên cần, dù bị thiếu nửa điểm ở hai bài thi viết năm thứ nhất, một sinh viên đã được Hội Đồng Khoa xét cho "đậu vọt với sự khoan hồng của Hội đồng Giáo sư"! Sinh viên này sau đó đã đậu cao học (1 và 2) chuẩn

bị trình Luận án Tiến sĩ Kinh tế thi Việt cộng cưỡng chiếm miền Nam và may mắn không chết qua gần 6 năm trong lao tù cộng sản!

Một câu chuyện khác, một sinh viên vốn là học sinh theo học chương trình Tây từ nhỏ ở Đà Nẵng (Collège de Tourane) đã đậu Tú tài 2 Pháp. Khi ra Huế học Luật, anh ta nổi tiếng học giỏi và đi học chuyên cần hầu hết các môn trong năm, nhưng không bao giờ có mặt trong giờ Pháp văn của Giáo sư Oxarango (Linh mục dạy trường Pellerin Huế). Sau khi đậu thi viết (écrit) và các môn vấn đáp (oral) với điểm khá cao nhưng đến môn Pháp văn, bị 1 điểm vì lý do: Giáo sư không bao giờ thấy mặt anh ta trong lớp. Trước 1975, anh ta hành nghề Luật sư ở Sài Gòn và sau 1975, khi tị nạn cộng sản tại Hoa Kỳ, anh đã đậu Tiến sĩ và hành nghề ở Washington D.C.

Mỗi cuối năm có 2 khóa thi lên lớp và thi làm 2 phần: Thi viết và vấn đáp. Ở năm thứ nhất, trước ngày thi, nhà trường sẽ chọn 2 môn chính của các môn học toàn niên như Dân luật, Kinh tế, Luật Hiến Pháp và Quốc Tế Công Pháp. Sau khi đậu thi viết, thí sinh vào vấn đáp (khảo hạch miệng). Để được chấm đậu cả hai phần viết và vấn đáp, sinh viên phải đạt được điểm trung bình 10/20. Nếu chỉ đậu thi viết mà rớt vấn đáp ở kỳ nhất thí sinh chỉ cần thi lại vấn đáp kỳ hai.

Năm thứ ba, ngoài môn chính bắt buộc phải thi tùy theo ban đã chọn trong các môn toàn niên (kinh tế, tư pháp hay công pháp) trường sẽ chọn thêm môn thi viết thứ nhì còn lại, các môn khác dành cho phần vấn đáp. Riêng năm thứ tư, cũng qua hai môn thi viết nhưng phần vấn đáp chia làm hai: vấn đáp 1 và 2. Phần thi viết nhiều điểm được cho bù qua phần vấn đáp, nếu phần vấn đáp nào rớt thí sinh chỉ thi lại phần đó ở kỳ hai và nếu vẫn bị rớt tiếp kỳ hai thí sinh được thi thêm 1 kỳ vấn đáp nữa cho năm sau.

Được xếp đậu theo thứ hạng căn cứ vào điểm trung bình: Thứ (trung bình):10, Bình thứ (khá):12, Bình (giỏi):14 và Ưu (rất giỏi):16.

Không biết các phân khoa khác ra sao chứ ở Luật khoa Huế tỉ số đậu rất thấp và thầy ít khi cho điểm cao, nên khó có sinh viên đậu với hạng Bình thứ !!!

Những sinh viên các phân khoa ở Huế hầu như ai cũng biết đến Đại Học Xá Nam Giao thuộc

Viện Đại học Huế nằm trên đường Lam Sơn. Ngoài ra còn có 5 Cư xá khác như: Cư xá Huỳnh Thúc Kháng của Hội Ái hữu đồng châu Quảng Nam ở đường Huỳnh Thúc Kháng. Cư xá Xavier của các Linh mục Dòng Tên Việt Nam ở đường Lê Thánh Tôn. Cư xá Duy Linh của Hội văn hoá Duy Linh ở đường Phan Đình Phùng. Cư xá Jeanne d'Arc của Nữ Trung Tiểu học Jeanne d'Arc ở đường Trần Cao Vân. Cư xá Mai Khôi của Nữ Trung Tiểu học Mai Khôi ở đường Chi Lăng.

Và đặc biệt còn một Cư xá “không tên” miễn phí chỉ dành cho sinh viên Đại Học Luật Khoa nằm ở tầng trên Trường Luật ở đường Lê Lợi nữa.

Trường Luật Huế trước đây do người Pháp xây gồm có dãy nhà hai tầng. Sau này xây thêm Giảng đường Phan Văn Thiết và một tòa nhà khác 2 tầng dùng làm thư viện và phòng của thầy khoa trưởng. Từ ngoài đường Lê Lợi đi vào phía tay phải của tầng dưới là văn phòng nhà trường, tiếp theo phía trái là những phòng học. Tầng trên tòa nhà là một phòng rộng mênh mông và chính nơi đây là chỗ dành cho sinh viên đến ở để học bài. Một căn phòng nhỏ nằm ở sát bìa trái là phòng của hai anh Hồ Công Lộ và Lê Văn Kiềm. Năm 1999, tôi có liên lạc với Anh Hồ Công Lộ hiện đang là Chủ nhiệm báo Nhân Quyền tại Úc, còn anh Lê Văn Kiềm sau 1975 vẫn ở Đà Nẵng và hay liên lạc thư từ với anh Thân Trọng Sỹ, Trần Minh Tài và tôi. Anh mất vào năm 1987 trước ngày đi theo diện đoàn tụ gia đình.

Nhờ căn phòng rộng mà lại ít sinh viên đến ở, nên ai muốn chọn chỗ nào ngủ cũng được. Anh Trần Minh Tài cùng các anh Thân Trọng Sỹ, Tôn Thất Mạnh Lương và tôi ở phía phải nơi gần hành lang nhìn xuống phía sau sân trường. Còn các anh khác như Đỗ Hữu An, Hứa Bút, Ninh Văn Khuê v.v... ở phía tường bên trái nhìn ra đường Lê Lợi. Đêm ngủ chỉ cần trải chiếu rồi căng mùng ra là có chỗ nằm thoải mái. Ban ngày, ngủ dậy ai nấy tự động xếp mùng màn vào một chỗ trước khi xuống phòng học. Vì là lầu bằng sàn gỗ, nhiều khi ở trên lầu nghe được tiếng thầy giảng bài. Do vậy trong giờ học, tự động sinh viên nào còn ở trên phòng cũng phải tránh gây tiếng động. Ngoài ra, đề khỏi mất thì giờ đi ăn cơm ngoài, đã có những anh chị sinh viên cùng nhau nấu tại trường hoặc cùng nhau góp tiền mua bánh mì ở tiệm Charfangeon ngon nổi tiếng do một người Tây tên Maurice Colobani làm

chủ.

Có ở lại tại trường, tôi mới thấy các anh sao học “dữ” quá. Ngoài những ngày học ở trường, cuối tuần ít thấy ai đi chơi mà ở nhà “gạo” bài. Có anh ở ngay tại Huế như Võ Đình Biên, Lê Quang Cường, Trần Tiền Giác, Phan Văn Trinh, Võ Hiệu, Tôn Thất Diễm, Trần Trọng Hân v.v... cũng tới trường học bài. Nhiều lúc các anh bàn luận đố bài lẫn nhau, có khi chia làm 2 phe, nếu “bất phân thắng bại” cả hai liền mời “sư huynh” Đỗ Hữu An sinh viên từ Đà Nẵng ra làm quan tòa phân xử. Vì anh An đang học năm chót nổi tiếng học giỏi, điềm đạm và nhất là thuộc bài số một, nên khi anh An phân xử, các anh đều vui vẻ chấp nhận. Tôi chịu nhất là không khí hòa nhã và thân tình của các anh, ai thi đậu thì tổ chức ăn mừng và có người lờ “học tài thi phận” rớt thì hết lòng an ủi.

Sáng nào anh Tôn Thất Mạnh Lương cũng rủ tôi đi bộ băng qua nhà ông Cai trưởng rồi quẹo trái qua đường Lam Sơn lên hướng Nam Giao đến quán của Cô Ba uống cà phê sữa, ăn bánh mì nướng với bơ thơm phức, hay mỗi người ăn một tô bún bò trước khi trở lại trường học bài thi.

Cũng chính tại Cư xá không tên này, tuy là đàn em, nhưng tôi quen và biết được nhiều anh chị học ở trường Luật.

Có nhiều chị về sau hành nghề Luật sư như các chị Võ Thị Lệ Thủy, Tống Kim Anh, Lê Thị Kim Cúc, Chị Hào (vợ anh Lê Quang Cường), Phan Thị Hiệp Thành, Mỹ Linh, Nguyễn Thị Anh Loan, Nguyễn Thị Tao Phương.

Các anh hành nghề Luật sư như: Anh Trần Tấn Việt (Sau 7 năm tù đã qua đoàn tụ với con trai tại San Jose, California), Tôn Thất Mạnh Lương (sau 2 lần bị tù tổng cộng 7 năm ở Bình Điền (Huế), Đồng Sơn (Quảng Bình) vì tội vượt biển, vừa mới được con gái bảo lãnh qua San Jose, California năm 2011), Vĩnh Thái, Lê Đức Viêm, Lưu Nguyễn Đạt, Nguyễn Văn Toàn, Lê Quang Cường, Nguyễn Hữu Giao, Trần Tiền Giác, Võ Hiệu, Hồ Công Lộ, Lê Văn Kiềm, Võ Văn Phương, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Duy Cân, Trần anh Tuấn, Phan Xung, Tôn Thất Quỳnh Bằng, Nguyễn Xuân Thiết, Hoàng Kim Quý.

Chị Nhung (vợ Luật sư Vĩnh Thái) làm ở Thư viện Đại học. Các chị Tôn Nữ Tịnh An, Lê Thị Non khi học xong không biết ở đâu?

Anh Phan Văn Trinh làm Giám Sát Viện, anh Ninh Văn Khuê, Cao học hành chánh khóa 3 làm công chức hạng A tại Sài Gòn. Hồ Đắc Duệ (CHHC), Bửu Hồ (công chức), Thân Trọng Sỹ (Tham vụ Ngân Hàng Phát Triển Nông Nghiệp ở Châu Đốc.)

Các anh Tôn Thất Diễm (Biện Lý), Trần Trúc (Biện Lý), Lê Văn Hoàng (Dự thẩm).

Các anh khoác áo nhà binh như: Thân Trọng Sỹ, Trần Minh Tài, Nguyễn Sĩ Hùng (con thầy Nguyễn Sĩ Hải, đã mất ở Nam California), anh Nguyễn Tùng Tĩnh (Quân Cảnh Tư Pháp), anh Đỗ Hữu An, anh Hứa Bút, Ngô Văn Vinh.

Từ Huế sau khi tốt nghiệp Cử nhân vào Sài Gòn tiếp tục học đã đậu cao học (1 và 2) như các anh: Nguyễn Cầu Hải, Trần Xuân Phú, Lê Nguyên Thế, Trần Trọng Hân, Trần Minh Tài... Riêng anh Trần Trọng Hân có về dạy lại ở trường Luật Huế.

Từ Đà Nẵng ra Huế học thường là đi xe đò Phi Long, Tiến Lực hay xe Traction An Lợi. Sau khi vượt qua đèo Hải Vân đến Lăng Cô rồi ngang phi trường Phú Bài, xe sẽ ngừng ở bên xe An Cựu, xuống xe lấy xe đạp đi thẳng qua đồng lúa “de?”(gạo de cho Vua dùng hồi trước) và cứ thông thả chạy tiếp tục khi nào gặp đường Lê Lợi thì quẹo trái, và nếu lỡ quẹo phải đến Đập Đá là lạc đường rồi, phải quay trở lại sẽ thấy khách sạn Hương Giang, Vườn hoa kéo dài đến Cầu Trường Tiền, Trường Kiểu mẫu và Trường Đại học Sư Phạm, Đài phát thanh Huế, Đại học Khoa Học và Đại học Văn khoa, Khu Công Chánh, Trung tâm Văn hóa Pháp, Trung tâm Liễu Quán của Phật giáo, Trung tâm Y tế Thừa thiên, Trường Bình Minh, Thư viện Đại học, Bệnh viện trung ương Huế, Câu lạc bộ thể thao, Cầu Mới, Vườn hoa, Tòa Hành chánh Tỉnh, trường Đồng Khánh, trường Quốc Học, tư dinh Tỉnh trưởng, nhà của cố Trung tá Hồ Đắc Hanh băng qua luôn Cầu ga Huế thành đường Huyền Trân Công Chúa là phải quẹo xe trở lại để về đường Lê Lợi qua Cư xá của Giáo sư Đại học, trường Bình Linh (Pellerin), Viện Đại Học Huế, Tòa Đại biểu Chính phủ, Văn Khố, nên đạp xe chậm lại để quẹo phải vào ngôi nhà đồ sộ có cây đa to tướng đó là ĐẠI HỌC LUẬT KHOA HUẾ..../.

TRẦN MINH LỢI
Cựu SVLK HUẾ (1967)

NHÌN BÊN TRONG ...



Tháng Tám mùa Thu sục sôi cách mạng
Từng đoàn người tuổi trẻ thanh niên
Tay grom tay giáo đước giơ cao
Đường khuya tiến bước dương uy vũ ...

Thằng bé con núp trong vườn Bà Ngoại
Nhìn đoàn người dừng chân trước cổng
Nhà dân lành yên ổn bấy lâu nay
Một tiếng hô Việt Gian tay sai Đế Quốc
Tiếng búa phang trộn lẫn hò reo
Trong chốc lát toà cao đồ nát
Bà ngoại buồn cạn khô nước mắt
Ôm vào lòng hơi ấm cháu ngoan.

Gần tám mươi năm đấu tranh chính nghĩa
Lập chính quyền dân chủ tự do
Thằng bé con nay đầu đã bạc
Vẫn một lòng mong dân làm chủ
Thương người Việt mang cùm xã nghĩa
Sống làm than nơi chốn nông thôn
Đời đọa đày vũng lầy đô thị
Nhà cao cửa rộng vong nô hưởng
Sống cuộc đời tở ngoại bang
Lên xe xuống ngựa sủng trên vai ...

Xót xa nước Việt giàu sang,
Buồn thay giặc cướp nay thành tướng quân

THIÊN NHÂN



Gs Phạm Văn Công và các SV Luật Khoa Cần Thơ khóa 5 niên khóa 1970-1974 trong ngày Lễ Tốt Nghiệp

SƠ LƯỢC VỀ ĐẠI HỌC LUẬT KHOA và KHOA HỌC XÃ HỘI CẦN THƠ

Thành lập vào ngày 31 tháng 03 năm 1966, Viện Đại Học Cần Thơ khai giảng khóa đầu tiên vào tháng 10 với 985 sinh viên theo học.

Đây là cơ sở đào tạo Đại Học trẻ nhất ở miền Nam trước năm 1975. Đầu tiên chỉ có 5 phân khoa:

1. Đại Học Khoa Học
2. Đại Học Văn Khoa
3. Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội
4. Đại Học Nông Nghiệp
5. Đại Học Sư Phạm

Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ là Gs Nguyễn Duy Xuân, và Khoa Trưởng Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội là Giáo Sư Nguyễn Hữu Lành.

Thành phần Ban Giảng Huấn hầu hết là Giáo Sư Thạc Sĩ, và Tiến Sĩ Luật Khoa tốt nghiệp các nước Pháp, Thụy Sĩ và Hoa Kỳ, cùng các chuyên gia xuất sắc từ những lĩnh vực hành nghề luật pháp như: Luật sư, Thẩm Phán và Công Tố Viện.

Theo Nghị định số 2095-GĐ/NĐ ngày 15/10/1966, Đại học Luật khoa và Khoa học Xã hội (ĐH LK&KHXH) được cấp phát ba văn bằng Cử nhân:

- Cử nhân Luật khoa
- Cử nhân Khoa học Xã hội (Kinh tế học)
- Cử nhân Khoa học Xã hội (Chính trị học)

Hiện tại, trường chỉ cấp phát bằng Cử nhân Luật khoa và Cử nhân Khoa học Xã hội (Kinh tế học).

I.- TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

A.Chương trình diễn giảng và lý thuyết

Chương trình này nhằm hai mục đích:

1/ Đem lại cho Sinh viên những kiến thức tổng quát về các ngành luật học chính trị, xã hội và kinh tế học. Sự đào tạo đa năng giúp cho Sinh viên tốt nghiệp dễ dàng thích ứng với mọi lãnh vực.

2/ Hướng dẫn Sinh viên về các ngành chuyên môn. Điều này có ích lợi là giúp cho SV tốt nghiệp không ngỡ ngàng khi va chạm với thực tế, đồng thời sửa soạn cho họ theo các ngành chuyên môn tại Ban Cao học.

Do đó, trong hai năm đầu, Sinh viên học chung và từ năm thứ ba, SV có thể lựa chọn giữa hai ngành: Luật học và Kinh tế học.

Tuy vậy, chương trình năm thứ ba và năm thứ tư gồm có hai phần:

- Phần thứ nhất có tính cách bó buộc gồm các môn học cần thiết cho Sinh viên Luật học lẫn Sinh viên Kinh tế học.

- Phần thứ hai được chia làm hai ngành:

Luật học và Kinh Tế học mà Sinh viên vẫn có thể lựa chọn tùy khả năng và sở thích.

Mỗi ngành gồm những môn chuyên biệt.

Về phương diện tổ chức giảng dạy, Nghị định số 1841-GDTN/PG/TCĐ ngày 6/11/1968 và Quyết định số 46-VĐH/HC, ngày 21/11/1969, đã áp dụng chế độ tín chỉ (tc) tại Đại học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội. Mỗi tín chỉ gồm trên 30 giờ lý thuyết. Các môn sau đây được diễn giảng:

NĂM THỨ NHẤT

L.120 Dân Luật	2 tc
L.121 Định chế quốc tế	2 tc
L.122 Luật Hiến pháp và Định chế chính trị	2 tc
L.123 Pháp chế sử	2 tc
K.120 Kinh tế học	2 tc
K.111 Lịch sử các sự kiện kinh tế.....	1 tc
X.110 Xã hội học	1 tc
C.110 Chính trị học	1 tc

Môn lựa chọn:

P.120 Sinh ngữ pháp lý (Pháp văn)....	2 tc
A.120 Sinh ngữ pháp lý (Anh văn)	2 tc

NĂM THỨ HAI

L.220 Dân luật	2 tc
L.221 Luật Hành chánh	2 tc
L.222 Luật Tài chánh	2 tc
K.220 Kinh tế học	2 tc
X.210 Xã hội học II	1 tc
K.211 Thống kê học I	1 tc
X.211 Phương pháp nghiên cứu KHXH.	1 tc

Môn lựa chọn:

(dành riêng cho SV sau này sẽ chọn ban Kinh tế)

L.213 Kế toán đại cương 1 tc

T.210 Toán 1tc

Môn lựa chọn:

(dành riêng cho SV sau này sẽ chọn ban Luật học)

L.213 Hình luật tổng quát 1 tc

L.214 Hình sự tố tụng 1 tc

Sinh ngữ lựa chọn:

P.210 Sinh ngữ pháp lý (Pháp văn)..... 1 tc

P.211 Sinh ngữ kinh tế (Pháp văn) 1 tc

A.210 Sinh ngữ pháp lý (Anh văn) 1 tc

A.211 Sinh ngữ kinh tế (Anh văn) 1 tc

NĂM THỨ BA**a) Các môn chung:**

L.320 Luật Thương mại 2 tc

K.320 Kinh tế Việt Nam 2 tc

b) Ban Luật Học:

L.321 Dân luật 2 tc

K.320 Lịch trình các học thuyết chính trị
..... 2 tc

L.312 Dân sự tố tụng..... 1 tc

L.313 Tố tụng hành chính 1 tc

L.314 Hình luật đặc biệt 1 tc

L.315 Các quyền tự do công cộng 1 tc

L.316 Phạm tội học 1 tc

X.310 Xã hội học chính trị 1 tc

P.310 Sinh ngữ chính trị (Pháp văn)..... 1 tc

c) Ban Kinh Tế Học:

KT.310 Kế toán đại cương * 1 tc

KT.311 Kế toán hội buôn 1 tc

K.311 Kinh tế đại tượng 1 tc

K.312 Kinh tế tiểu tượng 1 tc

K.313 Thống kê học II 1 tc

T.310 Toán học 1 tc

K.314 Kỹ thuật ngân hàng 1 tc

K.315 Kinh nông học 1 tc

K.316 Thị trường học 1 tc

A.320 Sinh ngữ doanh thương 1 tc

* Sau niên khóa 1972-73, môn Kế toán đại cương sẽ được giảng dạy ở năm thứ II và sẽ được thay thế bởi một môn khác ở năm thứ III.

NĂM THỨ TƯ**a) Các môn chung:**

L.410 Luật Lao động và an ninh xã hội.. 1tc

L.411 Luật Thuế Vụ 1tc

L.412 Luật Bảo Hiểm 1tc

H.410 Hành Chánh Học 1 tc

b) Ban Luật Học:

L.423 Dân Luật 2 tc

L.414 Quốc tế Tư Pháp 1 tc

L.415 Luật Hàng Hải 1 tc

L.416 Luật Hàng không 1 tc

C.410 Bang Giao Quốc Tế 1 tc

L.417 Các phương cách chấp hành 1 tc

C.411 Các vấn đề chính trị QT hiện đại. 1tc

H.411 Các vấn đề hành chánh VN 1 tc

H.418 Hệ thống pháp luật đối chiếu 1 tc

A.410 Sinh ngữ pháp lý (Anh văn) 1 tc

c) Ban Kinh Tế Học:

K.420 Kinh tế quốc tế 2 tc

KT.410 Kế toán kỹ nghệ 1 tc

KT.411 Kế toán ngân hàng 1 tc

K.411 Quản trị xí nghiệp..... 1 tc

K.412 Quản trị tài chánh 1 tc

K.413 Phát triển kinh tế 1 tc

K.414 Kinh toán học 1 tc

L.410 Thẻ lệ kinh tế 1 tc

K.415 Kế toán quốc gia 1 tc

A.410 Sinh ngữ kinh tế (Anh văn)..... 1 tc

B.- Chương trình hướng dẫn và thực tập:

Theo Nghị định số 2661-GD/PC/NĐ ngày

28/11/1967, song song với những giờ học lý

còn có những giờ hướng dẫn và thực tập nhằm mục đích:

- Tập cho Sinh viên thảo luận sâu rộng cùng phát biểu sự hiểu biết của mình qua phần giảng dạy lý thuyết.

- Tập cho Sinh viên làm quen với những vấn đề thực tế cùng những phương thức nghiên cứu và sưu tầm.

- Giúp cho Sinh viên có thêm phương tiện học hỏi lẫn nhau trong tình trạng thiếu sách vở và tài liệu tham khảo bằng Việt ngữ ở Đại học.

II. THI CỬ VÀ LÊN LỚP

A.- Thi cử:

1) Về thời gian thi, kỳ thi thứ nhất của mỗi tín chỉ sẽ được tổ chức rải rác trong niên học sau khi giảng văn được hoàn tất. Ngày thi sẽ được giáo sư giảng dạy ấn định và được phân khoa thông báo.

Vì có thể có những giảng văn chỉ được hoàn tất vào cuối niên khóa, nên kỳ thi thứ hai sẽ được tổ chức vào đầu niên học sau và được tổ chức chung cho tất cả các môn học được giảng dạy.

2) Thành phần Ban Giám khảo cho các kỳ thi tín chỉ gồm: Giáo sư giảng dạy (Chánh chủ khảo) và một số giáo sư do Khoa trưởng chỉ định.

3) Đối với những môn nào có tổ chức hướng dẫn và thực tập, sinh viên có thể được hưởng thêm cho mỗi môn đó tối đa là 2 điểm (1/10 của điểm thi).

B.- Lên lớp:

Theo chương trình hiện tại, sự phân phối các tín chỉ bắt buộc ở các năm học được ấn định như sau:

- Năm thứ nhất:15 tín chỉ

- Năm thứ hai:15 tín chỉ

- Năm thứ ba: 15 tc

- Năm thứ tư: 15 tc

Như vậy, muốn được lên lớp, Sinh viên chỉ được thiếu ba tín chỉ (tức là gần 2/10 số tín chỉ bắt buộc).

Trong các năm sau, Sinh viên phải ghi học và thi lại số tín chỉ còn thiếu và cuối học trình 4 năm, Sinh viên phải đậu đủ số tín chỉ bắt buộc mới được cấp văn bằng Cử nhân.

Những sự thay đổi – nếu có vì hoàn cảnh đặc biệt của niên học – chỉ được áp dụng riêng cho niên học đó mà thôi.

III. BAN GIẢNG HUẤN

Vì tình trạng khiếm khuyết nhân viên giảng huấn cơ hữu, đa số nhân viên giảng huấn được mời trong các giáo sư của Đại học Luật khoa Saigon, Học viện Quốc Gia Hành Chánh và trong các thẩm phán và chuyên viên cao cấp.

A.- Nhân viên cơ hữu

*** Giáo sư:**

- GS NGUYỄN HỮU LÀNH

Tiến sĩ Luật khoa (Saigon)

Khoa trưởng ĐH LK&KHXH Cần Thơ

- GS NGUYỄN DUY XUÂN

B. Com. (Birmingham)

M.A., Ph.D. (Vanderbilt)

Viện trưởng Viện Đại học Cần Thơ

*** Phụ khảo trưởng:**

- GS QUÁCH THỊ NHO

Cao học Tư pháp Đệ Nhị cấp (Saigon)

*** Phụ khảo:**

- Ô. PHẠM VĂN CÔNG

MA in Political Science (Hoa Kỳ)

- Cô PHẠM THỊ XUÂN HƯƠNG

Master of Economics (Úc châu)

- Ô. TRẦN HOÀNG TÂN

Cao học Kinh tế Đệ Nhị cấp (Saigon)

- Ô. PHẠM TRUNG NHẠC

Cao học Kinh tế Đệ Nhị cấp (Saigon)

- Cao học Hành chính (Saigon)
- Ô. TRẦN THANH SƠN
Cao học Hành chính (Saigon)
- Ô. NGUYỄN TRÍ DŨNG
Cao học Hành chính (Saigon)
- Ô. ĐOÀN NGỌC TOÀN
Cử nhân Luật khoa Cần Thơ
- Ô. NGÔ HÒA HIỆP
Cử nhân Kinh tế học (Cần Thơ)

B.- Nhân viên thỉnh giảng:

- GS NGUYỄN MẠNH BÁCH
Tiến sĩ Luật khoa (Saigon)
Giáo sư Đại học Luật khoa Huế
- GS NGUYỄN THANH BẠCH
Cao học Kinh tế Đệ Nhị cấp (Saigon)
Giám đốc Nha Ngoại thương Bộ Kinh tế
- GS HOÀNG XUÂN HÀO
Tiến sĩ Luật khoa (Saigon)
- GS NGUYỄN NGỌC HUY
Tiến sĩ Chính trị học (Pháp)
Gs Học viện Quốc gia Hành chính
- GS NGUYỄN MẠNH HÙNG
Ph.D. in Political Science (Hoa Kỳ)
Giáo sư Học viện QGHC
- GS ĐÀO QUANG HUY
Tiến sĩ Luật khoa (Saigon)
Giáo sư Học viện QGHC
- GS VŨ VĂN HUẤN
M.A. in Political Science (Hoa Kỳ)
Tốt nghiệp QUẢN TRỊ Hàng hải (Ecole
d'Administration de l'Inscription Maritime)
- GS ĐỖ VĂN KHANG
M.A. in Business Administration (USA)
- GS LÊ THỨC LÂN
Tiến sĩ Chính trị học (Pháp)
- GS BỬU LỊCH
Cao học Triết học và Cao học XHH (Pháp)
Giảng viên Đại học Văn khoa Saigon
- BÀ TRƯỞNG HOÀNG LEM
Ph.D. in Public Administration (USA)

- Giáo sư Học viện QGHC
- GS CHÂU TÂM LUÂN
Ph.D. in Economics (Hoa Kỳ)
Giáo sư Trung tâm Quốc gia Nông nghiệp
- GS LÊ VĂN LĂNG
Cao đẳng Thương mại (Pháp)
Giám đốc Nha Điện toán, Ngân hàng QG
- GS NGUYỄN MINH MÂN
Cao học Kinh tế Đệ Nhị cấp (Saigon)
- GS BÙI QUANG MINH
Tốt nghiệp Viện Quốc gia Thống kê
và Khảo cứu Kinh tế (Pháp)
Giám đốc Viện Quốc gia Thống kê
- CÔ NGUYỄN THỊ ANH
Cao học Công pháp Đệ Nhị cấp (Saigon)
M.A. in Economics (Hoa Kỳ)
- GS NGUYỄN KHẮC NHÂN
Cao học Công pháp, CH Tư pháp (SG)
Cao học Chính trị (Pháp)
Giáo sư Học viện QGHC
- GS NGUYỄN VĂN NGÔN
Tiến sĩ Kinh tế học (Saigon)
Giám đốc Trung tâm Huấn luyện
Chuyên môn Ngân hàng, Ngân hàng
Quốc Gia.
- GS LƯƠNG THỌ PHÁT
Cao học Công pháp Đệ Nhị cấp (SG)
Giáo sư Học viện QGHC
- GS CHÂU TU PHÁT
Cao học Công pháp Đệ Nhị cấp (SG)
Chánh án Tòa Sơ thẩm Ba Xuyên
- GS NGUYỄN QUANG QUÝNH
Tiến sĩ Luật khoa (Pháp)
Giáo sư Học viện QGHC
- GS LÂM VĂN SĨ
Tiến sĩ Kinh tế học (Thụy sĩ)
Tổng Giám đốc Cty Kinh doanh Kỹ nghệ
- GS ĐÌNH SƠN
M.A. in Air and Space Law (Canada)
- CÔ ĐẶNG THỊ TÂM
Tiến sĩ Luật khoa (Pháp)

- Giảng sư ĐH Luật khoa Saigon
- GS TẠ VĂN TÀI
Ph.D. in Political Science (Hoa Kỳ)
Giáo sư Học viện QGHC
- GS NGUYỄN VĂN THẠCH
Tiến sĩ Đề Tam cấp Khoa học (Pháp)
Phụ tá Khoa trưởng ĐH Khoa học (CT)
- GS NGUYỄN VĂN THÀNH
Tiến sĩ Luật khoa (Saigon)
Tổng cuộc trưởng Tổng cuộc Kiểm soát
Kế toán và Kiểm kê Tài sản (Giám Sát Viên)
- GS MAI TRỌNG THÂN
Cao học Công pháp Đề Nhị cấp (SG)
Giám đốc tại Bộ Thông tin
- GS VŨ QUỐC THÔNG
Tiến sĩ Luật khoa (Hà Nội)
Giáo sư ĐH Luật khoa Saigon
- GS PHẠM VĂN THUYẾT
Ph.D. in Economics
Giáo sư ĐH Luật khoa Saigon
- GS NGÔ QUÝ THUYẾT
Cao học Kinh tế Đề Nhị cấp (Saigon)
Thẩm phán Quân sự
- GS VÕ PHÚC TÙNG
Cao học Tư pháp Đề Nhị cấp (Saigon)
Giảng sư Học viện QGHC
- CÔ NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN
Tiến sĩ Xã hội học (Louvain)
Giáo sư ĐH Vạn Hạnh
- GS PHAN HỮU TẠT
Cao đẳng Thương mại (Pháp)
Hiệu trưởng trường QG Thương mại
- GS LÊ CHÍ THẢO
M.A. in Political Science (Hoa Kỳ)
Chuyên viên tại Phủ Tổng thống
- GS HUỖNH XUÂN THƠ
Tổng kiểm soát Ngân hàng Phát triển

- Nông nghiệp, Giảng viên Học viện
QGHC, ĐH Luật khoa Saigon và Huế
- GS LÊ CÔNG TRUYỀN
Cao học Công pháp Đề Nhị cấp (SG)
Giảng sư Học viện QGHC
- GS NGUYỄN NGỌC VĂN
Tiến sĩ Kinh tế học (Saigon)
- GS HÀ NHƯ VINH
Tiến sĩ Luật khoa (Saigon)
Chánh án Tòa án Hành chánh Saigon

C.- Nhân viên giảng huấn đã từng cộng tác với trường:

- Ô NGUYỄN NHƯ CƯỜNG
Tiến sĩ Kinh tế học (Pháp)
Giáo sư Học viện QGHC
- Ô NGUYỄN ĐÌNH KỶ
Chánh án Tòa Sơ thẩm Phong Dinh
- Ô NGÔ ANH KIỆT
Nguyên Biện lý Tòa Sơ thẩm Phong Dinh
- Ô TRẦN THỨC LINH
Hội thẩm Tòa Sơ thẩm Saigon
- Ô ĐÀO THANH QUÈ
Giám sát viên
- Ô NGUYỄN ANH TUẤN
Giáo sư Học viện QGHC
Nguyên Thứ trưởng Tài chánh
- Ô BÙI QUANG TÂN
Cao đẳng Thương mại (H.E.C.)
- Ô VŨ TAM TU
Tiến sĩ Luật khoa (Saigon)
Giảng sư ĐH Luật khoa Saigon
- Ô TRẦN NHƯ TRÁNG
M.A. in Political Science
- Ô NGUYỄN VẠNG THỌ
Thẩm phán, Tổng thư ký Bộ Tư pháp.

Dấu mai đi khắp phương trời, lời Thầy Cô dạy đời đời khắc ghi!

IV- HỌC KHÓA BAN CỬ NHÂN LUẬT VÀ KHOA HỌC XÃ HỘI

Học khóa ban Cử nhân Luật và KHXH tại Viện Đại học Cần Thơ được dự trù là bốn năm. Ngoài mục đích giúp sinh viên có một kiến thức tổng quát và căn bản về Luật học, việc giảng dạy tại Đại học Luật khoa & KHXH còn hướng sinh viên về các ngành chuyên môn thuộc kinh tế học, chính trị học, xã hội học, hành chính công quyền học, thống kê học và các vấn đề liên hệ đến quản trị xí nghiệp, kế toán và kinh doanh, v.v... Các bộ môn giảng dạy còn có mục đích giúp sinh viên hiểu biết sâu rộng các mối liên hệ sinh hoạt con người và bối cảnh xã hội để cho sinh viên khi tốt nghiệp có thể lựa chọn công việc phù hợp với sở thích và khả năng của mình và đồng thời chuẩn bị cho họ sẵn sàng lãnh những trách vụ mới thích ứng với chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội trong nước.

Trong khi chờ đợi ban hành quy chế về văn bằng và chứng chỉ do Đại học Luật khoa & KHXH cấp phát, niên khóa 1966-1967 năm thứ nhất ban Cử nhân Luật khoa & KHXH sẽ giảng dạy các môn dưới đây:

- 1- Dân luậtGS Nguyễn Quang Quynh
- 2- Pháp chế sửGS Vũ Quốc Thông
- 3- Định chế quốc tếGS Tăng Kim Đông
- 4- Kinh tế học.....GS Nguyễn Như Cương & GS Nguyễn Duy Xuân
- 5- Luật Hiến pháp.....GS Nguyễn Ngọc Huy
- 6- Xã hội họcGS Tạ Văn Tài
- 7- Danh từ KHXHGS Nguyễn Duy Xuân

Các môn trên là những môn học toàn niên và mỗi môn sẽ được giảng dạy trong 70 giờ, trong hai bán niên. Thể thức thi và các môn bắt thăm thi viết hoặc thi vấn đáp sẽ cho biết sau.

Ps: Trích Viện Đại học Cần Thơ Chí Nam - 1972

Đến nay, trải qua trên 40 năm kể từ sau biến cố Quốc Hận 30.04.1975, một số giáo sư và nhiều sinh viên Luật Cần Thơ cũng đã xa lìa trần thế. Số giáo sư và các sinh viên còn lại nay đã bước vào tuổi xế chiều, nhưng những kỷ niệm đẹp của thời sinh viên dưới mái trường Đại Học Luật Khoa Cần Thơ ngày xưa vẫn còn ghi đậm nét trong tim óc của nhiều sinh viên, và chúng tôi cũng hãnh diện đã có một thời là sinh viên Luật Khoa Cần Thơ.



Chuyến đi du ngoạn với Thẩm Phán Trần Thúc Linh và Giáo Sư Đặng Thị Tâm, dạy môn Phạm Tội Học



Sinh viên Luật Khoa Cần Thơ trong ngày lễ Tốt Nghiệp, niên khóa 1970-1974

TỐI CAO PHÁP VIỆN VNCH

BÁCH KHOA TOÀN THƯ



Tối Cao Pháp Viện VNCH là cơ quan đứng đầu ngành Tư Pháp của chính phủ VNCH. Chiếu theo Hiến Pháp năm 1967 thì TCPV có quyền phân tích và dẫn giải những đạo luật do Quốc Hội VNCH thông qua và ngành Hành Pháp do Tổng Thống lãnh đạo thi hành có hợp hiến hay không?

TCPV được nhóm họp lần đầu ngày 22-10-1968. Hiến pháp qui định có 9 đến 15 thẩm phán cho TCPV với nhiệm kỳ 6 năm, luân phiên mỗi 3 năm thì bầu 6 ghế.

QUY CHẾ CHỌN THẨM PHÁN TCPV:

Ủy Hội Tuyển Cử TCPV là cơ quan đứng ra nhận đơn của các ứng cử viên, Bảy thành viên của Ủy Ban gồm có: Chủ tịch Thượng Viện, một nghị sĩ, chủ tịch Hạ Viện, một dân biểu, một chánh án, một biện lý và một luật sư.

Điều kiện cho ứng cử viên Thẩm Phán TCPV là:

- 1- Công dân VN
- 2- 10 năm thâm niên làm chánh án, biện lý hoặc luật sư.
- 3- Lý lịch sạch, không có quá khứ chống chính phủ hoặc hoạt động thân Cộng
- 4- Nếu là Nam thì phải hợp lệ với luật quân dịch.

Danh sách ứng viên sau đó sẽ được ba hiệp



Members of the new Supreme Court (from left): Justices Nguyen Van Bien, Tran Van Linh, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Di, Mai Van An, Trac Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Lien.

hội chuyên nghiệp luật khoa "Luật Sư đoàn, Công Tố đoàn và Thẩm Phán đoàn (mỗi nhóm sẽ chọn 50 hội viên, tổng cộng là 150 người) xét lại danh sách ứng cử viên, bàn thảo, thanh lọc rồi chọn lấy 30 tên. Danh sách với 30 ứng cử viên này được trình lên Quốc Hội. Chính Quốc Hội sẽ bỏ phiếu tuyển lấy 6 người rồi chuyển sang Phủ Tổng Thống để phê chuẩn.

Quy trình này lập lại mỗi ba năm: lần đầu là năm 1968, rồi tiếp theo đó năm 1971 và 1974.

QUY CHẾ CHỌN CHỦ TỊCH TCPV:



TP Trần Văn Linh

TP Trần Minh Tiết

Các thẩm phán TCPV sẽ tự chọn trong các thành viên một người làm Chủ Tịch. Vị Chủ Tịch đầu tiên là TP Trần Văn Linh, sau đó là TP Trần Minh Tiết kế nhiệm.

Quy chế chọn Thẩm Phán TCPV có phần

phức tạp chính là bài học rút từ thời Đệ I Cộng Hòa khi các thẩm phán đều do TT Ngô Đình Diệm bổ nhiệm nên không thể hoạt động độc lập được.

NHIỆM VỤ:

Chiều điều 81-83 của Hiến Pháp 1967 thì:

TCPV có thẩm quyền giải thích Hiến Pháp, phán quyết về tính cách hợp hiến hay bất hợp hiến của các đạo luật, sắc luật, tính cách hợp hiến và hợp pháp của các sắc lệnh, nghị định và quyết định hành chánh.

TCPV có thẩm quyền phán quyết về việc giải tán một chánh đảng có chủ trương và hành vi chống lại chánh thể Cộng Hòa.

Trong trường hợp này, TCPV sẽ họp khoáng đại toàn viện, các đại diện Lập Pháp hoặc Hành Pháp có thể tham dự để trình bày quan điểm.

Những quyết định của TCPV tuyên bố một đạo luật bất hợp hiến hoặc giải tán một chánh đảng phải hội đủ 3/4 tổng số thẩm phán TCPV.

TCPV có thẩm quyền phán quyết về các vụ thượng tố các bản án chung thẩm.

TCPV có ngân sách tự trị và có quyền lập qui để quản trị ngành Tư Pháp.

Ngoài ra TCPV còn có quyền xét diện hợp pháp của các ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống, tuyên bố kết quả bầu cử tổng thống và chứng kiến lễ tuyên thệ của tân Tổng Thống.

Thời Đệ I Cộng Hòa chưa có TCPV, Thời Đệ II Cộng Hòa có 2 nhiệm kỳ Thẩm phán.

TCPV gồm có các vị thẩm phán sau đây: Trần Văn Linh, Trịnh Xuân Ngạn, Mai Văn An, Trần Minh Tiết, Nguyễn An Thông, Nguyễn Văn Sĩ, Nguyễn Mộng Bích, Nguyễn Văn Biện, Trần Văn Liêm, Trần Văn Thuận, Trần Khương Trinh.

Các TP Trần Văn Linh và TP Trần Minh Tiết đã lần lượt giữ chức vụ Chủ Tịch TCPV. TP Trần Khương Trinh bắt đầu phục vụ trong nhiệm kỳ hai. TP Nguyễn Văn Sĩ chỉ phục vụ trong nhiệm kỳ một



TP Mai Văn An



TP Nguyễn Văn Biện



TP Nguyễn Mộng Bích



TP Trần Khương Trinh



TP Trần Văn Thuận



TP Trần Văn Liêm

BÁCH KHOA TOÀN THƯ

DANH SÁCH CÁC THẨM PHÁN VNCH



Members of the new Supreme Court (from left): Justice Nguyen Van Ban, Tran Van Lich, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Toi, Nguyen An Thong and Tran Van Lien.

TP LÊ THẾ HIỂN *sưu tầm*

A

- 1-Mai Văn AN
- 2-Hoàng Ngọc ẨN
- 3-Nguyễn Văn AN
- 4-Nguyễn Ngọc Anh Quân Pháp

B

- 5-Trần Văn BA
- 6-Trần An BÀI
- 7-Nguyễn Hữu BẠC
- 8-Lương Tấn BẢO
- 9-Nguyễn Bá BẢO
- 10-Trần Văn BA
- 11-Trần Minh BAN
- 12-Cần văn BẢO
- 13-Võ Văn BÊ Bạc Liêu
- 14- Nguyễn Mộng BÍCH
- 15-Nguyễn Văn BIỆN
- 16-Phạm Kim BÌNH
- 17-Lê Tài BỒN Biên Hòa, Rạch Giá, Long An

- 20- Ngô BÚT Khánh Hòa, Huế

C

- 21-Nguyễn CÀN Long Xuyên
- 22-Nguyễn Hữu CÀN Phan Thiết, Bình Thuận
- 23-Nguyễn Văn CAN Đà Lạt
- 24-Hồ Đắc CÀN Gia Định
- 25-Ngô Văn CÂN
- 26-Ngô Tấn CẢNH
- 27-Nguyễn Quốc CHÂN
- 28-Nguyễn Tri CHỈ
- 29-Huỳnh Trung CHÁNH
- 30-Tô Lai CHÁNH Quân Pháp
- 31-Cao Quảng CHƠN
- 32- Nguyễn Văn CHUỖNG Sai gon
- 33-Trần Mộng CHU Quân Pháp
- 34-Vương Xuân CHUNG
- 35-Nguyễn Ứng CHUNG Định Tường

- 38- Nguyễn Thế CƯỜNG
- 39- Vương Quốc CƯỜNG Ban Mê Thuột, Quảng Ngãi

D

- 40- Trần Hữu DANH Sai gon
- 41- Nguyễn Hữu ĐÁT
- 42- Nguyễn DIỄN
- 43-Tôn Thất DIỄN
- 44- Nguyễn Văn DOANH Pleiku
- 45-Đỗ Đức DU Sai gon
- 46-Lê Trọng DUẬT
- 47-Trịnh Ngọc DUNG
- 48-Nguyễn Hữu DƯƠNG
- 49-Trần Đại DƯƠNG

DD

- 50 -Nguyễn Công ĐÀN
- 51- Lê Minh ĐẠT
- 52-Trương Tiến ĐẠT
- 53-Nguyễn Huy ĐẦU Sai gon
- 54-Nguyễn Văn ĐỆ
- 55- Nguyễn Ngọc ĐIỆN Bình Dương



- 56-Trương Công **ĐÌNH** Quân Pháp
 57-Trần Thành **ĐÔ**
 58- Nguyễn **ĐỘ**
 59-Đặng Công **ĐỒNG** Tây Ninh
 60-Nguyễn Tiến **ĐỒNG**
 61-Từ **ĐỘNG**
 62-Đặng Trần **ĐỨC** Định Tường
 63-Nguyễn Văn **ĐỨC** Quân Pháp
 64-Trần Thiện **ĐỨC**
- G**
- 65-Trần Thanh **GIANG** Gia Định
 66-Võ Văn **GÀN**
- H**
- 67-Hoàng Mạnh **HẢI** Đà Lạt, Vĩnh Bình
 68-Nguyễn **HẢI**
 69-Nguyễn Văn **HẢO** Sai gon
 70-Trần **HẠO**
 71-Đặng Vũ **HÀM** Sai gon
 72-Phạm Văn **HÀM** Sai gon, Đà Nẵng
 73-Trần Thạch **HẬU**
 74-Trần Trung **HẬU**
 75- Phạm Gia **HỆ**
 76-Lê Thế **HIỂN** Huế, Quảng Ngãi, Long Xuyên, Phước Tuy
- 77-Tôn Thất **HIỆP** Sai gon
 78-Phạm Văn **HIỀN** Huế
 79-Hồ Đăng **HIẾU**
 80-Vũ Quang **HIẾU** Định Tường
 81-Nguyễn Sĩ **HIỆP** Gia Định
 82-Không Trọng **HÌNH** Định Tường
 83-Phạm Hải **HỒ** Ba uyên
 84-Nguyễn Văn **HÒA**
 85-Phạm Tấn **HÒA** Phước Tuy
 86-Nguyễn **HOAN**
 87-Nguyễn Anh **HOÀNG** Ba Xuyên
 88-Trương Minh **HOÀNG** Vĩnh Long
 89-Tổng Đức **HOÀNH** Quân Pháp
 90-Lư Tấn **HÔNG**
 91- Phù Tuyết **HÔNG** Sai gon
 92-Vũ Văn **HÔNG** Sai gon
 93-Trần Chí **HÒA**
 94-Nguyễn Đình **HÒE**
 95-Nguyễn Khoa **HOÀNG**
 96- Lê Văn **HOÀNG**
 97- Lưu **HOÀNG**
 98-Tổng Đức **HOÀNH** Quân Pháp
 99-Lương Đức **HỢP** Sai gon
 100- Hà Văn **HỨA**
 101-Đinh Văn **HUÂN** Sai Pháp
 102-Lý Bình **HUÊ**
- 103-Võ Minh **HUỆ** Định Tường
 104-Phạm Văn **HUỆ** Kiến Hòa
 105-Nguyễn Hữu **HÙNG** Vĩnh Bình
 106-Nguyễn Quốc **HÙNG**
 107-Phạm Đình **HÙNG**
 108-Nguyễn Thành **HƯƠNG** Sai gon
 109-Nguyễn Đức **HUY** Sai gon
 110- Triệu Khắc **HUYỀN**
 111-Nguyễn Sĩ **HUYỀN**
 112-Lê Khắc **HY**
 113- Lê Văn **HY**
- K**
- 114- Phan Quang **KHẢI** Châu Đốc
 115-Nguyễn Kim **KHANH**
 116-Trần Đại **KHÂM** Sai gon
 117-Dương Văn **KHANG** Đà Nẵng, Đà Lạt
 118- Nguyễn **KÊU**
 119-Nguyễn Xuân **KHOÁT**
 120-Trần Đình **KHOÁT**
 121- Nguyễn Mạnh **KHỞI**
 122- Dương **KIỀN** Quân Pháp
 123- Ngô Anh **KIỆT**
 124- Đỗ Trung **KIM** Châu Đốc
 125- Nguyễn Đình **KỶ** Vĩnh Long, Tây Ninh, Châu Đốc, Cần Thơ, SG
 126- Nguyễn Văn **KỶ**
 125-Trần Trọng **KHUÊ**
- L**
- 127- Đoàn **LA**
 129-Đào Trọng **LẠC** Quân Pháp
 130- Dương **LÂM**



131- Tô Sơn **LÂM** Gia Định
 132- Vũ Đình **LIÊN**
 133- Trần Văn **LIÊM**
 134- Nguyễn Trọng **LIỆU**
 Quân Pháp
 135- Trần Văn **LINH**
 136- Nguyễn Duy **LINH**
 Quảng Nam
 137- Trần Thúc **LINH** Sai
 gon
 138- Hoàng Tuấn **LỘC** Đà
 Nẵng, Sai gon
 139- Nguyễn Thành **LỘC**
 140- Nguyễn Văn **LỘC** Vũng
 Tàu
 141- Nguyễn Thành **LÔI** Vĩnh
 Bình, Long Xuyên, Sài gon, Định
 Tường, Sai gon
 142- Nguyễn Ngọc **LỜI** Sai
 gon
 143- Đặng Đình **LONG** Cà
 Mau, Kiến Hòa, Vĩnh Bình
 144- Nguyễn Văn **LƯỢNG**
 145- Đào Minh **LƯỢNG** Định
 Tường, Sai gon
 146- Nguyễn **LƯƠNG**
 147- Tôn Thất **MẠNH**
LƯƠNG

148- Hà Ngọc Phúc **LƯU**, Xuyên
 Quân Pháp

M

149- Nguyễn Văn **MAI** Quân
 Pháp
 150- Đặng Vũ **MAI**
 151- Vũ **MẠNH** Tuy Hòa, gon
 Sai gon
 152- Hồ **MINH** Quân Pháp
 153 -Võ Nhật **MINH** Bình
 Định
 154- Nguyễn Văn **MÔ**
 155- Nguyễn Thị **MƯỜI**

N

156- Trần Tiến **NAM**
 157- Nguyễn Ý **NHẠC** Quy
 Nhơn
 158- Nguyễn Thành **NHẦN**
 159- Trịnh Xuân **NGẠN**
 160- Phạm Trung **NGÂN**
 Huế
 161- Huỳnh Văn **NGÃI** Bình
 Tuy
 162- Phạm Ngọc **NGOẠN**
 163- Bùi **NHÂM**
 164- Nguyễn Mạnh **NHỤ** Sai
 gon
 165- Vũ Thiên **NHU**
 166- Vũ Hữu **NHUỘC**
 167- Lê Đình **NGỌC**
 168- Nguyễn Quốc **NGUY**
 Quân Pháp
 169- Đặng Phúc **NGUYỄN**
 Ban Mê Thuột

P

170- Châu Tu **PHÁT**
 171- Lê Quang **PHỤC** Châu
 Đốc
 172- Phạm Văn **PHÚ**
 173- Đỗ Hữu **PHÚC** Long

Q

174- Bành Nam **QUAN**
 175 -Hồ Phước **QUẢ**
 176- Trần Thành **QUAN**
 177- Đinh Công **QUAN** Sai
 gon
 178- Võ Xuân **QUANG**
 179- Phạm Kim **QUI** Sai gon
 180- Lê Văn **QUỞI** Quân
 Pháp
 181- Nguyễn Đức **QUÝ**
 182- Nguyễn Văn **QUÝ** Long
 Xuyên
 183- Nguyễn Cao **QUYỀN**
 Quân Pháp
 184- Nguyễn Mạnh **QUỲNH**

S

185- Phạm Nam **SÁCH**
 186- Lê Duy **SAN**
 187- Lê Phước **SANG**
 188- Vũ Tuấn **SAN** SG
 189- Đặng Trọng **SAN** Quân
 Pháp
 190- Nguyễn Văn **SĨ**
 191- La Quốc **SĨ**
 192- Phạm Ngọc **SĨ**
 193 -Đương Thiệu **SINH**
 194- Nguyễn Thế **SINH**
 195- Lý Quốc **SÍNH**
 196- Đặng Minh **SƠN** Quân
 Pháp
 197- Lê Thanh **SƠN** Ba
 Xuyên
 198- Huỳnh Khắc **XỬ** Quân
 Pháp
 199- Nguyễn Quốc **SÚY**
 200- Phạm Văn **SỬU** Khánh
 Hòa, Định Tường
 201- Nguyễn Văn **SỬU**

T

- 202- Trần Gia **TÁ**
 203- Nguyễn Văn **TÀI**
 204- Phạm Minh **TÂM**
 205- Trịnh Việt **TÂN** Sai gon
 206- Phạm Đình **TẤN**
 207- Nguyễn Hồng Nhuận **TÂM**
 208- Trang Sĩ **TẤN**
 209- Hà Xuân **TẾ**
 210- Lê Khắc **TẾ**
 211- Phan Huy **THẠCH**
 212- Trương Kim **THẠCH** Long Xuyên, Định Tường, Ban Mê Thuột, Long An, Sai gon
 213- Hà Xuân **THAO** Kiên Giang
 214- Trần Tấn **THÁI**
 215- Cao Văn **THÂN**
 216- Bùi Văn **THANH**
 217- Đặng Xuân **THANH**
 218- Đỗ Văn **THÀNH**
 219- Huỳnh Hiệp **THÀNH**
 220- Phạm Quang **THÀNH** Phan Rang
 221- Nguyễn Hà **THANH** Gia Định
 222- Nguyễn Văn **THÀNH**
 223- Nguyễn Văn **THÀNH** Quân Pháp
 224- Nguyễn Hữu **THÀNH** Long Xuyên
 225- Nguyễn Trọng **THÁC**
 226- Phan Xuân **THẾ**
 227- Trần Văn **THOÀN**
 228- Trần Văn **THƠM**
 229- Nguyễn Văn **THỌ** Gia Định
 230- Nguyễn Vạng **THỌ** Kiên Giang ,Sai gon
 231- Nguyễn An **THÔNG**
 232- Nguyễn Văn **THÔNG** Sai gon
 233- Lê Thị Đông **THI**
 234- Nguyễn Hữu **THI**
 235- Mai Quý **THÍCH** Sai gon
- 236- Phạm Ngọc **THU**
 237- Nguyễn Văn **THƯ**
 238- Đặng Hữu **THỤ**
 239- Lê Văn **THỤ**
 240- Phạm Ngọc **THU** Đà Nẵng
 241- Trần Văn **THUẬN**
 242- Nguyễn Hữu **THỨ** Huế
 243- Dương Đức **THỤY**
 244- Trần Kim **THỦY** Ba Xuyên
 245- Nguyễn Hữu **THỤY** Quân Pháp
 246- Nguyễn Quang **THỤY**
 247- Ngô Quý **THUYẾT** Quân Pháp
 248- Ngô Khánh **THỰC**
 249- Lê Ngọc **THỤY**
 250- Bùi Hòe **THỰC**
 251- Lê Văn **TIẾN** Gò Công, Định Tường, Sai gon
 252- Trần Minh **TIẾT**
 253- Nguyễn **TOẠI**
 254- Phạm Quốc **TOẢN**
 255- Phan Ngọc **TOẢN**
 256- Phạm Ngọc **TÔNG** Biên Hòa
 257- Nguyễn Thượng **TOÀN**
 258- Trần Bá **TRÁC**
 259- Lê Thị Ngọc **TRÂN** Sai gon
 260- Trần Minh **TRANG** Sai gon
 261- Từ Khắc **TRÌ**
 262- Lê Tài **TRIỂN**
 263- Lâm Lễ **TRINH** Sai gon
 264- Trần Khương **TRINH**
 265- Trần Cháp **TRÍNH**
 266- Nguyễn Huân **TRÌNH** Sai gon
 267- Lê Đắc **TRỌNG**
 268- Nguyễn Như **TRỪ**
 269- Trần **TRÚC**
 270- Trương Văn **TRƯỚC** Bình Dương, Sai gon
 271- Lê Văn **TRƯỜNG** Quảng Trị
- 272 -Phan Văn **TU**
 273- Nguyễn Anh **TUẤN** Quân Pháp
 274- Nguyễn Như **TUẤN** Quân Pháp
 275- Phan Tam **TUẤN**
 276- Vũ Tiên **TUẤN**
 277- Nguyễn Trung **TUẤN**
 278- Lưu Văn **TÚC** Tây Ninh
 279- Lê Văn **TÙNG**
 280- Nguyễn **TƯỜNG** Phương
 281- Bùi Trọng **TƯỜNG** Vĩnh Long
 282- Trần Cẩm **TỰU** Rạch Giá
 283- Bùi Đình **TUYÊN** Sai gon
 284- Việp Văn **TÝ** Sai gon
- V**
 285- Nguyễn Thạch **VÂN**
 286- Nguyễn Văn **VÂN**
 287- Nguyễn Vũ **VĂN**
 288 - Nguyễn Thị **VỆ** Sai gon
 289- Hà Dương **VỸ**
 290- Lưu Đình **VIỆP** Sai gon
 291- Hà Như **VINH** Sai gon
 292- Nguyễn Thị **VINH**
 293- Vũ Trung **VỊNH**
- X**
 294- Huỳnh Mai **XUÂN**
 295- Nguyễn Sĩ **XUÂN**
 296- Hoàng Quang **XUYẾN**
- Y**
 297- Thân Trọng **YÊM**
- TP LÊ THẾ HIỂN**

NHÌN LẠI NỀN TƯ PHÁP VIỆT NAM

TỪ QUỐC GIA ĐẾN CỘNG HÒA



TP NGÔ BÚT

Thi hành thỏa ước Vincent Auriol - Bảo Đại ngày 8 tháng 3 năm 1949 về chủ quyền quốc gia Việt Nam, một số văn kiện lập pháp và lập quy được Quốc trưởng Bảo Đại ban hành về nền tư Pháp quốc gia Việt Nam là Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 và Dự số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954. Giai đoạn này kéo dài từ năm 1949 đến năm 1955 dưới chế độ Quốc Gia và từ năm 1955 đến năm 1975 dưới chế độ Cộng Hòa

I. TỔ CHỨC:

Dự số 4 ngày 18 tháng 10 năm 1949 tổ chức Tư Pháp quốc gia quy định toàn quốc có ba Tòa Thượng thẩm ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Trong mỗi quản hạt của Tòa Thượng Thẩm có các Tòa Sơ Thẩm, Tòa Hòa Giải Rộng Quyền và Tòa Hòa Giải.

Thẩm quyền quản hạt của mỗi tòa án là thẩm quyền lãnh thổ về hành chính của mỗi phần và mỗi tỉnh. Riêng quản hạt Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn bao gồm thêm tòa án Đà Lạt và tòa án Ban Mê Thuột ở Trung phần. Cao cấp nhất là Tòa Phá Án để tái xét các bản án của các Tòa Thượng Thẩm theo một thủ tục đặc biệt.

Sau hiệp định Genève 1954, miền Nam chỉ còn hai Tòa Thượng Thẩm là Sài Gòn và Huế và sau năm 1968 thì Tòa Phá Án bị giải thể do việc thành lập Tối Cao Pháp Viện Việt Nam Cộng Hòa.

Bên cạnh hệ thống tòa án chính thức còn có những tòa án đặc biệt như Tòa án Thiếu Nhi, Tòa án



Members of the new Supreme Court (from left): Justices Nguyen Van Bien, Tran Van Linh, Nguyen Mong Bich, Trinh Xuan Ngan, Nguyen Van Si, Mai Van An, Tran Minh Tiet, Nguyen An Thong and Tran Van Liem.

Lao Động, Tòa án Điền địa được thiết lập ở một số tỉnh. Tại Sài Gòn có Tòa án Hành Chánh để xét xử các khiếu nại của công dân đối với chính quyền. Cấp trên của tòa này là Tham Chính Viện. Các Thẩm phán phụ trách loại tranh tụng này được gọi là Thẩm phán Hành chánh.

Ngoài ra, do nhu cầu đặc biệt nên đã có một vài tòa án được lập ra để hoạt động trong một thời gian. Sau năm 1968 tòa án còn có những phiên xử “lưu động” bằng việc xét xử ngoài trụ sở chính thức để đem lại công lý gần dân hơn. Từ ngày thành lập vào năm 1949, các tòa án và Thẩm phán cùng nhân viên các cấp được đặt dưới sự quản lý của Bộ Tư Pháp do Bộ trưởng hay Tổng trưởng trách nhiệm và thuộc quyền hành pháp do Quốc trưởng rồi sau năm 1955 do Tổng thống lãnh đạo.

Theo tinh thần của Hiến pháp năm 1967 nên năm 1968 Tối Cao Pháp Viện được thành lập có trụ sở là Dinh Gia Long tại thủ đô Sài Gòn. Đây là cơ quan cao nhất của ngành Tư Pháp theo nguyên tắc “tam quyền phân lập”. Bên cạnh Tối Cao Pháp Viện còn có Hội đồng Thẩm Phán cũng là một cơ quan hiến định được thành lập vào năm 1969 do Hiến pháp 1967. Hội đồng này gồm có 8 hội viên do các Thẩm phán các Tòa Sơ thẩm và Thượng thẩm bầu lên có nhiệm kỳ hai năm. Hội đồng Thẩm phán tư vấn cho Tối Cao Pháp Viện trong một số vấn đề mà trong đó có việc thăng thưởng hàng năm, việc điều tra và thi hành kỷ luật đối với các Thẩm phán, v.v..

Ngoài các tổ chức trên đây thì nền tư pháp VN tại thủ đô Sài Gòn còn có sự góp mặt của Trung Tâm Luật Pháp Việt Nam. Đây là một tổ chức gồm có các hội viên là các Thẩm phán, Giáo sư Luật khoa, Luật sư ưu tú và rất có lòng.

II. NHÂN SỰ:



Dụ số 3 ngày 29 tháng 3 năm 1954 ấn định quy chế riêng của ngạch Thẩm phán Hòa giải và Thẩm phán các Tòa Sơ Thẩm và Thượng Thẩm. Các Thẩm phán trực thuộc sự quản lý của Bộ Tư Pháp nhưng việc tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như thăng thưởng hàng năm đều do Sắc lệnh của Quốc trưởng và sau đó là của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.

Do việc thành lập Tối Cao Pháp Viện vào năm 1968 nên Bộ Tư Pháp chỉ còn điều hành các Thẩm phán Công tố và một số nhân viên. Toàn bộ trách nhiệm trước đây về nhân sự cũng như quản lý các trụ sở tòa án, kho tàng vật, v.v.. đều chuyển giao cho Tối Cao Pháp Viện. Cơ quan hiến định này gồm 9 Thẩm phán có nhiệm kỳ 6 năm và họp thành Đại Hội đồng Tối Cao Pháp Viện. Mỗi năm Đại Hội đồng bầu cử một Chủ tịch và một số Thẩm phán đặc trách điều hành công vụ. Ngoài những nhiệm vụ hiến định liên quan đến hành pháp, lập pháp và xét xử các tranh chấp giữa các cơ quan công quyền cũng như các tổ chức quần chúng thì Tối Cao Pháp Viện đặc trách việc điều hành toàn thể Thẩm phán Xử án và nhân viên, quản trị các bất động sản của pháp đình, các kho tàng vật, v.v.. mà trước kia do Bộ Tư pháp quản lý. Đặc biệt là Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện thay mặt Đại Hội đồng ký Sắc lệnh thành lập các tòa án, tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng thưởng các Thẩm phán Xử án và nhất là ban thưởng huy chương mà trước đây thuộc thẩm quyền của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa.

Về Thẩm phán thì việc tuyển dụng, ứng viên phải tốt nghiệp Luật khoa Cử nhân. Thời gian hai năm tập sự được gọi là Tùy viên Công tố viện mà sau năm 1968 thì phía Xử án gọi là Thẩm phán Tập sự.

Khi còn Bộ Tư pháp điều hành thì suốt thời gian công vụ, một Thẩm phán có thể được chuyển để lần lượt giữ nhiều nhiệm vụ khác nhau giữa công tố,



thẩm cứu hoặc xử án.

Thẩm phán gồm hai cấp là cấp Sơ thẩm và cấp Thượng thẩm. Trong mỗi cấp gồm nhiều bậc (còn gọi là nhiều trật). Một Thẩm phán trong thời gian công vụ, ngoài khả năng nghề nghiệp và có đạo đức chức nghiệp thì cứ 2 năm được thăng một trật. Suốt 15 năm công vụ ở cấp Sơ thẩm với các điều kiện cá nhân nêu trên, các Thẩm phán Sơ thẩm được chuyển cấp (còn gọi là chuyển ngạch) lên Thẩm phán các Tòa Thượng thẩm với trật Hội thẩm có chỉ số lương 940. So với công chức thì Thẩm phán có tuổi về hưu trẻ nhất và chỉ số lương tốt cùng cũng cao nhất với chỉ số 1,200. Những Thẩm phán trước khi được tuyển dụng là quân nhân thì được dùng thâm niên quân đội để dự thăng.

Tòa Thượng thẩm có nhiệm vụ xét lại các bản án của các Tòa Sơ thẩm hay Hòa giải Rộng Quyền bị kháng cáo và kháng án. Về công tố có Công tố viện phụ trách việc buộc tội gồm có Chương Lý, một hay nhiều Phó Chương Lý và một hay nhiều Thẩm lý.

Chương lý điều hành Viện Chương Lý và kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Sở Tư pháp có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân viên và tài sản của cơ quan.

Về xét xử có Chánh Nhất, một hay nhiều Chánh Án Phòng và nhiều Hội Thẩm. Bên cạnh hai cơ chế trên còn có Phòng Luận Tội phụ trách công việc xem lại các bản án hình sự bị kháng cáo và kháng án trước khi đăng đường tái xét.

Tòa Sơ Thẩm phụ trách công việc tư pháp cho một tỉnh gồm ít nhất ba Thẩm phán phụ trách ba công việc riêng biệt.

Chánh án, Chánh án Dự khuyết và các Thẩm phán có nhiệm vụ xét xử.

Biện Lý và Phó Biện Lý phụ trách việc truy tố



và buộc tội. Cấp thấp nhất là các Tù viên Công tố viện. Biện lý điều hành Biện Lý Cuộc cuộc gồm có việc quản trị nhân viên và tài sản cũng như kho tàng vật của tòa án.

Dự thẩm giữ nhiệm vụ thẩm cứu các vụ án hình sự trước khi đăng đường xét xử.

Trong thực tế, suốt hai mươi năm từ ngày thành lập nền tư pháp vì thiếu Thẩm phán nên nhiều tỉnh chỉ có Tòa Hòa giải Rộng Quyền. Tại Tòa này, một mình Chánh án đảm trách cả ba nhiệm vụ là truy tố, thẩm cứu và xét xử. Sau năm 1968, các Chánh Nhất và Chánh án địa phương ngoài nhiệm vụ xét xử còn phải đảm trách việc điều hành Thẩm phán và nhân viên cùng quản lý trụ sở của tòa án, kho tàng vật, v.v.. mà trước đây do Công tố đảm trách.

Tòa Hòa Giải có nhiệm vụ xét xử những vụ hộ có ngạch số thấp và các vụ vi cảnh. Toàn miền Nam chỉ có hai Tòa Hòa giải: một ở Sài Gòn và một ở Hội An thuộc tỉnh Quảng Nam ở Trung phần do Thẩm phán Hòa giải phụ trách. Riêng miền Trung thì các Quận trưởng đương nhiên kiêm nhiệm chức vụ Thẩm phán Hòa giải sau khi đã tuyên thệ ở Tòa Sơ thẩm hay Tòa Hòa Giải Rộng Quyền ở tỉnh.

Tại tòa án, ngoài Thẩm phán còn có các nhân viên gồm Lục sự và Thư ký Tòa án. Cũng như các Thẩm phán, các nhân viên này cũng có quy chế riêng và không giống với quy chế chung của công chức. Ngoài ra có thư ký và thư ký đánh máy theo quy chế chung của công chức. Cấp bậc cao nhất trong các nhân viên là Chánh Lục Sự có trách nhiệm toàn bộ trong việc điều động nhân viên và chịu trách nhiệm trước Chương Lý ở Tòa Thượng Thẩm hoặc Biện Lý ở Tòa Sơ Thẩm. Sau năm 1968 thì Chánh Lục Sự chịu trách nhiệm trước Chánh Nhất ở Tòa Thượng thẩm và Chánh án ở Tòa Sơ thẩm.



Nếu công vụ cần thiết thì có thêm nhân viên biệt phái của Ty Cảnh sát.

III. XÉT XỬ VÀ LUẬT PHÁP ÁP DỤNG:

Tổ chức tư pháp Việt Nam dựa trên nguyên tắc “luỡng cấp tài phán” nghĩa là mỗi việc được xét xử ở hai cấp. Do đó, các bản án ở Tòa Sơ Thẩm khi bị kháng cáo hoặc kháng án sẽ được tái xét ở Tòa Thượng Thẩm. Tòa Thượng thẩm có nhiệm vụ tái xét các vụ án của các Tòa Sơ Thẩm do sự kháng cáo hoặc kháng án của các nguyên đơn và bị đơn về hộ sự và dân sự nguyên cáo và bị cáo về hình sự. Bên cạnh đó, Công tố Viện do Biện Lý Cuộc đại diện cũng có quyền kháng cáo các vụ hình sự và được gọi là “Kháng cáo tối thiểu”.

Các Thẩm phán Tòa Thượng thẩm mặc phẩm phục màu đen khi xét xử hoặc làm nhiệm vụ công tố các vụ kháng cáo việc hộ và việc tiểu hình và phẩm phục màu đỏ khi xét xử hay công tố trong các phiên kháng cáo đại hình. Mỗi phiên tòa ở Tòa Thượng Thẩm gồm có ba vị là một Chánh Thẩm và hai Phụ Thẩm. Chánh Thẩm là Chánh Nhất hoặc Chánh Án Phòng. Phụ thẩm là các Hội thẩm. Trong trường hợp cần thiết thì Chánh Nhất ký Định Lệnh cử các Chánh án có thâm niên đảm nhận công việc của Phụ thẩm. Lục sự tại phiên tòa mặc phẩm phục màu đen. Các Thẩm phán xét xử và công tố ở Tòa Sơ Thẩm mặc phẩm phục màu đen trong các phiên xử. Tại phiên tòa hộ hay tiểu hình chỉ một mình Chánh án hay Chánh án dự khuyết chủ tọa. Trong phiên tòa đại hình cũng phẩm phục màu đen và có hai Phụ thẩm được chọn trong các thân hào nhân sĩ có học và có hạnh. Trước khi tuyên án công khai thì Chánh án và các Phụ thẩm phải rút vào phòng nghị án để nghị xử. Lục sự tại phiên tòa Sơ Thẩm luôn luôn mặc phẩm phục màu đen. Tòa Đại hình mở phiên xử ba tháng một lần và do Chánh Nhất Tòa Thượng thẩm ký Định Lệnh.

Sau năm 1974, Tòa Sơ Thẩm không còn phụ trách việc xét xử đại hình mà được Tối Cao Pháp Viện ủy thác cho một số Tòa Đại hình được thành lập theo từng nhóm tỉnh gần nhau và không có trụ sở riêng mà mỗi phiên xử đều dùng phòng xử của một trong các tòa án sở tại. Các Tòa Đại hình cũng mở phiên xử ba tháng một lần và cũng do Định lệnh của Chánh Nhất Tòa Thượng thẩm. Áo Chánh Thẩm và áo Hội Thẩm Thành phần xét xử của Tòa Đại hình gồm có Chánh thẩm, Chánh thẩm Dự khuyết và 2 Phụ thẩm Thẩm phán. Chánh thẩm và Chánh thẩm Dự khuyết được chọn trong số các Hội thẩm của Tòa Thượng thẩm hoặc Chánh án có thâm niên và chia nhau chủ tọa các phiên xử. Phụ thẩm Thẩm phán là Chánh án các tòa Sơ thẩm trong quản hạt. Các Thẩm phán trên đây được Chánh Nhất Tòa Thượng thẩm bổ nhiệm bằng Định lệnh từng ba tháng một lần. Định lệnh này được ông Chánh Nhất ký cùng thời gian với Định lệnh mở phiên tòa đại hình cho từng tam các nguyệt. Phẩm phục trong các phiên tòa đại hình của Chánh thẩm và Chánh thẩm dự khuyết là áo đỏ và các Thẩm phán Phụ thẩm là áo đen. Bên cạnh các Phụ thẩm Thẩm phán là các Phụ thẩm Nhân dân. Thủ tục đề cử Phụ thẩm Nhân dân qua nhiều giai đoạn rất phức tạp. Đại khái là mỗi đầu năm, Chánh án các Tòa Sơ Thẩm trong quản hạt Tòa Đại Hình sau khi tham khảo với Tòa Hành Chánh và Hội đồng tỉnh hay Hội đồng thị xã sẽ chọn lọc và lập một Danh sách các công chức và thân hào nhân sĩ địa phương có học và không có tiền án để làm nhiệm vụ Phụ thẩm Nhân dân. Danh sách sau đó được gửi về cho Tòa Sơ Thẩm được chọn mở phiên xử để Chánh án tòa này chọn lại và lập Danh sách chính thức.

Ngoài nhiệm vụ xét xử ở các Tòa án Dân sự, Thẩm phán Xử Án có ngạch trật tối thiểu là Hội Thẩm ở Tòa Thượng thẩm hoặc Chánh án Tòa Sơ Thẩm quyền nhiếp chức vụ Hội Thẩm còn kiêm nhiệm việc xét xử ở các Tòa Án Quân Sự với tư cách Chánh Thẩm và Chánh thẩm Dự khuyết. Khi xét xử ở các Tòa án này, các Chánh thẩm mặc phẩm phục màu đỏ. Về luật lệ áp dụng thì quản hạt thuộc hai Tòa Thượng thẩm Sài Gòn và Huế áp dụng luật lệ khác nhau. Các Tòa án thuộc quản hạt Tòa Thượng thẩm Huế áp dụng bộ Hoàng Việt Hình Luật và Trung Kỳ Pháp Viện Biên Chế về việc hình và bộ Hoàng Việt Hộ Luật về việc hộ. Các Tòa án thuộc quản hạt Tòa Thượng thẩm Sài Gòn dùng Bộ bằng “Luật Ủy quyền” của Lưỡng viện Quốc Hội.

Hình Luật Canh Cải để xét xử về hình sự và về dân sự thì dùng bộ luật Pháp quốc xem như “lý tính thành văn” để xét xử.

Mãi đến năm 1974, toàn miền Nam mới có năm bộ luật thống nhất gọi là Bộ Tân Luật Việt Nam gồm



Hình Luật, Hình Sự Tố tụng, Dân luật, Thương Luật và Dân sự và Thương sự Tố Tụng do Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ban hành bằng “Luật Ủy quyền” của Lưỡng viện Quốc hội.

Bên cạnh các tổ chức tư pháp trực thuộc Tối Cao Pháp Viện và Bộ Tư pháp thì bốn Vùng Chiến thuật, mỗi vùng đều có một Tòa án Quân sự Thường trực thường gọi là “Tòa án Quân sự” và một Tòa án Quân sự Mặt Trận Vùng hay Quân khu thường được gọi vắn tắt là “Tòa án Quân sự Mặt Trận”. Các Tòa này và các Sĩ quan Quân Pháp cùng nhân viên được đặt dưới sự điều động của Nha Quân Pháp trực thuộc Bộ Quốc Phòng và do một Giám đốc quản lý. Tòa án Quân sự xét xử quân nhân phạm pháp bằng Bộ Quân luật. Cấp chỉ huy là Ủy viên Chính phủ với tư cách Công tố viên. Dưới Ủy viên là các Phó Ủy viên với tư cách Công tố phụ trách việc truy tố hoặc buộc tội và Dự thẩm phụ trách việc thẩm cứu. Phiên xử do Chánh thẩm là Hội thẩm Tòa Thượng Thẩm chủ tọa với 4 Phụ thẩm Quân nhân được chọn trong số các sĩ quan và hạ sĩ quan các quân binh chủng có trình độ và chưa hề bị 7 án tiết hay kỷ luật. Tùy thành phần bị can, các quân nhân được chọn làm Phụ thẩm phải có cấp bậc cao hơn và bằng cấp bậc với bị can. Tòa án Quân sự Mặt trận được thành lập do tình hình chính trị và chiến sự và cũng do các Sĩ quan Quân pháp điều hành với cấp chỉ huy là Ủy viên Chính phủ và với sự phụ tá là các Phó Ủy viên phụ trách việc truy tố trực tiếp gọi là “trực tố” nên không có vai trò của Dự thẩm. Thời gian đầu thì phiên xử do Tư Lệnh Vùng hoặc sĩ quan cao cấp của Bộ Tư lệnh Vùng hay Tư lệnh Sư Đoàn thay mặt Tư lệnh Vùng chủ tọa. Về sau, theo một đạo luật do Lập pháp ban hành thì thành phần xét xử phải là các giới chức “chuyên nghiệp”. Do đó, cũng như ở các Tòa án Quân sự thường trực, Chánh thẩm và Chánh thẩm Dự khuyết của Tòa án



Thượng thẩm Sài Gòn và Huế. Mỗi Luật sư đoàn có một Ban Quản trị mà người đứng đầu là Thủ lĩnh Luật sư đoàn. Đây là một tập thể tư nhân xuất thân các trường đại học Luật khoa với cấp bằng tối thiểu là Cử nhân và với thời gian tập sự là 3 năm ở một văn phòng Luật sư thực thụ. Trước tòa, các Luật sư mặc phẩm phục màu đen. Bên cạnh đó có các Thừa phát lại. Giới chức này không cần tốt nghiệp đại học,

Quân sự Mặt Trận là các Hội thẩm của Tòa Thượng thẩm do Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện bổ nhiệm bằng Sắc lệnh 6 tháng một lần. Bốn Phụ thẩm là các Sĩ quan Quân pháp với cấp bậc cao hay bằng bị can tùy theo vụ án. Tùy theo nhu cầu xét xử, các Sĩ quan Quân pháp cũng được bổ nhiệm vào chức vụ Chánh thẩm Dự khuyết để tạm thay thế Chánh thẩm khi cần. Bị can là các quân nhân phạm pháp với giới hạn một số ít tội phạm như “đào ngũ trước địch quân”, v.v.. Ngoài ra là xét xử các tội “Phá rối trị an”, “Phản nghịch” của tất cả mọi thành phần trong xã hội.

Tại các Tòa án Quân sự nếu bị can là tướng lĩnh thì Chánh thẩm phiên xử phải là Chánh Nhất Tòa Thượng thẩm chủ trì với Phụ thẩm là các tướng lĩnh. Tòa án Quân sự Mặt Trận còn tổ chức các phiên xử lưu động với danh xưng “lưu động khẩn cấp” với mục đích là giải quyết nhanh và tại chỗ để răn đe kẻ phạm pháp và ủy lạo gia đình nạn nhân.

Ngoài ra có một số cơ chế đã góp phần rất hữu hiệu vào việc điều hành nền tư pháp quốc gia. Trước hết là giới Luật sư. Nhiệm vụ của Luật sư là biện hộ cho các bị can hoặc thay mặt cho các Dân sự nguyên cáo trước các phiên tòa về hình sự, về hộ sự thì thay mặt cho các Nguyên đơn và Bị đơn. Về hình sự, tất cả các bị cáo đều phải có luật sư biện hộ và Luật sư Đoàn phải chỉ định luật sư miễn phí cho những bị can không có khả năng tài chánh để thuê luật sư riêng.

Miền Nam có 2 Luật sư đoàn bên cạnh 2 Tòa

có văn phòng riêng và hành nghề tự do. Đối với tòa án dân sự thì Thừa phát lại luôn luôn có mặt trong các phiên xử để làm nhiệm vụ thông báo trước quần chúng các giai đoạn của thủ tục xét xử. Những tình không có Thừa Phát Lại thì nhiệm vụ này 8 được giao phó cho Ty Cảnh Sát phụ trách. Nhắc tới Cảnh sát, cần phải kể về sự đóng góp của Cảnh sát Tư Pháp trong việc chuyển hồ sơ và nghi can đến tòa án để Biện Lý Cuộc cứu xét trong việc truy tố hay xếp lại. Nhiệm vụ này trước kia còn do Hiến binh phụ trách cho đến khi cơ quan này bị giải thể vào giữa thập niên 60 của thế kỷ trước. Về các tòa án quân sự thì nhiệm vụ này được giao phó cho Quân cảnh Tư pháp. Một nghiệp vụ khác là các Chương khế có nhiệm vụ công chứng các giấy tờ có liên hệ tới tư pháp.

Có thể có nhiều đóng góp khác mà tầm hiểu biết của người viết bị giới hạn và vì thời gian phiêu pha nên trí nhớ ngày càng mòn mỏi do tuổi tác nên không thể nào tránh khỏi sai sót. đành ngưng lại đây chút hồi ức về một trong các thể chế của miền Nam Việt Nam mà người viết được hân hạnh góp mặt cách đây 60 năm để phục vụ quốc gia dân tộc trong việc đem lại công lý và trật tự cho xã hội với tinh thần nhân đạo và lòng đạt dào yêu nước thương dân. Tiếc rằng, lý tưởng này không được như nguyện bởi biến cố ngày 30 tháng 4 năm 1975 ./.

Ngày 30 tháng 4 năm 2020

TP NGÔ BÚT

VÀI MẪU CHUYỆN VỀ “CON NGƯỜI” của GS VŨ QUỐC THỨC



GS NGUYỄN VĂN CANH

Bài viết này được giới hạn vào một số câu chuyện về “Con Người” của GS Vũ Quốc Thúc, dựa trên mỗi tiếp xúc cá nhân của tôi với GS Thúc.

Kể các chuyện dưới đây để tưởng nhớ một giáo sư mà tôi luôn kính mến.

Tôi là một môn sinh rồi có vinh dự là một đồng nghiệp của ông tại Đại Học Luật Khoa, Sài Gòn.

A. “MỘT NHÂN CÁCH LỚN”

Giáo sư Kinh Tế Mai Văn Lễ, một cựu đồng nghiệp, đến thăm tôi sau khi ông được Việt Cộng cho đi định cư ở Mỹ và thời gian đó ông còn tạm trú tại vùng D.C. ở Hoa Thịnh Đốn. Vì mới sang Hoa Kỳ và nhất là bị giam cầm trong trại tù Việt Cộng lâu và bị cô lập một thời gian khá dài, ông muốn biết tin tức về sự sinh sống vào lúc đó của một số đồng nghiệp cũ ở trường Luật.

Sau khi, tôi nói về Giáo sư Thúc, GS Lễ nhận xét: “Anh Thúc có “một nhân cách lớn” một con người thông thái, hiểu biết sâu rộng về môn dạy, cởi mở, hòa nhã, nên mọi người kính mến.”

Để có một nhân cách lớn như ở “Con Người” của GS Thúc, tôi thấy ông còn có nhiều đức tính khác, ngoài những gì mà GS Lễ nói ở trên. Nhưng ở đây, tôi liệt kê vài điều ở GS Thúc, có liên hệ trực tiếp với tôi trong sinh hoạt ở trường Luật. Đó là Liêm Chính và Đức Khiêm Cung.



Nhân Cách là yếu tố tạo ra hấp lực để lôi cuốn người khác, hay nói khác đi là làm người ta “đến với ông” với lòng quý mến, kính trọng.....

Các thí dụ sau đây chứng minh điều này:

1. Nhóm cựu sinh viên Luật ở Nam CA đến với GS Thúc với lòng biết ơn đối với một ông Thầy cũ.

Cách đây có lẽ trên dưới 15 năm, Đại tá Nguyễn Trọng Liệu, nguyên Chánh Sở, Sở Pháp Chế (thi pháp), Nha Quân Pháp, Bộ Quốc Phòng, gọi cho tôi nói rằng “chúng tôi gồm một số cựu sinh viên Luật ở dưới này (Nam California) có bàn với nhau rằng chúng tôi muốn mời GS Thúc và phu nhân sang thăm Hoa Kỳ. Mọi chi phí di chuyển khứ hồi Pháp-Hoa Kỳ, trong nội bộ Hoa Kỳ, đi bất cứ nơi nào, gồm cả ăn ở, chúng tôi lo hết. GS Thúc nếu ở Hoa Kỳ cả tháng thì tốt. Tôi nói rằng đây là một sáng kiến hay. Đại tá Liệu tiếp: “Chúng tôi muốn nhờ Anh mời GS Thúc giúp”. Tôi hỏi: sao lại thế?. Anh ở cùng quê ở Nam Định với GS Thúc, và anh là chủ biên Đặc San Nguyễn Khoa Nam. Mỗi khi ra báo, Anh đều gửi cho tôi. Tôi thấy Anh có liên lạc với GS Thúc xin bài. Ông ấy có viết bài cho Báo và có nhắc tên Anh mà. Vậy tại sao, Anh không liên lạc với Ông ấy mà lại nhờ đến tôi? Đại tá Liệu trả lời “Tôi có thể viết thư mời được. Nhưng chúng tôi nghĩ rằng dù Anh cũng là môn sinh của GS Thúc như chúng tôi, nhưng Anh ở vị trí thích hợp hơn. Để tỏ lòng kính mến Ông và nhờ Anh mời giúp, hơn là chúng tôi chỉ là cựu sinh viên”

Vì biết cách “cư xử” của GS Thúc, tôi phải viết thư thay vì gọi điện thoại. Trong thư tôi nhắc lại những gì ĐT Liệu nói với tôi. Thay vì cc cho ĐT



Liệu, tôi chụp một Bản gửi cho ĐT Liệu biết. Ít lâu sau, Ông viết thư cho tôi trả lời: “rất xúc động được các anh em học trường Luật trước đây (ông rất kỹ, không dùng các chữ khác, thí dụ như cựu môn sinh chẳng hạn) có lòng quý mến như vậy khi đã về

hưu. Ông từ chối vì lý do Bà Thúc bị Alzhiemer, phải thường trực ở nhà trông nom, ngay cả khi Đài RFI phỏng vấn, phải dùng điện thoại....

Tôi thấy Nhân Cách của GS Thúc là yếu tố chính yếu làm nguyên động lực thúc đẩy nhóm cựu sinh viên này “đến với GS Thúc”. Họ mời ông sang chơi để tỏ lòng biết ơn vị Giáo sư khả kính của họ.

2. Một người được gọi là “Bạn” đến với GS Thúc để dang tay giúp đỡ vào lúc nguy khốn: Ông Raymond Barre.

Trong một thư viết tay gửi cho tôi, dài gần 20 trang, sau khi tới Pháp được chừng một tháng, GS Thúc cho biết ông được GS Lưu Văn Bình, ở Montréal cho địa chỉ của tôi.

Trong thư, GS Thúc kể rất nhiều điều mà ông trải qua sau khi VC chiếm Miền Nam. Vì ở trong tình thế khó khăn quá, ông tìm mọi cách, như đến cầu nguyện trước tượng Đức Mẹ ở Bình Triệu, tìm cách gửi thư cho người con gái ở Paris, xin gặp ông Barre đang làm Thủ Tướng giúp. Trong thư ấy, GS Thúc kể rằng ông biết ông Barre lúc thi Thạc sỹ. Khi Phạm Văn Đồng sang Pháp xin viện trợ 200 triệu MK, Ông Barre nói với Phạm Văn Đồng rằng “tôi cho Anh \$200 triệu MK, nhưng với điều kiện là Anh cho “Bạn” của tôi là Giáo sư Vũ Quốc Thúc sang Pháp. Tôi mời ông ta dạy ở Đại Học Paris”. Thư nói tiếp: “Phạm Văn Đồng được tiền, nhưng vấn đề để tôi đi Pháp, thì chẳng thấy gì cả. Rồi nội các Raymond Barre sụp đổ. Ông Barre phải ứng cử Dân Biểu trở lại và đắc cử, rồi sau đó được tái bổ nhiệm làm Thủ Tướng. Lúc đó, VC mới xét đến việc cho tôi rời Việt Nam. Nếu ông Barre không được làm Thủ tướng nữa, thì việc đi Pháp của tôi sẽ không xảy ra.”

Tóm lại, lý do mà Thủ tướng Barre đến với

GS Thúc để cứu ông vào lúc khó khăn nhất, vì ông có một Nhân Cách đáng phục. Như những gì Giáo sư Thúc nói, ông chỉ là người quen hay biết ông Barr, chứ không hẳn là người Bạn.*

**Tôi không bàn tới việc ông Barre, Thủ tướng của một đại cường quốc như Pháp đã dùng cả một chính sách quốc gia để “đánh đổi lấy một người bạn”- một việc mà tôi không bao giờ thấy trên đời này. Tôi chỉ xét xem GS Thúc có phải là “Bạn” với ông Barre theo nghĩa mà mọi người hiểu không.*

Trong thư kể trên, GS Thúc nói rằng Giáo sư biết ông Barre, khi thi Thạc sỹ Kinh Tế.

Tôi không bao giờ hỏi một cách chi tiết về việc GS Thúc là Bạn như thế nào. Tôi chỉ dựa vào vài bức thư của GS Thúc gửi cho tôi có ít chi tiết liên hệ, cũng như khi nói chuyện thì tình cờ Ông đề cập đến.

Tôi nhớ rằng GS Thúc được chính phủ Nguyễn Văn Xuân cho đi Pháp học để thi Tiến sỹ. Ông đậu Tiến sỹ năm 1950. Như vậy trong thời gian này, GS Thúc chưa gặp ông Barre.

Có một lần khi tôi đến Paris, ông kể chuyện về thi Thạc sỹ: Ngay sau khi đậu tiến sỹ (1950), vì tò mò, Ông thử đi hỏi xem vấn đề thi Thạc sỹ như thế nào. Sau khi biết thể thức, ông quyết định xin thi. Có một trở ngại là Bằng Tiến sỹ của ông lại là Tư Pháp, nhưng vì nội dung đề cập đến kinh tế nông thôn, trong khi đó ông nhắm vào kinh tế để thi Thạc sỹ. Ông phải làm đơn xin đổi sang là Tiến sỹ Kinh Tế và được chấp thuận. Và như vậy ông dự thi Thạc sỹ 4 tháng sau khi được cấp bằng Tiến sỹ. Tại kỳ thi này ông được “admissible”. Rồi trở về Việt Nam dạy tại trường Luật Hà Nội. Đến năm 1952, ông sang Pháp trở lại để dự thi và đậu Thạc sỹ.

Vậy câu hỏi là liệu có cơ hội và thì giờ để trở thành “Bạn”? Ông cũng như GS Nguyễn Cao Hách có cho tôi biết rằng thủ tục thi Thạc sỹ gồm có 2 phần: Phần thi viết 1 ngày. Xong rồi chờ kết quả. Biết đã đậu, thì đến lấy đề tài vấn đáp. Phần II, chỉ một ngày ở nhà để sửa soạn cho ngày hôm sau vào vấn đáp. Vấn đáp có 2 phần. Phần I thí sinh trình bày đề tài 1 giờ, đến giờ thứ 60, Chủ Khảo gõ búa, vào lúc đó thì thí sinh phải chấm dứt nói. Sau đó, đến phần câu hỏi của giám khảo và trả lời.

Ai bị rớt ở giai đoạn này, được phong cho chức “Hàm Thạc sỹ” (aggregatif). Ở trường Luật

Sài gòn, có 2 Giáo sư ở trong tình trạng này. Đó là GS Vũ Quốc Thông (Công Pháp) và GS Trần Thiện Vọng (Kinh Tế).

Vậy GS Thúc ở Pháp rất ngắn, và chỉ gặp ông Barre vào lúc thi cử, và vào lúc thi cử như vậy, thí sinh bị “áp lực” rất nhiều. Tôi nghĩ rằng 2 người chỉ gặp nhau để “Bonjour”, “Bonsoir” mà thôi, và biết nhau như vậy. Tôi kết luận rằng Ông Barre và Giáo sư Thúc không hẳn là Bạn như mọi người quan niệm. Và họ chỉ là người quen biết nhau.

B. MỘT SỐ ĐỨC TÍNH KHÁC:

1. Một người Liêm Khiết:

GS Trần Như Tráng thường trợ giúp tôi trong các kỳ thi. Ông nói với tôi rằng vào Kỳ thi này (Khoá I, niên học 1973-1974, có các Bà Thúc và Bà Hách thi tốt nghiệp. Tôi trả lời “Thế hả. Ông im lặng về vấn đề này. Các bà ấy cũng được đối xử như các sinh viên khác. Các bà ấy học giỏi thì đậu. Nếu không, phải học lại.”

Tuyệt nhiên, Giáo sư Thúc và Giáo sư Hách hoàn toàn không ai can thiệp.

2. Có Đức Khiêm Cung:



Tôi nói tới thái độ và cách cư xử của GS Thúc. Khi còn ở trường Luật ở Sài gòn, GS Thúc là người tỏ ra rất hòa nhã, thân thiện với đồng nghiệp, với sinh viên, ông không có gì biểu lộ “hông hách” hay “quan liêu”, hay “xa cách” dù đã gia nhập “giới quan trường” như đã làm Tri Huyện dưới thời Pháp lúc còn trẻ, (từ khoảng cuối 1944 thì phải), rồi Bộ Trưởng sau khi vào Nam năm 1954...

Từ khi ông sang Pháp định cư, tôi có cơ hội tiếp xúc, trao đổi quan điểm với GS Thúc nhiều hơn. Cách cư xử của ông đối với tôi thật là đặc biệt. Tôi đi Âu Châu có hơn chục lần và Paris là điểm đến và về. Hầu hết các lần tới Paris, kể cả các lần đến nói chuyện cho cộng đồng, ông đều dành thì giờ gặp tôi, không để tôi tới thăm cho phải phép.

Câu chuyện sau đây là một thí dụ: Năm 2015, khi tôi sang Paris, GS Thúc mời tôi và 2 đệ tử ăn cơm ở một Nhà Hàng Tàu, Quận 13.

Tôi đến trước và ngay sau đó Ông tới. Tôi thấy nước da mặt của ông có vẻ hồng hào, tôi nói đùa: trông Giáo sư trẻ, mặt hồng hào, lại đẹp trai. Ông nói với tôi rằng: “*Anh sang đây, tôi phải đến gặp. Từ nhà tôi đến đây, tôi nghĩ tất cả 3 lần. Tôi đi một lúc, thấy mệt, tôi ngồi nghỉ 10 hay 15 phút, rồi đi tiếp*”. Tôi hỏi tại sao như vậy. Ông trả lời: “*có 2 mạch máu đưa máu từ tim lên óc, thì một cái bị block 95%, cái bên kia: 65%*.” Tôi có gợi ý về surgery, Ông trả lời rằng “*tôi già rồi*.”

Tôi biết khi đi gặp tôi, ông phải nhờ một người nào đó đến trông nom Bà Giáo sư, dù tôi xin được miễn gặp.

3. Một người có lập trường kiên định (và thêm bằng cứ về đức khiêm cung hiếm có, thí dụ như viết Bản sao để kính tường):

Một nhân sĩ tại Hoa Kỳ viết thư yêu cầu GS Thúc nhận xét về một dự án với ý nghĩ mời hợp tác với Chính quyền VC. Ông lịch sự từ chối. Ông chụp Thư trả lời và thông báo cho tôi biết như Bản dưới đây, dù gửi riêng cho tôi mà thôi:



Bản sao kính gửi gs Nguyễn văn Canh “*để kính tường*” (viết tay ở góc trái, phía dưới).

Hai thí dụ này là biểu hiệu cái cung cách mà ông đối xử với tôi. Tôi cũng thấy ông đối xử với người khác rất

khiêm tốn.

Cước chú: Có vài điểm tôi cần thêm vào vấn đề này: a) Về Dự án này, trước khi nhận được thư của GS Thúc, tôi đã được GS Mai Văn Lễ cho biết và ông đã có thái độ rõ rệt. b) Về cách GS Thúc cư xử với tôi như trên, thực ra tôi không tả nổi. Như

tôi đã nói ngay ở đầu rằng Tôi là một cựu sinh viên của ông và là đồng nghiệp như là một em út trong hệ thống hành chính trước đây, đúng ra ông không cần thiết sử dụng cách thông báo như thế. Tôi không biết dùng chữ gì để diễn tả, nên dùng chữ “đức khiêm cung”.

4. Một nhà ái quốc nhiệt thành, không ngưng nghỉ:

a). Một lần có lẽ là 1984. Khi tới Paris, GS Thúc bảo tôi sắp xếp thì giờ dành một buổi gặp. Ông đưa tôi tới một tiệm ăn khá sang để ăn trưa. Ông rút trong cặp ra một hồ sơ dày, viết bằng tiếng Pháp và tôi nhìn trang cuối là 147. Ông trình bày vấn đề, trong khi tôi liếc mắt qua các đề mục của các Chương, các Đoạn. Tôi để ý các trang cuối... Đến đó ông đưa cho tôi coi 2 thư gửi cho Ông: 1 của Giám Đốc một Nha thuộc Bộ Ngoại Giao Pháp, còn thư kia là của một nữ thư ký thuộc Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ.

Kế đó, ông yêu cầu tôi đặt vấn đề với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, giúp giải quyết hồ sơ này.

Tôi nhận xét rằng đây là hồ sơ pháp lý. Tôi có nêu ra một số điểm không ổn khi đi thuyết phục người ta. Tuy nhiên, đó không phải là chính. Và tôi nhấn mạnh là mình không thể đạt được mục tiêu với hồ sơ này. Điều tôi có thể làm được là Giáo sư viết cho tôi một thư riêng, nhưng professional về hình thức, tiếng Pháp hay Anh cũng được. Trong thư Giáo sư nói rõ rằng giao trách nhiệm cho tôi đi yêu cầu Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ có hành động. Giáo sư chính thức gửi đến cho tôi ở Viện Nghiên Cứu Hoover Về Chiến Tranh Cách Mạng và Hoà Bình, Đại Học Stanford. Như vậy, nó là cái cơ để tôi nhờ một đồng nghiệp mang tay sang DC cho ông Schulz, Bộ trưởng Ngoại Giao.

Còn cái thư mà Giáo sư hiện có là do một thư ký gửi, vì họ lịch sự trả lời rằng Bộ này đã nhận được tài liệu mà thôi.

Với tài liệu của Giáo sư, tôi không lạc quan vì lý do mà Bộ Ngoại giao sẽ không có hành động tích cực, vì vấn đề này có dính dáng với Quốc Hội mà Quốc Hội hiện bị phe tả chi phối nặng. Thêm vào đó, vụ Nixon trước đây còn tiếng vang.

Chừng 2 tuần sau, tôi nhận được gói tài liệu. Tôi cũng bóc thư và mở gói tài liệu, rồi mang cả lên lầu 13 của Tháp Hoover vào văn phòng Phó Giám

Đốc Hoover, Richard Bures (trước đây là Phụ Tá TT Nixon). Tôi nói rằng hồ sơ này là của GS Vũ Quốc Thúc, một ông Thầy cũ dạy tôi tại trường Luật, Sài Gòn, nay ông là Giáo sư ở Paris. GS Thúc ưu tư vấn đề này và đòi hỏi tôi phải nêu vấn đề ấy với Bộ trưởng Ngoại Giao George Schulz (Học gia danh dự của Hoover). Ông bàn với George xem có thể làm gì được không và tôi yêu cầu George hay Phụ tá viết thư trả lời GS Thúc dù thư này gửi cho tôi... Sau đó, Ông Bures mang thư và hồ sơ đi DC, gặp BT Ngoại Giao Schulz bàn về vấn đề này..... Gaston Sigur, Phụ Tá Bộ trưởng Ngoại Giao đặc trách Á Châu được mời đến và giao trách nhiệm nghiên cứu vấn đề.

Cuối cùng, ông Sigur viết thư trả lời GS Thúc và có cc cho Ông Bures và tôi. GS Thúc có kể lại vấn đề này trong Hồi Ký.

b) Một dịp khác khi tôi đến Paris, tôi báo cho ông biết. Ông dặn tôi rằng dù Anh có phải đi đâu, nên sắp xếp dành một buổi để gặp cụ Đỗ (BS Trần Văn Đỗ). Cụ Đỗ mời anh ăn cơm và có chuyện muốn nói.

Đến ngày hẹn, ông bảo tôi đi tới trạm Métro (nếu tôi nhớ không lầm là Étoile). Tôi đi ra khỏi Metro thì ông đã chờ sẵn, rồi dẫn tôi vào nhà Cụ Đỗ, ở Q. 16... Cụ cho rằng vấn đề Việt Nam nay tùy thuộc vào Hoa Kỳ, chứ Âu Châu thì nên bỏ đi.... Cụ nói rằng Giáo sư (nghĩa là tôi) là người trẻ, có đủ yếu tố để đảm đương một số công việc... và ở bên này chúng tôi có chừng 4 hay 5 chục anh em sẽ “tiếp tay” với Giáo sư... Tôi cảm ơn Cụ đã chỉ dạy, nhưng không gánh vác nổi... Đến đó GS Thúc đứng lên, nói rằng Cụ thấy anh có khả năng, lại ở vào vị trí thuận lợi và nhờ tôi mời anh đến đây và anh nên nhận lời. Thấy GS Thúc đứng lên tôi cũng đứng lên cho phải phép và thưa lại rằng: Thưa Cụ, GS Thúc trước đây là Thầy dạy tôi tại trường Luật và thưa Giáo sư {Thúc}, tôi hằng theo đuổi một nguyên tắc là Ông Thầy bảo gì, thì học trò phải lắng nghe và cố gắng làm. Về vấn đề này, tôi xin thưa, tôi không làm nổi. Cụ giao cho tôi công tác cùng một số nhân lực đông đảo là một vinh dự lớn. Nhưng nếu để phô trương, thì tôi không dám....., vì không phải đạo. Trước đây, GS Thúc đã yêu cầu tôi làm một công tác khá quan trọng mà Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ bề ngoài có thẩm quyền. Trước khi làm, tôi có nói cho GS Thúc biết chỉ đạt được mục tiêu giới hạn mà

thời. Và điều đó đã xảy ra như vậy.

5. Một người có giàu thiện chí

Tôi thực sự điều khiển và kiểm soát hai kỳ thi của niên học 1973-1974.



Hàng đầu. Từ phải sang trái: GS Vũ Quốc Thúc, GS Nguyễn Cao Hách.... Các Giáo sư tham dự Lễ Phát Văn Bằng

Sự cố võ sự tôn trọng “Kỷ Luật” của GS Thúc giúp tôi giải quyết khó khăn của trường. Một trong lý do là Giáo sư dạy năm I Ban Cử Nhân là các giáo sư hàng đầu của trường không chấm bài kịp vì số thí sinh đông quá. Các vị ấy đã từng làm “Quan” như Tri Huyện, Tri Phủ thời Pháp”, rồi về sau làm Bộ trưởng (thời Bảo Đại, rồi Ngô Đình Diệm). Tôi không ở vị thế có thể thúc đẩy các vị ấy. Nhờ sự cố võ và áp dụng Kỷ Luật của GS Thúc và cả GS Hách trong hàng ngũ Giáo sư “hàng đầu” của Trường, tôi có thể giải quyết được khó khăn này. Như dự trù trong kế hoạch, vào tháng 10, kỳ thi II đã hoàn tất đúng hạn kỳ và sang tháng 11, 1974 trường tổ chức lễ phát văn bằng. Tân khoa lần lượt được xướng danh tiến vào lễ đài, GS Vũ Quốc Thông, Khoa trưởng đích thân phát Bằng tốt nghiệp cho từng sinh viên, hơn 1400 tân khoa (khoá I: 840; khoá II: hơn 600) sau 4 năm theo học, trước sự hiện diện của đa số Giáo sư.

Tôi nhắc lại rằng sĩ số ghi danh năm 1970 là 10,000**. Đây là buổi lễ Phát Bằng long trọng đầu tiên từ khi trường được độc lập, khỏi tay người Pháp từ năm 195 và cũng là lần cuối cùng.

** Nhân dịp đề cập tới khó khăn này, tôi nói thêm rằng Trường Luật Sài Gòn lúc đó rất “giàu” về sĩ số, nhưng vô cùng “nghèo nàn” về phương tiện:

a..Niên học 1973-1974, số thí sinh ghi danh

là 25,000 khoá I. Số hiện diện là: 15,000 cho cả 4 năm). Đa số là sinh viên năm I. Việc chấm bài cho sinh viên năm I là khó khăn lớn. và các “Anh Già” (như GS Hồ Thới Sang gọi) là những người dậy, và chấm bài của các thí sinh này. Có thể là mỗi Giáo sư phải chấm tới 5,000 bài trong một vòng một thời gian ngắn. Niên học 1974-1975, số ghi danh là 58,000.

b. Chỉ có 36 giáo sư cơ hữu, dưới 20 nhân viên hành chính kể cả (1) lao công, (1) tùy phái, (1) tài xế; phòng ốc, lớp học ít ỏi và chật hẹp, ngân sách giới hạn.

VÀI TẤM HÌNH:



Từ trái sang phải: Hàng đầu: Đại sứ Nguyễn Quý Anh, LS Hoàng Cơ Long, GS Nguyễn Văn Canh, LS Đỗ Doãn Quế, LS Nguyễn Hữu Thống, LS Nam Thị Hồng Vân, LS Trương Thị Hồng Trinh, ,?.
Hàng sau: LS Trần Thiện Hải, GS Vũ Quốc Thúc...?....

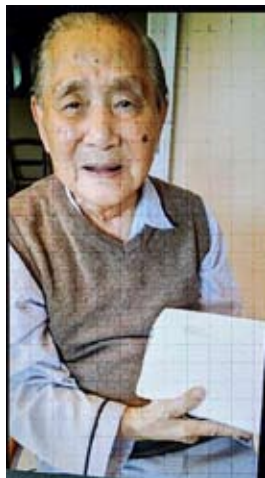
a). GS Thúc thăm Bắc California năm 1990.

Nhân dịp này, tôi dẫn GS Thúc thăm Đại học Berkeley và Giáo sư Scalapino, Giám đốc Viện Nghiên Cứu Đông Á đi xa chưa về. Trước khi sang, tôi dặn ông Douglas Pike, Giám đốc Indochina Archives mời GS Thúc đi ăn cơm ở tiệm Việt Nam. Ông này đưa chúng tôi đến tiệm có tên là Le Cheval, ở Oakland. Anh Ngô Ngọc Trung, CEO của Dự án Oral Life History có phỏng vấn ông và tài liệu được lưu trữ ở Indochina Archives, Viện Nghiên Cứu Đông Á.

Tôi dẫn Giáo sư thăm anh chị em Luật gia,

họp ở nhà LS Thống năm 1990. Tại cửa nhà LS Nguyễn Hữu Thống. ở San Jose, CA

b). 2017, tôi nhờ một cựu Sinh Viên Đại Học Vạn Hạnh, anh Nguyễn Đình Vương ở Paris



mang tay đến nhà để biếu Giáo sư cuốn Hồ Sơ Hoàng Sa & Trường Sa và Chủ Quyền Dân Tộc (tái bản).

Hình Nguyễn Đình Vương, 2017 GS Vũ Quốc Thúc, cầm cuốn sách.

Năm 2018, tôi gửi biếu bản tiếng Anh qua Bưu điện, không được trả lời. Email của tôi gửi đi, bị trả về. Trước đó, Anh Vương vẫn đến theo dõi sức khoẻ

của Giáo sư và báo cho tôi biết. Về sau anh này, từ cuối năm 2017 cũng bị bệnh khá nặng, tôi gọi không được và email cũng không trả lời.

(1) Trong một phiên họp Hội Đồng Khoa vào đầu năm 1972 tôi bị gọi tên để giao phó trách nhiệm “chấn chỉnh” lại (theo tinh thần của GS Hồ Thời Sang nói với tôi sau vụ GS Hách nêu ra với tôi) sinh hoạt của trường Luật, vì vào lúc này trường Luật đã có nhiều vấn đề lắm. Và tinh thần đã nghiêm trọng (nhận xét của GS Nguyễn Cao Hách trước đó và muốn tôi phải nhận trách nhiệm cải tổ trường Luật). Tôi từ chối viện dẫn một trong nhiều khó khăn là trước đó có một niên học và kỳ thi khoá I được tổ chức vào tháng 6, và chỉ kết thúc vào tháng 1 năm sau, Nếu các giáo sư chấm và không trả bài, thì làm sao văn phòng có điểm để cộng, rồi công bố kết quả đúng hạn được. Niên học vừa qua (1970-1971), văn phòng học vụ cho tôi biết có 10,000 sinh viên ghi danh năm thứ I. Như thế, tôi không làm nổi. (Tôi ám chỉ rằng giáo sư dạy năm I là giáo sư hàng đầu của trường, phải chấm 3 hay 4000 bài trong khoảng thời gian rất ngắn)

Khi tôi nói tới đây, Giáo sư Thúc giơ tay ngay và tuyên bố: “Anh GS Canh nói thế là đúng. Đây là vấn đề KỶ LUẬT phải được đặt ra. Vậy tôi đề nghị rằng anh Giáo Sư Canh phác hoạ một kế hoạch chi tiết trong một bản thời khoá biểu rõ cho mọi người. Ngày giờ nào phải nộp bài v.v , mọi người phải tuân theo”. Rồi mọi người nói ồn ào, rồi biểu quyết, giao cho tôi trách nhiệm thi hành,..

Tôi biết rằng hai Giáo sư Thúc và Hách rất tích cực việc áp dụng kỷ luật trong hàng ngũ Ban Giảng Huấn về vấn đề này.

XXX

Tôi thấy tính khiêm cung không những ở Con Người Giáo sư Thúc theo các kinh nghiệm của tôi kể trên và cả ở Giáo sư Vũ Quốc Thông. Ở đây, tôi còn thêm lòng nhân ái, bao dung của Giáo sư Thông để tạo một hình ảnh đạo đức truyền thống trong gia đình của 2 Giáo sư.

Hai thí dụ sau đây là bằng chứng:

1. Một buổi sáng, GS Thông mở cửa văn phòng ông sang phòng của tôi (hai văn phòng sát nhau). Ông cầm một tờ giấy, có một người đàn ông đi theo. Tôi đứng dậy. Ông giới thiệu [tên người khách] và nói ông này thời trước làm việc với tôi



ở Phủ Lý (thì phải), có lẽ lúc đó ông là Tri Phủ. Ông này có đưa cháu thi ở đây, đến xin giúp vì cháu đã rớt và có thư giới thiệu. Ông Khoa trưởng nói rằng: “GS Canh là Phụ tá Khoa trưởng, lo vụ thi cử ở đây. Mọi quyết định là do GS Canh và đưa thư khiếu nại

cho tôi. Tôi nói với GS Thông rằng: “Vâng thưa ông Khoa trưởng, để tôi nhờ một Phụ Khảo lấy bài vở của thí sinh ra coi xem như thế nào. Ông Khoa trưởng yên tâm”. Ông Khoa trưởng về phòng. Như thường lệ, tôi đã chặn trước với ông khách rằng các giáo sư chấm bài là người quyết định.

Tôi coi thư và thấy có in tên Bộ, và bên dưới có đóng dấu màu đỏ với chức vụ khá lớn. Nội dung thư nói là có đứa cháu (con gái),..... gọi người gởi thư bằng cậu, và mẹ cháu hiện đang làm công chức tại...., xin cho cháu được đậu. Chiếu theo đơn, tôi nhờ một phụ khảo mang cho tôi Biên Bản và các bài mà các giám khảo đã cho điểm. Tôi kiểm soát lại từng bài, từng điểm, rồi loan báo rằng không có gì sai. Sinh viên này rớt....Không ai có thể làm gì được trong tình trạng này.....

Có 2 điều tôi muốn nêu ra về cung cách hành

xử của GS Thông

a). Với ông khách, là một cựu thuộc cấp một thừa phái và ông đích thân dẫn sang phòng tôi giới thiệu một cách trang trọng.

b). Với tôi, một cựu môn sinh, và là một thuộc cấp, dù Hội Đồng Khoa mà ông đứng đầu trao quyền quyết định rộng rãi cho tôi, ông nói rõ với ông khách rằng “GS Canh là người quyết định”, chứ không phải ông. Về cách hành động, Ông có thể ra lệnh cho tôi báo cáo tình trạng của sinh viên này, rồi ông quyết định. Ông đã không làm như vậy.

Nhưng trong trường hợp này, tôi muốn thêm một chi tiết, dù đi ra ngoài chủ đề: Tôi nói với ông khách rằng tôi có một ưu tư về bức thư. Đó là người gửi thư này, nay giữ chức vụ lớn và tôi biết anh ta tốt nghiệp khoá 4 QGHG, thời GS Vũ Quốc Thông làm Viện trưởng. Ưu tư của tôi gồm 2 điểm: 1) Cựu sinh viên viết thư cho Thầy yêu cầu cho đứa cháu được đỗ sau khi thi đã bị rớt. Hành vi như vậy được coi như thế nào? 2) Sẽ hỏi Thủ Tướng Khiêm về hành vi của viên chức cao cấp này. Khi nghe đến đây, ông khách xin bỏ qua và xin ra về....

2. Trường hợp một sinh viên có hành vi vô lễ trong Văn Phòng tôi. Kỳ thi Khoá I, đã xong. Bảng điểm (từng môn của mỗi thí sinh) được công bố dán trong các “hộp” có khoá với kính hay lưới mắt cáo che để sinh viên có thể đọc bất cứ lúc nào.

Có 4 sinh viên năm I, xin cô thư ký cho vào gặp tôi để khiếu nại. Một trong 4 sinh viên này nói rằng tên và điểm của anh ta bị một người nào đó, dùng bút nguyên tử xóa hết, không còn đọc được. Tôi bảo cô thư ký mời một phụ khảo gặp tôi để mang biên bản của nhóm trong đó có tên anh này. Xem xong, tôi bảo cháu đậu rồi. Ngay sau đó, Cậu này có hành vi “rất vô lễ”. Tôi áp dụng biện pháp mạnh, rồi tuyên bố “Con nhà mất dạy. Tôi sẽ đuổi khỏi trường Luật và báo cho Bộ Quốc Phòng biết để quân đội dạy dỗ trở thành người lương thiện, lễ phép”. Rồi tôi đuổi cả nhóm đi ra ngoài ngay...

Chừng một tuần lễ sau, ông Khoa trưởng sang phòng tôi, cho biết “có phải anh quyết định đuổi sinh viên đó hả. Bố mẹ nó đến gặp tôi, xin tha cho nó, tôi nghiệp nó”. Lúc này tôi mới kể sơ qua những gì xảy ra. Ông Khoa trưởng tiếp: thôi anh tha cho nó, nếu nó phải đi quân đội, tôi nghiệp cho nó. Tôi thưa rằng Ông Khoa trưởng quyết định, tôi phải theo và xin rằng ông cho Tổng Thư Ký gọi Bố Mẹ

và cả nó đến bảo phải dạy nó. Nếu không, sau này nó làm luật sư, thẩm phán, thì họa cho đất nước.

Cái cung cách xử thế như trên của GS Thông, tôi thấy cũng giống như cách hành xử của GS Thúc: rộng lượng nhân ái, khiêm cung... Thật là một gia đình đáng kính.

3. Nhân tiện tôi đi ra ngoài chủ đề để nói thêm về trường luật: Giải quyết vấn đề tham nhũng.

Các giáo sư trường luật rất nghiêm chỉnh qua 2 kỳ thi năm 1974 mà tôi kiểm soát. Cách thức tổ chức, cộng điểm, công bố mau lẹ, giữ bài đã chấm rất cẩn thận, không ai làm gì được. Tuyệt đối các giáo sư lớn không lui tới trường trong thời gian này, trừ vài vị như GS Nguyễn Huy Chiêu, Trần Văn Liêm đến cộng điểm giúp. Trước đó, có tai tiếng, nhưng việc đó xảy ra từ phía nhân viên hành chánh. Việc này nay đã bị ngăn chặn. Vấn đề xem điểm cũng được giải quyết bằng cách công bố toàn thể các điểm của mỗi thí sinh. Nhân viên hành chánh không phải bỏ thì giờ chép điểm cho sinh viên nhất là họ chen nhau xin xem điểm từng môn và mất tiền chè nước.

Để giúp cho toàn thể nhân viên được phụ cấp thêm mỗi tháng vì lương bổng theo qui chế quốc công chức thì rất hạn hẹp. Số nhân viên ít, họ phải làm việc nhiều hơn. GS Tráng và Tôi thường ở trường tới 10 giờ tối mới về. Khi xuống hành lang tầng trệt, thấy có khi họ còn thấp đèn làm việc. Tôi đề nghị GS Thông cho thu lệ phí thi cử, ngoài lệ phí ít ỏi đi ghi danh, có từ thời Pháp thuộc. GS Thông chấp thuận và tôi đưa ra vấn đề ra Hội Đồng Khoa. Có vài vị chống và tôi kêu gọi các vị bất cứ lúc nào đến trường trước 10 giờ đêm để coi. Tôi nhấn mạnh rằng trong khi có nhiều Giáo sư làm Luật sư hay có vấn công ty hay ngân hàng. Ít nhất có 2 người làm Tổng Thư Ký hay chức vụ tương đương trong cơ quan chính quyền. Các Giáo sư chỉ phải dạy nhất 2 cours toàn niên, tổng số giờ từ 120 tới 160 giờ và ngoài ra không lui tới trường...

Cuối cùng, mọi người thuận. Đây là tiền thuộc loại ngoại ngân sách. Ông Khoa trưởng có quyền sử dụng, nhất là trợ cấp hàng tháng cho toàn thể nhân viên hành chánh./.

Ngày 16 tháng 12, 2021

GS NGUYỄN VĂN CANH

VÀI CẢM NGHĨ VỀ GS VŨ QUỐC THỨC



NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

Cựu Tổng Trưởng Thương Mại & Kỹ Nghệ VNCH

Nhân dịp Gia Đình Luật Khoa Bắc Cali tổ chức thánh lễ cầu nguyện cho Gs Gioan Phao Lô Vũ Quốc Thúc vào ngày 8-1-2022 tại thánh đường Our Lady of Refuge. San Jose, tôi rất hân hạnh được nói lên vài cảm nghĩ của mình về những đóng góp quan trọng của Gs Vũ Quốc Thúc vào giai đoạn chuyển tiếp từ một nước thuộc địa của Pháp sang một quốc gia tự do và độc lập trong lãnh vực tài chánh, tiền tệ và ngân hàng.

Giai đoạn cuối 1954 đầu năm 1955 là một giai đoạn cực kỳ khó khăn của đất nước. Ông Ngô Đình Diệm được bàn giao chức vụ Thủ Tướng chính phủ từ Hoàng Thân Bửu Lộc ngày 7-7-1954. Lúc đó, Gs Vũ Quốc Thúc giữ chức Bộ Trưởng Giáo Dục Thanh Niên trong chính phủ Bửu Lộc. Gs Vũ Quốc Thúc trở về Hà Nội, đảm nhận trách nhiệm Khoa Trưởng trường Luật ở Hà Nội và tổ chức di cư toàn trường vào Sài Gòn.

Vào khoảng tháng 10 năm 1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm mời Gs Vũ Quốc Thúc tham gia Phái Đoàn Bốn Bên sang Pháp để thảo luận và giải quyết những vấn đề tài chánh, tiền tệ và ngân hàng giữa bốn quốc gia: Việt Nam, Lào, Cao Miên và chính phủ Pháp. Trưởng đoàn VN là ông Dương Tấn Tài, phó trưởng phái đoàn là Gs Vũ Quốc Thúc.

Sau gần 3 tháng thảo luận, phái đoàn VN về trình lên Thủ Tướng Diệm các đề nghị của phái đoàn và được Thủ Tướng chấp thuận toàn diện. Hai biện pháp quan trọng sau đây được ban hành tức khắc:

1/ Thành lập Ngân Hành Quốc Gia Việt Nam thay thế Ngân Hàng Đông Dương nhận trách nhiệm phát hành giấy bạc, điều khiển hệ thống ngân hàng và tiền tệ ở VN kể từ ngày 1-1-1955.

2/ Tiếp thu Nha Hối Đoái và lãnh trách nhiệm toàn diện về lãnh vực hối đoái.

Gs Vũ Quốc Thúc tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa đại học Sorbonne, thông thạo Công Pháp Quốc Tế đã có những quyết định sau đây:

1/ Chấp thuận cho chuyển ngân với hối xuất chánh thức cho mọi đơn xin chuyển ngân của các đồn điền mà chủ nhân là người Pháp.

2/ Thương lượng mua trụ sở Ngân Hàng Đông Dương làm trụ sở Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam với giá thị trường và cho phép chuyển ngân về Pháp theo hối xuất chính thức.

So với hoàn cảnh mà Thủ Tướng Ngô Đình Diệm phải đối phó trong thời điểm đó, một bên dẹp phiến loạn Bình Xuyên, một bên đối phó với một số tướng lãnh đang tìm cách đảo chánh, mặt khác lập trường không dứt khoát của các đảng phái, ủng hộ của chính phủ Pháp và Hoa Kỳ cũng lờng lẻo, hai biện pháp trên đây thật quá bình thường, ít người chú ý tới. Nhưng nó nói lên lập trường căn bản của chính phủ Việt Nam là tôn trọng luật pháp quốc tế, duy trì sự liên tục về luật lệ, xác nhận quyền sở hữu tư nhân, dứt khoát đặt quốc gia Việt Nam mới thoát khỏi chế độ thuộc địa vào khối thế giới tự do.

Những sự kiện trên đây đã được giáo sư Vũ Quốc Thúc thảo luận tại đại học Berkley tháng 10 năm 2010, viết thành một chương trong tập “The Republic of Vietnam 1955-1975 Vietnamese Perspectives on Nation Building” do đại học Cornell, một trường đại học nổi tiếng trên thế giới, xuất bản tháng 12 năm 2019. Bản tiếng Việt với tựa đề “Việt Nam Cộng Hòa, Kinh Nghiệm Kiến Quốc” vừa được Barnes và Nobles xuất bản./

San Jose, ngày 8-1-2022

NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG

NHỮNG Ý THỨC HỆ TẠI CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM (1954-1975)



Gs BỬU LỊCH

SƠ LƯỢC LUẬN ÁN:

Les idéologies dans la République du Sud Việt Nam,(1954-1975) là luận án Tiến sĩ Xã Hội Học, bảo vệ tại Université de Paris 7, năm 1984, mười năm sau khi hình thành, viết xong, cuối 1974. Lý do thời cuộc miền Nam sụp đổ tháng tư 1975. Luận án gồm 406 trang ronéo khổ lớn.

Trong cuộc đời quá ngắn của mình 21 năm (1954-1975),miền Nam VN phải đối phó với nhiều thử thách: kinh tế lạc hậu, xã hội chênh lệch, bất công, chính trị lũng đoạn bởi các lực lượng ly tâm: bè phái,đảng phái,tôn giáo...Đồng minh Hoa Kỳ cần cái, can thiệp vào nội bộ, viện trợ nhiều, hiểu biết ít.Nội chiến lâu dài, đẫm máu gây nên bởi chế độ cộng sản Bắc Việt.

Các ý thức hệ khác nhau ở miền Nam là những nỗ lực trí thức để giải quyết các vấn đề nêu trên liên hệ đến sự tồn tại của đất nước.

BIỆN MINH VÀ THAM GIA

Nguyên văn Justification et Participation. Một nhóm luật gia, bác sĩ, kỹ sư ,kỹ giả, giáo sư...ít nhiều độc lập với chính quyền, chủ trương trên



Tổng Thống Ngô Đình Diệm

nguyệt san Quê Hương một lập trường biện minh cho chính thể Đệ nhất Cộng hoà (1954-1963),khai trương và lãnh đạo bởi Tổng thống Ngô đình Diệm.

Chủ nghĩa Nhân vị

Triết lý của chính quyền đặt con người trên cá nhân, cộng đồng trên đám đông vô danh.Trung dung giữa tự do tư bản và tập thể cộng sản, chủ nghĩa nhân vị Việt Nam khác với triết lý của Mounier. Nó là tổng hợp biện chứng Khổng-Lão, tổng hợp Tập thể và Cá nhân.Nó mang tính chất của nền văn minh chung cho Châu Á.

Áp chiến lược

Từ một chiến lược cụ thể và chính trị nhằm cô lập loạn quân cộng sản và bảo vệ tính mệnh và tài sản người dân nông thôn, nhóm Quê Hương đã thăng hoa,trang trí thành một nhân sinh quan. Khai sinh con người mới liên đới đùm bọc với người khác, phấn đấu chống cộng.Tương phản với con người lệ thuộc thực dân và tư bản,tương phản với con người cộng sản lệ thuộc ám ảnh sản xuất. Khai sáng một giai trật mới gồm có người chiến sĩ chống nội chiến, ngoại xâm,người quản lý chống những xu hướng ly tâm,người sản xuất giải quyết nạn chậm tiến. Một cao trào xuất phát từ nông thôn và sẽ bao vây thành thị.

Một chính quyền mạnh

Chính quyền mạnh là chính quyền tập trung trong tay một lãnh tụ có uy tín nhất, hiện thân và đại diện cho toàn thể nhân dân và quốc gia. Người ấy không ai khác là ông Ngô Đình Diệm. Người ấy chuẩn bị thành lập một thể chế dân chủ nông thôn trước khi thiết lập xã hội kỹ nghệ không duy vật. Chính quyền mạnh thiếu một xã hội dân sự mạnh gồm có nghiệp đoàn, hội đoàn, hiệp hội, đoàn thể áp lực. Vai trò của trí thức là bổ khuyết cho nhược điểm ấy. Họ kiểm soát chính quyền, hướng dẫn, giáo dục đại chúng. Người trí thức hoạt động bên cạnh chính quyền và trong lòng dân. Do đó từ ngữ “Tham gia”.

Nếu nhóm trí thức “Quê hương” biện minh cho một chính thể hiện thực, có thật và cụ thể, thì các nhà ý thức hệ thiên tả tuyệt đối từ khước, bác bỏ một hiện tại có thực, cụ thể, nghĩa là toàn thể chế độ, chính quyền miền Nam, và thay vào đó thăng hoa, trang điểm một viễn tượng, một thể chế xa vời mà họ chỉ đọc trong sách vở mà không hề có một kinh nghiệm sống nào hết.

Đó là những ý thức hệ thiên tả và cách mệnh mà chúng ta phân tích sau đây.

CÁCH MỆNH LÀ BIỆN PHÁP DUY NHẤT

Bảy chữ diễn tả cụ thể và mau chóng danh từ Révolutionnarisme tôi dùng trong luận án.

Nguyễn Văn Trung (NVT) xu hướng Mác xít-hiện sinh marxo-existentialisme, Lý Chánh Trung (LCT) theo triết lý Nhân vị của Mounier chủ trương lật đổ miền Nam.

Chống đối vô điều kiện chính quyền miền Nam

LCT lên án giới hữu trách ích kỷ, những tên lợi dụng chiến tranh, quân nhân quá nhiều, trình độ kỹ thuật thấp, bất công xã hội... Cách mệnh là biện pháp giải quyết vấn đề.

NVT tố giác Tư sản thành thị không có khả năng phát triển nông thôn trở thành mồi ngon cho cộng sản. Biện pháp giải quyết: Chủ quyền tập thể công cụ sản xuất, Quản lý khoa học, Kinh tế hoạch định. Nhân vật cứu thế là: Chủ nghĩa xã hội, Quốc gia vô sản, Thanh niên sinh viên, Trí thức thiên tả.

Miền Bắc VN, tổ quốc của Xã hội chủ nghĩa vĩ đại tuy nhiên ác độc, bất nhân. NVT khinh thường miền Nam, bảo đảm cho ông ta đời sống sung túc, địa vị xã hội, tự do toàn diện. Ông hoan nghênh, mền phục

Bắc Việt với điều kiện không sống trên thiên đàng hạ giới này.

Phê bình Kinh tế miền Nam

NVT quy trách nhiệm thất bại kinh tế của miền Nam VN cho giai cấp tư sản phi sản xuất.

Hãy nghe ông Paul Bairoch, chuyên khảo vấn đề phát triển. Yếu tố khách quan như trình độ kỹ thuật quan trọng hơn yếu tố chủ quan để giải thích trình độ chậm tiến hiện đại. Trình độ kỹ thuật cao, phương pháp sản xuất thay đổi liên tục, đầu tư không lờ là những yếu tố giải thích sự bất lực, sự thất bại của giới kinh doanh của nước chậm tiến, hiểm hoi. Không cần quy trách cho giai cấp này hay giai cấp khác.

Theo NVT Xã hội chủ nghĩa là liều thuốc thần diệu cho phép miền Nam thoát khỏi tình trạng chậm tiến. Theo ông Bairoch, đối với Thế giới thứ ba sự chọn lựa một chính thể kinh tế không phải là một yếu tố cần thiết và quyết định. Hầu ra khỏi tình trạng chậm tiến, chọn lựa một chính sách đúng và thích hợp quan trọng hơn sự chọn lựa một chính thể tốt. Một chính thể “tốt” chủ trương một chính sách không thích hợp dẫn đến thất bại. Một chính thể “xấu” chủ trương một chính sách thích hợp đưa đến thành công kinh tế. Trong kinh tế, chính sách cần thiết hơn chính thể.

Bắc Việt: Chiến tranh và Hoà bình

Theo LCT, Cách mệnh là biện pháp phục hồi quân bình chính trị với miền Bắc, dành lại độc lập, chấm dứt xâm chiếm miền Bắc, chấm dứt chiến tranh ở miền Nam, chuẩn bị thống nhất đất nước. Theo nhà ý thức hệ và hiện triết LCT, tiến bộ hay lạc hậu không thể đo lường bằng Tổng sản lượng, bằng phẩm chất của đời sống, bằng quyền tự do. Ông ta khẳng định: Nam Việt thua kém Bắc Việt vì nó chậm thua Bắc Việt một cuộc cách mệnh.

Chịu khó đọc hai nhà tư tưởng ý thức hệ thiên tả Nguyễn Văn Trung và Lý Chánh Trung, tôi có cảm tưởng tốt hay xấu, dễ chịu hay khó chịu, là có may mắn nghe lại chuyện thần tiên ru em, chuyện Bạch Tuyết và bảy chú lùn hoặc là chuyện Cendrillon. Nghiêm nghị hơn đôi chút tôi có cảm tưởng tham dự một cuộc đàm đạo phòng trà dành cho thượng lưu trí thức. Hoặc là đang bay lượn trên thượng tầng không khí.

Tư tưởng và hành động của Nguyễn Văn Trung và Lý Chánh Trung.

Lẽ dĩ nhiên NVT và LCT đã đóng góp để tìm một giải pháp. Cô lập giữa kỹ thuật gia luôn luôn đặc dụng, giữa các sĩ quan cao cấp, giữa các chính khách xu thời, giữa những doanh thương giàu có... họ có cảm tưởng lạc lõng trong một thế giới vật chất, không thương tiếc không đạo hạnh... NVT giáo sư, khoa trường ba tháng, LCT một cây cổ thụ của Bộ Giáo Dục liên tục làm Công cán ủy viên, Chánh văn phòng, Đồng lý văn phòng, Giám đốc Trung học, thân tín của Tướng Dương văn Minh... Hai nhà trí thức này có thể nuôi mộng Conseiller du Prince, dâng hiến cho Mặt Trận Giải Phóng và Bắc Việt, “khoa học lịch sử” của mình để làm dịu đôi chút sự hung hăng và hiếu chiến của hai thành phần này. Hoặc là họ dọn đường trước vì thấy miền Nam nhất định thất trận! Chỉ là phỏng đoán căn cứ trên nhận xét, quan sát và lập luận!

Bên lề Luận án: Địa vị của trí thức thiên tả trong chế độ mới.

Lý Chánh Trung được đền ơn hậu nhất. Thành viên Mặt Trận Tổ Quốc, Trí thức yêu nước, Dân Biểu. Chức vụ bù nhìn, bóng ma. Được thưởng công du ra Bắc, công chúng nghênh đón, một bà nông dân già đến gần ông, dâng lên cho ông sách LCT bà đã đọc. Dàn cảnh dễ thấy. LCT vinh hạnh và trách móc miền Nam ít đọc sách ông thua miền Bắc. Một hôm Công an đến nhà mời ông đi đến đồn công an “làm việc”, thăm vấn. Còn sống trong giấc mơ miền Nam miễn tổ dân biểu immunité parlementaire anh ta chìa ra thẻ dân biểu. Anh công an nói “Xin ông đi, Thi hành trước, khiếu nại sau. Cách mệnh không bao giờ làm”. Giam cầm ở đâu? Tội trạng gì? Bao lâu? Không cho phép biết. Bốn năm tháng sau trả về. Đồng nghiệp lánh xa vì sợ, vì khinh. LCT thân thiện với nhóm “Nam Cộng” của Trần văn Trà, Nguyễn Hồ... có chút ít xích mích với “Bắc Cộng”.

Nguyễn văn Trung, ít may hơn, các ngày đầu hơn hờ treo cờ, mời mọc các đồng chí. Vài lúc sau, phát biểu bừa bãi bị mời “đi làm việc”. Bốn năm tháng cầm tù.

Nguyễn Ngọc Lan, cố linh mục bị cầm tiếp tục làm báo. Chân Tín mời về dòng với Chúa.

Châu Tâm Luân vượt biển đến trại di dân bị Ngụy đánh đòn. Anh ta nhấn lại thà bị đòn còn hơn phục vụ cộng sản. Con người đứng đắn.

Chính quyền Bắc Việt dùng chính sách Trí vận, Giáo vận, Dân vận... dùng người bản xứ lũng đoạn, khuynh đảo, lật đổ... nước của chính họ. Trí thức thiên tả không có chút vai trò nào trong sự bại trận của miền Nam. Lên đường xuống đường mua vui cho thị dân bán báo cho ký giả. Họ là những người ngốc có ích idiots utiles theo lời Lénine. Có lúc họ bắt chước Michel Foucault ở Pháp xuống đường đòi đổi xử nhân đạo với tù nhân. Chí lý. Nhưng họ không hề đòi chính quyền cộng sản cho tù cải tạo về sum họp với gia đình. Vợ và chị em của họ dám biểu tình đòi thực hiện lời cam kết 10 ngày cải tạo., Cụ Trần Văn Hương, lúc được trao trả quyền công dân cho biết quyền công dân của Cụ không quý bằng quyền sum họp của tù cải tạo. Ai là người anh hùng?

Đối với chính quyền Bắc Việt, Trí vận, Giáo vận, Dân vận là phụ, chính yếu là bạo lực võ trang với súng lớn, súng nhỏ, hoa tiễn, xe thiết giáp của Liên Xô, với lương thực, áo quần Trung quốc. Phân công, các đồng chí VN cung cấp lính, cung cấp xác chết, tiêu thổ kháng chiến, đốt cháy Trường sơn, rồi xây dựng mười lần đẹp hơn. Dù tin bạo lực, Bắc Việt nuôi ảo vọng miền Nam nổi dậy theo họ. Họ đến đâu người dân chạy trốn kinh hồn, tìm sự che chở của chính phủ họ. Thất vọng, tức giận họ ra tay sát hại người dân bất kể giàu nghèo, tôn giáo, chính kiến, quốc tịch (tôi biết giáo sư KR... người Đức và vợ bị giết). Tôi có Cậu chủ khách sạn không hề dính líu chính trị bị chôn sống, anh họ Linh mục Bửu Đồng suốt đời giúp người nghèo, kẻ yếu cũng bị giết chết. Đó là thăm kịch Mậu Thân ở Huế, chưa từng thấy trên đất nước này. Hốt hoãn hay suy tư chín chắn, họ đã lập một thành tích diệt chủng.

CHỦ NGHĨA QUỐC GIA TIÊU TƯ SẢN VÀ KHÁNG CỘNG

Ông NGUYỄN MẠNH CÔN (NMC) là người chủ trương ý thức hệ CHỦ NGHĨA QUỐC GIA TIÊU TƯ SẢN VÀ KHÁNG CỘNG. NMC là văn sĩ giàu tình cảm, nhà biên khảo có giá trị, người hoạt động chính trị vô vụ lợi chưa hề tham chính. Lấy cảm hứng từ lý thuyết giai cấp mác xít, triết lý của AUGUSTE COMTE, khảo cứu mới về giai cấp trung lưu, ông muốn chứng minh sứ mệnh

lịch sử của giai cấp trung lưu Việt Nam mà đại diện là giới trí thức. NMC còn chủ trương Mặt trận thứ ba hữu khuynh chống Đế Tam quốc tế, và Tư bản quốc tế. Giai cấp tiểu tư sản VN thừa kế di sản quốc gia và truyền thống tâm linh vì giai cấp vô sản bị tước đoạt hết và lệ thuộc bộ máy chính quyền, vì giai cấp tư sản bị tha hoá bởi đồng tiền. Giới trí thức đại diện hay hiện thân của giai cấp trung lưu có vinh hạnh và trách nhiệm đề xướng một xã hội không tư bản và chống cộng sản. Lập trường của NMC có khuyết điểm sau. Trí thức không làm thành một giới thuần nhất tùy theo tài sản, nghề nghiệp, uy tín của họ. Trí thức cao cấp, kỹ sư, chủ ngân hàng, giám đốc xí nghiệp... thường trung lập chính trị. Chuyên viên cao cấp có thể sinh sống ở ngoại quốc, không cần gắn bó với quê hương. Hiện tượng fuite de cerveaux. Trí thức trung lưu có hoài bão công bình xã hội. Trí thức hạ lưu bất mãn là môi ngon của sự khuynh đảo. Vì sự dị biệt, khoảng cách tinh thần và vật chất, trí thức không có thể đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử như ông NMC chủ trương. Vài ngày sau khi Bắc Việt chiếm cứ miền Nam, ông Côn tổ ra hải lòng về chính sách hoà hợp hoà giải của kẻ chiến thắng. Sáng suốt, từng trải như ông, chắc đó chỉ là tự an ủi, hay tự phỉnh mình. Ít lâu sau ông bị giam tù vì thuộc thành phần đảng phái. Chán chường, NMC tự mình kết liễu đời mình.

MỘT Ý THỨC HỆ HOÀI CỐ

Linh mục Lương Kim Định, giáo sư Triết Đông là một nhà biên khảo phong phú, xuất sắc. Ông chủ trương một ý thức hệ bảo thủ hoài cổ National-Passéisme. Ý thức hệ này bác bỏ tinh thần hiếu chiến, lý thuyết đấu tranh giai cấp, quan niệm tương tranh quốc tế. Mâu thuẫn chính yếu là mâu thuẫn giữa truyền thống Tây phương và truyền thống Đông Phương, trong hiện tại và trong tương lai xa. Văn hoá hay Văn minh là ưu tiên so với lịch sử và chính trị. Ý thức hệ này chủ trương một cuộc sống cộng đồng và thanh đạm thay vì lấy tiến bộ vật chất và tin và tinh thần làm cứu cánh. Xa lạ với lịch sử luôn luôn biến chuyển, ý thức hệ này không có khả năng huy động một trào lưu canh tân và giải phóng. Không khéo nó còn biểu dương một phản ứng tiêu cực, vô hiệu quả đối với sự tha hoá hay sự mất mát của truyền thống văn hoá Việt Nam.

ĐẠO PHẬT ĐI VÀO ĐỜI

ĐẠO PHẬT ĐI VÀO ĐỜI là một ý thức hệ, một cao trào huy động và kết tinh truyền thống hướng về tương lai, khác hẳn với ý thức hệ hoài cổ. Chống tư bản, chống đế quốc, chống chế độ thân Mỹ của miền Nam. Họ chủ trương một chế độ Xã Hội chủ nghĩa tinh thần Phật giáo, khác Xã hội chủ nghĩa công nghệ và kỹ thuật kiểu Tây phương. Xã hội chủ nghĩa duy linh đặt giá trị đạo đức và tinh thần trên kinh tế. Bình đẳng, cộng đồng, nhân bản, bác ái, ý thức hệ này có hy vọng thích hợp với mức sống và kiểu sống tập thể và thanh đạm ở Việt Nam, một quốc gia bị phá sản tinh thần, đạo đức nhiều hơn là bị lạc hậu kinh tế. Sức mạnh của ý thức hệ này là tín đồ Phật Tử kết hợp thành một lực lượng chống đối, bất chấp khủng bố, tù tội. Ý thức hệ này có gốc, có rễ trong một quần chúng nhất định, về mặt này khác xa với những ý thức hệ khác được phân tích trong luận án này./.

GS BỬU LỊCH

Annexe
UNIVERSITÉ PARIS 7
UER DE SCIENCES SOCIALES

ATTESTATION

Ayant participé au Jury de Thèse de Monsieur BUU LICH, je tiens à souligner les grandes qualités de l'ouvrage de Mr Buu Lich sur les idéologies politiques au Việt Nam (après les Accords de Genève, 1954). Cette étude d'une grande ampleur est fondée sur le traitement de nombreux documents de première main, elle replace intelligemment ces idéologies dans le contexte social et politique de cette époque très particulière en utilisant une conceptualisation appropriée. Cette étude comble un vide dans la connaissance de cette période du Việt Nam et constitue un document indispensable pour en comprendre l'évolution politique. Je souhaite vivement que MR BUU LICH puisse trouver les appuis nécessaires à son installation en France, compte tenu de ses grandes capacités intellectuelles.

Fait à Paris, le 12 Octobre 1984
Pierre Ansart, Professeur de Sociologie Université Paris 7

VAI TRÒ CỦA LUẬT SƯ TRONG VIỆC XỬ ÁN



LS HỒ TRI CHÂU

Nguyên Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn Sài Gòn

Diển tiến của tư tưởng tài phán khởi điểm bằng sự nhận xét các sự kiện vật chất và cá nhân của trường hợp, sau đó tiếp đến sự tìm kiếm luật lệ để áp dụng, khi có đủ các yếu tố nói trên, vị thẩm phán sẽ tổng hợp các yếu tố này để đi đến quyết định tư pháp.

Trong việc làm này như đã phân tích, vị thẩm phán phải dung hòa luật lệ trừu tượng với trường hợp cá nhân, đem lại quân bình giữa tình và lý mới thực hiện được một quyết định đúng theo lẽ công.

Thẩm phán trong việc xét xử sẽ thực hiện một động tác mà triết học mệnh danh là Biện Chứng Pháp (la dialectique). Biện Chứng Pháp theo kiểu của triết gia Hegel thì có sự chuyển từ đề (thèse) qua phản đề (antithèse) tới hợp đề (synthèse).

Trong hợp đề có thể có sự liên kết những sự mâu thuẫn với nhau. Nếu ta chấp nhận rằng động tác tài phán là một sự biện chứng pháp theo kiểu (Hegel dialectique hegelienne) thì trong động tác này :

1- Công Tố Viện có trách vụ trình chính đề tức là nhân danh xã hội yêu cầu thẩm phán áp dụng luật lệ trừu tượng bằng cách trình bày những bằng chứng buộc tội can phạm.

2- Luật sư là người có trách vụ trình bày phản đề (antithèse) tức là phô diễn những lý lẽ ngược lại để bênh vực trường hợp cá nhân của can phạm.

3- Vị thẩm phán với tư cách là trọng tài hợp nhứt hai luận đề mâu thuẫn để đi đến một sự dung hòa lý và tình.

Qua sự trình bày kể trên người ta có thể nhận định vai trò kỹ thuật của người luật sư trong tiến trình của một vụ án.

Để chứng minh mạnh mẽ hơn sự cần thiết của vai trò người luật sư trong công việc xử người, tôi xin mạn phép nhắc lại diễn trình lịch sử của công việc thiết lập qui chế nghề luật sư.

Như tôi đã nói nghề luật sư đã được qui định hợp pháp bởi dân tộc có đầu óc pháp lý thuần túy từ cổ tới kim này là dân tộc La Mã.

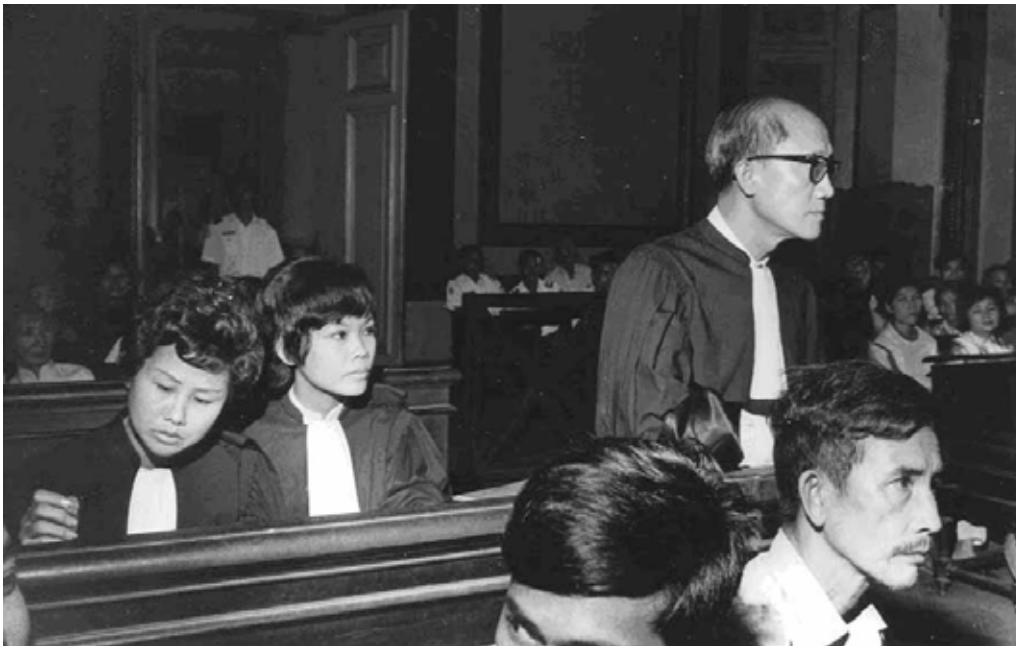
Nhưng công trạng thật sự của nhà lập pháp La Mã không phải ở trong việc sáng tạo nghề luật sư mà trong công việc nhận thức được trước hết sự ích lợi của nghề này đối với công việc xử án.

Khảo xét lại lịch sử của công việc xử án từ xưa tới nay và từ Đông sang Tây thì người ta phải công nhận rằng dù dưới hệ thống tư pháp gồm tất cả mọi quyền hạn trong một bàn tay duy nhất của một vị thẩm phán thì mỗi khi có vụ xử án là có sự hoạt động của những người hành nghề biện hộ tuy rằng không được hợp thức hóa.

Ở cổ Hy Lạp dưới thời kỳ văn minh sáng lạng nhất của dân tộc này thì nghề biện hộ không hợp thức đã được thực hành bởi những bài cãi theo tiếng Hy Lạp gọi là “logographes”

Nhưng theo tôi, ví dụ điển hình nhứt để chứng minh sự cần thiết của nghề luật sư là sự thực hành nghề biện hộ không hợp thức dưới chế độ quân chủ ở nước Việt Nam ta.

Ấy là nghề luật sư dưới danh từ nô nôm là nghề



Không xử ngay được, quan phủ giam Trê lại để hậu cứu. Chồng bị giam, vợ Trê ở nhà chạy thầy cúng thầy cai để cứu chồng. Trê do người điếm chỉ kiếm được Lý Ngạnh là một tên đại ác xưa nay có đủ mưu mô để chạy việc.

Nhờ Lý Ngạnh dứt lót mà quan phủ cho điều tra và do phúc trình của thợ lại thì chính nòng nọc là con của Trê. Quan phủ dạy thả Trê ra và giam Cóc lại vì đơn kiện sai ngoa.

“thầy kiện” dưới trào quan lại đời xưa.

Nghề này đã được đề cập và miêu tả trong bộ truyện ngụ ngôn cổ văn của chúng ta mệnh danh là “Trê Cóc”

Danh từ “thầy kiện” mới nghe có ý nghĩa không hay cho nghề này, nhưng đọc lại bộ truyện “Trê Cóc” chúng ta không khỏi ngạc nhiên nhận thấy tác giả đã không nói xấu nghề biện hộ mà còn có ý tâng bốc nghề “thầy kiện” là khác nữa.

Truyện “Trê Cóc” mượn những con thú để đạo diễn một tấn tuồng đi kiện trước cửa công xảy ra dưới sự cai trị của quan lại đời nhà Trần.

Áng văn này có thể làm tài liệu cho luật gia khảo cổ về pháp luật thời xưa ở nước ta.

Trong khuôn khổ của sự khảo luận về nghề luật sư, tôi sẽ quan tâm đến các vai đạo diễn nghề “thầy kiện” mà thôi.

Nội dung câu chuyện có thể tóm tắt như sau: Con Cóc theo luật thiên nhiên của Tạo Hoá tuy ở trên cạn nhưng lại sanh đẻ ở trong nước dưới ao. Trứng nở ra không phải cóc con ngay mà là nòng nọc, ở dưới nước cá Trê, không con thấy nòng nọc giống mình, thừa lúc Cóc đi vắng dẫn cả đàn về nuôi làm con. Được ít lâu, Cóc ra bờ ao tìm con mãi không thấy, nên cố tìm tận chỗ Trê ở, Trê lợi ra chười Cóc đi và chười mắng thậm tệ.

Cóc trở về bàn với chồng làm đơn kiện Trê. Phủ đường thấy là khó xử vì Cóc ở trên cạn mà sao lại có con dưới nước. Nhưng mặt khác nếu Cóc không mất con sao lại đi thưa.

Đến phiên vợ Cóc ở nhà đi tìm thầy kiện để gỡ tội cho chồng. Cũng nhờ người điếm chỉ mà Cóc tìm gặp Nhái Bén là “tay thầy kiện trứ danh”. Nhái Bén quả là một tay thầy kiện đại tài. Nhờ thấu hiểu luật lệ thiên nhiên của Tạo Hoá và cũng hiểu luật tâm lý loài người, nên sau khi nghe đầu đuôi câu chuyện của vợ Cóc, Nhái Bén lanh trí giải quyết một cách chính xác nội vụ như sau:

Phải chờ nòng nọc đứt đuôi, nó sẽ lên trên khô, lúc ấy vợ Cóc dẫn bầy con ra trình trước quan phủ mà xin Cóc về. Có muốn thì lúc ấy mới làm đơn kiện lại Trê. Vợ Cóc nghe lời chỉ giáo đầy khôn ngoan của thầy kiện Nhái Bén thì quả thật thắng được vụ kiện trên mọi phương diện.

Trong bộ truyện nói trên dưới khía cạnh nghề luật sư, chúng ta chỉ lưu ý đến hai nhân vật Lý Ngạnh, Nhái Bén.

Người ta nhận thấy rõ Lý Ngạnh là một người thầy kiện xấu dùng sự chạy việc để hại người ngay.

Trái lại, Nhái Bén là một thầy kiện đại tài và rất tốt. Nhái Bén theo câu chuyện ngụ ngôn đã hành nghề đúng theo qui tắc thông thường của người ngay thẳng không xúi giục thân chủ kiện tụng bậy bạ và đã khuyên bảo thân chủ hành động khôn ngoan và có hiệu quả. Luân lý của cuốn truyện dưới khía cạnh nghề thầy kiện là nếu không có sự khuyên bảo khôn ngoan của Nhái Bén, thì Cóc sẽ bị giam cầm oan uổng.

Mặc dù không biểu lộ quan niệm minh thị nhưng tác giả cuốn truyện đã cho thấy rõ ý hướng của tác giả là tác dụng của nghề luật sư không phải là vô ích trong việc xử kiện.

Một bằng chứng khác về sự hữu ích của nghề luật sư có thể lấy trong bản án nòng Kiều của Truyện Thủy Kiều đã được nài ra ở đây . Bản án đã xảy ra như sau:

Thủy Kiều được Thúc Sinh chuộc về làm bé, thuê nhà cho ở. Thúc Ông hay được việc này đã rầy con, buộc phải bỏ Thủy Kiều. Thúc Sinh vì say mê Thủy Kiều nên đã cưỡng lại lệnh cha. Thúc Ông tức giận vô đơn kiện trước quan phủ . Nội vụ được phủ đường xem xét xử ở công đường.

Sau khi nghe lời khiếu nại của Thúc Ông thì quan phủ đã quyết định buộc Thủy Kiều phải bị gia hình hay là trở về lầu xanh. Kiều chịu gia hình mà không chịu trở về lầu xanh. Vì vậy mà quan phủ “đạy rằng” cứ phép gia hình .

Thúc Sinh thấy Kiều bị đánh đau đớn chịu không nổi nên vừa khóc vừa than. Phủ đường nghe lời than nên động lòng hỏi đầu đuôi câu chuyện của Thủy Kiều . Nhờ đó, Thúc Sinh kể hết tự sự cho quan phủ nghe.

Quan phủ này là một vị quan công minh, đúng như quan niệm “phụ mẫu chi dân” đời xưa. Thúc Sinh được nước còn gia tăng biện hộ cho Kiều bằng cách trình cho quan phủ biết tài năng của Kiều . Phủ đường nghe nói cho thử tài của Kiều. Và sau đó, phải công nhận rằng: “Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân” quả là một bản án tha bổng Kiều và cho Kiều về sum họp với Thúc Sinh.

Trong vụ án trên đây Thúc Sinh quả thật là một luật sư ngẫu nhiên biện hộ cho Thủy Kiều. Không có sự biện hộ ngẫu nhiên của Thúc Sinh, Thủy Kiều đâu có được tha, vị quan phủ làm sao biết được nỗi tình cá nhân của trường hợp Thủy Kiều .

Cụ Nguyễn Du theo tôi cũng đã mặc nhiên nhìn sự lợi ích của việc biện hộ cho bị can bởi một đệ tam nhân với tư cách luật sư .

Hai ví dụ nói trên đã chứng minh một cách cụ thể rằng là dù dưới một hệ thống tư pháp không chấp nhận chánh thức sự biện hộ bởi luật sư cho bị can đi nữa thì sự tất của việc điều hành công lý đã bắt buộc tác dụng thực tại của “nghề luật sư thực tế”

Do đó, mà tôi kết luận rằng sự sáng suốt của nhà lập pháp La Mã, một dân tộc được nhiều thiên phú nhất trên thế giới về luật pháp là đã thấy được trước hết sự hữu ích của nghề luật sư , nên đã từ lâu hợp pháp nghề này trong guồng máy tư pháp .

Tôi nghĩ rằng tôi đã chứng minh đầy đủ về vấn đề hữu ích của nghề luật sư ./.

LS HỒ TRI CHÂU

CHÚT QUÀ GỬI MẸ CHA



Một chút quà yêu gửi Mẹ Cha
Cành hoa hồng thắm gửi Cha già
Cả đời tranh đấu vì Non Nước
Đau xót nghìn trùng mãi cách xa

Con xin gửi Mẹ chuỗi tình thương
Túi nắm mồ yêu phủ bụi đường
Xác Mẹ vùi chôn nơi đất khách
Trong con còn lại nỗi sầu vương

Mỗi lần ghé lại thăm mồ Cha
Nước mắt trong con bỗng nhạt nhòa
Tiếc tháng năm dài trôi lặng lẽ
Bao giờ hàn gắn nỗi chia xa

Quà gửi bao nhiêu cũng chẳng vừa
Thời gian vùn vụt như thoi đưa
Tám lòng con vẫn từng giây phút
Bên Mẹ cùng Cha phút giờ đùa

Con gửi Mẹ Cha những món quà
Đây màu máu đỏ của Quê Cha
Máu tô điểm thắm trời Quê Mẹ
Dù tháng năm dài mãi cách xa

Con gửi Mẹ Cha nỗi đoạn trường
Thời gian xa cách nỗi sầu vương
Giờng thơ con viết hoài vương vấn
Mặt lệ rơi buồn nỗi xót thương

Đâu biết chia ly mãi khổ sầu
Lệ nào nhỏ xuống khóc thương nhau
Mẹ Cha đã khuất còn đâu nữa
Tiếc nhớ cho lòng nỗi quận đau

NGUYỄN VĂN THẮNG

TƯỢNG NIỆM

THẨM PHÁN BÙI ĐÌNH TUYÊN

Kính dâng hương hồn thầy Bùi Đình Tuyên và cũng đề thân tặng hai anh Nguyễn Hoàng Hải, Ngô Hữu Liên, người đã kể cho tôi nghe những câu chuyện về thầy.



LÊ DUY SAN
Thẩm Phán các tòa Sơ Thẩm
và Thượng Thẩm Saigon-Huế

Năm 1954 tôi theo gia đình anh tôi di cư vào Nam. Lúc bấy giờ trường Chu Văn An cũng di cư vào, nhưng vì chưa có trường sở riêng nên phải học nhờ trường Pétrus Ký. Vì học nhờ nên không đủ lớp; do đó các lớp từ đệ Ngũ trở xuống được chuyển sang các trường khác như Nguyễn Trãi, Trần Lục hay Hồ Ngọc Cẩn. Tôi vì mới lên đệ Ngũ nên bị chuyển sang trường Trần Lục. Học được hai tuần lễ, tôi và Trần Kim Cát chệch tên trường, rủ nhau xin đổi sang trường Nguyễn Trãi, lấy cơ là gần nhà. Học được một năm, tới năm sau (1955) lên đệ Tứ, tôi lại xin đổi về Chu Văn An. Lúc này trường Chu Văn An được cấp một cao ốc hai tầng lầu ở đằng sau trường Pétrus Ký. Cao ốc này trước kia là ký túc xá của học sinh nay được sửa lại cấp kỳ làm lớp học, nên lớp



Các thẩm phán tòa Sơ Thẩm Sài Gòn

nọ chỉ được ngăn cách với lớp kia bằng tám carton khiến lớp này có thể nhìn sang lớp khác một cách dễ dàng bằng những lỗ đục khoét nhỏ.

Vì trường sở còn chật hẹp, mặc dầu đã sửa thêm dãy nhà ngang để làm thêm lớp học nhưng vẫn không đủ vì các trường Nguyễn Trãi, Trần Lục, Hồ Ngọc Cẩn lúc bấy giờ chưa mở các lớp đệ nhị cấp nên các học sinh của các trường này lên đệ Tam đều phải chuyển sang Chu Văn An. Thế là trường Chu Văn An trở thành trường trung học đệ nhị cấp. Nhưng vì có khoảng hơn hai chục anh thuộc các lớp đệ Tứ năm trước thi trượt Trung Học Phổ Thông, lại không đủ điểm lên đệ Tam, nhà trường không biết tống khứ đi đâu nên đành phải mở thêm một lớp đệ Tứ và lớp này được thầy Tổng Lăng ưu ái tống vào căn phòng ngay đầu cao ốc, cạnh cầu tiêu. Trong cái xui cũng có cái hên. Chính vì phải học phòng này mà chúng tôi lại luôn luôn có dịp được chiêm ngưỡng dung nhan của các chị nữ sinh đệ Nhất đi qua đi lại mỗi khi phải vào nhà vệ sinh, trong đó có người đẹp tóc dài Hoàng thị Châu Quy, chị của Hoàng Cơ Định.

Tôi còn nhớ, trong lớp tôi hồi đó có Nguyễn Đức An, sau này là bác sĩ y khoa, hiện đang hành nghề ở Florida, Hoàng Cơ Định, sau du học ở Pháp đậu Tiến Sĩ Hóa học và có thời kỳ là Giám Đốc trường Cao Đẳng Hóa Học ở Trung Tâm Kỹ Thuật Phú Thọ, Trần Lam Giang hiện ở Sacramento, Nguyễn Tân Văn hiện ở Nam Cali, Trần (?) Văn Khải, lúc đó cũng khá lớn tuổi, biết chơi đàn Guitar, Nguyễn Văn Quyên, các anh này sau hành nghề dạy

học, Nguyễn Long, đã chết ngay sau khi đậu Tú Tài I, Phạm Huân, đang học dở dang thi vào Đà Lạt lên tới Thiếu Tá, Trần Văn Khản v.v...

Tôi còn nhớ, các giáo sư dạy năm đó gồm có : thầy Trần Văn Mai, thân phụ của anh Trần Lam Giang, dạy Việt Văn, thầy Bùi Đình Tấn dạy Pháp Văn, thầy Trần Trọng San, dạy Sử Địa, thầy Hoàng Đình Thanh dạy Anh Văn, thầy Nguyễn Ngọc Quỳnh, dạy Vạn Vật, thầy Chung Quân dạy Nhạc và thầy Bùi Đình Tuyên dạy Lý Hóa; còn các môn khác như Toán, Công Dân, Hán Văn thì tôi không nhớ thầy nào đã dạy.

Thuộc loại học trò hiền lành, chẳng bao giờ dám cúp cua, nghỉ học, cũng chẳng bao giờ dám đánh lộn chứ đừng nói chuyện chọc thầy, trêu bạn, nên tôi cũng chẳng bao giờ bị thầy trách mắng hay quở phạt. Chỉ mỗi một lần thấy thầy Tuyên bôi kem (?) xoa xoa lên mặt, tôi thấy lạ, nhìn thầy chăm chú, nên bị thầy la :

- Anh kia, nhìn cái gì ?

Tôi thấy thầy mắng cũng hơi vô lý, nhưng tôi không dám có phản ứng gì, chỉ yên lặng nhìn đi chỗ khác. Sau năm đệ Tứ, tôi không còn được gặp thầy nữa. Mãi tới khi tôi được bổ nhiệm làm Tùy Viên Công Tố, một chức vụ đầu tiên của ngạch Thẩm Phán, tại tòa Sơ Thẩm Saigon, phải đi chào tất cả các Thẩm Phán đàn anh, tôi mới biết thầy đã đổi nghề và đang làm Thẩm Phán xử án tại tòa Sơ Thẩm Saigon. Tôi rất mừng vì trong cái danh sách Thẩm Phán mà tôi phải đi chào, chỉ có mỗi mình thầy là người tôi biết. Thầy ngồi trong một căn phòng nhỏ, chẳng có nhân viên nào và cũng chẳng có tùy phái. Trông thầy vẫn như xưa, mặc dầu đã gần cả chục năm tôi mới được gặp lại thầy. Vẫn quần áo giản dị, vẫn dáng điệu thông dong. Sau khi chào thầy, tôi tự giới thiệu và nói rõ lý do tôi tới thăm thầy. Thầy vui vẻ giơ tay bắt tay tôi và nói:

- Chết, anh đừng xưng hô như vậy nữa. (Ý thầy muốn nói tôi đừng gọi thầy là thầy và đừng xưng là con với thầy). Bây giờ anh cũng là Thẩm Phán rồi. Xin chúc mừng anh và chúc anh may mắn.

Nghe thầy nói vậy, tôi chẳng còn biết xưng hô với thầy ra sao nữa. Tôi chỉ biết vâng vâng, dạ dạ, rồi chào thầy, kiêu từ đi ra. Vừa đi tôi vừa suy nghĩ cách xưng hô với thầy. Gọi thầy bằng ông chẳng ? Không được, vì gọi thầy bằng ông mà lại xưng tôi với thầy thì nghe vừa xa lạ lại vừa vô lễ. Gọi



Pháp đình Sài Gòn

thầy bằng anh và xưng em với thầy chẳng? Nghe có vẻ thân mật hơn, nhưng thấy nó cũng vẫn có vẻ vô lễ, không được. Tôi thấy thật khó quá. Vậy mà tôi không hiểu tại sao có những anh vừa mới rời khỏi trường Chu Văn An được vài năm, rồi trở lại dạy học, lại có thể gọi thầy cũ của mình, ngay cả những ông thầy có thể sinh ra họ, là anh và xưng tôi một cách ngon lành, không ngượng miệng. Tôi làm việc ở toà Sơ Thẩm Saigon được khoảng ba năm rồi được cử đi làm Biện Lý toà Sơ Thẩm Kiên Giang (Rạch Giá).

Trong thời gian làm việc tại tòa Saigon, lúc đầu tôi cũng ít khi tới thăm thầy vì thấy thầy có vẻ khép kín, ít khi thấy thầy ra khỏi phòng tới phòng các đồng nghiệp khác để nói chuyện hay tán gẫu. Tới là thầy vào thẳng phòng làm việc. Hết giờ thầy ra lấy xe gắn máy đi thẳng về nhà, không bao giờ tôi thấy thầy đi chơi với anh em. Ít lâu sau, tôi làm thân được với mấy đồng nghiệp lớn tuổi và đồng khóa với thầy, tôi mới dám thỉnh thoảng cùng họ tới thăm thầy. Các ông này cũng rất quý thầy Vào những dịp nghỉ lễ hay Tết Nguyên Đán, các ông này còn rủ tôi sang nhà thầy bên chợ Thị Nghè để chúc Tết thầy. Thầy sống trong một căn nhà trệt, bề ngang không quá bốn thước, bề sâu không quá hai chục thước. Có lần tôi được thầy tặng cho cuốn "Oan hay Ứng", một cuốn sách thầy viết về những vụ án chuyện mà thầy đã thụ lý, khi thầy làm Biện Lý, đã điều tra, khi thầy làm Dự Thẩm hay đã xét xử, khi thầy làm Chánh Án. Các ông này có cho tôi biết là thầy bị "họ" trừ. "Họ" đây có nghĩa là mấy ông Thẩm Phán cấp trên. Tôi lấy làm ngạc nhiên nhưng không dám tò mò hỏi thêm.

Tôi nghĩ, làm Thẩm Phán mà bị trừ thì chỉ một trong hai lý do: bị cho là thiếu tư cách hoặc làm bậy. Thầy Tuyên không thể nào thiếu tư cách được. Thầy mà còn thiếu tư cách thì trên cõi đời này ai là người đủ tư cách? Mấy ông Thẩm Phán cao cấp, sau này được bầu lên làm Thẩm Phán Tối Cao, tư cách chắc đã được bằng thầy không? Còn làm bậy thì quả thật cho tới ngày tôi từ chức và xin ra khỏi ngành Thẩm Phán, tôi cũng không nghe thấy ai dị nghị gì về tính liêm khiết của thầy. Hơn nữa một người đã có tư cách thì thường cũng không bao giờ làm bậy. Vậy thì tại sao thầy lại bị "Họ" trừ? Sau này tôi có nghe một số các đồng nghiệp khác cho biết thêm là "Họ" có đầu óc kỳ thị. Điều này tôi nhận thấy cũng chỉ đúng một phần, nhưng có lẽ cái lý do chính mà thầy bị "Họ" trừ là vì "cái tính tàng tàng, không sợ trời mà cũng chẳng nể đất" của thầy như nhận xét của anh Ngô Hữu Liễn trong bài "Tôi đi thăm thầy Bùi Đình Tuyên tại Vạn Hồ Thành" đăng trong Đặc San Chu Văn An bắc Cali số 3 năm 1990. Hai mẫu chuyện dưới đây do chính hai anh Nguyễn Hoàng Hải và Ngô Hữu Liễn kể lại cũng nêu lên một phần nào cái tính "tàng tàng" của thầy.

Anh Nguyễn Hoàng Hải kể :

"Vào khoảng năm 1962, 63 gì đó, thời còn Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tôi đang học y khoa. Một hôm đang học thì thấy cô em hót hoảng chạy tới cho biết là Dũng, em tôi bị cảnh sát bắt về tội ngăn cản nhân viên công lực. Tôi hỏi thì được biết ở nhà mẹ tôi rủ mấy bà bạn tới đánh tổ tôm. Lúc đó đang có chiến dịch bài trừ cờ bạc nên cảnh sát rình rập rất kỹ. Biết thế nên bà cụ đã dặn kỹ em tôi là ai tới phải nhìn kỹ, không phải là cảnh sát hãy mở cửa. Không ngờ anh cảnh sát gọi cửa lại lấu cá, không mặc sắc phục nên Dũng ta ung dung mở cửa hỏi có chuyện gì, tức thì tức anh cảnh sát đẩy cửa xông vào, tiếp theo là mấy cảnh sát sắc phục từ phía xa chạy lại. Dũng ta hoảng hốt, vừa ôm tên cảnh sát vật y ngã xuống, vừa la lớn :

- Cảnh sát tới, cảnh sát tới.

để trong nhà các cụ có đủ thì giờ cất dấu tiền bạc. Khi cảnh sát có mặc sắc phục tới rút súng ra Dũng ta mới chịu buông tên cảnh sát kia ra. Sau khi vào phòng trong khám xét, chẳng thấy tiền bạc đâu cả, bọn cảnh sát tức mình, liền buộc Dũng về tội cản trở nhân viên công lực trong khi thi hành nhiệm vụ và bắt về bóp cảnh sát. Tôi về đến nhà thì được biết

cảnh sát đã dẫn trình Biện Lý Cuộc và ông Biện Lý thụ lý vụ này không phải là ai xa lạ, mà lại chính là thầy Bùi Đình Tuyên. Tôi vội vàng lên thẳng toà, nhưng cũng không quên mang theo tấm thẻ học sinh Chu Văn An cũ. Tôi xin vào yết kiến thầy. Sau khi tự giới thiệu và nói rõ lý do, tôi sợ thầy không nhớ nên trình tấm thẻ học sinh ra. Thầy chỉ liếc qua nhưng không coi. Thầy mời tôi ngồi chiếc ghế trước bàn của thầy rồi truyền lệnh cảnh sát dẫn Dũng vào. Thầy liếc qua biên bản của cảnh sát rồi hất hàm hỏi Dũng:

- Tại sao anh lại vật lộn với cảnh sát ?

- Thưa ông Biện Lý, con tưởng cướp vì anh ta không mặc sắc phục. Dũng trả lời.

- Thế tại sao anh lại hô "Cảnh sát tới, cảnh sát tới" ? thầy hỏi tiếp.

Dũng ta cứng họng không sao trả lời được. Tôi ngồi nghe thầy hỏi muốn phì cười mà không dám cười. Thầy nói tiếp :

- Thôi, đi về. Bận sau không được làm thế nữa, nghe chưa.

Thầy cầm biên bản, phê một chữ "Xếp" rồi đưa cho cảnh sát. Tôi hú hồn, mừng muốn chết, đứng dậy cảm ơn thầy rồi xin phép đi về."

Anh Ngô Hữu Liễn cũng kể một chuyện tương tự về thầy như sau :

"Tôi nhận biện hộ cho một em học sinh bị cảnh sát bắt về tội trộm. Hồ sơ được Biện Lý chuyển qua Dự Thẩm để điều tra. Cảnh sát dẫn em học sinh này vào phòng Dự Thẩm, tôi vào theo để dự thính. Ông Dự Thẩm này lại chính là thầy Bùi Đình Tuyên, thầy học cũ của tôi ở Chu Văn An. (lúc này thầy làm Dự Thẩm, không còn làm Phó Biện Lý nữa). Sau phép xã giao, tôi được thầy mời ngồi. Một ông Lục Sự ngồi ở phía đầu bàn đã sẵn sàng để ghi chép những lời thầy thẩm vấn. Nhìn em học sinh đứng co ro nơi góc phòng, mặt tái xanh như chàm đồ. Tôi nghĩ rằng em học sinh này thế nào cũng bị thầy tống giam vì đã nhận tội ở cảnh sát. Thầy hất hàm hỏi :

- Mà làm nghề gì ?

- Thưa ông Dự Thẩm, con đi học. Em học sinh trả lời.

- Mà học lớp mấy ?

- Con học lớp đệ Tứ.

Thầy cầm tờ giấy, cây viết đưa cho em học sinh và nói :

- Viết đi.

Nói rồi thầy đọc cho em một bài toán Điện Học lớp đệ Tứ. Bài toán thật đơn giản, chỉ cần biết một vài công thức về định luật Ohm là có thể làm được. Xong thầy bảo :

- Làm đi.

Rồi thầy nói chuyện chuyện trên trời dưới biển với tôi. Tôi cũng nói chuyện về trường Chu Văn An với thầy. Thấy em học sinh đã làm xong bài toán Điện, nhưng không dám nộp, tôi phải cầm lấy chuyển cho thầy. Thầy liếc qua rồi nói :

-Mày học giỏi thế này, tại sao lại đi ăn trộm ?

- Em học sinh lúng túng chưa biết trả lời sao và tôi cũng chưa kịp đỡ lời nào cho em thì thầy đã nói :

- Lần này tao cho mày về đi học. Không được đi ăn trộm nữa, nghe không? Lần sau mà tái phạm, tao nhốt vào Chí Hòa rục xương, nghe chưa ?

Em học sinh mừng quá, chỉ còn biết ``vâng vâng, dạ dạ``. Thầy quay sang nói với ông Lục Sự:

-Làm Án Lệnh miễn tố``

Đối với một người không ở trong ngành tư pháp và chưa từng làm việc nơi chốn pháp đình, sau khi nghe hai câu chuyện trên, có lẽ họ cũng chỉ thấy ở thầy một thái độ tàng tàng và hơi tếu tếu, nhưng đầy lòng khoan dung và nhân ái. Nhưng đối với tôi, một người đã ở trong ngành tư pháp và đã từng làm việc tại pháp đình cả chục năm, tôi còn thấy ở thầy một đức liêm khiết, một tinh thần độc lập tuyệt đối, và một lòng can đảm vô biên.

Thực vậy, có ở trong ngành tư pháp mới biết, thẩm phán tuy nói là được độc lập và có toàn quyền xét xử theo lương tâm và luật pháp.Nhưng thực tế, không mấy người hành xử được đúng như vậy. Người thẩm phán khi xét xử rất dễ bị làm lẫn hay sai lạc nếu không có được những đức tính như thầy. Người thẩm phán nhiều khi biết là sai mà vẫn cứ làm vì thiếu đức liêm khiết nên bị đồng tiền mua chuộc hoặc thiếu lòng nhân nên cứ chiếu luật trừng phạt bị can một cách nghiêm khắc hoặc vì thiếu sự can đảm, sợ trách nhiệm, không dám khoan hồng cho bị can. Chính anh Ngô Hữu Liên, khi được thầy Tuyên miễn tố cho em học sinh bị truy tố về tội trộm, đã phải thốt lên rằng:

- Thú thật, lúc đó tôi như người từ trên mây rớt xuống.

Vào giữa năm 1998, tôi được anh Ngô



Các Thẩm Phán Công Tố

Hữu Liên cho biết thầy Tuyên đã sang đoàn tụ với gia đình ở Saint Paul, Minnesota, tôi có gọi điện thoại hỏi thăm thầy.Giọng nói của thầy vẫn như xưa. Thầy hỏi thăm tôi, hỏi thăm một vài đồng nghiệp, nhưng tuyệt đối thầy không hỏi thăm ``Họ``.Tôi không nghĩ rằng thầy giận ``Họ``. ``Họ`` không đáng để thầy giận. Có lẽ thầy khinh ``Họ``. Tôi chào từ giã thầy và mong rằng sẽ có dịp được gặp lại thầy. Không ngờ chỉ mấy tháng sau tôi được tin thầy tạ thế.

Nghe tin thầy mất, tôi bàng hoàng xúc động và cảm thấy thương thầy vô vàn.Mấy ai đã học bằng thầy? Mấy ai đã có lòng nhân bằng thầy? Mấy ai đã trong sạch bằng thầy ? Vậy mà sao số thầy lại vất vả như vậy? Hết bộ Canh Nông sang bộ Giáo Dục. Hết bộ Giáo Dục sang bộ Tư Pháp, rồi Tối Cao Pháp Viện, nơi nào thầy cũng không được vừa ý. Cuối cùng thầy còn phải vào trại Học Tập Cải Tạo để nghe những tên Cộng Sản ngu dốt, mà trong số đó có thể có cả những tên đã được thầy khoan hồng, tha thứ, nói nhăng nói cuội suốt sáu năm trời. Bây giờ là lúc thầy được nghỉ ngơi, xa lánh bọn người ti tiện, hèn hạ và dốt nát thì thầy lại vội ra đi? Phải chăng thầy đã chán cái cảnh sống tạm bợ nhưng đầy bon chen, lừa lọc và giả dối trên cõi đời này? Chúc thầy tìm được những gì tốt đẹp hơn bên kia thế giới. /

Trung Thu Mậu Dần, 1998.

LÊ DUY SAN

TUỔI THƠ

TRONG THỜI CHIẾN



LÊ TRUNG HIẾU

Cuộc đời diễn ra trong tâm trí của tôi như một cuốn phim sống động đầy kịch tính hỷ, nộ, ái, ố của lòng người một khi thể chế chính trị thay đổi. Tôi mạn phép viết ra đây những biến cố lịch sử xảy ra trong quãng đời từ lúc tôi còn nhỏ do thầy cô giáo và các bậc trưởng thượng kể cho nghe.

Bảy mươi lăm năm trôi qua kể từ khi đổi đời (1945-2020). Năm 1945 tôi mới ba tuổi. Thế Chiến Thứ Hai đã diễn ra hơn 6 năm, Nhật là thành viên trong Khối Trục bao gồm Đức-Ý-Nhật chống Phe Đồng Minh bao gồm Anh-Pháp- Mỹ-Nga-Trung Hoa Dân Quốc. Cha tôi thường nhắc lại biến động chính trị ảnh hưởng đến vai trò của nhà cầm quyền Pháp tại Việt Nam sau khi Đệ Nhị Thế Chiến Thứ Hai xảy ra. Ngay từ khi cuộc chiến bắt đầu, nước Pháp đã bị Quân Đức chiếm vào năm 1939. Thống chế Pétain của Pháp được Đức giao cho nhiệm vụ điều hành nước Pháp dưới sự chỉ đạo của bộ phận

quân sự Đức đóng tại Pháp. Lúc bấy giờ, Toàn Quyền Pháp tại Đông Dương (gồm có 5 nước: Bắc Kỳ- Đế quốc An Nam (Trung Kỳ)- Nam Kỳ- Cambodia-Laos) đứng về phe Thống chế Pétain nên Quân Đội Nhật khi chiếm lấy toàn cõi Đông Dương xem người Pháp ở đây cùng một phe với phe Trục. Vì vậy Nhật vẫn giao cho Pháp điều khiển Đông Dương dưới sự giám hộ của họ. Đến tháng Ba năm 1945, Nhật thấy quân đội Đồng Minh giành nhiều chiến thắng: Quân Mỹ dưới sự chỉ huy của tướng Mc. Arthur giải phóng nước Phillippines khỏi sự thống trị của Nhật vào năm 1942. Tướng Eisenhower chỉ huy Liên quân Anh-Mỹ đổ bộ lên Normandie ngày 6-6-1944 và mở đường giải phóng nước Pháp. Tướng Mussolini của Ý bị cận vệ bắn chết và Ý xem như rời khỏi phe Trục. Liên quân Mỹ Anh và Pháp liên tục hành quân tiến về Đông Berlin và quân Nga tiến về Tây Berlin. Thế trận hầu như chỉ còn một mình quân đội Nhật đảm trách một vùng địa lý rộng lớn từ Á Châu đến các đảo quốc ở Thái bình dương và Ấn Độ Dương. Vì vậy tháng Ba năm 1945 Nhật đảo chánh Pháp, hủy bỏ mọi quyền lợi của Pháp trên toàn cõi Việt Nam và trao trả quyền hành chính trị và nền độc lập cho Việt Nam dưới quyền lãnh đạo của Vua Bảo Đại

Vua Bảo Đại lo cải cách thể chế chính trị và mời học giả Trần Trọng Kim giữ chức vụ Thủ Tướng Chính Phủ. Nội các Trần Trọng Kim ra mắt quốc dân đồng bào vào tháng 5-1945. Trong lúc Vua Bảo Đại và nội các Trần Trọng Kim đang đối phó với nạn đói lan rộng trên cả nước, Mỹ thả hai quả bom nguyên tử xuống các thành phố Hiroshima và Nagasaki buộc Nhật phải đầu hàng. Theo thỏa ước Postdam, việc giải giới quân Nhật tại Việt Nam giao cho: Trung Hoa Dân Quốc (Tướng Giới Thạch) và

Anh Quốc. Trong buổi giao thời chờ đợi các lực lượng quân đội của hai nước Anh và Trung Hoa đến Việt Nam, đảng Lao Động dưới quyền lãnh đạo của Hồ Chí Minh kích động dân chúng biểu tình chống nạn đói tại nhiều thành phố lớn như Hà Nội, Thanh Hoá, Huế v.v... Nạn đói năm Ất Dậu (1945) do quân đội Nhật gây ra vì Nhật cấm vận chuyên gạo từ miền Nam đến các tỉnh miền Trung và miền Bắc để tiếp tế lương thực cho dân cư ở hai miền này. Mục đích của sự cấm đoán là để dành thóc lúa làm nhiên liệu cho nhà máy điện. Lý do thứ hai là trong thời gian của các vụ mùa năm 1944, Nhật bắt buộc những viên chức địa phương ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ thi hành lệnh “nhổ mạ trồng đay,” Không cho nông dân trồng lúa mà phải trồng đay để làm nguyên liệu sản xuất vải may quân phục cho quân đội Nhật. Vì vậy, đa số nông dân các tỉnh ở vùng đồng bằng Bắc Việt và vùng duyên hải Trung Việt bị lâm vào nạn đói. Họ phải từ bỏ nông thôn và từng đoàn dân quê lũ lượt kéo về các thành phố để xin ăn. Lợi dụng tình trạng này và ước vọng dành độc lập của toàn dân Việt, Hồ Chí Minh thành lập một liên minh chính trị gọi là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, gọi tắt là Việt Minh. Ngoài đảng Lao Động còn có nhiều đảng phái khác tham gia, đáng kể là Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt. Thời cơ đến với Việt Minh sau khi Nhật tuyên bố đầu hàng, họ tổ chức nhiều cuộc biểu tình chống Đối để chiếm đoạt các cơ sở hành chính từ địa phương đến trung ương. Vào khoảng hạ tuần tháng Tám năm 1945, Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị... Ngày 2 tháng Chín 1945 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên Ngôn thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, công bố thành phần nội các, và xúc tiến việc bầu cử đại biểu vào Quốc Hội Lập Hiến. Đặc biệt trong lần cải tổ nội các vào năm 1946, Hồ Chí Minh mời Cựu Hoàng Bảo Đại giữ chức vụ Cố Vấn Chính Phủ và nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam giữ chức vụ Bộ Trưởng Ngoại Giao nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Trong vòng 6 tháng, từ tháng Ba đến tháng Chín năm 1945, người dân Việt Nam chúng kiến 11 cuộc biến động chính trị. Ta thử xem những người Việt Nam làm việc trong chế độ vương quyền nhà Nguyễn và nhà cầm quyền Pháp, sống và bị đối xử như thế nào trong chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Ở đây chỉ xin nói đến trường hợp của gia đình tôi.

Cha tôi cùng một số tri huyện, tri phủ và tổng đốc Thanh Hoá cương quyết không thi hành biện pháp thất nhân tâm “nhổ mạ trồng đay” nên bị triều đình Huế cách chức và đuổi về vườn không được hưởng hưu bổng. Cha tôi và toàn gia đình trở về Huế trên chuyến tàu suốt Bắc-Nam và tạm thời tá túc tại nhà bà ngoại tôi. Mẹ tôi phụ giúp bà ngoại chăm sóc vườn tược và chế biến hoa quả để kiếm tiền nuôi gia đình. Cha tôi thất chí chẳng quan tâm gì đến những khó khăn trong cuộc sống. May thay, bà nội tôi từ Quảng Ngãi chở đường cối, đường phèn và đường phôi và mạch nha ra Huế bán để kiếm lời giúp đỡ con cháu trong cơn hoạn nạn. Gia đình tôi sống nhờ vào công việc chế biến trái cây khô, bán sớ trâu cau cho thương lái ở chợ Đông Ba cùng với số tiền lời buôn các thứ đường cối và mạch nha do công sức của bà nội tôi đem lại. Tưởng rằng cuộc sống bình lặng trôi qua. Cha tôi hy vọng tìm được việc làm trong ngành thương nghiệp. Nhưng tình hình chính trị ở Việt Nam lại xáo trộn và bất ổn cố sau khi Hồ Chí Minh nắm chính quyền..

Nhiều sự thật phủ phàng phơi bày theo thời gian. Những cuộc bắt cóc, ám sát và thủ tiêu những người làm việc trong chế độ Nam Triều của Nhà Nguyễn, những thành viên thân Pháp, những người khác quan điểm chính trị hay khác đảng phái. Riêng tại Huế, cựu kinh đô của Việt Nam, sự loại trừ những thành phần bị cho là đối lập và nguy hại đối với chủ nghĩa Cộng Sản ngày càng gia tăng gây kinh hoàng cho giới quan lại. Cựu Thượng Thư Bộ Lại Phạm Quỳnh và cựu Tổng Đốc Quảng Nam Ngô Đình Khôi cùng người con đầu Ngô Đình Huân được mời đi họp rồi biệt vô âm tín. Về sau gia đình mới nghe đồn những vị này đã bị thủ tiêu. Cựu Thượng Thư Bộ Lại Ngô Đình Diệm bỏ trốn khỏi Huế. Đảng trưởng đảng Đại Việt Trương Tử Anh và Cựu Tri Phủ Ngô Điền bị bắt rồi mất tích. Ngay tại xóm Bầu Vá, làng Dương Xuân Thượng, nơi cha tôi và cả gia đình trú ngụ cũng xảy ra vài vụ bắt cóc và xử tử Việt gian ở Cổng Trắng, chỉ cách nhà bà ngoại tôi chưa đầy một cây số. Cha tôi không dám ở nhà. Ông giả làm người tiêu phu lên rừng đốn củi. Cao trào cách mạng vô sản và không khí ngột ngạt về những vụ bắt bớ gây kinh hoàng khắp mọi nơi. Khu vực nhà bà ngoại trở nên bất an.

Tôi đã tròn 3 tuổi khi nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ra đời vào ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Tôi bắt đầu nhận thức những sự việc xảy ra ở trong nhà và một vài tin tức xã hội bên ngoài khi nghe loáng thoáng các anh lớn ở trong xóm bàn chuyện về sự hiện diện của nhiều toán thanh niên vừa đi vừa hô to khẩu hiệu ở ngoài đường vào lúc ban đêm. Những cuộc tụ họp của thanh niên nam nữ ở sân đình làng hay trường học để tập hát, tập múa và tập diễn kịch. Họ tham gia chương trình bình dân học vụ chống nạn mù chữ và quảng bá những danh từ mới lạ như phong trào nhân dân yêu nước, nam nữ thanh niên tiên phong, thoát ly gia đình, làm cách mạng là yêu nước yêu đồng bào, giai cấp vô sản, trí thức tiểu tư sản, đả đảo thực dân phong kiến bóc lột v.v... Thú vui của tôi lúc bấy giờ theo người lớn xuống sông tắm, nhưng họa hoằn tôi mới được người lớn cầm tay cho những mình xuống nước rồi kéo lên ngay. Cách tắm sông thông thường của tôi là tụt hết áo quần, đứng tòng ngồng trên bờ, người lớn cầm một cái gáo dừa múc nước sông từng gáo xối lên đầu lên mình. Những lúc đứng tắm trên bên, nhìn vài chiếc đò dọc ngược xuôi trên sông, có chiếc chở người và hàng hoá, có chiếc chỉ có một hoặc hai người. Người đàn ông lực lưỡng thân mình chỉ mặc một chiếc khố mong manh quăng lưới bắt cá, có khi được vài con cá nhỏ, có khi trong lưới chỉ có vài cọng rong. Tuy vậy anh ta vẫn miệt mài quăng lưới rồi kéo lưới lên trong khi chiếc đò nhẹ nhàng trôi theo dòng nước. Còn người đàn bà thổi lửa nấu cơm, luộc rau, kho cá... hoặc giặt một vài cái áo cái quần lố chỗ nhiều miếng vá hoặc nhẹ nhàng khua chèo giữ vững con đò trôi theo dòng nước. Cũng có lúc tôi đang ở trên bên thì nghe tiếng rập rình đều đặn từ phía cầu Dã Viên vọng lại mỗi lúc một to hơn, và một đầu tàu xe lửa nhả khói đen kịt bay ngược chiều với đoàn tàu đang tiến về phía trước. Đối với tôi hình ảnh cây cầu, đoàn tàu và làn khói đen, tiếng còi tàu và dòng sông lặng lẽ trôi vẫn còn sống mãi trong tâm trí của đứa bé thơ dại cho đến lúc khôn lớn. Tôi cảm thấy vui vui trong lòng và ước mong một ngày nào đó được ngồi trên một con đò dọc ngang sông nước hoặc đi trên một chuyến tàu lửa đến một nơi xa lạ. Đó là thú vui ban ngày của một đứa bé hơn 3 tuổi trong thời buổi tao loạn.

Khi màn đêm buông xuống, sau khi ăn cơm tối, tôi phải chun vào mùng ngủ, vừa sợ ma, vừa sợ ăn trộm. Mỗi khi nghe tiếng động bên ngoài hay tiếng chó sủa, tôi cảm thấy hồi hộp lo nghĩ kẻ trộm

cấp đang rình rập và chờ mọi người ngủ say rồi lén chun vào nhà. Sinh hoạt gia đình hầu như thay đổi phần nào lúc đêm về trong thời tao loạn. Làng xóm không còn im lìm trong đêm tĩnh lặng. Trái lại người và vật trở nên năng động. Âm vang tiếng reo hò của đám đông người văng vẳng từ xa vọng lại. Tiếng chân dậm bước của từng đoàn người hầu như thúc dục thanh niên nam nữ mạnh dạn gia nhập đoàn người đang tiến bước lên đường. Những đoàn người đi trên đường càng ngày càng đông. Tôi lại nghe nói những lời xa lạ và khó hiểu như: đoàn thanh niên tiên phong, đoàn phụ nữ cứu quốc, phong trào thanh niên yêu nước. Tuy không hiểu gì nhưng tôi cảm thấy vui mắt với cảnh tượng trong nhiều đám đông người có kẻ cầm gậy gộc, có kẻ cầm dao, cầm kiếm và cũng có nhiều thanh niên nam nữ cầm đuốc giơ lên cao, soi sáng những khuôn mặt đăm đăm quyết chiến. Lúc ban đầu các anh chị tôi dẫn tôi ra sau vườn, đứng bên cạnh hàng rào nhìn từng đoàn người đi qua. Lần hồi tôi được người lớn dắt qua sân trường hoặc nhà hàng xóm xem múa hát và diễn kịch. Không khí hào hứng thúc dục mọi người già trẻ lớn bé lê đường bảo vệ non sông.

Đời sống trong hoàn cảnh cơm thua gạo kém nên số người ăn xin mỗi ngày một nhiều. Tôi rất sợ hãi khi thấy những người đàn bà ốm yếu, rách rưới bồng con năn nỉ chủ nhà bố thí tiền hay lương thực bằng lời nói thảm thương rên rỉ. Bà ngoại tôi sống đời tu hành nên thường cho họ một ít gạo hay khoai sắn khô. Trong số những người con trai của bà ngoại có người con trai út là bác sĩ, hiện đang làm việc với ông Hồ ở ngoài Hà Nội. Bà đã dè xẻn chi tiêu tiền hưu của ông ngoại để lại cộng thêm với số tiền thu được nhờ vào huê lợi của ngôi vườn để nuôi cậu con trai út ăn học thành tài. Mẹ tôi thường nói, bà ngoại luôn luôn trông mong cậu Tùng về Huế ở và chăm sóc bà trong lúc tuổi già. Khi cha mẹ tôi dẫn con cái về tá túc nhà bà ngoại thì tuổi đời của bà đã cao, 75 tuổi. Tuy đời sống chật vật nhưng đến ngày kỵ ông ngoại, bà con trong giòng họ đến viếng thăm bà ngoại rất đông. Họ thường đến vào buổi sáng, làm lễ cúng trước bàn thờ ông ngoại trong khi các vị sư tụng kinh cầu siêu, lâu đến gần hai giờ. Họ dự bữa cơm trưa và cơm chiều rồi mới trở về nhà. Trong những lần kỵ giỗ, tôi rất thích xem người lớn đốt vàng bạc, hình nộm và áo quần giấy nhiều màu trắng, vàng, xanh, đỏ v.v... Còn những ngày thường,

tôi quanh quẩn ở nhà trên, nằm trên sập gụ hay ngồi trên ghế trường kỷ, xem những tấm liễn bằng gỗ quý khắc chữ nho bằng vàng treo dọc theo cột nhà bóng loáng. Bà ngoại chỉ cho tôi biết những bức tranh sơn son thiếp vàng của Vua nhà Thanh tặng cho ông ngoại khi đi sứ sang Tàu. Bà ngoại cũng chỉ cho tôi thấy ba cây kiếm để trên một cái giá đặt trước bức chân dung ông ngoại trong bộ triều phục và một tấm khuôn gỗ chạm trổ tinh vi trên đó gắn mấy huy chương do Vua nhà Nguyễn và Toàn quyền Pháp tặng khi ông ngoại làm Tổng Đốc Tỉnh Thanh Hoá.

Thế rồi một buổi sáng mùa Xuân, bà nội đánh thức tôi dậy sớm hơn thường lệ. Sau khi ăn sáng xong, bà nội thay áo quần cho tôi, dắt tôi và em Bé Tý đi xuống bến sông. Một chiếc đò dọc cập bến từ lâu. Tôi thấy chị Hương, Vân Chi, Vân Em đã ngồi trên đò từ bao giờ. Các chị giúp bà nội đưa tôi và Bé Tý lên đò. Đò từ từ rời bến, bà nội cùng cá cháu rời nhà bà ngoại, đi về ngôi nhà của mẹ ở trong Thành Nội Huế. Ông lái nhịp nhàng chèo, tiếng động khi mái chèo khua vào mặt nước vang lên đều đặn và êm tai. Đò xuôi về thành phố, lặng lẽ trôi dưới cầu Dã Viên, tiến vào dòng sông lớn và cập vào bến đò tôi không biết tên và cũng không còn nhớ bà nội và các cháu đi về ngôi nhà trong thành nội bằng phương tiện vận chuyển nào. Có lẽ bà nội thuê xe ngựa đưa về nhà. Khi xuống xe bên vệ đường, tôi thấy một bờ cỏ rậm rạp màu xanh, kề bên một cái ao dài đầy nước đục ngầu. Cái ao này tiếp giáp với một sân vườn rộng rãi trên đó có hai cây vải to lớn, cách xa bậc thềm của ngôi nhà ngói tường gạch chừng vài mét. Một nhà tranh vách đất cũ kỹ xây sát vào bức tường bên hông của ngôi nhà ngói, tiếp giáp với một đám tranh xanh rì cao hơn đầu tôi và nhiều cụm rêu loang lổ trên những bức vách ẩm ướt gây cho tôi cái cảm giác ghê rợn rùng mình. Khi bước chân vào nhà, cảnh hoang tàn diễn ra trước mắt, nhà trống trơn vì bàn ghế, giường tủ đã bị mất cắp, bụi và rác đầy nhà. Những người thuê nhà trước đây đều là viên chức của Nam Triều hay Toà Khâm Sứ. Họ đã bỏ đi khi thể chế chính trị thay đổi. Chính quyền mệnh danh là cách mạng đặt cơ sở trọng dụng một giai cấp mới, đó là giai cấp vô sản chuyên chính với cái vỏ bọc chống quan liêu phong kiến và tay sai của thực dân Pháp. Những người công bộc của thời Vua Bảo Đại bỏ trốn hay tìm mọi

cách che dấu tông tích để bảo toàn tính mạng. Vì vậy ngôi nhà của mẹ tôi và nhiều ngôi nhà khác đồng cảnh ngộ đều bị phá hoại hay đồ đạc quý giá trong nhà bị đánh cắp. Phải mất khoảng một tuần lễ, bà nội cùng các chị và các anh tận lực dọn dẹp, ngôi nhà lấy lại vẻ ngăn nắp và sạch sẽ. Cũng may là trong căn nhà tranh còn lại một cái giường tre. Bà nội trải chiếu lên giường làm thành chỗ ngồi tạm thời cho tôi và em Bé Tý trong khi những người lớn lo dọn dẹp. Ngồi trên giường nhìn ra vườn sau qua khung cửa sổ bằng tre, tôi thấy cây cối mọc um tùm cho đến bờ tre. Những cây tre to lớn mọc sát nhau thành bụi lớn với nhiều đọt tre vươn lên bầu trời. Gió đùa tre nghiêng ngã, thân tre cọ vào nhau phát ra một âm thanh kêu kệt. Điều tạo cho tôi một sự thích thú là có nhiều tổ chim to lớn trông như một chiếc tất bằng rơm và nhiều con chim giống như chim sẻ bay ra bay vào trong tiếng kêu chim chirp của chim con. Anh tôi nói đó là tổ chim rột rột, màu sắc đẹp hơn chim sẻ.

Hầu như cha tôi dạo này lo vườn tược suốt ngày, thỉnh thoảng mới đi vào nhà. Bà nội và cha tôi hợp lực với người làm thuê dọn dẹp cỏ và tranh, đào mương thoát nước và lên vòng để trồng khoai lang, sắn, trồng nhiều bụi chuối ở các góc vườn, chặc tre làm dàn trồng bầu bí và trồng cây chè tàu, cây bông cần làm hàng rào bao quanh vườn v.v... Mẹ tôi ốm yếu ở trong nhà, thỉnh thoảng cho đàn gà ăn. Nhờ vậy anh chị em tôi có thêm trứng gà luộc dầm nước mắm để chấm rau. Các anh lớn chuẩn bị đi học niên khoá mới 1946-1947. Chương trình giảng dạy tất cả các môn học bằng tiếng Việt từ cấp tiểu học cho đến trung học do giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục thời chính phủ Trần trọng Kim, soạn thảo vẫn được áp dụng trong chế độ mới. Các anh tôi nói về việc cờ đỏ sao vàng tung bay trên kỳ đài thay cho cờ quẻ ly. Những cuộc diễn binh trên đường phố do một người con trai của Bác Võ Chuẩn dẫn đầu. Anh ấy mặc binh phục, mang gươm và súng lục, cỡi con ngựa trắng, trông rất oai phong凛冽. Có hôm, cậu Lâm từ Quảng Ngãi đem đường cát vàng, mạch nha và kẹo gương ra Huế bán. Sau khi bán xong hàng, cậu ghé lại nhà thăm cha tôi. Hai người say sưa chuyện trò về cuộc tấn công của lực lượng Việt Minh vào khách sạn Morin ở bên kia cầu Trường Tiền, nơi đồn trú của binh lính và

thường dân Pháp. Súng nổ rầm trời. Phe Việt Minh bao vây bên ngoài khách sạn, chất nhiều củi và bó rơm rất lớn ở chân tường, rải ốt lên trên rơm và nổi lửa đốt. Khói xông lên mù mịt và hơi cay lan tỏa cả một vùng rộng lớn. Các nhà quân sự Việt Minh nghĩ rằng xông khói và hơi cay sẽ buộc người Pháp phải bỏ thành chạy trốn. Nhưng biện pháp này không hiệu nghiệm nên phe Việt Minh đành rút lui. Không khí chống Pháp bao trùm thành phố Huế. Người Pháp không dám ra đường.

Thời gian trôi qua thật nhanh, cây sấu đông trước mặt nhà trở hoa màu tím nhạt rất đẹp. Ngoài đường có nhiều người đi bộ và đi xe đạp. Con đường đất nhỏ hẹp có nhiều vũng nước đọng sau cơn mưa. Có những lúc bà nội nhìn mây trời, xoa đầu cháu nội, đoạn lẩm bẩm nói như than thở “yên ổn bà về quê. Quê của bà ở Mộ Đức, Quảng Ngãi. Bà đi lâu rồi, không biết thằng A Ba có trông nhà cho bà không?” Bà có phong cách nông dân, tôi thấy bà mạnh bạo cuốc đất, lát nào ra lát đó thẳng hàng. Bà đưa cuốc lên cao bỏ mạnh xuống đất. Có lần tôi thấy chị làm thuê cuốc sâu để lật đất lên, một con rắn to lớn màu đen khoang trắng bật lên và dương đầu lên cao. Tôi nghe mấy tiếng “rắn hổ ! rắn hổ ! Coi chừng, coi chừng.” Bà nội đứng bên cạnh, không nói một lời, trở đầu lưỡi cuốc, phang mạnh vào đầu con rắn liền mấy phát. Mọi việc trong nhà lại ổn định. Cuộc sống bình thường, những bữa ăn có thêm thịt cá ngoài rau lang, cà chua và ruốc kho quẹt nhờ vào sức lao động canh tác của cha tôi, bà nội. Đàn vịt mẹ tôi nuôi trong chuồng và đàn gà thả rông trong vườn là nguồn thịt và trứng quý hiếm cho mọi người trong gia đình. Tôi nghe nói năm tới CÁC ANH LỚN sẽ thi diplôme (bằng Thành Chung/ về sau gọi là bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp). Một hôm cả nhà lo lắng vì không thấy các anh ấy về nhà sau buổi học. Trong lúc đó nhiều nhóm trai tráng và phụ nữ đi lại ngoài đường trong cơn mưa mùa Đông lạnh lẽo. Những đứa trẻ nhỏ như chị em tôi vẫn yên tâm ăn uống và ngủ trong tiếng khóc vì đói của những đứa trẻ con ở bên nhà lảng giềng. Khoảng một tuần sau khi các anh chị lớn không về nhà, một sự kiện bất ngờ xảy ra khi cha tôi đánh thức mọi đứa nhỏ vào lúc trời còn lờ mờ sáng. Ông hối thúc mọi người ra đi khỏi nhà. Xưa nay ông cấm anh em tôi ra đường, chỉ quanh quẩn chơi trong nhà, không được làm ồn. Cha nói bà nội và Bé Tý ở lại nhà vì cả hai người đều ốm

yếu. Mẹ tôi vừa mới sinh con khoảng một tháng, mình mặc áo ấm, chân mang tất len, choàng khăn trùm đầu, tay bông Ty ty đi bên cạnh cha tôi, tay cầm dù che mưa cho cả hai người. Hai chị Vân và tôi lui thủi theo sau. Cha mẹ và con cái ra đi trên con đường đất, lỗ chỗ nhiều vũng nước đọng trong cơn mưa lất phất lúc trời còn chưa sáng tỏ. Tôi và hai chị đi chân đất gắng sức bước cho kịp cha mẹ. Rất đông người rời khỏi nhà theo tiếng loa truyền “Mọi người phải rời khỏi nhà, toàn quốc kháng chiến chống Pháp !” Từng đoàn người già trẻ trai gái lũ lượt cúi đầu lạng lẽ đi về vùng thôn quê an toàn theo hướng dẫn của cán bộ nhà nước. Trong lúc này, tôi không cảm thấy sợ hãi hay lo lắng, cứ bước đi về phía trước và bình tâm khi thấy con chó chạy theo bên chân. Tôi còn nhớ sau một hồi lâu đi thẳng rồi đi qua một cái cầu bằng đá. Tiếp tục đi qua lối mòn trên cánh đồng cò, trước mắt tôi hiện ra một công thành đồ sộ, xây bằng đá tảng và gạch phủ loang lổ rêu xanh tạo thành một bức tường dày màu xám đậm nhô cao lên bầu trời lất phất mưa và gió lạnh. Công thành có hai cánh cửa ra vào rất lớn, bằng gỗ sơn màu đỏ cũ kỹ. Hai bên con đường đất lầy lội ở ngoài thành lưa thưa một dãy nhà tranh thấp lè tè. May mắn cha tôi thấy một quán mở cửa, ông dừng lại chờ hai chị Vân và tôi. Mẹ tôi bông em bé Tyty đang ngồi nghỉ trên một chiếc ghế băng bên cạnh một cái bàn gỗ meo mốc. Trên bàn có một chậu kẹo mè, mấy cái đọi và chén sành để bán nước chè xanh cho khách qua đường. Mẹ bảo chị em tôi ngồi xuống ghế băng, lấy kẹo đưa cho các con ăn và nói bà cụ chủ quán múc cho mỗi đứa một chén nước chè. Mùi vị viên kẹo mè thơm phức và chén nước đậm đà hương vị chè tươi pha gừng, nhất là tôi vừa đi qua một đoạn đường dài, vừa mệt vừa đói và khát nước. Tôi cảm thấy dễ chịu trong khi trời vừa sáng tỏ và mưa vẫn còn lất phất rơi. Cha tôi biết các con mệt nhọc. Tôi thấy ông bồn chồn và nét mặt đầy lo ngại Ông nói nhỏ vài câu với mẹ tôi rồi bước ra trước quán, nhìn bên phải rồi nhìn bên trái con đường đất đông đúc nhiều nhóm người già trẻ lớn bé trai gái lũ lượt đi về phía trước. Bỗng một chiếc xe ngựa dừng lại bên quán trong khi tiếng loa đốc thúc mọi người đi nhanh vang lên tới tấp. Tôi nghe tiếng cha hỏi người đánh xe ngựa “Xe có chở khách không anh ?” “Bác đi đâu, mấy người?” “Sáu người, ba người lớn và bốn đứa nhỏ, chúng tôi về làng Văn Xá.” Cha tôi và người đánh xe lại nói

vài câu, tôi thấy ông chỉ vào chị em tôi và nói “Nhờ anh giúp cho, vợ tôi mới sinh con vừa tròn tháng. Mấy cháu còn nhỏ.” Người đánh xe gạt đầu rồi cho mọi người lên xe. Lúc bánh xe lọc cọc lăn vòng, tôi thấy con chó đứng nhìn theo, không lâu sau nó quay đầu đi về phía công thành. Tôi cảm thấy buồn và sợ con chó đi lạc nhưng không dám nói ra, chỉ ngồi lặng lẽ.

Khi chiếc xe ngựa ra đường cái quan và hướng về phía Bắc, phần lớn người đi là thanh niên và thiếu niên nam nữ. Người nào cũng mang một túi vải lớn. Thỉnh thoảng một chiếc xe chở Tự Vệ Quân với súng ống, giáo mác chạy qua. Sau một hồi cho ngựa chạy nhanh, người xà ích nói với cha tôi:

“Bác nhìn con đường mòn băng qua cánh đồng bên tay trái, rẽ vào đó sẽ đến một con sông. Hy vọng có người đưa đò. Sông không sâu. Bên kia bờ là làng Văn Xá. Tôi dừng xe tại bến đò. Hai bác và các cháu qua đò rồi đi bộ về nhà bà con. Nghe nói làng này yên ổn.”

Làng Văn Xá là quê hương bên chông của di tôi. Ông Dượng là một viên chức quan lại cao cấp của triều đình nhà Nguyễn dưới thời Vua Bảo Đại. Ông là bạn đồng triều với ông Ngô Đình Diệm, lúc bấy giờ ông Diệm đảm nhiệm chức vụ Thượng Thư Bộ Lại (giống như Tổng Trưởng Bộ Nội Vụ của chính quyền Việt Nam Cộng Hoà trong thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hoà.) Khi ông Diệm từ chức Thượng Thư Bộ Lại vì thấy người Pháp không thành tâm trả lại nền độc lập cho Việt Nam, dượng tôi vẫn tiếp tục làm việc với triều đình nhà Nguyễn.) Ông Dượng về hưu với hàm Thượng Thư và trở về làng Văn Xá sinh sống nên người dân địa phương gọi ông là ông Thượng Lại. Một người con của ông bà Thượng Lại tên là Hà Thúc Ký, kỹ sư Thủy Lâm (gọi mẹ tôi bằng di ruột) lên đường gia nhập vào công cuộc kháng chiến chống Pháp. Làng Văn Xá được xem như là một trong nhiều căn cứ của Việt Minh. Vì vậy cha mẹ tôi chọn làng này để ẩn thân trong lúc tản cư. Khi gia đình tôi đến bến đò, trời đã tạnh mưa và sáng tỏ. Tôi thấy con sông ở đây nhỏ, nước không trong. Hai bên bờ sông có lối mòn phủ đầy lá tre khô và tàng lá của nhiều cây lớn che ánh nắng ban mai. May thay, cô lái đò ở bên kia sông vội vã đưa đò sang sông chở khách. Trước đây cha mẹ tôi đã nhiều lần đến làng này thăm bà con nên biết rõ ràng đường đi về nhà người chị ruột của mẹ tôi. Vừa

bước chân đến cổng ra vào, tôi đã nghe tiếng của di tôi đứng trên thềm nói lớn, “Đi vào nhà mau lên!” Di vội vã đi ra, đón mọi người vào nhà. Di cầm tay tôi và dẫn hai chị vào phòng trong, chỉ vào gầm của một tấm phản và nói: “Các con chui xuống phản, có anh chị của các con ở dưới đó. Đừng la to, tụi nó vào bắt đi thì khổ lắm.” Tôi nhìn vào tấm phản gỗ bóng loáng và rộng lớn, dày khoảng một tấc, chung quanh tán nệm che kín, đoạn bò vào trong rồi nằm im ở một góc cùng với hai chị Vân. Tôi không biết cha mẹ, bà vú và hai em Hon Tyty đang ở nơi nào trong nhà. Một mối cho tôi một giấc ngủ ngon lành.

Tôi không còn nhớ gia đình tôi ở tại nhà di Thượng Lại trong bao lâu. Tôi chỉ nhớ di Thượng Lại giúp cha mẹ tôi thuê một ngôi nhà bên cạnh nhà di. Đó là một ngôi nhà ngói vách gỗ giữa một khu vườn rộng lớn, chủ nhà là một bà lão, ở một mình. Có lẽ con cái của bà đã ra đi theo tiếng gọi của non sông. Bà lão chỉ giữ lại chái nhà bên phải để ở. Trong căn giữa rộng rãi, cha tôi kê hai cái giường tre, cha mẹ và Tyty ngủ trên một giường còn giường kia dành cho hai chị Vân và tôi. Bên sau chái này là nhà bếp. Phía sau căn giữa là một kho chứa nhiều lu vại đựng gạo, khoai sắn lát phơi khô hay mắm muối và nhiều lu vại trống không. Mỗi lần chị giúp việc thổi lửa nấu cơm và thức ăn, khói bay mù mịt khắp nhà. Trước mặt nhà có một cái sân rộng và nhiều loại cây ăn trái chung quanh vườn. Những ngày ở thôn quê thật là vô vị. Từ sáng cho đến chiều chỉ ở trong nhà hay ra ngoài sân chơi đùa. Tôi thích ở bên ngoài vì khi ở trong nhà cha tôi bắt tôi phải ngồi trên giường, không cho bước chân xuống đất. Nhưng tôi và hai chị len lén cùng với nhiều đứa trẻ con hàng xóm hay anh chị em con di con cậu chơi ừ mọi, đánh bi, lò cò, đánh thẻ và đập mạng. Trẻ con la hét khi chơi đùa nên thường bị cha tôi la rầy và cấm không được reo hò âm ỉ. Cha luôn luôn căn dặn mỗi khi nghe tiếng mả báo động máy bay đến thả bom, chúng tôi phải bỏ dở cuộc chơi và nhảy xuống hầm ngay lập tức. Họa hoằn, tôi được người lớn dẫn ra sông tắm và buổi tối ra chợ xem đấu tố hay xử tử Việt gian. Mỗi khi nghe tiếng mả rao “Tây tới! Tây tới!” bọn trẻ chúng tôi vội chạy vào nhà, chun xuống giường hay chun vào xó kho tấm tối để ẩn núp. Khi gặp tình huống này, mẹ tôi vội trốn trong cái lu to tướng có nắp đậy. Cha tôi và các cậu thường xuyên không có mặt ở nhà, nghe nói đi làm

củi hay than trên rú hay trên rừng. Ban đêm chị em tôi lại càng run sợ hơn khi nghe tiếng chân người chạy thình thịch ở ngoài đường hay nghe tiếng động ở trong vườn. Đêm nào tôi cũng nghe tiếng súng nổ, tiếng súng trường bắn từng phát một, tiếng súng liên thanh bắn từng tràng dài rồi đến tiếng ì ầm của súng đại bác. Hầu như cả nhà đều thức giấc, nằm im trong bóng tối và chuẩn bị chạy trốn. Cuộc sống khốn khổ đầy lo âu và thiếu dinh dưỡng. Thức ăn hằng ngày chỉ có cơm độn khoai sắn xắt lát phơi khô, nước mắm kho quẹt hay ruốc kho ăn với khế chua, trái vả, mít non, rau thơm và rau muống luộc.

Thấm thoát thời gian trôi qua, tôi đã ăn một cái Tết và sống bình yên trong một mùa Xuân ẩm ướt và buồn tẻ ở một làng quê. Nhưng nét mặt của cha tôi có vẻ tươi hơn. Một đôi lần tôi bắt gặp cha tôi và các cậu thì thầm chuyện trò ở góc vườn cạnh bụi tre rậm rạp. Đồng thời tiếng súng nổ về đêm cũng xa dần và thưa thớt. Cho đến một hôm, một người đàn ông trạc tuổi cha tôi cỡi xe đạp đến nhà, để chiếc xe cạnh bậc thềm rồi âm thầm ra đi. Cha tôi vội vã đặt tôi ngồi trên thanh ngang của chiếc xe đạp đàn ông, đạp xe chở tôi về Thành Nội Huế. Một lần nữa tôi lại thấy ngôi nhà tan hoang, cỏ dại mọc đầy sân trước. Bà nội, Bé Tý và chị giúp việc vui mừng khi thấy con và cháu nội trở về nhà bình yên. Bà nói: “Người đi tản cư nhiều, nhà bỏ trống. Trộm cướp hoành hành.” Vào lúc xế chiều, mẹ cùng với Vân Chị, Vân Em, cũng về đến nhà. Tất cả mọi việc sửa sang lại và khởi đầu cho một cuộc sống mới. Những người hàng xóm lần lượt trở về và nhà nhà đi lại thăm viếng nhau, trao đổi tin tức và giúp đỡ lẫn nhau trong công việc nhà. Khoảng một tuần sau, trong lúc mọi người quây quần ăn bữa cơm trưa, tôi nói to khi thấy mấy anh chị lớn đang đi vào nhà. Cả hai người không có mặt ở nhà khi chính quyền địa phương ra lệnh tản cư. Từ lúc rời nhà về trú ngụ ở làng Văn Xá cho đến khi về lại nhà ở trong Thành Nội Huế, gia đình không biết tin tức của anh chị ấy. Sau khi ăn cơm xong, mẹ hỏi chuyện: “Hai đứa lâu nay ở đâu, tại sao đi lâu mà không về nhà?” Anh lớn cho biết: “Cán bộ nhà nước nói quân Pháp đã đổ bộ lên bãi biển Thuận An và đang tiến lên đánh chiếm thành phố Huế nên ra lệnh tản cư. Mọi công dân phải rời thành phố và đi về vùng thôn quê an toàn của Kháng Chiến để tránh bom đạn. Con và hai em đang tìm cách đi về nhà thì gặp anh tiểu đoàn trưởng

Võ Sum và chú Lâm, em Thầy, đang công tác ở bộ phận âm thực. Cả hai người khuyên con và Hường không nên về nhà trong lúc thành phố đang lộn xộn. Tụi con theo đoàn quân của anh Sum và chú Lâm đi bộ về Quận Hải Lăng, cách xa Huế khoảng 45 cây số. Ở đó, con và Hường làm việc trong ban Tiếp Tế. Cách đây hai tuần, chỉ thị từ cấp trên đưa xuống, ra lệnh:(i) những người từ 18 tuổi trở lên tiếp tục lên đường đi đến Cam Lộ, rồi tới Khe Sanh (tỉnh Quảng Trị):(ii) những người dưới 18 tuổi trở về với gia đình ở Huế. Lý do: chính quyền Cách Mạng thiếu lương thực. Vì vậy con và Hường về lại nhà. Còn Tốp bị một cán bộ bắt đi theo để giúp việc thông dịch. Con nghe nói đang có một cuộc tiếp xúc giữa chính quyền Việt Nam và quân viễn chinh Pháp ở Quảng trị. Từ đó con không biết gì về Tốp.” Mẹ tôi thở dài, chẳng nói gì, đứng dậy dọn dẹp bàn ăn.

Chiến tranh lan tràn khắp những vùng thôn quê xa thành phố, nhất là những nơi gần rừng núi. Làm ruộng, làm nghề đốn củi hay nghề làm than vừa có lương thực và nhiên liệu để cho gia đình sử dụng vừa có mặt hàng đem lên bán tại các chợ hay bán hàng rong trên đường. Lần hồi dân quê thấy cuộc sống không bình yên nơi chôn nhau cắt rốn nên họ tràn về thành thị càng ngày càng đông. Tôi thấy nhà mới xây mọc lên nhiều trong các khu vườn rộng lớn trước mặt và sau lưng nhà tôi. Trên lề đường Mã Khái, các tiệm may quần áo, sửa xe đạp, hớt tóc, quán bún bò và quán phở tấp nập người ra vào. Nhiều xe hơi nhà binh, xe xích lô chạy trên đường tung bụi bay vào mùa nắng hay bắn nước đọng trong các ổ gà làm dơ quần áo khách bộ hành. Thỉnh thoảng những xe nhà binh như xe Jeep, xe ca-mi-nông, xe đốt-cách chở lính Pháp và lính Việt chạy ngang qua. Bóng dáng người lính Việt Binh Đoàn và những người lính Pháp da trắng, da đen trong bộ quân phục bằng vải kaki màu xanh lá cây rừng thường xuất hiện trên đường và trong các quán ăn. Ban đêm tiếng súng ì ầm, tiếng mìn nổ vọng về. Sáng ngày, bà nội tôi vừa quét sân vừa nói chuyện với người hàng xóm. Bà nội lẩm bẩm đi vào nhà: “tàu lửa bị giật mìn hồi hôm. Chiến tranh, biết bao giờ chấm dứt ...?”/.

LÊ TRUNG HIẾU

CSV Luật Khoa Saigon, Học Viện QGHC

PHÁP ĐÌNH SÀI GÒN



TP LÊ THẾ HIẾN *sưu tầm*

Sau khi bình ổn được Sài Gòn, người Pháp cho xây ba công trình gần như cùng lúc: Khâm Lớn trên mảnh đất của chợ Cây Da Còm (nay là Thư viện Khoa học Tổng hợp), Toà Án Sài Gòn, và Dinh Thống Đốc Nam Kỳ (sau là Dinh Độc Lập) – đại diện bộ mặt quyền lực của Pháp.

Trong những bài viết trước, tôi đã giới thiệu hai công trình Khâm Lớn và Dinh Thống Đốc. Còn Toà Án Sài Gòn (Tribunal de Saigon – Toà Đại Hình), mà dân chúng thường gọi là Pháp Đình Sài Gòn, cũng do kiến trúc sư Foulhox giám sát thi công vào năm 1881, đến năm 1885 thì hoàn thành.

Tribunal de Saigon thời Pháp thuộc toạ lạc trên đường MacMahon. Nói đến con đường có cái tên đẹp đẽ này, cho tôi dông dài một chút vì bất chợt ký ức xưa hiện về. Người biết tiếng Pháp chút ít như má tôi giỏi lắm xong tiểu học trường làng cũng đọc tiếng Tây ngon ơ “Mặt Má Hồng”, mặc dù cả đời bà chưa lần nào đặt chân đến đây. Hồi tôi còn nhỏ bà hay kể chuyện Sài Gòn thời Pháp. Thật ra đó là những câu chuyện má tôi nghe người lớn tuổi kể lại, rồi đem thuật lại cho con cháu nghe như thể bà là người Sài Gòn có kếm cạnh ai. Ba má tôi từ nông thôn lên Sài Gòn sinh sống sau khi người Pháp rời khỏi Đông Dương được vài ba năm.

Cái tên Mặt Má Hồng, hồi đó tôi cứ nghĩ là tên một bà đầm diêm dúa. Té ra là tên dài ngoằng

Marie Esme Patrice Maurice de MacMahon của vị Thống Chế rồi lên làm Tổng Thống Đệ Tam Cộng Hoà Pháp. Người Pháp lấy tên MacMahon đặt tên cho một đoạn đường ở trung tâm Sài Gòn thuở ấy phát triển đến khu vực Chợ Đũi ngày nay tức đường Trần Quý Cáp. Sau khi lên nắm chính quyền, Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho đổi tên MacMahon thành đường Công Lý. Cái tên Công Lý không phải danh nhân của những anh hùng vinh danh được đặt tên đường phố, mà nó gắn liền với một nơi đại diện cho công lý của hệ thống tư pháp cao nhất, tức là Toà Thượng Thẩm Sài Gòn, hay dân chúng còn gọi là Pháp Đình Sài Gòn.

Đến đây tôi xin trở lại thuở ban đầu của Tribunal de Saigon, tức Toà Đại Hình, để trình bày theo dòng thời gian cho mạch lạc. Toà Đại Hình thuở đó sau khi khánh thành chuyên phụ trách xét xử các vụ trọng án hầu hết là tội phạm chính trị đấu tranh chống Pháp. Sau đó bốn năm (1889) thì đổi thành Toà Hình Sự Sài Gòn (Cour criminelle de Saigon) kiêm Toà Thượng Thẩm Đông Dương (Cour d’appel de l’Indochine). Năm 1919 đổi tên thành Toà Thượng Thẩm Nam Kỳ (Cour d’appel de Cochinchine).

Theo tài liệu của Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia I (J 992- Journal officiel de l’Indochine 1889) của tác giả Hoàng Hằng trích dẫn về hệ thống tư pháp Nam Kỳ: “Nam Kỳ là khu vực người Pháp chiếm được sớm nhất tại Việt Nam và là thuộc địa do người Pháp trực tiếp cai trị với một hệ thống luật pháp khác hẳn hệ thống được áp dụng tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Ngày 25 tháng 7 năm 1864, thực dân Pháp ban hành Sắc lệnh đầu tiên về tổ chức tư pháp ở Nam Kỳ. Theo đó, có 2 hệ thống song song tồn tại: Một là hệ thống toà Tây án chuyên xét xử người Pháp do quan toà chuyên nghiệp phụ trách, xét xử theo luật của nước Pháp. Các quan toà chuyên nghiệp trực thuộc viên Tổng Biện Lý. Tổng Biện Lý đặt dưới quyền chỉ đạo của Thống Đốc Nam Kỳ. Hai là: Hệ thống toà Nam án: chuyên xét xử người Việt và người Âu cư trú tại Nam Kỳ do các quan cai trị – chủ tỉnh thực dân phụ trách, xét xử theo thể chế của triều Nguyễn lúc bấy giờ. Các quan chủ



tỉnh trực thuộc Giám đốc Nha Nội chính. Cho đến ngày 17 tháng 6 năm 1889, Tổng Thống Pháp ký ban hành Sắc lệnh cải tổ tổ chức tư pháp tại Nam Kỳ. Sắc lệnh gồm 8 phần, 146 điều...”

Đề không mất thời gian tìm hiểu hệ thống tư pháp của Pháp áp dụng trên toàn cõi Nam Kỳ, trong tổng quan bài viết ngắn nói riêng về Pháp Đình Sài Gòn trích từ điều 29, 30 và 36: “Toà Đại Hình Sài Gòn xét xử những vụ trọng án do người Pháp hoặc những người Âu khác trên đất Cao Miên hoặc người châu Á quốc tịch Pháp gây ra đối với người Pháp, hoặc người Âu, hoặc người châu Á. Phạm vi toà Đại Hình Sài Gòn bao gồm các tiểu khu: Chợ Lớn, Gia Định, Tây Ninh, Biên Hoà, Bà Rịa và Côn Đảo. Mỗi Toà Thượng thẩm gồm có: Một Chánh nhất, các Chánh Án phòng, các Hội Thẩm, một Chương Lý, một hay nhiều Phó Chương Lý, những Tham Lý, một Chánh Lục Sự, các Lục Sự, những Tham Tá và Thư Ký.”

Căn bản nhân sự cho một Toà Thượng Thẩm là như thế. Bên cạnh đó còn có Hội Thẩm Nhân Dân, tức là những người dân được Ủy Ban Hành Chính chọn lựa vào đầu năm sau khi tham khảo với ông Chương Lý. Mục đích chọn Hội Thẩm Nhân Dân để

xét và cân nhắc về tình và lý trong một vụ án để phạm nhân có thể được cho hưởng sự khoan hồng của công lý.

Nó i đến cái tình là chạm đến một góc của đạo nghĩa làm người. Chẳng hạn vụ án Phan Phát Sanh tức Phan Xích Long, một thanh niên xuất thân làm bồi bàn cho Pháp, rồi tham gia hội kín (Thiên

Địa Hội) mưu đồ làm chuyện quốc sự. Chẳng may bị bắt, xử ở Toà Đại Hình Sài Gòn với án tù chung thân khổ sai. Trong khi chờ thi hành án thì bị tạm giam ở Khám Lớn. Việc làm của ông khiến chấn động những trái tim yêu nước và giới giang hồ mã thượng. Giới giang hồ tập trung từ các hội kín ở khắp nơi, tổ chức cướp ngục cứu đại ca bằng khí giới giáo mác, gây tầm vông, nhưng chuyện bất thành. Kết quả Phan Xích Long và 50 người anh em phải chịu án tử hình tại Đồng Tập Trận.

Cái đạo làm người trong bối cảnh xã hội thuở đầu thế kỷ hai mươi vẫn là thấy chuyện bất bình rút đao tương trợ. Chưa hẳn những bạn bè giang hồ cùng hội kín với Phan Xích Long là có cùng chung chí hướng, đánh Pháp vì lòng yêu nước mà đây là chuyện anh em giang hồ tỏ lòng điệu nghệ. Nhà văn Sơn Nam viết trong cuốn sách nhỏ “Người Sài Gòn”, nhận xét như sau: “Gặp mâu thuẫn gay gắt, khó xử, dùng biện pháp thô lỗ, đánh đấm nhau, nhưng sâu sắc nhất là đến chùa miếu, thề một tiếng rồi bỏ qua. Toà án của thế tục không công bình như toà án lương tâm của người khuất mặt (thần thánh)”.

Tuy vậy, pháp đình luôn là công cụ quan

trọng của bất kỳ thể chế nào dùng để điều tiết và quản lý các quan hệ xã hội cho công bằng. Có tội thì phạt, vô tội thì tha dựa trên các điều luật và quy định do Bộ Tư Pháp soạn thảo.

Về mặt tổ chức của Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn cơ bản là như vậy. Riêng về trang trí kiến trúc nhìn từ ngoài vào là 4 cánh cổng sắt bằng thép đúc rất nặng, có trụ ở giữa mở ra hai bên. Hai bên cổng là hai trụ cột vuông mỗi cạnh 1m. Bên trên hai trụ cột là tượng nàng Marianne biểu tượng cho cuộc Cách Mạng Pháp. Bước lên tam cấp, gặp ngay ba cánh cửa gỗ to dày dẫn vào gian sảnh rộng khoáng đãng giữa toà nhà hình chữ công (giống chữ I). Nổi bật dưới đỉnh hiên hình tam giác phía bên ngoài của tầng hai được trang trí một bức phù điêu hoa lá và tượng người. Tượng ở giữa biểu trưng cho thần công lý, tay phải cầm kiếm, tay trái giữ cuốn sách có khắc chữ CODE (bộ luật). Hai bên có tượng người An Nam, một nam đầu quấn khăn, một nữ đầu búi tóc. Hai hình tượng này có thể là biểu tượng đại diện cho bồi thẩm nhân dân.

Bên trong gian sảnh lớn, hai bên là các phòng xử sơ thẩm hình sự và dân sự, chính giữa là cầu thang rộng lớn dẫn lên lầu hai đến các phòng xử phúc thẩm. Phía đầu cầu thang trang trí bằng hai pho tượng nữ thần. Bên phải là thần công lý cầm kiếm, bên trái là tượng nữ thần đoàn kết, thanh cầu thang trang trí các họa tiết hoa văn trong các thân thoai Hy Lạp rất sắc sảo và tuyệt đẹp.

Đến đầu thập niên 1960, khi các vụ án ngày càng nhiều, Tòa không đủ phòng xét xử, chính quyền cho xây dựng thêm các phòng phục vụ. Kiến Trúc Sư Đỗ Bá Vinh giữ nguyên thiết kế của toà nhà, thiết kế thêm dãy nhà ngang nằm về phía đường Nguyễn Trung Trực. Công trình mới này uy nghiêm và hài hoà với khu nhà phía trước.

Pháp Đình Sài Gòn xây dựng không dùng bê tông cốt sắt, xứng đáng là một công trình kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia, đến nay nhiều hạng mục đã xuống cấp trầm trọng. Kế hoạch trùng tu toà nhà đang được tiến hành, nhiều người quan tâm đến di sản kiến trúc thuộc địa hy vọng rằng việc trùng tu bảo đảm tính nguyên thủy còn lại của công trình đã qua 130 tuổi.

TP LÊ THẾ HIỀN

VÔ ĐỀ



Thưa: Tôi là một thi nhân
Không ưa dĩ vãng. Không cần tương lai
Cửa tim treo “ Miễn chiến bài”
Rửa tay phong kiếm, hoa cài ven biên
Vận hành quy luật biến thiên
Cái vòng nhân quả vạn niên không đời
Tình thương vật báu trên đời
Giai nhân là cả bầu trời Bồng Lai
Không yêu là kẻ lạc loài
Mà yêu thương, thưa các ngài yếu tim!
Ân tình, tấm cá bóng chim
Mộng Thiên Thai ấy còn chìm trong mơ
Giai nhân là một bài thơ
Bao nhiêu ý đẹp cho vừa nghĩa thân

Thưa: tôi là một thi nhân
Yêu thương cũng lắm, lần khăn cũng nhiều
Hoàng hôn nắng ấm về chiều
Cây đa bến cũ, chàng Tiêu hững hờ
Chuyện tâm tình lắng vào thơ
Ý xuân xưa, bản nhạc thừa ngày xanh
Tình người chia cắt sông Gianh
Nương dâu hóa biển, đá lành ra vôi
Ngàn xưa chuyện ấy xa vôi
Thời gian ghi dấu một thời lãng quên
Ghen là yêu, yêu là ghen
Khi yêu, yêu ngốc, khi ghen ghen mù

Thưa: tôi là một nhà thơ
Lãng quên dĩ vãng, mơ hồ tương lai
Cửa tim “Miễn chiến bài”
Rửa tay phong kiếm, hoa cài ven biên....

NGUYỄN VĂN AN

Người Tình Luật Khoa

Nhạc và lời : Võ Văn Đình



Còn nhớ chẳng em yêu? Thời gian đừng thẩn thờ hàng lá me bay bay



Những ngày ta đưa đón đường Duy Tân năm nào, tung tăng áo muôn màu.



Xôn xao buổi tan trường, đường xưa bao luyến thương. Còn nhớ hay đã



quên? Luật Khoa vẫn yêu kiều, tường mái rêu phong sương vết giấy in sỏi



trắng. Ngày học thi qua nhanh. Đưa em đến thư viện tranh nhau mấy chỗ



ngôi, đời hoa gấm mộng mơ. Đây bài cours mới,



em vừa ghi chép trao cho anh xem, nét mực nghiêng nghiêng



như trong Thiên Tiên Riêng ai đang mơ còn đang ngân ngơ!



Trường cũ nay chơ vơ lặng yên thiết tha buồn, và lá me vẫn



*bay trên đường Duy Tân đó. Về đâu em năm xưa? Duy Tân vẫn cây
Còn riêng anh lang thang, băng qua phố không*



*dài, cho anh chút hương thừa, mà thương nhớ người xưa...
đền, sương ôm kín khung trời, đời xa vắng mình anh....*



Ngày Trở Về

Nhạc và lời : Võ Văn Dinh

Bolero

Tôi vẫn mong một ngày sẽ trở lại Bên mẹ
già thường trông đứa con ra Bên ruộng khoai cùng cha vỡ ruộng
cây Bao tháng ngày vật áo vai tã tôi Tôi vẫn
mong một ngày sẽ trở lại Bên ruộng đồng vàng lúa đang trở
bông Bên bến sông dòng phù sa mặn mà Mãi tranh
nhà mà khói trong chiều lam Ngày
đỏ khắp đất nước vang thanh bình ca Tự do khắp đất nước thắm tươi nở
hoa Ngày đó lũ trẻ nô đùa vui tha thiết bao tình
yêu đẹp hơn trong giấc mơ Tôi vẫn
mong một ngày sẽ trở lại Trên phố phường cờ bay theo bóng quân

C C7 F F7 Bb
 di Muốn tiếng ca cùng hòa theo khúc khải hoàn Đón con
 về mẹ khóc trong niềm vui Tôi vẫn mong một ngày sẽ trở
 Am Dm F C C7
 lại Con đường làng chiều hôm lộng gió trắng lên Sông nước
 đưa thuyền về cập bến tương phùng Ngày trở về Ngày đó tôi hằng
 F C staccato > >
 mong Ngày trở về Ngày đó tôi hằng Fine
 mong



CÂU CHUYỆN DI CƯ

VÀO NAM CỦA TÔI



LS ĐOÀN THANH LIÊM
Bài viết nhân kỷ niệm 60 năm
Di cư vào miền Nam (1954 – 2014)...



Năm 1954, tôi vừa tốt nghiệp văn bằng Tú tài II qua kỳ thi vào tháng 6 tại Hà nội, thì được tin quân đội quốc gia đã rút khỏi miền quê tôi tại Huyện Xuân Trường Tỉnh Nam Định để ra Hải phòng bằng đường thủy. Và một số bà con ruột thịt của tôi cũng tìm cách kiếm được thuyền bè để mà đi theo đoàn quân tới được thành phố cảng này. Tôi lại có ông anh cả thuộc đơn vị quân đội trú đóng ở Quảng Yên sát với mỏ than Hòn Gai. Nên vào đầu tháng 7, tôi đã tìm cách đi từ Hà nội đến Hải phòng để tìm gặp bà con và đi thăm gia đình ông anh luôn thể.

Trước khi rời Hà nội, tôi phải đến nhà Thầy Nguyễn Ngọc Cư là Phó Trưởng Ban Giám



Khảo kỳ thi Tú Tài, để xin Thầy cấp cho một Giấy Chứng Nhận Đã Thi Đậu Tú Tài, để nộp kèm theo hồ sơ ghi danh vào Đại học. Dù đã biết rõ tôi là học trò của Thầy tại trường Chu Văn An, mà đã thi đậu trong kỳ thi vừa qua, Thầy vẫn phải cẩn thận rà lại danh sách các thí sinh trúng tuyển, rồi mới cấp cho tôi một “Giấy Chứng Nhận Tạm Thời” để tùy nghi sử dụng. Thầy nói: Giấy Chứng Nhận Chính Thức phải do Nha Học Chánh thuộc Bộ Giáo Dục cấp phát, chứ Ban Giám Khảo chỉ có thể cấp Giấy Chứng Nhận Tạm Thời mà thôi. Biết tôi có ý định vào miền Nam, Thầy cầu chúc tôi lên đường gặp nhiều may mắn.

Ở vào tuổi 20 lúc đó, tôi nhìn cuộc đời với nhiều lạc quan tin tưởng, nên chẳng hề e ngại trước cuộc phiêu lưu phải rời xa quê hương đất Bắc, để mà đi tới miền Nam xa xôi cả mấy ngàn cây số. Một phần đó là do tính ưa thích đi đây đi đó xông pha mạo hiểm của tuổi trẻ – như cụ Nguyễn Công Trứ nói: “Chí làm trai Nam Bắc Đông Tây – Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể”. Nhưng phần lớn chính là do động cơ thúc đẩy bởi cái chuyện “phải tránh thoát khỏi cái nạn cộng sản độc tài nham hiểm,” mà đang sắp sửa bủa vây, bao trùm xuống khắp miền Bắc.

Tôi phải ở lại thành phố Hải phòng đến hơn một tháng, thì mới tìm được phương tiện chuyên chở vào đến Sài gòn hồi giữa tháng 8. Đó là nhờ một ông chú là cháu của bà nội tôi, tên là chú Nhân. Chú làm việc tại cơ quan hành chánh phụ trách về

việc sắp xếp tàu bè đi vào Nam, nên đã xin cấp trên ưu tiên cấp phát giấy tờ di chuyển cho tôi và một bà cô là Cô Nguyệt để leo lên được chiếc tàu khá lớn của quân đội Pháp có tên là Gascogne. Con tàu này chuyên môn chở quân trang quân dụng cho quân đội, nên không có đủ tiện nghi như là tàu chở hành khách thông thường. Nhưng mà lúc đó, lớp người di cư tỵ nạn chúng tôi đâu còn có sự lựa chọn nào khác, miễn là đi thoát khỏi miền Bắc cộng sản là được may mắn lắm rồi. Số lượng hành khách trên tàu lúc đó có đến 7 - 800 người, phần đông là từ các tỉnh xa thuộc đồng bằng sông Hồng mà sớm ra được tới Hải phòng để kịp đi vào Nam trong mấy chuyến đầu tiên được tổ chức cấp tốc sau ngày ký kết Hiệp Định Geneva 20 Tháng Bảy 1954, chia đôi đất nước. Mãi mấy tháng sau, thì mới có loạt các tàu của Mỹ với các tiện nghi thoải mái hơn để chuyên chở số lượng rất đông đảo người di cư từ Bắc vào Nam.

Con tàu chạy trong chừng ba ngày, thì đến Cap Saint Jacques, tức là cảng Vũng Tàu bây giờ, để chuẩn bị vào cửa sông đi đến bến Nhà Rồng của thành phố Sài Gòn. Sau khi tàu cập bến ít lâu, thì chúng tôi được xe chuyên chở đưa tới nơi tạm cư là trường Tiểu học Tôn Thọ Tường trên đường Trần Hưng Đạo bây giờ (mà hồi đó vẫn còn mang tên Pháp là Boulevard Gallieni) cũng gần với Chợ Bến Thành.

Lúc đó bên phía đối diện với ngôi trường, thì có một tòa nhà lớn đang được xây cất, mà sau này chính là rạp chiếu phim Đại Nam. Bà con di cư chúng tôi được các công nhân ở đây thật là hào phóng cấp cho một số gỗ ván gỗ ra từ giàn “cốt pha”(coffrage), để dùng làm củi đun cơm, nấu nước. Đó thật là một nghĩa cử đầu tiên của người dân Sài Gòn đối với lớp người mới chân ướt chân ráo từ ngoài Bắc vào miền Nam – chuyện này khiến cho tôi cứ nhớ hoài.

Chúng tôi được mấy bà con đến được Sài Gòn vài ba tuần lễ trước, nên họ tìm đến để chỉ dẫn đường đi nước bước tại cái thành phố rộng mênh mông này. Riêng tôi thì gặp lại một số bạn bè cũng từ Hà Nội hay từ Nam Định mà đến đây trước như Võ Thế Hào, Trần Ngọc Vân, Nguyễn Phi Hùng. Các bạn cũng giúp tôi việc này chuyện nọ trong bước đầu còn nhiều bỡ ngỡ.

I – Những kỷ niệm khó quên của Sinh viên Di cư.

Sau vài bữa, thì tôi làm xong thủ tục ghi

danh ở Đại học Saigon và được nhận vào ở trong Trường Gia Long là nơi được dành riêng cho các sinh viên di cư. Tại đây, sinh viên chúng tôi được cư ngụ trong khu ký túc xá, nên có đầy đủ tiện nghi về nơi ăn chốn ở, nhà vệ sinh, phòng tắm giặt thật là đàng hoàng tươm tất. Ban tiếp cư còn lo cho chúng tôi mỗi ngày ba bữa ăn đầy đủ. Và mỗi tháng chúng tôi còn được cấp phát cho một số tiền nho nhỏ để chi tiêu vặt.

Cũng tại nơi tạm cư này, có lần chúng tôi lại được tiếp đón cả Thủ Tướng Ngô Đình Diệm cùng phái đoàn chánh phủ đến thăm nom và ủy lạo sinh viên nữa. Nói chung, thì sự chăm sóc của nhà nước đối với lớp người di cư đầu tiên trong mấy tháng cuối năm 1954 rõ ràng là đã được tổ chức hết sức chu đáo, gọn gàng. Đặc biệt là mấy trăm sinh viên từ Hanoi như tôi đã được hưởng một chế độ ưu đãi quá tốt đẹp, vượt xa ngoài sự mong ước của nhiều người trong hàng ngũ chúng tôi.

Nhưng rồi đến lúc các học sinh tựu trường, thì sinh viên chúng tôi phải di rời ra cư ngụ tại khu lều vải được dựng lên trên nền đất của Kháms Lớn Sài Gòn cũ sát bên Tòa Án, để trả lại trường ốc cho nữ sinh Gia Long. Vào cuối năm, trời Saigon nắng nực nên vào ban trưa nhiều anh em chúng tôi phải tìm cách chạy đến các công sở lân cận, nơi có nhiều bóng cây che rợp cho bớt nóng. Và chúng tôi đã ăn cả hai cái Tết Tây và Tết Ta đầu năm 1955, tại khu lều vải tạm trú này.

II – Vài chuyện ngộ nghĩnh tại Khu Lều Kháms Lớn.

Xin vẫn tắt ghi lại vài chuyện vui vui ngộ nghĩnh trong dịp vui xuân năm Ất Mùi 1955 tại Khu Lều Kháms Lớn như sau đây.

1 - Một nhà báo người Pháp của tờ “Le Parisien libéré” đến chụp hình và phỏng vấn sinh viên chúng tôi. Anh chụp ảnh lia lịa về cái cảnh anh Lưu Trung Khảo viết mấy câu đối Tết bằng chữ Hán. Từ đó mà sinh viên chúng tôi tặng cho anh Khảo cái biệt danh “Ông Đồ Khảo”.

Hồi đó sinh viên chúng tôi đều nói rành tiếng Pháp, nên đã trả lời các câu hỏi của anh nhà báo này một cách suôn sẻ thoải mái. Tôi còn nhớ đã nói với anh ấy rằng: “Chúng tôi vừa là nạn nhân, vừa là chứng nhân của sự tàn bạo của người cộng sản độc tài. Do đó mà phải bỏ lại quê hương ở miền

Bắc để đi tìm được tự do tại miền Nam này. Cụ thể là riêng trong gia đình tôi, thì đã có hai người bị cộng sản sát hại. Đó là vào năm 1947 công an cộng sản đã giết ông cậu là em của mẹ tôi tên là Tống Văn Dung và đem quăng xác ông xuống con sông Trì Chính ở Phát Diệm. Và họ còn đến tận nhà bắt cả cha tôi là Đoàn Đức Hải từ năm 1948 mang đi biệt tích luôn...”

2 - Cũng vào dịp Tết Ất Mùi này, Đoàn Sinh viên Di cư chúng tôi còn thực hiện được một tờ Đặc san lấy tên là “Lửa Việt với chủ đề là “Xuân Chuyển Hương” với các cây bút sau này rất nổi danh, đó là Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Sĩ Tế, Dõan Quốc Sĩ, Trần Thanh Hiệp, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, v.v...

3 - Và riêng tại căn lều gồm 8 người của tôi, thì để mừng xuân anh bạn Bùi Đình Nam đã ra tay làm đầu bếp chiên cho chúng tôi một món bí tết thật đặc sắc. Chúng tôi lại còn được uống cả một chai rượu chất hiệu Beaujolais của Pháp nữa. Miếng ngon này làm cho bọn trẻ chúng tôi lúc đó mới ở vào cái tuổi đôi mươi, thì không bao giờ mà chúng tôi lại quên được.

Thật là những kỷ niệm khó quên của cái thời bọn thanh niên trai trẻ chúng tôi mới đến sinh sống nơi miền đất xa lạ Sài Gòn này. Cuối cùng, thì vào khoảng sau Tết Âm lịch không lâu, chúng tôi được dọn đến khu Đại học xá Minh Mạng vừa mới xây cất xong. Sinh viên di cư chúng tôi là những người đầu tiên đến cư ngụ tại khu cư xá này với đầy đủ tiện nghi phòng ốc, giường tủ, điện nước ... Và cứ như vậy cuộc sống của chúng tôi lần hồi đi vào mức ổn định và hòa nhập được với nền nếp của cả thành phố thủ đô của miền Nam tự do, phồn thịnh và thanh bình.

III - Chuyện về các anh chị em trong gia đình của tôi.

Còn về phần riêng gia đình các anh chị em ruột thịt của tôi, thì kể trước người sau chúng tôi đều quy tụ lại được với nhau trên mảnh đất miền Nam an lành, và nâng đỡ bảo bọc nhau xây dựng lại cuộc sống mới. Lúc đó các anh chị lớn đều ra sức hợp với nhau mà chăm lo chu đáo cho mấy em còn nhỏ dại cỡ tuổi 10 – 16, vì cha mẹ chúng tôi đều đã khuất bóng từ trước rồi.

Và rồi đến lượt các cháu thuộc thế hệ thứ hai trong đại gia đình chúng tôi, thì các cháu đều đã thành đạt tại miền Nam này. Vì thế, khi các cháu

khôn lớn, thì đều bày tỏ lòng biết ơn đối với cha mẹ vì đã hy sinh hết mình, để mà đem được các cháu vào miền Nam - và nhờ đó mà các cháu có được những cơ hội tốt đẹp để học tập và gặt hái được nhiều thành công trên đời. Điều này càng rõ rệt, vì sau năm 1975 chúng tôi được gặp lại bà con từ quê hương ngoài Bắc vào thăm, thì họ đều xác nhận là họ bị cán bộ cộng sản đàn áp, bóc lột, chèn ép kỳ thị tàn bạo đến độ túng đói khổ điều đứng vô cùng!

* * Năm 2014 này, nhân dịp kỷ niệm 60 năm Ngày Đặt Chân đến miền Nam Tự Do (1954 – 2014), tôi xin ghi lại một số kỷ niệm riêng tư của mình như là một chứng từ của một thanh niên là một thành viên của khối gần một triệu người di cư tỵ nạn cộng sản, mà đã phải bỏ lại tất cả tài sản nhà cửa, ruộng vườn, mồ mã cha ông trên đất Bắc để đi xây dựng cuộc sống mới tại miền đất tự do, no ấm và an hòa ở phía Nam của tổ quốc Việt nam.

Và nhân dịp này, với tư cách là một người thụ ơn, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn đối với nhân dân các quốc gia đã góp phần yểm trợ cho công cuộc di chuyển và định cư vĩ đại của cả triệu đồng bào chúng tôi trong những ngày tháng đen tối đó. Và tôi cũng không quên công lao của các nhân viên Chánh phủ, của Quân đội miền Nam Việt nam, và của biết bao nhiêu cơ quan thiện nguyện khác mà đã lo lắng chăm sóc thật là chu đáo tận tình cho lớp người di cư chúng tôi vào thuở đó. Dù chỉ là một cá nhân nhỏ bé, lời nói của tôi lại hết sức trung thực, như là một biểu hiện của sự cảm thông sâu sắc và quý mến chân thành đối với tất cả các vị ân nhân đáng kính của cả một thế hệ người di cư từ miền Bắc Việt nam năm 1954 vậy.

Nhân tiện, tôi cũng thấy cần phải ghi lại nơi đây tấm lòng quảng đại nhân ái của nhân dân miền Nam - đã mở rộng vòng tay đón nhận và bao bọc che chở cho bà con ruột thịt là nạn nhân khổ khổ bất hạnh của nạn độc tài cộng sản, nên đã phải bỏ lại nơi chôn nhau cắt rốn ở ngoài Bắc để tìm tự do tại miền Nam. Ân nghĩa đó thật là cao cả rộng lớn như Trời Biển và đã góp phần củng cố thêm cho Sức mạnh tổng hợp của toàn thể Dân tộc chúng ta nữa./

Thành phố Costa Mesa, California, tháng Bảy năm 2014

Ls ĐOÀN THANH LIÊM

20-7-1954: NGÀY “QUỐC HẬN HỒNG”



Tiến Sĩ TRẦN AN BÀI

Người Việt Quốc Gia phải ôm cạnh cánh trong lòng hai mối hận: “Quốc Hận Hồng” đánh dấu ngày một nửa Quê Hương phía Bắc vĩ tuyến 17 bị cắt giao cho Đảng Cộng Sản Việt Nam, do Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954 và “Quốc Hận Đỏ” ghi nhớ ngày toàn thể dân tộc Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam, do cuộc rút quân của Đồng Minh Hoa Kỳ sau khi ký Hiệp Định Paris 1973, dẫn đến cuộc đầu hàng của chính quyền Dương Văn Minh vào ngày 30-4-1975. (Hình phải:Cầu Bến Hải (Hiền Lương 1954-1975).

Trước năm 1975, miền Nam Việt Nam vẫn kỷ niệm ngày “Quốc Hận Hồng”, nhưng hiện tại, Cộng Đồng người Việt tỵ nạn chỉ còn cử hành ngày “Quốc Hận Đỏ”. Thực tế, Hiệp Định Genève 1954 đã mang những nét chính trị đặc biệt, dọn đường cho Hiệp Định Paris 1973. Nói cách khác, không có ngày Quốc Hận Hồng thì không thể có ngày Quốc Hận Đỏ được.

Nỗi nhục chia cắt đất nước

Vào ngày 26-4-1954, 9 quốc gia đã nhóm họp để bàn về việc khôi phục hòa bình tại Triều Tiên và Đông Dương. Đó là Anh, Mỹ, Liên Xô, Trung Cộng, Pháp, Lào, Campuchia, Việt Nam Dân Chủ

Người Việt Quốc Gia phải ôm cạnh cánh trong lòng hai mối hận: “Quốc Hận Hồng” đánh dấu ngày một nửa Quê Hương phía Bắc vĩ tuyến 17 bị cắt giao cho Đảng Cộng Sản Việt Nam, do Hiệp Định Genève ngày 20-7-1954 và “Quốc Hận Đỏ” ghi nhớ ngày toàn thể dân tộc Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam, do cuộc rút quân của Đồng Minh Hoa Kỳ sau khi ký Hiệp Định Paris 1973, dẫn đến cuộc đầu hàng của chính quyền Dương Văn Minh vào ngày 30-4-1975. (Hình phải:Cầu Bến Hải (Hiền Lương 1954-1975).

Trước năm 1975, miền Nam Việt Nam vẫn kỷ niệm ngày “Quốc Hận Hồng”, nhưng hiện tại, Cộng Đồng người Việt tỵ nạn chỉ còn cử hành ngày “Quốc Hận Đỏ”. Thực tế, Hiệp Định Genève 1954 đã mang những nét chính trị đặc biệt, dọn đường cho Hiệp Định Paris 1973. Nói cách khác, không có ngày Quốc Hận Hồng thì không thể có ngày Quốc Hận Đỏ được.

Nỗi nhục chia cắt đất nước

Vào ngày 26-4-1954, 9 quốc gia đã nhóm họp để bàn về việc khôi phục hòa bình tại Triều Tiên và Đông Dương. Đó là Anh, Mỹ, Liên Xô, Trung Cộng, Pháp, Lào, Campuchia, Việt Nam Dân Chủ

Cộng Hòa (VNDCCH) do ông Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn và Quốc Gia Việt Nam do ông Nguyễn Quốc Định, trưởng đoàn, sau đó là Bác sĩ Trần Văn Đỗ.

Trong suốt 9 năm theo đuổi cuộc chiến ở Đông Dương, nước Pháp đã trải qua những ngày khủng hoảng chính trị trầm trọng với 2 đời Tổng Thống và 17 lần thay đổi chính phủ. Có chính phủ mới chỉ lên được vài ngày đã bị lật đổ.

Vào lúc Pháp thua trận Điện Biên Phủ thì



chính phủ Laniel từ chức và Mendès France lên thay thế. Ông này đã cam kết với dân chúng Pháp khi lên nhậm chức ngày 17-6-1954: “Nếu trong 4 tuần lễ, tức vào ngày 20/7 tới đây, mà không đạt được một cuộc ngưng bắn tại Đông Dương, tôi sẽ từ chức”.

Hội nghị Genève tái nhóm vào ngày 8-5-1954 và đã trở thành cuộc mặc cả và đi đêm bản thiêu giữa Việt Minh và thực dân Pháp.

Với khí thế chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Minh đòi chia đôi Việt Nam kể từ vĩ tuyến 13 (ngang với Tuy Hòa) và đòi chiếm giữ miền Bắc. Nhưng đến sau, với sức ép của Liên Xô và Trung Cộng, Việt Minh chấp thuận đề nghị dời lên vĩ tuyến 17 (tỉnh Quảng Trị).

Đại diện phía Quốc Gia Việt Nam luôn luôn phản đối việc chia cắt đất nước. Ông Nguyễn Quốc Định tuyên bố: “Tôi để cho phái đoàn Việt Minh trách nhiệm đối với lịch sử... Chia đôi, nghĩa là sớm muộn cũng lại có chiến tranh”. Vào đúng ngày ký

ý kết, trưởng phái đoàn Trần Văn Đỗ đã đứng lên phản đối với giọng nghẹn ngào. Sáng ngày hôm sau, 21-7-1954, Bác sĩ Trần Văn Đỗ đã ra một bản tuyên ngôn với những lời lẽ gay gắt: “Chúng tôi long trọng phản đối việc ký kết hiệp ước hòa hiệp ngưng chiến do hai cơ quan Tư Lệnh Tối Cao Pháp và Việt Minh mà thôi”, và “yêu cầu Hội nghị ghi nhận một cách chính thức rằng Việt Nam long trọng phản đối cách ký kết Hiệp Định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của nhân dân Việt Nam”.

Sở dĩ phái đoàn Quốc Gia Việt Nam phải chống đối kịch liệt việc chia cắt đất nước, vì thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, đất nước cũng bị chia đôi bởi giòng sông Gianh và là một vết nhơ trong lịch sử Việt Nam. Nay Việt Minh lại cấu kết với thực dân Pháp phân chia đất nước thì đó chính là niềm uất hận chung cho cả dân tộc.

Đúng 12 giờ đêm ngày 20-7-1954, Hiệp Định vẫn chưa được ký. Mendès France ra lệnh cho đồng hồ trong phòng họp ngưng chạy cho đến khi

có bản Hiệp Định. Và thực sự, Pháp và Việt Minh đã phải vội vã ký kết vào lúc 3 giờ 50 sáng ngày 21-7-1954, nhưng lại đề ngày 20-7-1954 với chữ ký của hai viên chức quân sự liên hệ. Đó là Thiếu Tướng Delteil, thay mặt cho Tổng Tư Lệnh Quân Đội Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương và Tạ Quang Bửu, Thứ Trưởng Quốc Phòng của VNDCCH.

Nội dung Hiệp Định có những điểm chính như sau:

- Sông Bến Hải, ở vĩ tuyến 17 chia cắt Việt Nam thành hai phần: miền Bắc do VNDCCH kiểm soát. Miền Nam do chính quyền Quốc Gia và khối Liên Hiệp Pháp kiểm soát.

- Hai bên có 300 ngày để di chuyển nhân sự.

- Hai năm sau, tức ngày 20-7-1956 sẽ tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất đất nước.

- Ủy Ban Quốc Tế Giám Sát gồm 3 quốc gia: Ấn Độ (Chủ Tịch), Ba Lan và Canada để giám sát việc thi hành Hiệp Định.

- Cấm phá hủy cơ sở trước khi rút quân, cấm trả thù hoặc ngược đãi những người đã cộng tác với đối phương khi trước, cấm đưa thêm quân đội, vũ khí hoặc lập căn cứ quân sự ở vùng đối phương.

Bỏ phiếu bằng chân

Hiệp Định Genève 1954 ấn định một thời gian chuyển tiếp để dân chúng miền Nam và miền Bắc được quyền tự do lựa chọn đi theo chính phủ Cộng Sản hay Quốc Gia.

Phía Quốc Gia có thời hạn tập trung dân chúng 80 ngày tại Hà Nội, 100 ngày ở Hải Dương và 300 ngày tại Hải Phòng để xuôi Nam.

Còn bộ đội tập kết Việt Minh có quyền tập trung tại Hàm Tân 80 ngày, Bình Định 100 ngày và Cà Mau 300 ngày để di chuyển về Bắc.

Dân chúng và quân đội Quốc Gia ồ ạt bỏ làng xóm để di cư vào Nam. Nhiều làng ở Hưng Yên và Bắc Ninh, dân chúng tự ý đốt nhà cửa để di cư. Tổng kết tính đến ngày di tản cuối cùng vào tháng 3 năm 1955, đã có khoảng 950 ngàn người theo “Con

Đường Đến Tự Do” (Passage to Freedom) từ Bắc vào Nam. Tại nhiều nơi, Việt Minh đã ngăn cản đồng bào di cư, gây nên những cuộc xô xát đẫm máu như ở vùng Quỳnh Lưu, Nghệ Tĩnh. Khi thời gian di cư đã chấm dứt, nhiều người vẫn tiếp tục vượt biên bằng thuyền bè và đã bị Việt Minh sát hại. Nhiều người bơi qua sông Bến Hải đã bị Việt Minh bắn bằng mũi tên độc, vì có lệnh cấm nổ súng trong vùng phi quân sự

Trong khối người di cư này, tín đồ Công Giáo được coi là đông đảo nhất, với 650 ngàn người gồm 1.127 tu sĩ. Vì thế, sau năm 1954, Giáo Hội Công Giáo miền Bắc chỉ còn khoảng 300 ngàn giáo dân và 300 tu sĩ, hầu hết già cả và bệnh tật.

Cuộc di cư vĩ đại của gần một triệu người miền Bắc đã làm cả thế giới ngỡ ngàng. Đây là một cuộc bỏ phiếu bằng chân của người dân Việt cương quyết chối bỏ chủ nghĩa Cộng Sản (Cảnh đồng bào Bắc Việt di cư năm 1954).

Điểm đặc biệt là không có người dân miền Nam nào di cư về Bắc. Con số bộ đội tập kết được ghi nhận là thừa thớt, vì Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho bộ đội chôn dấu vũ khí và len lỏi khắp nơi để chờ lệnh khởi sự một cuộc chiến tranh mới.

Bức màn tre âm đạm đã rủ xuống cầu Bến Hải. Trong lúc dân chúng miền Nam nỗ lực phát triển kinh tế, nâng cao dân trí thì Cộng Sản miền Bắc ra tay khủng bố dân chúng, bắt dân phải thi hành chính sách thất lưng buộc bụng để nuôi dưỡng cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam.

Chiến tranh “chống Mỹ nguy”

Bộ máy truyền truyền chiến tranh của miền Bắc đã hô hào dân chúng “chống Mỹ nguy” và ngày nay vẫn vỗ ngực tự hào đã chiến thắng “đuổi Pháp và đánh Mỹ”, nhưng ngay khi ký Hiệp Định Genève 1954, Hồ Chí Minh đã có kế hoạch tiếp tục chiến tranh ở miền Nam. Năm 1959, Lê Duẩn bí mật vào Nam nghiên cứu, rồi công khai đề nghị khai diễn cuộc chiến tranh “giải phóng miền Nam” trong Đại Hội Đảng Cộng Sản lần thứ 15 ở Hà Nội ngày 13-5-1959. Từ đó, quân đội và vũ khí bắt đầu tăng cường vào miền Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh.

Đề trợ giúp chính phủ VNCH chống lại cuộc chiến tranh này, mãi đến năm 1961, chính phủ Kennedy mới gửi đến miền Nam 400 cố vấn quân sự. Như vậy, rõ ràng là phong trào “chống Mỹ” của miền Bắc hoàn toàn chỉ là chuyện bịa đặt.

Chính Lê Duẩn đã tuyên bố: “Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc” (Vũ Thư Hiên, “Đêm Giữa Ban Ngày”). Chủ trương này trùng hợp với lời xách động của Tổ Hữu:

“Giết, giết nữa bàn tay không phút nghỉ

Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong

Cho Đảng bền lâu, cùng rập bước chung lòng

Thờ Mao chủ tịch, thờ Sit-ta-lin bắt diệt...”

Thi sĩ Phùng Quán trong phong trào Trăm Hoa Đua Nở đã nhận xét rất đúng về người Cộng Sản: “Những con người tiêu máu của dân như tiêu giấy bạc giả”.

Chiếc cầu Hiền Lương chia đôi nước Việt Nam ngày nay đã được nhà cầm quyền Cộng Sản coi như một di tích lịch sử và không còn được sử dụng nữa. Một chiếc cầu mới được dựng lên song song ngay bên cạnh chiếc cầu cũ để cho xe cộ lưu thông. Bên phía Bắc chiếc cầu, Cộng Sản cho xây một kỳ đài vĩ đại cắm cờ đỏ sao vàng, tượng trưng cho chiến thắng. Còn phía Nam cầu thì không được quan tâm tới. Nhưng sự thực không thể che dấu được là quang cảnh nghèo đói, với những ngôi nhà tranh vách đất bên phía Bắc cầu. Trong khi đó, ở phía Nam, nhà cửa khang trang của Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn đó. Người Cộng Sản chỉ quan tâm đến việc xây kỳ đài phô trương chiến thắng mà coi thường đời sống kinh tế âm no của dân chúng.

Người ta tự hỏi: Tại sao Hồ Chí Minh không chủ trương thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình, thương yêu, không trả thù, không tập trung cải tạo như Đông và Tây Đức?

Hơn ba triệu người của cả hai miền Nam Bắc Việt Nam đã bị thương vong, khôn khổ trong cuộc chiến đòng dã trên 20 năm, chỉ vì Hồ Chí Minh đã coi thường sinh mạng của người dân. Đó là chưa

kể đến khoảng 500 ngàn người bỏ xác nơi biển sâu, rùng rợn trên đường vượt biên trốn chạy Cộng Sản để đi tìm Tự Do sau ngày Quốc Hận Đò. So với cuộc chiến Việt Pháp từ năm 1946 đến 1954, con số tử vong chưa tới 100 ngàn người. (Hình phải : Pa nô(panneau) phía nam trên sông Bến Hải)

Cái tiền đề của hồ chí minh: “Không gì quý hơn Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc” đã hoàn toàn sai và đã đưa đến cảnh người dân Việt dùng vũ khí ngoại bang để sát hại chính đồng bào mình. Nếu hồ chí minh biết nghĩ rằng “Sinh mạng con người quý hơn Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc” thì đã không có cảnh gia đình Việt Nam của cả hai miền phải có

những thân nhân hy sinh hoặc mất đi một phần thân thể. Rõ ràng dân tộc Việt Nam là nạn nhân của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản của ông ta trong cuộc chiến sau ngày Quốc Hận Hồng.

Trong lãnh vực thể thao, bên thắng cuộc tượng trưng cho sức mạnh và mưu trí hơn. Nhưng trong lãnh vực chính trị, kẻ thắng trận chưa chắc đã là người thật sự ái quốc, thương dân, thương nòi. Lịch sử Việt Nam đã tôn vinh nhiều vị anh hùng mà cả đời không đạt được một chiến thắng nào, ngoài tinh thần yêu nước.

Bài học lịch sử rút ra từ ngày Quốc Hận Hồng, 20-7-1954, là:

a) Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã toa rập với thực dân Pháp chia cắt Quê Hương Việt Nam.

b) hồ chí minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đưa hai miền Nam Bắc vào một cuộc chiến tranh vô ích và không cần thiết, được gọi là “giải phóng miền Nam” hay “chống Mỹ nguy”, khiến cho hơn ba triệu đồng bào phải hy sinh. Cái giá mà Đảng Cộng Sản VN đã phải trả cho việc thống nhất đất nước quá đắt và tàn bạo. Lịch sử hậu thế sẽ phán xét về việc này./.

TS TRẦN AN BÀI

GIẢI TỎA HUYỀN THOẠI HỒ CHÍ MINH



L.S. NGUYỄN HỮU THỐNG

Để xây dựng uy tín cho Hồ Chí Minh, Đảng Cộng Sản VN đã sử dụng nhiều chiêu bài và ngụy tạo nhiều huyền thoại:

- 1) Huyền thoại gia đình cách mạng.
- 2) Huyền thoại lên đường cứu nước.
- 3) Tiêm danh Nguyễn Ái Quốc.
- 4) Giả danh Trần Dân Tiên.
- 5) Giả đoàn kết quốc gia.
- 6) Giả hiệp ước quốc tế.
- 7) Ngụy tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. HUYỀN THOẠI GIA ĐÌNH CÁCH MẠNG.

Các nhà sử học Cộng Sản trình bày rằng Hồ Chí Minh xuất thân từ một gia đình cách mạng. Thân phụ là phó bảng Nguyễn Sinh Sắc hay Nguyễn Sinh Huy, là bạn đồng khoa với Phan Chu Trinh và thường giao kết với Phan Bội Châu là người đồng hương. Sau khi được bổ nhiệm tri huyện Bình Khê, Nguyễn Sinh Sắc đã tự ý từ quan để phản kháng chế độ thực dân phong kiến.

Sự thật không phải như vậy. Dầu là một sĩ phu đồ đại khoa, Nguyễn Sinh Sắc đã không có một đời sống cá nhân đúng đắn. Ông thường say rượu và trong những lúc nóng giận đã có thái độ thô lỗ



và đánh đập con cái. Năm 1910, cũng vì say sưa, Nguyễn Sinh Sắc đã quá tay đánh chết một nghi can là Tạ Đức Quang. Cũng vì vậy ông bị triều đình tuyên phạt 100 trượng, giáng 4 cấp, cách chức tri huyện và sa

thải khỏi quan trường. Sau này ông được miễn phạt trượng hình. Dầu sao ông đã làm nhục giới nho sĩ vì không biết tu thân trước khi trị quốc. Do sự sỉ nhục này đối với sĩ lâm và bà con lối xóm, ông đã dắt các con rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, đi tha phương cầu thực làm nghề bốc thuốc tại miền Nam.

Sự thật lịch sử này đã được chứng minh bằng một văn thư do Hồ Chí Minh dưới tên Paul Tất Thành viết từ Nữ Ước ngày 15-12-1912 gửi Khâm Sứ Trung Kỳ, xin cho cha được phục chức và được làm thừa biện, giáo thụ hay huấn đạo để có phương tiện mưu sinh.

Và truyền thống gia đình cách mạng của Hồ Chí Minh chỉ là một huyền thoại (Chính Đạo: Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại).

2. HUYỀN THOẠI LÊN ĐƯỜNG CỨU NƯỚC.

Các nhà sử học CS còn trình bày rằng năm 21 tuổi Hồ Chí Minh rời Bến Nhà Rồng Saigon xuất dương lên đường cứu nước. Thời gian này, phong trào kháng thuế tại Quảng Nam và các tỉnh miền Trung đã bị dập tắt. Trường Đông Kinh Nghĩa Thực tại Hà Nội đã bị tiêu hủy giấy phép và tại Nhật Bản, Phan Bội Châu, Cường Để cùng 200 sinh viên Việt Nam du học đã bị trục xuất. Theo gương Phan Chu Trinh, năm 1911 Hồ Chí Minh tìm đường qua Pháp để học hỏi tinh thần tự do dân chủ, hy vọng có ngày

trở về giải phóng đồng bào khỏi ách đế quốc tư bản.

Đây cũng chỉ là một huyền thoại. Do đơn ngày 15-9-1911, Nguyễn Tất Thành xin Bộ Thuộc Địa Pháp đặc cách cho theo học Trường Thuộc Địa “để trở nên người hữu ích cho nước Pháp” (utile à la France). Trường Thuộc Địa là trung tâm đào tạo các cán bộ hành chính và giáo dục của chế độ thuộc địa. Theo quy chế, các sinh viên phải được sự giới thiệu của nhà chức trách Đông Dương. Nhiều vị khoa bảng và trí thức nổi tiếng đã theo học trường này như Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Thân Trọng Huề, Bùi Quang Chiêu, Bùi Bằng Đoàn v...v... Vì không đúng thủ tục, đơn của Nguyễn Tất Thành đã bị bác bỏ.

Và huyền thoại Hồ Chí Minh từ Bến Nhà Rồng xuất dương lên đường cứu nước đã bị giải tỏa.

3. TIẾM DANH NGUYỄN ÁI QUỐC.

Từ 1911 đến 1914, Nguyễn Tất Thành làm phụ bếp tại các tàu buôn của hãng Les Chargeurs Réunis chạy quanh các nước Âu Châu, Phi Châu và Mỹ Châu. Khi Thế Chiến Thứ Nhất bùng nổ, Nguyễn Tất Thành sang Anh làm phụ bếp tại nhà hàng Carlton và trở về Paris năm 1917. Trong thời gian này LS Phan Văn Trường đã thành lập Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước để đấu tranh công khai đòi tự trị và độc lập cho Việt Nam.

Do lời mời của lãnh tụ Đảng Xã Hội Pháp Jean Jaures (người đã can thiệp với Thủ Tướng Pháp để ân xá cho Phan Chu Trinh), cùng với cụ Phan, LS Phan Văn Trường đã nhiều lần đến điều trần tại Quốc Hội Pháp để trình bày quan điểm về chính sách bảo hộ của Pháp tại Việt Nam và đạo đạt nguyện vọng của người dân Việt Nam lên Quốc Hội.

Sau Thế Chiến Thứ Nhất, năm 1919 tại Paris, dưới bút hiệu chung Nguyễn Ái Quốc, bộ ba Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Tất Thành, nhân danh Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước đã đệ trình các Chính Phủ Đông Minh và Chính Phủ Pháp Thỉnh Nguyên Thư của Dân Tộc Việt Nam trong tinh thần hợp tác và thương nghị, nguyên văn như sau:

“Từ sau cuộc chiến thắng của Đông Minh, các dân tộc bị trị vô cùng xúc động trước những triển

vọng tương lai, căn cứ vào những cam kết minh thị và trân trọng của các cường quốc Đông Minh trước dư luận thế giới trong cuộc đấu tranh vừa qua để bảo vệ Văn Minh chống Dã Man.

Chiều theo các cam kết này, một Kỷ Nguyên mới của Luật Pháp và Công Lý sẽ khai mở đem lại hy vọng chứa chan cho các dân tộc bị trị.

Trong khi chờ đợi Nguyên Tắc Chủ Quyền Quốc Gia được chấp thuận trong lý tưởng cũng như trên thực tế do sự thừa nhận và thực thi Quyền Dân Tộc Tự Quyết thiêng liêng, Dân Tộc Việt Nam trân trọng đệ trình các Chính Phủ Đông Minh cao quý, cũng như Chính Phủ Pháp khả kính, những thỉnh nguyện khiêm tốn sau đây:

1) Ban hành Đại Xá cho tất cả các chính trị phạm bản xứ.

2) Cải thiện chế độ tư pháp Đông Dương bằng cách ban hành những bảo đảm về quyền bình đẳng trước pháp luật giữa người bản xứ và người Âu Châu. Bãi bỏ toàn bộ và vĩnh viễn hệ thống tòa án đặc biệt được dùng làm công cụ khủng bố và đàn áp các thành phần lương thiện nhất của dân tộc Việt Nam.

3) Ban hành Tự Do Báo Chí và Tự Do Ngôn Luận

4) Ban hành Tự Do Lập Hội và Tự Do Hội Hạp.

5) Ban hành Tự Do Di Trú và Xuất Ngoại

6) Ban hành Tự Do Giáo Dục và thiết lập tại các tỉnh những trường kỹ thuật và chuyên nghiệp cho người bản xứ.

7) Thay thế chế độ cai trị bằng nghị định bằng chế độ pháp trị.

8) Thành lập Phái Bộ Thường Trực dân cử của người bản xứ bên cạnh Quốc Hội Pháp để đạo đạt tới Quốc Hội những nguyện vọng của người bản xứ.

Khi đệ trình những thỉnh nguyện nêu trên, Dân Tộc Việt Nam kỳ vọng vào nền Công Lý Thế Giới của các Cường Quốc và đặc biệt tin tưởng vào sự hào hiệp của Dân Tộc Pháp cao quý hiện đang nắm giữ vận mệnh của Dân Tộc Việt Nam bằng cách đứng ra bảo hộ Dân Tộc Việt Nam nhân danh Cộng Hòa Pháp. Dân Tộc Việt Nam không hổ thẹn được sự bảo trợ của Dân Tộc Pháp, trái lại còn cảm thấy vinh hạnh. Vì họ biết rằng Dân Tộc Pháp biểu tượng cho Tự Do và Công Lý, và sẽ không bao giờ từ bỏ lý

tưởng cao cả của Nghĩa Bác Ái toàn cầu. Vì những lý do đó, trong khi lắng nghe tiếng nói của kẻ bị trị, Dân Tộc Pháp sẽ hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với nước Pháp cũng như đối với nhân loại”.

Thay mặt Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước,

Nguyễn Ái Quốc

Luật Sư Phan Văn Trường, tiến sĩ luật, Chủ Tịch Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước là người soạn tài liệu này.

Nguyễn Ái Quốc (Nguyen le Patriote) là bút hiệu chung của bộ ba Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Tất Thành. Nguyễn là dòng họ đa số tại Việt Nam và Ái Quốc là phỏng theo tên Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước (Groupe des Patriotes Annamites). Với bút hiệu này, họ đã viết những bài bình luận trên các báo của Đảng Xã Hội như Nhân Loại (L'Humanité), Dân Chúng (Le Populaire) v...v... Mặc dầu vậy, Hồ Chí Minh đã tự nhận mình là Nguyễn Ái Quốc. Dưới bút hiệu Trần Dân Tiên, trong cuốn “Những Mẩu Chuyện về Đời Hoạt Động của Hồ Chủ Tịch”, Hồ Chí Minh viết: “Khi chiến tranh chấm dứt, tại Hội Nghị Hoà Bình Véc Xây, Tổng Thống Mỹ Wilson nói về 14 điều. Các đại biểu các dân tộc bị áp bức đến để yêu cầu độc lập và tự do. Trong số đó, có Nguyễn Ái Quốc (tức là Anh Ba hay Hồ Chí Minh). Ông Nguyễn tổ chức nhóm người Việt Nam yêu nước tại Paris và ở các tỉnh khác. Với danh nghĩa của tổ chức này, ông đã đưa yêu cầu 8 điều ra trước Hội Nghị Véc Xây”.

Đây chỉ là một sự mạo nhận. Vì những lý do sau đây:

a) Thịnh Nguyễn Thư được soạn thảo nhân danh Hội Những Người Việt Nam Yêu Nước, một tổ chức do Phan Văn Trường thành lập năm 1914 tại Paris, khi Nguyễn Tất Thành còn ở Luân Đôn.

b) Thịnh Nguyễn Thư đề cập đến những nguyên tắc pháp lý mà trong thời gian đó (1919) chỉ các luật gia và chính trị gia mới thấu hiểu như quyền bình đẳng trước pháp luật, chế độ pháp trị, chế độ tòa án đặc biệt, quyền dân tộc tự quyết v.v...

c) Đề nghị thành lập Phái Bộ Thường Trực Dân Cử Việt Nam tại Quốc Hội Pháp là do sáng kiến của Phan Văn Trường. Từ năm 1911, cùng với Phan Chu Trinh, theo lời mời của Jean Jaures, ông đã nhiều lần đến điều trần tại Quốc Hội Pháp để đạt

những nguyện vọng của nhân dân Việt Nam lên Quốc Hội.

d) Nguyễn Tất Thành chỉ là một học sinh vừa qua bậc tiểu học và không có kiến thức chính trị. “Ông rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là công hội, thế nào là bãi công, và thế nào là chính đảng... Ông không đủ tiếng Pháp để viết và phải khẩn khoản yêu cầu ông Phan Văn Trường viết thay... Ông lắng nghe những buổi thảo luận, nhưng không hiểu rõ về chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản v.v... ông nhức đầu vì khó hiểu”. Và lại vốn liếng tiếng Pháp của ông chỉ gồm những chữ thông dụng trong đời sống hằng ngày học từ những cô sen trong giới bình dân (Trần Dân Tiên, sdd).

e) Trần Dân Tiên còn nêu lên yêu cầu bãi bỏ chế độ sưu dịch, thuế đinh, thuế muối và việc bắt ép dân mua muối và thuốc phiện. Các điều khoản này không thấy trong bản Thịnh Nguyễn Thư tiếng Pháp đăng trên báo L'Humanité ngày 18-6-1919. (Chính Đạo: Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại).

Nói tóm lại, trái với lời Trần Dân Tiên, Hồ Chí Minh không phải là tác giả Thịnh Nguyễn Thư của Dân Tộc Việt Nam. Và năm 1919 Hồ Chí Minh cũng chưa phải là Nguyễn Ái Quốc. Đây chỉ là một sự mạo nhận tư cách của Nguyễn Tất Thành, một người ít học nhưng nhiều tham vọng.

Năm 1917, khi từ Luân Đôn trở về Paris, Nguyễn Tất Thành tá túc tại nhà Luật sư Phan Văn Trường số 6 Villa des Gobelins. Năm 1914, Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường bị bắt giam về tội phản nghịch (tình nghi liên lạc với Cường Để tại Berlin). Sau 9 tháng điều tra hai nhà chí sĩ họ Phan đã được miễn tố (Phan Chu Trinh chủ trương hợp tác với Pháp đánh Đức, cũng như Gandhi hô hào thanh niên Ấn Độ tình nguyện gia nhập quân đội Hoàng Gia Anh). Mặc dầu vậy, hai vị vẫn bị cảnh sát điều tra theo dõi. Mỗi khi có trát đòi Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Tất Thành đứng ra nhận trát, tự xưng là Nguyễn Ái Quốc. Ông nói “Nguyễn Ái Quốc chính là tôi, các ông cứ đưa trát cho tôi, đừng làm phiền chú/bác tôi (ý nói Phan Văn Trường hay Phan Chu Trinh)”. Năm 1921, Nguyễn Tất Thành bỏ Đảng Xã Hội để gia nhập Đảng CS dưới tên Nguyễn Ái Quốc

4. GIẢ DANH TRẦN DÂN TIÊN

Các nhà sử học cho rằng Hồ Chí Minh là

người thông minh, nhưng là sự thông minh ngoài phố. Sự khôn ngoan giảo quyệt này đã được biểu lộ rõ nét nhất trong cuốn “Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch” của Trần Dân Tiên xuất bản và tái bản nhiều lần từ 1948 đến 1976. Ngày nay ai cũng biết Trần Dân Tiên là Hồ Chí Minh. Trong lịch sử văn học thế giới, không thấy một nhà văn tự trọng nào lại giả danh bằng một bút hiệu để tự đề cao mình. Dùng bút hiệu thật để nói về mình cũng là vạn bất đắc dĩ, vì cái tôi thường đáng ghét. Dùng bút hiệu giả để thần thánh hóa mình thì quả là đáng ghét!

Chúng ta thử đánh giá sự khiêm tốn của tác giả:

“Nhiều nhà văn nhà báo Việt Nam và ngoại quốc muốn viết tiểu sử của vị Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, nhưng mãi đến nay chưa có người nào thành công. Nguyên nhân rất đơn giản: Chủ Tịch Hồ Chí Minh không muốn nhắc lại thân thế của mình (...). Hiện nay còn nhiều việc cần thiết hơn, rất nhiều đồng bào đang đói khổ. Sau 80 năm nô lệ, nước ta bị tàn phá, bây giờ chúng ta phải xây dựng lại. Chúng ta nên làm những công việc hết sức cần kíp đi đã (...). Với đức tính khiêm tốn nhường ấy, và đương lúc bẽ bộn bao nhiêu công việc làm sao Hồ Chủ Tịch có thể kể lại bình sinh của Người được”.

Thế nhưng Hồ Chủ Tịch đã đại ngôn:

“Khi còn là một thiếu niên 15 tuổi, người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ anh đã có chí đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh khâm phục các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Hoàng Hoa Thám, nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của 3 người, vì:

- Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương.

- Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp, chẳng khác gì đưa hổ cửa trước rước beo cửa sau.

- Cụ Hoàng Hoa Thám còn nặng cốt cách phong kiến”.

Năm 1905, khi Hồ Chí Minh 15 tuổi, cụ Phan Chu Trinh chưa viết Đầu Pháp Chính Phủ Thư (1906), chưa phát động phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục (1907). Vậy mà Hồ Chí Minh đã phê phán chính sách canh tân và giáo dục của cụ là

cải lương (mà cải lương thì đã sao?).

Chưa thấy cụ Phan Bội Châu rước cọp vào nhà, chỉ thấy Hồ Chí Minh công răn CS về căn gà nhà, gây tai hại vô lường cho đất nước và dân tộc.

Năm 1945 khi mới 55 tuổi, Hồ Chí Minh tự phong mình là “cha già của dân tộc”. Ông còn tự thần thánh hóa mình, kể rằng “chân dung Hồ Chủ Tịch được treo trên bàn thờ giữa những bình hương hoa đèn nến”.

“Hồ Chủ Tịch được nhân dân yêu mến là do lòng hy sinh và lòng nhân từ của Người. Chủ Tịch không bao giờ nghĩ đến mình. Người chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến nhân dân (...). Đối với nhi đồng, tên Bác Hồ là như một người mẹ hiền. Chỉ nhắc đến tên Bác là các em trở nên ngoan ngoãn”.

Vậy mà người cha già (67 tuổi) đã nhẫn tâm để đàn em hạ sát người vợ trẻ đã sinh cho mình đứa con trai là Nguyễn Tất Trung. Năm 1957, khi cô Nguyễn thị Xuân yêu cầu công khai hoá cuộc hôn phối đã kéo dài trên 2 năm, Hồ Chí Minh vẫn ngọt ngào giả lá: “Cô xin như vậy là hợp tình hợp lý, nhưng phải được Bộ Chính Trị đồng ý, nhất là mấy ông Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt đồng ý mới được”. Do đó, cô đành phải chờ một thời gian. Trong thời gian này, cô đã biến thành chướng ngại vật làm mất uy tín của lãnh tụ. Theo đúng phương châm hành động, tất cả những chướng ngại vật làm cản trở con đường của lãnh tụ sẽ bị thanh toán và vô hiệu hóa.

Thanh toán trước hết bằng cách hạ nhục đối phương, cho viên tướng công an Trần Quốc Hoàn mặc sức hăm hiếp. Rồi cho thủ hạ chum chặn lên đầu và dùng búa đánh vỡ sọ nạn nhân (như vụ Staline hạ sát Trotsky tại Mexico).

Một người có những thủ đoạn bắt nhân như vậy, mà bộ máy tuyên truyền của CS còn đề cao như một vị anh minh kết tinh “đức tính từ bi của Đức Phật, tính công bằng bác ái của Chúa Ki Tô, sự minh triết của Khổng Tử, sự siêu thoát của Lão Trang”.

Ngoài ra, Trần Dân Tiên còn tự sánh mình với Mặc Tử là người đã mòn trán lông gót, bốn ba khắp nơi để lo cho thiên hạ. Điều đáng nói là, trong khi Mặc Tử chủ trương hòa bình, thì Hồ Chí Minh cổ vũ chiến tranh. Trong khi Mặc Tử theo thuyết kiêm ái, yêu dân tộc, yêu nhân loại, thì Hồ Chí Minh gieo rắc căm hờn, thúc dục thú tính để phát động đấu tranh giai cấp và thủ tiêu những lương dân vô tội và

những người quốc gia yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc.

5. GIẢ ĐOÀN KẾT QUỐC GIA.

Khi hay biết phe Thế Giới Dân Chủ không chịu trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương vì họ không muốn Staline mở rộng Bức Màn Sắt từ Đông Âu qua Đông Á, ngày 11-11-1945 Nguyễn Ái Quốc giả bộ giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương để thành lập Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Các Mác. Để có chính nghĩa đoàn kết quốc gia, Hồ Chí Minh mời Nguyễn Hải Thần thuộc Cách Mạng Đồng Minh Hội và Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam thuộc Việt Nam Quốc Dân Đảng tham gia chính phủ liên hiệp.

Trong Tuyên Cáo Đoàn Kết ngày 24-12-1945, Hồ Chí Minh cam kết tôn trọng sự đoàn kết của các đảng phái quốc gia để tranh thủ độc lập, “Vi độc lập quốc gia là cứu cánh tối hậu cần phải tranh thủ và chỉ có sự hợp tác và hữu nghị chân thành giữa những người Việt Nam mới có thể đạt được độc lập quốc gia”. Ông còn lên án mọi hành vi phá hoại tình đoàn kết quốc gia cũng như việc dùng võ lực để tiêu diệt các đảng phái quốc gia.

Vậy mà sau đó Trần Dân Tiên đã vu oan giá họa: “bọn phản động Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam được Trung Hoa Quốc Dân Đảng giúp đỡ đã có âm mưu phá hoại và Hồ Chủ Tịch đã phải nhường cho họ 70 ghế quốc hội”.

Ngày 6-3-1946, Hồ Chí Minh ký Hiệp Ước Sơ Bộ Sainteny công nhận Việt Nam là một quốc gia tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. 15-ngàn-quân Pháp được thay thế quân Trung Hoa, đổ bộ Hải Phòng và đồn trú tại Bắc Việt trong 5 năm.

Tháng 5-1946, Hồ Chí Minh qua Paris thương nghị. Phái đoàn Việt Nam đứng lễ do ngoại trưởng Nguyễn Tường Tam lãnh đạo, nhưng trước đó: “Bộ Trưởng Tam đã bỏ trốn”. Và mùa hè năm đó, Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh cũng bỏ trốn sang Tàu để khỏi bị sát hại như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm v.v... Sau khi tổng xuất quân đội Trung Hoa, CS thắng tay đàn áp và thủ tiêu các cán binh Quốc Dân Đảng và Đồng Minh Hội. Như vậy, Tuyên Cáo Đoàn Kết 1945 chỉ nhằm thành lập chính phủ liên hiệp để làm bình phong thương nghị

với Pháp. Rồi nhờ Pháp tổng xuất Tàu cho Đảng CS rảnh tay tiêu diệt các đảng phái quốc gia để được độc quyền lãnh đạo.

Trong Thế Chiến Thứ Hai, để được Đồng Minh yểm trợ, Staline đưa ra chính sách thân thiện với Anh Pháp. Đảng CS Pháp phối hợp với Đảng Xã Hội trong Mặt Trận Bình Dân. Phe CS Việt Nam cũng hợp tác với phe Tân Tả Phái của Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch để thành lập Mặt Trận Dân Chủ và xuất bản tờ La Lutte (Tranh Đấu). Trong những cuộc bầu cử Hội Đồng Đô Thành Saigon và Hội Đồng Quản Hạt Nam Kỳ, liên danh Tranh Đấu của Tạ Thu Thâu toàn thắng. Đây là giai đoạn đấu tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp và bất bạo động. Chiêu bài đoàn kết quốc gia một lần nữa được áp dụng. Nguyễn An Ninh thuộc phe Trung Hoà, Tạ Thu Thâu thuộc phe Tân Tả Phái và Nguyễn Phan Long thuộc phe Lập Hiến, đã đứng ra tổ chức Đông Dương Đại Hội để đạo đạt thỉnh nguyện của nhân dân Việt Nam tới phái đoàn Quốc Hội từ Paris sang.

Vậy mà ngay sau khi cướp được chính quyền, Đảng CS đã phản bội lời giao ước đoàn kết và đã thủ tiêu Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Phạm Quỳnh, Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Văn Sâm, Hồ Văn Ngà, Dương Văn Giáo v.v... là những người quốc gia yêu nước thuộc các nhóm Tân Tả Phái và Lập Hiến.

Về việc hạ sát Tạ Thu Thâu, Hồ Chí Minh còn giả nhân nghĩa tiếc Tạ Thu Thâu là người yêu nước. Nhưng ông lại thêm rằng những ai chống lại chính sách của ông đều sẽ bị vô hiệu hoá. Sau khi Staline thủ tiêu người chiến hữu đàn anh của mình là Trotsky năm 1940, tất cả phe tân tả phái Trotskit đều phải bị thanh toán và triệt hạ uy tín.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn cho hạ sát Đức Giáo Chủ Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ và các lãnh tụ các đảng phái quốc gia yêu nước như Trương Tử Anh (Đại Việt), Lý Đông A (Duy Dân), Khải Hưng, Nhượng Tống (Quốc Dân Đảng) v.v...

6. GIẢ HIỆP ƯỚC QUỐC TẾ.

Theo sách lược CS ký hiệp ước không phải để thi hành hiệp ước. Vì các hiệp ước ngoại giao chỉ là những phương tiện để thực thi những mục tiêu chính trị:

a. Ký Hiệp Ước Sơ Bộ Sainteny ngày 6-3-1946 nhờ Pháp tống xuất Tàu để rảnh tay thanh toán các đảng phái quốc gia nhằm giữ độc quyền yêu nước, độc quyền lãnh đạo. Sau đó lại phát động chiến tranh ngày 19- 12-1946.

b. Ký Hiệp Định Đình Chiến Genève 1954 để tống xuất Pháp và cướp chính quyền tại Miền Bắc. Sau đó lại tái phát động chiến tranh.

c. Ký Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973 để tống xuất Mỹ. Sau đó lại tái phát động chiến tranh để thôn tính Miền Nam.

7. NGỤY TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH.

Sau cuộc Cách Mạng Giải Th thể CS tại Đông Âu, chủ nghĩa CS đã bị nhân dân thế giới vứt vào thùng rác lịch sử. Tại Đức, quê hương của Các Mác, chủ nghĩa Mác đã bị phủ định và được thay thế bằng chủ nghĩa Dân Chủ Tự Do và Dân Chủ Xã Hội. Tại Nga, quê hương của Lênin, chủ nghĩa Lênin cũng đã bị phủ định để thay thế bằng chủ nghĩa Dân Chủ Tự Do và Dân Chủ Xã Hội.

Trước sự phá sản của chủ nghĩa Mác Lê, Đảng CS ngụy tạo cái gọi là “tư tưởng Hồ Chí Minh”, một điều mà chính Hồ Chí Minh thời sinh tiền cũng không bao giờ đề cập đến. Ông chỉ nói đến chủ nghĩa Mác Lê, tư tưởng Mao Trạch Đông, và tác phong Hồ Chí Minh. Ông nhìn nhận rằng, về phần tư tưởng, “Bác Mao đã viết cả rồi, tôi không còn gì để viết nữa”. Do đó ông chỉ thực thi trung thành những nguyên lý Mác Lê và tư tưởng Mao Trạch Đông. Ông hết sức tán tụng Staline và Mao Trạch Đông. Ông viết: “Mao Trạch Đông đã đồng phương hóa chủ nghĩa Mác Lê và đã đưa cách mạng Trung Quốc đến thành công. Cách mạng Việt Nam phải học tập và thực sự đã học hỏi rất nhiều từ cuộc cách mạng Trung Quốc. Các nhà cách mạng (CS) Việt Nam phải ghi nhớ điều này và phải biết ơn Mao Trạch Đông về sự đóng góp to lớn này”.

Thật vậy, Hồ Chí Minh không có tư tưởng gì đặc sắc. Ông chỉ là người sao chép lại.

Những mục tiêu độc lập, tự do, hạnh phúc ghi trong các tiêu đề chánh thức của nhà nước chỉ là phỏng theo 3 cương lĩnh của chủ nghĩa Tam Dân do Tôn Dật Tiên đề xướng trong Cách Mạng 1911: “Dân Tộc Độc Lập, Dân Quyền Tự Do và Dân Sinh Hạnh Phúc”.

Bản Tuyên Ngôn Độc Lập do Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945 cũng là sự sao chép Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ theo đó: “mọi người sinh ra bình đẳng và được Tạo Hóa ban cho những quyền bất khả xâm phạm như quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Thêm vào đó là lời mở đầu Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền Pháp 1789 (chứ không phải 1791 như Hồ Chí Minh đã ngộ nhận): “mọi người sinh ra tự do và bình đẳng và luôn luôn được tự do và bình đẳng”.

Dùng giả nhân nghĩa là ngụy quân tử. Nhưng khéo ngụy trang Hồ Chí Minh đã viện dẫn các tư tưởng minh triết của Nho Gia trong việc giáo hóa, trị dân và dựng nước như: “Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước cái lo của dân, vui sau cái vui của dân, không lo nghèo mà lo không đều, mười năm trồng cây, trăm năm trồng người” v...v....

Về mặt kiến thức, Hồ Chí Minh thú nhận ông không am tường chính trị và nhức đầu khi nghe nói về những vấn đề lý thuyết chủ nghĩa. Ông chỉ là người cán bộ thừa hành trung thành và tận tụy của Staline và Mao Trạch Đông. Nhờ Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền, ông nổi danh vì bút hiệu chung Nguyễn Ái Quốc. Từ đó, ông được giới thiệu với các lãnh tụ Xã Hội và CS Pháp như Léon Blum, Marcel Cachin v.v... Từ một tiểu trí thức, ông đã bước lên địa vị một cán bộ CS quốc tế, phụ trách vùng Đông Nam Á.

Trong khi các lãnh tụ CS Á Châu khác như Roy tại Ấn Độ hay Malaka tại Nam Dương đều bị thất sủng dưới bàn tay sắt của Staline vì họ có những tư tưởng hướng về chủ nghĩa Dân Tộc và chủ thuyết Hồi Giáo, thì Hồ Chí Minh vẫn một lòng một dạ chung thủy với Quốc Tế CS.

Dẫu không có tư tưởng chính trị đặc sắc nhưng Hồ Chí Minh đã thành công trong việc:

Dùng ngụy trang đối trá (ngụy chủ nghĩa Dân Tộc);

Lây giả nhân giả nghĩa (bằng các chiêu bài độc lập, tự do, hạnh phúc, đoàn kết, hòa giải, hòa hợp);

Đề giành chính nghĩa (giải phóng dân tộc, giải phóng lao động);

Và cướp chính quyền (để không chia quyền với bất cứ ai)..../.

L.S. NGUYỄN HỮU THỐNG

KỶ NIỆM 60 NĂM THÀNH LẬP VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ HUẾ, VIỆN ĐẠI HỌC, CHA LUẬN VÀ CHÚNG TÔI...



GS NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

(GS Nguyễn Văn Trường, nhà giáo và chính khách nổi tiếng của Việt Nam. Ông sinh năm 1930 tại Vĩnh Long; giáo sư tại Viện Đại học Huế; hai lần đảm trách chức vụ Tổng trưởng (tức Bộ trưởng) Giáo dục Việt Nam Cộng Hòa. Ông là người tích cực vận động và đóng góp vào sự ra đời của Viện Đại học Cần Thơ vào năm 1966).

Huế, trong hồi ức của tôi, qua suốt ba thập niên dài, 1945 - 1975, là Huế của những biến cố, những biến động, của những huy hoàng và tang thương. Cho đến 1954, Huế là cơ ngơi của Nguyễn triều, sống với niềm kiêu hãnh của một đế đô, có chặt hẹp, có tù túng, nhưng gạo vẫn trắng, nước vẫn trong. Thành phố của bình an và lặng lẽ. Nam Kỳ, tuy xa lạ với Nguyễn Triều suốt non một thế kỷ, vẫn nhìn Huế là Thủ đô. Nhà Vua là linh hồn của giang sơn gấm vóc từ Ái Nam Quan đến Mũi Cà Mau. Rồi ông Bảo Đại đi, ông Diệm về, Huế cũng vẫn là xứ sở của một triều đại mới, và vẫn được nuông chiều. Huế chỉ thực sự đi vào dâu bể của lịch sử từ những



năm sau 63.

Năm đó, khởi đầu bằng một cuộc cách mạng, Huế lần hồi trở thành thành phố của hận thù, của tranh chấp, của những cơn sốt chính trị. Cha, thầy, sư sãi, quốc công, sinh viên, chợ Đông Ba, lên đường, xuống đường. Rồi Mậu Thân 68, cuộc thảm sát. Rồi mùa hè lửa đỏ 72, Quảng Trị thất thủ, Huế trở thành vùng địa đầu giới tuyến. Phập phồng lo âu. Rồi tháng 3-75. Cuộc rút quân thê thảm. Từ đó Huế như đi khỏi đời tôi. Hay nói một cách khác, tôi sợ, mỗi khi nghĩ về Huế.

Nhưng đó là chuyện cũ. Từ đó đến nay, cũng đã thêm gần một phần tư thế kỷ trôi qua. Tôi bây giờ đã già, lòng đã lắng xuống, để có những cái nhìn chín chắn hơn. Tôi bây giờ đã biết nói tới, nói lui, đã biết nhìn xuôi, nhìn ngược. Trong một tâm trạng hồi niệm, tôi muốn viết về Huế của một giai đoạn ngắn ngủi, từ 57-63, mà chúng tôi thường gọi là giai đoạn phát triển đại học. Tôi muốn nói về Huế của những năm bùng lên trong một khí sắc mới, nói đến sự hình thành của Đại học Huế, nói đến Cha Luận, nói đến lũ trẻ chúng tôi, không sợ trời, không sợ đất, khuấy động cái yên tĩnh của thành phố lặng lẽ như giòng Hương giang đó. Tôi muốn nói một chút về phần đời của tôi và cái hạnh phúc nhỏ của riêng tôi, nhỏ mà thật bền, mà tôi đã tìm được trong thời gian 6 năm ở Huế.

Phải thành thật thú nhận, khi nhận sự vụ

lệnh ra dạy ở Viện Đại học Huế, cả gia đình, mẹ tôi và các anh chị tôi, không ai vui. Riêng tôi, tuy có cái thú phiêu lưu nơi đất lạ, nhưng nghe nói về Huế, thật không có gì hấp dẫn cuốn lôi. Huế là một nước khác, ngoài nước Nam kỳ. Huế xa xôi. Huế tù túng, chắc không hợp với một thằng người Nam, thích ăn tục, nói lớn, không có ý niệm về quyền uy, thứ bậc của triều đình mà âm vang vẫn còn đâu đó trong các giai tầng xã hội Huế. Đại học thời tân lập, mới hiện diện trên giấy tờ. Ông Viện Trưởng lại là một ông cha, cha Cao Văn Luận. Ngày đó tôi còn trẻ lắm, chưa biết sống theo lẽ luật, chưa biết tôn trọng những giá trị tinh thần, nhất là những giá trị tinh thần có tính áp đặt tôn giáo. Tôi không rõ học với ai hồi nào, nhưng trong tôi đã có một thành kiến rất mạnh về các nhà tu: học không xong, cua gái, gái chê, nên mới đi tu. Ngày còn nhỏ, tôi vẫn tin, sáng sớm ra đường gặp ông lục[i] là cả ngày xui không thể tả. Tôi là một thứ Lệnh Hồ Xung. Lạy các cha, các thầy, tha cho con, tha cho những vọng tưởng, vọng ngôn, vọng ngữ tồi tệ, không xứng đáng này.

Vậy là tôi ra Huế, và ở lại nơi này 6 năm, từ 1957, ngày viện đại học mới thành lập, cho đến 1963, khi viện đã trở thành một định chế văn hóa vững chắc. Tôi rời Huế, vào Sài Gòn, nhận nhiệm vụ mới. Tôi đi, mang theo một người Huế bên tôi, mẹ của mấy đứa con tôi, và bây giờ là bà ngoại của đứa cháu suốt ngày gọi tôi: “Ông ngoại! Ông ngoại!”. Huế không còn là Huế của những ngày tôi mới đến, Huế đã là một phần đời của tôi.

Với Viện Đại học Huế, với những em sinh viên, học trò của tôi, tôi mang theo như những hành trang trân quý, mang theo cho đến bây giờ.

Với cha Luận, cái nhìn của tôi thuở ban sơ và bây giờ cũng khác đi nhiều. Cha là người linh mục độc nhất làm viện trưởng một viện đại học công lập. Nếu giáo sư Nguyễn Quang Trinh là ông viện trưởng đầu tiên, có công hóa giải sự chống đối việc thành lập Viện Đại học Huế của một số khoa bảng Sài Gòn lúc bấy giờ thì cha Luận là ông Viện trưởng đã xây dựng và hình thành những cơ sở chính yếu của Viện Đại học Huế: khởi đầu là trường luật, văn khoa, khoa học, sư phạm. Sau đó thêm trường y. Tôi có lắm dị đồng với cha viện trưởng của tôi, nhất là trong mấy niên học đầu. Dị đồng, và mâu thuẫn, ở cái nhìn, cách hành xử. Cha là nhân vật nhiều người bàn cãi nhất ở Huế trong giai đoạn đó. Người không

thích cha thường nói: “Cha Thích[ii], chết về trời; cha Luận chết,... kẹt... dưới thế gian”. Tôi nghĩ, vốn dĩ là con người, thì không ai là thánh, không ai hoàn hảo. Thiện ác, chánh tà, thời cũng do bởi ở tiêu chuẩn người đời đặt ra. Thương ghét, cũng tùy chủ quan được mắt của một người. Hôm nay, tôi viết về cha, lời viết sẽ không mang tính phán đoán.

Hôm nay, viết về Cha, tôi phân vân giữa hai từ: ngài hoặc cha. Có sự kính trọng người quá cố, nhưng không chỉ có bấy nhiêu. Tôi không viết một bài điệu văn để đọc tưởng niệm. Tôi chỉ muốn ghi lòng mến thương, và sự kính trọng chân thành từ trong sâu xa của tôi đối với Cha. Buổi đầu, trong giao tiếp hàng ngày, tôi xưng con và gọi ngài là Cha. Tôi không là người Ki Tô Giáo, nhập gia thì phải tùy tục, nên cũng có lắm ngỗ ngữ, lâu dần mới quen được với cách xưng hô đó. Bây giờ, tôi cũng chỉ muốn gọi ngài là cha, Cha Luận, nhưng là do lòng kính mến.

Tôi cũng sẽ viết về Huế, viết về ngôi trường, viết về những đồng nghiệp, đồng sự, về những người sinh viên Huế, đến từ cái duyên tương ngộ với Cha.

Cha Luận là người đầu tàu, người tiên phong, lãnh đạo trong việc xây dựng một viện đại học công cho cả miền Trung Việt. Ngài là người cho tôi duyên lành tương ngộ với cảnh đẹp, người đẹp của sông Hương, núi Ngự. Huế với tôi, đã trở thành là thơ, là mộng, là tình yêu, là tình người; tình người đồng sự, tình sư đệ, tình bạn. Huế mở đầu cho tôi một cuộc dấn thân, một tiến trình trách nhiệm, học hỏi, trăn trở, lo âu, sợ hãi, và hi vọng.

Huế, cảnh vật hiền lành, con người tao nhã, lễ nghi. Huế như một tiểu thơ, e ấp trong phòng the, mà lại muốn mọi người phải biết đến, phải trân trọng, không phải chỉ trong cái nhất thời, mà cả suốt chiều sâu lịch sử. Huế muốn chuyển mình theo cuộc sống mới, mà vẫn muốn giữ nguyên nét cổ kính cổ hữu không tìm thấy ở một nơi nào khác. Cho nên, viễn khách có bị cuốn lôi bởi nét tịch mịch, nên thơ của Huế, thì đồng thời cũng có chút khó chịu về những vẻ vờn nghi thức. Người Huế không nói ăn, ngủ. Nói vậy là thô. Người Huế nói xơi, thời, ngơi, nghỉ. Cô gái Huế không mấy khi đầu trần, nhìn thẳng. Cô nhìn xuyên dưới vành nón lá, làm cô thêm vẻ thơ ngây, xinh đẹp. Lời không nói hết ý tình của Huế, vì lời không tải được hết ý, hết tình. Không hiểu được

Huế nếu không hiểu ngôn ngữ của dấu hiệu, cử chỉ, thái độ, những biểu hiện trên gương mặt, trong ánh mắt, qua hơi thở nhẹ, hay trong tiếng cười thoảng.

Cứ nhìn những nét mâu thuẫn trong đời sống, trong cung cách của những con người xứ Huế... Từ sáng đến tối, cả một sư đoàn các cô, các bà bán bún bò, bánh canh, bánh nậm, cơm hến... đi khắp phố phường, đường hoàng trong chiếc áo dài cổ hữu, có những mảnh vá, có chỗ bạc màu, có bụi đường, có mồ hôi, như thách thức với tiết trời nóng nực của mùa gió Lào, như nhấn nhủ phải gìn giữ cái nếp, cái nền, cái phong, cái cách.

Tôi nhìn thấy Huế như thế đó.

Tôi đến Huế như một kẻ lạc loài, ngây ngô, hoang dại. Không giống ai trong cách ăn mặc, trong cử chỉ, thái độ, ngôn từ. Sự ân cần của các vị đồng sự có thể là một việc đương nhiên trong tập tục xứ thần kinh: trọng kẻ sĩ. Điều này cho tôi một khích lệ vô cùng lớn, nhưng cũng lắm ngại ngùng lo âu. Tôi ngại không đáp ứng được những yêu cầu, những mong đợi của sinh viên, của phụ huynh, của các bạn tôi, nói chung của người dân xứ Huế. Tôi đâu muốn làm kẻ sĩ, hay đóng vai kẻ sĩ. Tôi còn quá trẻ. Tôi chỉ là một giảng viên, và mong muốn có một cuộc sống bình thường. Chỉ mới vài tháng trước, chớ đâu lâu lắc chi, tôi còn đi học, đi thi, còn làm giám thị nội trú cho một trường trung học, còn dạy mỗi tuần tám tiếng cho một trường trung học ở Pháp để kiếm sống. Giờ đây, bỗng nhiên trở thành quan trọng, được đứng lớp dạy Toán học Đại cương, Toán Lý Hóa, năm thứ nhất Trường Đại học Sư phạm; đôi lần được hứa hẹn sẽ là một ông quyền Khoa trường; tương lai thật “xáng lạn”. Tuy nhiên, lúc bấy giờ, tôi lại nhìn sự việc tôi tâm hơn. Thư viện quá thô sơ, lai rai vài quyển sách cho học trò. Ngoài phố, lơ sơ mấy tiệm sách nghèo nàn, nghèo như người học trò xứ Huế. Đồng nghiệp cùng chia nhau công việc dạy toán, chỉ có một: anh Nguyễn Văn Hai. Cả hai đều là cá mè một lứa. Trên không có thầy, dưới không phụ tá, vì giảng viên là cấp bậc thấp nhất đếm từ trên xuống trong đẳng cấp đại học, và trong hầu hết các khoa, là bậc cao nhất từ dưới lên, trong trạng huống không mấy bình thường của Đại học Huế buổi đầu.

Còn bên ngoài, nói chung Huế hiền mà không hiền. Thành phố nhỏ, đi xuống, đi lên, chỉ có hai con phố. Bên dưới cái trâm yên, tỉnh mạch ấy, là những



cơ
số
ng.
Dễ
mà
khó,
cái
khó
gấp
trăm
lần
những
cơ
ng
gi
ông
bảo
gào
thét
của
mi
ên
Nam.
Huế
có
T
ổ
n
g
th
ống,
có
“
Ông
C
ậ
u
”

có Đức Tổng giám mục, có Thượng tọa Trí Quang, Thiện Minh, Trí Thủ... Huế còn là cái nôi của chế độ. Nhưng Huế có những dồn nén... Huế nghèo, Huế cũng là nôi những tham vọng của những người làm tôn giáo, làm chính trị. Nhưng cũng vì đó mà Huế đáng thương biết bao nhiêu, cũng cơ cực biết bao nhiêu, thiệt thòi biết bao nhiêu. Và việc mở một trường đại học cho những con người cần cù, hiếu học vào lúc đó, âu cũng là một đền bù. Chỉ tiếc rằng trong lúc mọi người đang chăm lo mở mang cuộc sống của người dân Huế, trong lúc mà viện đại học đang trên đà phát triển, thì bỗng dưng Huế lại phiêu lưu vào những đấu tranh chính trị, giành giật phe phái, làm cho cuộc sống đã khó khăn, trở nên khó khăn hơn gấp bội. Âu đó cũng là mệnh trời.

Có lẽ vì Huế là vậy mà đông đảo những người con của Huế tìm phương lập nghiệp ở những nơi khác. Thoảng hoặc họ có trở về, cũng chỉ để thăm viếng, cúng kỵ mà thôi. Huế đi để mà nhớ, chứ không phải sống để mà thương. Cha Viện trưởng, vài năm trước khi thành lập Viện Đại học Huế, đã có kế hoạch trông người. Cha gọi nhiều học trò giỏi đi du học. Muốn là giáo chủ, khai đạo, phải có tông đồ. Nhưng tông đồ của cha, người đi thì có, người về không mấy ai. Cha tự an ủi: “Ở Sài Gòn, tức là thủ đô thời bấy giờ, quý vị ấy giúp Cha nhiều hơn”.

Và cũng vì thế, cha phải tuyển các hộ pháp, thời quân, sứ giả của cha ở nhiều nguồn khác nhau: tại chỗ, Sài Gòn, Pháp, Anh, Mỹ, Đức, Bỉ... và đa số

thì rất trẻ. Bên những bậc cha anh như Cụ Nhu, Cha Thích, bọn trẻ học hỏi và trưởng thành. Tôi bỗng dưng trở thành thời quân của Cha. Cũng tội cho tôi. Nhưng tôi đã được đền bù. Cuộc đời tôi nhờ đó mà đi lên.

Triều đình của Cha lúc bấy giờ có: Lê Khắc Phò, “tổng bí thư” và một “Ban Bí thư Trung ương” gồm toàn những hiền tài, quý ông, bà: Đỗ Ngọc Châu, Trần Đình, Mộ Viễn Dung, Đinh Văn Kinh, Trần Thị Như Chương, Bùi Trí, Nguyễn Văn Thù, Tôn Thất Quỳnh Thọ, Paul Vogle, Lương Hoàng Phiệt, Nguyễn Bính... Nói chung, nhân sự tương đối khá mỏng và hầu hết đều là bậc trưởng lão. Thế nhưng, sự hiểu biết, lòng tích cực và chân thành trong công tác đã giúp cho Viện Đại học qua những khó khăn lớn nhỏ của thuở ban đầu. Chỉ đến ngài “Tổng bí thư”, với một bên ngoài khắc khổ và khát khe, và lúc nào cũng đạo mạo trong âu phục, chẳng mấy khi rời cái áo bành tô, như sợ lạnh, nhưng thật sự, không “lạnh chân”, “lạnh cẳng”, không ngại khó như dáng vẻ của anh. Lòng anh lúc nào cũng nhiệt tình với đồng nghiệp, với sinh viên, với sự mở mang của Viện.

Viện Đại Học Huế thành lập do Sắc lệnh ngày 1-3-1957 (SL 45/GD, do Bộ trưởng Nguyễn Dương Đôn ký), và khai giảng vào tháng 9-1957.

Về việc sáng lập Viện Đại học Huế, GS Nguyễn Văn Hai có viết: “... Số là sau khi mới về Việt Nam nhậm chức, ông Ngô Đình Diệm ra Huế. Lẽ tất nhiên ông ấy cần một sự tiếp đón nồng hậu của dân Huế nói chung và của học sinh Huế nói riêng. Linh mục Cao Văn Luận lúc bấy giờ là giáo sư Triết học tại trường. Ngài năn nỉ tôi tổ chức diễn hành tiếp đón. Tôi bàn với một số giáo sư, trưởng lớp và trưởng ban sinh hoạt của trường. Tất cả đồng ý đặt điều kiện là Ông Diệm phải hứa sau này có quyền hành thời phải mở một Đại học tại Huế để con em miền Trung nghèo có cơ hội cầu tiến. Lời yêu cầu cũng vừa hợp ý ông Diệm. Sau khi được đoan chắc như vậy, chúng tôi mới mặc đồng phục quần trắng có thắt cà vạt xanh lơ mang biểu ngữ đòi mở Đại học Huế đi hàng lối chính tề diễn hành chào đón. Sau đó, Tổng thống Ngô Đình Diệm giữ lời hứa cho mở Đại học Huế mặc dầu có sự phản đối dữ dội của các vị khoa bảng ở Sài Gòn. Đại học Huế được thành lập, con em miền Trung có chỗ trau dồi chuyên môn, và nhiều lớp sinh viên tốt nghiệp đã

góp công xây dựng nước Việt Nam”.

Trực thuộc Viện có Viện Hán học, Trường Cao đẳng Mỹ thuật và các khoa: Văn khoa, Khoa học, Sư phạm, Luật khoa, Y khoa. Nói chung cấu trúc Viện khá qui mô.

Triều đình mỏng. Lực lượng sử giả truyền giáo lúc bấy giờ cũng rất mỏng so với qui mô các khoa viện, trường trực thuộc. Một số lớp trường Khoa học, Văn khoa và Sư phạm được ghép học chung, một số giáo sư được mời từ Sài Gòn ra dạy, vì thiếu nhân viên giảng huấn.

Sau đây là danh sách quý vị Khoa trưởng và Giám đốc đầu tiên của Viện Đại học Huế:

Văn khoa: Ông Lê Văn Diệm

Khoa học: Bs. Vũ Đình Chính, Ông Trần Văn Bé.

Sư phạm: Ông Lê Văn

Luật khoa: Bà Tăng Thị Thành Trai, Ông Phan Văn Thiệt.

Y khoa: Ông Lê Tấn Vĩnh, Ông Lê Khắc Quyến.

Trường Cao đẳng Mỹ thuật: Ông Tôn Thất Đào

Viện Hán học: LM Nguyễn Văn Thích.

Ban Giảng huấn của những năm đầu của các khoa, trường, viện: Trần Văn Bé, Nguyễn Thị Bào Xuyên, LM Urbain, Lê Thanh Minh Châu, Tôn Thất Đào, Lê Văn Diệm, Sư Huynh Ferdinand, Nguyễn Văn Hai, Trần Kinh Hòa, Tôn Thất Hanh, Hồ Thị Hương, Lê Hữu Mục, Bùi Nam, Trần Quang Ngọc, LM Nguyễn Phương, Cụ Nhu, Lê Đình Phòng, Lê Khắc Quyến, Phan Xuân Sanh, Krainick, Trần Nhật Tân, Trần Văn Tấn, LM Nguyễn Văn Thích, Bùi Hòe Thực, Nguyễn Toại, Tăng Thị Thành Trai, Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Văn Trường, Lê Tuyên, Lê Văn, Lê Bá Vận, Nguyễn Văn Vĩnh, Lê Trọng Vinh, Trương Đình Ý, Lê Yên...

Ban Thịnh giảng của những năm đầu: Đặng Đình Áng, Nguyễn Chánh, Trương Văn Chinh, LM Trần Thái Đình, Âu Ngọc Hồ, Phạm Hoàng Hộ, Trương Bửu Lâm, LM. Lê Văn Lý, Lê Tôn Nghiêm, Từ Ngọc Tĩnh, Nguyễn Quang Tuân, Thái Công Tụng, Bùi Quang Tụng, Phạm Việt Tuyên, LM Thanh Lãng, Lê Tài Triền...

Nghĩ cho cùng người sử giả hữu hiệu nhất để giới thiệu Viện Đại học Huế chỉ có thể là các sinh

viên của Viện. Rồi khuôn viên đại học, họ tung cánh bay đi. Họ là quân nhân, là công nhân viên chức, là giáo chức, luật sư, bác sĩ, hành nghề tự do. “Họ đã góp phần xây dựng nước Việt Nam”. Hiện nay họ rải rác khắp năm châu, và hầu hết đều minh chứng một cá tính, một khả năng đáng kính phục.

Tôi may mắn được sớm biết Tiến sĩ Dzuong Đức Như, giáo sư Anh văn, học giả, nghiên cứu Hán, Nôm, hát chèo, hát nói, thật đa tài; Tiến sĩ Ngô Đồng, nguyên Viện trưởng Viện Đại học Quảng Đà; Tiến sĩ Nguyễn Đức Kiên, nguyên là Khoa trưởng Trường Đại học Sư phạm Huế; Bác sĩ Trần Đình Tùng, nguyên Trưởng khoa Sản Bệnh viện Triều Châu; Tiến sĩ Võ Văn Thơ, hiện nay là giáo sư của một Đại học Canada.

Tôi có duyên học đạo với Ni sư Trí Hải trong một thời gian khá dài. Và khi đến Houston được duyên may tương ngộ với Bác sĩ Nguyễn Văn Thuận. Tôi không những được thưởng thức văn của Từ Nguyên, Trần Hoàng, mà còn đàm thoại, đổi trao cái nhìn về thế sự. Có khi tôi nhờ Từ Nguyên, đọc, góp ý, giúp cho lời văn của tôi trôi chảy, mạch lạc hơn. Từ Nguyên, Trần Hoàng có một thể văn đa dạng, có cái sắc bén của ngòi viết đấu tranh, có cái trung thực của con người cầm bút. Khi nói về tình, tình mẹ, tình cha con, tình chồng vợ, tình anh lính chiến, tình quê hương, Từ Nguyên có thể làm cho người đọc dễ sa nước mắt. Tôi có cái duyên tương ngộ với những con người nhiều khả năng, nhiều sắc thái đặc thù, hơn hẳn các thể hệ đàn anh trong nhiều bình diện.

Và còn nhiều người khác nữa.

Tên của họ: Bùi Thị Âu Lăng, Bùi Xuân Diêu, Phan Bang, Trịnh Viết Bách, Nguyễn Mộng Giác, Lê Thanh Hà, Tôn Thất Hà, Phạm Hòa, Đoàn Khoách, Hồng Khuê, Nguyễn Phụng Hoàng, Nguyễn Văn Hường, Trương Thị Lệ Khanh, Trương Thị Kim Sa, Nguyễn Ký, Nguyễn Khắc Lãng, Nguyễn Phú Liêm, Lê Thị Liên, Tôn Thất Liệu, Vương Thúy Nga, Nguyễn Nhuận, Hồ Thanh Phác, Tôn Thất Quý, Tôn Quang Sung, Nguyễn Bá Tiết, Tôn Nữ Tiểu Bích, Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Ngọc Thọ, Lê Mậu Thống, Dương Đình Tri, Lê Thị Tường Loan, Võ Văn Thơ, Trần Tuệ, Dư Tế Xuân, Vĩnh Quyền, Vĩnh Thiệu, Nguyễn Gia Ứng... Gặp lại họ, gương mặt, mái tóc họ đã có nhuộm chút nét thời gian, nhưng mỗi người đều có một nét đẹp

riêng, nói lên những khả năng, nghị lực, cá tính, ẩn tàng đâu đó như cái đẹp cố hữu của xứ thần kinh. Và còn biết bao nhiêu người tôi muốn nhắc tên.

Tên tuổi họ có thể không nói nên nhiều. Nhưng với tôi, như gắn liền khắc cốt. Cũng dễ hiểu vì cuộc sống thầy giáo của tôi khi về nước bắt đầu với họ. Cho nên, tôi không thể quên một Châu Khắc Túy, nhỏ người, thư sinh, rất vui nhưng cũng rất liếng láu, chuyên viên “câu giờ”, mà tránh được mọi khắt khe của kỷ luật thời bấy giờ. Được biết anh không còn nữa, anh là nạn nhân của VC trong Tết Mậu Thân. Ngay hai năm đầu, hai sinh viên của tôi, một ở ban Toán cấp tốc, một ở ban Lý Hóa, viết thơ, ghi rõ tên họ và địa chỉ quờ rằng tôi quá nóng tính, mà nóng tính thì chẳng dạy “mô tê” gì được; chỉ làm cho người học rối rắm, chẳng học được “mô tê” gì.

Tôi tìm gặp ở các em cái đẹp đặc thù ấy.

Tôi học ở các em sự khiêm cung, độc lập, thẳng thắn, chân tình, cần cù chịu khó và trách nhiệm.

Tôi học ở các em nghề dạy học, học sống trong tình sư đệ; nhờ các em tôi học tình đồng liêu, tình quê, tình người. Nhưng chắc chắn không chỉ là có bao nhiêu đó. Thật khó mô tả cái đa dạng, đa màu, những cảm nhận của một thời thành lời, thành ý.

Sáu niên học ở Viện Đại học Huế (1957-1963), bề dâu lăm chuyện. Nhưng đặc thù cho giai đoạn “lập quốc” này, thiết nghĩ các sự việc sau đây là nổi bật nhất:

Trong một chừng mực nào đó, Viện Đại học độc lập đối với các đảng phái chính trị, tôn giáo và tự trị đối với chính quyền. Tự trị và độc lập là hai từ lớn. Nếu không nói rõ nghĩa thì hoặc chúng trống nghĩa hoặc có nhiều nghĩa nên dễ ngộ nhận.

Theo văn bản, thì Viện Đại học tùy thuộc Bộ Giáo dục. Cụ thể như sau đây:

“Về học vụ, sự thành lập các khoa, trường, ngành học, văn bằng, chứng chỉ phải do Bộ Giáo dục chấp thuận. Về nhân viên, việc tuyển dụng, lương bổng, thăng thưởng, sa thải phải do Bộ Giáo dục và Tổng nha Công vụ chấp thuận. Về Ngân sách: Quyền chuẩn chi được ủy nhiệm cho Viện trưởng”.

Như vậy, về hành chánh, Viện Đại học trực thuộc Bộ Giáo dục, và có thể bị chi phối bởi Bộ Giáo dục và Tổng nha Công vụ.

Tuy nhiên, trong thực tế, chúng tôi không cảm thấy một sức ép nào từ những cơ quan nêu trên.

Sự duyệt y các kết quả thi cử, các văn bản thành lập phòng ban, v.v. có khi là cần thiết. Tự trị không có nghĩa là không luật pháp. Nhà nước cung cấp ngân sách cho Viện, sự biện minh các chi tiêu, sự kiểm soát đương nhiên là cần thiết. Có điều là khi mình thấy thông dong trong luật pháp, mình không cảm nhận bị buộc ràng, gọi như thế là tự trị, một sự tự trị thực tế, chủ quan và tương đối.

Viện đứng ngoài mọi đảng phái chính trị kể cả đảng chính quyền, các tổ chức tôn giáo. Gọi như thế là độc lập. Nhưng trên hết, tự trị và độc lập của nền giáo dục đại học nằm ở chỗ tự do truyền bá, phát huy, và thu nhận của giáo chức và sinh viên. Lẽ dĩ nhiên là trong một giới hạn khả chấp. Điều này là một giá trị hiển nhiên của nền giáo dục Miền Nam, và là một điểm son của chế độ.

Sứ mạng, nhiệm vụ, mục tiêu, đường lối của Viện Đại học được minh định rõ trong những văn bản mà đôi bên, chính quyền và viện đại học đều nghiêm túc tôn trọng. Từ nào cũng có nhiều nghĩa, tùy cái nhìn chủ quan của mỗi người. Cho nên, những văn bản có thể giải thích khác nhau, và trong việc này đôi bên đều tỏ thiện chí, và biết tương nhượng trong những giới hạn của khả năng của đôi bên.

Giáo dục là đường dài. Cổ văn viết đó là việc trăm năm trồng người. Nhà cầm quyền thời bấy giờ, có hiểu điều này và có dành cho chúng tôi một sự cảm thông ít có. Dầu vậy, vẫn có những va chạm, xung đột gây ra nhiều thử thách. Sau đây là những thử thách mà tôi còn nhớ.

Sức ép chính trị.

Có một lần chúng tôi được rỉ tai rằng là sinh viên và chúng tôi phải gia nhập Phong trào Cách mạng Quốc gia, đi học và đi làm phải mặc đồng phục màu xanh. Chúng tôi trình bày những thuận nghịch; lợi đâu không thấy, cái hại thì vô cùng. Các Viện Đại học Quốc gia không thể là nôi của một phong trào chính trị, huống chi phong trào này là tiên thân của Đảng Cần Lao Nhân Vị. Trong bối cảnh riêng của Huế, tổ chức đại học chưa được ổn định. Phụ huynh và sinh viên đã tỏ thấu hiểu thực tế của đất nước, đã chấp nhận cái ban sơ thiếu thốn mọi điều của Viện Đại học. Chính trị hóa môi trường sinh hoạt đại học chỉ làm cho mọi sự rối rắm thêm. Chúng tôi không thể để việc dạy, việc nghiên cứu ngưng đọng lại, hay trở thành phụ thuộc. Chúng tôi không muốn và không thể mang một nhãn hiệu chính trị nào, để phụ

huynh và sinh viên ngộ nhận rằng chúng tôi là những con rối chính trị, hay cố tình dùng Viện Đại học làm bực thang cho sự nghiệp chính trị. Chúng tôi cũng không thể để học sinh mình và chính mình bị ép buộc vào một đảng phái chỉ vì muốn học, muốn mở rộng kiến thức, muốn có một cái nghề, hay một sinh kế. Chính quyền cũng không thể vì nhu cầu của một khác mà chà đạp trên những văn bản mà chính mình long trọng lập ra chỉ vài năm trước đây. Có người nói rằng trong chúng tôi có những con mọt, những con người muốn lập công, muốn tiến thân trên nấc thang chính trị. Thiết nghĩ, nghĩ khác và làm khác là việc bình thường; nhưng trong đội ngũ chúng tôi, rất khó có những con người phủ nhận những nguyên tắc sinh hoạt nghề nghiệp của mình.

Con lóc qua, chúng tôi trở lại cuộc sống bình thường thuở trước, mỗi người trở lại cái tự do chọn lựa chính trị hay phi chính trị của riêng mình.

Một lần khác, vào dịp hè Bộ Giáo dục tổ chức một khóa hội thảo về Cần Lao Nhân Vị cho giáo chức đại học ở Suối Lồ ồ. Chỉ thị là tất cả chúng tôi đều phải có mặt; dĩ nhiên là ngoại trừ có lý do thích đáng, nhưng bên trong qua lời lẽ các viên chức của Bộ Giáo dục thì không có một lý do nào chính đáng cả. Học triết thuyết về đường lối chính sách của chính quyền chỉ có thể là một điều tốt. Nhưng một số chúng tôi, vì cái ương ngạnh của tuổi trẻ, đã nhẹ nhàng xin Cha Viện trưởng ký một sự vụ lệnh tổ chức trại hè ở Đà Lạt cho sinh viên Sư phạm, ngay trong những ngày ấy. Ông Đồng lý Văn phòng Bộ Giáo dục có thúc giục bảo dẹp tất cả, để đi học. Chúng tôi không vâng dạ được, vì có nhiệm vụ lệnh trong tay. Sau đó ông có la to, dọa lớn, tay có gươm cao, nhưng rồi lẳng lặng rút về.

Được những điều này có thể là nhờ cái vị thế đặc thù của Cha Viện trưởng. Cũng có thể là nhờ thái độ của quý vị đàn anh trong Viện Đại học Sài Gòn. Cũng có thể là nhờ sự hiểu biết của chính quyền lúc bấy giờ. Cũng có thể là cái hồn ma tự trị đại học ghi trong qui chế mà người Pháp để lại cho Viện Đại học Sài Gòn còn chập chờn đâu đó trong lòng người. Cũng có thể là Bộ Giáo dục hay Chính quyền chưa rảnh tay để đưa chúng tôi vào khuôn nếp. Sau mười hôm khủng hoảng, gió lặng, cuộc sống trở lại bình thường, nhưng tôi cảm thấy gần Cha Viện trưởng của tôi hơn: chúng tôi đã cùng nhau trong một chiến tuyến.

Sức ép quyền thế.

Viện Đại học cũng đứng ngoài các thế lực phong kiến. Lúc nào thời nào cũng có thế lực phong kiến. Thế lực phong kiến trong bối cảnh Viện Đại học Huế, thời bấy giờ, phải hiểu là quý vị cố vấn của Tổng thống, quý vị cận thần có nhiều ảnh hưởng, có quyền thế, có khả năng khuyến đảo thế sự. Người ta có đồn đãi về uy quyền của quý vị này rất nhiều, tốt có, xấu có.

Trước mỗi kỳ thi vào Trường Đại học Sư phạm, Cha Viện trưởng đều có họp chúng tôi, nhắc đi nhắc lại là học bổng 1.500 đồng của người sinh viên Huế có thể là lợi tức sống cho một gia đình đông con, nhắc nhở chúng tôi phải thận trọng, cần nhắc, liêm chính, công minh. Suốt thời gian cộng sự với Cha, Cha cùng các đồng nghiệp của tôi, chẳng một ai gợi gắm trong các kỳ thi. Hình như mọi đồng nghiệp tôi xem đó là đương nhiên.

Tuy nhiên, có một lần, một nhân vật quan trọng hàng đầu đã nhắn gởi một em vào ban Lý Hóa Trường Đại học Sư phạm. Sự gợi gắm từ bên trên, và Ban Giám đốc Đại học Sư phạm được yêu cầu đặc biệt giúp đỡ. Chúng tôi đã chối từ sự gợi gắm này với cung cách lễ độ rất là Huế.

Trong thực tế em này lãnh 0/20 với Nguyễn Hữu Trí (Lý), 1,5/20 với Trần Nhật Tân (Toán), 8,5/20 với Tôn Thất Hanh (Hóa học). Nói cách khác là em rớt ở mọi bộ môn. Chúng tôi không có gì hãnh diện ở thành quả này, chúng tôi không có ý ác, cũng không có ý thiện, cũng không có cái thương ghét riêng tư trong vấn đề này. Tuy nhiên, phải nói là phước trời.

Nói là phước vì sau 1975, khi tìm đường vượt biên ở một tỉnh lẻ trong Nam, tôi được biết em đó giờ là một ông bác sĩ có tiếng là giỏi, đi chui không lọt, và nhờ là giỏi nên đã được tỉnh ủy cho rước về, không phải tù. Con người không ra chi về toán lý, thì lại rất giỏi về y khoa. Cũng nói phước là chúng tôi tai qua nạn khỏi mà không hề hấn gì. Phước cũng là được thấy được bạn bè tôi đẹp và gương mẫu trong thử thách. Phước cũng vì nhờ đó chúng tôi gần nhau hơn, có thêm một bước gần Cha Viện trưởng hơn, an tâm hơn. Người có quyền thế đã thấy được thân phận và giữ được phẩm cách của mình.

Sau mỗi kỳ thi, thường là có một buổi cơm thịnh soạn khao quân. Tôi có cảm tưởng là sau kỳ

thi đó, Cha Viện trưởng, dầu biết rõ chuyện này, và có thể vì đó mà thọ thương, vẫn cho ăn ngon hơn, trân trọng hơn, đương nhiên là có rượu Hà Nam, rượu vang, và những món quý quái khác của anh Vũ Đình Chính. Khao quân lớn hơn, nhưng nhẹ nhàng không thách thức, làm như không có chuyện gì xảy ra.

Tôi có cảm tưởng Cha là cây dù lớn. Cha có quyền, có thế. Nhưng không lấy quyền thế ấy mà bao che cho những điều xằng bậy. Ông đã dùng quyền thế ấy để tạo một không khí thích hợp với cái nhìn chung của đông đảo anh em chúng tôi về giáo dục và riêng về giáo dục đại học. Ông đã biết sử dụng vị thế hết sức đặc biệt của mình để đối thoại với các thế lực chính trị, tôn giáo, đoàn thể. Chính quyền đương thời cũng hiểu sức khỏe mong manh của một tổ chức đại học mới đâm chồi, và biết trân trọng với những thành quả đầu tiên. Những lời đồn đãi được nghe về Ông Cựu làm cho tôi có thật sự lo âu, e ngại. Nhưng, sáu năm ở Viện Đại học Huế, chẳng nghe Ông có gợi gắm một ai, hoặc tạo một sức ép chính trị hay làm bất cứ việc gì đem lại sự bất ổn cho giới đại học. Những lần ít ỏi mà chúng tôi được gặp Ông, chúng tôi được tiếp đãi với một sự trân trọng, ân ân, ưu ái ít có. Cho nên, riêng về Viện Đại học Huế, có thể nói gia đình của Tổng thống Ngô Đình Diệm có đóng góp một phần quan trọng, trong đó phải ghi nhận cái không khí độc lập với các tôn giáo, đối với các đoàn thể chính trị (cả Phong trào Cách mạng Quốc gia và Cần Lao Nhân Vị), một không khí cởi mở, thích hợp cho việc dạy và học.

Chỉ tiếc rằng cuộc thế không cứ mãi là như vậy. Khi thời suy, vận nước mạt, nhiều điều không may xảy đến. Cha Luận cũng vì muốn bảo vệ cái công trình mà ngài đã gây dựng, muốn bảo vệ cái nguyên tắc tự trị đại học cao quý mà đành phải dứt tình với nhà Ngô. Cha mất dần cái quyền, cái thế, Cha chỉ còn cái tình của chúng tôi, và của anh chị em sinh viên.

Tháng 8-1963, Cha Luận bị huyền chức. Chánh quyền đã bỏ nhậm Cha, thì đương nhiên có quyền thay thế Cha. Đó là bình thường. Nhưng trong bối cảnh bất ổn ngày đó, giáo chức, sinh viên và nhân viên lại hoang mang, xao động tột độ. Ai cũng nghĩ phải vĩnh biệt một thời vàng son của không khí tự do. Từ đây, khởi đầu giai đoạn ô nhiễm chính trị. Ông Viện trưởng mới, giáo sư Trần Hữu Thế, là một cựu bộ trưởng, và là đương kim đại sứ ở

Phi Luật Tân. Người của ngành ngoại giao, ắt phải mềm mỏng; nhưng giữa mềm mỏng và mềm như bún thiêu, khoảng cách có khi rất ít. Chưa thấy người vào việc, chưa thấy diễn tiến sự việc, mà đã nghĩ thế này thế khác, là tiên kiến; ắt phải sai lầm. Có thể là thế. Nhưng khi đã mất niềm tin, không thấy còn tin ở một quyền lực nào có phương tiện điều hợp và quản lý thỏa đáng công việc, thì chỉ còn cách là từ nhiệm, trở về với chức năng dạy học của mình. Thế rồi, chúng tôi bị bắt giữ, kể năm ngày người vài tháng. Phòng ốc của Công an có chật hẹp, thiếu mọi tiện nghi, nhưng cách đối đãi đúng đắn; dầu vậy, lòng vẫn dao động, tâm không an; tuổi còn trẻ, nhưng muốn bắt chước người xưa lánh xa thế sự. Việc của Cố Đô sau đó trở thành của cả nước; thế giới bắt đầu nhìn vào.

Tháng 11-1963, Đảo chánh. Chấm dứt triều đại Nhà Ngô, và cũng là chấm dứt một giai đoạn ổn định hiếm thấy.

Sinh viên, học sinh, thân hào nhân sĩ, cả thành phố Huế rước Cha Viện trưởng trở về cơ ngơi cũ, trong vinh quang cùng tột. Nhưng chỉ 9 tháng sau, Cha lại rời nhiệm sở, rời Huế, không phải do chính quyền, mà chính do đông đảo thành phần năng động nhất của Huế đuổi Cha đi. Cha đi bỏ lại đằng sau tất cả của đời cha. Cha đi, vì đã hoàn tất một nhiệm vụ, hay cha đi vì bản chất phản bội cố hữu của con người?

Chúa Nhật Lá, dân chúng thành Nazareth đón rước Chúa Jésus trong vinh quang tột đỉnh; vài hôm sau, họ đóng đinh Chúa Jésus trên Thập Tự Giá. Sự đổi thay, thương ghét trong lòng người, của quần chúng là thường tình. Lịch sử như lập lại. Có người lấy đó mà trách rằng Cha có học Kinh Thánh, nhưng không học được bài học của Chúa Jesus. Cha không nên trở lại chức vụ Viện trưởng.

Thiết nghĩ Cha cũng chỉ là cha, Cha không là Chúa Jesus, dầu rằng nhiệm vụ của cả hai đều là gieo ánh sáng. Nhưng ánh sáng của Đức Chúa Trời khác cái ánh sáng hạn hẹp của tri thức và của cuộc đời, của những đứa con của Chúa. Việc trên Trời và việc dưới thế có khác. Người ăn thịt cây không nên chê trách các nhà tu hành là không biết “ném mùi đời cho đủ thứ mà chơi”, bậc chân tu không kết tội người ăn thịt cây là phạm giới. Người ngoại cuộc, nên có một cái nhìn hiểu biết hơn.

Nhiều người trách cha Luận sao đã tàn nhẫn

dứt tình với nhà Ngô trong những ngày mạt thế của Ngô triều, trách cha đã quên chữ trung, chữ nghĩa của kẻ sĩ.

Cũng nhiều người cũng đã trách cha sao không biết cái thế, cái thời, cái tiến, cái lui, ham chi chút đỉnh chung mà trở về tại Huế sau Cách Mạng 11-1963. Sao Cha không làm một Bá Di, Thúc Tề, để tiếng cho người sau.

Trách thì cứ trách, chê thì cứ chê. Vì người chê, kẻ trách ai cũng có lý. Nhưng nói đi thì cũng phải nghĩ lại. Nghĩ cho cùng, ơn mưa móc nhà Ngô, Cha đã hưởng được gì. Cũng những bữa cơm đạm bạc, cũng chiếc áo choàng nhà tu. Lựa là, nem công chả phụng gì cho cam. Cái quyền, cái thế Cha có được, Cha cũng đã chỉ đem ra gây dựng cho Viện Đại học Huế. Nói “trung”, nói “nghĩa, sao không nói “đạo trời không thân riêng ai”. Đó cũng là câu của người xưa vậy.

Lại nói, khi Cha trở về sau tháng 11-1963, không ai không thấy quyết định nông cạn của Cha. Nhưng cũng nên nghĩ lại mà thương Cha. Cha là cha triều mà không có họ đạo, có khác chi kẻ vô gia cư. Cả cuộc đời, Cha lo công việc giáo dục, lấy học trò làm con, lấy ngôi trường làm nhà ở. Nhà ở của Cha, cuộc đời của Cha là Viện Đại học Huế. Hành động của Cha cũng nên được nhìn như là một lần trở về với gia đình, với mái nhà của Cha, để tìm ở đó một chút thân thương cuối cùng trong cuộc sống. Cha đã không tìm được điều đó, điều mong ước độc nhất trong cuộc đời Cha. Và người ta đã đuổi Cha đi, đuổi Cha ra khỏi mái ấm gia đình của Cha. Sao lại nữ trách Cha, mà không hiểu cho Cha!

Trong việc thế tục, Viện Đại học Huế chỉ là một điểm nhỏ li ti trong không gian, và thời khoảng sáu bảy năm chỉ là khoảnh khắc trong chiều dài vô tận của thời gian. Cá nhân còn nhỏ hơn nữa và lại giới hạn gần như ở mọi chiều, không gian, thời gian, tình cảm, kiến thức, tầm nhìn... Không có gì để phê phán, biện minh, hay vinh danh. Dầu vậy, thiết nghĩ “cái thuở ban đầu lưu luyến ấy” có lắm chuyện trọng đại mật thiết với Đại học hoặc có một ảnh hưởng nhất định trên một số đông chúng tôi nên phải ghi:

Vào lúc giữa Đức Tổng giám mục và Cha Luận có chuyện cơm không lành, canh không ngọt, thì một hôm chúng tôi được hấp tấp vời đến nhà Đức Cha. Ông từ lầu trên bước xuống, nói chuyện với chúng tôi, hay cho một huấn từ dạy dỗ, bằng

một tiếng Pháp rất chuẩn và trong sáng. Đức Cha chê trách Viện Đại học Huế nhiều điều, trong đó có chủ trương sử dụng tiếng Việt làm chuyên ngữ, và riêng Cha Luận, Đức Cha dành cho tỉnh từ không mấy dễ chịu: “prétentieux”.

Tôi không nghĩ như vậy. Giáo dục đại học sẽ không trọn vẹn chức năng nếu chuyên ngữ không là quốc ngữ. Dùng quốc ngữ làm chuyên ngữ cho các bộ môn đã được thực hiện tốt đẹp từ lớp 1 đến lớp 12, từ Văn, Triết, Sử, Địa cho đến Toán, Lý, Hóa, Sinh vật. Ban đầu, cũng có cái loạn thuật ngữ, có cái loạn “trăm hoa đua nở”. Nhưng dần dần trật tự được ổn định, các sách giáo khoa đã thống nhất danh từ. Nội dung bài dạy được diễn tả trong sáng. Việc sử dụng quốc ngữ làm chuyên ngữ là một phép lạ kỳ diệu cho việc đại chúng hóa giáo dục học đường. Nhưng quý vị đàn anh chúng tôi ở Viện Đại học Sài Gòn có dè dặt, e ngại sử dụng tiếng Việt. Dè dặt là phải; chỉ nói riêng về khoa học, thì quyền “Danh từ khoa học” của Cụ Hoàng Xuân Hãn cần phải được tu chỉnh và bổ sung nhiều. Tiếng nói của người sử dụng rất cần thiết, cho nên cần tu chỉnh. Khoa học càng ngày càng tiến nhanh, phải thêm từ mới. Sự cập nhật hóa là đương nhiên cần thiết. Và trong khi chờ đợi có một cơ quan thẩm quyền minh định nghĩa các từ cho thống nhất, ai cũng ngại cái loạn từ ngữ. Nhưng nếu không bắt đầu, thì ai sẽ bắt đầu, và khi nào mới bắt đầu.

Ngoài ra, hồn ma người Pháp vẫn còn lảng vảng đâu đó trong đại học. Tiếng Pháp chính xác, rõ ràng, súc tích. Giới đại học lúc bấy giờ rất quen thuộc. Đông đảo những người biết thơ văn triết học, văn minh Đông Tây qua tiếng Pháp. Họ biết Lamartine, Chateaubriand, Apollinaire... hơn Ôn Như Hầu, Bà Huyện Thanh Quan hay Đoàn Thị Điểm. Thay thế tiếng Pháp với họ là một mất mát. Không một ai muốn mất những sở đắc của mình. Sử dụng tiếng Việt trong đại học là mới mà cái mới nào cũng có tính phiêu lưu và những đau đầu nhất định của nó. Cho nên, nếu ý có muốn thì lòng không muốn. Tại sao phải rời bỏ những thói quen dễ chịu mà lại được xã hội “thượng lưu” xem trọng? Người giàu và có ảnh hưởng thì nghĩ con em mình phải du học ở Pháp; đọc, viết, nói, nghĩ như người Pháp để không gặp khó khăn khi vào một trường ở Pháp. Lúc bấy giờ, người Mỹ chỉ hiện diện qua một số cố vấn, tiếng Anh chưa được trọng. Người phụ huynh

cũng có lý khi e ngại rằng con em họ không đọc được sách báo ngoại quốc, trong khi các quốc gia ngày càng tùy thuộc lẫn nhau, thế giới như thu hẹp lại. Thật ra, họ chưa thấy sử dụng tiếng Việt làm chuyên ngữ không mâu thuẫn với việc học sinh ngữ, sử dụng sinh ngữ trong việc xuất bản các nghiên cứu của mình.

Riêng tôi, tôi có khó khăn nói tiếng Pháp với người Việt: có một cái gì không tự nhiên, làm cho tôi ngượng trong lúc phát âm. Tiếng Việt thì tôi rất trôi chảy, nhưng vốn liếng rất nhiều khe. Có lần tôi phê trong bài của một sinh viên là “dài giọng danh tự” để nói là “dài giọng văn tự”, may mà tôi chưa viết “vài vòng danh tự” hay những cái điên khùng tương tự. Miền Trung có thịt ba chỉ, mà trong Sài Gòn gọi là thịt ba rọi. Trong những tháng đầu tôi phải nói ba chỉ, nửa nạc nửa mỡ, và tôi phải tạm hài lòng với lối diễn tả kỳ cú ấy. Nửa nạc nửa mỡ không có nghĩa là nửa giọng Huế, nửa giọng Nam, mà là nửa Pháp nửa Việt. Vấn đề không là dịch, mà là nghĩ suy và diễn tả bằng Việt ngữ. Dần dần tôi có được tự tin, và tin rằng quốc ngữ diễn tả được mọi vấn đề. Phải vượt qua những mặc cảm, phải sử dụng tiếng Việt mới làm giàu được tiếng Việt. Có lần tôi buộc phải viết bài cho Tập san Đại học Sư phạm Huế, muốn góp mặt, phải đánh liều nhắm mắt đưa chân. May thay có anh Lê Tuyên còn “hoang đại” tình nguyện sửa chữa lời văn và chính tả. Thế là tôi đã đứng trên văn đàn đại học. Tôi được bạn bè khuyến khích. Điều này đã cho tôi nhiều phấn khởi nhất định.

Những người biết khả năng tiếng Việt của tôi thuở ấy, phải ngạc nhiên khi đọc những bài tôi viết gần đây. Anh Hai, anh Châu, anh Văn, và nhiều bạn trẻ khác có lần khen văn của tôi. Thưa quý anh chị, đó là nhờ Viện Đại học Huế. Ở đó, tôi khởi sự học làm giàu tiếng mẹ đẻ của tôi.

Một việc khác nữa là Viện Đại học Huế có được một nhà in khá tốt tân, tương đối với thời bấy giờ, do Ông Đại sứ Ngô Đình Luyện tặng. Và Nhà xuất bản Đại Học theo đó chào đời. Tôi không nhớ được những tác phẩm in ra. Tôi không nhớ rõ tên chỉ và cũng không theo dõi những hoạt động của nhà xuất bản. Tôi chỉ nhớ là nhà xuất bản ưu tiên và hỗ trợ cho những công trình nghiên cứu mà độc giả rất chi là chọn lọc. Thí dụ những tác phẩm phiên âm chữ Nôm, dịch và phiên âm chữ Hán, hoặc một

số sách giáo khoa. Thỉnh thoảng tôi có được tặng, nhưng phải nói thật rằng không mấy khi đọc, vì vốn liếng văn học còn non, và nhất là chưa có thói quen. Truyện Tàu hay truyện của Kim Dung lôi cuốn hấp dẫn hơn nhiều.

Viện Đại học Huế có gửi một số giáo chức sang Paris để sang lại những microfilm mà Thư viện thành phố Paris cho hay là sắp hư và không có ngân sách để sao chép lưu trữ. Sau NXB có xuất bản những tài liệu này. Hai anh Lê Tuyên và Lê Hữu Mục rõ những điều này hơn tôi.

Đối với người trong Nam, Huế là nước ngoài vì phong tục tập quán, vì giọng nói, vì những ngôn ngữ địa phương. Giọng Huế nặng, nhưng không nặng như Nghệ An, Hà Tĩnh. Tuy nhiên, muốn lãnh hội được hết cái âm hưởng tình ý trong lời nói của người Huế, cũng phải lắm công phu. Có khi, điều này buộc tâm phải trầm lắng như giòng sông Hương những ngày nắng tốt, hoặc nhẹ nhàng tịch mịch như các sân chùa lúc trưa hè. Người trong Nam ra Huế phải gạt bỏ cái tính ào ào, bông bột như mưa giông miền Nam mới nghe thấy được một phần cái thật, gói trong lời của người Huế. Người không thích thì nói rằng người Huế thâm. Với tôi, nghe người Huế nói chuyện, như nghe hát Nam ai, Nam bình, hoặc nghe một bản nhạc cổ điển, cần có thời gian thâm thấu. Nói riêng, phải mất một thời gian khoảng một năm, và nhờ một sinh viên của tôi lặp lại từng chữ một, tôi mới nghe được câu: “Thưa thầy, con không biết đến nơi”. Bạn đọc đừng vội chê trách rằng không hiểu được những lời lẽ đơn sơ như thế thì dạy dỗ được ai. Lời chê có cơ sở. Nhưng ông Tròi như đã sắp đặt trước cả cho chúng tôi rồi. Sinh viên chúng tôi có đủ khả năng biết phân phải trái, và biết bỏ tấc cho những thiếu sót của ông thầy.

Quý vị cũng nên nghĩ cho rằng chúng tôi bắt đầu từ cái bắt đầu, thư viện lựa thưa, phòng thí nghiệm thì phải trang bị từ A đến Z. Bôi bảng thì cả một cực hình, chưa bao giờ chúng tôi có những cái bảng ương ngành đến mức độ ấy. Người làm bảng thì chọn nước sơn tốt nhất, bóng láng nhất, thế nên có hiện tượng phản chiếu, bên trái thấy rõ thì bên phải không thấy, đó là lòng tốt mà hại người. Còn phần, lắm khi viết không ăn bảng, nó trượt dài trên bảng.

Cho nên, nên thương chúng tôi nhiều hơn là trách.

Nói âm rồi phải nói dương. Huế đã dành cho Viện Đại học những công ốc đẹp nhất, tiện nghi nhất, và những địa điểm trang trọng nhất: Tòa Đại biểu Chính phủ, Tòa nhà Ngân hàng Đông Dương, Thương xá Morin, Tòa Khâm. Nói riêng, nơi cư ngụ của giáo chức có những tiện nghi nhất định.

Để kết luận, thiết nghĩ nên ghi rằng:

Có một thời dân cư xứ Huế, thân hào nhân sĩ, học giả, công nhân viên chức, ở mọi giai tầng xã hội, cùng với một bọn trẻ, động cơ khác nhau, từ những nguồn gốc khác nhau, có người ngoại quốc, cùng nhau sát cánh với Linh mục Cao Văn Luận xây dựng một Viện Đại học cho con em hiếu học. Viện Đại học này, trong phạm vi khả thể, đã làm tròn trách vụ của mình. Bao nhiêu người trẻ hiếu học đã có được cơ hội học hỏi thăng tiến. Luật khoa, Văn khoa, Khoa học, Y khoa đã đào tạo được bao nhiêu con người hữu dụng cho đất nước. Sự phạm là một thành công lớn trong việc đào tạo được một đội ngũ giáo chức hùng hậu và nghiêm túc nhất, đủ để đáp ứng cho nhu cầu giáo dục của cả miền Trung.

Cuối cùng Đại học Huế là niềm hãnh diện, hứng khởi, lò sinh khí cho miền Trung. Đã có một lúc nào đó, Huế, Viện Đại Học, Cha Luận, và chúng tôi (chữ chúng tôi xin được viết thật nhỏ) và những người sinh viên trẻ... đã là một khối, một khối tinh chất dưới ánh mặt trời.

Còn riêng tôi, tôi đã viết nên được một phần nào tâm trạng của tôi, một tâm trạng biến đổi từ cực âm sang cực dương, qua 6 năm ở Huế. Có điều là dầu đã cố gắng đến mức độ tối đa tôi cũng đã không trình bày được những ý tình của tôi, không ghi chép lại được những sự kiện, một cách mạch lạc và rõ ràng. Nhưng thử hỏi, có ai mà kể chuyện về Huế được rõ ràng, mạch lạc, nhất là khi không nói được tiếng Huế, giọng Huế, cử chỉ, thái độ Huế? Đó cũng vì cái tình, cái ý không bao giờ rõ ràng, mạch lạc đã trở thành bản chất của xứ Huế? Riêng tôi, tui có tội tình chi mô nà.

Tri Ôn: Tôi chân thành cảm ơn giáo sư Lê Thanh Minh Châu, Nguyễn Văn Hai, Lê Văn, và Từ Nguyên đã góp một phần vào dữ kiện và hình thức, lời văn của bài này./.

Houston, ngày 23-9-1997

Gs NGUYỄN VĂN TRƯỜNG.

LÁ THƠ “ LÝ BÁ SƠ ”



Ls NGÔ VĂN TIỆP

Lời Phi Lộ: *Để đáp ứng với sự thương mến của một số đồng môn và thân hữu muốn biết thêm về đời sống “học tập cải tạo”, người viết xin được đăng lá thư viết cho các bạn cùng trại.*

Các Chiến Hữu thân mến,

Đã mấy chục năm qua, thật lâu nhưng cũng thật mau đúng như câu “Thời gian như bình cầu qua cửa sổ”! Nhiều lần tôi muốn viết thư để chia sẻ và cảm ơn các chiến hữu “đồng hành trên con đường đấu tranh” tại trại cải tạo Lý Bá Sơ. Một phần vì còn ám ảnh sự theo dõi của bọn “ăn-ten” trong tiềm thức, một phần vì mỗi lần nghĩ đến sinh hoạt trong trại thời đó đối với tôi như một cơn ác mộng.

Đêm mùng 9 tháng giêng năm 1979, hình ảnh một người tù cải tạo bị còng 2 tay ra đằng sau, đi theo vết đên pin của một tên công an Việt Cộng dẫn đường và một tên công an khác đi theo với khẩu súng dài sẵn sàng nhả đạn. Trên con đường mòn tiến sâu vào núi Mảnh tỉnh Thanh Hóa, giữa đêm khuya không một bóng người. Đặc biệt là được nghe tiếng vọng từ trong trại của các Anh Em trong trại “Yêu cầu thả Chí, Tiệp, Lạc”. Thóang xa thấy như có những toán người di chuyển. Cứ như thế, tôi bị dẫn đi gần như suốt đêm hôm đó, lòng cầu nguyện cho các chiến hữu đủ nghị lực để vượt qua những cảm ghô do “bọn chúng” gây ra và mong cho gia đình mình cùng gia đình các chiến hữu được “chúng” để cho sống yên ổn nơi quê nhà, còn phần cá nhân



m i n h
c h á p
nhận tất
cả. Nếu
mình có
ra đi thì
vẫn còn
Chí, Lạc
và các

chiến hữu. Điều an ủi lớn là có tất cả trên 500 bạn đồng hành đang đồng lòng với việc mình làm và đang đồng hô to “Yêu cầu thả Chí, Tiệp, Lạc”. Toàn trại bắt đầu một cuộc tuyệt thực trong trại cải tạo để đòi thả 3 đồng đội “Chí, Tiệp, Lạc”.

Xin viết ở đây để tri ân các chiến hữu đồng hành đấu tranh và đề tưởng niệm đến những chiến hữu đã hy sinh tại trại Lý Bá Sơ cũng như tại các nơi khác vì lý tưởng tự do và dân chủ.

Bây giờ chúng ta mới có thể chia sẻ với nhau những gì đã xảy ra và những mất mát mà chúng ta đã phải chấp nhận.

Nói về đời sống trong các trại cải tạo của Việt Cộng, thì đã quá nhiều người viết. Riêng anh em chúng ta ngay từ ngày nhập trại vào tháng 5 năm 1975 đã chịu sự cai quản của bọn công an Việt Cộng, lẽ dĩ nhiên cách đối đãi khắc nghiệt hơn đối với các trại cải tạo do bộ đội Việt Cộng quản lý. Nhiều người chết vì bị hành hạ, đói và kiệt sức. Chúng ta là Cảnh Sát của Việt Nam Cộng Hòa nên bọn Việt Cộng xếp chúng ta vào loại “ác ôn và có nợ máu với nhân dân”. Chính vì thế mà chúng đã áp dụng một chính sách trả thù rõ rệt. Nghĩ lại, chúng ta càng nên hãnh diện phải không các bạn ?

Tôi còn nhớ rõ là: chúng không cho chúng ta viết thư mà chỉ cho viết vài chữ như lời nhắn mà không được nói ở đâu, hoặc không được nói sức khỏe kém. Điều khôi hài là mặc dầu đang bị tù tội và hành hạ mà trong thư luôn phải có câu “cảm ơn Cách Mạng” đã cho được “học tập cải tạo”. Ngày thì đi lao động khổ sai, đập đá trên núi, kiếm củi trong rừng, tối thì ngồi kiểm thảo.

Địa điểm đầu tiên là trại cải tạo Long Thành, rồi Quảng Ninh. Khi Trung Quốc đánh 6 tỉnh miền

bắc, họ chuyển chúng ta về trại Lý Bá Sơ sát Núi Mành tỉnh Thanh Hóa .

Đây là cứ địa mà khi xưa Lê Lợi khởi nghĩa, địa thế rất hiểm trở. Nơi đây có núi Mành cao và rừng sâu âm u, có cầu Chày nước độc. Dân ở đây có câu “cầu Chày cá chạy đứt đuôi” có nghĩa là con cá chạy qua nơi đây cũng bị nước độc chảy mạnh đến nỗi đứt cả đuôi , để ám chỉ nước đã quá độc. Hơn thế nữa, còn có sự khắc nghiệt về khí hậu và địa thế.

Tại nơi đây, anh em đã chết nhiều, vì thiếu ăn, lao động khổ sai giữa trời, thời tiết lúc thì nóng quá, lúc thì lạnh quá, dãi nắng dầm mưa, nên kiệt sức. Ngoài ra còn bị cùm kẹp dưới nhiều hình thức như: kiên giam, kỷ luật trong phòng kỷ luật hay kỷ luật trong phòng tối. Thậm chí có những người chết lúc nào mà không ai hay, khi bị kêu đi lao động, mới phát hiện là đã không còn thở từ lâu. Con số người chết cao hơn các trại cải tạo khác. Tổng cộng lên tới trên 50 người tức là trên 10% tổng số 500 người trong trại.

Hai cảnh ngậm ngùi được thấy trong lúc đi lao động mà chẳng ai quên được:

-Một người đàn bà kéo cây thay con trâu và giống như con trâu. Đối với họ, đây là một sự cải tiến của “Cách Mạng”, người kéo cây thay súc vật. Tôi còn nhớ khi mới đến trại, trước giờ đi lao động, một tên cán bộ kêu: “hai anh theo tôi đi lấy 2 xe “cải tiến” đi chở đá” ai cũng tưởng là có một loại xe đặc biệt nào đó để chở đá. Nào ngờ 2 người bạn của chúng ta khi trở lại phải kéo 2 cái xe bò. Lúc đó anh em mới hiểu : xe bò trước kia do bị kéo, nay có “sự cải tiến” là người kéo thay bò.

-Một cảnh khác, một tên cán bộ ngồi trên bờ ruộng vất vả với cái điều cây nhà khoai thuốc lào, người vợ thì đang lội bùn để bắt từng con cua dưới ruộng. Hỏi ra mới biết đây là “văn minh của cái rồn vũ trụ loài người”, và như thế là dân chủ vì hôm qua người chồng làm công việc đó rồi thì hôm nay đến phiên người vợ làm không cần quan tâm đến khả năng và sức khỏe của người đàn bà. Người đàn bà trông ra thật là già, miệng móm, tóc bạc, hỏi ra mới 31 tuổi. Tôi hôm đó, nhiều anh em xụi xùi nhưng không giám khóc vì sợ bị kiểm điểm. Phần vì thương người, phần vì thương cho vợ mình nơi quê nhà, đa số nếu tính đến ngày đó phần lớn là mới trên dưới 30. Ai cũng nghĩ hình ảnh vợ mình ngày nay nhờ “Cách Mạng Giải Phóng” chắc cũng như vậy.

Tôi còn nhớ rõ, hôm đó ở phân trại B, sau bữa ăn chiều vì anh em phải ăn sắn luộc (khoai mì) cả vỏ nên say nằm la liệt vì chất độc của vỏ củ sắn . Anh Cao Văn Bảy lúc đó làm nhà trưởng kêu cán bộ trại tới và yêu cầu cho ăn sắn phải lột vỏ để tránh ngộ độc. Hôm sau một số Anh Em không đi lao động được vì bị nhiễm chất độc của vỏ sắn. Ban trực trại nhượng bộ tạm thời và ra lệnh cho nhà bếp lột vỏ sắn trước khi luộc, để tìm bắt những người mà chúng cho là cầm đầu anh em .

Trước hết là chúng bắt anh Nguyễn Hữu Thời vì trong một buổi đi làm về anh Thời đã mang trong người một số lá tre. Khi bị khám xét và hỏi lấy lá tre về trại để làm gì ? Anh Thời trả lời là lấy lá tre về để ăn vì đói quá. Chúng cho là anh ta sách động chống đối và bôi xấu chế độ.

Sau đến, chúng bắt anh Cao Văn Bảy vì chúng cho là đã cầm đầu vụ yêu cầu lột vỏ sắn. Cả hai người đều bị biệt giam ở một chỗ khác (mỗi người một nơi). Sau đó, chúng có thay đổi là sắn được lột vỏ trước khi luộc. Một biện pháp được áp dụng là chúng cho biên chế lại các đội (“từ biên chế” này của Việt Cộng có nghĩa là thay đổi phòng và thay đổi đội) và lọc các thành phần mà chúng coi là cứng đầu cho vào một đội trong đó có tôi, Chí và Lạc. Anh Trần Văn Chí, Phó Tỉnh Trưởng Tỉnh Vĩnh Bình, Anh Lê Quảng Lạc, Sĩ Quan Tinh Báo Sở Tinh Báo Trung Ương. Còn tôi, Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Saigon rồi mới gia nhập ngành Cảnh Sát nên chúng cho là tôi làm việc cho CIA của Mỹ. Khi ở đội biệt lập, Lạc hay chui vào mừng tôi hỏi các vấn đề về luật pháp, nhân quyền, công ước Geneve và đồng thời bàn bạc về việc tranh đấu của anh em. Bọn “ăng-ten” biết và báo cáo là tôi thường nói chuyện và bàn bạc với Lạc vào ban đêm nên tôi và Lạc luôn bị theo dõi.

Các buổi tôi lại bắt buộc tiếp tục kiểm thảo và phê bình. Tôi được anh em yêu cầu làm biên bản và ghi chép các đề nghị của anh em.

Tôi còn nhớ tôi đã ghi chép các vấn đề yêu cầu trại cho viết thư, cho gia đình thăm nuôi và gửi quà, và trước mắt là yêu cầu cải thiện chế độ ẩm thực. Lúc đó ý kiến của tôi là những đòi hỏi chúng ta chỉ là những đòi hỏi về quyền căn bản của một một tù nhân chính trị và yêu cầu ban giám thị sớm giải quyết. Biên bản họp nào cũng yêu cầu trại cho biết hiện giam giữ Anh Cao Văn Bảy và anh Nguyễn

Hữu Thời ở đâu.

Tôi nào chúng cũng bắt học và kiểm điểm và có công an đứng ở cửa sổ. Chúng thấy không yên nên lại một lần biên chế và chuyển tất cả về phân trại C. Kỳ này chúng tách Lạc và tôi ra và chuyển Lạc sang một đội khác, còn tôi và Chí chúng còn để cùng một đội. Lúc đó là vào khoảng ngày 7 tháng giêng năm 1979. Khi sang trại này, chúng bắt học tập nội quy.

Tôi lại tiếp tục ghi biên bản các ý kiến của anh em, tiếp tục ghi các yêu cầu cũ chưa được trại giải quyết. Ý kiến của tôi lúc đó là chúng ta không cần học nội quy vì nội quy lúc đó là nội quy dùng cho tù hình sự. Yêu cầu phải có một nội quy khác dùng cho tù nhân chính trị là chúng ta. Tôi có yêu cầu trại phải áp dụng công ước quốc tế đối với các tù binh chiến tranh là chúng ta. Tất cả đều đồng ý với đề nghị của tôi là không chịu học tập nội quy lúc đó vì là nội quy của các tội phạm hình sự và ngày hôm sau bắt đầu không chịu đi lao động vì tù chính trị không phải đi lao động.

Gần bữa cơm chiều, cán bộ kêu tôi đi và gọi là “lên Ban giám thị làm việc”. Tại một căn phòng ở ngoài trại chúng bắt tôi viết kiểm điểm những điều làm trong trại nhất là các đòi hỏi của tôi và anh em. Tôi đã viết những yêu cầu của các anh em và của tôi và kết luận đó là những yêu cầu chính đáng.

Sau này tôi mới biết là bạn Chí cũng bị kêu đi sau tôi một khoảng thời gian ngắn.

Tại một phòng khác, trong cuộc kiểm điểm và học nội quy, bạn Lạc đòi phải có sự hiện diện của cán bộ quản giáo mới chịu học tập nội quy. Tên cán bộ quản giáo đứng bên ngoài phòng nghe vậy, xông vào bảo ngưng không học tập chi nữa. Cũng tới giờ cơm chiều, Lạc bị kêu lên văn phòng, mọi người tưởng có người thăm nuôi Lạc.

Đến 9 giờ anh em trong phòng của tôi không thấy tôi và Chí về, liền đồng thanh hô to “yêu cầu thả Chí, Tiệp”. Tại phòng của Lạc, anh em mới vỡ lẽ là Lạc cũng bị bắt và tại đây, bạn Tùng làm ống loa kêu lớn để các buồng nghe rõ và hưởng ứng hô to “Yêu cầu thả Chí, Tiệp, Lạc”. Và từ đó tất các buồng thuộc phân trại C đề hô to “Yêu cầu thả Chí, Tiệp, Lạc”. Toàn trại tất cả các buồng tổng cộng trên 500 anh em đồng hô to lời yêu cầu trên. Đồng thời một đề nghị của bạn Tô Hòa Dương là thông báo cho các buồng là ngày hôm sau không ra khỏi phòng

để đi làm danh và tuyệt thực cho tới khi các anh em Chí, Tiệp, Lạc được trả về phòng. Các buồng đều đồng ý làm theo.

Tiếng hô to của toàn trại tù chính trị làm chúng kinh ngạc. Sau này biết rõ là chúng phải di chuyển đám tù hình sự ở khu vực bên cạnh tới một nơi khác, đồng thời chúng huy động thêm quân đội và công an đến bao vây khu của chúng ta để đề phòng nổi loạn.

Đêm đó, ngày mùng 9 tháng giêng năm 1979, tôi nhớ là Việt Cộng đang đánh chiếm Campuchia và 2 ngày sau chúng chiếm được Nam Vang. Như trên tôi đã viết là lúc đó tôi chỉ nghe tiếng hô vang của anh em, còn những tiếng ồn ào ngoài trại là tiếng chúng di chuyển tù hình sự và tăng cường quân đội và công an để bao vây trại của chúng ta để đề phòng nổi loạn. Tôi bị dẫn đi vào miền núi Mành trên con đường mòn đầy cây cối hai bên, giữa lúc tôi đang cầu nguyện thì bỗng có một chiếc xe gắn máy trên xe có 2 người có lẽ là công an ở một nơi khác đến đuổi theo và kêu tên công an cầm đèn bấm nói nhỏ. Ngay sau đó tôi được dẫn qua một ngã rẽ và đi độ một tiếng đồng hồ sau về một nơi mà sau này mới biết là phòng kỷ luật của tù hình sự phân trại B. Sau khi cùm cả hai tay và hai chân, chúng vút cho tôi một cái chặn và tôi thiếp đi vì đi quá lâu ngoài sương đêm và bị quá lạnh. Tới trưa hôm sau một tên tù hình sự và tên cán bộ chuyển tôi lên một căn buồng bề ngang độ 90 cm và dài độ 2 m. Đó là một phòng kho cạnh một phòng tù hình sự. Chúng để một tấm ván độ 60 cm và dài gần bằng chiều dài của phòng. Trên ván có đóng một thanh sắt để cùm chân. Tuần lễ đầu cùm cả hai tay lẫn hai chân. Hai tay cùm vào nhau và quặt ra đằng sau, còn hai chân thì cùm vào thanh sắt ngang. Lúc đó tôi phải nằm sấp. Chỉ được mở cùm tay 2 lần một ngày vào lúc ăn. Tên tù hình sự, lúc không có cán bộ, y nói: Bộ Công An Nội Vụ không về kịp thì anh hai bị bắn đêm hôm qua rồi. Chính một số công an ở trại còn nói nhiều về ý định của trại định bắn cả Chí, Tiệp, Lạc đêm đó. Cuối cùng chúng cũng giết được Lê Quảng Lạc sau khi chích một mũi thuốc chữa bệnh. Tôi được biết Lạc bị giam một khoảng thời gian thì thả về đội và sau lại bị giam lại vì một lá thư viết về nhà nói cho gia đình biết việc tranh đấu của trại. Chúng giam Lạc một thời gian rồi cho ra lao động và khi bị đuổi sức phải xuống bệnh xá nằm thì anh em được tin Lạc chết sau

khi chích “thuốc chữa bệnh”.

Phần tôi, bị giam gần một năm trong phòng tối và mỗi tháng được chúng cho ra tắm một lần, vấn đề vệ sinh chúng cho sử dụng một cái ống “bương” (giống như ống tre nhưng to hơn) để cả tiêu và tiểu. Ngày một “gô” nước vừa để uống và vừa để rửa. Hai lần một ngày, mỗi lần chúng cho ăn một chén (người bắc gọi là cái bát nhỏ bằng sành) hột mạch với nước muối hoặc một củ khoai lang. Chúng sợ dùng muối hạt để phá còng nên chỉ cho nước muối. Khi giam được độ 3 tháng thì nghe có tiếng la ở một buồng kho bên cạnh (sau này tôi mới biết phòng này kích thước như phòng của tôi và cũng không có cửa sổ gì và cũng tối om như phòng của tôi.). Đêm đó tôi bắt đầu liên lạc bằng dấu “morse” gõ vào tường thì được biết đó là một tù hình sự tên là Quang và anh ta là đàn anh trong một nhóm hình sự đang tuyệt thực để chống đối lại sự đối xử tàn bạo của cán bộ trại. Hai ngày sau, Quang muốn tôi giúp đỡ bằng cách tiếp nước cho Quang. Tôi đồng ý, đúng lúc Quang khoét qua tường được một lỗ nhỏ chỉ có thể đưa qua vừa một chiếc đũa. Hằng đêm khi có tiếng gõ hiệu ở tường, Quang truyền sang phòng tôi một ống nylon (có lẽ Quang dấu được là vì là một cái vòng của một cái mũ đem theo). Tôi để ống đó vào “gô” mà tôi để dành ½ “gô” nước để Quang hút. Khoảng 7 ngày sau, Quang tuyệt thực mà không sao, tên cán bộ trực trại ngạc nhiên và nghi ngờ nên xét phòng của tôi nhưng may mắn chúng không tìm ra được gì. Ba ngày sau Quang vẫn không sao và tôi lại bị xét phòng lần nữa, nhưng cũng không tìm ra. Đến buổi chiều hôm đó Quang được đem ra khỏi chỗ giam đó. Trưa hôm sau, tên “thi đua” hình sự đem cơm cho tôi báo cho tôi biết là Quang đã bị kẻ thù đóng đinh vào mắt và chết đêm hôm qua. Thi ra cái nham hiểm của cán bộ là đưa Quang về phòng nhốt chung với bọn có thù với Quang và đã bị thanh toán.

Tôi không nhớ rõ có một lần trong thời gian tôi bị cùm ở nhà kho, một tên hình sự có nhét vào khe cửa cho tôi một lá thư do tay Lạc viết: “Tiếp ơi! Lạc đã gặp Bộ Nội Vụ và nhận là tranh đấu cho nhân quyền và chấp nhận tù 10 đến 15 năm”. Rồi không liên lạc được cho đến lúc nghe tin Lạc chết tại bệnh xá sau khi mũi chích thuốc chữa bệnh.

Trở lại vấn đề tuyệt thực trong trại như dự trù là toàn trại bắt đầu từ sáng hôm sau. Được độ 3 ngày thì anh em kiệt sức và có hai người phản bội

anh em và giả bộ lên văn phòng để trình kiến nghị, nhưng thực ra là để xin tị nạn và báo cáo lập công. Khi cán bộ trại nắm được tình hình nhờ hai tên “anten”, chúng tăng cường thêm công an địa phương đến từng phòng luà hết ra và bắt làm đơn xin ăn cơm, nhưng anh em không chịu làm đơn. Chúng liền bắt dần đi khoảng 50 anh em đi qua trại B. Một số anh em trong số này bị đem xuống phòng kỷ luật cùm, số còn lại bị nhốt tại một buồng cạnh phòng giam của tôi.

Qua lỗ khe cửa tôi nhìn thấy anh em nhưng anh em không nhìn thấy tôi. Tôi còn nhớ mỗi khi anh em đi lao động về lại kêu tôi “bác Ti ơi! Bác Ti ơi”, và nói các tin tức bên ngoài để an ủi tôi.

Cũng thời gian này vợ tôi và 2 cháu ra thăm. Chúng cho một tên tù hình sự nói qua khe cửa: Anh hai ơi, chị và 2 cháu ra thăm, khóc quá mà chúng không cho thăm. Tới giờ cơm trưa hôm đó, tên cán bộ trực trại cố ý để cửa lâu và không nói một lời nào và chỉ chờ tôi xin cho vợ con thăm. Tôi suy nghĩ: nếu mình xin chúng sẽ cho nhưng chúng sẽ có điều kiện với mình hoặc là phải nhận tội lỗi hoặc là khai báo những điều bất lợi cho anh em. Do đó tôi quyết định không xin và tên cán bộ cũng không nói gì. Kết quả là sau khi chờ hai ngày chúng không cho thăm và cũng không cho gửi một tí quà nào, nhà tôi và các cháu đành phải ra về. Qua mấy ngàn cây số lặn lội mới tới nơi mà vợ không được thấy mặt chồng, con không được thấy mặt cha. Lúc đó dù rất khổ đau nhưng tôi không ân hận về chuyện này và các chiến hữu buồng bên cũng đồng ý

Bạn Chí bị nhốt một thời gian khá lâu thì chúng mới cho về đội.

Một thời gian sau thì chúng đem tôi xuống trại kỷ luật phân trại B nhốt với anh Ngọc, anh Khôi, anh Thời, anh Cương, anh Thông, anh Sinh.

Suốt thời gian tôi bị giam ở phòng tối, chúng theo dõi sự liên lạc của tôi với các anh em và xem tôi có cùng anh em làm điều gì nữa không. Chính vì thế mà chúng nhốt tôi ở một phòng cạnh phòng của các bạn bị đưa từ trại C qua. Chúng chỉ chờ tôi xin khai báo, nhưng tôi không hề nói hay xin chúng một điều gì.

Khoảng 9 tháng sau thì chúng đem tôi về nhốt tại trại kỷ luật ở phân trại A, nơi đây tôi đã nghe thấy hai phòng hai bên là phòng nhốt anh Cao Văn Bảy và Nguyễn Hữu Thời.

Đến tháng thứ 12, lúc đó sức đã quá yếu, mắt đã mờ chỉ còn da bọc xương. Vì nằm quá lâu, khi đứng lên máu khó khăn trong việc lưu thông nên không thể đứng vững và không thể còn sức để đi được. Một cán bộ công an bộ nội vụ vào thăm và thấy vậy ra lệnh cho cán bộ trực trại mở còng chân nhưng vẫn còn nhốt ở phòng kỷ luật.

Từ lúc đó, hàng ngày chúng cho tôi cố gắng tập đi ở phần sân trong khu kỷ luật. Mỗi ngày tôi tập đi bằng cách vịn vào bờ tường lê chân dần dần.

Sau 2 tháng, bắt đầu đi hơi vững, tôi bắt đầu phải làm việc (từ này của chúng là tra hỏi và khai báo) với chúng. Việc đầu tiên là phải trả lời tên cán bộ bộ nội vụ những câu hỏi sau đây:

Cán Bộ: Anh là một trong 2 luật sư của Cảnh Sát Ngụy phải không?

Đáp: Đúng

Cán Bộ: Vậy anh phải giữ tư cách luật sư của chế độ Saigon để nói chuyện với tôi, anh nghe chưa ?

Đáp: Tôi nghe .

Cán Bộ: Anh còn làm việc cho CIA không?

Đáp: Tôi không bao giờ làm việc cho CIA .

Cán Bộ: Anh có xin tha kỷ luật không?

Đáp: Không, vì tôi đang bị kỷ luật, tôi xin cũng vô ích.

Cán Bộ: Anh lãnh đạo anh em chống đối phải không?

Đáp: Tôi không lãnh đạo ai, mà cũng không ai lãnh đạo được tôi. Nếu miền Nam chúng tôi chịu một người lãnh đạo duy nhất thì không có ngày nay.

Cán Bộ: Việc làm của anh trong thời gian qua có đúng không?

Đáp: Đúng, vì chúng tôi đã yêu cầu nhà bếp phải cải thiện chế độ dinh dưỡng cho anh em. Nhà bếp có thay đổi và như vậy chúng tôi đã làm đúng.

Sau đó hàng ngày chúng bắt tôi lên văn phòng viết kiểm điểm về những sinh hoạt của chúng ta. Tôi chỉ viết những điều công khai mà chúng đã thấy của anh em mình mà thôi. Tôi còn lợi dụng dịp này để viết về đời sống của Cảnh Sát Việt Nam Cộng Hòa Saigon được đãi ngộ đầy đủ và bao giờ cuối bài tôi cũng không quên thêm vào một câu để chúng dễ chấp nhận bài của tôi mà chúng không biết là câu này lại có tính cách mỉa mai. Câu đó là: “vì thế nên tôi không có “ tinh thần cách mạng” như

cán bộ”. Đến phần tôi viết về “Cảnh tiếp vụ” của Việt Nam Cộng Hòa, chúng đọc say sưa nhưng sự tinh là tôi viết có tính cách tuyên truyền nên chúng không cho viết nữa. Khi chúng bắt tôi ngưng viết thì chúng đã đọc quá nhiều rồi.

Đến đầu tháng giêng năm 1980, chúng đưa tôi về trại A thuộc đội mấy người hành chánh cao cấp của chế độ Saigon cũ. Tên cán bộ nội vụ nói anh còn yếu lắm nên tôi cho anh về đội người già chỉ lao động nhẹ thôi và sẽ được chích thuốc bổ.

Khi đến bệnh xá để chích thuốc, y tá là một tù nhân hình sự, vừa tới anh ta nói ngay: Đàn em của thằng Quang bên phân trại B đã nói với em về anh hai đã giúp thằng Quang, mặc dầu nó bị đâm chết nhưng tụi em vẫn nhớ ơn anh. Thuốc này tên là Philatop do bộ nội vụ đưa về để đặc biệt chích cho anh hai. Mỗi lần tới anh hai chỉ cần ký là có chích rồi, anh hai hiểu chứ. Đùng lúc đó có người đi tới nên tôi vội ký và được dẫn về đội. Và cứ như thế trong vòng 2 tháng xuống bệnh xá tìm cách kín đáo để ký vào sổ là có chích thuốc rồi. Đến đây chắc bạn đã hiểu: nếu không có câu chuyện “Quang hình sự” thì tôi đã đi theo Lạc rồi. Điều này xảy ra vào tháng giêng năm 1980

Điều lạ là cũng tháng giêng năm 2001, tôi bị mổ tim “surgery open heart” và bypass 4 ống. Trước khi mổ, bác sĩ nói là tôi ở trong tình trạng còn 1% hy vọng sống, lúc đó tưởng đã đi gặp Lạc rồi, nhưng có lẽ Lạc không muốn gặp tôi mà muốn tôi tiếp tục làm những điều Lạc mong muốn khi còn ở trong trại

Các chiến hữu thân mến, hôm nay tôi cảm thấy vui vì đã có dịp viết để cảm ơn các chiến hữu và hãnh diện về tinh thần bất khuất và đoàn kết hiếm quý của chúng ta

Đêm nay là đêm 29 tháng 4 năm 2005, tôi vừa ở Khu Hội Tù Nhân Chính Trị dự Lễ Tưởng Niệm Ngày Quốc Hận 30 tháng 4. Mọi người đều hướng về tưởng niệm các anh hùng tử sĩ đã hy sinh vì lý tưởng dân chủ tự do, chắc chắn trong đó có các chiến hữu của chúng ta đã hy sinh trong trại Lý Bá Sơ. Nếu như Lạc biết được điều này, tôi tin rằng Lạc sẽ ngậm cười nơi chín suối.

Thân ái kính chào các chiến hữu..!.

San Jose, 29 tháng 4 năm 2005
Ls NGÔ VĂN TIỆP

TAM QUYỀN PHÂN LẬP

THEO HIẾN PHÁP HOA KỲ

1- NGÀNH LẬP PHÁP



NGUYỄN VĂN BÌNH



Triết gia Montesquieu (1689-1775), người Pháp tác giả quyển sách “The Spirit of the Laws” (Tinh thần của Luật Pháp) phát hành vào năm 1742. Qua quyển sách, ông đưa ra ý niệm Tam Quyền Phân Lập trong tổ chức công quyền. Ý niệm này đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc cách mạng Pháp 14-7-1789 và đặc biệt đến những người đứng ra soạn thảo Bản Hiến Pháp Hoa Kỳ vào ngày 17-9-1787. Theo ông Montesquieu để tránh chế độ độc tài và vì nhu cầu bảo vệ quyền lợi của người dân thì tổ chức công quyền cần được áp dụng phương cách tam quyền phân lập qua ba ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba ngành này phải được độc lập, giám sát và kiểm soát lẫn nhau.



Chúng tôi xin đưa ra nguyên tắc Tam Quyền Phân Lập qua bản Hiến Pháp của Hoa Kỳ, một bản hiến pháp được xem là tuyệt vời, khá hoàn hảo trong 235 năm qua đã áp dụng như sau:

Ngành Lập Pháp được giao cho Quốc Hội gồm có Hạ Viện và Thượng Viện.

Hạ Viện hiện nay có 435 Dân Biểu và có nhiệm kỳ 2 năm. Dân Biểu phải ít nhất 25 tuổi, có quốc tịch Hoa Kỳ tối thiểu 7 năm và cư dân ở tiểu bang mà người đó được chọn.

Thượng Viện gồm có 100 nghị sĩ đại diện cho 50 tiểu bang với 2 nghị sĩ cho mỗi tiểu bang. Nhiệm kỳ của nghị sĩ là 6 năm. Cứ mỗi 2 năm, sẽ có cuộc bầu cử chọn 1/3 tổng số 100 nghị sĩ. Muốn ứng cử nghị sĩ phải ít nhất từ 30 tuổi, là công dân Mỹ ít nhất 9 năm và phải cư ngụ tại tiểu bang mà mình được chọn.

Tất cả Dân Biểu và Nghị Sĩ Hoa Kỳ được người dân tuyển chọn qua một cuộc bầu cử phổ thông, công khai và số nhiệm kỳ của họ không giới hạn.

Đảng chiếm đa số tại Hạ Viện sẽ chọn ra chủ tịch Hạ Viện. Riêng tại Thượng Viện, đảng chiếm đa số sẽ chọn ra vị lãnh tụ đa số, còn Phó Tổng Thống sẽ là chủ tịch thượng viện. Phó tổng thống chỉ có phiếu bầu khi số phiếu bầu của hai đảng bằng nhau là 50/50.

Quốc Hội có những nhiệm vụ tóm tắt như sau:

- Làm luật
- Đặt ra và thu các khoản thuế, thuế quan, thuế môn bài để trả các khoản nợ và chi phí cho quốc phòng và phúc lợi công cộng.

- Thẩm quyền tuyên chiến
- Phê chuẩn ngân sách, giám sát và cung cấp các chỉ tiêu của chính quyền trong nước và hải ngoại
- Luận tội và thẩm vấn các viên chức của Liên Bang
- Thông qua các hiệp ước do Hành Pháp đàm phán
- Giám sát và điều tra việc làm của các viên chức Liên Bang
- Thông qua hay ngăn trở việc bổ nhiệm các vị bộ trưởng, đại sứ, các vị thẩm phán của Tối Cao Pháp Viện.
- Thiết lập các tòa án dưới quyền của Tối Cao Pháp Viện.

2- NGÀNH HÀNH PHÁP:



Ngành Hành Pháp được trao cho Tổng Thống. Nhiệm kỳ của tổng thống là 4 năm và chỉ tối đa hai nhiệm kỳ. Tổng Thống và Phó Tổng Thống được bầu qua thể thức Cử Tri Đoàn nghĩa là cuộc bầu cử được tổ chức phổ thông tại các tiểu bang, nhưng khi ứng cử viên tổng thống nào thắng phiếu phổ thông tại tiểu bang nào thì sẽ được lấy trọn phiếu cử tri đoàn của tiểu bang đó. Ngoại trừ hai tiểu bang Maine và Nebraska thì cử tri đoàn được chia theo tỷ lệ phiếu phổ thông. Hiện số cử tri đoàn của Hoa Kỳ bằng số Dân Biểu (435) cộng thêm 3 phiếu cử tri đoàn của Washington DC và số nghị sĩ (100) tức là tổng số đại cử tri đoàn là $435+3+100 = 538$. Muốn đắc cử Tổng Thống phải hội có ít nhất là 270 phiếu cử tri đoàn.

Tiêu chuẩn để được ứng cử tổng thống phải là công dân và sinh trong nội địa Hoa Kỳ, từ 35 tuổi trở lên và phải cư ngụ tại Hoa Kỳ ít nhất 14 năm.

Tổng thống đắc cử trước khi nhận việc phải tuyên thệ đặt tay trên thánh kinh tuyên hứa: “Tôi trân trọng tuyên thệ rằng: “ Tôi sẽ giữ chức vụ tổng thống Hoa Kỳ với lòng trung thành và tận dụng hết

khả năng của mình để duy trì, gìn giữ và bảo vệ hiến pháp Hoa Kỳ.”

Tổng thống Hoa Kỳ có thẩm quyền:

- Tổng Tư Lệnh quân đội
- Với sự thỏa thuận của 2/3 nghị sĩ, tổng thống có quyền ký kết các điều ước với các quốc gia khác. Với sự đồng ý của đa số nghị sĩ, tổng thống sẽ bổ nhiệm các bộ trưởng, đại sứ, lãnh sự, các thẩm phán của Tối Cao Pháp Viện và những quan chức khác của Hoa Kỳ.
- Đôn đốc việc thi hành pháp luật một cách đúng đắn và giao phó nhiệm vụ cho tất cả quan chức của Hoa Kỳ.
- Có quyền hủy bỏ bản án hoặc ân xá đối với những hành vi chống lại Hoa Kỳ, trừ những trường hợp xét xử các vụ trọng tội.
- Có quyền phủ quyết những dự luật do Quốc Hội đưa ra và trao trả lại Quốc Hội. Trong trường hợp này, hai viện của Quốc Hội phải hội đủ 2/3 phiếu của các thành viên mới bác bỏ được quyết định của tổng thống.

Tổng thống, Phó tổng thống và các quan chức dân sự của Hoa Kỳ sẽ bị cách chức khi bị buộc tội phản quốc, nhận hối lộ cùng những trọng tội khác.

3- NGÀNH TƯ PHÁP:



Ngành Tư Pháp được trao cho Tối Cao Pháp Viện và những tòa án cấp dưới mà Quốc Hội thiết lập. Quốc Hội đã thành lập các tòa án cấp quận, nơi xét xử hầu hết các vụ án liên bang và 13 tòa án phúc thẩm liên bang nhằm xét xử các vụ kiện của quận bị kháng cáo.

Các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện giữ nhiệm vụ trọn đời, trừ trường hợp nghỉ hưu, qua đời hay bị Thượng viện kết án.

Khác với Dân Biểu, Nghị Sĩ, Tổng Thống

các thẩm phán liên bang không do dân bầu lên mà do Tổng thống chỉ định và được Thượng viện chấp thuận.

Số thẩm phán tại Tối Cao Pháp Viện do quốc hội ấn định. Hiện số thẩm phán của Tối Cao Pháp Viện là 9 người, con số này đã được chấp thuận từ năm 1869. Hiện nay, khi đảng Dân Chủ đang nắm quyền tại Quốc Hội và Tòa Bạch Ốc, một số đảng viên Dân Chủ muốn Tổng Thống Biden chỉ định thêm các Thẩm Phán cấp tiến vào Tối Cao Pháp Viện khi tình trạng các thẩm phán bảo thủ chiếm đa số. Tuy nhiên, phương cách này sẽ tạo ra tình trạng khủng hoảng và nguy hiểm cho nền dân chủ của Hoa Kỳ, vì khi đảng Cộng Hòa chiếm lại đa số tại Thượng Viện và Tổng Thống thuộc đảng Cộng Hòa thì con số thẩm phán sẽ tiếp tục gia tăng.

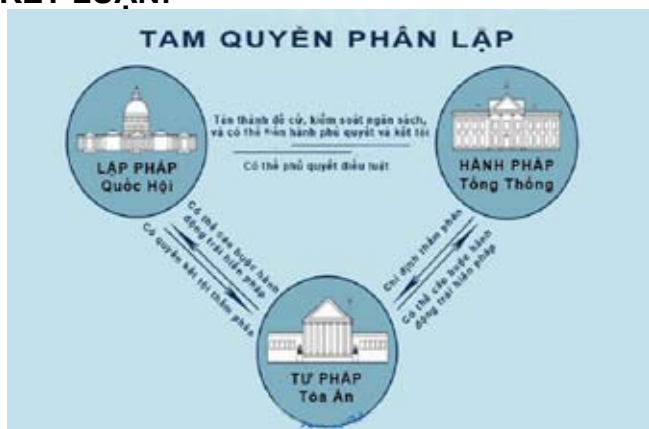
Thẩm quyền của ngành Tư Pháp của Hoa Kỳ như sau:

- Chỉ xét xử các vụ việc và tranh cãi thực tế, tức một bên phải chứng minh bị thiệt hại thì mới có thể khởi kiện tại tòa nghĩa là tòa án không đưa ra ý kiến tư vấn về tính hợp hiến của luật hoặc tính hợp pháp của hành động.

- Các tòa án liên bang được quyền duy nhất để giải thích luật để xác định tính cách hợp hiến hay không.

- Quyết định của Tối Cao Pháp Viện có tánh cách chung thẩm và các tòa án cấp dưới phải tuân thủ.

KẾT LUẬN:



Hiến pháp Hoa Kỳ đã qui định tam quyền phân lập rõ rệt trong tổ chức công quyền. Quốc Hội, cơ quan lập pháp chuyên làm luật nhưng cũng có quyền kiểm soát ngân sách, phê chuẩn việc bổ nhiệm các bộ trưởng, các đại sứ, các thẩm phán do Hành Pháp đề cử. Quốc Hội có thể luận tội Tổng

Thông và các thẩm phán Tối Cao Pháp Viện.

Về ngành Hành Pháp, Tổng Thống nắm quyền thi hành luật pháp nhưng có quyền phủ quyết các dự luật do Quốc Hội đưa sang. Muốn thành luật, dự luật này đòi hỏi phải có đủ tỷ số 2/3 dân biểu và nghị sĩ đồng ý. Tổng Thống cũng có quyền chỉ định các thẩm phán các tòa liên bang và Tối Cao Pháp Viện.

Về ngành Tư Pháp, Tối Cao Pháp Viện giữ vai trò giải thích Hiến Pháp và phân xử các vụ kiện vi phạm luật pháp. Ngoài ra, Tối Cao Pháp Viện có quyền cáo buộc các hành động của Quốc Hội cũng như của Hành Pháp là vi hiến.

Để hiểu rõ về tam quyền phân lập hơn, chúng tôi xin nêu ra ba phán quyết gần đây của Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ:

1- Ngày 23/6/2022, Tối Cao Pháp Viện đã lật ngược luật cấm mang súng tại New York đã tồn tại 100 năm qua. Theo Tối Cao Pháp Viện quyền mang súng của người dân là hợp pháp theo tu chính án số 2 của Hiến Pháp Hoa Kỳ.

2- Ngày 24/6/2022, Tối Cao Pháp Viện đã lật ngược phán quyết về quyền phá thai Roe & Wade đã được chấp thuận vào năm 1973. Nay thì quyền phá thai được trao cho thẩm quyền của các tiểu bang. Vì trong Hiến Pháp không ghi rõ là cho phép hay ngăn cấm quyền phá thai.

3- Ngày 27/6/2022, Tối Cao Pháp Viện đã ra phán quyết cho rằng học khu Bremerton của tiểu bang Washington đã sa thải ông Joseph Kennedy khi ông cầu nguyện sau trận đấu. Theo Tối Cao Pháp Viện học khu Bremerton đã vi phạm quyền tự do tôn giáo đã được qui định trong Tu chính án số 1 của Hiến Pháp Hoa Kỳ.

Cũng như chúng ta đã biết trong năm 2020, Hạ viện Hoa Kỳ do đảng Dân Chủ nắm đa số đã hai lần sử dụng quyền luận tội Tổng Thống Trump nhưng đã thất bại tại Thượng Viện.

Chúng tôi chỉ trình bày Hiến Pháp áp dụng cho Liên Bang Hoa Kỳ. Các tiểu bang có bản hiến pháp riêng và luật lệ riêng.

Chính vì tổ chức công quyền đã được áp dụng và tôn trọng nên Hoa Kỳ vẫn được xem là quốc gia tự do, dân chủ và là tấm gương cho nhiều quốc gia trên thế giới noi theo ./.

NGUYỄN VĂN BÌNH
California ngày 4/8/2022

NGƯỜI KHÔNG CÓ QUỐC TỊCH CÓ QUYỀN ĐI BẦU: VI HIẾN VÀ NGUY HIỂM

VIỆT NHÂN



tước đoạt hoặc hạn chế bởi Liên bang hay bất cứ tiểu bang nào vì lý do tuổi tác.

Tu chính án 15: Quyền bầu cử của các **công dân Hoa Kỳ** sẽ không bị phủ nhận hoặc hạn chế dựa vào chủng tộc, màu da hay tình trạng nô lệ trước đây.

Tu chính án 19: Quyền bầu cử của các **công dân Hoa Kỳ** sẽ không bị phủ nhận hoặc hạn

Qua thư ngỏ của ông Matt Mahan, nghị viên của district 10 và hiện là ứng cử viên thị trưởng San Jose cho biết: vào 6 giờ chiều ngày thứ ba 23-8-2022, Hội Đồng Thành Phố San Jose có phiên họp bàn về việc: **Người không có quốc tịch có quyền đi bầu (non-citizen voting) trong các cuộc bầu cử địa phương.** Dự luật này được đề nghị bởi hai nghị viên gốc Latino là bà Magdalena Carrasco của district 5 và bà Sylvia Arenas của district 8.

Với sự phản đối mạnh mẽ của ông Matt Mahan và của dự luật, Hội Đồng Thành Phố cho dời biểu quyết quyết định này sau cuộc bầu cử vào tháng 11 sắp đến, vì sợ ảnh hưởng không tốt đến một số ứng cử viên.

Chúng tôi xin được phân tích vấn đề này trên phương diện pháp lý và những hậu quả nguy hiểm nếu việc này được thông qua.

Về phương diện pháp lý: đây là quyết định vi hiến:

Theo tu chính án 26: Các **công dân Hoa Kỳ** từ 18 tuổi trở lên được quyền đi bầu và sẽ không bị

chế bởi Liên Bang hoặc bất cứ tiểu bang nào với lý do giới tính.

Tu chính án 24: Quyền bầu cử của **công dân Hoa Kỳ** không bị phủ nhận hay hạn chế bởi Liên bang hay tiểu bang nào vì lý do không có khả năng đóng thuế.

Tu chính án 14: Những người **sinh ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ hoặc được nhập quốc tịch Hoa Kỳ và thuộc thẩm quyền tài phán ở đó đều là công dân Hoa Kỳ** và của tiểu bang mà họ sinh sống. Không một tiểu bang nào được ban hành hoặc thực thi bất cứ đạo luật nào nhằm hạn chế đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ.

Hiến Pháp Hoa Kỳ ngày 17-9-1787 đã ghi rằng chỉ có những **công dân Hoa Kỳ từ 18 tuổi trở lên mới có quyền đi bầu.** Vì thế, những đạo luật cho phép người không có quốc tịch được quyền đi bầu là vi hiến, trái với sự qui định của Hiến Pháp.

Ngoài ra, Hiến Pháp của tiểu bang California cũng qui định chỉ có những người có quốc tịch mới được quyền đi bầu.



Những hậu quả nguy hiểm:

Như chúng ta đã biết là công dân của một quốc gia, người đó phải được hưởng những **quyền lợi** nhưng cũng phải đóng góp những **trách nhiệm** cho quốc gia đó. Người công dân được quyền ứng cử, đi bầu, được hưởng những quyền lợi an sinh cùng các quyền tự do căn bản v.v.. nhưng cũng phải có trách nhiệm đóng thuế, đi lính, tôn trọng pháp luật v.v.. do quốc gia đó qui định. Chẳng hạn khi có chiến tranh, chính phủ kêu gọi tổng động viên thì các công dân trong tiêu chuẩn do luật pháp đòi hỏi đều phải đi nhập ngũ. Trái lại, những người không có quốc tịch không phải thi hành nghĩa vụ quân sự này trừ khi họ tình nguyện.

Ngoài ra, nếu cho người không có quốc tịch đi bầu sẽ tạo ra sự vô trật tự trong các cuộc sinh hoạt:

Chúng ta hãy tưởng tượng, trong một mái gia đình, khi các thành viên trong gia đình hay các khách mời đến dùng cơm thì bầu không khí sẽ được diễn ra một cách tốt đẹp. Nhưng nếu ta cho bừa bãi ai hoặc khách không mời mà đến dùng cơm cũng được thì buổi ăn sẽ trở thành rối loạn.

Chúng ta hãy nghĩ trong sinh hoạt của một hội đoàn hay trong Hội Đồng Thành Phố nếu không qui định rằng chỉ có các hội viên hay các nghị viên mới được quyền tham dự các cuộc bầu chọn mọi vấn đề thì hội đoàn đó và hội đồng thành phố sẽ không thể nào làm việc được.

Trong các cuộc bầu cử tại Hoa Kỳ, các công dân phải ghi danh. Nhờ thế, cuộc bầu cử mới có trật tự, giá trị, minh bạch và công bình. Nhờ có tổ chức chu đáo và kiểm soát chặt chẽ, kết quả bầu cử sẽ tránh được cảnh gian lận khi số phiếu bầu nhiều hơn số lượng cử tri ghi danh, tránh cảnh công dân của

các quốc gia khác hay người từ các thành phố khác đến tham dự vào cuộc bầu cử. Chúng ta thử nghĩ, nếu cho phép hàng chục triệu người Trung Hoa vào Hoa Kỳ tham dự các cuộc bầu cử thì các cuộc bầu cử chọn các vị dân cử Hoa Kỳ sẽ bị khuynh đảo.

Nước Hoa Kỳ là một quốc gia Hợp Chúng gồm nhiều sắc dân, nên việc dành đặc quyền hay ngược đãi một sắc dân nào đều không được chấp nhận.

Việc hạn chế những người không có quốc tịch được đi bầu không phải là vấn đề kỳ thị mà chính là để bảo vệ nền dân chủ của Hoa Kỳ. Có rất nhiều cư dân chưa có quốc tịch rất chăm chỉ, đóng thuế lâu năm nhưng cần phải qua những thủ tục pháp lý cần thiết để trở thành công dân Hoa Kỳ. Những công dân này phải là những người lương hảo, qua cuộc sưu tra an ninh cẩn thận, hiểu biết luật pháp Hoa Kỳ. Nhờ vậy, các công dân này mới có kiến thức tối thiểu để trong các cuộc bầu cử mới chọn ra được các vị dân cử xứng đáng.

Hiện nay Hội Đồng Thành Phố San Jose có 10 nghị viên thì có đến 5 nghị viên người Latino và thị trưởng Sam Liccardo, người Ý, nên chỉ cần thêm 1 phiếu của bất cứ nghị viên nào ủng hộ quyết định của các nghị viên Latino thì mọi quyết định của Hội Đồng Thành Phố với tỷ lệ 6/5 sẽ được thông qua. Hội Đồng Thành Phố San Jose sẽ hoàn toàn do người Latino định đoạt. Ngoài ra, khi cho người không có quốc tịch được quyền đi bầu thì chúng ta biết đa số họ là người Latino đến từ Nam Mỹ, thì đương nhiên các ứng cử viên Latino chắc chắn sẽ chiếm đa số phiếu và các ứng cử viên của các sắc dân khác khó có cơ hội thắng cử. Đây cũng chính là cơ hội tạo ra một lực lượng cử tri to lớn để dễ khuynh đảo cử tri của các sắc dân khác, tạo ra một chính quyền lãnh đạo lâu dài bởi một sắc dân.

Việc này xảy ra thì cơ hội dành cho người Việt vào Hội Đồng Thành Phố San Jose ngày càng xa vời.

Vi thế, câu tục ngữ: “ **Quốc có Quốc Pháp. Gia có Gia Qui.**” Nghĩa là nếu quốc gia không có luật pháp nghiêm minh và Gia đình mà không có qui luật sống thì sẽ gây nên loạn. Thật là một bài học quý báu mà chúng ta phải luôn luôn nhớ ./.

VIỆT NHÂN

CON ĐƯỜNG TÌNH

1

Mai Tinh Tuấn

Con đường mòn ghi dấu chân em. Con đường
Sương mờ mờ giăng mắc nơi nơi. Cho tình
mòn in bước chân anh. Con đường tình ghi dấu đôi
hồng cao vút chơi vui. Con đường dài nhưng cũng như
mình Ôi êm đềm một ngày chớm thu.
gân. Đến muôn đời tình vẫn không ngại.
Thương em tình tuyệt vời. Yêu em trọn cuộc đời.
Trao em tình nồng ấm. Luôn tha thiết em ơi! Như mây trời bao
la. Tin yêu hằng chan chứa. Ghi sâu trong tâm tư. Hình
bóng em không lìa xa. Con đường dài vui bước bên
Con đường dài lưu luyến tơ
nhau. Con đường dài mơ ước mai sau. Con đường tình riêng lúa đôi
vương. Con đường mình chan chứa yêu thương. Đôi lòng cùng say đắm khôn
mình. Ước mơ rằng tình duyên thắm xinh.
lường. Giữ cho tròn tình nghĩa yêu thương.

HỒI ỨC TUỔI THƠ

VỀ NƠI PHỐ THỊ ...



GS LÊ ĐÌNH CAI

Sau khi kết thúc trận đệ nhị thế chiến (tháng 8-1945) Pháp lại theo chân quân đội Anh để trở lại Đông Dương. Vào những năm 1946,47, ở miền quê tôi, người dân phải sống trong cảnh “một cổ hai tròng”. Ngày thì chịu sự kiểm soát của chính quyền thuộc Pháp, đêm thì phải đi đào hầm đặt chông đặt mìn, hay tham gia những cuộc mít tinh đấu tố theo lệnh của chính quyền Việt Minh. Lúc nào cũng lo sợ không bên này thì cũng bên kia bắt giữ, giam cầm hay sát hại...

Sau lần suýt bị Việt Minh xử tử ở làng Linh Yên vì bị nghi là làm gián điệp cho Tây, mẹ tôi không còn lòng dạ nào nghĩ đến chuyện buôn bán ở các làng lân cận để kiếm tiền nuôi con nữa. Ba Má tôi đã bàn định với nhau nhiều ngày, cuối cùng quyết định đem gia đình trốn lên Tỉnh nơi chính quyền quốc gia đang kiểm soát để mưu cầu một cuộc sống mới an ninh hơn. Đây là một quyết định không đơn giản tí nào. Ruộng vườn, nhà cửa, mồ mã ông cha, bà con hàng xóm... Đã gần nửa đời người cuu mang áp ủ bỗng chốc phải lìa xa. Còn gì đau đớn cho bằng. Ba má tôi lúc đó chưa đầy 30 tuổi. Ba tôi tuổi Mậu Ngọ (30 tuổi), mẹ tôi tuổi Kỷ Mùi (29 tuổi). Ba tôi chỉ đậu bằng tiểu học thời đó, còn mẹ tôi chỉ biết chữ mà thôi làm sao sinh sống được



Quảng Trị

ở chốn phồn hoa đô hội. Nhưng đã quyết ra đi để tìm sinh lộ cho các con thì phải dứt khoát.

Gia đình tôi ra đi vào một đêm tối trời mùa đông rét mướt của năm 1947, lúc tôi lên 5 tuổi và anh trai tôi lên 7, mẹ tôi đang ẵm trên tay thằng em tôi chưa đầy 6 tháng. Gia đình tôi cả thấy 5 nhân khẩu đang liêu linh cho một chuyến đi thay đổi cả cuộc đời. Chúng tôi phải trốn đi chứ không phải tự do di chuyển công khai vì nhiều con mắt thường xuyên theo dõi của dân quân tự vệ theo Việt Minh ở trong làng. Nếu biết được ý đồ trốn đi của gia đình, ba má tôi chắc chắn là phải khốn đốn với “Ban Hội Tề” ngày đó.

Ra đi trong đêm tối, mỗi người chỉ đeo theo người một bị lát đựng quần áo gọn nhẹ, có vẻ như đi thăm bà con, nếu có bắt gặp dọc đường cũng dễ giải thích. Tôi không biết là đi được bao lâu thì ba má tôi ghé lại căn nhà dì tôi ở làng Bích La khi trời chưa hừng sáng. Dì dưỡng tôi mừng rỡ đón gia đình tôi vào nhà. Trời bên ngoài rất lạnh, anh tôi và tôi được mẹ cho ăn mặc nhiều lớp áo và có cả cái tôi chằm bằng lá “ghé”, cứ gió chiều nào là xoay về chiều đó nên cũng đỡ rét, vả lại đi bộ cả một quãng đường dài nên anh em tôi không thấy lạnh lắm.

Gia đình tôi ở lại làng Bích La với dì dưỡng tôi ngày hôm đó cho đến xế chiều. Sau khi ăn cơm xong là gia đình sửa soạn di chuyển lên tỉnh. Đoạn

đường từ Bích La lên tỉnh đi bộ chưa đầy nửa tiếng đồng hồ nhưng gia đình đã đi cả tiếng mới tới nơi vì anh tôi và tôi còn nhỏ nên đi chậm. Điều may là đoạn đường này tương đối an toàn vì gần thị xã nên ít có sự hoạt động của Việt Minh.

(Đi tôi là chị ruột của mẹ, lấy chồng ở làng Bích La. Vài năm sau khi đi tôi qua đời vì bệnh, mẹ tôi đã đem chị Bé con của đi lên tỉnh nuôi và anh em tôi coi chị như là người chị cả của mình).

Gia đình bắt đầu đặt chân lên thị xã Quảng Trị khi trời sẩm tối. Lần đầu tiên thấy ánh đèn chúc ngược ở từng cột điện, tỏa ánh sáng vàng vọt lên từng mảng đường rải nhựa, rồi những ngôi nhà cao tầng với ánh đèn sáng loáng, thỉnh thoảng một vài chiếc xe hơi chạy qua bóp còi tinh tinh, rồi những chiếc GMC chở đầy lính tráng...Tôi cảm thấy mình như bước qua một thế giới khác náo nhiệt, ồn ào và lạ lùng, khác với vùng quê yên ắng, tĩnh lặng mà tôi đã sinh ra và lớn lên từ bấy đến giờ...

Chúng tôi tá túc tại nhà của một gia đình mà tôi gọi là bác họ (bác Trương Sĩ Triền) ở con đường chính đi thẳng lên nhà ga xe lửa. Ở đó bác Triền đã cho ba má tôi che tạm một chái nhà dựa vào vách tường đủ để cả gia đình có nơi cư trú. Bác Triền mà ba gọi bằng anh cùng tuổi với ba tôi đã hết lòng giúp đỡ tìm việc làm cho ba tôi (Bác Triền về sau tự học đỗ cử nhân Pháp văn và làm việc trong ngành thông tin. Hiện bác đang định cư ở Seattle theo diện HO và tôi đã có dịp gặp lại bác vào dịp đệ tứ chu niên báo Chính Luận được tổ chức ở trên đó).

Còn má tôi ra chợ tìm cách mua bán để kiếm đồng ra, đồng vào, gia đình tôi bước đầu như thế là tạm ổn. Chúng tôi không còn lo lắng về sự mất an ninh như những ngày còn ở vùng quê nữa. Và ở đây tại vùng phố thị này, anh em tôi được ba má xin cho nhập học trường nam tiểu học Quảng Trị vào niên học 1948-1949.

Những ngày đầu ở phố thị, cái gì đối với tôi cũng lạ lẫm, con đường rải “dầu hắc” thì rộng và dài hun hút từ nhà ga cho đến trại lính nằm gần cửa hữu của cổ thành Quảng Trị, hai bên phố xá buôn bán tấp nập mà sau này mang tên là Trần Hưng Đạo. Chợ Quảng Trị nằm cạnh bờ sông với nhiều dãy quán xá chung quanh bao lấy tòa nhà trung tâm to lớn của chợ nơi chủ yếu bán sỉ các loại hàng vải sợi và đồ dùng bằng gốm và bằng nhựa...

Con đường Gia Long dọc bờ sông trước tòa

thị chính chạy dài xuống chùa Tinh Hội và nối với con đường đất dẫn về chợ Sải thật là thơ mộng và cứ độ hè về, hoa phượng nở đỏ cùng tiếng ve sầu áo náo nhắc nhở cho chúng tôi mùa chia tay với những tập lưu bút của tuổi hoa niên. Con đường Lý Thái Tổ, đường Quang Trung dẫn về sân vận động và trường trung học Nguyễn Hoàng quả thật sau này đã ôm chặt biết bao kỷ niệm của tuổi ấu thơ. Phố thị Quảng Trị không rộng lắm nhưng thật là ấm cúng và nhiều tình người. Tôi sẽ còn nhắc đến thành phố thân yêu này của tôi trên nhiều chặng đường đời mà tôi đã trải qua từ thời thơ ấu cho đến ngày giã biệt để lên đường vào kinh đô Huế xây mộng ước của tuổi thanh xuân “không công danh thà nát với cỏ cây”(theo quan niệm của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ mà các thầy cô dạy Việt văn đã truyền thụ cho chúng tôi khi theo học 6 năm dài ở trường trung học Nguyễn Hoàng).

Tôi bắt đầu vào học lớp năm của trường nam Quảng Trị vào mùa Thu năm 1948. Hồi đó chưa có trường ốc như khi theo học lớp nhì và lớp nhất sau này (xin nhắc lại lớp năm tức là lớp 1 và lớp nhất tương đương với lớp 5 bây giờ). Chúng tôi được học ở đình làng Thạch Hãn, cạnh vườn bông, gần bờ sông. Ngôi đình khá rộng, mỗi lớp chiếm một góc đình. Lớp học thường ồn như nơi chơi búa vì cả bốn lớp đều ê a đọc vắn ở trong cùng một ngôi đình mà không có tường vách ngăn cách. Tôi nhớ hồi đó tôi học lớp năm và lên lớp tư với cô Hồ, vợ của thầy Lương Thanh Phiệt. Cô Hồ có người con tên là Lương Thanh Khiết cùng học với tôi. (Sau này Khiết tốt nghiệp bác sĩ, sau tháng tư đen 1975, Khiết đi cải tạo như tôi và hiện nay đang hành nghề bác sĩ tại Sài Gòn). Tôi nhớ cô Hồ người nhỏ nhắn, tánh tình điềm đạm, rất thương yêu học trò. Cô là cô giáo đầu tiên cầm tay tôi để nguệch ngoạc những mẫu tự a,b,c...đầu tiên của một thằng bé vừa từ vùng quê ra phố thị với tất cả những bờ ngõ đầu đời.

Tôi còn nhớ một kỷ niệm khó quên của những ngày thơ ấu đại ấy. Hôm đó trên đường đi học về, tôi nghe tiếng còi xe hụ từ xa, tôi quay nhìn lại thì một chiếc xe bọc thép (khác với xe bọc thép chạy bằng xích sắt sau này), bằng bánh cao su đang xộc đến phía tôi. Tôi hốt hoảng nhảy xuống con mương đã đào sẵn để lót các ống cống dẫn nước và lọt tồm vào lòng tròn của một vòng cống để núp. Xe đi qua rồi mà tôi chưa kịp hoàn hồn. Một vài thằng bạn

đồng lớp đi cùng đã phá lên cười nức nở và xuống ống cống lôi tôi lên...Mấy đứa bạn tôi thì đã quen, còn tôi vừa mới lên phố thị lần đầu mà, cứ tưởng chiếc xe ấy sẽ đâm bổ vào mình nếu không tránh kịp. Lên lớp ba tôi học với thầy Xáng và thầy Hành. Lớp nhì tôi học với thầy Bùi Thúc Nghinh và lớp nhất để lấy bằng tiểu học thì do cô Đinh Thị Kim Trâm phụ trách. Khi học với thầy Nghinh và cô Trâm thì trường nam tiểu học đã chính thức dời về trụ sở trước cửa hữu cổ thành Quảng Trị, gần nhà thầy Tôn Thất Dương Thanh (bây giờ là Trường Ty Tiểu học vụ của Tỉnh). Thầy Thanh có cô con gái dễ thương cùng học một lớp với tôi là Tôn Nữ Quỳnh Tư (hiện định cư tại Pháp).

Cô Đinh Thị Kim Trâm và thầy Bùi Thúc Nghinh đều là những nhà giáo tốt nghiệp trường Giáo sinh Sư phạm Huế. Tôi nhớ nhiều đến thầy Nghinh vì ngoài giờ học ở trường, tôi còn sinh hoạt trong gia đình Phật Tử Quảng Thiện mà thầy là một trong các huynh trưởng của chúng tôi. Cô Kim Trâm, chúng tôi nhớ rất nhiều vì hồi đó chúng tôi là lớp học trò đầu tiên khi cô chính thức trở thành cô giáo. Cô Trâm hồi đó rất xinh đẹp và học trò rất thương yêu cô. Cứ mỗi lần tan học vào buổi chiều, các bạn trong lớp tự động đi theo bảo vệ cho đến khi cô về đến nhà trọ vì sợ cô bị lính tráng Lê dương (lính Pháp) chọc gheo giữa đường. Trong lớp học của cô, tôi và anh Nguyễn Văn Phước (sau này là Thiếu tá trong QLVNCH, hiện ở tại thành phố Seattle ở bang Washington) thường cứ thay nhau đứng đầu lớp vì thế cô nhớ đến chúng tôi rất nhiều. Hiện cô đang ở với phu quân là kỹ sư Tôn Thất Ngộ tại vùng San Francisco. Tôi có dịp gặp lại cô lần đầu sau gần nửa thế kỷ trong dịp họp mặt Đồng hương Thừa Thiên, Huế nhân dịp Xuân Bính Tuất (tháng 2/06) vừa qua. Thật là cảm động biết bao khi gặp lại cô giáo đã dạy dỗ mình suốt năm lớp nhất, một tuần 5 ngày mỗi ngày 6 tiếng trong suốt 9 tháng trường của niên học 1953-1954. Nhiều học trò cũ của cô như nhà văn Nguyễn Chí Kham (ở Nam Cali), như Phước ở Seattle, hay ở xa như Nguyễn Ngọc Đá (bây giờ đổi lại là Nguyễn Ngọc Túc) tận bên Úc Châu xa xôi cũng thường gọi điện thoại về thăm hỏi sức khỏe của cô. Tình thầy trò của những năm tháng ấy sao mà thấm thiết vậy!

Năm 1954 mùa hè năm đó chúng tôi đã đỗ rất cao trong kỳ thi văn bằng tiểu học (hết cấp 1

nói theo hệ thống giáo dục hiện nay) khiến cô giáo Kim Trâm vô cùng hãnh diện. Tiếp đó, chúng tôi tham dự kỳ thi tuyển vào lớp đệ thất trường Trung học Nguyễn Hoàng niên học 1954- 55 cùng với rất nhiều sĩ tử các quận huyện và các trường tư thục trong tỉnh. Năm 1954 cũng là năm ký hiệp định Genève (20-7-54) chia đôi đất nước Việt Nam với con sông Bến Hải làm ranh giới, Đạo đó, dù còn nhỏ nhưng chúng tôi đã cảm thấy có cái gì mất mát lớn lao trong thực trạng chia cắt của quê hương. Dòng người di cư đổ vào thành phố nhỏ bé Quảng Trị ngày càng đông và phải chia nhau ở các trại tạm trú tại sân vận động. Rất nhiều con em của các gia đình di cư này cũng dự thi vào lớp đệ thất Trung học Nguyễn Hoàng năm đó và anh Nguyễn Văn Thương (nhà thơ Chu Vương Miện) là bạn cùng học với tôi ở trong số này. Sau khi thi xong chúng tôi chờ đợi giờ đọc tên “bảng vàng” mà lòng như lửa đốt và rồi kết quả như chúng tôi kỳ vọng, anh em chúng tôi đều trúng tuyển với thứ hạng cao nhất toàn tỉnh.

Niềm sung sướng và tự hào tràn dâng trong con tim, chúng tôi nhìn về một tương lai rạng rỡ trên cuộc hành trình chiếm lĩnh tri thức mà bảy năm trung học trước mặt là mốc giới phải đạt tới. Và một mùa hè sung sướng của tuổi thơ đi qua với biết bao kỷ niệm tuyệt vời. Rồi mùa thu đến, mùa tựu trường của biết bao con tim đang rạo rục mong chờ.

“Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức với những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường ...”. Cảm ơn nhà văn Thanh Tịnh đã diễn tả lại cảm tưởng ngày tựu trường quá tuyệt vời đến nỗi thế hệ chúng tôi không ai mà không thuộc hết đoạn văn đầy xúc động này trong những tháng ngày của tuổi hoa niên...Thế là tôi đã bước vào một ngôi trường lớn hơn, trường Trung học Nguyễn Hoàng, tên của vị chúa khai sáng vương triều đầu tiên của dòng họ Nguyễn trên đường Nam tiến.../.

(Viết để ghi nhớ những chặng đường đời...)

Trong tập Hồi Ký “Chuyện Kể Của Người Tù Mang Số BD.490”.

LÊ ĐÌNH CAI

TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN



LS. NGÔ TĂNG GIAO

Từ ngàn xưa ngàn xưa tình yêu nam nữ luôn luôn là một nguồn cảm hứng bất tận của thơ văn. Khi đã yêu thì nhìn cái cảnh cây khô cần trợ trụ giữa trời cũng hình như phảng phất đầy hoa thắm, nụ tươi. “Ái tình như ngọn đuốc phù thủy biến túp lều tranh thành lâu đài bằng vàng”, tục ngữ nước Đức nói vậy đó. Tục ngữ nước Pháp nói: “Đời không tình yêu như trời không có nắng”. Ông thánh Paul lại hăm he là: “Thiên đường sẽ chẳng mở cửa để đón chào những người cần cỗi, thiếu tình yêu”. Mẹ Theresa thời nói: “Tình yêu là trái chín của mọi mùa. Nằm trong tầm với của mọi bàn tay”.

Tình yêu thường đưa tới hôn nhân. Nhưng ngày nay, hôn nhân và gia đình đang bị công phá bởi một lực lượng ý thức hệ với nhiều ý kiến khiến ta phải suy ngẫm.

Có người nói: “Phải cầu nguyện một lần trước khi ra trận mạc, cầu nguyện hai lần trước khi bước chân xuống tàu ra biển khơi, nhưng phải cầu nguyện đến những ba lần trước khi... kết hôn!” Hoặc: “Hôn nhân chẳng khác chi một cuốn tiểu thuyết mà trong đó vị anh hùng... chết ngay từ chương đầu tiên.” Có câu tục ngữ lại ví von rằng người ta lấy vợ lấy chồng “không khác nào thọc tay vào một cái bao trong đó có đựng chín con rắn độc và một con lợn, chắc khó mà bắt được trứng con lợn!”



Ai đó còn nhắc lại câu nói bất hủ của nhà hiền triết cô Hy Lạp Socrates: “Bằng mọi giá bạn phải cưới vợ. Nếu bạn gặp được một người vợ tốt thì bạn có hạnh phúc. Còn nếu bạn gặp phải bà chẳng tình thì bạn sẽ trở nên một triết gia.”

Tình yêu và hôn nhân trở thành đối nghịch trong tư tưởng của nhiều người. Chẳng hạn như Oscar Wilde, văn thi sĩ lừng danh của xứ Ái Nhĩ Lan, đã tuyên bố: “Bạn phải luôn luôn sống trong tình yêu. Đó chính là lý do bạn chớ bao giờ nên kết hôn cả.” Còn đại văn hào George Bernard Shaw lại nói rằng: “Nếu hai kẻ đang yêu nhau mà lại nghĩ đến chuyện kết hôn thì không còn gì thiếu khôn ngoan hơn.” Triết gia Herbert Spencer lại chơi chữ: “Hôn nhân là ‘marriage’, lẽ ra phải đọc là ‘mirage’ (ảo ảnh) mới chính xác.” Và Benjamin Franklin thì khuyên rằng: “Trước khi lấy vợ hãy cố mở mắt ra. Sau khi lấy vợ nên cố mà khép mắt lại.”

Có người hỏi cựu tổng thống George W. Bush bí quyết nào khiến cuộc hôn nhân của ông được lâu dài. Ông trả lời rằng: “Chúng tôi thường thoải mái đi tới nhà hàng hai lần một tuần. Có thấp đèn cày, ăn tối, nhạc nhẹ và khiêu vũ. Bà ấy đi vào những ngày thứ Ba. Còn tôi đi vào những ngày thứ

Sáu!”

Thường có những lời khuyên răn là phải thật thận trọng khi quyết định kết hôn nhưng trong thực tế đôi bên nam nữ hình như đôi khi cứ phớt lờ đi và cứ hùng hục lao vào con đường tình yêu này. Thế là mờ cả con mắt. Từ “động phòng” cho tới “động tâm” và cuối cùng đưa tới “động thủ” nhiều khi cũng chẳng lâu la gì cho cam. Thế là... “vác chiếu ra tòa.” Khi ly dị có một chàng trai tuyên bố: “Trước khi cưới tôi là Hoàng tử. Trong ngày cưới tôi là Vua. Sau ngày cưới tôi là lính hầu, còn hôm nay tôi là thằng hề!”. Còn Sacha Guitry nói: “Lúc đầu đàn bà ở trong vòng tay ta, một ngày kia ở trên cánh tay và sắp sửa ngồi trên lưng.”

Nhìn qua nước Pháp thì thấy đương kim Tổng thống của nước này là François Hollande khôn quá. Chàng không bao giờ chịu ký hôn thú gì hết trơn hết trọi! Chàng đã từng lần lượt đưa mấy em về... “*chân trời tím*”. Sau khi “*gom hết mây hai đưa xây lâu đài yêu*” tại cung điện Elysée chàng lại chơi trò “có mới nới cũ”. Chàng cho về hưu sớm hai bà vợ không bao giờ cưới của mình nay đã về già là Ségolène Royal, 61 tuổi, từng là lãnh tụ trong đảng Xã Hội Pháp, rồi đến Valérie Trierweiler, 51 tuổi, một nhà báo làm cho tờ báo nổi tiếng của Pháp, Paris Match, để tòm tem với một em sexy hơ hớ xuân xanh là Julie Gayet, 41 tuổi.

Chắc chàng áp dụng câu ngạn ngữ Đức: “Thiếu nữ là nho tươi, gái già là nho khô” hoặc theo một Việt Nam ta là “Giàu đôi bạn sang đôi vợ.” Với thành tích tình cảm “sống chung hòa bình” không hôn thú này François Hollande quả thật là một tay *playboy* Phú Lãng Sa thứ thiệt. Vào đầu năm 2014 chuyện của chàng bị tờ báo lá cải Closer phanh phui tùm lum ra hết.

Nhân đó người ta nhớ lại là Vua François 1er từng có một câu nói để đời, có lẽ câu này đã gây ảnh hưởng mạnh đến các vị Tổng thống và chánh khách Pháp trong các thế hệ sau đó. Ông vua này nói: “Cung điện mà không có đàn bà (hoặc tình nhân hay cung phi) thì cũng giống như khu vườn trong hoàng cung mà không có bông có hoa vậy.”

Sau khi ly dị cả hai người hôn phối được trả lại đời sống độc thân và tự do tái hôn làm lại cuộc đời tốt đẹp hơn. Theo như J. Paul Sartre ghi nhận: “Thường người ta nói mỗi tình đầu là mỗi tình đẹp nhất nhưng mỗi tình cuối cùng mới thực sự là

mỗi tình bất diệt.” Rất tiếc sau khi ly dị mà tái hôn thì không rõ lần này có phải là lần cuối bất diệt hay không đây?

Xin nghe chuyện cô nàng Zsa Zsa Gabor, nữ tài tử thượng thặng Mỹ nổi danh thì có tới 9 đời chồng. Chính nàng đã từng nhận xét về giới mày râu như sau: “Một người đàn ông đang yêu sẽ vẫn còn là chưa hoàn hảo mãi cho tới khi đi lập gia đình. Nhưng ngay sau đó thì đời chàng coi như đi đứt luôn.”

Nàng Zsa Zsa Gabor qua mặt nữ tài tử Liz Taylor. Nàng Liz Taylor chỉ mới có 7 người chồng trong 8 cuộc hôn nhân mà thôi. Lấy Richard Burton 2 lần. Lần đầu năm 1964. Ly dị năm 1974. Tái kết hôn với chàng này năm 1975. Rồi lại ly dị năm 1976. Chính nàng Elisabeth Taylor từng lớn tiếng tuyên bố: “Hôn nhân là thời kỳ nghỉ ngơi giữa hai đam mê” và “Ly dị là căn bệnh gây ra bởi hôn nhân.”

*

Theo luật pháp Hoa Kỳ thì ly dị có hai hình thức khác nhau: “*ly dị không lỗi*” (no-fault divorce) và “*ly dị vì lỗi*” (fault divorce).

Nguyên do ly dị vì lỗi thay đổi trong từng tiểu bang ở xứ Hoa Kỳ, nhưng nói chung là: “*Bạo hành, ngược đãi*” (cruelty); “*Bỏ phế gia đình*” hay “*Bỏ cư sở hôn nhân*” (desertion and abandonment); Bị kết án và bị “*giam giữ trong lao tù*” (confinement in prison) thường là về một tội hình sự (crimes); “*Không có khả năng về sinh lý*” (physical inability to engage in sexual intercourse), đây là sự «*bất lực*» (impotency); “*Diên, mất trí*” (insanity) và chính yếu là tội “*Ngoại tình*” (adultery.) Ngoại tình còn gọi là hành động “*chuyển nhượng tình cảm*” (alienation of affection) là hành động tình dục, sự liên hệ xác thịt giữa một người đang có vợ có chồng với một người khác, khác hơn là người “*phối ngẫu*” (spouse) tức là chồng hay vợ của chính mình.

Giới bình dân nước Việt ta trước kia không biết có dịp học luật hay không mà cũng giỏi quá chừng chừng, biết tránh né tội gian dâm khi khuyên nhau:

“*Trai tân gái góa thì chơi
Đừng nơi có vợ, chớ nơi có chồng.*”

Với nguyên tắc “nam nữ bình quyền” nên nếu tại quê nhà có lắm “cò non” cho quý ông cao niên nào nghĩ đến việc hưởng thụ, tìm những quan hệ tình cảm mới để tô điểm cho tuổi vàng “golden

years” theo đúng câu “trâu già ham cỏ non” thì nghe nói cũng có lắm “phi công trẻ” hành nghề... “lái máy bay bà già” nữa đấy. Các tay trai trẻ này sẵn sàng hầu hạ chiều chuộng quý bà... xồn xồn nhưng lắm bạc! Thôi không đi sâu vào vấn đề này kéo lại nghe các nhà mô phạm mắng cho là “Đồ mèo mả, gà đồng!”

*

Trước tòa án thì chẳng còn chuyện kiện tụng nào mà lại hấp dẫn và gây chú ý như chuyện xin ly hôn, ly dị vì ngoại tình. Thôi thì tên tuổi các “đương sự”, các nhân chứng, ngày giờ, nơi chốn, bằng cứ làm chuyện “tội bại” phải được phanh phui ra hết. Nếu kẻ “phạm tội” chẳng cần giấu giếm gì về chuyện “affair” của mình thì vụ kiện thật dễ dàng. Dễ có bằng chứng “*quả tang*” (flagrante delicto) mà chẳng cần phải tốn kém nhờ đến thầy kiện và thám tử tư theo dõi đôi “gian phu dâm phụ” để sau này đưa ra bằng chứng trước tòa.

Trong thực tế đa số chuyện “affair” này đều được che đậy rất kỹ. Chuyện “traoi gái” lại chỉ xảy ra trong chốn “phòng the” riêng tư kín đáo, khó mà có được bằng cứ. Còn như nếu các đương sự khai rằng chỉ cùng nhau đi ăn tại McDonald hay “môm năm miệng mười” la lối rằng “chỉ dắt nhau đi ăn chè Nhà Bè” chứ... hồng có mần chi tâm bậy tâm bạ hết, như chuyện xưa tích cũ trong làng ca nhạc tại nước nhà, thì đây đã chỉ rơi vào tình trạng “tiết hạnh... khả nghi” mà thôi, khó có bằng cứ để kết tội lắm.

Thi sĩ La Fontaine đã từng tuyên bố: “Nếu phải trừng phạt tất cả những kẻ phản bội ở trên đời này thì chẳng còn có ai để tha thứ được”. Còn Shakespeare trong tác phẩm Roméo and Juliet lại viết rằng: “Ái tình của bọn trẻ không thực sự nằm ở trong tim chúng, mà là nằm ở đôi mắt chúng.” Trong bài thơ “*Kỳ nữ*” Đinh Hùng tỏ ý tán đồng quan điểm này:

*“Ôi! Cám dỗ cả mình em bằng tuyết
Rợn xuân tình trên bộ ngực thanh tân
Ta gần em mê từ ngón bàn chân
Mắt nhắm lại để lòng người gió bão.”*

Than ôi! Mấy ai chịu nhắm mắt lại để cho “con lợn lòng” yên ngủ! Thế là gió bão nổi lên! Dễ đi tới “tan nhà nát cửa”! Tội ngoại tình khó chứng minh được trước tòa án khi “dâm vô tang, đạo vô

tích”, khó bắt được quả tang chuyện “traoi trên gái dưới”, chuyện... “ma ăn cỗ”, trừ khi chính các con “ma” đó sau khi “ăn cỗ” linh đình cùng nhau xong lại không chịu chùi mép mà còn viết sách, viết hồi ký để hào hứng tường thuật lại nội vụ thì không kể.

Thật vậy! Cứ theo rồi chuyện người đẹp Jennifer Flowers vào năm 1995 viết sách lấy tựa đề giật gân là “*Passion & Betrayal*” (Đam mê và Phản bội) thì rõ ngay. Nàng viết sách kể lại những chuyện hào hứng của mình với ngài Clinton Tổng Thống xứ Cờ Hoa. Nàng vốn là ca sĩ kiêm ký giả đã yêu chàng từ khi chàng chưa làm Tổng Thống, mà còn là Bộ Trưởng Tư Pháp của tiểu bang mà thôi. Chàng thường hay lân la đến căn phòng của nàng để... “giao du thân mật”, dù chàng “vấn đã đóng thuyền” với bà vợ cũng là một thầy kiện!

Thế rồi không rõ chàng đã mở mắt ra “chiêm ngưỡng” thân thể nàng theo kiểu nào mà nàng viết để “diễn tả” về cái nhìn của chàng như sau: “Cái nhìn không những như muốn thoát y em (undress me)... Cái nhìn như muốn lật ngửa em lên và xuyên từ trong ra ngoài (turning me upside down and inside out just by looking at me).” Trong một đoạn khác nàng viết: “Chúng em thèm khát thân xác nhau vì lâu chưa được thỏa mãn. Em thèm khát chàng và rồi chúng em làm tình với nhau hưng phấn như thừa ban đầu gặp gỡ (I was starved for him, and we made love as if it was our first time).”

Chẳng rõ mấy cái “con ma” này có “ăn cỗ” với nhau thật không, có Trời mà biết! Nếu đây là sự thật “trăm phần trăm” thì khỏi cần phải làm thầy bói, thầy tướng số, người ta cũng có thể đoán trúng ngay phóc rằng chàng thì tuổi... “con dê xồm” còn nàng thì cảm tình con... “ngựa”.

Chưa hết! Lại còn thêm một chuyện nữa: Monica Lewinski. Monica gặp Clinton (lúc này đã là Tổng Thống) lần đầu vào mùa hè 1995, khi đó nàng mới 22 tuổi. Chàng tuổi tác hơn nàng gấp đôi. Nàng được tuyển dụng làm thực tập viên tại Toà Bạch Ốc. Một hôm nàng giáp mặt Clinton khi chàng đứng một mình trong căn phòng của chánh văn phòng. Nàng nói: “Bốn mắt chạm nhau” (intense eye contact) và nàng muốn tắt thở (my breath was taken away). Ngay tối hôm đó hai người chung đụng thể xác lần đầu (blow job) và sau đó tái diễn nhiều lần... Nàng nói chàng có tia nhìn “chết người” như muốn lột trần quần áo trên người nàng, rất ham muốn, rất

thèm thường và rất đáng yêu (his eyes were very soul-searching, very wanting, very needing, and very loving).

Trong cuốn “Monica’s story” nàng kể lại buổi gặp gỡ đầu tiên: “Ông ôm tôi, hôn tôi trước và thoáng chốc cả hai không còn một mảnh áo che thân. Nhiều người chê cười tôi để mất phẩm giá khi thoả mãn ông như thế. Nhưng ông đã chứng tỏ là người đàn ông tuyệt vời. Thú thật tôi đã đạt tới cực điểm trước ông (I had the first orgasm of the relationship). Lần gặp thứ nhì, cũng tại thư phòng, trong bồn tắm. Tôi chậm rãi cởi từng nút áo ông. Phản ứng tự nhiên, ông thót bụng lại, bối rối (vì bụng ông hơi to), tôi nói vài câu ve vuốt, trấn an ông. Và trước mặt tôi, là một người đàn ông đời thường, không có vẻ gì là một Tổng Thống Hoa Kỳ.”

Bà Clinton viết, sau khi biết được sự thật trên là bà “điếng người, tâm hồn tan nát và tức giận quá...” “Là một người vợ, tôi chỉ muốn vắn cổ Bill. Những quyết định khó khăn nhất trong đời tôi là cứ tiếp tục ở với Bill và ra tranh cử chức Thượng nghị sĩ New York”. Bà viết trong một cuộc nghỉ hè gia đình chỉ có con chó trong nhà là còn quanh quẩn bên Bill mà thôi. Nhưng sau cùng bà đã nhất quyết yêu ông tha cho ông và hỗ trợ ông trong tư cách tổng thống Hoa Kỳ. Trong vụ ông chồng lem nhem, bà Hillary Clinton đã quyết tâm ngâm bồ hòn làm ngọc, đóng vai hiền thê tha thứ vì bà hiểu rõ bỏ con thuyền Bill Clinton thì bà cũng sẽ bị chết chìm theo luôn. Chỉ có bám vào đó thì mới còn tương lai. Và bà đã tính toán đúng, tương lai chính trị có vẻ còn rất... “hoành tráng” nên đã ra ứng cử Tổng Thống ngay thôi!

Ái tình chan chứa ngọt ngào như mật ong nhưng cũng luôn luôn chen lẫn với mật đắng, có lẽ vì thế nên thi sĩ La Fontaine nói: “Ái tình có những lạc thú cũng như có những hình phạt của nó vậy (L’amour a ses plaisirs aussi bien ses peines).” Không biết chàng Clinton hào hoa sau những lạc thú của mình có phải chịu hình phạt gì không nhưng người ta thấy có một chuyện nữa đáng nói là nhân dịp này bà Clinton có tài liệu hấp dẫn để viết “hồi ký” và bỏ túi khoảng 8 triệu đô la tiền bản quyền tại Hoa Kỳ, không kể khi sách xuất bản ở nước ngoài lại có thêm... lợi tức nữa.

Mãi tới tháng 5 năm 2014 Lewinski mới thỏ thẻ nói rằng mối quan hệ hồi thập niên 1990



với Clinton là sự việc giữa hai người trưởng thành và có sự đồng thuận. Lên tiếng trên Vanity Fair, nàng tuyên bố: “I, myself, deeply regret what happened between me and President Clinton...” Hồng rõ nàng có hối tiếc mà rên rỉ cất tiếng hát rằng: “*Lệ xóa cho em được không những kỷ niệm đắng. Lời nói yêu thương ngày xưa có trở về tìm?...*”

À! Lại còn chuyện mấy tay mơ học đánh golf khi mới gia nhập trò chơi này thường nghe khuyên rằng: “Nhắm cho cẩn thận nhé kéo lại giống như Tiger Wood mà đặt vào nhầm lỗ (put in the wrong hole) mà bị vợ đập cho bể mặt đấy!” Sau đó lại được học thêm bài học nữa là: “A Lewinsky in golf: This is when putting to the cup, the ball runs around the edge of the cup and does not go into the hole.” Hoặc “A Monica Lewinsky” all lip and no hole. Anh em chơi golf nhắc tới khái niệm này khi trái golf chạy vòng quanh miệng lỗ, không chịu rơi xuống lỗ mà lại chạy ra ngoài.

Không hiểu chuyện này có liên quan gì tới những lời khai của ngài Clinton rằng chàng và Lewinsky chỉ “vòng ngoài” mà thôi, chưa hề có sự tiếp xúc trực tiếp giữa hai bộ phận kín đáo của nam và nữ nên về pháp lý thuần túy chưa đủ yếu tố của tội “ngoại tình”? Lại còn chuyện trong một buổi chương trình Talk Show của Oprah Winfrey có đề tài là “oral sex”. Một cậu nhỏ tham dự chương trình nói rằng cậu chỉ biết đến trò này sau khi coi tường thuật chi tiết về sự việc lèo tèo giữa Lewinsky và Clinton trong văn phòng Tòa Bạch Ốc! Thật hết nước nói! Thôi xin tạm ngưng bàn chuyện ngoại tình ở đây vậy!./.

LS NGÔ TÀNG GIÀO

50 NĂM TƯỞNG NHỚ BẮC Đẩu NGUYỄN NGỌC BÍCH HY SINH VÌ TỔ QUỐC



LS NGUYỄN NGỌC ANH TRANG

Năm 1968, tôi học xong trung học, 4 năm sau đó, tôi tốt nghiệp đại học Luật Khoa Sài Gòn. Lúc đó, tôi không hề nghĩ liên hệ của hai năm này đến hai đại biến cố đau thương của cuộc chiến Việt Nam kéo dài gần 20 năm.

Tôi chỉ nhớ là Tết Mậu Thân 1968, ba má tôi cho làm một số bao cát trong phòng khách để chống pháo kích và tháng 4/ 1972 thì anh tôi là đại úy Thiết Giáp Nguyễn Ngọc Bích ra đi vĩnh viễn. Mỗi đến gần đây, một người bạn cũ nhắc lại: “Tú tài Mậu Thân, Cử nhân Nhâm Tý”. Rồi may mắn làm sao, tình cờ tôi được liên lạc với anh Lê Khắc An Bang, mới được biết rõ thêm về những giờ phút sau cùng của anh Bích.

XXX

1/Đây là lời tưởng niệm của anh Lê Khắc An Bang, tốt nghiệp trường Võ Bị Quốc Gia khóa 23, cựu Chi đoàn phó Chi Đoàn 2/18 Thiết Kỵ, danh hiệu truyền tin là Cái Bang (khi Nguyễn Ngọc Bích là Chi Đoàn Trưởng):

Khoảng đầu 4 /1972, Thiết đoàn 18 đang hành quân ở Campuchia thì được lệnh rút về VN cấp tốc, đóng quân 1 đêm ở Tây Ninh, 3 đêm ở Bình Dương, rồi tiếp nhận Chi đoàn 1/15 Chiến Xa



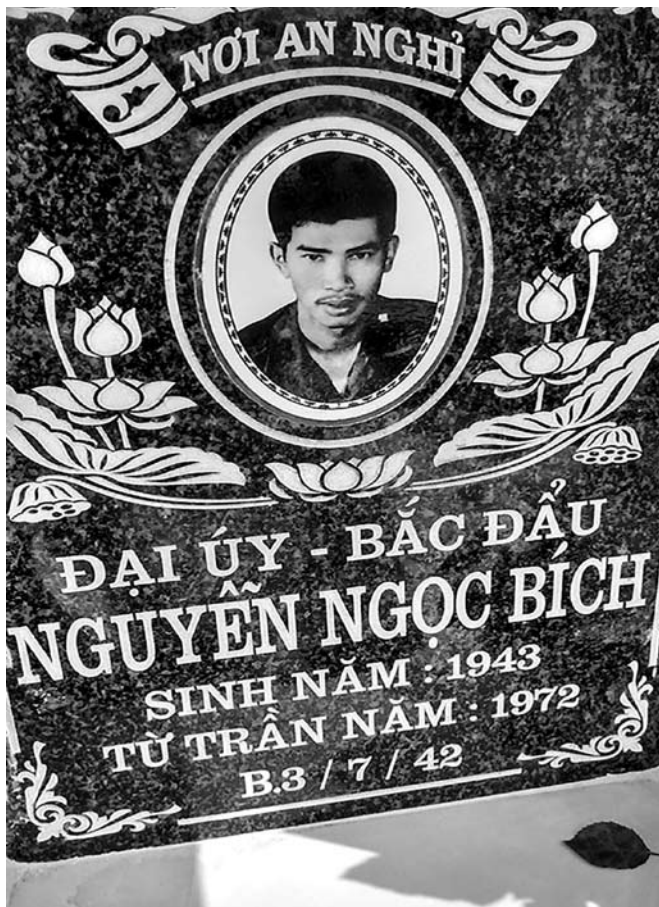
Chi đoàn 2/18 TK

và đi qua Tân Cảng. Sau đó, Thiết đoàn 18 được điều động ra miền Trung bằng 2 dương vận hạm 504. 505, 4 ngày sau thì cập bến Thuận An. Khi được tin là ở chiến trường Quảng Trị là Việt Cộng cũng có chiến xa, nên trung tá Đại Lộc, Bùi Văn Lộc, thiết đoàn trưởng Thiết đoàn 18, ra lệnh cho Chi đoàn 2/18 giao Chi đội 3 (5 chiếc M113) cho Chi đoàn 1/15 CX và nhận lại 1 Chi đội chiến xa (4 chiếc M41).



Đ.U Nguyễn Ngọc Bích Tr.U Lê Khắc An Bang

Như vậy, Chi đoàn 2/18 Thiết Kỵ với 4 M41 hành quân ở vùng Tây và Bắc Quảng Trị. Chi đội 3/2/18TK đóng chung với Chi đoàn 1/15CX tại Hải Lăng (15 km đông nam Quảng Trị) với nhiệm vụ bảo vệ an ninh của lộ trình Mỹ Chánh- Quảng Trị.



Những ngày cuối tháng 4/1972, CSBV từ từ tiến sát vào Quảng Trị thường xuyên địa pháo vào thị xã và dọc theo quốc lộ số 1. QLVNCH phải điều động nhiều đơn vị để bảo vệ phần lãnh thổ này. Tham dự chiến dịch Quang Trung 729 gồm có Chi đoàn 2 và 3 /18TK và Chi đoàn 1/15CX

12 giờ trưa ngày 26/4/1972, Chi đoàn 2 đang hành quân vùng La Vang bên bờ Nam sông Thạch Hãn thì được lệnh tiến quân qua bờ Bắc để tiếp đón 1 tiểu đoàn của SĐ3/BB.

Cộng Sản đã đoán biết được nên trên đường rút về để bảo vệ Quảng Trị, Chi đoàn 2 bị địch chặn đánh. Đến khi ra đến Quốc Lộ 1, một chiến xa M41 bị hư hại nặng và một số chiến sĩ tử trận, trong đó có một sĩ quan là chuẩn úy Cương. Không biết anh Cương quen biết anh Bích lúc nào mà anh Cương và anh Bích cùng tử trận trên một chiến trường, kẻ trước, người sau. Hai bậc sanh thành của anh Cương có đến gặp Má tôi và kể lại tình huynh đệ này.

Qua cầu Quảng Trị, quẹo về hướng Tây, dọc theo sông Thạch Hãn, đi thêm khoảng 500 mét đến bìa thôn Nhân Biểu 2 thì bắt đầu chạm súng. Cộng



Sản gài được rất nhiều chốt, nhưng Bắc Đầu Bích vẫn điều động được đơn vị mình tiến thêm chừng 2 km sau khi nhỏ bỏ được 4, 5 chốt. Chi đoàn bắt tay với cánh A/1 tiểu đoàn Bộ Binh tại thôn Nhân Biểu 2.

Đêm hôm đó, khi đóng quân ở thôn này, Chi đoàn 2 bị pháo kích suốt đêm.

Sáng ngày 27/4/1972, Chi đoàn được lệnh tiến sâu vào hướng Tây để hội nhập với cánh B/tiểu đoàn Bộ Binh vì VC lợi dụng đêm tối đã gài thêm chốt giữa 2 cánh A và B. May mắn là có một đại đội Biệt Động Quân từng thiết với Chi đoàn hơn 1 tuần nay nên 2 đơn vị phối hợp ăn khớp cùng tiếp tục nhỏ chốt. Đến gần giữa trưa thì đón được cánh B, 2 đại đội tổng cộng có chừng 200 binh sĩ, nay chỉ còn 60, 70 mà thôi. Thiết giáp cũng bị thiệt hại nặng nề: 1 chiến xa M41, 3 chiến xa M113, 2 chiếc súng cối M125 và đau lòng hơn nữa khi chuẩn úy Nguyễn Văn Hồng, chỉ đội trưởng đội 4 súng cối tử trận vì trúng hỏa tiễn điều khiển AT3. Chỉ trong vòng 2 ngày mất 2 sĩ quan!

Chi đoàn 2 theo Bộ Binh trở ra thôn Nhân Biểu 2 kéo theo những chiếc xe hư hại. Khi đến nơi, tiểu đoàn trưởng Bộ Binh cho biết ông có lệnh đem tiểu đoàn về Quảng Trị và trao trả Chi đoàn về đại đội Biệt Động Quân (2 đơn vị đã phối hợp hơn 1 tuần nay)

Đến 14 giờ, Bắc Đầu nhận được lệnh trở lại Thiết đoàn 18 vì BĐQ đã hết nhiệm vụ tăng phái. BĐQ sẽ đi bộ ra bìa thôn chừng 2 km và có xe đến đón. Khoảng 1 giờ sau đó, sau một cuộc đàm thoại với trung tá Đại Lộc Bùi Văn Lộc, Bắc Đầu thần sắc rất nghiêm trọng ra lệnh cho Cái Bang là phá hủy tại chỗ những xe không còn sử dụng được đừng kéo theo nữa.

Uống xong một ly cà phê sữa, Bắc Đầu nhắc

lại với Cái Bang là phải hoàn tất việc phá hủy xe nhanh chóng rồi cuốn gói ra quốc lộ 1 (bờ Bắc cầu Quảng Trị) càng sớm càng tốt, nếu anh em chưa ăn trưa kịp thì chờ ra đó ăn. Rồi anh Bích lên xe M113 đi họp với Đại Lộc. Đây là lần sau cùng Chi đoàn trưởng và Chi đoàn phó đối diện nhau.

Phá hủy xong các xe bị hư hại, Cái Bang đem Chi đoàn đi về hướng Tây Nam bố trí theo hình vuông cách quốc lộ 1 khoảng 50 mét, Khi ra đến đây, mới hiểu rõ lý do vì sao Bắc Đẩu lộ vẻ nghiêm trọng. Chỉ mới có 1 ngày mà tình trạng quốc lộ 1 thay đổi hoàn toàn, tập nập người di tản. Từ hướng Đông Hà vô, đa số đi bộ hay trên xe nhỏ chuyên chở có dân mà cũng có lính... Từ hướng Huế ra, đa số là xe nhà binh chuyên chở thùng gỗ, thùng sắt, nhìn biết ngay là thùng đạn dược hay các phuy xăng dầu, xe bồn.

Khoảng 16 giờ Bắc Đẩu gọi truyền tin về Chi đoàn, anh dặn dò cho chiến sĩ lo cơm chiều sớm, ai không lo cơm nước thì phải đi kiểm soát chiến xa, đạn dược. Cái Bang lại trình bày những trở ngại: binh sĩ mệt mỏi, cần phải nghỉ ngơi, Chi đoàn bị thiệt hại nhiều, cần tu bổ thêm nhiên liệu, súng đạn. Bắc Đẩu nói tiếp là đơn vị Bộ Binh mình đón ngày hôm qua, còn thiếu sót một toán binh chừng 15, 20 người, vì ở phía hậu, phải tránh né chốt địch nên không theo kịp. Bộ Binh đề nghị với Lữ đoàn cho Chi Đoàn 2/18 cùng đi chung. Rồi anh Bích nói một câu mà Cái Bang từ lúc đó đến nay, không làm sao quên được: *“Ai cũng vậy, chi chết có một lần thôi. Biết tại nó gặp nguy hiểm mà mình không cứu, sau này xuống dưới mặt mũi nào nhìn nhau.”* Cái Bang chuyển lời dặn đến các chi đội trưởng, Thật ra thì lúc nào binh sĩ cũng sẵn sàng, mọi khi đóng quân luôn kiểm soát xe cộ, xăng dầu, súng đạn, can nước v.v.. Đây chỉ là nhắc nhở các anh em mà thôi! Chắc Bắc Đẩu đã dự đoán được những cuộc chiến đẫm máu sắp đến.

Trong lúc chờ đợi Bộ Binh, các chiến sĩ của Chi Đoàn 2 vẫn hồn nhiên, không hề biểu lộ lo lắng, sợ hãi, mặc dầu chiến sự bên ngoài rất trầm trọng. Thiếu úy Phiêu (chi đội 1) ra lệnh cho anh em nấu một nồi nước trà để dân hay lính đi ngang qua được giải lao. Ba xe M113 nằm gần đó cũng nấu nước trà như vậy.

Đoàn người đang chạy giặc bỗng khựng lại vì một số người trên cầu Thạch Hãn đang chạy

ngược về sau khi một quả pháo rơi ngay giữa cầu. Mặc dầu cầu không bị thiệt hại nhưng một chiếc xe bị hư cần phải kéo ra nên lưu thông phải ngừng lại. Thời gian cũng như ngừng trôi... 30 chiếc xe có mục đích là để tiếp tế nhiên liệu, đạn dược cho các đơn vị ở phía Bắc cầu cũng kẹt lại phía Nam cầu.

Đến 18 giờ qua ông liên họp (micro của máy truyền tin) , Bắc Đẩu hỏi thăm tin tức của đơn vị Bộ Binh và nói với Cái Bang là anh trên đường trở về Chi đoàn, chạy theo sau anh là xe chở xăng dầu, đạn dược nhưng di chuyển rất chậm vì kẹt xe!. Anh lính gác cầu nhận ra chiến xa M113 của Bắc Đẩu đang tìm cách len lõi qua, nhưng vì một chiếc xe chở nhiên liệu bí lún cát nên Bắc Đẩu nói với anh Tốt, tài xế của chiếc xe này nên bình tĩnh, chờ cứu nạn xa đến kéo ra. Nhưng rồi Bắc Đẩu thay đổi ý kiến, không cần gọi cứu nạn xa đến nữa, anh sẽ quay trở lại kéo xe ra. Đứng ra là với chức vụ Chi đoàn trưởng, anh Bích không có nhiệm vụ kéo xe. Cái Bang là người cuối cùng nghe tiếng nói của Bắc Đẩu.

Ngay lúc đó, một quả pháo rơi vào giữa đoàn xe, một cột lửa cháy cao, một tiếng nổ lớn rồi khói bốc lên mịt mù. Anh lính gác cầu la lớn: “chết thẳng Tốt rồi !” Sau khi biết là pháo đã trúng vào 1 xe nhiên liệu, Cộng Sản tập trung bắn vào đoàn xe hàng loạt hàng chục quả pháo rớt xuống quốc lộ 1, hỗn loạn càng thêm hỗn loạn. Hơn cả chục lần, Cái Bang cố gắng liên lạc vô tuyến với Bắc Đẩu và đoàn xe trên cầu, nhưng vô vọng, truyền tin trên radio hoàn toàn bị gián đoạn. Xe xăng cháy, lan qua xe đạn, xe đạn nổ bắn qua xe xăng, cả vùng trời đỏ rực. Trên một khoảng đường chỉ chừng 500 mét, 30 chiếc xe với mục đích tiếp tế cho tiền phương lần lượt bị phá tan. Cái Bang gọi cứu nạn xa đến giải cứu, nhưng vì tình trạng quá nguy hiểm nên xe đành phải trở về.

21 giờ, Đại Lộc cho Cái Bang nhiệm vụ chỉ huy Chi đoàn 2/18TK thay thế Bắc Đẩu. Cái Bang báo cáo là Chi đoàn 2 chỉ còn 2 chiến xa M41, 6 M113, 1 M125 (súng cối) và 1 xe sửa chữa. Trong 3 Chi đoàn ở mặt trận Quảng Trị, Chi đoàn 2 là bị thiệt hại nặng nề nhất, tuy vậy tinh thần của anh em vẫn còn vững vàng, không nản chí mặc dầu rất buồn. Đại Lộc nói thêm vì ông không liên lạc được với Bộ Binh nên ra lệnh cho Chi đoàn 2 tiến sâu vào độ 200 mét, đến một xóm nhà nhỏ đối diện với

bìa thôn Nhân Biểu để liên lạc với một đơn vị Biệt Động Quân. Còn tình trạng của Bắc Đẩu cùng nhiều anh em bị pháo kích sẽ thuộc trách nhiệm của Ban Quân Y.

Đêm 27 qua 28/4/1972 tương đối êm lành, chỉ có pháo bay qua khỏi đầu. Đến 3, 4 giờ sáng, khi khói lửa tàn lụi, Ban Quân Y đến và xác nhận Bắc Đẩu cùng với nhiều anh em khác đã hy sinh. Không ai biết được thể bài của anh thất lạc về đâu chắc là bị thiêu hủy.

Trưa 29/4/1972 đơn vị Biệt Động Quân rút ra gần quốc lộ 1, nhưng không có lệnh gì cho Chi đoàn 2. Sau khi Cái Bang liên lạc được với Đại Lộ thì rút quân về bờ Nam Thạch Hãn và chờ lệnh mới.

Khi Cái Bang xin phép được thăm viếng anh Bích lần sau cùng thì được Đại Lộ cho biết là 3 quan tài của đại úy Nguyễn Ngọc Bích, trung úy Nguyễn Phi Hùng và thiếu úy Nguyễn Hồng đã được giao cho Chi Đoàn 1/15CX đưa về phi trường Phú Bài.

Đôi khi, Cái Bang lại nghĩ: *“Nếu khi thoát quả pháo đầu, anh cứ tiếp tục đi đừng quay trở lại để việc cứu cái xe bị nạn cho cứu nạn xa (theo đúng nhiệm vụ) thì anh có thoát được trận pháo đó không?”*

2- Viết theo báo cáo của Chuẩn úy Trần Văn Minh, chi đội trưởng Chi Đội 3 thuộc Chi đoàn 1/15CX lãnh nhiệm vụ đem 3 quan tài về:

Sáng 29/4/1972 Minh nhận lệnh của Thiếu tá Nho, Chi đoàn trưởng Chi đoàn 1/15CX cùng với một trung đội Biệt Động Quân từng thiết đi đến ngã ba vào thôn Mai Đăng (hướng ra Quảng Trị) để đón chiếc M548 (xe vận tải chạy xích) chở quan tài 3 sĩ quan Bích, Hùng và Hồng và hộ tống về Mỹ Chánh (hướng về Huế).

Từ mấy ngày nay, trên đoạn đường này nhất là từ ngã 3 Hải Đăng tới Cổng Đá , Cộng Sản đã đóng chốt cách quốc lộ ba, bốn trăm thước và bắn pháo chặn đường dân di tản về phía Nam. Chuẩn úy Minh khi đến ngã ba chưa thấy xe M548 nên bố trí trên lộ ngồi chờ. Tình trạng tương đối êm, chỉ thỉnh thoảng bị pháo chớ không bị tấn công bằng súng bắn thẳng. Đến gần trưa khi xe M548 đến thì cả đoàn bắt đầu đi về hướng Nam. Sáu xe theo thứ tự : xe 32 (của Chi đội phó), xe 33, xe M548, xe 31 (của chi đội trưởng), xe 34 và sau cùng là xe 35. Vừa qua khỏi Hải Lăng thì tình trạng thay đổi, pháo

roi xuống nhiều, nhắm vào quốc lộ. Đoàn xe tiến lên chậm chạp, nhưng chỉ được 1 km thì bị một chốt của địch chặn lại ngay Cổng Đá, với các chốt ở hai bên đường bắn vào. Một số xe chạy lẩn xuống hai bên đường để thoát ra vùng tử địa thì bị lún cát, lún bùn. Chuẩn úy Minh ra lệnh cho Chi đội đổi hướng về bên tay phải của đường, vừa đi vừa tác xạ vào những địa điểm nghi là có địch. Tiến lên chừng trăm thước, xe M548 mới tránh xe bị lún cát, chạy ép qua bên phải, bánh xe xích bên phải lảnh một đạn pháo chống chiến xa của địch, bánh xe bên trái vẫn tiếp tục quay nên xe quay đầu về bên phải, trốn dây xe chạy thêm 50, 60 mét hướng thẳng vào chốt của địch. Từ vị trí ở giữa đoàn xe M548 trở thành xe tiến xa nhất. Chuẩn úy Minh ra lệnh cho Chi đội dàn hàng ngang, vừa tác xạ vừa tiến quân qua khỏi M548 để yểm trợ cho xe 33 quay đầu lại, kéo xe M548 và cứu được 3 binh sĩ. Tuy nhiên, vì Cộng Sản tập trung hỏa lực, xe 33 bị trúng 2 quả , 5 binh sĩ ở xe 33 chạy đi tìm chỗ tránh đạn được 4 chiếc xe còn lại đón lên, vừa tác xạ vừa lùi ra quốc lộ, Điều ngạc nhiên là khi Chi đội thụt lùi thì Cộng Sản lại ngừng bắn. Khi ra đến quốc lộ, trung đội Biệt Động Quân ở lại đây để sẵn sóc , yểm trợ thương binh, 4 xe của Chi đội dàn hàng trở vào để kéo xe M548 ra. Cùng với số phận với xe 33, xe 34 rồi cũng trúng đạn. Chi đội trở ra quốc lộ, 6 xe bây giờ chỉ còn 3. Chiều xuống, Chi đội đóng quân trong lúc chờ lệnh mới. Chuẩn úy Minh, chi đội trưởng và thượng sĩ Châu, Chi đội phó bàn một kế hoạch là lợi dụng đêm tối, Chi đội sẽ trở vào đi kéo xe M548 ra. Thiếu tá Nho đồng ý với kế hoạch này, nhưng cho biết là Chi đội sẽ không được yểm trợ pháo binh như chuẩn úy Minh yêu cầu.

Đến giữa đêm 3 xe của Chi đội 3 từ từ tiến vào, xe 32 của thượng sĩ Châu được lệnh kéo xe. Vì không có pháo binh yểm trợ nên Cộng Sản chỉ nghe rõ được tiếng động di chuyển mà không nhìn rõ được, bắn đạn bừa bãi không trúng mục tiêu. Chi đội vào đúng vị trí, xe 31 và 35 bố trí 2 bên chờ khi xe 32 móc dây cáp vào xe M548 , bắt đầu kéo xe ra thì sẽ tác xạ tối đa để yểm trợ. Cộng Sản vẫn còn bắn bừa bãi chứng tỏ là chúng chưa nhìn thấy được xe của Chi Đội. Khi thượng sĩ Châu sẵn sàng xuống xe để móc dây cáp và tài xế xe 32 chuẩn bị quay xe lại thì bỗng có tiếng địch hô lớn: “Xung phong”. Nghĩ rằng vị trí đã bị lộ, xạ thủ đại liên trên xe 32 khai hỏa. Tiếng súng đại liên cùng với lửa tóe ra ở nòng



súng giúp cho Cộng sản nhìn được mục tiêu, rồi cả chục quả pháo bắn vào xe 32. Thượng sĩ Châu ngã gục, rơi trở vào thùng xe, thi hài anh được một người lính kéo ra khỏi cửa sau của xe 32, đem qua xe 31 rồi cùng

cho biết: đã tìm được 3 cái hàng (hòm) của Bắc Đẩu, thiếu úy Hùng và chuẩn úy Hồng. Đang chờ làm thủ tục và phương tiện đưa về Sài Gòn.

Như vậy là khoảng ngày 8 tháng 7 năm 1972 thì hòm của 3 vị sq này đang chờ thủ tục và phương tiện.

Lúc đó có nhiều trường hợp tương tự nên tôi không biết được ngày nào thì bay vào Nam.

Rất tiếc tôi không biết hiện giờ thượng sĩ Lai ở đâu.

Nhớ lại vào năm 1965, sau khi anh Bích tốt nghiệp khóa 18 trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, nhiệm sở đầu tiên của anh Bích là Chi đội trưởng Chi đội 3, thuộc Chi đoàn 3 của Trung Đoàn 1 Kỵ Binh Thiết Giáp đóng ở Bình Dương. Chi đoàn 1/1 mang khăn quàng cổ màu xanh dương. Chi đoàn 2/1 khăn màu đen. Chi đoàn 3/1 (Chi đoàn trưởng khi đó là trung úy Trần Hữu Thành) khăn màu tím hoa sim.

xe 35 trở ra quốc lộ đóng qua đêm.

Sáng 30/4/1972 Chi đội 3 vẫn chờ lệnh cho tăng cường để trở vào kéo xe M548, nhưng đến trưa thì được lệnh rút ra khỏi Hải Lăng, họp lại với Chi đoàn 1/15CX với nhiệm vụ mới. Cùng lúc đó, Cái Bang được lệnh rời bỏ cầu Thạch Hãn đem Chi đoàn 2 về với Thiết Đoàn 18 và bắt đầu rút lui.

Trên đường rút lui, khi vượt qua sông Nhung thì anh em nhận ra 2 chiếc M113 của Chi đội 2 bị chìm, trong xe có thi hài của 3 chiến sĩ Biệt Động Quân.

Thi hài của anh Bích, Hùng và Hồng nằm trên xe M548 cùng 3 xe M113 ở phía Nam Hải Lăng cho đến cuối tháng 7/1972, sau khi QLVNCH tái chiếm Quảng Trị mới đem về cho gia đình.

XXX

3-Theo lời kể của Trung Tá Hồ Cáp Trần Hữu Thành, cấp chỉ huy của đại úy Bích:

Sau khi anh Bích từ trần, lúc ấy thiếu tá Hồ Cáp Trần Hữu Thành (sau này lên Trung Tá), thay mặt BCH Thiết Giáp đến báo tin buồn với gia đình tôi, bảo đảm là bằng mọi giá, thi hài của anh Bích sẽ được đem về cho gia đình, rồi tang lễ sẽ được cử hành theo ý nguyện của ba má tôi.

“Chiến dịch tái chiếm Cổ Thành” bắt đầu ngày 28.06.72. Sau đó khoảng 10 ngày thì thượng sĩ Lai (HSQ tiếp liệu / phụ trách tiền cứ ở Phú Bài



Hơn 7 năm sau, mỗi khi Chi đoàn trưởng Chi đoàn 2/18 Thiết Kỵ Bắc Đẩu có dịp về Sài Gòn là đến Tổng Y Viện Cộng Hòa thăm viếng thiếu tá Hồ Cáp, đang điều trị ở nơi này.

Tôi nhắc lại những chi tiết này để nhấn mạnh về tình anh em, đặc biệt giữa Hồ Cáp và Bắc Đẩu, từ ngày đầu tiên anh Bích tham chiến đến giây phút

sau cùng. Vì vậy, không ai ngạc nhiên là trung tá Hồ Cáp đã hết lòng theo dõi những cố gắng để đem thi hài Bắc Đẩu từ Quảng Trị về. Ông là sĩ quan đến phi trường Tân Sơn Nhất để đón nhận quan tài của Bắc Đẩu.

Khi còn sanh tiền, anh Bích luôn nói là anh muốn được ở gần đồng đội sống hay chết. Vì vậy, ba má tôi chọn nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa là nơi an nghỉ của anh. Sau khi miền Nam rơi vào tay Cộng Sản, nghĩa trang này bị phế bỏ, điêu tàn. Trước khi lên đường qua Canada, dù biết là không có ngày trở về, má tôi vẫn không chịu lấy cốt anh lên, vì tôn trọng ý nguyện của anh Bích: “đồng sanh, đồng tử”. Anh Bích dù là con trưởng của ba má tôi đã trở thành quân nhân của gia đình QLVNCH, trong binh chủng Thiết Giáp.

Tôi viết lại những sự kiện này không hề có ý nghĩ mang lại hào quang sáng chói đến cái chết của anh Bích. Anh tôi cũng như hàng trăm ngàn chiến hữu khác đã hy sinh cả cuộc đời của mình để bảo vệ quê hương. Đáng buồn là cuộc chiến này kết thúc trái ngược với sự mong ước của nhiều người...
Hồi ký này xin gửi tặng đến gia đình của:

“NHỮNG NGƯỜI CHINH CHIẾN BẢY LÂU
NHẸ XEM TÍNH MỆNH NHƯ MÀU CỎ CÂY”

LS NGUYỄN NGỌC ANH TRANG

Tái Bút:

Vào khoảng 1 tuần cuối tháng 3/1972, trước khi lên Dương Văn Hạm ra Quảng Trị, anh Bích thường đến Tổng Y Viện Cộng Hòa mời thiếu tá Hồ Cáp (đang điều trị ở đây) đến phòng trà Pha Lê, là nơi ban nhạc của Trần Thiện Thanh phụ trách. Mỗi đêm tại phòng trà này, Hồ Cáp với Bắc Đẩu ngồi thưởng thức nhạc với 3 ly rượu trước mắt, ly thứ 3 với 1 liều thuốc lá để tưởng niệm Phi Diêu, cố Chi đoàn Trường 2/18TK đã hy sinh ở Cambogia vài tháng trước và Bắc Đẩu lên thay thế. Nhìn thấy lạ, vì hiếm kỳ, nhạc sĩ Trần Thiện Thanh đến hỏi lý do về ly rượu thứ 3, từ đó họ kết bạn, mỗi đêm là đến ngồi cùng bàn với 2 (thật ra là 3) ông Thiết Giáp.

Khi anh Bích nằm xuống hay tin qua Hồ Cáp, nhạc sĩ Trần Thiện Thanh đã sáng tác nhạc phẩm “Bắc Đẩu”, trong đó có câu “có thấy chiếc mũ đen, của người lạc trong đêm./.

HỮNG HỜ



Ngựa hò ta cưới không yên
Vẫn thương cạn tứ, rượu tiên khô bầu
Biển thiên bãi biển còn dàu
Thành đô cát bụi pha màu tuyết sương
Đường tình buồn lòng giày cương
Biết đâu tổ ấm, bên thương mà tìm !
Mịt mù tăm cá bóng chim
Mộng yên ương ấy còn chìm trong mơ
Gió mây bao xiết hững hờ
Giòng Tương giang xẻ đôi bờ cô liêu
Có yêu mới thấy gieo neo
Có vương ý nhớ mới nhiều tình mong
Đường hoang lạc bước phiêu bồng
Đã yêu nát cánh hoa lòng vẫn yêu ! ...

NGUYỄN VĂN AN

BÌNH LUẬN VỀ THẾ SỰ UKRAINE



LS. NGUYỄN VĂN ĐỊNH
MA, MSW, JD, Ph.D.

Bài này viết cho Đặc San Luật 2022 với chủ đề bài viết phải liên hệ đến Trường Luật, Kinh nghiệm nghề nghiệp, thơ, thời sự

Khác với những năm trước viết về Kinh nghiệm Nghề nghiệp, thơ, năm nay tôi viết về thời sự: “Chiến Cuộc Ukraine” với tính cách trào phúng, chua cay về những tên tội đồ của các dân tộc nhược tiểu.

Tôi gọi là **BÌNH LUẬN** mà không gọi là Bình Luận vì tôi không phải là nhà nghiên cứu, cũng chẳng phải là nhà bình luận chuyên nghiệp và cũng chẳng có tài liệu để tham khảo. Tôi chỉ theo dõi tin tức thời cuộc qua Internet rồi đúc kết theo sự hiểu biết của tôi thành bài viết “BÌNH LUẬN” này để quý vị đọc cho vui .

Như chúng ta đã biết Putin xuất thân là một con nhà “CỐM” trong lò tinh báo Gian điệp KGB của Liên Bang Sô Viết cũ. Ngày nay “ lò ” này đã đổi tên nhưng tên Putin vẫn còn đó. Làm tinh báo gian điệp là phải có nhiều mưu mẹo xảo trá gian ác nên Putin không loại trừ những yếu tố đó. Khi



Putin nắm quyền lực trong tay liền thay đổi Hiến Pháp (*), bãi bỏ nhiệm kỳ tổng thống để nắm giữ quyền lực suốt đời. Ông nghiêm nhiên trở thành nhà độc tài và muốn trở thành “Nga Hoàng” của ngày xưa, hoặc ít ra cũng là “Kruschev” thời Liên Bang Sô Viết cũ.

Để thực hiện tham vọng này, Ông muốn thành lập lại Liên Bang Sô Viết xưa, xâm chiếm Crimea, rồi Belarus.... Cuộc xâm chiếm này lúc đó TT nước Mỹ đen và NATO không có phản ứng. Putin đã chiếm dễ dàng những nơi này để thành lập chính phủ bù nhìn dưới quyền kiểm soát của ông ta.

Bây giờ Putin nghĩ là đã đến lúc mà ông có thể chiếm Ukraine một cách dễ dàng, một nước nhỏ bé có nhiều tài nguyên, dân số ít, quan số ít mà lại không được trang bị vũ khí tân tiến như nước Nga. Putin ước tính là chỉ trong 2 ngày mà nhiều nhất là độ 1 tuần là Nga có thể chiếm gọn được Ukraine. Theo bản đánh giá của ông thì NATO chia rẽ, Tổng Thống nước Mỹ trắng lại già nua lắm cảm, hèn nhát, nói trước quên sau thì càng lại không dám can thiệp vào việc xâm chiến này. Trước khi hành động Ông còn cẩn thận liên kết chính trị và quân sự với Trung Cộng để phòng hờ nếu có bất trắc gì xảy ra thì có thêm TC để chống lưng, vì lúc này TC



cũng muốn nuốt Đài Loan, nên chúng liên kết hành động cùng một lúc với nhau là cần thiết.

KẾ HOẠCH:

Nga ước tính chiếm Ukraine trong 2 ngày hay 1 tuần là cùng và TC cũng tính chiếm Đài Loan với thời gian ngắn như thế, vì đảo Đài Loan nhỏ bé, dân và quân ít và đảo này có nền kinh tế đáng giá và lại có vị trí địa chính quan trọng. Nếu chiếm được đảo này TC không những sẽ phát triển kinh tế mạnh hơn với thế giới bên ngoài mà còn vượt ra Thái Bình Dương dễ dàng mà không bị cản trở.

Hai kẻ cướp này nghĩ rằng sẽ hỗ trợ nhau nuốt chửng 2 nước nhỏ bé kề bên chỉ trong tích tắc, Mỹ hay quốc tế có can thiệp cũng trở tay không kịp mà chuyện chiếm đóng là chuyện đã rồi.

HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT

Hai tên cướp cần gặp nhau để bàn thảo và cam kết về liên minh quân sự và chính trị. Putin đi cùng phái đoàn lực sĩ Nga Sô sang Trung Cộng, như là hấn cầm đầu phái đoàn lực sĩ Nga đi dự Thế Vận Hội, nhưng thực tế là họp bàn kế hoạch xâm chiếm của hai cường quốc này.

Trung Cộng yêu cầu Nga đánh chiếm Ukraine sau ngày Thế Vận Hội kết thúc. Do đó, Nga đánh Ukraine 4 ngày sau khi Thế Vận Hội chấm dứt và cuộc xâm lăng của chúng đã bắt đầu.

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH:

TC để cho Nga nấn gân Mỹ là đánh chiếm Ukraine trước và ngay sau đó TC đánh chiếm Đài Loan.

Nếu Mỹ không can thiệp khi Nga đánh Ukraine thì chỉ 2 ngày hay 1 tuần là Nga đã chiếm xong. Ngay sau đó TC đánh chiếm Đài Loan, Lúc đó Nga rảnh tay chống lưng cho TC thì Mỹ lại càng không dám bảo vệ Đài Loan vì “Cả hai đánh một thì không chột cũng què”. Cuộc chiếm Đài Loan, một đảo nhỏ, quân số ít, vũ khí ít thì cũng chỉ chiếm trọn trong 2 ngày. Đảo này có kỹ nghệ phong phú và lại còn có địa chính quan trọng mà TC đã nhòm ngó từ lâu nhưng không dám chiếm, vì biết không thắng được nếu Mỹ can thiệp.

NẾU Mỹ can thiệp vào Ukrainew thì TC tiến chiếm Đài Loan vì Mỹ không thể tham chiến hai mặt trận cùng một lúc chống lại hai nước hùng mạnh như Nga, Tàu. Do đó chúng cũng sẽ thành công hơn.

SỰ LIÊN MINH BẤT THÀNH

Thế nhưng thiên bất dung gian, sự liên kết này bất thành vì Nga đánh vào Ukraine không thắng mà Mỹ và vài nước khác chỉ trợ giúp vũ khí cổ điển, tình báo và tiền bạc - không nhảy vào tham chiến, vẫn đứng ngoài nên TC một mình không dám đánh Đảo Loan vì biết rằng không thể thắng được khi Mỹ quyết tâm bảo vệ đảo này.

Nga thất bại vì Putin đã chủ quan, ước tính sai lầm nên sau 2 ngày và sau cả 2 tuần, và ngay cả 2 tháng Nga đã không nuốt nổi Ukraine vì ý chí kiên cường chống xâm lăng của dân nước này và sự giúp đỡ của các nước khác. Nga đã không những không chiếm nổi mà quân số của Nga đã bị tiêu diệt mất 1/3, vũ khí và quân dụng tân tiến của Nga đã bị thiệt hại nặng nề. Bởi vậy, Putin phải thuê đến 20,000 lính đánh thuê mà cũng không cứu vãn được tình thế. Trong khi đó Trung Cộng không dám đưa quân sang tiếp cứu Nga, vì sợ bị liên lụy và bị cấm vận vạ lây. Ngay cả ở Hội Nghị Liên Minh Châu Âu <?> họp

lên án Nga xâm chiếm Ukraine, TC không dám ủng hộ Nga mà bỏ phiếu trắng. Putin ở trong tình trạng tuyệt vọng, tuyên bố sẽ dùng vũ khí nguyên tử và nước nào giúp Ukraine chống lại Nga sẽ bị Nga trả thù.

Lúc đầu thì các nước, nhất là NATO ngần ngại nên đã không nhiệt tình giúp đỡ Ukraine. Chỉ có một vài nước ủng hộ cũng không sốt sắng. Ba Lan, chẳng hạn, sợ Nga trả thù, muốn giúp Ukraine máy bay Mig 29 để đổi lấy máy bay F16 của Mỹ nhưng không dám chuyển thẳng cho Ukraine ngay sát biên giới của mình mà đòi chuyển qua Đức hay qua nơi Mỹ chiếm đóng để rồi mới chuyển cho Ukraine. Cũng ngay từ lúc đầu một số nước viện trợ nhỏ giọt cho Ukraine để tiêu thụ một số vũ khí cũ, (tính thành tiền viện trợ), để rồi họ có dịp sản xuất vũ khí mới.

Sau khi thấy Nga, không phải thực sự hùng mạnh mà chỉ là con cop giấy nên các nước và nhất là NATO đã đổ xô vào giúp Ukraine nhiều hơn và cả vũ khí tối tân hơn nên quân Nga bị thiệt hại nặng và bị đánh bật ra khỏi nhiều thành phố. Đồng thời quốc tế cấm vận Nga Xô nên nền kinh tế và tài chính của Nga bị sụp đổ.

Nga đã phải dùng đến tên “Tội Đồ” của dân tộc VN đi điều đình chia đất của Ukraine cho Nga để ngưng bắn hầu giúp Nga rút ra khỏi Ukraine trong danh dự. Tên **ngọng** này lại dùng “bản cũ soạn lại” thời VN để áp dụng cho Ukraine nhưng không còn ăn khách nữa vì hần già gần chết lại không còn quyền lực nên TT Ukraine không nghe, “mời hần đi chơi chỗ khác”. Hần biết thân phận mình không hơn con chó già ghê lở, lại không còn quyền lực như xưa, đã không có khả năng làm nghề môi giới để kiếm chút “Bơ thừa sữa cặn” do Nga bỏ thì nên đã âm thầm cụp đuôi ngậm mồm bỏ đi.

Trong khi đó khối NATO ý thức được sự nguy hiểm tương tự sẽ đến từ Nga Xô trong tương lai nên họ đã gắn bó với nhau hơn, đồng tâm nhất trí hơn, giúp đỡ Ukraine nhiều hơn, cùng tham gia cấm vận Nga Xô hơn. Nhiều nước ở Châu Âu và các nước trên thế giới nhận thấy cuộc xâm chiếm của

Nga Xô, một nước lớn ăn hiếp nước nhỏ, không có lý do chính đáng nên đều bất bình, đồng loạt tham gia vào cuộc cấm vận này. Họ tẩy chay dầu hỏa và nông phẩm của Nga, một nguồn lợi chính, xuất cảng chiếm 1/3 trên thế giới, mà xuất cảng sang Âu Châu chiếm 60% tổng số sản lượng-, đồng tiền Rup của Nga đã không được các ngân hàng thế giới giao dịch nên tiền Rup bị mất giá, lạm phát gia tăng, nền kinh tế của Nga bị khủng hoảng trầm trọng khiến dân Nga đang khốn đốn.

Theo tin trên Net hôm nay có tới 40 thành phố ở Nga và nhiều nước khác trên thế giới biểu tình chống cuộc xâm chiếm của Nga vì không có chính nghĩa, Một tướng Nga công khai phản đối chính phủ Nga về cuộc xâm lăng này. Putin đã cách chức nhiều tướng lãnh khác để ngừa đảo chính. Ngày vừa rồi một nhà ngoại giao Nga từ chức tuyên bố là chính phủ Nga gian dối gây ra cuộc chiến tranh chết chóc cho Ukraine và lính Nga mà đáng lý ra không phải có.

BÀI HỌC QUÝ GIÁ CHO TRUNG CỘNG:

Qua cuộc xâm lăng bất chính và thất bại của Nga, TC học được bài học quý giá để tồn tại. Họ nhận thức được tầm quan trọng của những vũ khí phòng vệ hiện đại như súng, hỏa tiễn phòng không chống phi cơ, hỏa tiễn dẫn đường chống xe tăng như Javemin, stinger... đã được viện trợ sử dụng tại chiến trường Ukraine là những vũ khí phòng thủ để chống lại cuộc tấn công của địch vào nước mình mà Trung Cộng khó có thể địch lại được. Đồng minh đã không viện trợ cho Ukraine những vũ khí tấn công mà Ukraine sẽ sử dụng tấn công sang Nga Xô vì e rằng làm như vậy chiến cuộc sẽ phức tạp hơn mà cuộc ngưng chiến sẽ không thể giàn xếp được. Khi Nga bị dồn ép vào chân tường Nga có thể làm liều dùng bom nguyên tử thì thế giới sẽ tai hại hơn nhiều.

Hơn thế nữa Trung Cộng còn nhận ra được sức mạnh của sự liên kết cấm vận của nhiều nước trên thế giới về cuộc xâm chiếm bất chính của Nga Xô, một nước lớn “ăn hiếp” nước nhỏ, đều đáng phải trừng phạt. Cuộc cấm vận đã có kết quả lớn lao về mặt Kinh Tế -Tài chánh mà không cần đổ máu chết

chóc, tàn phá mà vẫn có thể chiến thắng được kẻ thù...

Do đó TC ĐÃ PHẢI XÉT LAI VIỆC XÂM CHIẾM Đài Loan của mình để có kế hoạch khả thi hơn. Nói như vậy không có nghĩa là TC sẽ từ bỏ âm mưu thôn tính Đài Loan nhưng ít ra Đài Loan đã tránh được cuộc xâm chiếm của TC vào lúc này.

Ls NGUYỄN VĂN ĐỊNH.
Redwood City ngày 30-5-22

(*) Tập Cận Bình bên Tàu cũng thay đổi hiến pháp để làm Chủ tịch muôn đời với tham vọng trở thành Tần Thủy Hoàng hay Mao Trạch Đông để khôi phục lại Đại Hán.

Mời quý vị thưởng thức những bài thơ sau

NGA XÂM CHIẾM UKRAINE

Người Dân U Kê (Ukraine) sống yên bình;
Tổng thống Nga Sô gây chiến chinh;
Xua cả quân đoàn sang chiếm đóng;
Đem theo thiết bị của nhà binh
Lính Nga hung bạo, gây tang tóc
Giết cả dân lành, chết thấy kinh;
Quốc tế bất bình liền cấm vận.
Dân Nga khốn đốn phải hy sinh.

Văn Đình 5-30-22

NỮ BINH UKRAINE

Một tay cầm súng, tay ôm con.;
Quyết chiến chống Nga để sống còn;
Bảo vệ tự do cho đất nước;
Duy trì hạnh phúc để cho con;
Một lòng vì dân mà tranh đấu;
Một dạ vì nước vẫn sắt son;
Chấp nhận chiến tranh là khốn khó.
Dành được độc lập, nước mới còn.

Văn Đình 5-7-22

Chúc các quý độc giả luôn an lành và hạnh phúc.

Nguyễn Văn Định

BẠN VÀ TÔI (Tặng Vạn An)

Thời gian đã trải mấy thu đông
Độ ấy năm nào bạn nhớ không ?
Tình Hận” (*) gây bao nguồn cảm xúc
Tôi anh mở một cuộc tao phùng
Anh từng ký ...giã mà soi thiệt
Tôi máng chơi gàn lại hóa nông
Ôm gối Trần Đoàn, tôi dẹt mộng
Anh thềm kiếm hiệp có ...Kim Dung !

TẾ NHỊ

BÀI HỌA



Ngày ấy xa vời trải mấy đông
Bao nhiêu kỷ niệm tưởng hư không
Tôi buồn múa bút đàn ngôn luận
Anh rảnh bình thơ chốn tử phùng
Ân oán giang hồ vay trả hết
Nợ nần trăng gió khéo chơi nông
Khi đời thức ngủ không phân biệt
Thì cuộc thắng trầm tất khả dung ! ...

NGUYỄN VẠN AN

(*) Nhà thơ **TẾ NHỊ** và **VẠN AN** cùng đóng trong phim **TÌNH HẬN** do hãng phi Lạc Long quay, đã từng chiếu tại Sài Gòn và các Tỉnh miền Nam VN.

TRƯỜNG HỌC, TRƯỜNG ĐỜI



GS NGUYỄN VĂN TƯƠNG

Kính Thưa Quý Anh Chị,
Nhân được tin buồn Cố Gs. Nguyễn Văn Tương vừa từ trần, kính gửi đến Quý Anh Chị vài đoạn trích trong cuốn Hồi Ký 2 “Trường Học Trường Đời” để Quý Anh Chị biết thêm chi tiết về sinh hoạt của Cố Giáo Sư sau khi định cư tại Pháp Quốc.

Thân kính, NT Hà

TIỂU SỬ: NGUYỄN VĂN TƯƠNG (1929 – 2022)

Sinh quán làng Tân Hựu Đông, quận Châu Thành, tỉnh Sa đéc. Con thứ trong một gia đình có 9 Anh Chị em.

- Cựu học sinh trường Chasseloup-Laubat-Saigon (1951)
- Tốt nghiệp Khóa 1 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức (1952)
- Cử Nhân Luật (1955), Cao Học Công Pháp (1960)
- Tốt nghiệp Tiến sĩ Luật khoa ban Công Pháp (1965)
- Cựu Giáo sư Công Pháp tại Học viện Quốc gia Hành Chánh Sài Gòn – các trường Đại Học luật tại Sài Gòn, Huế – Phân Khoa Luật của Đại Học Paris, Poitiers, Brest & Angers



- Tham gia các chính phủ Phan Huy Quát, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Văn Lộc

Sau 30 tháng 4, 1975 đi tù “cải tạo” từ 1975 đến 1981 Định cư tại Pháp từ 1983 đến nay.

DẠY HỌC TẠI PHÁP :

...Gia đình tôi sang Pháp ngày 08 tháng 07 năm 1983. Lúc bấy giờ nhà tôi 48 tuổi, còn tôi 54 tuổi. Già thì không già lắm, mà trẻ thì không còn trẻ nữa, Hành lý là những vali quần áo cũ, nồi niêu xoong chảo vợ tôi gói ghém đem theo. Lúc tôi đi cải tạo vợ tôi thuê người đem đồ xuống sông Thị Nghè tắt cả hàng trăm sách của thư viện cá nhân tôi, kể cả mấy quyển luận án tiến sĩ của tôi. Trước ngày đi Pháp tôi có đến trường luật xin lại một bản luận án đem theo. Chủ mới cho biết đã bán hết sách của thư viện cho bọn tàu Chợ-lớn. Cũng may là nhà tôi còn giữ một số giấy tờ của tôi, như bằng cấp, Nghị định bổ nhiệm.

Người ta thường nói “Trời sanh voi sanh cỏ”, ngặt vì mình không phải là voi làm sao ăn cỏ được. Các con lớn của tôi có báo tin cho nhiều gia đình quen Pháp lẫn Việt, nhờ họ giúp đỡ lúc ban đầu. Thêm vào đó có sở xã h,ội và các đoàn thể địa phương cứu trợ trong lúc tìm việc làm. Tôi viết thư cho toàn thể các Khoa trường trường luật tại Pháp và hải ngoại để xin một chỗ dạy, kèm theo tiểu sử ngắn gọn và Nghị định bổ nhiệm dịch ra tiếng Pháp. Lúc ấy vào khoảng bãi trường nên chậm có thư trả lời. Qua tháng 9 năm ấy mới có thư hồi đáp, nhưng là thư khước từ vì quá trễ cho năm 1983. Chủ sở trợ cấp thất nghiệp ở Rambouillet yêu cầu tôi cho biết

đã có vận động gì trong mấy tháng qua. Khi tôi trình cho xem một sấp thư trả lời từ chối thì mới thấy tôi quả có thiện chí tìm việc.

Bao giờ cũng vậy trong cái rủi có cái may. Trường đại học Panthéon-Sorbonne yêu cầu tôi trình bày cho Ban Cử nhân Công Pháp trước cuối năm đề tài ”Nền ngoại giao của Nhật bản và nền ngoại giao của Trung Quốc”. Là người Á châu từng theo dõi thời cuộc trong mấy chục năm qua, tôi chuẩn bị đề dàn hai đề tài ấy với tài liệu phong phú của một người bạn Pháp. Phải nói rằng tôi đã nhờ giáo sư Vũ Quốc Thúc cố vấn tôi rất nhiều...

... Bỗng dưng có Khoa trưởng trường luật Poitiers, phía Tây Nam Paris, đề nghị tôi nhận trình bày trong 6 tháng cho lớp hậu Cử nhân về đề tài “Vấn đề phát triển dân chủ tại các nước Á châu”. Buồn ngủ gập chiếu manh, tôi nhận lời ngay mà không ngờ đã phóng lao mình phải theo lao. Ông Khoa trưởng nói rõ môn này sẽ không được đưa ra thi cuối năm, không thể làm khác hơn vì phải tôn trọng nội quy của trường. Làm sao giữ nổi sinh viên hậu Cử nhân (tức sau 3 năm đại học) trong 6 tháng, trừ phi cao tăng giảng kinh xuất chúng!

Than ôi tôi chỉ là một giáo sư thất nghiệp đi tìm việc, chớ nào phải là cao tăng đâu! Nghĩ cho cùng ban giảng huấn các đại học đã có lòng cứu vãn đồng nghiệp sa cơ vậy thôi! Tôi căn cứ vào luận án tiến sĩ của tôi trình bày vấn đề đặt ra. Chỉ tiếc là thiếu một họa đồ để tiện vị trí khóa các nước, dầu là sinh viên trình độ đại học cũng chưa biết nước nào ở đâu? Chính tại quốc hội pháp một dân biểu tên tuổi còn nói rằng Nhật bản ở Nam bán cầu! Mọi việc đều có kết thúc. Khởi sự bài giảng hiện diện khoảng 40 sinh viên, chấm dứt còn phân nửa! Ông Khoa trưởng mừng cho tôi còn giữ được đệ tử! Nhóm sinh viên này còn mời tôi một bữa cơm trưa tại quán ăn tàu ở Poitiers...

... Gia đình tôi trọ trong một căn phòng chung cư tại thành phố Rambouillet. Có sở xã hội và các bà phước cho chút ít bàn ghế, tủ giường, quần áo cũ. Tôi làm đơn xin việc, vợ tôi nấu ăn dã chiến. May mà lúc ấy nhằm mùa hè ẩm áp, chớ chưa phải mùa đông lạnh buốt. Các con nhỏ đi học mà ban đầu chẳng biết một chữ tiếng Pháp. vậy mà nhờ ơn trời phật gia đình dần dần cũng gỡ rối được. Như con thuyền không bến của Đặng Thế Phong rồi cũng tạm có bến đậu.

Đó là trường luật đại học Brest, vùng Bretagne tận cùng phía Tây nước Pháp. Tôi biết ơn giáo sư Nguyễn Quốc Vinh đã hết lòng giúp đỡ tôi, có thể vì tình đồng bào cũng như vì nghĩa đồng nghiệp. Tôi xin được giới thiệu ân nhân trẻ của tôi. Đó là con trai của giáo sư Nguyễn Quốc Định, gốc người Nam Định, trước giảng dạy tại Viện Đại học Pathéon-Sorbonne Paris. Giáo sư Định là tác giả quyển sách nổi danh ”Droit Public International” (Luật Quốc Tế Công Pháp), tám lần tái bản, đầu đầu cũng dùng, một thời kiêm nhiệm Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Unesco. Giáo sư Vinh ân cần chỉ dẫn tôi lập hồ sơ xin cộng tác với Đại học Luật khoa Brest. Ông Vinh lúc ấy là giáo sư Công pháp, phó khoa trưởng rồi lên khoa trưởng rất có uy tín ở đây. Sau này giáo sư Vinh đỗ thạc sĩ về dạy ở viện đại học Maine tại Le Mans, cách Paris hơn 200 cây số về hướng Tây, rồi được bổ nhiệm làm phó Viện trưởng đại học này.

Trong lúc chờ đợi quyết định của Hội đồng Giáo sư địa phương rồi Hội đồng Giáo sư Paris, tôi được sắp xếp dạy môn Địa dư kinh tế năm thứ hai Ban Cử nhân, thù lao lấy trên tài khoản liên khóa 1982-83. Môn này liên quan đến các nguồn tài nguyên kinh tế thiết yếu trên thế giới, các hệ thống chuyển vận liên tục địa đường bộ, hàng không, hàng hải, ít có giảng dạy tại các phân khoa đại học khác. Sau đó Hội đồng Giáo sư Paris chấp thuận cho tôi dạy tại trường Luật khoa Brest về các môn Công pháp thù lao theo mức lương giáo sư thực thụ, qua sự chấp thuận ngân khoản thường niên.

Tôi phụ trách nhiều môn Luật hành chánh, Tổ tụng hành chánh, Công pháp kinh tế, Hành chánh địa phương đối chiếu, miễn đủ số giờ ấn định cho cấp giáo sư. Tôi cộng tác với trường Luật khoa Brest từ năm 1983-84 đến năm 1992- 93. Trong thời gian ấy tôi còn lãnh dạy thêm ở viện đại học Maine-et-Loire, miền Tây Nam Paris, thủ phủ là thành phố Angers về môn Thuế vụ và Hành chánh địa phương là một môn tôi rất thích bởi có nhiều điểm tâm lý xã hội liên quan đến nền văn minh nước Pháp là nước đang mở rộng vòng tay cứu giúp gia đình tôi...

LÀM NHÀ HÀNG Ở PHÁP

Khi còn ở với cha mẹ cũng như khi đã lập gia đình, không có lúc nào vợ tôi nghĩ đến việc nấu ăn bởi lúc nhỏ lo đi học, lúc lớn lên lo đi làm việc.



Nhưng một khi đã qua đất Pháp vợ tôi phải nghĩ đến sinh kế gia đình. Phải làm nghề gì kiếm sống để phụ giúp chồng nuôi con nhỏ dại. Do đó vào năm 1990 chúng tôi vay tiền ngân hàng mở nhà hàng cơm Việt Nam ở Chalon-sur-Saône, tỉnh Saône-et-Lorie, vùng Bourgogne, cách Paris hơn 400 cây số ngàn về phía Nam.

Do một người cậu vợ tôi sang lại, nhà hàng tọa lạc ngay trước ga hòa xa, đi hướng Bắc là về Paris, còn đi hướng Nam là đi Marseille. Vợ tôi học ôn cấp tốc các bài nấu ăn thịt bò, thịt heo, tôm kho, chả giò, gói cuốn, cách làm nước sauce. Tại phòng ăn có thuê người chạy bàn, biết pha rượu, nước ngọt. tính tiền. Nhà hàng đắt khách qua bốn mùa xuân hạ thu đông chẳng những khách tại địa phương còn khách từ Bắc Âu đi Vùng Địa Trung Hải, khách từ Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đi lên miền Bắc Âu.

Những lần đi dạy về tôi chịu khó ghé Paris mua sắm các món cần dùng đem về nhà hàng. Những ngày nhà hàng nghỉ bán tôi chờ nhà tôi đi Lyon miền Nam bỏ túi các thứ cần dùng như gạo, nước mắm. Đó là thú vui chạy xe theo xa lộ mặt trời, qua những vùng đồng quê, với những tháp chuông nhà thờ cao nhất từng xanh, ghé qua những nhà dừng chân dọc theo xa lộ, ngắm cảnh để nhớ đồng quê cỏ bay thẳng cánh hồi trước của mình. Chúng tôi đã có dịp bách bộ từ nhà hàng đến bờ sông Saône ngồi trên bờ cần đá ngắm dòng nước chảy, xem cánh chim bay trên nền trời xanh biếc mà nhớ Sông Tiền Sông Hậu bên nhà. Biết bao giờ mình trở về hay là gửi lăm xương tàn trên đất Pháp này?

Việc gì cũng đến chỗ kết thúc. Các con tôi sau khi thi đỗ tú tài ước ao được về vùng Paris học có nhiều chọn lựa hơn. Vợ chồng tôi sang gấp nhà hàng cơm về tận nhà vùng Essonne, phía nam thủ đô Paris để các con có điều kiện theo học Đại học. Giờ

này đây các con đã thành gia thất, có nghề nghiệp sinh sống. Nguyễn Thị Kim Oanh, bào chế dược viên, Nguyễn Thị Kim Phượng, Tiến sĩ dược khoa, Nguyễn Thị Kim Loan, quang học viên, Nguyễn Thị Phương Thảo, Tài Chánh kế toán viên, Nguyễn Trung Chánh, kỹ sư Tin học, Nguyễn Thị Thanh Nga, y khoa Bác sĩ. Còn vợ chồng tôi xin hưởng hưu bổng, ít nhiều gì cũng được miễn sống cần kiệm là đủ. Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm, đó là sự thật muôn đời ở đâu cũng vậy thôi !

KẾT LUẬN

Tại sao tôi để tựa quyển sách mỏng này “ Trường học Trường đời “. Tôi học ở trường rất nhiều, từ lớp 5 Trường làng, lấy bằng tiểu học ở trường tỉnh Sa Đéc, bằng trung học ở Mỹ Tho, bằng tú tài, bằng cử nhân, bằng tiến sĩ ở Sài Gòn, mong giúp ích xứ sở, giúp đỡ cha mẹ, anh em, các con. Từ trường làng Tân-hựu-Đông đến Viện đại học Panthéon Sorbornne Paris con đường xa thăm thẳm, phải trải qua Mây Dặm Sơn Khê. Đã học nhiều ở trường học, tôi học càng nhiều hơn nữa ở trường đời, cho đến lúc nghiêm nhiên lãnh trách nhiệm góp phần xây dựng nền Đệ Nhị Cộng hòa miền Nam, rồi bị đưa vào trại tù cải tạo, ăn cơm trộn đá sạn, để nằm gai nệm mật, tưởng chừng như giấc chiêm bao! May mà có nước Pháp ra tay cứu giúp trong cơn phong ba bão táp dập vùi!

Tôi xin đọc giả hãy cùng tôi xem lại mấy dòng này của nhà văn Nguyễn Khắc Hiếu trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư của giáo sư Dương Quảng Hàm: “Người ta ở trong đời khi nổi khi chìm, lúc may lúc rủi, không rồi lại có, đầy rồi lại vơi, lên lên xuống xuống như cây thụt máy tàu. Tiền chôn bạc chứa chưa là giàu, nhà doanh vách đất chưa là nghèo, võng lọng ngựa xe chưa là vinh, xiềng xích gông cùm chưa là nhục. Những cái đó chỉ làm cho ta đương mừng hóa lo, đương buồn hóa sướng, say mê chìm đắm khóc hã thương hoài.”

Mùa đông Kỷ Hợi 2019

Les Ulis 91940 FRANCE

GS NGUYỄN VĂN TƯƠNG

KHOA HỌC GIA LỚN NHẤT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM: **GS NGUYỄN XUÂN VINH**



NGUYỄN TƯỜNG TÂM

“GS Nguyễn Xuân Vinh là một trong các nhà nghiên cứu đầu tiên “to formulate a rigorous theoretical approach to the problem of space vehicle dynamics and control in regimes where both orbital and atmospheric dynamics play crucial roles.”

(Wolf, Aron A.; Scheeres, Daniel J.; Lu, Ping)

Người miền Bắc hầu như không ai nghe tới tên ông Nguyễn Xuân Vinh, nhưng ở Miền Nam những ai từng học trung học trở lên đều biết tiếng ông. Trước hết, ông là Đại tá Tư lệnh Không quân cho tới năm 1962, khi ông từ nhiệm đi Mỹ du học. Trong thời gian đó ông cũng dạy hình học không gian lớp đệ nhị (lớp 11 ngày nay) tại mấy trường trung học nổi tiếng như Chu Văn An (Saigon). Ông cũng là tác giả với bút danh Toàn Phong của cuốn truyện ngắn “Đời Phi Công”, thu hút nam nữ thanh niên miền Nam với hình ảnh chàng phi công hào hoa, tung mây lướt gió, với mối tình lãng mạn của cô Phượng.

Trong nhiều chục năm trước khi qua đời ngày 23/7/2022, tại Hoa Kỳ, ông đã được báo chí cộng đồng hải ngoại, nhất là ở Hoa Kỳ nhắc nhở, ca ngợi với những thành quả như tiến sĩ khoa học không gian, người đã vẽ đường bay quỹ đạo cho các phi thuyền Mỹ đáp xuống mặt trăng, người có những giải thưởng của các tổ chức không gian Hoa Kỳ và thế giới, cũng như chức viện sĩ khoa học không gian tại một số nước Âu châu...



Nhưng tất cả những bài báo đó chưa trình bày được một phần nhỏ những đóng góp của ông cho khoa học không gian thế giới, lý do là những đóng góp của ông ở mức cực kỳ cao cấp mà muốn hiểu được phải ở cấp tiến sĩ không gian – các tiến sĩ ở những ngành khoa học khác

cũng không hiểu được. Đóng góp cơ bản nhất của ông là công thức toán học mang tên ông để phóng ra ngoài vũ trụ và thu trở về trái đất những phi thuyền không gian. Công thức có tên “Công thức Du Hành Vũ trụ của Vinh” (Vinh’s Universal Entry Equations.) được các khoa học gia không gian Hoa Kỳ áp dụng để đưa phi thuyền không gian bay tới mặt trăng.

VINH'S UNIVERSAL ENTRY EQUATIONS

Using the following dimensionless variable as the independent variable instead of time:

$$s = \sqrt{\frac{r_0}{R}} \cos \gamma dt$$

Equations of motion for three-dimensional entry trajectories:

$$\frac{dz}{ds} = -\sqrt{z} \tan \gamma$$

$$\frac{dx}{ds} = \frac{2Z\sqrt{R}}{\cos \gamma} \left(1 + \frac{C_D}{C_L} \cos \gamma \tan \gamma + \frac{\sin \gamma}{2Z\sqrt{R}} \right)$$

$$\frac{dy}{ds} = \frac{\cos \gamma}{\sin \gamma}$$

$$\frac{d\theta}{ds} = \sin \gamma$$

- Apply to atmospheric entry with or without lift and bank modulation
- Reduce to the equations for Keplerian motion for flight with no atmospheric drag

$$\frac{dr}{ds} = \frac{2\sqrt{R}}{\cos \gamma} \left[\frac{C_D}{C_L} \cos \gamma - \frac{\cos \gamma}{2\sqrt{R}} \left(1 - \frac{\cos^2 \gamma}{s} \right) \right]$$

$$\frac{dv}{ds} = \frac{2\sqrt{R}}{\cos^2 \gamma} \left[\frac{C_D}{C_L} \sin \gamma - \frac{\cos^2 \gamma}{2\sqrt{R}} \cos \gamma \tan \gamma \right]$$

Lần duy nhất độc giả có thể hiểu được phần nào những đóng góp của ông trong ngành không gian thế giới là lần ông trả lời cuộc phỏng vấn do đài Á Châu Tự Do (RFA) thực hiện năm 2003, (<https://www.rfa.org/vietnamese/binhluan/109626-20030703.html>). GS Vinh đã trình bày như sau:

“GS Vinh: Trong khoảng từ năm 1962 đến 1968, tại đại học Colorado mới đầu tôi là sinh viên tiến sĩ và sau đó là ban giảng huấn thì tôi có sự may mắn là được làm việc với 2 khoa học gia xuất chúng. Hai vị này là chuyên gia về khí động lực học ở tốc độ

siêu quán canh tức là cho những vật bay gấp 20 lần tốc độ của âm thanh, tức là tốc độ của các phi thuyền trở về bầu khí quyển. Đồng thời họ là những người về vật lý học mà tôi lại có căn bản cao học về toán nên đã làm chung với hai vị này và chúng tôi đã thực hiện một số công trình nghiên cứu cho không quân Hoa Kỳ và NASA. Những khảo cứu này là những lý thuyết căn bản về phi hành không gian và những kết quả quan trọng thì được cơ quan NASA in ra như là những bản tường trình, và những bản báo cáo này có thể hỏi mua được.

GS Vinh: Cũng có người hỏi tôi rằng là đã có những kết quả nào đáng kể thì thực ra trong khoảng thời gian 30 năm khi làm khảo cứu, chuyển từ phạm vi này sang phạm vi khác, từ môn này sang môn khác, thành ra cũng khó mà nói lắm. Thế nhưng vào năm 1994, tôi được hội American Institute of Aeronautics and Astronautics là một hội của các kỹ sư và khoa học gia chính thức của Hoa Kỳ tặng tôi một giải thưởng về Điều Khiển Phi Hành. Họ có tuyên dương và có khắc trong tám huân chương để trao cho tôi là về toán học, về điều khiển phi hành trong bầu khí quyển và ở ngoài vũ trụ. Tôi nghĩ sự đóng góp của tôi về quỹ đạo tối ưu, tìm những đường bay có ích lợi nhất, tìm những đường bay có sự tăng nhiệt tối thiểu được an toàn cho độ gia tốc ở mức độ giới hạn để trong tương lai các phi thuyền có thể chở hành khách được.

GS Vinh: Tôi có viết 3 cuốn sách. Cuốn sách đầu tiên nói về bay trở về bầu khí quyển của những phi thuyền không gian mà đặc biệt là ngoài bì cuốn sách có in hình một chiếc phi thuyền con thoi bay trở về khí quyển, nhưng cuốn sách đó lại phát hành vào năm 1980, tức là 1 năm trước khi phi thuyền con thoi Columbia bay lên quỹ đạo lần đầu tiên. Những lý thuyết đó cho đến nay vẫn được người ta dùng để dạy học, viết bài. Sau đó, tôi có viết thêm 2 cuốn sách: một cuốn khảo cứu, nhưng mà cuốn sau cùng là nói về lý thuyết bay của các phi cơ siêu thanh thì là do nhà xuất bản đại học Cambridge ở Anh Quốc in ra, và cuốn sách này vẫn được in lại đều đều hàng năm.

GS Vinh: Ngoài 3 cuốn sách như tôi đã nói, tôi cũng có viết khoảng 100 bài khảo cứu về quỹ đạo tối ưu và phương pháp du hành trong không gian và lý thuyết bay trong bầu khí quyển. Nhờ những bài viết đó hay được các khoa học gia quốc tế nhắc đến trong bài khảo cứu của họ nên tôi được những chuyên gia về môn cơ học phi hành của nhiều nước biết đến và đôi khi họ cũng mời đến để giảng dạy những khóa ngắn hạn 2 tuần lễ, thì tôi đã đến giảng dạy ở Pháp, Ba Tây, Nhật, Đài Loan, và Đại Hàn.” (Hết trích.)

Ở trên là những điều GS Vinh nói về ông. Điều quan trọng là giới khoa học gia không gian thế giới viết về ông ra sao.

Độc giả vừa được giới thiệu Công thức tính quỹ đạo phi hành vũ trụ của GS Vinh (Vinh's Universal Entry Equations.) Công thức này được giới thiệu trong bài nghiên cứu “NGUYỄN XUÂN VINH – A LIFE IN HYPERSONIC FLIGHT”. Vì tiếng Việt về ngành khoa học không gian hầu như không có, cho nên những trích đoạn nguyên văn dưới đây tôi chỉ dịch những câu nào dịch được, còn thì tôi giữ nguyên bản tiếng Anh. [Nguyen Xuan Vinh - A Life In Hypersonic Flight (nasa.gov)]

Nguyen Xuan Vinh - A Life In Hypersonic Flight

Wolf, Aron A.; Scheeres, Daniel J.; Lu, Ping

(Trích đoạn nguyên văn) “Bài NGUYỄN XUÂN VINH – A LIFE IN HYPERSONIC FLIGHT được viết ở Phòng Thí Nghiệm Jet Propulsion, California Institute of Technology, theo khế ước ký với Cơ Quan Không Gian Hoa Kỳ, NASA, bởi ba khoa học gia không gian Aron A. Wolf, Daniel J. Scheeres, và Ping Lu, tất cả đều là học trò cấp tiến sĩ của GS Vinh, (ghi chú của Ng. Tường Tâm: và đều là những khoa học gia không gian nổi danh). Để hoàn thành bài này, các tác giả cũng đã cảm ơn một số giáo sư khoa học gia không gian khác như James Longuski, Kenneth Mease, Robert Culp, Nikolas Bletsos, Ching Shieh, Jennie Johannesen, John Hanson, Dongsuk Han và David Gell.

Phần tóm tắt của bài báo ghi nguyên văn, Nguyễn Xuân Vinh là một khoa học gia không gian nổi tiếng người Mỹ gốc Việt (a noted Vietnamese-American aerospace scientist) and educator whose seminal work on the guidance, dynamics and optimal control of space vehicles và những tương tác của chúng (space vehicles) với bầu khí quyển đã đóng vai trò cơ bản trong thám hiểm không gian. Vinh là professor Emeritus của Phân khoa Kỹ sư không gian, đại học University of Michigan, nơi ông đã giảng dạy trong gần 30 năm. Trong nhiều tác phẩm của ông có cuốn “Hypersonic and Planetary Entry Flight Mechanics” (1980. Vinh, N.X; Busemann, A.; Culp, R.D. University of Michigan Press) trong đó có công thức toán mang tên ông tính toán cho các chuyến bay không gian siêu thanh (hypersonic flight).

TIỂU SỬ VÀ HỌC VẤN (BIOGRAPHY AND EDUCATION)

Ông theo học tại Học Viện Không Quân Pháp (French Air Force Academy) tại Salon de Provence chuyên về phi hành. Năm 1954 ông tốt nghiệp Đại học Aix-Marseille University ở gần đó chuyên về toán và được bổ nhiệm làm sĩ quan phi công.

Năm 1962 ông được gửi đi du học tại đại học University of Colorado. Ông làm việc cận kề với hai giáo sư Adolph Busemann và C. Forbes Dewey. Với luận án “Geometrical studies of orbital transfer problems,”

ông được cấp văn bằng tiến sĩ năm 1965. Đây là văn bằng tiến sĩ Không gian đầu tiên của Đại học Colorado (the first Ph.D. in aerospace engineering conferred by the University of Colorado.) Năm 1972 ông lại đoạt được bằng tiến sĩ toán học tại đại học Paris, Pháp (the University of Paris, France).

NHỮNG ĐÓNG GÓP KHOA HỌC (TECHNICAL CONTRIBUTIONS)

GS Vinh đã có những đóng góp cơ bản cho lãnh vực phi hành không gian (the field of space flight mechanics.) Ông là một trong những nhà nghiên cứu đầu tiên to formulate a theoretical and rigorous approach to the problem of space vehicle dynamics and control in regimes where both orbital and atmospheric dynamics play crucial roles. Công trình của ông đặt nền móng cho lãnh vực này, drawing disparate elements together and presenting material in a cohesive and systematic way. Ông đã giải quyết những khó khăn kỹ thuật bằng cách sử dụng một cách thông minh dimensionless variables, extending mathematical solutions to regimes trong khi những giải pháp trước đó không áp dụng được. His research has clearly established how this unique environment can be harnessed via maneuvers and strategies that take advantage of both flight regimes in an integrated, seamless, and elegant way.

Với hơn 100 bài nghiên cứu đã được công bố, những đóng góp của GS Vinh trên các lãnh vực mathematics, astrodynamics, and trajectory optimization đã nổi tiếng ở tầm quốc gia và quốc tế. GS Vinh đã viết ba cuốn sách:

-Hypersonic and Planetary Entry Flight Mechanics, by N.X.Vinh; A.Busemann and R.D. Culp. The University of Michigan Press, 1980.

-Optimal Trajectories in Atmospheric Flight. By N.X. Vinh, Elsevier Scientific Publishing Co. Amsterdam, 1981.

-Flight Mechanics of High-Performance Aircraft, by N.X. Vinh; Cambridge University Press U.K. 1993. Paperback edition in 1995.

Ba cuốn sách của ông là nguồn nghiên cứu giá trị cho cộng đồng khoa học không gian: Chính chúng tôi cũng sử dụng ba cuốn sách đó và thường xuyên giới thiệu ba cuốn đó với các sinh viên của chúng tôi.

GS Vinh đã đóng góp vào các lãnh vực celestial mechanics, orbital transfer (aeroassisted, low-thrust, high-thrust), orbit contraction due to atmospheric drag, planetary entry dynamics, and missile guidance.

GS Vinh huấn luyện nhiều học giả và người thực hành (scholars and practitioners) who are carrying on

his tradition of elegant and rigorous inquiry. Trong thời gian giảng dạy tại Đại học Michigan, GS Vinh đã làm chủ tịch hội đồng khảo thí tiến sĩ cho 30 sinh viên tiến sĩ (Prof. Vinh chaired the doctorat commitees for 30 students), nhiều người trong số họ hiện làm giáo sư tại các đại học danh tiếng hay là những kỹ sư hoặc khoa học gia hàng đầu trong ngành khoa học không gian. Ước lượng có khoảng hơn 1000 kỹ sư không gian (aerospace engineers) đã học ông.

GS Vinh là visiting professor tại Ecole Nationale Supérieure d'Etudes Aérospatiales của Pháp trong 2 năm 1974-75. Năm 1982 GS Vinh served as a chair professor of applied mathematics at the National Tsing Hua University tại Taiwan. GS Vinh đã được mời thuyết trình (lecture) tại nhiều trường đại học và hội nghị quốc tế trên khắp thế giới (around the world) gồm có Hoa Kỳ, Canada, Anh quốc, Pháp, Áo, Đức, Ý, Hà Lan, Thụy sĩ, Na Uy, Thụy Điển, Hungary, Do Thái, Nhật bản, China, Taiwan và Úc.

CÁC GIẢI THƯỞNG

GS Nguyễn Xuân Vinh đã nhận được nhiều giải thưởng thuộc hàng danh giá nhất.

-Phi công danh dự của không quân Trung Hoa (Đài Loan) 1960; không quân Hoàng Gia Thái Lan (1962); Người Hoa Kỳ thứ ba (sau 2 phi hành gia Neil Amstrong và Frank Borman) được bầu làm Viện sĩ Hàn Lâm Viện Không gian Quốc gia Pháp, năm 1984; Viện sĩ Hàn Lâm Viện Không gian Quốc tế năm 1986; Professional Achievement Award, Michigan Governor's Advisory Commission for Asian American Affairs, 1987; University of Michigan Teaching Excellence Award, 1984; University of Michigan Research Excellence Award, 1991; Mechanics and Control of Flight Award, American Institute of Aeronautics and astronautics, 1994; Selected as an awardee for the Excellence 2000 Award presented by the United States Pan Asian American Chamber of Commerce in Washington, D.C.; Elected to the French Academy of Aeronautics and Astronautics, 2000; Dirk Brouwer Award, American Astronautical Society, for outstanding lifetime achievement in the field of space flight mechanics and astrodynamics, 2006; In addition to the above, he has received awards from several outstanding universities for his research, teaching and humanitarian service. These universities include the University of Michigan, University of Massachusetts, University of Tokyo, University of Oklahoma, University of Paris, Taiwan National University, National Cheng Kung University (Taiwan), National Tsing Hua University (Taiwan), and Ecole National Supérieure de

l'Aeronautique et de l'Espace (France).

The St. Louis, MO School of Arts offers an annual award named the "Tradition of Nguyen Xuan Vinh" to encourage local students.

Making his accomplishments outside the engineering world, he was awarded the Vietnam National Literature Prize in 1961 for his novel Pilot's Life.

REPRESENTATIVE PUBLICATION *(Những công trình tiêu biểu)*

Từ năm 1970 cho tới 2003, bài này liệt kê 22 bài nghiên cứu tiêu biểu của riêng Giáo sư hay Giáo sư cộng tác với các khoa học gia không gian khác.

Nhiều sinh viên của GS Vinh, trong đó có ba tác giả của bài này, đã chịu ảnh hưởng nhiều của GS Vinh trong nghề nghiệp. (Hết trích)

Trên trang mạng Scienceinfo.net, bài "Dấu ấn người Việt trong các thành quả của NASA" (Vietnamese imprint in NASA achievements) ghi nhận GS Nguyễn Xuân Vinh là thế hệ khoa học gia người Việt đầu tiên hoạt động với NASA.

[Vietnamese imprint in NASA achievements \(scienceinfo.net\)](#)

Trang mạng này ghi nguyên văn "*Làm việc với cơ quan Không Gian Hoa Kỳ (NASA) là ước mơ của những khoa học gia trên khắp thế giới. Và người Việt Nam đã đặt dấu ấn trên nhiều thành quả của NASA trong 40 năm qua, từ Tiến sĩ Nguyễn Xuân Vinh với nghiên cứu về quỹ đạo tới hàng trăm chuyên gia Việt Nam của thế hệ kế tiếp...*

Nếu quý vị có dịp thăm phòng triển lãm thành quả chinh phục không gian của NASA tại thành phố Houston, Texas (NASA's Flight Control Center in Houston, Texas) quý vị sẽ thấy tên của một người Việt Nam được trân trọng vinh danh là: Church monk – Tiến sĩ toán Nguyen Xuan Vinh. Cái thời mà đa số người Việt còn đi xe đạp hai bánh thì các nghiên cứu của Nguyễn Xuân Vinh đưa vào lý thuyết toán học đã vẽ các đường bay cho phi thuyền lên mặt trăng.

Chính cơ quan NASA đã bảo trợ cuộc nghiên cứu thành công của Nguyễn Xuân Vinh về Quỹ đạo Tối ưu cho các phi thuyền (the optimal trajectory for spacecraft) cho luận án tiến sĩ của ông. Ông là người Việt Nam đầu tiên đạt được bằng tiến sĩ không gian và cũng là sinh viên đầu tiên của Đại học University of Colorado đạt được bằng này năm 1965. Lý thuyết của Nguyễn Xuân Vinh đã đóng góp quan trọng cho các phi thuyền Apollo bay tới mặt trăng và sau đó được áp dụng để đưa các phi thuyền con thoi trở về trái đất (The theories of Nguyen Xuan Vinh have made an important contribution to the Apollo spacecraft being able to reach the moon successfully and

later applied to the recovery of shuttle spacecraft back to Earth.) (Hết trích)

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH CỦA GS VINH

Second-Order Analytic Solutions for Aerocapture and Ballistic Fly-Through Trajectories.

Đây là bài nghiên cứu của GS Vinh hợp tác với 3 khoa học gia không gian khác, được bảo trợ bởi NASA. Nguyên văn trích đoạn phần abstract của bài nghiên cứu như sau "...*The second-order theory displays explicitly the influence of the ballistic coefficient, entry speed and entry angle on exit conditions. The analytic solution is in excellent agreement with the numerical solution. The critical entry angle at which the vehicle fails to skip out can be predicted by an explicit formula to within one hundredth of a degree.*" Trong phần kết luận, bản nghiên cứu ghi nguyên văn, "...*Những kết quả thu được thật hữu ích cho việc hiểu sâu sắc understanding of a ballistic skip trajectory, đồng thời tạo một giai đoạn quan trọng trong vấn đề planetary aerogravity capture và vấn đề of aeroassisted orbital transfer.*"

Analytic theory of orbit contraction due to atmospheric drag

Đây là bài nghiên cứu do GS Vinh viết cùng ba khoa học gia không gian khác được xuất bản bởi công ty Pergamon Press Ltd., 1979. In tại Anh Quốc.

Một trích đoạn trong phần abstract ghi "*Chuyển động của một vệ tinh trên quỹ đạo, phải chịu một lực của bầu khí quyển (atmospheric force) và chuyển động của một phi thuyền trở về trái đất cũng chịu những lực tương tự, gọi là, gravitational and aerodynamic. Điều này cho thấy việc rút ra một bộ phương trình (the derivation of a uniform set of equations) có thể được áp dụng cho cả hai trường hợp ...*" Một phần trích đoạn của kết luận của bản nghiên cứu này ghi "*Để xóa sự cách biệt giữa lý thuyết vệ tinh bay trong bầu khí quyển và lý thuyết phi thuyền trở về (bầu khí quyển) chúng tôi đã phát triển một bộ phương trình (a set of equations) bằng cách dùng một bộ a set of dimensionless variables áp dụng cho cả hai trường hợp ...*"

Optimum Reentry Trajectories of a Lifting Vehicle

Nguyên văn "Optimum Reentry Trajectories of a Lifting Vehicle, Nguyễn Xuân Vinh và Jeng-Shing Chern (học trò của ông), Báo cáo 3236 cho NASA (NASA Contractor Report 3236) Prepared for Langley Research Center under Grant NSG-1448." Nguyên văn trích đoạn của bản tóm tắt của nghiên cứu này ghi "*Sự thành công của các trạm không gian thường trực trong tương lai tùy thuộc vào sự phát triển một phi thuyền không gian con thoi (a space shuttle vehicle) có khả*

năng vận hành khí động học (aerodynamic maneuvering capability). Mục tiêu của bản báo cáo kỹ thuật này là nghiên cứu to investigate the optimum maneuver of such a vehicle reentering a spherical, stationary, and locally exponential atmosphere...”

4-Cuốn *Hypersonic and Planetary Entry Flight Mechanics*, by N.X.Vinh; A.Busemann and R.D. Culp. The University of Michigan Press, 1980.

Sách dùng rồi (used book), vẫn được bán trên ebay với giá \$279.99, miễn trả lại. Ở bìa sau, cuốn sách được giới thiệu bởi bốn giáo sư khoa học không gian quốc tế:

-Professor Angelo Miele, thuộc đại học Rice University: “Đây là một cuốn sách excellent, rất hữu ích để làm sách giáo khoa cũng như tham khảo.”

-Dr.J. P. Marec, thuộc trung tâm nghiên cứu không gian Onera, France (The Office National d’Etudes et de Recherches Aérospatiales (ONERA) is the French national aerospace research centre.): “Đây là cuốn excellent book xuất hiện đúng thời điểm... Một cuốn sách tham khảo giá trị cho việc nghiên cứu cũng như giáo dục trong thời đại Phi thuyền không gian (Space Shuttle era.) Classical theories are presented in a self-contained and very didactic progressive way, and synthesized into a comprehensive unified theory.”

-Professor Fang-Toh Sun, Institute of Applied Mathematics, National Tsing Hua University Taiwan “Đây là cuốn sách bao quát đầu tiên về entry flight mechanics mà tôi được đọc, nó chứa đựng tất cả 3 giai đoạn của phi hành không gian: the powered flight, the orbital flight, and the atmospheric entry flight, một cách chi tiết đầy đủ và hoàn toàn mạch lạc.”

-Professor Harm Buning, University of Michigan, “Một cuốn sách hoàn chỉnh và bố cục khéo léo trình bày tất cả những giai đoạn chủ yếu của một phi thuyền không gian trở về trái đất...Đối với các kỹ sư đang hoạt động cuốn sách này là một tài liệu tham khảo giá trị.)

5-Cuốn *Optimal Trajectories in Atmospheric Flight*. By N.X. Vinh, Elsevier Scientific Publishing Co. Amsterdam, 1981.

Đã xuất bản hơn 40 năm rồi mà giá bán trên Amazon tới \$72.95

Trang mạng goodreads viết “Cuốn *Optimal Trajectories in Atmospheric Flight giải quyết vấn đề quỹ đạo tối ưu cho chuyến bay trong quỹ đạo quá đất*(Optimal Trajectories in Atmospheric Flight deals with the optimization of trajectories in atmospheric flight.) The book begins with a simple treatment of functional optimization followed by a discussion of switching theory. It then presents the derivation of the general equations of motion along with the basic knowledge in aerodynamics

and propulsion necessary for the analysis of atmospheric flight trajectories...The final chapters present analyses of optimal reentry trajectories and orbital maneuvers.

Cuốn sách này nhằm làm sách tham khảo cho các khoa học gia và kỹ sư muốn đi vào lãnh vực quỹ đạo tối ưu cho các chuyến bay trong bầu khí quyển quả đất. Để dùng làm sách giáo khoa, cuốn này được viết ngắn gọn để các giáo sư có thể tiện dụng.”

6-Cuốn *Flight Mechanics of High-Performance Aircraft*, by N.X. Vinh; Cambridge University Press U.K. 1993. Paperback edition in 1995. Used book giá \$104.95 trên ebay.

Trang mạng giới thiệu cuốn sách viết, “Cuốn này trình bày tất cả mọi lãnh vực của phi trình flight performance of modern day high-performance aircraft, từ cất cánh tới hạ cánh, qua những giai đoạn khác nhau của chuyến phi hành flight in climb, cruise, turning and descent... Chương cuối cùng thảo luận qui trình của một phi thuyền trở về trái đất ở tốc độ cực kỳ cao (the performance of hypervelocity re-entry vehicles)...Sách này sẽ dùng làm giáo trình mở đầu cho các lớp cử nhân cao cấp (advanced undergraduates) và bắt đầu lớp cao học. Sách cũng sẽ có giá trị cho các nhà nghiên cứu. Tác giả là một nhà nghiên cứu đồng thời là giáo sư đại học nổi tiếng trong lãnh vực đề cập.”

VÀI ĐIỀU GS VINH GIẢI THÍCH VỚI NGƯỜI VIỆT:

1-Thế nào là Quỹ Đạo Tối Ưu? Một lần GS Vinh giải thích với tôi, để tính toán quỹ đạo tới mặt trăng thì các khoa học gia khác có thể tính được, nhưng công thức họ tính không hữu dụng, vì để bay theo quỹ đạo đó phi thuyền sẽ cần số nhiên liệu mà nó không mang nổi. Với quỹ đạo tối ưu, sau khi ra khỏi bầu khí quyển phi thuyền sẽ dùng sức hút của các hành tinh khác để bay tới mục tiêu chứ không dùng nhiên liệu mang theo, như vậy tiết kiệm được rất nhiều nhiên liệu. (Lưu ý với sự cẩn trọng: trong dẫn giải này, nếu có điều gì không ổn thì do tôi chưa nắm được sự giải thích của Giáo sư Vinh.)

2-Sự chính xác của quỹ đạo: Trong một lần được đi dạo tay đôi với GS Vinh ngoài phố San Jose (trong một dịp lễ hội của cộng đồng), tôi bận tâm suy nghĩ tới sự chính xác trên đường bay của các hỏa tiễn chống phi đạn, ví dụ lá chắn thép của Israel (Iron Dome là hệ thống phòng không của Israel chống lại các hỏa tiễn bắn bởi nhóm Hamas từ giải Gaza.) tôi hỏi GS Vinh làm sao mà một hỏa tiễn có thể nhắm bắn trúng một phi đạn đang bắn tới thì GS trả lời “Bắn trúng thế quái nào được! Nó chỉ bắn tới gần thôi, rồi thì sức nóng của phi đạn đang bắn tới khiến hỏa tiễn phòng thủ phát nổ, phá hỏng phi

đạn đang bắn tới.

3-Nhiếp ảnh gia Phạm Châu, bạn tôi, một người cũng thân thiết với GS Vinh, và được nghe GS giải thích như sau: Quỹ đạo của phi thuyền bay ra hay vào bầu khí quyển sẽ tạo một góc (angle) với bề mặt trái đất. -Trường hợp phi thuyền bay ra không gian. Nếu cái góc nghiêng này nhỏ thì phi thuyền không thể thoát ra khỏi bầu khí quyển trái đất được. Nếu góc này lớn thì phi thuyền sẽ cần nhiều nhiên liệu để tạo 1 sức đẩy thắng sức hút của trái đất (gravity). Nếu góc này là 90 độ (phi thuyền bay thẳng góc với mặt trái đất, thì nó sẽ cần số nhiên liệu cao nhất mới có thể tạo 1 sức đẩy thắng sức hút của trái đất. Vì vậy quỹ đạo tối ưu có góc bay chỉ cần số nhiên liệu tối thiểu đủ tạo một lực đẩy phi thuyền ra ngoài không gian.

-Khi bay trở về bầu khí quyển, nếu góc bay của phi thuyền gần thẳng góc với bề mặt trái đất thì tốc độ cực kỳ lớn của phi thuyền sẽ tạo lực ma sát cực kỳ lớn với bầu khí quyển khiến phi thuyền có thể bốc cháy khi lọt vào bầu khí quyển.

-Nếu phi thuyền bay trở lại bầu khí quyển với góc nghiêng với mặt đất rất nhỏ, phi thuyền sẽ nảy lên nảy xuống (bouncing) mỗi khi chạm vào rìa ngoài của bầu khí quyển; và rồi lại trượt ra ngoài không gian chứ không thể bay vào bầu khí quyển được (Cũng như trường hợp ta ném 1 mảnh đá mỏng trượt trên mặt nước, nó sẽ không chìm ngay mà nảy lên nảy xuống vài lần mỗi khi chạm vào mặt nước và văng đi thật xa.)

4-Trong các bài tôi vừa thảo tóm, các khoa học gia không gian đã viết rõ, nhưng tôi muốn lập lại những điều họ đã viết: Công thức toán của GS Vinh tính quỹ đạo cho phi thuyền bay vào vũ trụ và trở về chứ không phải chỉ vẽ quỹ đạo tới mặt trăng. Nhưng công thức và những phát kiến khác của GS Vinh đã được NASA áp dụng để phóng phi thuyền tới mặt trăng.

Kết luận: Người viết hy vọng bài tổng hợp này giúp người đọc hiểu được phần nào di sản to lớn của GS Nguyễn Xuân Vinh ngay từ buổi đầu của nền khoa học không gian thế giới, 1965. (Phi thuyền có người đầu tiên bay quanh quỹ đạo mặt trăng là phi thuyền Apollo 8. Apollo 8 bay quanh quỹ đạo mặt trăng 10 lần từ ngày 21 tới 27 tháng 12, 1968) Với những đóng góp to lớn cho khoa học không gian của nhân loại, Giáo Sư Nguyễn Xuân Vinh đáng được coi là khoa học gia lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ trước tới nay, và ông xứng đáng có một mộ phần hoành tráng để nhiều thế hệ người Việt trong tương lai tới hãnh diện vì ông ./.

NGUYỄN TƯỜNG TÂM

ĐỂ CÓ EM



Áo bào kiếm báo ta không có
Gác tía lầu son Ta cũng không
Ta sống quê nghèo manh áo vải
Nghiep nhà lận đận mấy mùa đông

Ta có gì dâng bạn ngọc
Ta có gì tặng khách đài trang
Mấy vần thơ nhạt thô sơ quá
Nào đủ gom về một tiếng vang

Nhưng Ta có trăng ngàn gió núi
Ta có mây vàng dặm liễu xanh xanh
Ta có cây rừng âm u muôn thuở
Và bầy chim trời giọng hát siêu thanh

Ta có suối bạc phổ kỳ đàn thể kỷ
Có thác Cam Ly thơ mộng ngàn đời
Hồ Than Thở vọng bản tình ca ái quốc
Và dãy Hoàng Sơn hùng vĩ đưng trời

Ta có mãi vòm trời muôn sắc
Biển bao la sóng vỗ rạt rào
Và tinh đầu các vì sao chói sáng
Gió vi vu hòa khúc nhạc Ly Tao

...
Và sau hết Ta có tấm lòng thao thức
Biết yêu thương, lưu luyến nặng ân tình
Ta ước nguyện dâng tất cả những gì Ta có
Để có Em và có Đảng Cao Xanh !

NGUYỄN VĂN AN

NGƯỜI KITÔ HỮU PHẢI BIẾT PHẦN NỘ TRƯỚC TỘI ÁC



GS NGUYỄN CHÍNH KẾT

Lời mở đầu (lý do viết bài này): Cuối năm 2000, khi thấy linh mục Nguyễn Văn Lý lên tiếng cho tự do tôn giáo, tôi cảm thấy không ủng hộ ngài thì lương tâm tôi bút rút khó chịu lắm. Để ngài lên tiếng một mình thì quả nguy hiểm cho ngài, tôi nghĩ phải có nhiều người lên tiếng ủng hộ ngài thì ngài đỡ bị nguy hiểm. Nhưng lên tiếng ủng hộ thì tôi sợ lắm, vì tôi rất nhút nhát, tôi sợ chế độ độc tài sẽ không để tôi yên. Và lại, tôi còn gia đình phải bảo vệ và nuôi dưỡng nữa. Đầu năm 2001, khi tâm sự nỗi lòng với một người bạn, anh này bảo: «**Sống theo lương tâm thì phải trả giá, anh Kết ơi! Nếu không chấp nhận trả giá thì anh đừng bao giờ tự hào rằng mình sống theo lương tâm nữa nhé!**» Chỉ vì câu nói trên mà ngay chiều hôm ấy, tôi bắt đầu lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh của linh mục Nguyễn Văn Lý, bắt chấp chuyện gì xảy ra.

Nay thấy tình trạng khôn khéo (đây ẩn khuất) của linh mục Đặng Hữu Nam, người tôi rất cảm phục vì đã dám can đảm đấu tranh rất anh dũng để bênh vực những người thấp cổ bé miệng bị cường quyền đối xử bất công, lương tâm tôi cũng buộc phải viết bài này!

Nguyễn Chính Kết



LM Đặng Hữu Nam và các giáo dân

- Trước tình trạng bất công, áp bức, tội ác tràn lan trong xã hội mà tôi không cảm thấy phần nộ đối với những kẻ gây nên tình trạng ấy thì... tôi là hạng người gì?

- Thấy anh em của mình bị kẻ có quyền hiếp đáp mà tôi không can thiệp hay lên tiếng bênh vực, thì... tôi là loại người gì?

Thiết tưởng chẳng ai lại không trả lời được, phải không?

Để trả lời cho những câu hỏi trên, năm 2020, đáp lại Thượng Hội Đồng Giám Mục vùng Pan-Amazon họp tại Rôma, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã ban Tông huấn Quêrida Amazonia. Trong Tông Huấn đoạn 15 có tựa đề «Cảm thấy phần nộ và cầu xin tha thứ», Ngài viết:

«Chúng ta **cần phải phần nộ** như Môsê từng phần nộ (xem sách Xuất Hành 11:8), hay như Chúa Giêsu đã từng giận dữ (xem Tin Mừng Máccô 3:5), hay như Thiên Chúa đã từng nổi giận trước bất công (xem Ngôn sứ Amôt 2:4-8; 5:7-12; Thánh vịnh 106:40). Quả là không tốt khi chúng ta trở nên quen thuộc với cái ác; quả là không tốt khi ý thức xã hội của chúng ta bị mờ nhạt trước “tình trạng bóc lột đang để lại sự hủy hoại và thậm chí chết chóc trên khắp khu vực của chúng ta... nó gây nguy hiểm cho cuộc sống của hàng triệu con người và đặc biệt

là môi trường sống của nông dân và người dân bản địa”».

Vậy thì trước những bất công và tội ác tràn lan trong xã hội Việt Nam hiện nay, cụ thể và điển hình như vụ đại thảm những Việt Á xảy ra trong mùa đại dịch vừa qua, đã cướp tiền và gây chết oan biết bao người dân vô tội; hay như vụ Formosa năm 2016 gây cá chết hàng loạt khiến người dân khắp 4 tỉnh Miền Trung phải điêu đứng khốn khổ, mà khốn thay, nhà cầm quyền lại đứng về phía kẻ gây tội ác; hay như hàng ngàn gia đình người dân Thủ Thiêm bị cướp đất cách bất công suốt mấy thập niên vừa qua... Chẳng lẽ những người còn lương tri lại vô cảm như không có chuyện gì xảy ra?

Trước tình trạng xuống cấp về đạo đức với vô số những hành vi bạo lực gia đình, bạo lực học đường, bạo lực nơi công cộng...; trước các tệ nạn xã hội phổ biến như cờ bạc, nghiện hút, mại dâm, tống tiền, cướp của, giết người...; trước tình trạng đạo đức trong nghề nghiệp bị sa sút trầm trọng cả trong những lĩnh vực vốn được xã hội tôn vinh như y tế, giáo dục, luật pháp, báo chí...; trước lãnh vực Giáo dục mấy thập niên qua thường xuất hiện thói gian lận thi cử, mua bằng bán chức, hối lộ thầy giáo bằng việc bán dâm...; trước thói dối trá, đạo đức giả, bất chính, thủ đoạn, các hình thức chạy chức, chạy danh, chạy quyền, chạy lợi, chạy tội trở nên thường tình trong cả dân chúng lẫn các cơ quan công quyền... Trước tình trạng đạo đức xuống cấp như thế trong xã hội, chẳng lẽ những bậc lãnh đạo tôn giáo lại có thể vô cảm, vô tâm, vô trách nhiệm để không có phản ứng nào thích hợp sao?

Theo tinh thần Tông huấn Quêrida Amazônia của Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói trên, thì người sống đạo đức Kitô giáo, nhất là những người rao giảng đạo đức ấy phải biết biểu lộ phần nộ, ít nhất bằng những lời nói hay việc làm cụ thể, chứ không thể tỏ ra vô cảm, vô trách nhiệm làm như mọi sự vẫn đang luôn luôn tốt đẹp.

Lương tâm tôi cảm thấy cảm phục và phải ca tụng những người dân dù thấp cổ bé miệng nhưng vẫn dám biểu lộ sự phẫn nộ bằng lời nói, bằng hành động trước những tội ác, bất công lan tràn trong xã hội, bất chấp bị cường quyền khủng bố vì sự biểu lộ phần nộ ấy. Thật đáng cảm phục những Phạm Đoan Trang, Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Chí Dũng, Nguyễn Trung Tôn, những Hoàng Đức Bình,

Nguyễn Năng Tĩnh, Nguyễn Văn Hóa, đặc biệt gia đình Cán Thị Thêu, v.v...

Là người có tôn giáo, tôi cũng rất cảm phục những vị lãnh đạo tôn giáo dám nói lên tiếng nói lương tâm, không chấp nhận làm những «con chó câm», từ ngữ mà Cựu Giáo Hoàng Bênêđích 16 dùng để gọi những vị Giám mục chấp nhận cam lạng trước những bất công xã hội. Thật đáng phục những vị lãnh đạo tôn giáo từng biểu lộ sự phẫn nộ trước những tội ác và bất công xã hội, trước nhân quyền bị chà đạp, tôn giáo bị đàn áp, như Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền, Linh mục Nguyễn Văn Lý, Hòa thượng Thích Không Tánh, Linh mục Phan Văn Lợi, Mục sư Nguyễn Hồng Quang, Chánh Trị Sự Hứa Phi, v.v...

Gần đây nhất, một vị lãnh đạo tôn giáo mà tôi rất cảm phục, đó là Linh mục Đặng Hữu Nam đã cùng với Linh mục Nguyễn Đình Thục và rất nhiều người dân, kiên cường đấu tranh cho người dân 4 tỉnh Miền Trung, nạn nhân của Công ty Formosa trong vụ cá chết hàng loạt, khiến người dân tại đây trở nên vô cùng khốn khổ, bất chấp bị bạo quyền hành hung, gây khốn khổ đủ điều. Hai linh mục trên cũng đã biểu lộ sự phẫn nộ trước tội ác và bất công xã hội qua đủ mọi phương tiện truyền thông, kể cả qua những bài giảng trong thánh lễ. Cuộc đấu tranh của hai vị, theo tôi nghĩ, đó chính là thánh lễ bằng cuộc sống, nói dài thánh lễ mà hai vị đã dâng ban sáng mỗi ngày. Đó chính là ý nghĩa lời cuối cùng của các linh mục khi kết thúc thánh lễ: «Ite, missa est» mà tôi thích cách dịch sát là «Hãy ra đi, đó chính là thánh lễ» (Go, it is the Mass / Allez, voilà la Messe). Tôi thường hiểu câu ấy là: việc ra đi để đem đạo vào đời cũng chính là thánh lễ. Thánh lễ này được thực hiện bằng chính đời sống thực tế, nó tiếp nối và cụ thể hoá bằng hy sinh thật sự thánh lễ mang tính bí tích, nghĩa là mang tính tượng trưng hay biểu tượng, mà các Kitô hữu đã dâng trước đó trong thánh đường.

Nhiều người cho rằng việc lên tiếng trong bài giảng của thánh lễ để bênh vực những người dân bị áp bức, chống lại những kẻ gây tội ác là không đúng, không được phép. Tôi xin hỏi những người này rằng:

• Tại sao lại không được nói trong bài giảng của thánh lễ những điều mà lương tâm và chức vụ ngôn sứ của linh mục đòi buộc phải làm?

● Mục đích của việc tấn phong linh mục hay giám mục là để làm gì? Chẳng lẽ trong hội đường Do Thái, Đức Giêsu trung dẫn lời ngôn sứ Isaia chương 61 câu 1 là không đúng sao? Khi ấy Ngài đọc: «Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã XÚC DẦU TẤN PHONG tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn. Người đã sai tôi đi CÔNG BỐ cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, TRẢ LẠI TỰ DO cho người bị áp bức, CÔNG BỐ một năm hồng ân của Chúa.» (Luca 4:18-19).

Rõ ràng theo Thánh Kinh thì việc xúc dầu tấn phong một ai làm ngôn sứ, **đâu phải chỉ là để** người ấy loan báo Tin Mừng mà thôi, **mà còn để** người được tấn phong giúp kẻ bị giam cầm bắt công được tha, cho người mù thể chất hay tinh thần được sáng mắt, trả lại tự do cho người bị áp bức... Nhiều vị được tấn phong làm ngôn sứ thời nay dường như đã quên hẳn mấy bốn phận quan trọng nhất trong chức năng ngôn sứ mà mình đã lãnh nhận khi lãnh chức linh mục rồi! Nếu làm ngôn sứ chỉ để loan báo Tin Mừng mà thôi, thì tại sao các ngôn sứ thật lại bị người đời bạc đãi, như Đức Giêsu từng xác định? (xem Máthêu 5:12b; 23:34-35). Chắc chắn là vì các vị đã lên tiếng tố cáo những sai trái hay tội lỗi của dân chúng và cả những kẻ đang nắm quyền, dù là thế quyền hay giáo quyền. Cái chết của Gioan Tẩy Giả và của Đức Giêsu là những minh chứng cụ thể.

Tôi lấy làm lạ, thậm chí rất lạ, đó là Đức Giêsu được gọi là «Đấng Cứu Thế», thế mà những người mang danh là môn đệ của Ngài, đã nguyện theo chân Ngài, coi Ngài là mẫu gương để noi theo cả đời, lại chẳng được bao nhiêu vị có tinh thần «Cứu Thế» thật sự. Trái lại, điều mà họ chú trọng nhất lại chỉ là những nghi thức tôn giáo, mà đọc suốt 4 sách Tin Mừng và các sách khác của Tân Ước, tôi không hề thấy Đức Giêsu và các vị viết Thánh Kinh có chỗ nào đề cao hay coi trọng các nghi thức tôn giáo cả. Chính Đức Giêsu từng nói: «Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế» (Máthêu 9:13). Qua câu này, những người rao giảng Tin Mừng lẽ ra phải nhận ra Thiên Chúa, hay Đức Giêsu coi trọng cái nào hơn cái nào chứ! Đọc kỹ Thánh Kinh, tôi có cảm tưởng như nhiều Kitô hữu, kể cả nhiều vị lãnh đạo, đã bị lạc đạo trong quan niệm và trong thực hành.

Nghi thức tôn giáo mà Đức Giêsu thực

hiện trong cuộc đời của Ngài, chính là cuộc tử nạn trên thập giá chỉ vì «yêu thương nhân loại đến cùng» (Gioan 13:1b). Chính vì yêu thương nhân loại như thế, Ngài đã từ bỏ chức vị Thiên Chúa vô cùng cao sang để sinh xuống làm người thấp hèn, hầu chia sẻ thân phận con người, hầu trải nghiệm thực tế những đau khổ, yếu đuối của họ để thông cảm và tha thứ cho họ. Cuối cùng Ngài đã chết đau khổ và nhục nhã trên thập giá để cứu chuộc con người. Chính việc chết vì yêu thương con người ấy là nghi thức tôn giáo đẹp lòng Thiên Chúa nhất, và được Giáo Hội coi là hy tế hay nghi thức tôn giáo quan trọng nhất. Nghi thức ấy được thực hiện **trong đời thực** với sự **hy sinh cụ thể**, chứ đâu chỉ là những biểu tượng mà thực hiện thì chẳng cần một chút hy sinh! Trong khi bản chất của mọi hy tế đều đòi hỏi phải có hy sinh, không có hy sinh thì không thể gọi là hy tế được!

Nghi thức tôn giáo đầu tiên của Tân Ước ấy được Đức Giêsu cử hành **một cách tượng trưng** trong bữa tiệc ly khi Ngài cầm lấy bánh và rượu rồi nói: «Đây là thân thể Thầy, anh em hãy **cầm lấy mà ăn**» và «Đây là chén máu Thầy **sẽ đổ ra cho anh em và mọi người** được tha tội» (Máthêu 26:26-28, Máccô 14:22-25). Ngài còn nhắc nhở: «Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy» (xem Luca 22:19-20).

Điều tôi lấy làm lạ, đó là cách nhiều người hiểu câu «Anh em hãy **LÀM VIỆC NÀY** mà nhớ đến Thầy». Trong bữa tiệc, Ngài đã thực hiện một số hành động **tượng trưng** cho lễ tế hy sinh mà Ngài sẽ **thật sự** thực hiện, bắt đầu ngay đêm hôm ấy. Nhưng những môn đệ theo Ngài những thế kỷ sau này chủ yếu chỉ hiểu câu ấy và thực hiện câu ấy bằng cách lập lại một cách hình thức những gì Ngài đã làm **một cách tượng trưng** trong bữa tiệc ly hôm ấy, rồi coi đó là nghi thức tôn giáo quan trọng nhất, mà không hiểu câu ấy theo nghĩa tâm linh. Nghĩa là phải thực hiện câu ấy bằng tinh thần «tự hiến tế trong đời sống», sẵn sàng «bị ăn», «bị nộp» và «đổ máu ra» để cứu mọi người, như Ngài đã **thật sự làm** qua cái chết của Ngài trên thập giá. Lập lại những nghi thức tượng trưng ấy cũng là điều tốt, nhưng thực hiện tinh thần «tự hiến tế trong đời sống» như Ngài đã làm mới chính là ý nghĩa đích thực của câu nói ấy.

Theo tinh thần của câu Tin Mừng «Ta muốn

lòng nhân chứ đâu cần lễ tế» (Mátthêu 9:13), thì tôi nghĩ câu «Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy», Đức Giêsu nói câu ấy với ý nghĩa tâm linh và tinh thần, chứ không phải với ý nghĩa hình thức và máy móc như nhiều người đã hiểu. Tân Ước tiến bộ hơn Cựu Ước ở chỗ đặt nặng tâm linh hơn hình thức, bề trong hơn bề ngoài, nên không thể hiểu câu trên theo nghĩa hình thức được. Tôi rất phục cách Linh mục Antoine Chevrier, người sáng lập Hội Các Linh Mục Prado, đã hiểu theo nghĩa tâm linh câu nói trên của Chúa Giêsu. Cha nói: «Linh mục là người bị ăn. (Linh mục) phải trở nên thứ bánh ngon» (Le prêtre est un homme mangé. Il faut devenir du bon pain / The priest is an eaten man. He has to become good bread). Trở nên «bánh» để «bị ăn», và trở nên «rượu» để «bị uống» theo nghĩa của cha Chevrier, tôi nghĩ như thế mới là thực hiện đúng nghĩa nhất câu của Đức Giêsu: «Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy».

Vậy thì khi một linh mục dùng bài giảng trong thánh lễ để lên tiếng bênh vực những người đau khổ theo tinh thần của sách Châm Ngôn trong câu «Con hãy mở miệng nói thay cho người câm, và biện hộ cho mọi người bất hạnh. Hãy mở miệng xét xử thật công minh, biện hộ cho những kẻ nghèo nàn khốn khổ» (Sách Châm Ngôn 31,8-9), tôi nghĩ đó là một việc làm rất đúng của một ngôn sứ đích thật. Mục đích của bài giảng trong thánh lễ là để làm gì? là để giúp người tham dự hiểu Tin Mừng, nhất là hiểu **để sống hay để thực hiện được điều cốt yếu nhất của Tin Mừng** là tình yêu thương đồng loại, dám chấp nhận «bị ăn», «bị nộp», «bị đổ máu», nghĩa là dám hy sinh, đau khổ một cách cụ thể để thực hiện tình yêu thương ấy. Điều đó tốt hơn là chỉ đọc và giải thích lời Chúa, mà không đưa ra một mẫu gương hy sinh cụ thể nào của chính mình hầu người nghe có thể noi gương bắt chước.

Nghĩ như thế, tôi cho rằng Linh mục Đặng Hữu Nam không có gì sai trái khi trình bày trong bài giảng của mình những bất công xã hội, hay vạch ra những sai trái của nhà cầm quyền, hầu bênh vực những người thấp cổ bé miệng đang chịu những uất ức, đau khổ do chế độ bất công gây nên. Đức Giêsu thường tự đồng hoá chính Ngài với những người «thấp cổ bé miệng» ấy (xem Matthêu 25:40.45). Vì thế, bênh vực những người «thấp cổ bé miệng» ấy chính là bênh vực hiện thân của Đức Giêsu đấy!

Chẳng lẽ làm những điều tốt đẹp ấy cho những hiện thân của Đức Giêsu trong các bài giảng lại là sai trái sao? là làm mất lòng Thiên Chúa sao?

Trái lại, tôi nghĩ không có môi trường nào thích hợp hơn để thực hiện sứ mạng ngôn sứ của linh mục bằng những bài giảng trong nhà thờ, hay khi dạy giáo lý, nhất là trong cái chế độ độc tài luôn tìm đủ mọi cách ngăn chặn tất cả những thông tin đúng đắn nhưng bất lợi cho họ. Những ai tự nhận mình là ngôn sứ, hãy thực hiện chức năng ngôn sứ của mình, đừng mang danh ngôn sứ để được mọi người kính trọng, ưu đãi, nhưng trong thực tế thì lại hành động như những ngôn sứ giả.

Đức Giêsu đã báo trước rằng, vào thời mạt pháp, tức thời cuối cùng trước khi Ngài trở lại, sẽ xuất hiện nhiều ngôn sứ giả. Ngài nói: thời ấy, «sẽ có nhiều ngôn sứ giả xuất hiện và lừa gạt được nhiều người. Vì tội ác gia tăng, nên lòng yêu mến của nhiều người sẽ nguội đi. Nhưng kẻ nào bền chí đến cùng, kẻ ấy sẽ được cứu thoát» (Mátthêu 24,11-13). Hiện nay chính là thời mạt pháp, điều Ngài tiên báo ấy đang xảy ra trước mắt mọi người, trong xã hội và trong cả các tôn giáo.

Nhưng làm sao phân biệt được ngôn sứ nào là thật và ngôn sứ nào là giả? Quả thật, Thánh Phaolô cũng phải công nhận việc phân biệt ấy thật khó, thậm chí rất khó, vì ngài viết: «chính Xatan cũng **đội lốt thiên thần sáng láng!**» và «có gì là khác thường khi kẻ phục vụ nó (tức Xatan) lại **đội lốt người phục vụ sự công chính**» (thư thứ 2 Côrintô 11:14-15). Trong cuộc sống thực tế hiện nay, khi mua hàng, quả thật phân biệt được hàng thật và hàng giả không dễ chút nào. Hàng giả nhiều khi còn «có vẻ thật» hơn cả hàng thật nữa. Phải bị lừa nhiều lần mới rút được kinh nghiệm để phân biệt.

Trở lại vấn đề phân biệt các ngôn sứ, Đức Giêsu đã đưa ra một số nguyên tắc hay tiêu chuẩn: «Anh em hãy coi chừng các ngôn sứ giả, họ **đội lốt thiên thần** mà đến với anh em; nhưng **bên trong, họ là sỏi dữ** tham mồi. Cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì họ biết họ là ai. Ở bụi gai, làm gì có nho mà hái? Trên cây găng, làm gì có vả mà bẻ? Nên hễ cây tốt thì sinh quả tốt, cây xấu thì sinh quả xấu. Cây tốt không thể sinh quả xấu, cũng như cây xấu không thể sinh quả tốt. Cây nào không sinh quả tốt, thì bị chặt đi và quăng vào lửa. Vậy, **cứ xem họ sinh hoa quả nào, thì biết họ là ai**» (Mátthêu 7:15-20). Ngài



Lm Nguyễn Văn Lý bị công an bịt miệng

cũng đưa ra tiêu chuẩn để phân biệt giữa mục tử và người chăn thuê: «Mục Tử nhân lành **hy sinh mạng sống mình cho chiên**. Kẻ chăn thuê, vì không phải là mục tử và vì chiên không thuộc về anh, nên **khi thấy sói đến, anh bỏ chiên mà chạy**. Sói vô lấy chiên và làm cho chiên tán loạn, vì anh ta là kẻ làm thuê và không thiết gì đến chiên» (Gioan 10:11-13).

Thiết tưởng với những tiêu chuẩn trên của Đức Giêsu, người thông minh và biết nhận xét một chút cũng có thể phân biệt được thật giả. Nói chung, một cách tổng quát, ngôn sứ thật thời nào cũng bị người đồng thời –có thể là chính quyền, giáo quyền, người đồng đạo, người khác đạo– hiểu lầm, vu khống, chụp mũ, bách hại, ném đá, đưa ra tòa, hành hung, truy nã; thời xưa, nhiều ngôn sứ còn bị đưa lên giàn hỏa, đóng đinh thập giá, v.v... Số phận của các ngôn sứ thật đều bị như thế cả, như lời Đức Giêsu đã nói cách đây 2000 năm (xem Mátthêu 5:12b; 23:34-35). Còn ngôn sứ giả thì thường được người đồng thời, nhất là thế quyền, ưu đãi (xem Luca 6:22-23 và 26), vì họ thường đứng về phía kẻ có thể ban phát quyền và lợi cho họ.

Vì thế, hỡi những người đã chấp nhận làm ngôn sứ đích thật, hãy vui vẻ chấp nhận luôn cách người đồng thời đối xử với mình, đừng buồn tủi làm gì! Đức Giêsu đã chẳng báo trước điều ấy sao? «Trò không hơn thầy, tớ không hơn chủ. Trò được như thầy, tớ được như chủ, đã là khá lắm rồi» (Matthêu 10:24-25)../.

NGUYỄN CHÍNH KẾT

XA RỜI MÙA HẠ

(Mùa Thu bắt đầu Sept. 21, 2022)



Cô Bé ơi! Sao quên rời mùa Hạ ?
Đề Thu về giá lạnh phủ đầy sương
Hàng cây xanh đổi sắc đứng bên đường
Con dốc nhỏ bơ vơ tìm chút nắng

Tại Bé đó! Để lòng buồn hiu quạnh
Mưa chợt về đọng lại giọt suy tư
Có phải Thu mang gió thoảng vi vu
Thương giọt nắng bơ vơ còn sót lại

Cô Bé ơi! Còn đâu thời ngây dại
Mái trường xưa chung lối nhỏ đi về
Tiếng ve sầu nức nở báo mùa thi
Mùa Hạ đến hôm nào nay xa vắng

Tại Bé đi ! Cho tình thơ vui cạn
Thu chợt về nắng đã vội chia tay
Không cùng vui chiếu rọi suốt đêm ngày
Mưa Thu khóc giọt sầu theo tháng đợi

Cô Bé ơi! Cho anh lời tạ lỗi
Dỗi hờn chi cho lá úa vàng rơi ?
Bé đi rồi! Phở vắng chỉ mình tôi
Thương nhớ quá ... nụ hôn nào Bé nhỉ ?

NGUYỄN VĂN THẮNG

ĐI DU THUYỀN TRÊN SÔNG MISSISSIPPI

NGUYỄN VĂN BÌNH



Nhóm chúng tôi 8 người gồm có các anh chị Hàn Thụy Tiên & Kim Oanh, Hà Kim Tinh & Nguyễn Ngọc Mai, Ngô Bình Kỳ & Quách Huệ Anh và Nguyễn Văn Bình & Mã Phương Liễu đã đi du thuyền trên sông Mississippi 7 ngày cộng thêm 1 ngày đi và 1 ngày về bằng máy bay. Chiếc du thuyền American Duchess đã đi một đoạn 378 miles của sông Mississippi có 5 lockings và đi qua 4 tiểu bang là Tennessee, Kentucky, Illinois và Missouri. Được biết sông Mississippi dài 2340 miles đi qua 10 tiểu bang từ bắc xuống nam của Hoa Kỳ

Vào 9:50 sáng thứ bảy 27-8-2022, chúng tôi khởi hành từ phi trường Oakland sau khi ghé Salt Lake City, chúng tôi đến phi trường Nashville, thủ đô của Tennessee lúc chiều và đi xe shuttle trực chỉ đến Gaylord Opryland Resort. Đây là khu resort sang trọng, rộng rãi, có khách sạn Gaylord, nhiều nhà hàng, với cây cối, thác nước trang trí rất đẹp. Tiền khách sạn một đêm đã gồm trong gói du lịch.

Sáng chủ nhật 28-8-2022, chúng tôi thuê xe Shuttle đi dạo thành phố Nashville, dân số là 1.294 triệu được mệnh danh là thành phố của Country music, thủ đô của Tennessee. Chúng tôi ghé thăm Grand Ole Opry, một thính phòng chuyên trình diễn những giải country music, tòa thống đốc, các nhà hàng do các nghệ sĩ country music làm chủ, và museum. Chiều chúng tôi làm thủ tục lên tàu và xe

Tại khu *Gaylord Opryland Resort* xe bus đưa chúng tôi đến Clarksville nơi tàu đậu. Tàu American Duchess là loại steam boat gồm có 3 decks và chứa được 166 khách. Chuyến đi của chúng tôi có 119 khách cùng nhân viên của tàu khoảng 40 người. Đa số khách du lịch là người Mỹ da trắng và cao tuổi.



Thắng cảnh tại Nashville

Lên tàu sau khi nhận phòng ngủ khá rộng so với phòng ngủ của các chuyến đi cruise trên biển, chúng tôi chuẩn bị đi ăn cơm chiều. Họ đã dành riêng cho nhóm chúng tôi bàn 8 người nằm giữa phòng ăn. Thức ăn khá ngon gồm có steak, tôm hùm, gà, cá, rau, soup, kem, trái cây v.v.. đặc biệt là beer và rượu vang không lấy thêm tiền, khác với những

chuyến đi cruise trên biển. Vào 8:30 tối mỗi đêm đều có trình diễn văn nghệ.

Sáng thứ hai 29-8-2022, họ cho xe bus đưa chúng tôi đi xem thắng cảnh của Clarksville, với dân số là 173,980. Trên đoạn đường đi có nhiều cây to cao và các bãi cỏ xanh tươi khác với tiểu bang Cali bị tình trạng hạn hán. Địa điểm chúng tôi đến là Historic Collinsville. Nơi đây gồm có những căn nhà xây cất bằng gỗ đơn sơ, trình bày những con thú nhồi bông, lò rèn và những vật dụng đơn sơ trong nhà của những người đi khai phá đầu tiên của nước Mỹ.



Tại Historic Collinsville

Tối thứ hai vào 11 giờ đêm, tàu nhỏ neo trực chỉ đến Dover có dân số 1,908 người. Sáng thứ ba 30-8-2022, xe bus đưa chúng tôi lần lượt thăm Steward County Visitor Center để xem phim về cuộc nội chiến Hoa Kỳ, rồi đến Fort Donelson Lower River Battery nơi diễn ra trận hải chiến giữa quân hai phe Nam Bắc. Ghé nghĩa trang Fort Donelson, Skyes Historical Museum và The Surrender House, nơi tướng Buckner của Nam quân ký thỏa ước đầu hàng với tướng Grant của Bắc quân.

Sáng thứ tư 31-8-2022, sau khi tàu đến Paducah với dân số 27,559 người thuộc tiểu bang Kentucky với dân số 4.52 triệu dân, xe bus đã đưa chúng tôi đi thăm National Quilt Museum gồm 600 bức tranh bằng vải thêu thật đẹp. Ghé downtown shopping, murals, Paducah Railroad Museum với xe ửa và nhiều hình ảnh được vẽ trên tường để ghi lại lịch sử của thành phố.

Đến tối thứ tư, khi được coast guard thông báo vào sáng thứ sáu 2-9-2022 đập nước tại St Louis



The Surrender House



Tranh vẽ trên tường tại Paducah, Kentucky

phải đóng cửa, nên buộc lòng tàu phải chạy qua St Louis trước thứ sáu để đến Alton thuộc tiểu bang Illinois. Vì thế, vào sáng thứ năm tàu đã không ghé



Railroad Museum tại Paducah

lại Cape Girardeau và Kimmswick thuộc tiểu bang Missouri như dự định.

Chúng ta cũng nên biết trên đoạn sông của Mississippi vì lòng đất có những chỗ cao, chỗ thấp, nên có khúc sâu và khúc cạn, Nếu lòng sông cạn ít hơn 9 feets thì tàu bị mắc cạn. Tại các chỗ cạn, họ có đập nước để đổ nước vào chỗ cạn để giúp tàu đi chuyên được.



Vào sáng thứ sáu 2-9-2022 tàu đến Alton có 25,238 người thuộc tiểu bang Illinois với dân số 12.785 triệu người. Alton trước đây là nơi Bắc quân giam giữ tù binh Nam quân. Xe bus đưa chúng tôi xem thành phố có tượng kỷ niệm của TT Lincoln trong cuộc tranh luận khi ứng cử tổng thống với ông Stephen Douglas. Tàu đậu gần Casino, vì thế mọi người có thể đi bộ qua thử thời vận.

Chiều thứ bảy 3-9-2022 khi tàu đến Grafton có 672 người thuộc tiểu bang Illinois. Để bù lại cho tour Cape Girardeau và Kimmswick, chúng tôi được xe bus đưa đi thăm St Louis, với dân số 2.221 triệu, thủ đô của tiểu bang Missouri có dân số 6.2 triệu



Tại Alton, Illinois

Chúng tôi được 2 tiếng đồng hồ tự do đi bộ thăm St Louis. Khi ấy, vì trời mưa tầm tã, khiến chúng tôi nhớ lại hình ảnh thân thương và lãng mạn của thời trai trẻ trong những buổi hẹn hò cùng nhau đi dưới mưa của bầu trời Sài Gòn, Cần Thơ năm nào. Chúng tôi phải dùng dù che mưa đi xem Iconic Arch, thăm Gateway Arch Museum, nơi có nhiều du khách đến, Old Basilica, Old Court House và City Garden.



Tại St Loius, Missouri

Sáng chủ nhật 4-9-2022, chúng tôi rời tàu lên xe bus đi xem lần nữa thắng cảnh của St Louis. Chúng tôi lên tháp Lewis Clark Tower xem ba giòng sông của 3 tiểu bang Kentucky, Illinois và Misouri giao lại nhau. Thăm Lewis & Clark Voyage of Discovery để biết câu chuyện của hai ông Clark và Lewis đi khám phá nước Mỹ và đại diện cho TT Lincoln mua Louisiana từ Pháp. Chúng tôi thăm Gateway Arch National Park rất lớn, nhà thờ chánh

tòa uy nghi rất đẹp được hoàn tất xây vào năm 1914, tòa án Liên bang, đại học St Louis to lớn v.v.. và sau cùng xe bus đưa chúng tôi ra phi trường St Louis vào 1 giờ trưa. Sau chuyến đi dài, chúng tôi đã về lại phi trường Oakland vào 10 giờ đêm cùng ngày.



Tại Clark & Lewis Tower



Trước Old Court tại St Louis



Tại nhà thờ chánh tòa St Louis



Trên tàu



Hoàng hôn trên tàu

Sinh hoạt trên tàu, ngoài họ lo cho ba buổi ăn sáng, trưa, chiều, họ còn lập ra một phòng ăn

24/24. Thông thường tàu chạy vào buổi tối, thỉnh thoảng đi vào buổi sáng để chúng ta ngắm cảnh và xem tàu khi đi qua các lock down. Ngoài phần văn nghệ hằng đêm vào 8 giờ 30 tối, họ cũng có những buổi thuyết trình, chơi bingo, chiếu phim, thư viện, gift shop.

Chuyến đi du lịch trên sông Mississippi đã đem lại cho nhóm chúng tôi một thời gian thư giãn, trò chuyện và cũng được học hỏi thêm về lịch sử của cuộc nội chiến Hoa Kỳ, thắng cảnh của 4 tiểu bang Tennessee, Kentucky, Illinois và Missouri và hiểu thêm về những sinh hoạt trên sông Mississippi. Quý vị muốn tìm hiểu về du lịch trên sông có thể vào website: info@AQVoyages.com tel: 888-749-5280./.

NGUYỄN VĂN BÌNH

PHÁ THAI: **THỂ HIỆN QUYỀN TỰ DO HAY HÀNH ĐỘNG SÁT NHÂN ?**



NGUYỄN VĂN BÌNH

Ngày 22-1-2021, nhân đánh dấu 48 năm vụ kiện Roe v. Wade khi TCPV cho phép phá thai, TT Joe Biden đã ký sắc lệnh hành pháp cổ võ và lấy tiền thuế của người dân Hoa Kỳ yểm trợ cho các quốc gia nghèo trên thế giới giới trong việc phá thai. Hành động của TT Joe Biden đã gây tranh cãi trong người dân Hoa Kỳ và đặc biệt là sự lên án mạnh mẽ của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ. Chúng ta tự hỏi Phá Thai là thể hiện quyền tự do lựa chọn của người phụ nữ trong việc phá thai hay là một hành động sát nhân đối với thai nhi ?. Chúng tôi xin phân tích vấn đề này trên hai lãnh vực Luật Pháp và Tôn Giáo.

1- VỀ LUẬT PHÁP:

Vào năm 1969, bà Norma McCorvey, mang thai đứa thứ ba, sống tại Texas muốn phá thai. Nhưng luật của TB Texas ngày đó cấm phá thai, trừ một vài ngoại lệ thí dụ như khi việc sinh nở sẽ có hại cho sức khỏe hoặc sinh mạng của người mẹ. Bà Mc Corvey muốn luật sư Sarah Weddington và Linda Coffee kiện TB Texas lên tòa án liên bang cho là luật cấm phá thai là bất hợp hiến. Sau đó, TB Texas kháng cáo phán quyết của tòa Liên Bang này lên Tối Cao Pháp Viện. Đến ngày 22-1-1973, phán quyết của TCPV với tỷ số 7/2 cho rằng Luật Cấm Phá Thai của TB Texas bất hợp hiến. Như vậy tức là luật cấm phá thai của Texas trở thành vô giá trị và bà Mc

Corvey thắng kiện. Những điều mà TCPV viết ra trong phán quyết năm 1973 trở thành Luật về Phá Thai tại Hoa Kỳ.

Quan điểm của TCPV cho rằng theo tu chính án 14 của Hiến Pháp Hoa Kỳ thì “*không một tiểu bang nào được ban hành hoặc thực thi bất cứ đạo luật nào nhằm hạn chế đặc quyền hoặc quyền bất khả xâm phạm của công dân Hoa Kỳ. Cũng không một tiểu bang nào có thể tước đoạt sinh mạng tự do hoặc tài sản của một cá nhân mà không theo một qui trình do luật định.*”

Phán quyết của vụ kiện Roe v. Wade cho rằng, TB Texas đã xâm phạm vào quyền tự do riêng tư (Right to Privacy) của bà McCorvey về quyền tự chọn phá thai hay không phá thai. Tuy nhiên, TCPV cũng cho rằng đây không phải là quyền tuyệt đối mà cần phải cân bằng với quyền lợi của chính phủ trong việc bảo vệ sức khỏe của người mẹ và thai nhi.

Theo quan điểm của TCPV cũng như theo nhiều bác sĩ đã chia sự trưởng thành của bào thai theo các kỳ trimesters như sau:

1-Kỳ 1 (first trimesters) là từ tuần lễ đầu tiên đến cuối tuần lễ thứ 12.

2-Kỳ 2 (second trimesters) là từ tuần lễ thứ 13 đến cuối tuần lễ thứ 26

3-Kỳ 3 (third trimesters) là từ tuần lễ thứ 27 tới khi hoàn mãn bào thai.

Hiện thời thì luật của nhiều tiểu bang đòi hỏi là nếu phá thai trong kỳ 3 cần có sự phán quyết của một bác sĩ chính và 2 bác sĩ tham khảo cho rằng nếu cứ để bào thai thì nhiều phần sản phụ sẽ chết hay là “một cách chủ yếu và không thể ngăn ngừa được” khả thể sản phụ sẽ bị tâm thần hay làm hại sức khỏe (mental or physical health).

Cho đến nay, nhiều vị dân cử thuộc đảng Dân Chủ vẫn luôn cổ võ cho việc phá thai. Vào cuộc tranh cử năm 2016, bà Hillary Clinton đã cho rằng bà đồng ý cắt nát thai nhi trong bào thai ngay cả trong giai đoạn cuối của mang thai. Bà chủ tịch Hạ Viện Nancy Pelosi đã lên án những người phò sinh, ủng hộ TT Trump là làm cản trở nền dân chủ của



Hoa Kỳ. Ngay cả tại tiểu bang Virginia, dân biểu Dân Chủ người Việt, bà Kathy Trần đã đệ trình dự luật Phá Thai mang tên Repeal Act cho phép người phụ nữ có quyền giết thai nhi ngay cả vừa chào đời. Rất may, dự luật tàn nhẫn này đã bị Ủy Ban Lập Pháp của Virginia bác bỏ vào ngày 28-1-2019.

Kể từ năm 1973, qua phán quyết của TCPV ,tại Mỹ có khoảng từ 1 triệu đến 1 triệu 300 ngàn thai nhi bị giết hàng năm, có nghĩa đến nay đã có gần 60 triệu thai nhi đã bị sát hại. So với Ba Lan, nơi có luật cấm phá thai thì trong năm 2019 chỉ có 1,110 vụ phá thai hợp pháp đối với các bào thai bị khuyết tật.

Sở dĩ, hiện nay vẫn còn có sự tranh cãi trong người dân Hoa Kỳ giữa phe ủng hộ phá thai (Pro-Choice) và phe chống phá thai (Pro-Life) là vì bản Hiến Pháp Hoa Kỳ quá tổng quát, không ghi rõ là cấm Phá Thai hay cho Phá Thai. Hiến Pháp Hoa Kỳ chỉ ghi chính phủ phải tôn trọng các quyền tự do của người dân như: ngôn luận, tôn giáo, đi lại, tư hữu, mua vũ khí, quyền riêng tư, bình đẳng giữa mọi người dân, quyền bỏ phiếu, quyền sống v.v.. mà lại giao quyền diễn giải Hiến Pháp cho các thẩm phán của TCPV. Trong vụ Roe v. Wade, các thẩm phán diễn giải rằng phá thai là quyền riêng tư của người phụ nữ. Tuy nhiên, thế thì quyền sống của các thai nhi lúc chưa chào đời cũng cần được luật pháp bảo vệ, không được xem nhẹ được, nhất là các em bé là những người vô tội, yếu đuối, không có tiếng nói. Đây chính là vấn đề then chốt là khi nào thì thai nhi trong bào thai được hình thành là một con người?

Hai tháng, ba tháng hay chỉ lúc khi đứa bé chào đời?

Chúng ta cũng phải tự hỏi, tại sao những vị dân cử miệng kêu gọi yểm trợ cho việc phá thai, nhưng chính bản thân và gia đình họ thì không phá thai. Những nạn phá thai thường xảy ra trong giới dân nghèo, dân thiểu số. Phải chăng đây là một hành vi mang tánh cách chính trị, nhằm kiếm phiếu, cho công nghệ kiếm tiền hơn là bảo vệ nhân quyền.

Chúng ta cũng phải đặt vấn đề với luật pháp Hoa Kỳ đã hết sức bảo vệ sinh mạng, tổ chim và ngay cả trứng của

chim đại bàng. Theo đạo luật liên bang Bald & Golden Eagle Protection thì cấm mọi người giết hại chim, ăn trứng hay phá tổ của chim đại bàng. Hình phạt là từ 5 ngàn đến 10 ngàn mỹ kim và tù từ 1 năm đến 2 năm. Câu hỏi được nêu ra là tại sao trứng chim đại bàng lại được bảo vệ hơn bào thai của thai nhi ?

May mắn thay vào ngày 24-6-2022, Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ đã ra phán quyết lật ngược án lệ Roe v. Wade với tỷ số 5/4. Theo phán quyết của TCPV lần này cho rằng án lệ Roe v. Wade đã sai lầm vì Hiến Pháp Hoa Kỳ không đề cập cụ thể đến quyền phá thai. Thẩm phán Samuel A. Alito nói thêm rằng: *“Chúng tôi cho rằng án lệ Roe v. Wade phải bị đảo ngược. Hiến pháp không đề cập đến việc phá thai và không có quyền nào như vậy được bảo vệ một cách hoàn toàn bởi bất cứ điều khoản nào, kể cả điều khoản mà những người bảo vệ án lệ Roe v. Wade chủ yếu là dựa vào điều khoản về diễn trình phải có của Tu Chính Án 14.”* Thẩm phán Alito cho biết: *“Đã đến lúc phải lưu ý đến Hiến Pháp và trả lại vấn đề phá thai cho các đại biểu dân cử của nhân dân.”*

Tổ chức Hoa Kỳ Thống Nhất Phò Sinh (American United for Life) tuyên bố: *“Với quyết định của Tối Cao Pháp Viện ngày 24-6-2022 đã sửa chữa những sai lầm lịch sử của mình đối với án lệ Roe v. Wade và luật pháp sau đó, đồng thời tạo điều kiện cho các nhà lập pháp Mỹ một lần nữa duy trì*

quyền sống của con người.”

2- VỀ TÔN GIÁO:

Mọi tôn giáo từ Phật Giáo, Tin Lành, Công Giáo, Cao Đài hay Hòa Hảo v.v. đều cấm giết người. Phật Giáo trong ngũ giới có ghi cấm sát sinh. Trong 10 điều răn của Thiên Chúa Giáo có ghi rõ là cấm giết người. Con người là do Thiên Chúa tạo dựng, nên không một ai có quyền cướp đi sinh mạng của một người khác.

Đức Tổng Giám mục Joseph Naumann của thành phố Kansas, tiểu bang Kansas, đã gọi những hành động ủng hộ phá thai của Tổng thống Joe Biden là một *“ngày buồn cho quốc gia và cho những người Công Giáo”*,

Ông Naumann, chủ tịch Ủy ban các hoạt động vì sự sống của Hội đồng Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ, đã đưa ra nhận xét của mình vào cuối tháng 1/2021 trong cuộc phỏng vấn trên EWTN.

Khi được hỏi giám mục sẽ nói gì với tổng thống mới đắc cử, ông Naumann trả lời: *“Tôi sẽ nói: Dậy đi. Hãy nghĩ về những gì bạn đang thực sự làm ở đây. Tôi tin là linh hồn của ông ấy đang gặp nguy hiểm”*.

Ông nói rằng chính quyền Biden đã sử dụng cách nói tránh khi đề cập đến phá thai và gọi đó là *“chăm sóc sức khỏe cho người nghèo.”* Trên thực tế, khi thực hiện hành vi phá thai, người mẹ phải chịu tổn thương về tinh thần, còn đứa con trong bụng chưa sinh phải chết. Vậy đây là kiểu chăm sóc sức khỏe gì?

Giám mục nói thêm: *“Thật sự là bi thảm khi bất cứ ai làm điều này, nhưng đặc biệt là với một người tuyên bố theo đạo Công giáo. Tôi nghĩ nó rất trái ngược với những gì ông ấy vận động với tư cách là tổng thống của sự thống nhất. Rõ ràng là ông ta đang mắc nợ các thế lực ủng hộ phá thai trong đảng của ông và ông ấy chỉ [đơn thuần là] tuân theo họ”*.

Nhận xét của ông Naumann được đưa ra khi Biden hủy bỏ chính sách thành phố Mexico, chính sách chặn tiền viện trợ nước ngoài của Mỹ cho các tổ chức phi lợi nhuận quốc tế cung cấp hoặc thúc đẩy phá thai ở các quốc gia khác.

Đức TGM Salverto Joseph Cordileon của San Francisco cho rằng: *“Không người Công Giáo*

nào có lương tâm lại ủng hộ việc phá thai. Quyền lựa chọn của người phụ nữ chỉ là một hỏa mù để duy trì cho một công nghệ đem về lợi nhuận là một tội ác thật kinh khủng, không thể chấp nhận”

Đức TGM Stanislaw Gadecki của Ba Lan cho rằng: *“Mỗi cá nhân đều phải được bảo vệ quyền sống ngay từ lúc thụ thai cho đến khi chết một cách tự nhiên”*

Trong một bài bình luận do trang web tôn giáo First Things đăng vào ngày 4/12/2020, cựu Tổng giám mục Philadelphia, ông Charles Chaput đã viết rằng, đừng xem nhẹ việc từ chối Rước lễ cho Biden, và rằng *“Những nhân vật công chúng, những kẻ tự nhận mình là ‘Người Công giáo’ đã gây tai tiếng cho các tín hữu khi nhận nghi thức Rước lễ bằng cách tạo cho người ta ấn tượng rằng các quy phạm đạo đức của Giáo hội là có thể tùy tiện cải biến.”*

“Khi các giám mục công khai tuyên bố việc họ sẵn sàng thực hiện nghi thức Rước lễ cho ông Biden, mà không dạy cho ông ấy một cách rõ ràng về tính nghiêm trọng của việc ông tạo điều kiện cho tệ nạn phá thai (và việc ông chấp thuận các mối quan hệ đồng tính), họ đã làm tổn hại đến các giám mục anh em và các tín hữu của mình một cách đáng sợ,” cựu Tổng giám mục đã viết. *“Qua những hành vi trong suốt cuộc đời hoạt động xã hội của mình, ông Biden đã chứng tỏ rằng ông ấy không có mối liên hệ đầy đủ với Giáo hội Công giáo.”*

Mẹ Têrêsa Calcutta cho rằng: *“Phá thai là chối bỏ giáo huấn của chính Chúa Giêsu Kitô là Đấng đã dạy rằng ‘ai đón tiếp một em nhỏ, tức là đón tiếp chính Ta vậy’.”* Rồi Mẹ kết luận: *“Phá thai đúng là từ chối không tiếp nhận trẻ nhỏ, và do đó, cũng từ chối đón nhận chính Chúa Giêsu”*. Trong một cuộc tiếp tân tại Tòa Bạch Ốc vào năm 1994, bà Hillary Clinton có đặt câu hỏi đến Mẹ Têrêsa là: *“Tại sao nước Mỹ chưa có một vị nữ tổng thống?”*. Mẹ Têrêsa đã trả lời: *“Có lẽ bởi vì người phụ nữ ấy đã bị bóp chết ngay từ lúc còn là bào thai”*.

Qua phán quyết của Tối Cao Pháp Viện ngày 24-6-2022, Đức Tổng Giám Mục José H. Gomez của Los Angeles, chủ tịch Hội Đồng Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ và Tổng Giám Mục của Baltimore, chủ tịch Ủy Ban về các hoạt động phò sinh của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ đã tuyên bố: *“Đây là một ngày lịch sử trong cuộc đời của đất nước chúng ta,*

một ngày khiến chúng ta suy nghĩ, cảm xúc và câu nguyện. Trong gần 50 năm, nước Mỹ đã thực thi một luật bất công cho phép một số người quyết định liệu những người khác có thể sống hay chết. Chính sách này đã dẫn đến cái chết của hàng chục triệu trẻ sơ sinh, những thế hệ bị từ chối quyền được sinh ra.”

Tóm lại, mọi người đều biết Tình Mẫu Tử thật là thiêng liêng. Ngay cả thú vật chẳng hạn như những con gà mẹ hay con chó mẹ sẵn sàng dùng mọi cách để bảo vệ những đứa con của chúng. Huống chi là con người. Người Mẹ của bất cứ dân tộc nào cũng sẵn sàng hy sinh bản thân, hạnh phúc, thú vui của mình để bảo vệ và nuôi nấng đàn con. Câu chuyện thật đã xảy ra ít lâu. Trong một cơn động đất, hai mẹ con bị kẹt trong đồng gạch vụn. Người mẹ đã phải cắn đầu ngón tay dùng máu của mình đưa cho con bú đang khóc vì lâm vào cơn đói khát. Khi người lính cứu hỏa tìm ra được hai mẹ con thì bà mẹ đã chết vì cạn máu do hành vi cứu cho con mình được sống. Tình mẫu tử của họ đáng cho chúng ta ngưỡng mộ.

Qua câu chuyện của một số bác sĩ có nhúng tay vào việc phá thai đã tận mắt chứng kiến khi có thai nhi khi bị kéo ra khỏi bào thai đã khóc hoặc đưa cánh tay nắm lấy cái kiếm cầu cứu một cách vô vọng. Những bác sĩ này, sau đó đã tỏ vẻ hối hận và từ bỏ việc phá thai.

Ngoài ra, nếu cho mọi người được tự do phá thai thì sẽ gây ra tình trạng giới trẻ sống thác loạn làm đe dọa đến sự hạnh phúc của gia đình.

Chúng ta đã biết Hiến Pháp Hoa Kỳ công nhận quyền đi lại của người dân. Tuy nhiên, không ai vì quyền này mà muốn lái xe trên đường thế nào cũng được với tốc độ không giới hạn mà cần theo theo luật giao thông để giữ sự an toàn và tránh bị kẹt xe gây hỗn loạn. Cũng thế, luật pháp tôn trọng quyền tự do của người phụ nữ nhưng cũng cần phải tôn trọng quyền sống của các thai nhi là những đứa bé vô tội, yếu đuối và không có tiếng nói?. Và điều quan trọng nhất là một khi người mẹ chấp nhận phá thai, giết hại ngay cả đứa con thân yêu của mình, thì làm sao họ có thể thương yêu và phục vụ cho những người khác được?

Chúng tôi mong mỗi những nhà lập pháp trên thế giới phải cố gắng tìm ra một giải pháp tốt đẹp, hữu lý và phù hợp đạo đức cho vấn đề phá thai vậy ./.

NGUYỄN VĂN BÌNH

EM HÀ NỘI



Em Hà Nội xa tôi từ dạo đó
Để Thu về héo úa chiều mưa rơi
Hương sữa thơm tìm đâu nét môi cười
Cho tim ngỡ giam hồn vào lãng mạn

Em Hà Nội cho tình tôi ngắn hạn
Cổ Ngư buồn kỷ niệm phút chia tay
Giã từ em nghe nhớ quá đêm ngày
Hồ Tây đó xa rồi em có nhớ?

Em Hà Nội má hồng lên mắc cỡ
Vành nón nghiêng che kín suối tóc thề
Lời dịu dàng đưa vào nỗi đam mê
Mùa Thu đến lá vàng rơi trước ngõ

Em Hà Nội cho tôi chiều tưởng nhớ
Tình bay xa thương nhớ bỗng hao gầy
Nên Thu buồn vội khép kín tà mây
Sương phủ lấp dấu chân nào năm cũ

Em Hà Nội anh mơ thành lãng tử
Để tim lòng vỡ giấc ngủ tương tư
Gió mùa Thu vương vấn thả lời ru
Cho tôi nhớ thương em chiều Hà Nội

Em Hà Nội xa rồi còn ngóng đợi
Hay quên rồi ngày tháng cũ chia xa
Để nụ hôn ngày ấy vội phai nhòa
Trong ký ức tình ôm sâu lưu luyến

NGUYỄN VĂN THẮNG

Những kỷ niệm về các vị Khoa Trường Trường Đại Học Văn Khoa Huế (1957 - 1975)



LÊ ĐÌNH CAI

Năm 1962, sau khi đỗ tú tài II ban văn chương Anh, tôi ghi danh vào lớp Dự Bị Văn Khoa và lớp Cử Nhân Luật I ở Huế (1962–1963). Về sau tôi chuyên tâm về ngành Văn Khoa hơn. Trong suốt 4 năm học ở trường Văn Khoa Huế từ 1962 đến 1966, tôi đã có dịp gần gũi với vị Khoa Trường chính thức đầu tiên là giáo sư Lê Văn Diệm (1960–63). Kế đó, thầy Huỳnh Đình Tế (1963–1964). Giáo sư Nguyễn Thế Anh (1964–1965). GS Lâm Ngọc Huỳnh lên thay từ niên khóa 1965–1966.

Tôi rời Trường đại học Văn khoa Huế vào mùa hè 1966 để theo học Ban Cao Học Sử tại đại học Văn khoa Sài Gòn và đã hoàn tất văn bằng này vào tháng 4 năm 1968. Vì đại học Văn khoa Sài Gòn cho tới 1968 vẫn chưa mở lớp Tiên Sĩ, nên tôi không có dịp tiếp tục học lên, phải xin dạy học tại đại học Văn khoa Đà Lạt, trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam và đại học Văn khoa Huế từ mùa thu 1968 cho đến tháng 4 năm 1975. Năm 1971, tôi đổi về dạy tại đại học Văn khoa Huế khi giáo sư Lê Thanh Minh Châu đảm nhiệm chức vụ Viện Trưởng đại học Huế. Và giai đoạn này, giáo sư Nguyễn Quới đã thay GS Lâm Ngọc Huỳnh lên làm Khoa Trường Văn khoa (1970–71). Cuối năm 1971, GS Quới rời chức vụ vì đã đắc cử Nghị Sĩ nhiệm kỳ 1971 – 1976, nên GS Dương Đình Khôi lên thay thế làm Khoa Trường Văn khoa

Huế cho đến tháng 4 năm 1975. GS Dương Đình Khôi là thầy học cũ của tôi ở lớp Sử Tây Phương và tôi được may mắn trở lại trường Văn khoa Huế để cộng tác với vị thầy cũ trong cương vị thành viên của giảng huấn đoàn từ niên khóa 1971–1975.

Sau đây, tôi cố gắng ghi lại một số hình ảnh, tâm tư và hồi ức về các vị Khoa Trường mà tôi được may mắn gần gũi trong tư cách một người học trò cũ (1962 – 1966) và trong cương vị thành viên của giảng huấn đoàn khi tôi chuyển từ đại học Đà Lạt về Huế (1971–75)

*

Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua. Thời gian đã xóa nhòa những rêu phong của một thời trai trẻ, nhưng những tháng ngày sôi động của một thời sinh viên nào dễ có ai quên... Nay tuổi đã quá “thất thập”, nên chuyện đời bây giờ thì nhớ nhớ quên quên ngay cả những gì mới xảy ra ngày hôm qua hay tuần trước. Huống gì chuyện của một thời cách đây hơn 50 năm trên miền đất cố đô yêu dấu... Nhớ sự kiện đã là khó, nhớ ngày tháng của sự kiện lại càng khó hơn. Viết lại mà không có một tài liệu để tham khảo, để đối chiếu, quả không dễ gì. Nói chuyện với quý vị đàn anh, những lớp sinh viên tiên phong của đại học Huế để nhờ khai sáng thêm về những ngày xa xưa ấy thì người viết chỉ đón nhận được những suối nguồn khô cạn của ký ức. Chẳng hạn khi hỏi những đàn anh khóa đầu tiên của đại học Văn Khoa ai là người đã nhận lãnh văn bằng cử nhân văn chương đầu tiên của đại học Văn Khoa Huế thì thầy Nguyễn Văn Lâu, nguyên hiệu trưởng Trường Quốc Học Huế, tốt nghiệp đại học Sư phạm khóa đầu tiên, chỉ cười mà đề nghị người viết nên thử hỏi lại GS Đoàn Khoách xem sao. GS Đoàn Khoách năm nay 86 tuổi đã rất vui khi tiếp chuyện chúng tôi qua điện thoại. GS Khoách cho biết, GS Quới chính là người sinh viên văn khoa đầu tiên nhận lãnh văn bằng cử nhân (chuyên về văn chương Pháp). Những người xuất thân từ khóa đầu tiên thuộc sư phạm và văn khoa, một số đã là thành viên của giảng huấn đoàn như GS Nguyễn Quới, GS Nguyễn Đức Kiên, GS Nguyễn Văn Châu, GS Trần Quý Phiệt, GS Đoàn

Khoách... Những vị này về sau có người đã đảm nhiệm những chức vụ quan trọng chẳng hạn GS Nguyễn Quới là Khoa Trưởng ĐHSP rồi Khoa Trưởng ĐHVK, GS Nguyễn Đức Kiên, Khoa Trưởng ĐHSP, GS Đoàn Khoách, Phụ tá Khoa Trưởng ĐHSP, chẳng hạn.

Trở lại những ngày đầu thành lập Viện đại học Huế với sắc lệnh số 45/GD do Tổng thống Ngô Đình Diệm kí ngày 01/03/1957 và theo Nghị định số 95GD/NĐ cũng kí ngày 01/03/1957, thì Viện đại học Huế đã tổ chức được các lớp học sau đây cho niên khóa đầu tiên 1957 – 1958:

- Năm I Cử Nhân Luật Khoa
- Năm I Năng Lực Luật Khoa
- Năm I Cao Đẳng Sư Phạm
- Năm I Cán Sự Y Tế và Điều Dưỡng
- Năm I Nữ Hộ Sinh Quốc Gia
- Năm Dự Bị Văn Khoa
- Năm Dự Bị Cao Đẳng Mỹ Thuật
- Ban Toán Học Đại Cương.

Theo ghi nhận của GS Nguyễn Văn Trường, vị Khoa Trưởng đại học Văn khoa Huế đầu tiên là GS Lê Văn Diệm (theo Dòng Việt, số 4, 1997, tr.120; theo Kỷ Yếu ĐHSP Huế, 1957 – 2007, tr.17). Cũng trong Dòng Việt (sdd), trang 22a có ghi rõ danh sách các vị Khoa Trưởng, ĐHVK Huế: GS Lê Văn Diệm, GS Huỳnh Đình Tế, GS Nguyễn Thế Anh, GS Lâm Ngọc Huỳnh, GS Nguyễn Quới, GS Dương Đình Khôi. Nhưng tài liệu này không nói rõ thời gian tại chức của các vị ấy. Vào lúc này đây, người viết không có đầy đủ các văn kiện bổ nhiệm các vị Khoa Trưởng để tham khảo. Trong điều kiện hạn hẹp của tư liệu (nếu ở trong nước, công việc này chắc chắn dễ dàng hơn), người viết cố gắng dùng phương pháp đối chiếu, loại suy, tiếp cận phỏng vấn... chẳng hạn hỏi thăm các anh chị cựu cử nhân để xem thử vị khoa trưởng nào đã ký tên trên văn bằng để tạm thời ghi nhận được mốc giới thời gian của các vị ấy trong khoảng thời gian từ 1957–1975. Sự ghi nhận về thời gian này có thể đúng có thể sai vì không dựa được trên các văn bản chính thức, nên cần phải được hiệu đính khi điều kiện cho phép.

Trước khi tuần tự ghi lại vài nét về các vị Khoa Trưởng Văn Khoa Huế, người viết có một thắc mắc là liệu GS Lê Văn Diệm có phải là vị Khoa Trưởng đầu tiên của Văn Khoa Huế hay không? Để trả lời cho câu hỏi này, người viết đã xin được gặp

(qua điện thoại) GS Lê Thanh Minh Châu nguyên Viện trưởng, GS Nguyễn Đình Hoan, nguyên Tổng Thư Ký, GS Đoàn Khoách và đã được các vị cho biết là trong thời gian đầu, từ 1957 – 1960 mọi quyết định liên hệ đến Văn Khoa đều xuất phát từ Linh mục Viện Trưởng Cao Văn Luận. Nói đúng ra, trong thời gian này, Linh mục Luận đã đảm nhiệm quyền Khoa Trưởng của đại học Văn Khoa Huế trước khi GS Lê Văn Diệm được chính thức bổ nhiệm từ niên khóa 1960 – 1963. Vậy người viết xin bắt đầu từ Linh mục Cao Văn Luận trước.

1. Linh mục Cao Văn Luận (1957 – 1960):



Ngài đảm nhiệm quyền Khoa Trưởng cho đến khi GS Lê Văn Diệm về nước. Linh mục Cao Văn Luận được chính thức bổ nhiệm làm Viện trưởng ĐH Huế qua sắc lệnh ký ngày 01/03/1957. Niên khóa 1957-58, lớp dự bị Văn khoa được tổ chức và những năm kế tiếp cho đến 1960 Ngài đã ra

những chỉ thị trực tiếp liên hệ đến ngành Văn Khoa. Tiểu sử của Ngài mọi người dễ tìm thấy và ngay trong tập kỷ yếu này rất nhiều bài viết về cuộc đời của Ngài. Khi theo học lớp ĐBVK niên khóa 1962-63, cá nhân tôi không có may mắn được học với Ngài, dù Ngài là vị giáo sư triết học rất nổi tiếng vào thời ấy. Năm 1963, những biến động do phong trào sinh viên tranh đấu Huế đã đẩy đưa đời sống văn hóa của đại học Huế đi vào bế tắc, vượt khỏi tầm kiểm soát của vị Viện trưởng đầy lòng nhân ái này. Tháng 8/1963, Cha Luận bị huyền chức. Tháng 11/1963, đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, thì Ngài được mời trở lại điều hành Viện ĐH Huế nhưng rồi cũng chỉ 8 tháng sau, Ngài lại bỏ Huế ra đi. Lần này, không phải do chính quyền mà lại “do những thành phần năng động nhất của Huế đuổi Cha đi. Cha đi bỏ lại đằng sau tất cả của đời Cha. Cha đi vì đã hoàn tất một nhiệm vụ, hay Cha đi vì bản chất phản bội cố hữu của con người.” (Nguyễn Văn Trường, Kỷ Yếu, ĐHSP Huế, 1957 – 2007, tr.21).

Sau khi rời Huế, Ngài về Sài Gòn và được mời giảng dạy tại trường ĐHVK và ĐHSP. Năm 1966, tôi về SG theo học chương trình cao học Sử học và cộng tác thường trực với nhật báo Sống của

Chu Tử, Tự Do của GS Phạm Việt Tuyên, Chính Luận của BS Đặng Văn Sung. Dịp này tôi có một bài báo viết về Linh mục Cao Văn Luận và sự đóng góp quý giá của Ngài cho bước đầu của viện ĐH Huế, đăng trên các tờ báo nói trên. Cha Luận đọc bài này và đã gọi điện thoại mời tôi ghé thăm Ngài ở số 32 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Sài Gòn. Tôi được gần gũi Ngài kể từ dịp này. Tháng 4 năm 1968, tôi đệ trình luận văn “34 năm cầm quyền của Chúa Nguyễn Phúc Chu 1691 – 1724” để nhận lãnh văn bằng Cao học Sử học tại ĐHVK Sài Gòn. Và chính Cha Luận là người đã giới thiệu tôi lên dạy tại Viện ĐH Đà Lạt. Khi đến Hoa Kỳ, theo diện HO, tôi được biết là linh mục Cao Văn Luận đã qua đời vào tháng 7 năm 1986 tại Petaluma thuộc bang California.

2. GS Lê Văn Diệm (1960 – 1963):

GS Diệm từ Hoa Kỳ về Huế bắt đầu giảng dạy tại ĐHVK và đảm nhiệm chức vụ khoa trưởng chính thức trong khoảng 1960 – 1963. Thầy Diệm tốt nghiệp tiến sĩ Văn chương ở Hoa Kỳ, em ruột của bà GS Bùi Xuân Bào (đã từng làm Khoa Trưởng VK Sài Gòn và Thứ Trưởng Bộ GD). GS Diệm còn có một người em trai là BS Lê Văn Diễm cũng dạy tại ĐH Huế. Cá nhân người viết là học trò thầy Diệm liên tiếp 2 năm 1962, 1963 về môn văn hóa Anh-Mỹ. Thầy Diệm người gốc Huế, dáng cao và tầm vóc cân đối, bấy giờ thầy khoảng 40 tuổi, độc thân, rất hiền từ, tận tâm, rất yêu thương học trò, nhưng rất dễ nổi giận. Đặc biệt, thầy có thói quen mà tôi nhớ mãi, đang giảng bài, thỉnh thoảng thầy bỏ sách xuống bàn, hai tay xóc quần lên rồi thân nhiên dạy tiếp. Cuối năm 1963 thì thầy đổi về dạy tại ĐHVK Sài Gòn và sau nghe thầy đảm nhiệm chức vụ Khoa Trưởng ĐHVK Cần Thơ (?).

Thầy Lê Văn Diệm có dịp qua thăm Hoa Kỳ và ghé lại San Jose khoảng thời gian đầu năm 2000 thì phải. Chúng tôi đã mời thầy đi dùng cơm tối tại nhà hàng Nha Trang cùng với sự hiện diện của bác Lê Hữu Dẫn, chánh VP đại diện ĐH Huế tại Sài Gòn và Tiến Sĩ Lê Hữu Phú. Buổi gặp gỡ lúc đó thật đầm ấm, đầy ắp tình thầy trò sau một thời gian dài xa cách vì vận nước nổi trôi. Bốn người có mặt hôm đó, nay ba người đã khuất bóng.

3. GS Huỳnh Đình Tế (1963 – 1964):

Tốt nghiệp tiến sĩ ở Hoa Kỳ chuyên ngành



Ngữ học Anh (Ph.D in Linguistics), về nước khoảng 1963. Khuôn mặt thầy Tế thật phúc hậu, dáng người đầy đặn, không cao lắm nhưng cân đối. Khi thầy về nước và chuyên dạy cách phát âm về Anh văn cho sinh viên, tôi không có dịp được học với thầy vì tôi đã quyết chí đi về ngành Sử

học và hy vọng sẽ tiến xa hơn trên lãnh vực này. Tuy nhiên, tôi còn giữ được một kỷ niệm thân thương về thầy, không bao giờ quên được mỗi lần nhớ lại những ngày tháng sinh viên tuyệt đẹp của đời người. Số là niên khóa 1963-64, tôi theo học năm thứ hai không chuyên cần lắm, nửa tuần đầu theo học lớp chứng chỉ “Phương pháp Sử học”, nửa tuần sau từ chiều thứ tư, tôi phải ra Quảng Trị, về Diên Sanh dạy học. Tuy nhiên, năm thứ hai đó, tôi cũng đã đậu kỳ thi viết và chuẩn bị vào vấn đáp. Thật là xui xẻo khi vị giám khảo hỏi tôi: “Theo anh, thì cần thời gian bao lâu để phán đoán một biến cố lịch sử?” Câu này tôi nghĩ bụng là trúng tủ của mình rồi và trả lời liền: “Thưa thầy, con nghĩ là cần ít nhất 50 năm khi ảnh hưởng của nhân vật lịch sử không còn trực tiếp lên biến cố nữa thì sự phán đoán mới tương đối khách quan.” Vị giám khảo nhìn tôi mỉm cười “Anh thuộc bài đây chứ!” rồi nói tiếp: “Học là phải đi đôi với Hành. Thế anh đã “Hành” chưa?” “Anh đã phán xét một chế độ chưa đủ thời gian 50 năm, rồi anh “Hành” ngay khi đang còn là sinh viên” (Tôi hiểu ý của vị giám khảo, muốn đánh hồng tôi vì giai đoạn này, tôi đã tham gia phong trào sinh viên chống lại chính quyền đã bị lật đổ tháng 11/1963). GS giám khảo sau đó ra dấu tôi rời phòng thi. Tôi buồn vô hạn, hồng vấn đáp mà lại hồng vào kỳ hai làm sao mà không buồn được. Tôi tìm xuống văn phòng Khoa Trưởng ở dưới lầu và xin gặp GS Khoa Trưởng Huỳnh Đình Tế, tôi trình bày nỗi oan của mình và xin thầy can thiệp. GS Tế vỗ vai tôi thông cảm và thầy nói “Anh Cai ạ, tôi xin chia sẻ nỗi buồn của anh nhưng thật tình tôi không làm gì được cả. Kể cả GS Viện trưởng hay Khoa Trưởng như tôi, không có ai có thể can thiệp vào quyền quyết định tối thượng của GS Giám khảo được.” Tôi chào thầy và rời văn phòng. Tôi còn nhớ như in giờ khắc đó thuộc về buổi chiều, đèn đường

đã bắt đầu tỏa sáng và tôi đã đi bộ ra vườn hoa Hàng Doát, đối diện với tư dinh của Cha Viện trưởng. Tôi đi dưới cơn mưa lâm râm cuối hè trong trạng thái bước đi như kẻ mộng du. Lần đầu tiên trong đời tôi, đau niêm đau hông thi, sau khi đã trải qua kỳ thi tiểu học rồi thi vào đệ thất, thi đúp lôm (Trung học đệ nhất cấp), Tú Tài bán, Tú Tài toàn, rồi Dự bị Văn khoa, đều vào trót lọt, thế mà tôi đã hoàn toàn khựng lại trước ngưỡng cửa kỳ thi năm thứ hai này. Tôi cứ ngồi thao thức trên ghế đá công viên, không thiết gì ăn uống, rồi thiếp đi lúc nào không biết, cho đến khi chiếc xe tuần cảnh của Cảnh Sát đồ xích và tôi bị đánh thức dậy giữa đêm: “Tại sao cháu lại nằm ở đây mà không về nhà? Cháu biết bây giờ đã quá khuya rồi không?” (Một giọng nói ôn tồn của bác cảnh sát viên lớn tuổi, đưa tôi trở về thực tại.)

–“Thưa bác, cháu đã hỏng kỳ thi đại học chiều nay, cháu buồn quá, không muốn về nhà nữa”. Cảm thông với hoàn cảnh của tôi, bác cảnh sát xem sơ qua thẻ sinh viên mà tôi đã trình, biết địa chỉ của tôi ở Thành Nội, bác cho xe chở tôi về nhà sau khi gọi cậu bán mì dạo mua cho tôi một ổ để lót lòng. Thật, một kỉ niệm nhớ mãi trong đời.

Trở lại GS Huỳnh Đình Tế, tôi được thầy Nguyễn Văn Lâu, nguyên Hiệu Trưởng trường Quốc Học Huế, cho biết là GS Huỳnh Đình Tế khi về dạy tại Đại Học Văn Khoa và Sư Phạm Sài Gòn, được Bộ Giáo Dục mời làm Giám Đốc Nha Công tác Quốc tế (Department of International Relations) vào năm 1970-71. Nha này về sau đổi thành Sở và Thầy Lâu đã đảm nhiệm chức vụ Chánh Sự Vụ Sở này từ năm 1974. Từ đó, tôi không còn gặp lại thầy Tế nữa. Theo anh Hoàng Ngân Hà, người sinh viên cũ của thầy, cho biết là GS Huỳnh Đình Tế đã qua Hoa Kỳ và dạy học tại trường ĐH Long Beach. Nghe đâu, thầy đã qua đời tại thành phố Norwalk, California vào ngày 18/08/2003, thọ 74 tuổi.

4. GS Nguyễn Thế Anh (1964 – 1965):

Người gốc miền Bắc, tốt nghiệp tiến sĩ Sử học tại Pháp, về Huế giảng dạy môn Sử học tại các lớp cử nhân Sử. Tôi theo học với thầy 2 năm từ 1965-66. Thầy dáng người dong dong cao, không mập cũng không ốm. Thầy giảng bài rất tận tâm và soạn bài rất cẩn thận. Vào giờ học của thầy, tôi ghi bài đến mỗi cả tay từ đầu giờ cho đến khi chuông reo mới chấm dứt. Thầy ít nói ít cười nên đa số sinh



viên cảm thấy ít gần gũi.

Năm 1966, tình hình chính trị sôi động ở miền Trung đòi hỏi một vị viện trưởng mới, tướng Hoàng Xuân Lâm, tư lệnh quân đoàn I, đánh điện về Bộ xin đề cử GS Nguyễn Thế Anh lên làm Viện Trưởng sau khi đã tham khảo ý kiến của một số thân hào nhân sĩ ở

Huế. GS Nguyễn Thế Anh đã lên làm Viện Trưởng ĐH Huế kể từ niên khóa 1966-67 cho đến khi GS Lê Thanh Minh Châu được Tổng Thống đề nghị và Thượng Nghị Viện VNCH chuẩn thuận để về Huế đảm nhiệm chức Viện Trưởng thay thế GS Nguyễn Thế Anh vào năm 1970. Tôi có một kỷ niệm đáng nhớ là trong kỳ thi Tiến sĩ Sử học khóa đầu tiên (1972 – 1975) gồm 7 nghiên cứu sinh (2 người dạy học tại ĐHVK Sài Gòn, 1 người là Khoa Trưởng ĐHVK Cần Thơ, 1 người là Thanh tra Giám Sát Viện, 1 người dạy tại ĐH Cao Đài, 2 người dạy ĐH Huế là GS Trương Ngọc Phú và cá nhân tôi), GS Nguyễn Thế Anh làm chánh chủ khảo. Kỳ thi này có những vấn đề tế nhị, vì thế mà GS Châu Long, thành viên hội đồng giám khảo, đã tuyên bố từ chức. Cũng nên biết rằng, trường ĐHVK Sài Gòn vẫn chưa cấp phát văn bằng Tiến sĩ cho bất cứ nghiên cứu sinh nào kể cho đến tháng 4 năm 1975.

Được biết GS Nguyễn Thế Anh hiện đang sống cùng gia đình tại Paris, Pháp. Chúng tôi từ ngày ra nước ngoài đến nay vẫn chưa một lần gặp lại.

5. GS Lâm Ngọc Huỳnh (1965 – 1970):

Người gốc miền Bắc, về giảng dạy tại Văn khoa Huế sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ Xã hội học ở Pháp. Thầy dáng người thấp, mắt đeo kính cận rất nặng, ăn nói nhỏ nhẹ, nghiêm trang nhưng rất hiền từ. Vợ thầy là cô Trương Tuyết Anh cũng là người miền Bắc, dạy môn Anh văn cho tôi ở lớp dự bị văn khoa. Thầy về nước từ 1962 thì phải? Vì năm đó bà Trương Tuyết Anh, bắt đầu dạy học cho các sinh viên năm đầu đại học. Thầy Huỳnh chính thức đảm nhiệm chức Khoa Trưởng văn khoa khi thầy Anh lên làm Viện Trưởng.

Tôi được học môn xã hội học với thầy trong chứng chỉ “Nhân chủng học” của năm thứ 4 (1965-

1966) để hoàn tất văn bằng Cử nhân giáo khoa Sử học. Thời gian thầy Huỳnh làm Khoa Trưởng thì tôi ra tranh cử chức chủ tịch BDD sinh viên Văn khoa và đã đắc cử. dịp này, chúng tôi cũng đã giúp được cho thầy nhiều vấn đề liên quan đến sinh viên, nhất là giai đoạn mà nhiều cuộc đình công và bãi khóa thường xuyên xảy ra. Khi qua Mỹ, tôi được nghe là thầy cô nay đã định cư ở Mountain View (CA) gần thành phố San Jose, nơi gia đình tôi đang sinh sống. Tôi cố gắng tìm cách liên lạc với thầy cô nhưng không ai biết được địa chỉ cả. Chúng tôi có nghe nói, thầy đã qua đời cách đây 4-5 năm về trước. Thật tiếc, chúng tôi vẫn cố gắng tìm cách liên lạc với cô Trương Tuyết Anh, phu nhân của thầy để mời về tham dự ngày họp mặt của gia đình ĐH Huế vào ngày 02/08/2015 vừa qua, nhưng cuối cùng vẫn không ai tìm được số điện thoại của cô.

6. GS Nguyễn Quới (1970 – 1971):



Người gốc Quảng Ngãi thì phải, dáng người trung bình, khuôn mặt thông thái. Thầy có nụ cười hiền hòa, dễ gần gũi. Theo như GS Đoàn Khoách, thì GS Quới là người sinh viên Văn khoa Huế đầu tiên nhận lãnh văn bằng Cử nhân Văn khoa (giáo khoa Văn chương Pháp) tại ĐH Huế. Người

sinh viên đầu tiên ấy, trong những ngày mới thành lập viện nay là Khoa Trưởng ĐHVK (1970-71) sau khi thôi làm Khoa Trưởng ĐHSP (1968-70).

Thầy Quới rất giỏi tiếng Pháp ngay từ hồi nhỏ vì thân phụ nguyên là giáo sư Pháp văn của trường Quốc Học Huế. Thầy Quới còn là GS Anh văn của Tiểu chủng viện Phú Xuân, Huế (1956-58) theo lời kể của cựu dân biểu Nguyễn Đức Cung, người học trò cũ của Thầy. Thầy đã được đi du học Pháp để lấy văn bằng Tiến sĩ và trở lại Huế để phục vụ như ước nguyện của thầy và dưới sự động viên của Linh mục Cao Văn Luận. Đầu năm 1971, cá nhân tôi về dạy học tại ĐHVK Huế và được làm việc với GS Quới trong tư cách là giảng huấn đoàn văn khoa, tôi cảm thấy quý mến thầy ngay từ buổi gặp gỡ đầu tiên.

Có điều này tôi muốn kể lại về thầy Quới.

Số là đầu xuân năm 1971, trường Văn khoa có ra số báo xuân với sự đóng góp bài vở của giáo sư và sinh viên, thầy Quới cho mời tôi vào văn phòng Khoa Trưởng, thầy nói: “Anh Cai, tôi nhờ anh việc này, anh viết cho tôi lá thư của thầy Khoa Trưởng chúc Tết toàn thể giáo sư và sinh viên trong dịp xuân này để đăng vào tờ Đặc San Văn Khoa.” Tôi hơi ngớ ngàng không dám nhận. Thầy Quới vỗ vai tôi và nói “Tôi biết anh Cai viết báo, viết văn hồi còn học ở Sài Gòn. Anh cố gắng giúp tôi.” Tôi đã không dám từ chối trước sự chân thật của thầy khi thầy nói thêm “Nếu viết bằng tiếng Pháp thì tôi viết dễ dàng và nhanh lắm nhưng viết bằng tiếng Việt thì tôi không quen.” Chuyện này tôi kể lại chỉ muốn chứng minh sự chân thật của vị Khoa Trưởng mà mình rất kính mến dù thời gian cộng sự với thầy chưa được 1 năm, thì thầy rời chức vụ để đi đảm nhiệm vai trò Nghị sĩ của Thượng Viện VNCH vào cuối năm 1971 tại Sài Gòn (và lại ,trong một buổi họp mặt thân mật của gia đình Văn khoa, thầy Quới đã cười, nhìn tôi và đã kể lại chuyện này cho các đồng nghiệp nghe). Tôi không được tin tức gì của thầy từ ngày ra hải ngoại. Gọi điện thoại hỏi thăm GS Khoách thì rất may cô Thanh Tâm, phu nhân của thầy và là cô giáo của nhà tôi, đề nghị tôi gọi điện thoại hỏi thăm chị Thân Thị Nhân Đức, nguyên giáo sư trường Đồng Khánh thì biết được tin tức thầy Quới. Nhờ vậy, tôi được biết rằng thầy Quới đã qua định cư tại Pháp và đã qua đời cách đây 3 năm. Xin kính dâng lên thầy một nén hương tưởng nhớ của một người cộng sự cũ hồi ở ĐHVK Huế.

7. GS Dương Đình Khôi (1971 – 1975):

Vị Khoa Trưởng Văn khoa sau cùng cho đến tháng 4 năm 1975 là GS Dương Đình Khôi. Khi còn theo học chương trình cử nhân Sử học (1962-66), tôi đã học với thầy Khôi hai năm cuối về môn Lịch sử Cổ đại Hy Lạp – La Mã. Thầy có dáng dấp của nhà thông thái nhưng lại hết sức bình dị, khuôn mặt thầy hiền từ lộ rõ bên ngoài. Thầy rất dễ thân thiện và dễ gần gũi. GS Lê Thanh Minh Châu qua điện đàm cho biết thêm về thân thế của thầy Khôi. Thầy là con thứ của BS Dương Đình Liễu rất nổi tiếng ở Huế, em ruột của BS Dương Đăng Bảng. GS Khôi du học và lấy bằng Tiến sĩ ngành Sử học tại Đại học Belgique. Về nước, thầy dạy ở Văn khoa Huế và đảm trách vai trò Tổng thư ký Viện Đại học Huế,



đồng thời kiêm nhiệm Khoa Trưởng Văn khoa Huế từ 1971 đến tháng 4 năm 1975. Tôi may mắn là học trò cũ của thầy. Hai năm cuối của chương trình cử nhân, tôi thường đạt điểm cao nhất về môn Cổ Sử Hy-La của thầy. Mỗi tương quan thầy trò tốt đẹp từ đó đã cho phép tôi được gần gũi thầy nhiều hơn

khi tôi trở lại trường cũ trong cương vị thành viên giảng huấn đoàn, phụ trách các lớp cử nhân ngành Sử học.

Thường cuối tuần, thầy cô hay mời vợ chồng chúng tôi đến nhà dùng cơm tối ở cư xá giáo sư, phía đối diện với trụ sở Viện Đại Học Huế trên đường Lê Lợi. Tình cảm thầy trò sâu đậm đã khiến mối tương quan giữa thầy và tôi không còn khoảng cách. Những năm tháng sau hiệp định Paris (1973), tình hình miền Nam càng ngày càng phức tạp. Áp lực tấn công quân sự của Cộng Sản Hà Nội ngày càng mạnh lên các tỉnh địa đầu, thầy thường đem nỗi lo âu đó thảo luận cùng tôi. Đến khi tình hình vùng địa đầu quá nghiêm trọng, dân chúng Huế bắt đầu di tản vào Đà Nẵng, cá nhân tôi cố gắng tìm thầy Khoa Trưởng để thăm hỏi về gia đình thầy ra sao. Mà lạ, trong suốt gần tháng trời ở Đà Nẵng, tìm tới trụ sở tiếp cư tạm thời của Viện Đại Học Huế, tôi không bao giờ gặp được vị thầy hiền từ, kính mến của tôi nữa. Rồi, tôi tìm cách về Sài Gòn bằng đường biển trên chuyến tàu Pioneer của Hoa Kỳ, ở đó tôi đã gặp lại thầy Viện trưởng Lê Thanh Minh Châu (cuối tháng 3 năm 1975). Sau tháng tư đen 1975, tôi đưa gia đình trở lại Huế để trình diện viện đại học theo lệnh của ban Quân Quản thành phố Sài Gòn. Tại văn phòng trường Đại học Văn khoa Huế, tôi không gặp được GS Dương Đình Khôi. Người trách nhiệm điều hành trường Văn khoa lúc này là chị Thái Thị Ngọc Dư, tiến sĩ địa lý học ở Pháp về dạy tại đây từ 1972. Rồi ngày 09/06/1975, tôi bị công an Huế đến nhà đọc lệnh bắt khẩn cấp đưa đi cải tạo.

Đầu năm 1982, sau gần 7 năm tù tội, tôi được trả tự do và sau đó về cư ngụ tại vùng kinh tế mới ở Phú Cường, Đồng Nai để đoàn tụ với vợ con và gia đình. Mãi sau này, khi tới Hoa Kỳ năm 1994, qua các vị GS của Viện, các bạn sinh viên cũ, tôi mới được biết tin tức về giáo sư Khôi. Thầy cô lúc

đó vẫn còn ở lại Huế và cuộc sống khá chật vật, khó khăn. Điều an ủi là cháu Dương Đình Khánh, con trai của thầy cô học rất giỏi, theo ban chuyên toán của thành phố Huế. Cháu vào khoảng tuổi con trai của tôi, mặt mũi khôi ngô tuấn tú. Thường vào dịp đầu năm, vợ chồng chúng tôi đều đến chúc Tết thầy cô vào ngày mùng 1. Cô Hạnh Phước, phu nhân của thầy, cũng là cô giáo dạy lý hóa của nhà tôi hồi ở trường Đồng Khánh, Huế. Lúc được lì xì, cháu Khánh lí nhí cảm ơn và chúc Tết lại với những câu nói rất ngây ngô, thật dễ thương. Đó là hình ảnh mà cá nhân tôi nhớ mãi. Bây giờ tuổi của cháu chắc cũng đã trên 45 rồi.

Cách đây cũng đã khá lâu, chúng tôi nghe tin thầy đã qua đời ở Huế. Tôi lặng người nhớ lại những ngày tháng cũ ở trường Văn khoa, những ngày tháng làm việc với thầy, nhớ lại khuôn mặt thông thái và hiền từ của thầy, thế mà giờ đây thầy không còn nữa... Một nén hương lòng dâng lên vị thầy cũ và là vị giáo sư Khoa trưởng Văn khoa Huế sau cùng của miền Nam.

Tính từ 1957 đến tháng 4 năm 1975, trường ĐHKV Huế đã trải qua 7 đời Khoa Trưởng. Từ LM Cao Văn Luận, GS Lê Văn Diệm đến vị cuối cùng là GS Dương Đình Khôi, kéo dài trong khoảng thời gian 18 năm ngắn ngủi. Thời gian hiện diện trong chức vụ Khoa Trưởng của các vị ấy không dài nhưng đã đóng góp cho quốc gia biết bao nhân tài đáng nể trọng, đã tạo cho Huế đô một sắc thái đặc thù trong giao tiếp giữa các nền văn minh đông tây. Là một sinh viên Huế của đầu thập niên 1960, rồi là một thành viên giảng huấn đoàn Văn khoa Huế vào đầu thập niên 1970, lúc nào tôi cũng nghĩ đến Viện đại học Huế như là một biểu tượng của miền Trung, và cảm thấy thực sự tự hào là thành viên của đại gia đình Đại Học Huế.

(Linh mục Cao Văn Luận đã qua đời ở Petaluma, California; GS Lê Văn Diệm qua đời ở Việt Nam; GS Huỳnh Đình Tế qua đời tại Norwalk, Cali; GS Nguyễn Thế Anh hiện đang sống ở Pháp; GS Lâm Ngọc Huỳnh qua đời ở Mountain View; Cali, GS Nguyễn Quới qua đời ở Pháp và GS Dương Đình Khôi cũng qua đời tại Việt Nam) ./.

San Jose, những ngày vào Đông...
(“Chuyện Kể Của Người Tù Mang Số BD490”)

LÊ ĐÌNH CAI

THỰC CHẤT CHIẾN DỊCH QUÂN SỰ ĐẶC BIỆT CỦA NGA TẠI UKRAINE



THIỆN Ý

Có điều, dù cuộc chiến tranh xâm lược Ukraine của Nga chấm dứt cách nào, cuối cùng quân xâm lược Nga cũng sẽ thất bại thảm hại, trước tinh thần chiến đấu kiên cường, cao độ bảo vệ tổ quốc của quân dân Ukraine.

Qua các phương tiện truyền thông cho thấy, sau nhiều ngày chuẩn bị chuyển quân đến biên giới phía Đông của Ukraine, sáng sớm 24/2/2022, Nga phát động và tiến hành “chiến dịch quân sự đặc biệt” tại nước láng giềng Ukraine. Hoa Kỳ và các nước đồng minh NATO lập tức thực hiện các biện pháp cấm vận Nga chưa từng có, như đã cảnh báo trước, rằng nếu Nga xâm lược Ukraine sẽ phải trả giá.

Trong bài phát biểu trực tiếp trên truyền hình sáng 24/2, Tổng thống Nga Vladimir Putin thông báo triển khai chiến dịch đặc biệt nhằm bảo vệ người dân tại Cộng hòa nhân dân Donetsk (DPR) tự xưng và Cộng hòa nhân dân Luhansk (LPR) tự xưng tại Donbass, miền đông Ukraine; mà trước đó vài ngày Nga đã đơn phương công nhận. Nhà lãnh đạo Nga tuyên bố “*nước này đã, đang và sẽ tôn trọng chủ quyền của các quốc gia mới được thành lập trong không gian hậu Xô-viết*”.

Cũng trong tuyên bố trên truyền hình ngày 24/2, Tổng thống Nga Putin đã nói rõ là nhằm đáp lại đề nghị của lãnh đạo các nước Cộng hòa tự xưng vùng Donbass, ông đã quyết định tiến hành chiến dịch quân sự đặc biệt ở Ukraine để bảo vệ người dân “*khỏi việc bị đối xử tồi tệ và nạn diệt chủng do*



Một cảnh hoang tàn ở ngoại ô Kyiv chính quyền Kiev gây ra trong 8 năm qua”(2014-2022). Nhà lãnh đạo Nga nhân mạnh Moscow không có kế hoạch chiếm các vùng lãnh thổ của Ukraine và cho biết chiến dịch này được tiến hành nhằm phi quân sự hóa Ukraine.

Cho đến nay (22-4-2022) ‘chiến dịch quân sự đặc biệt’ này của Nga đã bước qua ngày thứ 56 và được Nga tuyên bố là đã hoàn tất giai đoạn một (I) đang thực hiện giai đoạn hai (II) và kế tiếp có lẽ sẽ phải cần thêm giai đoạn ba (III) để hoàn thành tham vọng thành đạt tất cả các mục tiêu chủ yếu của chiến dịch đặc biệt; như Tổng thống Nga Putin đã công bố trong ngày đầu tiên phát động “chiến dịch quân sự đặc biệt” trên đất nước Ukraine và chi tiết hóa với mục đích tuyên truyền cho “chính nghĩa xâm lăng” trong những ngày tiến hành chiến tranh khốc liệt và tàn bạo đã qua và vẫn đang tiếp tục với mức độ mở rộng và cường độ lên đến đỉnh cao của sự tàn bạo. Thực tế này cho thấy Nga đã hoàn toàn thất bại trong ý đồ “đánh nhanh, thắng nhanh” phải chuyển qua kế hoạch đánh lâu dài. Vì Nga đánh giá sai về tinh thần chiến đấu quyết liệt và kiên cường chống xâm lăng, bảo vệ đất nước của quân dân Ukraine; cao hơn nhiều so với tinh thần chiến đấu quân đội Nga khi bó buộc phải tham gia một cuộc chiến phi nghĩa trên một đất nước từng là “đồng chí anh em” trong Liên Bang Xô –Viết cũ. Cho dù Nga có sử dụng các thứ chủ nghĩa không tưởng làm mục tiêu chiến tranh, như “chống chủ nghĩa dân tộc cực đoan”, “phi phát-xít hóa” không hề có ở Ukraine, vẫn không nâng cao được tinh thần chiến đấu của binh sĩ.

Vậy thì, thực chất cũng như thực tế “Chiến dịch quân sự đặc biệt” do Nga phát động và tiến hành trên đất nước Ukraine gần hai tháng qua là gì? Qua cung cách phát động và diễn biến tình hình thực tế của “chiến dịch quân sự đặc biệt” mà Nga phát động và tiến hành gần hai tháng qua, một cách khách quan ai cũng thấy và không thể định nghĩa khác hơn, đó là “cuộc chiến tranh xâm lược Ukraine của Nga”.

Vì thực tế là, Nga đã đem quân tiến chiếm nhiều vùng lãnh thổ kể cả bao vây, tấn công thủ đô Kiev của Ukraine trong nhiều ngày không thành phải tự động rút lui. Nga đã huy động một quân số đông đảo, với trang bị và sử dụng những khí tài quân sự tối tân nhất, đủ loại trên không, dưới đất, ngoài biển... Vì thế, chỉ sau 56 ngày tiến hành chiến tranh, bom đạn của Nga đã cày nát nhiều vùng, làm sụp đổ nhiều thành phố trên đất nước Ukraine. Nhiều người dân thường cũng như quân đội vệ quốc Ukraine đã chết dưới làn bom đạn của quân xâm lược Nga. Qua hình ảnh tàn phá, chết chóc của một cuộc chiến tranh tổng lực có tính hủy diệt của chính quyền Nga, đã gây phẫn nộ và kinh ngạc. Vì không ngờ trong thời đại này Nga lại có những hành động xâm lăng trắng trợn và chiến tranh xâm lược tàn bạo như thế... Nhưng ai cũng hiểu, tất cả hành động chiến tranh có tính hủy diệt, tàn bạo này của Nga chỉ là nhằm khuất phục chính quyền của Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky bằng khủng bố, dùng sức mạnh quân sự áp đảo, để buộc chính quyền này phải chấp nhận thực hiện các chủ trương chính sách đối nội cũng như đối ngoại theo sự áp đặt của Nga, đại để như:

(1) Ukraine phải sửa Hiến pháp, chuyển đổi qua thể chế trung lập theo kiểu nào Nga muốn.

(2) Ukraine phải không được gia nhập tổ chức NATO, phi quân sự hóa với một số ràng buộc khác.

(3)- Ukraine phải công nhận bán đảo Krimea của Ukraine mà Nga cưỡng chiếm năm 2014, sẽ vĩnh viễn sáp nhập vào lãnh thổ Nga.

(4) Ukraine phải công nhận độc lập của hai cộng hòa tự xưng Donetsk and Luhansk vốn thuộc lãnh thổ Ukraine mà Nga đơn phương thừa nhận chỉ hai ngày (22-2-22) trước khi khởi binh xâm lược Ukraine (24-2-2022)..

(5) Ukraine phải “phi chủ nghĩa tân phát-

xít”, quyền tự do học tập, phát triển ngôn ngữ và văn hóa Nga trên đất Ukraine.v.v

Qua các yêu sách phi lý trên, ai cũng thấy là chính quyền Nga Putin quá ngang ngược, trắng trợn, ý mạnh hiếp yếu. Vì có bao giờ chính quyền độc lập nước này lại có thể ép buộc chính quyền độc lập nước khác phải thực hiện chính sách đối nội hay đối ngoại thế này hay thế khác, như Nga đang làm với Ukraine? Chính vì vậy mà, hầu hết chính quyền và nhân dân các quốc gia trên thế giới đều lên tiếng bênh vực mạnh mẽ và có hành động trợ giúp mọi mặt, nhất là về mặt kinh tế và khí tài quân sự, để giúp quân dân Ukraine có thể và lực đập tan cuồng vọng xâm lăng của chính quyền Nga Putin. Vì thực chất cũng như thực tế, đây là một cuộc chiến tranh xâm lược thực sự của Nga, một cường quốc hùng mạnh bậc nhất thế giới; đối với một quốc gia Ukraine láng giềng nhỏ yếu hơn Nga nhiều mặt, nhất là mặt sức mạnh quân sự, quốc phòng. Mặc dù nhà lãnh đạo Nga Putin có nhấn mạnh rằng Moscow “*không có kế hoạch chiếm các vùng lãnh thổ của Ukraine*”, nhưng thực tế cho thấy đây chỉ là ngụy biện của Tổng thống Nga Putin cho hành động chiến tranh xâm lược của mình.

Vì rằng, với bất cứ lý do gì, một nước đem quân đánh chiếm nhiều vùng lãnh thổ của một nước độc lập có chủ quyền khác, cùng là hội viên Liên Hiệp Quốc, đều bị coi là hành động xâm lăng, theo đúng ý nghĩa chân chính của cụm từ ngữ “chiến tranh xâm lược”. Đồng thời, hành động xâm lăng Ukraine của Nga rõ ràng không những vi phạm trắng trợn luật pháp quốc tế, mà còn chà đạp lên Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, mà Nga với tư cách Hội viên thường trực Hội đồng Bảo an LHQ, hơn ai hết có nghĩa vụ duy trì và bảo vệ hòa bình thế giới, phải chấp hành.

Tiếc rằng, vì quyền lợi chính trị, kinh tế ràng buộc với nước Nga, một thiểu số các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, (*một nước từng là nạn nhân bị Trung Quốc xâm lăng tàn bạo cũng vào tháng 2, ngày 17 năm 1979*)(*) dù thâm tâm có lẽ cũng biết rõ thực chất “Chiến dịch quân sự đặc biệt” của Nga là một cuộc chiến tranh xâm lược Ukraine, phi chính nghĩa. Nhưng thực tế Việt Nam cũng như thiểu số các quốc gia vị kỷ khác, vẫn không giám gọi đích danh là “Cuộc chiến tranh xâm lược Ukraine của Nga”.

Thực tế, qua các phương tiện truyền thông và cửa miệng của các lãnh đạo hàng đầu các chính phủ vị kỷ, bất chấp công lý, đạo lý liêm sỉ này, vẫn phải gọi theo cách nói của Nga là “Chiến dịch quân sự đặc biệt”. Đồng thời, qua các nghị quyết của Liên Hiệp Quốc lên án hành động quân sự của Nga và đòi quân Nga rút khỏi Ukraine lập tức, vô điều kiện; hay Nghị quyết khai trừ Nga khỏi Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc... Đa số 193 nước hội viên LHQ đều đã bỏ phiếu thuận. Trong khi thiểu số đại diện các quốc gia vị kỷ này đã bỏ phiếu trắng, một thiểu số ít hơn còn bỏ phiếu chống lại các Nghị quyết chính đáng phải làm của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc.

Hệ quả thực tế tất nhiên là thiểu số các quốc gia vị kỷ này, dù vẫn giữ quan hệ ngoại giao với Ukraine, song đã không giáng lên tiếng hay có hành động nào có ý nghĩa bênh vực nước Ukraine bị Nga xâm lăng; hay có nghĩa cử gì đáng kể để chia sẻ mất mát lớn lao, tình cảnh tang thương của đất nước và nhân dân Ukraine, do cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo của Nga gây ra trong gần hai tháng qua và có thể kéo dài vô định. Vì tất cả tùy thuộc vào ý đồ tiến hành chiến tranh của bên xâm lược Nga. Còn chính quyền và nhân dân Ukraine ai cũng biết là nạn nhân của cuộc xâm lăng, luôn mong muốn chiến tranh xâm lược của Nga sớm chấm dứt để được sống trở lại trong hòa bình, độc lập, tự do, hạnh phúc như đời sống an bình thịnh trị trước chiến tranh xâm lược của Nga khởi sự từ ngày 24-2-2022.

Có điều, dù cuộc chiến tranh xâm lược Ukraine của Nga chấm dứt cách nào, cuối cùng quân xâm lược Nga cũng sẽ thất bại thảm hại, trước tinh thần chiến đấu kiên cường, cao độ bảo vệ tổ quốc của quân dân Ukraine, với sự trợ giúp dồi dào vũ khí tối tân của các nước, đứng đầu là Hoa Kỳ và các nước trong khối NATO, cũng như sự đồng tình ủng hộ của hầu hết chính phủ các quốc gia và nhân dân trên toàn thế giới. Vì đã như một quy luật được lịch sử chứng minh trong bất cứ cuộc chiến tranh phi nghĩa nào, dù kéo dài bao lâu, cuối cùng cũng phải thất bại và nhận lãnh hậu quả không lường../.

THIỆN Ý

Thiện Ý nguyên luật sư tại Sài Gòn trước 1975, hiện là Chủ tịch Câu Lạc bộ Luật khoa Việt Nam ở Houston.

TẠM CHIA TAY

Kính gửi Bạn thơ



Gần nhau rồi lại phải xa nhau
Biết viết chi cho voi mỗi sầu
Thế cuộc đổi thay, tình mấy ngả
Không gian phân cách, chuyện nương dâu
Chia tay mong đợi ngày tao ngộ
Thỏa nghĩa thân thương thuở bạc đầu
Có nhớ, có yêu, nên khắc khoải
Ghi lòng: Tạm biệt chẳng dài lâu...

Tôi đi nổi lại nhịp cầu
Gia đình đoàn tụ, ngậm câu an bình
Ơn trên nhờ Đấng Cao Xanh
Ban hồng ân xuống dân lành đoàn viên
Hết còn phân tán triền miên
Hết còn cảnh sống bầy chiền lạc đàn
Nguyện cầu thế giới mở màn
Gieo tình bác ái, chiêu an hận thù
Cho đời sống đẹp như ... THO
Cho nhân loại hưởng giấc mơ thanh bình
Không còn súng đạn phân ranh
Không còn kẻ Sở đấu tranh người Tần
Tình người phủ khắp cõi trần
Nhà nhà an lạc, hoa xuân reo cười
Muôn dân cuộc sống vui tươi
Tình thương yêu khắp bầu trời hoan ca
Đôi vắn gửi Bạn gần, xa
Thương nhau, xin phổ bài ca tương phùng ...!

NGUYỄN VĂN AN

MẮT BIẾC VÀ NGƯỠNG CỬA TRƯỜNG LUẬT



Ls. LÊ CÔNG TÂM

Cũng như bao nhiêu chàng trai trẻ khác ở lứa tuổi chuẩn bị bước chân vào khung trời đại học với những giấc mơ được thành tựu trong một xã hội hiện đang chìm đắm trong một cuộc chiến tranh thảm khốc và dai dẳng. Phần lớn ai cũng muốn sau khi rời khỏi ngưỡng cửa trường trung học được tiếp tục thành tựu trong những lĩnh vực huy hoàng và vững chắc, nhất là thành phần nam giới. Hầu hết, đều muốn được thâm nhập vào các trường y, nha, dược, khoa học, công chánh, kiến trúc... là những ngành phải qua một kỳ thi tuyển khó khăn và tốn kém. Kể đến mới kể tới các ngành khoa học nhân văn và xã hội như luật khoa, văn khoa.

Vi thế khi ở các lớp trung học đệ nhị cấp, sau khi tốt nghiệp văn bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp là mọi người phải bắt đầu chuẩn bị một hành trình rông rã ba năm trời, các lớp đệ tam, đệ nhị và đệ nhất, chưa kể phải đậu Văn Bằng Tú Tài Đệ Nhất Cấp, kế tiếp lại là Tú Tài Toàn Phần. Nếu không vượt qua hai rào cản này, thì đành phải hát bài con đường chinh chiến rất gần với anh...

Tôi đã chọn ban A, ban Vạn Vật, với giấc mơ của cô Perrette trong chuyện ngụ ngôn của La Fontaine, học hành khá chăm chỉ, đặc biệt với những bộ môn Toán, Lý Hóa và Vạn Vật. Nhờ những năm đầu trung học được rèn luyện kể cả bị phạt vì kỷ luật liên miên tại trường Ký Túc Xá Đồng Công, Thủ Đức, tôi vượt qua rào cản Tú Tài 1 không khó vào thời điểm năm 64, gần một năm sau chính biến 1963. Kỳ thi Tú Tài của năm 64 là một dấu mốc



Đường Đồng Khánh, Ty Cảnh Sát Quốc Gia Q5 góc ngã tư Đồng Khánh – Lương Nhữ Học

lịch sử mà hầu hết mọi thí sinh nam giới nếu phải đi thi vào năm này sẽ không ai có thể quên được cái ký ức kinh hoàng. Đó là năm thi tú tài mà thí sinh bị đánh rớt nhiều nhất vì vấn đề động viên quân dịch. Thí sinh rơi rụng quá nhiều đến nỗi một tờ nhật báo lớn đã vẽ tranh hí họa chiếc quan tài chở mảnh bằng tú tài trong đó. Những ai thi đậu được tiếp tục hoãn dịch và học tiếp lên đại học. Năm đệ nhất tôi theo học tại trường Trung Học Hưng Đạo ở đường Cống Huỳnh của thầy Nguyễn Văn Phú làm Hiệu Trưởng, tôi học chung với Huỳnh Thanh Trà, sau này là tài tử đóng trong phim Loan Mắt Nhung.

Đây là một kỷ niệm đẹp, tôi còn nhớ hoài, Huỳnh Thanh Trà dáng người thon thả, giọng nói nhẹ nhàng của một người miền Nam, học hành cũng rất giỏi, nhưng sau này lên đại học và ra đời chúng tôi không bao giờ có cơ hội gặp lại nhau dù chỉ trong khoảnh khắc...và cũng không nghĩ anh ta trở thành một nam tài tử nổi tiếng.

Nhà tôi ở đường Đồng Khánh đối diện với cư xá sĩ quan cảnh sát Quận Năm. Đây là một chung cư hai tầng có tất cả 13 căn, được xây dựng theo lối kiến trúc Pháp từ cuối thế kỷ 19. Đứng từ lan can nhà tôi có thể nhìn thấy rõ sinh hoạt của các gia đình sĩ quan cảnh sát này mà thời đó được gọi là biên tập viên cảnh sát. Phần lớn con cái của những người này là bạn bè của tôi từ lúc thiếu thời. Ngày nào tôi cũng sang đó vui chơi với những người bạn này cho mãi đến đêm mới chạy về nhà vào những năm thanh bình hay cả những thời gian loạn lạc,

giới nghiêm. Tôi chỉ chạy vụt trong khoảnh khắc là về nhà tôi bên kia đường. Nơi chúng tôi ở được coi là trung tâm điểm của Chợ Lớn - thủ phủ của người Việt gốc Hoa.

Một trong số những người bạn của tôi, có một người tên Hóa, nhà ở căn số 2. Hóa cũng cỡ trạc tuổi của tôi hay lớn hơn một vài tuổi, tính tình vui vẻ, Hóa rất khôi hài với nụ cười lúc nào cũng bắt đầu với cái nhìn. Gia đình Hóa rất đông con. Hóa là con riêng của bố anh ta, trong khi đó bà mẹ ghê của anh thì lại có một người con gái riêng, Bé Hai và kể đến là những người con cùng cha khác mẹ với Hóa.

Kể đến là căn nhà số 3, của một người sĩ quan cảnh sát khác, gia đình này có quốc tịch Tây, chủ nhà có một người em vợ mang cấp bậc trung tá Thủy Quân Lục Chiến, ông này có một bộ râu hàm yén thật đặc biệt, vì tôi còn bé nên cũng không nhớ đến tên tuổi của ông ta, chỉ biết một điều thật đặc biệt mà ít ai nhắc đến, ông ta là người tình của nữ Nghệ Sĩ Cải Lương Thanh Nga. Lý do chắc chắn mà tôi vẫn còn nhớ rõ trong ký ức là mỗi lần nghệ sĩ Thanh Nga đến thăm ông tại căn nhà này, dân chúng hiếu kỳ, nhất là trẻ con đều bu lại chung quanh người nghệ sĩ tài danh và vẫn số ấy. Sau này, mối tình trên cũng không thành, bởi vì Thanh Nga lập gia đình với ông Đồng Lân và chúng tôi không còn thấy cô ấy đến cư xá này nữa

Căn nhà số 7 là nhà của một người bạn của tôi cũng tên Jacques, nó cũng lớn hơn tôi đến vài tuổi, sau này đi lính lực lượng đặc biệt. Nhà của Jacques có người chú hay cậu gì đó là Thiếu Tường Đoàn Văn Quảng, tư lệnh Lực Lượng Đặc Biệt. Cuối tuần ông ta, thường hay về nhà này, mỗi lần về xe Jeep đậu trước nhà tôi với đầy ắp những người lính cận vệ...

Câu chuyện tôi kể lang bang phía trên nó mừng tượng như chuyện cuốn phim classic của Alfred Hitchcock “The Rear Window” do hai tài tử nổi tiếng đóng James Stewart và Grace Kelly, tuy nhiên tình tiết khác nhau. Câu chuyện phim có tính cách trinh thám, hư cấu, còn câu chuyện của tôi mô tả sinh hoạt xã hội của một thế giới thật nhỏ, được cô đọng trong ký ức bé thơ của một thiếu niên vừa mới lớn, và vẫn tiếp tục ám ảnh tôi mỗi khi hồi tưởng lại.

Trở lại câu chuyện gia đình Hóa, người bạn

của tôi và Bé Hai người em “con anh, con tôi” của Hóa. Đây là câu chuyện chính chủ đề của bài tạp ghi này. Câu chuyện về Bé Hai, người con gái đã làm thay đổi một phần nào giấc mơ tuổi trẻ của tôi. Bé Hai lớn hơn tôi ít nhất là từ 3 đến 5 tuổi. Trong cư xá cảnh sát Quận 5 này, Bé Hai là người thiếu nữ đến tuổi cập kê xinh đẹp nhất. Đặc biệt Bé Hai có cặp mắt biếc, sâu, đẹp tuyệt vời, với đôi làn mi cong nằm dưới đôi chân mày đậm đen, đã biến gương mặt trắng mịn của Bé Hai thành một vẻ đẹp huyền thoại mà sau này tôi chỉ mừng tượng nhìn thấy lại ở nét đẹp của những người nữ diễn viên Trung Hoa trong các phim kiếp hiệp. Vào thời buổi xa xưa ấy, trong một khu xóm nhỏ nằm lạc lõng trong một thành phố hoàn toàn đặc thù của người Hoa, có một người con gái với một sắc đẹp lộng lẫy là một điều hiếm có. Mẹ Bé Hai cũng chẳng phải là một người đàn bà có nhan sắc gì. Những sự kiện này cứ ám ảnh tôi mãi sau này.

Trong xóm ai cũng trộm nhìn cái nhan sắc dậy thì của Bé Hai, từ bé tới lớn. Bé Hai có một người yêu tên là Oanh, ở cùng cư xá, dãy đằng sau. Oanh là anh của một trong những thằng bạn của tôi. Chẳng hiểu tại sao, một người con trai miền Nam lại có cái tên ngộ nghĩnh như vậy. Oanh là một sĩ quan không quân, tốt nghiệp tại Mỹ. Trong xóm ai cũng đều biết mối tình này. Ai cũng mong đợi, để xem đám cưới của Bé Hai và Oanh.

Trên thực tế, Mối tình của Bé Hai và Oanh không suông sẻ như bao nhiêu mối tình khác. Gia đình bên Oanh không chấp nhận Bé Hai như một người con dâu trong tương lai, mặc dầu gia đình hai bên cũng không có gì cách biệt, cả hai người bố đều là sĩ quan cảnh sát tương đồng. Nhưng không biết vì lý do gì, sau đó đôi tình nhân đã chia tay. Oanh nhập ngũ và đi Mỹ học để trở thành phi công chiến đấu. Một ít lâu sau Bé Hai cũng gia nhập quân đội trở thành một nữ quân nhân. Mọi người đều bàng hoàng, khi thấy tự nhiên Bé Hai vắng bóng trong cư xá, và đột nhiên một hôm trở về trong bộ quần áo lính.

Tôi hỏi Hóa, được biết Bé Hai đã nhập ngũ và làm việc tại một quận lỵ hẻo lánh ở miền Tây. Câu chuyện về Bé Hai lần hồi nhạt phai trong sinh hoạt hàng ngày của cái cư xá nhỏ bé này. Bằng đi một hai năm sau đó, riêng tôi cũng đang chuẩn bị để vào đại học, câu chuyện người con gái hàng xóm có

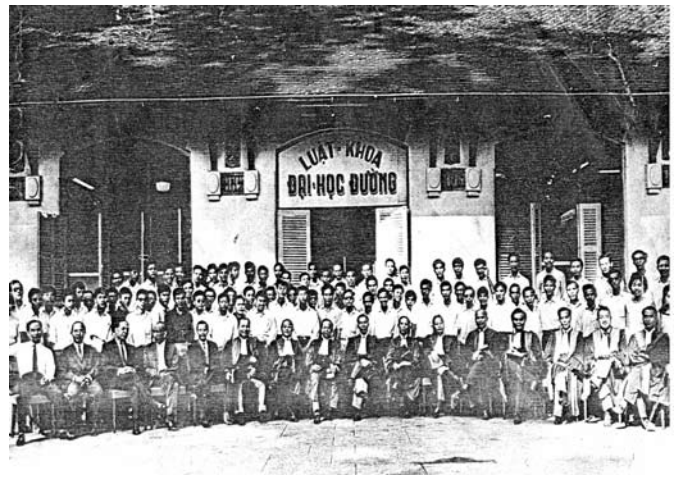
đôi mắt biếc thật buồn rồi cũng nhạt phai theo ngày tháng.

Một hôm bỗng dưng tôi nhìn sang bên nhà Hóa thấy mọi người tụ về, khóc lóc âm ỉ, nhất là bà mẹ của Bé Hai. Tôi lần sang hỏi thăm Hóa. Người bạn tôi mặt buồn, khóe mắt ứa lệ. Hóa cho tôi biết Bé Hai đã chết. Tôi bàng hoàng sửng sốt, thoáng nghe như tiếng sét đánh ngang tai. Cuộc chiến miền Nam đang đến độ bùng phát dữ dội vào thời điểm ấy. Cái chết của những người trong quân ngũ là chuyện thường tình. Nhưng cái chết của Bé Hai là một điều bí ẩn. Không thấy xác được đưa về, không thấy có đám ma. Mãi về sau, có một lần Hóa tâm sự và tôi cũng nói chuyện được với người mẹ của Bé Hai, nội dung câu chuyện thật mơ hồ. Có tin là Bé hai đã tự vẫn, tin khác là Bé Hai bị ghen tuông, bị đánh đập hay bị đầu độc. Có quá nhiều tin đồn từ hàng xóm trong cư xá. Đại để là Bé Hai trở thành một người tình của viên trưởng đồn hay quận trưởng gì đó, có thai rồi tự tử... nhưng theo lời người mẹ kể cho tôi nghe là khi bà đi nhận xác Bé Hai, thân thể tím bầm, và người ta không cho mang xác về. Rồi câu chuyện cũng chìm xuống như bao uẩn khúc xảy ra trong cuộc chiến triền miên này.

Riêng tôi, từ đó tôi mang một nỗi buồn không định nghĩa được, trong tâm trí tưởng tượng của một người thanh niên mới lớn, bỗng dưng nổi lên một niềm uất hận vì những bất công của chiến tranh. Những đêm tối đứng thừ người trên lan can nhà mình nhìn sang nhà Hóa tôi vẫn mường tượng như nhìn thấy hình bóng một người con gái có đôi mắt buồn vời vợi. Tôi nhớ đến những kỷ niệm thật đẹp mà Bé Hai vẫn thường đối xử với tôi như một người em trong gia đình, mỗi lần tôi sang chơi với Hóa, một đám con trai chúng tôi ngồi tán gẫu trước sân nhà, và Bé hai vẫn thường mang bánh kẹo hay trái cây cho chúng tôi ăn.

Bỗng dưng một ý nghĩ lạ kỳ hiện lên trong tâm trí tôi, tôi tự nhủ một ngày nào tôi lớn lên tôi phải trở thành luật sư hay thẩm phán để làm việc này cho ra lẽ. Từ đó, tôi không còn mơ mộng trở thành những ông bác sĩ, nha sĩ hay dược sĩ, kỹ sư như tôi thường mơ ước nữa. Tôi phải đi học luật cho bằng được.

Tôi bước vào ngưỡng cửa trường Luật những nôn nao và tự hào. Thế giới trường Luật rộng lớn hơn cái cư xá cảnh sát năm nào. Tôi rời khỏi



Chợ Lớn hòa nhập vào một khung trời mới. Những người bạn đồng môn, hoàn toàn khác hẳn với đám bạn thời thơ ấu tại cư xá. Trường Luật cũng có quá nhiều đôi mắt biếc và mỹ nhân. Giấc mơ đi tìm công lý cho Bé Hai đã mờ nhạt dần. Khi tốt nghiệp tôi đi tập sự cho văn phòng Thủ Lãnh Nguyễn Ngọc San. Văn phòng tôi đại diện cho hãng rượu Bia Con Cọp. Hàng ngày tôi phải ra tòa Lao Động để bảo vệ cho giới chủ nhân chống lại những khiếu nại của nhân viên, nhất là những người phụ nữ lao động bị sa thải khi có thai nghén, hay đau ốm, hoặc không được lòng thượng cấp. Vì công việc, vì tương lai tôi đối đầu với công lý.

Tôi không bao giờ quên được hình ảnh một người đàn ông mỗi tuần đều ra hầu tòa Lao Động, ông ta tự biện hộ cho người vợ là nhân viên của hãng Máy Bay Pan Am, bị sa thải vì thai nghén. Sự kiên nhẫn của ông ấy mỗi khi tòa đình hoãn vụ kiện do bên luật sư đối phương kéo dài vụ kiện khiến tôi để ý đến con người này. Oái oăm thay, sau này khi tôi lập gia đình với nhà tôi, người đàn ông này là anh em cột chèo với tôi. Anh ấy là chồng của bà chị lớn nhà tôi!!!

Định mệnh và cuộc sống đẩy đưa, tôi không bao giờ có cơ hội đi tìm công lý cho Bé Hai dù đã chọn ngành luật. Thình thoảng trong ký ức, hình ảnh của Bé Hai sống lại một cách mãnh liệt trong niềm ân hận của tôi.

Mắt biếc và ngưỡng cửa trường Luật không còn nữa, có chăng chỉ nằm trong ký ức của tôi hay trong những giấc mơ thổn thức..../

Fountain Valley, Mùa Thu 2022.
Ls LÊ CÔNG TÂM

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC PHÉP BÍ TÍCH VÀO LUẬT PHÁP



NGUYỄN VĂN BÌNH

Không ai có thể phủ nhận rằng Thiên Chúa Giáo đã có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài đến nhiều quốc gia ở Tây Phương. Thời phong kiến, các vua ở Tây Phương khi lên ngôi hầu hết cần sự chuẩn thuận và nhận phép lành từ Đức Giáo Hoàng. Cho đến nay, hầu hết các bản Hiến Pháp và hệ thống luật pháp của nhiều quốc gia vẫn còn chịu ảnh hưởng của giáo lý Thiên Chúa Giáo. Tại Hoa Kỳ, chúng ta thấy hàng chữ: In God, We Trust trên các tờ tiền mỹ kim và hình ảnh các vị Tổng Thống phải để bàn tay trên quyển Kinh Thánh khi tuyên thệ nhậm chức. Ngoài ra, trước khi chấm dứt bài diễn văn, các chính trị gia của Hoa Kỳ thường nói câu: God bless America.

Đạo Công Giáo có 7 phép bí tích: Rửa Tội, Thêm Sức, Rước Mình Thánh Chúa, Giải Tội, Hôn Phối, Xức Dầu và Truyền Chức Thánh. Bí tích là dấu chỉ hữu hiệu bề ngoài được Chúa Giêsu thiết lập và trao lại cho Hội Thánh để chỉ ý nghĩa và chuyển thông ơn bên trong giúp ta được nhiều ơn thánh.

Riêng luật pháp có mục đích giữ an ninh trật tự trong xã hội và diu dắt người dân thành công dân tốt hữu dụng cho quốc gia.

Trong bài viết này, chúng tôi đặc biệt lưu tâm đến Bí Tích Rửa Tội và Bí Tích Hôn Phối, vì hai bí tích này có ảnh hưởng đến luật pháp của nhiều quốc gia.

I- BÍ TÍCH RỬA TỘI VÀ LUẬT PHÁP:



Rửa Tội là bí tích đầu tiên trong 7 phép bí tích do Thiên Chúa lập ra. Trước khi về Trời, Chúa Giêsu đã nhắn nhủ với các môn đệ như sau: *Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.*

Những điểm tương đồng giữa bí tích Rửa Tội và Luật Pháp, chúng tôi thấy như sau:

a/ Tuổi tác:

Trẻ Em hay người lớn chưa hề rửa tội có thể nhận bí tích Rửa Tội. Trẻ em dưới 6 tuổi phải được cha mẹ cho phép hay người lớn thì phải có lòng mong muốn rửa tội. Về luật pháp, trẻ em khi sinh ra được cha mẹ làm giấy khai sinh. Trẻ em, sẽ mang quốc tịch của cha mẹ hay nơi quốc gia mà mình sinh ra. Riêng người lớn từ một quốc gia khác muốn mang quốc tịch của quốc gia mình cư ngụ phải có lòng mong muốn.

b/ Gia nhập Hội Thánh Công Giáo hay là công dân của quốc gia:

Người sau khi chịu phép Rửa Tội sẽ được gia nhập Hội Thánh Công Giáo. Người có quốc tịch thành công dân của quốc gia mà mình có quốc tịch.

c/ Chọn Tên thánh hay Tên trẻ sơ sinh:

Người được Rửa Tội phải chọn tên thánh bổn mạng. Về luật pháp, trẻ làm giấy khai sinh phải được cha mẹ đặt tên.

Người lớn gia nhập quốc tịch có thể giữ tên cũ hay chọn tên mới cho mình.

d/ Phải học giáo lý hay luật lệ :

Ngoại trừ trẻ sơ sinh, những ai muốn được rửa tội phải học giáo lý. Người xin vào quốc tịch phải học tổ chức công quyền, luật lệ và phải qua kỳ thi khảo hạch.

e/ Những lợi ích được hưởng:

Người được phép Rửa Tội được xóa sạch tội tổ tông và những tội mình làm trước kia và được phép tiếp tục hưởng những bí tích còn lại của hội thánh. Người có quốc tịch được hưởng mọi quyền lợi như quyền ứng cử, đi bầu, an sinh xã hội v.v. của quốc gia mà mình có quốc tịch.

II - BÍ TÍCH HÔN PHỐI VÀ LUẬT PHÁP:

Bí tích Hôn Phối là việc hai tín hữu Kitô, một nam một nữ ưng thuận kết ước thành vợ chồng trước mặt Thiên Chúa và Hội Thánh. Trong kinh thánh có ghi đoạn Chúa Giêsu trả lời những người Pha-ri-sêu rằng có được phép bỏ vợ mình vì bất cứ lý do gì không? Chúa trả lời: *“Từ thuở ban đầu, Đấng Tạo Hóa đã tạo dựng nên con người có nam, có nữ và người nam sẽ lìa bỏ cha mẹ mà gắn bó với vợ mình”*. Và Chúa còn nói: *“Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly”*.

Những điểm tương đồng giữa bí tích Hôn Phối và Luật Pháp về Hôn nhân như sau:

a/ Giới tính:

Bí tích Hôn Phối đòi hỏi phải là sự kết hợp giữa người Nam và người Nữ. Luật pháp hầu hết của các quốc gia cũng đòi hỏi hôn nhân phải là sự kết hôn giữa đôi nam nữ.

b/ Tuổi tác:

Hội Thánh Công Giáo đòi hỏi người nữ tối thiểu phải là 14 tuổi và nam là 16 tuổi. Tuy nhiên, Hội thánh thường làm hôn phối cho những đôi nam nữ có tuổi tương xứng với luật pháp ngoài đời qui định là 18 tuổi, là lớp tuổi đã trưởng thành.

c/ Mục đích:

Bí tích Hôn Phối là đón nhận ơn Chúa nhằm chu toàn hai mục tiêu của đời sống hôn nhân và gia đình. Đó là giúp phát triển tình yêu, tương trợ, bổ túc cho



nhau trong mối liên hệ và chủ yếu là trong đời sống tình dục. Đó n g

thời hướng dẫn việc sinh sản và giáo dục con cái.

Hôn nhân ngoài đời cũng nhằm phát triển tình yêu giữa đôi vợ chồng và cùng nhau xây dựng mái gia đình hạnh phúc.

d/ Những cản trở làm Bí Tích Hôn Phối và Hôn Nhân vô hiệu:

Một trong những ngăn trở sau đây đều làm cho bí tích Hôn Phối và Hôn Nhân trở thành vô hiệu:

- Không có sự ưng thuận tự nguyện của đôi nam nữ
- Có sự bắt lức của một trong hai người kết hôn
- Ngăn trở vì có dòng máu theo trục hệ theo hàng dọc (không được lấy mẹ vợ hay con riêng của vợ) hay bàng hệ theo hàng ngang đến 4 đời (anh chị em không được lấy nhau)
- Ngăn trở vì chức thánh hoặc lời khấn trọn đời trong dòng tu. Ngăn trở do mưu sát người phối ngẫu, ngăn trở dưỡng hệ và ngăn trở về công hạnh.

Tóm lại, bí tích Hôn Phối và Hôn Nhân ngoài đời có nhiều điểm tương đồng có mục đích phát triển tình yêu giữa đôi nam nữ để xây dựng mái gia đình hạnh phúc.

Chỉ có vài điểm khác biệt giữa Hôn Nhân và Bí Tích Hôn Phối. Đó là Bí tích Hôn Phối là Đơn Hôn (một vợ một chồng) và Vĩnh Hôn nghĩa là bất khả phân ly, không ly dị vì hôn phối chỉ chấm dứt khi một trong hai người qua đời. Trong khi đó, hiện nay luật pháp cho phép các đôi nam nữ có quyền xin ly dị nhau, dù phải qua một số đòi hỏi và thử thách hòa giải./.

NGUYỄN VĂN BÌNH



VIỆN BẢO TÀNG NGƯỜI VIỆT TỰ DO ÚC CHÂU

Một công trình kiến trúc độc đáo
Một di sản ý nghĩa và giá trị cho thế hệ mai sau

Xin hãy cùng nhau đóng góp xây dựng
VIỆN BẢO TÀNG Người Việt Tự Do

Mỗi Gia Đình Một Viên Gạch (500 Úc kim)
Đóng góp từ \$500 trở lên, sẽ được khắc tên trên
"Bức Tường Tri Ân" mãi mãi (30 ô)

Liên lạc:

- Đồng môn Lâm Hữu Lộc
+61 425 806 006



Đóng góp:

- **Chuyển ngân:**
- Electronic Fund Transfer
Vietnamese Museum Holding Ltd
Bank: Commonwealth Bank of Australia
BSB: 063 009
Account Number: 1074 1697
- PayPal / Thẻ tín dụng qua Raisely:
www.vietnamesemuseum.com.au
- **Sưu tầm và trưng bày:** Xin gửi tới Viện Bảo Tàng những câu chuyện, kỷ vật trong hành trình tỵ nạn của quý vị.

Xin ghé vào trang mạng của Viện Bảo Tàng:

- www.vietnamesemuseum.com.au
- info.vma@vietnamesemuseum.com.au
- VMA YouTube Channel
- www.facebook.com/VietMuseumAus
- PO. Box 2362, Footscray, VIC 3011 Australia



Kính thưa Quý Thầy, Cô, Niên Trưởng, Đồng Môn,

Tôi tên Lâm Hữu Lộc, đồng môn Trường Luật Đại học Cần Thơ và Sài-gòn, định cư tại Melbourne, Úc Châu, từ năm 1980.

Cộng đồng người Việt Tự Do được sự tài trợ từ Chánh Phủ Tiểu Bang Victoria \$4.45 triệu và Chánh Phủ Liên Bang \$9.7 triệu và Cộng Đồng Việt Nam cần đóng góp \$3,85 triệu để xây dựng Viện Bảo Tàng Người Việt Tự Do (VBT) trị giá 18 triệu Úc Kim. VBT sẽ là nơi:

- Lưu trữ di sản của người Việt tỵ nạn
- Truyền cảm hứng cho thế hệ mai sau
- Sinh hoạt cộng đồng đa văn hóa v.v..

Tháng 9/2021 tôi được đề cử làm Giám Đốc và tháng 10/2021 tôi được yêu cầu đảm nhiệm Trưởng Ban Gây Quỹ VBT. Công việc này có muôn vàn khó khăn vì tình hình dịch Covid 19, nhiều chương trình gây quỹ bị hủy bỏ, Ban Gây Quỹ cần ngân khoản để tiến hành xây cất trong năm 2022 để kịp khánh thành Viện Bảo Tàng ngày 30/4/2025 kỷ niệm 50 năm định cư người Việt tỵ nạn tại Úc và thế giới.



VIỆN BẢO TÀNG Người Việt Tự Do

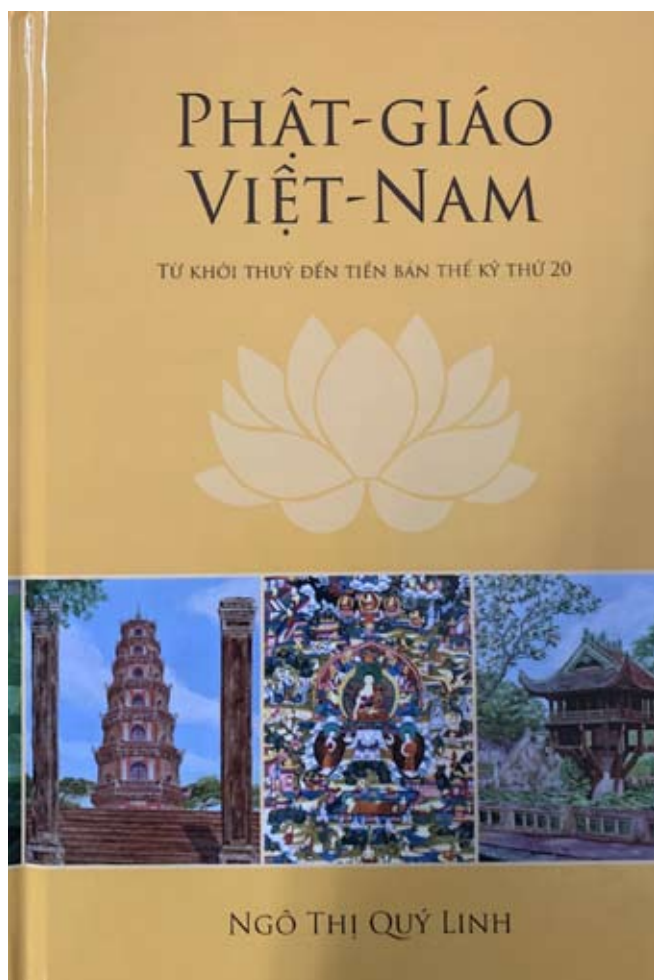
Xin Quý Thầy, Cô, Niên Trưởng, Đồng Môn ủng hộ và phổ biến chương trình xây dựng Viện Bảo Tàng Người Việt Tự Do để công trình được hình thành.

Xin liên lạc đồng môn Lâm Hữu Lộc để biết thêm chi tiết:

- Điện thoại: +61 425 806 006, via Viber, WhatsApp
- Email: loclam1@gmail.com hay loc.lam@vietnamesemuseum.com
- Web: www.vietnamesemuseum.com.au

Kính Chúc Quý Thầy, Cô, Niên Trưởng, Đồng Môn và gia đình sức khỏe, bình an.

GIỚI THIỆU SÁCH **PHẬT GIÁO VIỆT NAM**



Phật-giáo đã đến nước Việt từ hai ngàn năm trước và trở thành một phần trong lịch sử nước Việt. Quyển sách này xin được viết cho những người cùng quan tâm đến lịch sử nước Việt biết thêm một khía cạnh tín ngưỡng, văn học, mỹ thuật trong đời sống người Việt theo dòng lịch sử.

Ngày nay dẫu theo văn-minh học-thuật phương Tây, chúng ta cũng không

quên nguồn gốc cũ. Tuy đạo Nho đã có thời kỳ thịnh phát trong bảy thế kỷ từ nhà Trần đến nhà Nguyễn, đạo Phật với lý thuyết sâu sắc, thâm trầm đã luôn luôn thăng trầm cùng với lịch sử nước Việt. Đạo Phật, cùng với đạo Nho và đạo Lão mà người mình vẫn thường gọi là tam-giáo, đã tạo nên nhân sinh quan vững chắc cho người dân Việt. Đạo lý Phật-giáo đã thâm nhuần sâu xa vào trong tâm hồn người Việt, trong mọi lĩnh vực văn học, nghệ thuật, triết lý, nhân sinh.

Mục đích khiêm nhường của tập sách này là ghi chép lại một số ảnh hưởng của đạo Phật trong xã hội Việt-Nam từ khi du nhập đến giữa thế kỷ thứ 20. Qua lịch sử, mỹ thuật và văn chương, chúng ta thấy cách dân tộc Việt quan niệm về các “vẻ mẫu nhiệm” của đạo Phật. Sự biểu hiện của đạo Phật qua từng giai đoạn lịch sử cho thấy sự áp dụng thực tế của đạo Phật trong xã hội.

Sách bìa cứng, 566 trang, khổ 7 in. x 10 ¼ in.

Sách có hơn 30 hình đen trắng và hơn 100 hình màu về các chùa ở Việt-Nam, từ ngôi chùa cổ nhất đến các chùa được xây dựng vào thế kỷ thứ 20, hình Phật, các bồ tát, thiên sư, v.v...

Sách gồm ba phần: lược sử, chùa chiền, văn thơ, và một Bảng Tự-Vựng khoảng 650 chữ thấy trong các sách viết về đạo Phật.

Sách *Phật-Giáo Việt-Nam* do Amazon phát hành.

About Us

Saiborne offers software consulting services to help companies meet their business objectives and get the most value out of their software products. If it's anything related to software, we can help you with our team of technical experts.

Founded in San Diego, CA by Paul Nguyen, a Perspectium co-founder who lead Perspectium's technical teams until its acquisition by BitTitan and Idera, Saiborne features a roster of Software, QA, DevOps, Support and Implementation Engineers with over 75 years of tech industry experience.



Our Services

Onboarding and Implementations

Purchase new software or your customers need help getting up and running? We'll help you "go live" with the solution

Software Development

Augment your internal development teams and/or do the complete development for new software, modules and features

Technical Support

We can support you, your users and customers whether its first response or escalated technical support

Pre-Sales Engineering

We have technical resources to demo, POC and help sell your software as well as architect the best solution for your needs

DevOps and Operations

Helping you deploy software and operate your infrastructure using industry standards and best practices

...and Other Services

Our team has done it all with software in various forms, including SaaS, iPaaS and standalone applications. We can help you with creation to release and anything in between.



Our Process

The steps we take to ensure a successful partnership:

1. Contact info@saiborne.com with what you're looking to do
2. Work together to scope out the requirements and create a Statement of Work of services we'll deliver
3. Meeting to kick off the projects and services
4. Regular updates provided until project completion or on-going as long as services active
5. Escalation point available at all times for any issues
6. Project wrap up and transition over to your proper teams on project completion



GIA ĐÌNH LUẬT KHOA BẮC CALIFORNIA

